

LANH THẠNH KIM

QUYỀN TRỊ TRUNG HÒA

TẬP 2



NHÀ
XUẤT
BẢN
VĂN
HÓA

LÃNH THÀNH KIM

QUYỀN TRÍ TRUNG HOA

TẬP II

ÔNG VĂN TÙNG và NGUYỄN ĐẮC THANH *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

***Dịch từ nguyên bản Trung Văn "TRUNG QUỐC QUYỀN TRÍ"
do Nhà Xuất bản "Đoàn kết xuất bản xã"
ấn hành tại Bắc Kinh năm 1996.***

PHẦN THỨ BA

VẬN TRÍ

LỜI NGƯỜI VẬN TRÍ

Thích Tử: Trí là biết vậy. Không có điều gì là không biết vậy.

Lão Tử nói: Không biết lẽ thường, làm càn, dữ.

Sử ký: Lỗ Trọng Liên nói: Người biết không bỏ phí thời cơ, coi thường điều lợi.

Lão Tử nói: Thành công không chiếm lấy, phạm những gì không chiếm lấy thì sẽ không bao giờ bỏ ta mà đi.

Trang Tử: Trí lớn thì nhàn hạ, trí bé thì vất vả.

Lão Tử nói: Đi ngàn dặm đường, bắt đầu từ chân.

Thi Tử: Khổng Tử nói với Tử Hạ: "Người có biết vua không?" Tử Hạ đáp: "Cá không có nước ắt cá chết, nước không có cá thì không còn là nước vậy".

Tuân Tử nói: Nói có thể chuốc lấy họa, làm có thể rước lấy nhục, cẩn thận người quân tử mới đứng vững được.

Hán thư: Tư Mã Tương Như truyện: Người sáng suốt trông thấy cái chưa manh nha, mà kẻ có trí tránh được cái nguy khi còn vô hình.

Tô Thúc hỏi: Kẻ áp bức người thì trí cạn, kẻ bị áp bức thì trí sâu, không phải là vì tài khác nhau, mà chính là ở cái thể khác nhau vậy.

Hoàng Thạch Tử nói: Lấy nghĩa chống với phi nghĩa như dùng nước Hoàng Hà Trường Giang để dập tắt lửa, lâm vào thể bất trắc quá đầy sắp đổ, bấy giờ mới khắc chế được.

Tô Thúc nói: Cái khôn mà người đời thường nói là biết cái lợi hại của thiên hạ mà xem xét, tính kế được thua, chỉ có thể mà thôi. Cái khôn mà người ngày xưa thường nói, là biết tính lợi hại được thua của thiên hạ mà nhường quyền cho người khác.

Tôn Tử nói: Biết người biết mình, trăm trận không thua, không biết người mà biết mình, một thắng một thua. Không biết người, không biết mình, trận nào cũng thua.

Thương Quân thư: Giỏi trị người, làm Đạo Chích cũng tin, không giỏi trị người làm Bá Di cũng ngờ.

Giả Nghị nói: Trí đủ là để mưu việc nước. Đức hạnh đủ là để làm thầy cho người. Người đủ là để tiếng cho trên dưới. Nước có phép ắt giữ lấy vua mắc nạn thì phải chết. Gọi là đại thần vậy.

Lão Tử nói: Công thành danh toại, thân hư, đạo của trời đất.

Tôn Tử nói: Việc binh là giả dối, vì vậy giỏi thì tỏ ra không giỏi, dùng lại tỏ ra không dùng, gần mà lại tỏ ra xa, xa thì làm

ra về gần, dùng lợi để dụ, gây loạn mà lấy, lấy thực chất mà phòng bị, mạnh thì tránh đi, nóng giận thì gây rối, rứt rề thì làm cho kiêu, nhàn thì làm cho mệt mỏi, thân thiết thì làm cho xa cách. Đánh lúc không phòng bị, ra khi không ai ngờ.

Thi Tử: Mặt trời ở trong giếng, tất không soi dọi được xa. Mặt ở dưới chân, không thể nhìn thấy gì. Vua mà có nước, như trời có mặt trời. Ở không cao tất không thông suốt, nhìn không cao tất không thấy xa.

Thuyết Uyển: Dự biết mà ngăn trước, khiến cho vua vượt được mà chiếm lấy chốn hiển vinh, đó là thánh thần (bề tôi sáng suốt) vậy. Xét sáng nhìn tối sớm phòng sự thành bại mà cứu, đó là trí thần vậy. Giữ cái chung theo phép, không nhận hối lộ nhất nhạn, đó là chính thần vậy. Thân chết cho yên, không hối vì điều đã làm, đó là trực thần vậy. Giữ yên chúc quan để hưởng bổng lộc, nổi chìm với đời, đó là cụ thần vậy. Ăn cắp dung cho điều xấu, vui theo đời, không lo gì đến cái hại về sau, đó là du thần vậy. Điều gì thích thì nêu cái đẹp giấu cái xấu, điều gì thoái thác thì nói rõ cái sai mà giấu cái hay của mình, đó là gian thần vậy. Trong thì xa tình thân cốt nhục, ngoài thì ghen ghét triều thần, đó là sàm thần vậy. Lợi dụng mệnh vua để mưu quý hiển cho bản thân mình, đó là tặc thần vậy. Lấy lời gièm pha làm ác, đuổi chúa bất nghĩa, đó là vong quốc chi thần vậy.

35. KHÔNG ĐÁNH MÀ THẮNG

Thế nào là một cuộc chiến thành công nhất? Và thế nào là tác động mạnh mẽ nhất của cuộc chiến?

Hơn hai nghìn năm trước, nhà quân sự đại tài Tôn Tử đã trả lời những câu hỏi ấy một cách rõ ràng. Trong "Binh pháp Tôn Tử", thiên Muu công, ông đã viết: "không đánh mà quân của kẻ khác phải khuất phục, thế mới là người giỏi của những người giỏi". Theo Tôn Tử, nếu dốc sức đánh bại đối phương, thì cũng chưa có gì đáng kể lắm. Chẳng qua là sau cuộc chiến, có kẻ thắng người thua mà thôi, chứ chưa có tác động gì đáng kể. Nếu đánh chiếm được thành trì của đối phương mà không tổn thất thái quá, thì chẳng qua cũng là do biết vận dụng sách lược và chiến thuật tương đối khéo léo. Tác động mạnh mẽ nhất trong một cuộc chiến được hình thành khi không cần dùng đến gươm đao mà đối phương phải đầu hàng. Trên thực tế, khi ấy không hề có chiến tranh. Tôn Tử là một nhà quân sự lớn, nhưng ông lại chủ trương xóa bỏ chiến tranh, phủ định chiến tranh. Điều đó thể hiện rõ ràng sắc thái nhân văn chủ nghĩa cổ đại và tức khắc chinh phục được lòng người. Nhưng liệu có mấy ai có thể đạt được như vậy?

Không đánh mà kẻ khác phải khuất phục, thế mới là "người giỏi của những người giỏi" ý nói không dùng thù đoạn chiến tranh mà chỉ dùng phương pháp ngoại giao hoặc dùng lý để giữ đất nước mình, giữ vững uy thế của đất nước khiến nước khác chủ động quy phục, tức là đạt tới địa vị cao nhất của chiến tranh. Nhưng trên thực tế, hàng ngàn năm lịch sử phong kiến Trung Quốc đã chứng minh rằng kẻ chủ động trong cuộc chiến không chỉ kết thúc bằng cách ký kết các hoà ước và chỉ ngừng chiến khi đã thiết lập được sự thống trị tuyệt đối của mình với đối phương; kẻ bị động thường không bỏ gươm đao mà bó tay chịu thất bại, nhất định phải bị đánh đến cùng đường mới chịu đầu hàng. Vì thế, trở nên "người giỏi của những người giỏi" chẳng qua chỉ là một lý tưởng khó thực hiện trong thực tiễn. Tuy nhiên, dù khó thực hiện đầy đủ, vẫn có thể hướng tới lý tưởng đó để chỉ đạo chiến tranh, giải quyết tốt hơn vấn đề chiến tranh, giảm thiểu tai họa cho xã hội. Do đó chiến tranh trong thực tế thông thường có thể phân thành ba loại: thứ nhất là thông qua ngoại giao (kỳ thực dựa trên sức ép quân sự) xóa bỏ chiến tranh; thứ hai là từ sự chuẩn bị đầy đủ về các mặt tư tưởng, xã hội quân sự để mau chóng giành được thắng lợi trong chiến tranh; thứ ba là chủ trương đề cao một quan niệm đạo đức nào đó để đối phó với cái xấu thì thường chỉ chuốc lấy thất bại. Những cuộc chiến tranh không có sắc thái chính nghĩa đó dù có khéo léo đến đâu cũng không đáng đếm xỉa đến.

Trong thời Chiến Quốc, ví dụ nổi tiếng nhất về việc so sánh lực lượng để đánh lui quân địch là cuộc giao tranh trên mặt bàn của Mặc tử và Công Thâu Bàn. Từ năm 447 đến năm 431 trước Công nguyên, Sở Huệ vương quyết mở mang bờ cõi, liên tục thôn tính các nước Trần, Thái, Kỳ, Cử làm cho nước Sở trải qua nhiều năm biến loạn, suy yếu, mãi về sau mới trở lại hùng mạnh. Nước Sở muốn thử sức cùng các cường quốc Tấn, Thái phía bắc thì trước hết phải chinh phục được nước Tống nằm giữa Sở và Tấn. Thế là vua Sở quyết định tấn công nước Tống.

Vua Sở dùng một người thợ rất nổi tiếng thời đó là Công Thâu Bàn. Công Thâu Bàn chế tạo các vũ khí mới để đánh thành như thang mây, xe húc, súng bắn đá, mũi tên liên châu... Thời đó, những vũ khí này đích thực có uy lực, rất có hiệu quả trong việc đánh phá thành lũy. Nước Sở một mặt chế tạo vũ khí mới, mặt khác ra sức tuyên truyền, gây dư luận, dùng chiến thuật đe dọa. Chiến thuật này quả nhiên có hiệu quả, vì xưa nay nước Tống đã bị Sở xâm lược quá nhiều, lần này, sự đe dọa đã khiến người Tống kinh hoàng, bế tắc. Tin tức này truyền đến Mặc tử, người sáng lập ra Mặc gia, Mặc tử nhân đó đưa ba trăm đệ tử chạy sang nước Tống. Mặc Tử chủ trương "kiêm ái" và "phi công", phản đối chiến tranh. Vì vậy nghe tin nước Tống lâm nạn, Mặc tử lập tức có mặt. Trước hết, ông bố trí các đệ tử đến các thành lũy của nước Tống và tự mình đi bộ sang nước Sở. Ông đi liên mười ngày mười đêm,

bàn chân sưng rộp tóe máu, phải lấy vải băng lại cuối cùng cũng đến được Sinh đô, kinh thành nước Sở.

Sứ mạng của Mặc tử đến nước Sở là thuyết phục vua Sở không tiến công nước Tống. Nhưng vua Sở quá tin vào vũ khí của Công Thâu Bàn, cho rằng chắc chắn đánh được nước Tống nên không chấp thuận yêu cầu của Mặc tử. Mặc tử bèn nói thẳng với vua Sở:

- Ngài có khả năng đánh, tôi cũng có khả năng giữ, ngài sẽ không đánh được.

Thế là vua Sở triệu Công Thâu Bàn đến để hai người so tài đánh trận xem ai có thể thắng. Mặc tử cõng dây lưng da khoanh tròn trên mặt bàn để làm thành lũy rồi lấy một số mẩu gỗ giả làm vũ khí đánh thành, hai người diễn tập trận đánh. Công Thâu Bàn đánh phá, Mặc tử phòng thủ. Công Thâu Bàn đào đường ngầm, Mặc tử dùng cách hun khói. Công Thâu Bàn dùng xe húc, Mặc tử lăn gỗ và dội mưa đá. Công Thâu Bàn dùng thang mây thì Mặc tử dùng tên lửa.

Công Thâu Bàn liên tục thay đổi phương pháp đánh thành, đều bị Mặc tử phòng giữ có hiệu quả, không thể đánh thắng. Công Thâu Bàn đã dùng hết các phương pháp đánh thành mà Mặc Tử vẫn còn vài cách phòng thủ chưa sử dụng. Vua Sở hiểu rõ là Công Thâu Bàn đã thua, nhưng Công Thâu Bàn vẫn nói: "Tôi biết cách đánh thắng nhưng tôi không nói". Mặc Tử đáp lại: "Tôi cũng biết ông có thể đánh thắng tôi bằng cách gì, tôi cũng không nói".

Huệ vương cảm thấy mơ hồ không rõ bèn đến gặp riêng Mặc tử để hỏi xem họ dùng cách nào để chiến thắng đối phương. Mặc tử nói thẳng với vua Sở: "Ý của Công Thâu Bàn đã rõ, ông ấy muốn nhường cho ngài giết tôi. Ông ấy cho rằng giết được tôi thì sẽ không có ai biết cách chống được phương pháp đánh thành của ông ta, thực ra không như thế. Khi đến đây tôi đã dự đoán được cách này nên đã phái học trò lớn của tôi là Cầm Hoạt Ly dẫn ba trăm học trò giúp người Tống giữ thành. Tôi đã đem toàn bộ các cách phòng giữ giao cho họ. Mỗi người trong họ đều có thể những phương pháp này để chống lại cách đánh của Công Thâu Bàn. Như vậy thì giết tôi có ích gì?" Mặc tử thấy vua Sở đã tin là mình bèn thành thật khuyên: "Nước Sở đất đai vuông tròn năm nghìn dặm, thật là đất rộng của nhiều, nếu các ngài dốc sức xây dựng, nhất định sẽ giàu nhất thiên hạ. Còn nước Tống ư? Đất đai không quá năm trăm dặm, của cải thì kém xa nước Sở, tôi thật không hiểu vì sao phải đi đánh nước Tống. Như vậy có phải là vứt cổ xe ngựa đẹp để lấy cổ xe nát của người ta, phải chăng là bỏ đi chiếc áo gấm để lấy của người khác cái áo ngắn rách nát?" Vua Sở nghe xong đỏ mặt, quyết định không đánh nước Tống nữa.

Cuối cùng, Mặc tử đã trừ bỏ được một tai họa cho nước Tống. Nhưng việc đó không phải do vua Sở có lương tâm hoặc hối hận sau khi được Mặc tử khuyên can, mà nguyên nhân căn bản chính là tương quan lực lượng quân sự. Sở dĩ Mặc tử công khai chỉ bảo cho vua Sở là do có hậu thuẫn của

sức mạnh quân sự. Nếu như không có hậu thuẫn đó mà muốn vua Sở từ bỏ việc dùng quân thì thật là không tưởng. Do đó, sức ép quân sự là điều kiện cơ bản để mở đường cho ngoại giao hòa bình. Nhưng cần phải nhận ra rằng đường lối ngoại giao hòa bình của Mặc tử chỉ tạm thời làm cho nước Tống tránh được tai họa chiến tranh, chứ không thể khiến quân Sở khuất phục và cũng không thể loại trừ tận gốc cái họa mất nước của nước Tống. Nếu muốn thực sự chủ động trong chiến tranh thì chỉ có một con đường là làm cho binh hùng nước mạnh.

Nếu có thể phân tích chính xác từ các mặt tư tưởng, xã hội thì đó là đã giành được "nhân hòa", và nếu thêm vào đó, nếu có sự chỉ huy đúng đắn cũng như sự chuẩn bị đầy đủ về quân sự, thì thường có thể nắm chắc được quyền chủ động trong chiến tranh. Phương pháp này rất phổ biến trong chiến tranh, nếu vận dụng tốt thì cũng là đạt trình độ khá cao.

Về mặt này, nước Lỗ đã thành công trong cuộc chiến Tề Lỗ ở Trường Chúc. Tề Hoàn công là một quân vương tài năng và mưu lược của nước Tề, nghe nói Quản Trọng là người hiền tài, đã lừa Quản Trọng ra khỏi nước Lỗ rồi phong Quản Trọng làm tướng quốc. Vua Lỗ biết tin thấy mình bị mắc lừa và xỉ nhục bèn mài giáo vỗ ngựa, chuẩn bị đánh nước Tề một trận cho hả giận. Tề Hoàn công biết tin cũng tích cực chuẩn bị đánh trước để răn đe. Quản Trọng cho rằng Tề Hoàn công mới kế vị, lòng dân chưa ổn định, chưa thể tính được việc binh đao. Trái lại Hoàn công chủ trương thể hiện

tài năng để thu phục lòng người. Theo nghĩ Quán Trọng, trước hết phải chuẩn bị tốt từng bước, từng phần về cả chính trị lẫn quân sự ở trong nước, điều đó đòi hỏi nhiều thời gian. Không thể nhần nại được, Hoàn công phái Bảo Thúc Nha làm đại tướng đem quân tiến đánh Trường Chuộc của nước Lỗ (nay ở phía bắc huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông).

Lỗ Trang công nổi giận, quyết cùng nước Tề phân thắng bại. Trang công có một đại thần tên là Thi Bá là người rất thận trọng. Thi Bá khuyên Trang công bớt giận rồi tiến cử một người văn võ toàn tài. Người này là một thương dân tên là Tào Quệ, Trang công sai Thi Bá chuẩn bị lễ vật để chiêu mộ Tào Quệ. Thi Bá gặp Tào Quệ và nói rõ mục đích viếng thăm. Tào Quệ nói: "Đánh trận là việc lớn của đất nước, các nhà quyền quý, các quan lớn thì có thịt ăn hàng ngày, đã có các vị đó lo liệu, cần gì đến những kẻ hèn mọn như chúng tôi" Thi Bá đáp: "Những người quyền quý, các bậc quan to có thịt ăn đều là những người mắt chuột thiên cận, không có mưu sâu kế lớn" Sau nhiều lời lẽ thuyết phục, Tào Quệ chỉ còn cách đi theo Thi Bá vào gặp Lỗ Trang công để tình hình biết rồi sẽ định liệu.

Lỗ Trang công hỏi Tào Quệ làm thế nào để đánh lui quân Tề? Tào Quệ lại hỏi lại Lỗ Trang công dựa vào đâu để đánh bại được quân địch. Lỗ Trang công nói: "Ta đây thường đem thức ăn, đồ dùng phát cho trăm họ. Ta tin rằng trăm họ chịu ơn công đức của ta sẽ cùng ta đi đánh người Tề. Tào Quệ đáp: "Đó chẳng qua chỉ là những ân huệ nhỏ nhoi, không

phải là những chính sách pháp lệnh lớn, không phải là những đường lối và việc làm của quốc gia. Vì vậy không thể vì thế mà được lòng tin của thần dân. Được hưởng những ân huệ nhỏ đó rút cục chỉ là một dùm người, làm sao thần dân tự nguyện bỏ mình vì ngài? "Trang công lại nói: "Ta đã tế lễ thần thánh, tổ tiên trâu vàng dê ngọc. Từ trước đến nay đều dâng hiến theo quy định, không có chút gì mạo trá. Lòng thành của ta nhất định sẽ chiếm được lòng tin của trăm họ. Sau cùng Trang công nói: "Các vụ tố tụng lớn nhỏ trong nước tuy không thể xem xét từng việc, nhưng ta luôn căn cứ tình hình cụ thể để quyết đoán, ta nghĩ rằng đó cũng là việc tốt". Lúc này Tào Quệ gật đầu: "Đó mới là mặt cơ bản chứng minh ngài quan tâm đến những thống khổ của nhân dân, nguyện làm rõ phải trái, trị nước sáng suốt, liêm khiết, chắc chắn sẽ được chúng dân tin nhiệm và bảo vệ. Bằng điều đó tôi nghĩ có thể đánh được nước Tề".

Quân hai nước Lỗ, Tề đánh nhau tại Trường Chuốc. Nước Tề ỷ vào thế quân đông, trước hết khua chiêng gióng trống tiến công. Lỗ Trang công không chịu nổi bèn cho Tào Tuế xuất quân nhưng Tào Quệ chỉ cho quân Lỗ dàn binh bố trận giữ nghiêm lệnh phòng ngự. Quân Tề thấy thế trận của quân Lỗ vững chắc, cò quạt rục rỏ, khó lòng đánh thắng, đành thu quân. Lần sau quân Tề lại tiến đánh, Tào Quệ vẫn phòng ngự như trước, quân Tề chỉ còn cách thu quân. Thống soái quân Tề thấp thỏm lo âu, nóng nảy cầu thắng, ra lệnh tấn công lần thứ ba. Lúc này quân Tề đã bại hoại, không còn khí

thế như trong hai lần trước nhưng quân Lỗ thì tràn đầy nhuệ khí. Đến lúc này, Tào Quệ mới nổi trống xuất kích. Chẳng mấy chốc đã đánh gục quân Tề. Quân Tề mất hết khí thế, không có cách chống đỡ, chỉ còn đường rút chạy. Lỗ Trang công thấy quân Tề rút chạy liền ra lệnh truy kích. nhưng Tào Quệ thận trọng trèo lên một chiếc xe cao, vịn vào thành xe để quan sát, thấy cờ sùy của quân địch nghiêng ngả, xe ngựa rút chạy tán loạn không còn hàng lối, đúng là rút chạy chứ không phải là dùng kế dụ địch, mới ra lệnh truy kích. Tất nhiên cuộc chiến ở Trường Chuốc kết thúc bằng đại thắng của nước Lỗ, cuối cùng nước Lỗ đã trả thù được chuyện Lỗ Trang công bị trúng tên trong trận chiến Tề Lỗ ở Ɣan Ỉ thời.

Khi tổng kết kinh nghiệm cuộc chiến, Tào Quệ đã chỉ rõ, quân sĩ ra trận thường thường là "nhất cổ tác khí, tái nhi suy, tam nhi kiệt" có nghĩa là lần xuất kích thứ nhất thì sĩ khí phấn chấn, lần thứ hai sĩ khí đã suy giảm và lần thứ ba thì cạn kiệt. Quân Tề xong trận ba lần, sức chiến đấu đã giảm sút. Quân Lỗ đầy nhuệ khí nắm chắc phần thắng. Lại nữa, Tề là nước lớn, có thể có phục binh, cho nên chỉ truy kích khi đã rõ quân Tề không dùng kế giả thua dụ địch.

Chiến thắng Trường Chuốc chủ yếu dựa vào hai điều: Một là, Tào Quệ hiểu rõ và lợi dụng được tâm lý và tình cảm của binh sĩ, nắm vững quy luật tác chiến, hơn nữa ông lại rất thận trọng và quả đoán không để mất thời cơ, có chiến lược chiến thuật cụ thể để giành thế chủ động. Hai là, nhân tâm có thể

thu phục, cuộc chiến Trường Chuộc là cuộc chiến bảo vệ đất nước của nước Lỗ nên có sắc thái chính nghĩa nhất định. Điều quan trọng hơn nữa là người cai trị nước Lỗ đã khiêm nhường, sáng suốt, có uy tín nhất định, dân chúng tự nguyện chiến đấu. Hai nhân tố này cùng phát huy tác dụng, người Lỗ mới giành được thắng lợi trong trận Trường Chuộc. Thực ra, nhân tố đầu tiên chỉ là việc vận dụng chiến thuật cụ thể, còn nhân tố thứ hai mới là căn bản, nếu lòng dân không thu phục được thì mọi chiến thuật đều vô dụng.

Một sự tương phản đã diễn ra trong một cuộc xung đột lớn giữa nước Lỗ và nước Trâu. Trong cuộc giao tranh giữa hai nước, quan lại nước Lỗ chết ba mươi ba người mà binh sĩ và dân thường không ai thiệt mạng. Trâu Mục công không hiểu nổi bèn hỏi Mạnh tử: "Những người này không vì cấp trên mà hy sinh, nếu đem giết họ thì họ quá nhiều, không thể phạt quá nhiều người, giết họ không đành. Họ mang oán thù, nhìn thấy cấp trên bị giết mà không xả thân để cứu, nếu không giết họ thì lại là dung tha tội. Như vậy, phải làm cách nào cho được?" Mạnh Tử đáp: "Mỗi lần mất mùa đói kém, thần dân của ngài như thế nào? Những người già chết đói bị vùi dập dưới các nương, rãnh; người trẻ thì lưu lạc sang nước khác có đến hàng ngàn người. Kho gạo của ngài thì đầy đủ, trong các phủ chất đầy của cải, nhưng các quan lại không trình báo lên ngài; như vậy là đối vua giết hại dân thường. Các quan lại như thế có đáng chết không?" Đó là điều Tăng Tử đã nói: "cho gì được nấy", đối xử với người khác như thế nào thì cũng nhận

được sự báo đáp như thế. Ở đây có sự tương phản rõ rệt giữa nước Trâu và nước Lỗ.

Tất nhiên, muốn không đánh mà thắng thì phải đảm bảo là nước giàu quân mạnh, nhất là phải chiếm được lòng tin và ủng hộ của dân chúng. Muốn dùng "nhân nghĩa" đơn thuần để đánh đổ "vũ lực" thì chỉ chuốc lấy thất bại. Trong thời kỳ Xuân Thu còn xuất hiện một nhân vật "kỳ tài" như vậy, đó là Tống Tương công, người thầy lớn về "Nhân nghĩa".

Tống Tương công nguyên muốn làm bá chủ, nhưng không ngờ lại bị nước Sở bắt tại cuộc họp các chư hầu, may được công tử Mục Di tìm cách cứu viện mới trở về được nước Tống và lại lên ngôi. Sau khi về nước, Tống Tương công rất tức giận nhưng không dám gây chiến với nước Sở, bèn đi đánh nước Trịnh, vì trong cuộc họp các chư hầu nước Trịnh đã đề xướng việc tôn nước Sở làm minh chủ. Tuy công tử Mục Di và một số đại thần không tán thành đánh nước Trịnh, nhưng Tống Tương công vẫn cho xuất quân.

Nước Trịnh lập tức cầu cứu nước Sở, vua Sở dùng kế vây Ngụy cứu Triệu, sai Thành Đắc Thần và Môn Bột đem quân trực tiếp đánh Tống. Tống Tương công bắt đắc dĩ phải theo quân về cứu Tống. Quân hai nước Tống và Sở gặp nhau tại Hoảng Thủy, ở hai bờ nhìn nhau. Công tử Mục Di và một số người cho rằng quân Sở binh hùng tướng mạnh, quân Tống bất tất phải chống chọi với kẻ mạnh, hướng chỉ người Sở chẳng qua chỉ muốn để cứu Trịnh, nay quân Tống hà tất phải

gây chiến. Tống Tương công tự lại cho rằng người Sở là man di, binh lực quá thua mà nhân nghĩa lại thiếu không thể chống lại được vị tướng nhân nghĩa. Thế là, Tương công sai người thêu lên lá cờ lớn hai chữ to "nhân nghĩa" với ý lấy nhân nghĩa đánh đổ vũ lực. Tống Tương công tự lừa mình và lừa người tựa hồ trong lòng mình có phép bảo trụ tà. Nhưng người man di đã không hiểu nổi văn minh trung nguyên, tất nhiên không hề khiếp sợ, mà trống dong cò mở còn giữa ban ngày quyết vượt sông.

Công tử Mục Di nói với Tống Tương công: "Người Sở vượt sông giữa ban ngày là có ý coi thường chúng ta, thừa dịp chúng kinh thường, ta đánh khi chúng chưa qua hết sông, nhất định sẽ thắng". Tống Tương công vẫn cho rằng đã là Tướng nhân nghĩa thì không cần dùng thủ đoạn đánh giữa sông. Do đó quân Tống đã để mất cơ hội tiến công.

Đội khi quân Sở đã qua sông hết nhưng chưa chinh đồn được đội ngũ, công tử Mục Di lại kiến nghị nhân lúc quân Sở chưa chinh đồn xuất kích thì sẽ thắng lợi. Tống Tương công cho rằng thời cơ xem xét và đánh giá mình đã tới nếu giữ đến cùng thành tướng nhân nghĩa chân chính. Tống Tương công liền mắng Mục Di: "Người thật không biết đạo nghĩa, người ta chưa bày binh sao có thể tiến công?"

Quân Sở chinh đồn xong đội ngũ liền tấn công, quân Tống không có cách gì chống đỡ phải rút chạy. Công tử Mục Di và những người khác liền chốt bảo vệ vua nhưng Tống Tương

công cũng bị thương vài chỗ, chân còn trúng một mũi tên. công tử Mục Di trách Tống Tương công về chuyện muốn làm tướng nhân nghĩa, nhưng Tống Tương công không hề hối tiếc còn nói: "Đánh trận phải lấy đức để thu phục người, ví như thấy người bị thương thì không lại làm họ bị thương nữa; thấy người tóc đã bạc đầu thì cũng không bắt họ làm tù binh".

Yêu thương dân chúng, tăng cường sức mạnh trong nước, củng cố lực lượng quân sự thì không đánh cũng thắng. Đó là chân lý không thể thay đổi. Nhưng nếu chỉ vì hư danh hoặc ngộ nhận thì không những không thể thắng mà lại tự chuốc lấy thất bại rõ ràng. Trong chiến tranh nhân tố quan trọng nhất quyết định thắng bại là lòng dân và tính chất chính nghĩa hay phi nghĩa của cuộc chiến. Việc vận dụng chiến lược chiến thuật cụ thể cũng là nhân tố không thể bỏ qua. Tác phẩm quân sự kiệt xuất của Trung Quốc cổ đại "Bình pháp Tôn tử" tổng kết kinh nghiệm của các loại hình chiến tranh đã chỉ ra rằng trong đó tuyệt đại bộ phận là vận dụng chiến lược chiến thuật. Do đó có thể thấy người thời xưa đã có nhận thức rõ ràng đúng đắn về vấn đề này. Câu chuyện Mặc tử và Công Thâu Bàn đấu sức và tài chỉ huy của Tào Quệ lại càng là một chứng cứ điển hình. Nhưng cũng không phải không phải không có những người như Tống Tương công. Cho đến nay phương sách hô hào rỗng tuếch, thoát ly thực tế vẫn còn rơi rớt lại, thậm chí có lúc còn lan tràn, phải chăng cũng tựa như cách làm tướng "nhân nghĩa" của Tống Tương công?

Chính trị và quân sự tương quan chặt chẽ, đặc biệt ở Trung Quốc. Na-pô-lê-ông trong thời gian bị giam giữ ngoài đảo đã từng đọc " Binh pháp Tôn Tử" và ân hận rằng nếu sớm được đọc bộ sách này nhất định sẽ không bị thất bại và bị lưu đày. Nhưng trên thực tế, điều cơ bản quyết định thắng bại của chiến tranh không phải là do quân sự, mà chủ yếu là do chính trị, vì thế, chủ trương lấy dân làm gốc trong đấu tranh quân sự là một quan điểm cơ bản của chúng ta trong việc phân tích lịch sử quân sự Trung Quốc.

36. THẤT BẠI VÌ LÀM BẠN VỚI LANG SÓI

Mưu sâu nhìn xa là điều mà mọi người theo đuổi từ xưa đến nay. Nhưng trong lịch sử lâu đời của Trung Quốc, thực ra số người đạt tới trình độ đó không nhiều; ngược lại, người có cách nhìn thiển cận, có mắt mà không nhìn thấy núi Thái Sơn thì đâu đâu cũng gặp. Vì sao thế? Điều này có lẽ là do tính người. Người ta rất dễ vì lợi nhỏ trước mắt mà quên mất việc đề phòng những hiểm nguy trong tương lai, đắm mình trong cái lợi nhỏ tạm thời mà quên rằng chính nó dẫn đến nạn lớn. Về điều này, người xưa đã tổng kết được một kinh nghiệm kinh điển, đó là: "Tương dục bại chi tất cố phu chi, tương dục thu chi tất cố dư chi" có nghĩa là: Muốn đánh bại người hãy tạm giúp người. Muốn chiếm của người hãy tạm cho người.

Trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc, các nước chiếm cứ khắp nơi, tranh chấp đất đai liên miên, nhưng ví dụ như vậy không phải hiếm. Có việc thì khéo léo kín đáo, có việc thì lộ liễu trắng trợn. Câu chuyện "Cung Chi Kỳ can gián về việc cho mượn đường đi" sau đây chính là một thí dụ nổi tiếng về loại việc thứ hai.

Năm 655 trước Công nguyên, Tấn Hiến công muốn mở mang bờ cõi lên phía bắc, sai quan đại phu Tuân Túc mang hậu lễ tặng Ngu công nước Ngu giáp phía bắc. Lễ vật có con ngựa thiên lý rất hiếm và một viên ngọc bích rất quý để mượn đường tiến quân. Tuân Túc tâu với Ngu công:

Nước Quắc (còn gọi là Bắc Quắc, nay ở huyện Bình Lục tỉnh Sơn Tây, gần Tam Môn Hiệp) hay gây rối nước tôi, hy vọng quý quốc cho chúng tôi mượn một con đường để đưa đại quân sang dạy bảo họ".

Lúc bấy giờ điều này là một yêu cầu vô lý và nguy hiểm đối với nước Ngô; bởi vì cho quân đội nước khác đi qua nước mình không khác gì mở cửa cho cướp, dẫn sói vào nhà. Huống hồ nước Ngô là một nước nhỏ, lực lượng yếu hơn nước Tấn rất nhiều, thận trọng gìn giữ còn chưa xong, lẽ nào lại còn buông lỏng, lơ là. Nhưng thực ra Ngu công rất ham thích món lễ vật, vừa mân mê viên ngọc bích lại vừa ngắm con ngựa, ông nói: "Có thể mượn được, có thể mượn được." Quan đại phu Cung Chi Kỳ nước Ngu là người hiểu biết, có dũng khí và mưu lược nghe thấy Ngu công nhận cho mượn đường, hoảng sợ quá vội chạy tới nói với Ngu công: "Việc này không thể được. Nước Ngô và Quắc là hai nước liên kề như môi và răng. Tục ngữ đã có câu rất hay "môi hở răng lạnh". Chúng ta là hai nước nhỏ, vốn dĩ cần giúp đỡ lẫn nhau, dựa vào nhau để tồn tại. Chẳng may nước Quắc bị nước Tấn nuốt, nước Ngô không có cách nào một mình tồn tại được".

Ai ngờ Ngu công ham lợi, lại có thể viện ra một lý riêng. Ngu công nói với Cung Chi Kỳ:

Nước Tấn mang biểu ta hai vật quý hiếm, đó là coi trọng chúng ta, muốn kết giao với chúng ta, lẽ nào mượn một con đường không được? Huống hồ nước Tấn hùng mạnh hơn nước Quốc nhiều, nếu như dựa vào người bạn như nước Tấn này mà mất nước Quốc thì có gì đáng tiếc?"

Cung Chi Kỳ nghe xong càng thấy Ngu công hồ đồ, còn muốn can gián thêm, nhưng đã bị bạn ông là Bách Lý Hề ngăn lại.

Bách Lý Hề là quan đại phu của nước Quốc, xuất thân cùng khổ, sau này bỏ vợ con để đi tìm đường tiến thân, nhiều năm chưa được thỏa lòng ước nguyện; sau được Kiến Thúc giới thiệu với Cung Chi Kỳ, sau lại tiến cử với Ngu công làm quan đại phu. Bách Lý Hề là người sáng suốt, thấy quả nhiên như Kiến Thúc đã có lần nói, Ngu công rất thích những vật quý, không có cách nào can ngăn được, bèn ngăn Cung Chi Kỳ không cho ông ta can gián thêm. Cung Chi Kỳ ra về liền trách Bách Lý Hề:

- Ông không khuyên Ngu công thì cũng được, vì sao lại ngăn cản ta?

Bách Lý Hề đáp.

- Nói lý lẽ, sách vở với người hồ đồ khác nào ném viên ngọc sáng ra đường. Ngu công đã như vậy thì mặc ông ta, chúng ta cùng theo ông ấy là được.

Cung Chi Kỳ không có lòng trung như Bách Lý Hề và biết rằng nước Ngưu sẽ mất, bèn lên đưa gia đình đi nơi khác lánh nạn.

Tấn Hiến công sai đại tướng Lý Khắc đem binh diệt nước Quắc, trên đường về, dừng chân ở thành nước Ngưu. Trong đêm, Ngưu công còn đang ngủ thì đã trở thành tù binh của nước Tấn. Như vậy nước Tấn đã không mất chút hơi sức lại thuận tay diệt luôn nước Ngưu. Ngựa thiên lý và ngọc bích đương nhiên trở về chủ cũ, Tấn Hiến công.

Ngưu công uất ức bèn trách Bách Lý Hề:

- Lúc đầu sao người không can ngăn ta?

Bách Lý Hề nói thẳng:

Ngài đã không nghe lời Cung Chi Kỳ, lẽ nào lại nghe tôi. Lúc đó tôi không nói, tức là để ngày nay theo ngài, để Ngài thấy được lòng trung thành của tôi với ngài". Thật là chuyện dở khóc dở cười, sự hồ đồ, u mê của Ngưu công thật lạ lùng. Nhưng chuyện ấy cũng không phải chỉ có một không hai. Ngay trong thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, ba trăm năm sau, Sở Hoài vương mắc một sai lầm hết như Ngưu công. Sai lầm này tuy không làm cho nước Sở diệt vong nhưng gây nên tổn thất lớn khiến nước Sở bị suy sụp.

Năm 314 trước Công nguyên, Tề Tuyên vương và Sở Hoài vương kết thành đồng minh, thanh thế rất lớn. Việc này khiến vua Tần rất lo lắng. Vua Tần là Tần Huệ Văn vương nguyên định đem quân đánh Tề, trước tình hình đó, không có cách gì

thực hiện được ý định của mình. Sau khi Tô Tần chết, cục thế "hợp tung" vẫn không hoàn toàn làm thay đổi tình hình. Phải thực hiện sách lược "liên hoành" của Trương Nghi, tức là không thể không chia rẽ liên minh Tề - Sở. Thế là tướng Tần Trương Nghi sang nước Sở.

Trương Nghi là người rất tinh khôn, lại biết ăn nói, giỏi dùng lời hay ý đẹp. Lúc đầu ông ta gặp Cận Thượng, một đại thần rất được vua Sở tin cậy, biếu nhiều lễ vật và hứa hẹn đủ điều. Sau đó Trương Nghi yết kiến Sở Hoài vương bày tỏ ý muốn kết giao của vua Tần với vua Sở. Vua Sở không e dè nói thẳng:

- Vua Tần toàn thích chiếm đất của người khác không cho thì đánh, sao lại có chuyện kết giao?

Trương Nghi đáp:

- Hiện nay thiên hạ còn bảy nước, trong đó tính ra có ba nước mạnh, Tề, Sở và Tần. Nếu Tần Tề liên minh thì Tề sẽ lớn mạnh hơn Sở hoặc Tần Sở liên minh thì Sở sẽ lớn mạnh hơn Tề, như vậy đại vương chọn đường nào? Nay vua Tần muốn kết giao nhưng đại vương lại vẫn liên minh với Tề; nếu đại vương nguyên tuyệt-giao với Tề thì vua Tần không những vĩnh viễn hòa hảo với Sở mà còn cắt một dải đất sáu trăm dặm ở Thương Vu cho Sở, vậy thì không có lý gì để đại vương không nhận?

Vua Sở là một người tâm thường, hồ đồ, lại tham lam, cố chấp và tự phụ, vừa nghe nói được cho sáu trăm dặm đất đai thì đã lấy làm vui mừng, vui vẻ nói:

- Nếu được nước Tần tin nhiệm, làm suy yếu nước Tề mà lại được sáu trăm dặm đất đai, tất nhiên ta nguyện tuyệt giao với nước Tề.

Các quan đại thần cũng lựa buồm theo gió đều lũ lượt chúc mừng, chỉ có khách khanh Trần Chấn phản đối:

- Tề Sở liên minh mới khiến cho Tần không dám đánh nước Tề hoặc đánh nước Sở. Nước Tần chịu cắt cho tới sáu trăm dặm đất đai mục đích là chia rẽ liên minh Tề Sở. Nếu tuyệt giao với Tề mà Trương Nghi lại bội tin không chịu giao đất thì làm thế nào? Tới lúc đó, nếu Tề lại liên kết với Tần để đánh Sở thì không phải là Sở bị diệt vong sao? Chỉ bằng trước hết đại vương ai người sang Tần để nhận đất Thương Vu, sau đó hãy tuyệt giao với Tề, đó là kế sách vẹn toàn.

Tam lu đại phu Khuất Nguyên có mặt tại đó đã chỉ trích Trương Nghi là kẻ tầm thường phản phúc, ông nhắc Sở Hoài Vương dù thế nào cũng không thể tin được lời hứa của Trương Nghi. Chỉ có Cận Thượng được Trương Nghi mua chuộc là tỏ ý nhận lời của Trương Nghi.

Sở Hoài Vương tin lời Trương Nghi và Cận Thượng, một mặt sai người sang tuyệt giao với Tề, một mặt sai Phùng Hầu Sữu theo Trương Nghi sang nước Tần để nhận đất. Trương Nghi lo mưu tìm kế nên trên đường đi rất chủ động nhiệt tình khiến Phùng Hầu Sữu không chút nghi ngờ. Đến ngoại thành Hàm Dương Trương Nghi giả vờ say rượu, ngã từ trên xe xuống gậy chân để cho quân hầu vội vã khiêng vào trong

thành. Từ đó suốt ba tháng liền Phùng Hầu Sứ không thể gặp lại được Trương Nghi.

Phùng Hầu Sứ không còn cách nào khác, đành viết thư cho vua Tần. Vua Tần cũng vui vẻ trả lời rằng đây là việc của thừa tướng Ứng Doãn, ông ta nhất định sẽ tiến hành, nhưng không rõ vua Sở đã tuyệt giao với nước Tề chưa nên chưa thể thực hiện được lời hứa của Trương Nghi. Không còn cách nào, Phùng Hầu Sứ viết rõ sự thực trình báo vua Sở. Vua Sở mê muội chỉ mong được đất, lại sai người sang nước Tề mắng nhiếc vua Tề. Vua Tề tức giận, phái người sang nước Tần liên hệ để cùng nhau tiến đánh nước Sở.

Phùng Hầu Sứ chịu khổ đợi chờ ở cổng nhà Trương Nghi, Trương Nghi vì trong triều có việc không thể không vào, cuối cùng Phùng Hầu Sứ gặp được Trương Nghi. Trương Nghi lại hỏi:

- Vì sao ngài còn ở đây, chẳng lẽ chưa nhận được mảnh đất đó sao?

Phùng Hầu Sứ đáp:

- Vua Tần nói phải đợi ngài khỏi bệnh mới thực hiện được. Giờ đây xin ngài cùng tôi bệ kiến vua Tần để giao cho tôi sáu trăm dặm đất đã được bàn định.

Trương Nghi vờ ngạc nhiên:

- Vì sao phải vào bệ kiến đức vua? Tôi sẽ đem sáu trăm dặm đất của tôi giao cho nước Sở, không cần phải tấu trình đức vua.

Phùng Hầu Sầu lúc này mới tỉnh ngộ liền trách Trương Nghi lừa bịp, Trương Nghi đáp:

- Đất đai nước Tần do xương máu của tướng sĩ giành giật từng tấc, để gì đem cho người khác. Đừng nói đến sáu trăm dặm mà ngay sáu mươi dặm cũng không được. Ta chưa hề bàn đến chuyện cắt nhượng cho nước Sở sáu trăm dặm đất Thương Vu của nước Tần.

Phùng Hầu Sầu lui thui về nhà đem toàn bộ sự việc trình vua Sở. Vua Sở vừa xấu hổ vừa tức giận, lập tức phong cho Khuất Vọng làm đại tướng, Phùng Hầu Sầu làm phó tướng đem đại quân mười vạn đi đánh nước Tần. Vua Sở thề sẽ phanh thây lột da Trương Nghi để rửa hận. Nước Tần biết tin nước Sở xâm phạm cũng đem mười vạn quân, phong Ngụy Chương làm đại tướng để chống lại. Quân Tần vốn đã chinh tề, kỷ luật nghiêm minh, sức chiến đấu mạnh, lại thêm có nước Tề đưa quân ứng cứu, dễ dàng đánh bại nước Sở. Quân Sở thương vong nặng nề, ngay cả đại tướng Khuất Vọng và phó tướng Phùng Hầu Sầu cũng tử trận chỉ còn lại ba vạn người tháo chạy về nước Sở. Nước Hàn, Ngụy và các nước khác nhân Sở bại trận thừa cơ xâm chiếm đất đai nước Sở. Cùng đường, Vua Sở sai Khuất Nguyên sang nước Tề dền tội và cho Trần Chấn sang nước Tấn cầu hòa và nguyện dâng hiến hai thành trì.

Sở Hoài Vương vẫn chưa biết thân biết phận và không chịu hối cải, vẫn cứ đề nghị mang đất Kiền Trung đổi lấy

Trương Nghi. Một số người nước Tần không ưa Trương Nghi đã xui vua Tần nhận lời, vì chỉ mất một người mà đổi được cả một vùng đất đai rộng lớn thì thực đáng giá. Vua Tần còn đang do dự thì Trương Nghi lại chủ động đòi sang nước Sở. Trương Nghi vừa đến đất Sở đã bị bắt giam vào ngục, Sở Hoài vương chuẩn bị chọn ngày lành đem giết Trương Nghi để tế tổ tiên. Nào ngờ Trương Nghi đã mua chuộc được quân sĩ coi ngục, liên lạc với Cận Thượng, tìm cách lôi kéo Trịnh Tự vợ yêu của Sở Hoài vương cùng nhau mê hoặc Hoài vương khuyên Hoài vương phóng thích Trương Nghi. Hoài vương không có chủ kiến, lại đáp ứng yêu cầu của họ, phóng thích Trương Nghi. Thế là Trương Nghi trở về nước Tần bình yên.

Về sau, rốt cuộc Sở Hoài vương qua đời ở nước Tần.

Sở Hoài vương mê muội hồ đồ coi các việc lớn của quốc gia như là trò đùa, thực ra cũng là người hiểm có trong lịch sử, đất nước nào như vậy mà chẳng bại vong, lẽ trời là thế! Tuy vậy, thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc về mặt này cũng có nhiều tấm gương sáng, "Chúc Chi Vũ lui tướng Tấn" là tiêu biểu trong số đó.

Tấn Văn công Trùng Nhĩ lưu lạc tị nạn nước ngoài đã từng chịu đựng sự đối xử lạnh lùng của nước Trịnh, thấy nước Trịnh liên minh với nước Sở, Tấn Văn công rất tức giận. Sau khi Tấn Văn công lên ngôi, phạm là nước đã hậu đãi thì Tấn Văn công đều có báo đền, phạm là nước đã đối xử lạnh lùng hoặc xảo trá bức hại thì cũng tiến hành báo thù, duy chỉ có

nước Trịnh là chưa động tới. Vì vậy Tấn Văn công ước định với Tần Mục công cùng đánh nước Trịnh.

Quân nước Tấn tiến đến nước Trịnh thì Tần Mục công dẫn Bách Lý Hề, Mạnh Minh thị và các người khác bao vây phía Trái nước Trịnh. Lực lượng quân sự nước Trịnh vốn đã không địch nổi bất cứ nước nào trong số đó, làm sao có thể phá được thế hợp vây của hai nước. Trịnh Văn công vô cùng khiếp sợ, trái lại quan đại phu Thúc Thiêm rất điềm tĩnh, tiến cử Chúc Chi Vũ làm thuyết khách, tìm cách khuyên người Tần rút quân. Nếu nước Tần rút quân chỉ còn người nước Tấn thì chắc thắng nhiên hơn. Trịnh Văn công với thái độ nghi ngờ tiếp chúc Chi Vũ, không ngờ đó lại là một lão ông già nua lưng gù. Chúc Chi Vũ nói:

- Khi tôi còn trẻ chưa từng đem sức lực phục vụ đất nước, đến nay đã tuổi già sức yếu như ngọn đèn trước gió phỏng làm gì được cho nước nhà?"

Trịnh Văn công nghe câu nói có hàm ý khác, rất áy náy nói:

- Người có tài năng như cụ, tôi chưa được biết nên chưa trọng dụng, đó là lỗi của tôi. Mong cụ rộng lòng khoan dung, vì nguy nan của đất nước mà dốc sức. Nếu giữ gìn được nước Trịnh tức là cụ đã lập công cho muôn đời. Chúc Chi Vũ vốn là người yêu nước, lại thấy thái độ thành thật của Trịnh Văn công liền nhận đi thử. Ngay đêm đó, Chúc Chi Vũ chui vào trong một cái sọt cho quân dùng thùng thả ra ngoài thành, rồi

đi về trại quân Tần. Người Tần không cho ông ta gặp Tần Mục công, Chúc Chi Vũ đứng bên ngoài khóc lóc. Nghe tiếng khóc kinh động, Tần Mục công cho người ra gọi vào hỏi han. Chúc Chi Vũ nói:

- Tôi đứng khóc ở đây vì nước Trịnh, bởi nước Trịnh sẽ mất; đồng thời cũng khóc vì nước Tần vì chẳng bao lâu nữa nước Tần cũng mất nốt.

Tần Mục công rất kinh ngạc liền yêu cầu Chúc Chi Vũ nói cho rõ ràng, tỉ mỉ.

Chúc Chi Vũ nói:

- Tấn Tần hai nước liên kết cùng đánh nước Trịnh, tất nhiên chẳng lâu Trịnh sẽ diệt vong. Nhưng không hiểu ngài đã nghĩ đến chưa? Nước Trịnh ở phía đông nước Tấn, nước Tần ở cách nước Trịnh xấp xỉ nghìn dặm, nước Tần làm sao có thể chiếm được nước Trịnh? Không còn nghi ngờ gì nữa, sau khi Trịnh đã bị diệt toàn bộ đất đai sẽ thuộc về nước Tấn như thế có phải là ngài làm một việc đại là "mất Trịnh làm mạnh nước láng giềng" không? hiện giờ đất đai hai nước Tần Tấn xấp xỉ nhau, sức mạnh cũng không hơn kém bao nhiêu, một khi nước Trịnh bị Tấn thôn tính thì sức mạnh của Tấn sẽ mạnh hơn Tần nhiều. Nếu như ngài thử nhìn lại thái độ của nước Tấn đối với nước Tần thì càng thấy rõ. Mới đầu Ngài đưa Tấn Huệ công về làm vua, đến những năm đói kém lại cho vay lương thực, đúng là ơn cứu mạng, nhưng nước Tấn đã mấy lần lấy oán báo đức. Hơn nữa, ngài cũng nhớ rằng năm

nước Trịnh là chưa động tới. Vì vậy Tấn Văn công ước định với Tần Mục công cùng đánh nước Trịnh.

Quân nước Tấn tiến đến nước Trịnh thì Tần Mục công dẫn Bách Lý Hề, Mạnh Minh thị và các người khác bao vây phía Trái nước Trịnh. Lực lượng quân sự nước Trịnh vốn đã không địch nổi bất cứ nước nào trong số đó, làm sao có thể phá được thế hợp vây của hai nước. Trịnh Văn công vô cùng khiếp sợ, trái lại quan đại phu Thúc Thiêm rất điềm tĩnh, tiến cử Chúc Chi Vũ làm thuyết khách, tìm cách khuyên người Tần rút quân. Nếu nước Tần rút quân chỉ còn người nước Tấn thì chắc thắng nhiều hơn. Trịnh Văn công với thái độ nghi ngờ tiếp chúc Chi Vũ, không ngờ đó lại là một lão ông già nua lưng gù. Chúc Chi Vũ nói:

- Khi tôi còn trẻ chưa từng đem sức lực phục vụ đất nước, đến nay đã tuổi già sức yếu như ngọn đèn trước gió phỏng làm gì được cho nước nhà?"

Trịnh Văn công nghe câu nói có hàm ý khác, rất áy náy nói:

- Người có tài năng như cụ, tôi chưa được biết nên chưa trọng dụng, đó là lỗi của tôi. Mong cụ rộng lòng khoan dung, vì nguy nan của đất nước mà dốc sức. Nếu giữ gìn được nước Trịnh tức là cụ đã lập công cho muôn đời. Chúc Chi Vũ vốn là người yêu nước, lại thấy thái độ thành thật của Trịnh Văn công liền nhận đi thủ. Ngay đêm đó, Chúc Chi Vũ chui vào trong một cái sọt cho quân dùng thùng thả ra ngoài thành, rồi

đó nước Tấn diệt nước Ngưu, nước Ngưu giúp tấn diệt nước Quốc, nước Tấn không những không muốn đền đáp, trái lại thuận tay cũng diệt luôn nước Ngưu. giờ đây, ngài giúp nước Tấn đánh nước Trịnh, nếu nước Tấn mạnh lên và quay đầu lại tiến công nước Tần thì Ngài làm thế nào? Người sáng suốt như ngài, tôi chỉ nêu qua cũng đủ, bất tất phải nói nhiều lời.

Nghe Chúc Chi Vũ nói một hồi, Tần Mục công sợ toát mồ hôi, nhất là cách nói: "Mất Trịnh làm mạnh nước láng giềng" khiến Tần Mục công càng phục - Càng nghĩ, Tần Mục công thấy càng đúng. Chúc Chi Vũ thấy Tần Mục công đã bị kích động, bèn nói tiếp:

- Nếu nước Tần rút quân, nguyện vọng của nước Trịnh là hàng phục nước Tần. Sau này nước Tần có chuyện gì xảy ra có thể đi qua đất Trịnh. Nước Trịnh nhất định dốc sức tiếp đãi giúp đỡ. Nước Trịnh sẽ là cái kho hoặc căn cứ trên con đường phía đông của Ngài. Nước Trịnh nguyện để ngài làm chủ con đường phía đông.

Nghe xong Tần Mục công càng quyết tâm làm theo đề nghị của Chúc Chi Vũ; để lại ba phó tướng Khởi Tử, Phùng Tôn, Dương Tôn chỉ huy hai nghìn người, ngựa giúp nước Trịnh giữ thành, tự mình đưa đại quân rời khỏi nước Trịnh. Như vậy, thông qua việc ngoại giao gian khổ, cuối cùng nước Trịnh đã tránh được nạn.

Thuật dùng mưu quyền của Trung Quốc rất phong phú, không một nước nào trên thế giới sánh kịp. Về mặt quân sự

học cổ đại có trước tác quân sự "Bình pháp Tôn Tử", ngay như sách "Lão Tử" cũng có thể coi là một tác phẩm về mưu quyền, và còn nhiều trước tác chính trị, lịch sử khác, trong đó cũng hội nhập rất nhiều tư tưởng mưu quyền và sự việc mưu quyền. Nhưng mưu quyền chỉ có tác dụng nhất thời, không phải là có hiệu quả vĩnh cửu. Nước Tấn thấy rõ điểm yếu của Ngưu công là ham lợi nhỏ nên đã thả mồi buông câu, không tốn mấy công sức diệt được nước Ngưu nhưng rốt cuộc cũng không thể tự cứu mình để rồi bị nước Tần thôn tính. Nước Trịnh tuy có Chúc Chi Vũ hiểu rõ sự đời, có tài ăn nói, cũng chỉ tạm tránh được tai nạn, cuối cùng cũng không trụ được lâu dài. Điều đó cho thấy rằng tác dụng của mưu quyền cũng có hạn, chỉ có thể phát huy trong một chiến thuật cụ thể. Tác dụng quyết định có tính cơ bản thực sự vẫn là chính sách an dân trị nước, tức là sự ủng hộ hay phản đối của lòng dân. Nếu không chăm lo điều ấy, thì những kẻ càng xảo quyết, càng gian trá lại càng bị ác cảm và có nhiều thù địch, tức là càng thêm thất bại và bị diệt vong.

37. TÀI ỨNG PHÓ LINH HOẠT KHI GẶP NẠN

"Binh pháp Tôn Tử" có nói: "Tướng tại ngoại, quân mệnh hữu sở bất thụ", có nghĩa là tướng đã ra ngoài biên giới có thể căn cứ tình hình cụ thể của mình để phán đoán và hành động, không nhất thiết hoàn toàn phục tùng lệnh vua, bởi vì ở hậu phương, vua không thấy được biến chuyển khôn lường của tình hình chiến tranh. Do đó, có thể thấy rằng xưa nay người Trung Quốc tuy giáo điều cũng nhắc nhưng cũng không phải không có thút linh hoạt.

Còn như việc đối phó linh hoạt có vi phạm với mệnh lệnh của vua trong lúc nguy cấp hay không, điều đó không hề được nói đến trong các sách về mưu quyền cũng như trong chính sử lưu truyền. Không ai dám công khai đứng ra bênh vực điều đó. Càng không có người công khai đề xướng các thủ đoạn lừa dối, giả mạo hoặc dùng vũ lực ép buộc để thực hiện cách đối phó linh hoạt này. Bởi vì, trong một nước có chế độ quân chủ tập quyền, mệnh lệnh của vua là tất cả, không có chút dân chủ để nói, bất kỳ một sự mạo phạm nào đối với quyền vua đều là làm loạn, dù rằng ý kiến chính xác hay cách làm chính xác cũng thế thôi.

Dù sao trong lịch sử Trung Quốc cũng có nhiều điển hình về tài ứng phó linh hoạt khi gặp nạn. Vì đất nước hoặc vì "chính nghĩa", họ thường giả mạo danh nghĩa nhà vua, thậm chí còn dùng thủ đoạn lừa dối uy hiếp. Hành vi, phương thức của họ tuy không xứng danh với đạo lý "chính nhân quân tử" nhưng vì tính hợp lý nội tại của nó mà được lưu truyền, được dân chúng tán dương.

"Hoàng Cao khao quân" là một dẫn chứng nổi tiếng thời Xuân Thu - Chiến Quốc. Năm 360 trước Công nguyên, Tấn Văn công cùng nước Tần và một số nước chư hầu chinh phạt nước Trịnh để rửa mối nhục trong thời gian lưu lạc ở nước Trịnh. Khi Tần và Tấn bao vây nước Trịnh, Chúc Chi Vũ người nước Trịnh đi thuyết phục nước Tần, cho rằng nước Tần giúp Tấn diệt nước Trịnh thì đất đai nước Trịnh cũng chỉ có thể quy vào nước Tấn, chỉ có hại mà không có lợi cho Tần, Chi bằng để nước Trịnh quy phục nước Tần, sau này cũng phối hợp với nước Tần trên con đường phía đông, để Tần làm chủ con đường phía đông. Tần Mục công thấy mười mười có lợi nên để Kỳ tử và vài người khác chỉ huy một đội quân giúp Trịnh giữ thành, tự mình dẫn quân rút về. Nhưng người Tấn đánh thành liên tục, nước Trịnh chỉ còn cách quy phục nước Tấn. Tần Mục công thấy mình bị lừa nên vô cùng giận dữ; thế là năm 628 trước công nguyên, Trần Mục Công sai Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính đem ba trăm binh mã đi đánh nước Trịnh. Lúc này, Tấn Văn công vừa mất, nước Tấn vì quốc tang nên không thể đưa quân đi giúp Trịnh.

Nước Trịnh lại có Kỳ tử chỉ huy một đội quân làm nội ứng, như vậy là trong đánh ra ngoài đánh vào, nước Trịnh không có cách nào chống đỡ nổi.

Tháng 2 năm 627 trước Công nguyên, quân Tần tiến đến nước Hoại ở phía tây nước Trịnh. Đang hành quân, phía trước đột nhiên có người hô:

- Sứ thần nước Trịnh cầu kiến.

Mạnh Minh thị kinh ngạc, chỉ sợ người Trịnh biết được tin tức đánh lên, bèn tự mình tiếp đón:

- Xin tiên sinh cho biết họ tên?

Người ấy đáp:

- Tôi là Hoàng Cao, sứ thần của nước Trịnh.

Mạnh Minh thị lại hỏi:

- Tiên sinh đến đây có việc gì?

Hoàng Cao đáp:

- Vua nước chúng tôi biết tin quân đội của quý quốc qua đây sang nước lân cận, vội sai tôi mang biểu mười hai con trâu béo. Việc đó tuy có ý nghĩa nhỏ nhưng là tấm lòng của vua chúng tôi, không coi là khao quân mà chỉ là bữa ăn no cho tướng sĩ. Vua nước chúng tôi còn nói rằng được quý quốc đưa quân tôi giúp tôi giữ gìn cửa bắc, chúng tôi rất cảm kích. Tự chúng tôi cũng phải thận trọng và gắng sức hơn, không dám có chút lơ lỏng, xin tướng quân chớ bận tâm.

Tới lúc này Mạnh Minh thì biết rằng nước Trịnh đã hoàn toàn biết rõ kế hoạch đánh lên của nước Tần, đánh lên đã không thành công thì đành lựa buồm theo gió nên áp ứng nói với Hoàng Cao:

- Chúng tôi không đến nước ông. Các ông hà tất phải lo ngại. Chúng tôi đến nước Hoạt.

Hoàng Cao trao lại trâu và cáo tù.

Thực ra Hoàng Cao chẳng phải là sứ giả của nước Trịnh mà chỉ là một người lái trâu. Trên đường đi bán trâu gặp một người nước Tần qua trò chuyện ngẫu nhiên biết được nước Tần tiến quân đánh Trịnh. Hoàng Cao một mặt sai người về báo nước Trịnh, một mặt đánh trâu đến gặp quân Tần, vì thế mới có "Hoàng Cao khao quân", một sự kiện nổi tiếng về lòng yêu nước của người dân thường.

Mạnh Minh thì thấy việc đánh lên nước Trịnh không thành, cũng không muốn tay không trở về, tiện thể diệt luôn nước Hoạt, cướp sạch vàng bạc châu báu và thanh niên nam nữ nước Hoạt, chất đầy hàng trăm xe lớn. Nhưng khi qua Hào Sơn của nước Tấn, đúng như Bách Lý Hề đã dự đoán khi xuất binh trước kia, thì bị quân Tấn mai phục tiêu diệt hết. Đây là thất bại nghiêm trọng và nhục nhã nhất của nước Tần sau khi Tần Tấn giao hảo.

"Hoàng Cao khao quân" là một hành động yêu nước, tuy chưa được vua Trịnh đồng ý, từ trước nhưng lại hợp ý vua Trịnh và cũng phù hợp với lợi ích của nước Trịnh; cho nên đã

được cả triều đình và dân gian, thậm chí cả người đời sau tán dương. Nhưng nếu quả là ngang nhiên chống lệnh vua, tự tiện giết tướng, phát động đại quân thì sao? Việc đó khó nói lắm. Trong lịch sử Trung Quốc, nói về những hành động loại này có lẽ, sự kiện trọng đại nhất, quá trình phức tạp nhất và thành quả phi thường nhất chính là việc Tín Lãng quân trộm phù hiệu cứu Triệu trong thời kỳ Chiến Quốc.

Năm 260 trước Công nguyên, tướng Tần là Bạch Khởi đánh bại quân nước Triệu, chiếm vùng đất Thượng Đảng chôn sống bốn mươi vạn hàng binh nước Triệu. Bạch Khởi sửa soạn tiện thể diệt luôn nước Triệu, nhưng vì sợ công Bạch Khởi lập quá lớn, thừa tướng Phạm Chuy khuyên vua Tần rút quân; nước Tần bỏ lỡ cơ hội diệt nước Triệu. Hai năm sau, vua Tần hối tiếc không để Bạch Khởi diệt Triệu một thể, nên lại phái Bạch Khởi đi diệt Triệu. Nhưng Bạch Khởi cho rằng nước Triệu đã chuẩn bị đầy đủ với khí thế phục thù mãnh liệt rất khó đánh thắng. Bạch Khởi lần trước bắt miễn chống lệnh rút quân, còn kêu ca phàn nàn, nên bị vua Tần ban tặng guơm tự sát. Vua Tần lại sai Vương Lăng dẫn mười vạn quân bao vây Hàm Đan, sau lại phái Trịnh An Bình đem năm vạn quân tinh nhuệ tăng viện và cử đại tướng Vương Hột có nhiều kinh nghiệm thay Vương Lăng, quyết tâm đốc thúc hạ thành Hàm Đan trong phúc chốc.

Thành Hàm Đan của nước Triệu lâm cảnh nguy kịch bội phần. Hiếu Thành nước Triệu sử dụng cho sứ thần xin nước Ngụy đem quân cứu viện, An Hi nước Ngụy không biết

làm thế nào đánh phái đại tướng Tấn Bì đem mười vạn quân đi cứu viện. Lúc này vua Tần đích thân ra sai người uy hiếp vua Ngụy:

- Ai dám đem quân đi cứu Triệu thì sau khi diệt xong Triệu sẽ quay về diệt người đó.

Vua Ngụy rất sợ hãi, cho Tấn Bì trú quân ở biên giới nghe ngóng tình hình, tạm ngừng tiến quân.

Nước Triệu thấy Tấn Bì ngừng tiến quân, cho Bình Nguyên quân viết thư cho Tấn Bì. Tấn Bì viết thư trả lời:

- Vua Ngụy cho tôi đóng quân tại đây, tôi không thể tự ý tiến quân. Muốn tiến quân tất phải có lệnh của vua Ngụy.

Bình Nguyên quân nghĩ không ra cách thuyết phục vua Ngụy đành viết thư oán trách Ngụy công tử Tín Lăng quân Vô Kỵ:

- Tôi được trở thành thân thích của ông, cảm thấy rất vinh hạnh, vì tôi khâm phục tinh thần hiệp nghĩa của ông. Hiện giờ Hàm Đan của nước Triệu đang ở thế trên đồng trướng, đại quân của quý quốc đang dừng lại không tiến. Lẽ nào nước Triệu diệt vong mà riêng quý quốc có thể tồn tại? Chị ông sớm chiều khóc lóc, lời lẽ an ủi tôi đã nói hết nhưng cũng vô dụng. Nếu ông không nghĩ đến nước Triệu thì cũng nên quan tâm đến chị ông một chút chứ!

Lần trước Ngụy Tế trốn chạy khỏi nước Triệu đến đầu hàng Tín Lăng quân, Tín Lăng quân đã không thu nhận, làm

cho Ngụy Tế phải tự sát, đã cảm thấy xấu hổ với Bình Nguyên quân. Lần này nhận được thư cầu cứu và oán trách càng cảm thấy vô cùng xấu hổ. Lòng như lửa đốt, Tín Lăng quân tuy đã nhiều lần thỉnh cầu nhưng vẫn không nghĩ ra cách nào thuyết phục vua Ngụy tiến quân, chung quy vô dụng. Tín Lăng quân giận dữ dẫn hơn một nghìn môn khách, liều mình với quân Tần.

Trên đường qua cửa thành phía đông, Tín Lăng quân xuống xe vào chào từ biệt Hầu Sinh vì biết rằng lần này chưa biết sống chết ra sao. Nhưng Hầu Sinh không tiếp, Tín Lăng quân vừa giận vừa đau lòng.

Về Hầu Sinh thì chuyện khá dài. Hầu Sinh nguyên là một ông già trông giữ cửa thành đã bảy mươi tuổi. Nhà nghèo, nhưng là người trung thực. Người khác không thể nào biết đến Hầu Sinh, nhưng Tín Lăng quân hiểu rằng đó là một người hiểu biết, mưu trí sống ẩn dật nên có ý mua chuộc làm môn hạ của mình.

Một lần Tín Lăng quân tự mình đến gặp, mang theo hai mươi cân vàng làm lễ gặp mặt. Hầu Sinh ra sức từ chối:

- Tôi suốt đời giữ mình trong sạch, đến nay càng không muốn thay đổi.

Thấy ông ta không nhận lễ, Tín Lăng quân chỉ xin ông định cho một ngày để mời ông tới nhà cho khỏi mất mặt. Cuối cùng ông ta cũng nhận lời.

Đến ngày hẹn, Tín Lăng quân mở tiệc, tất cả các quan to quý tộc và những người đứng đầu trong số thuộc hạ đều được sắp xếp theo ngôi thứ để đón tiếp. Đến cửa thành phía đông đón Hầu Sinh lên xe. Hầu Sinh không chút khách sáo, ngồi vào chính giữa, Tín Lăng quân cầm roi ngựa ngồi bên cạnh đánh xe chạy. Cứ như thế, cỗ xe nghênh ngang chạy qua cầu lớn, khu chợ náo nhiệt của đô thành nước Ngụy.

Đợi qua một đường phố, bắt chợt Hầu Sinh nói:

- Tôi có một người bạn mỗ lợn tên là Chu Hối, hiện giờ đang ở quầy hàng thịt trong chợ. Tôi muốn ghé thăm, không biết có được không?

Tín Lăng quân vội vàng đáp ứng, nói hoàn toàn được rồi quay xe về chợ.

Đến quầy hàng thịt ở chợ, Hầu Sinh xuống xe và để Tín Lăng quân đứng cạnh xe đợi rồi nói chuyện phiếm với Chu Hối. Tín Lăng quân chờ đến tê cứng cả chân, Hầu Sinh vẫn còn tán gẫu. Thủ hạ của Tín Lăng quân không nên nổi bực bội kêu ca oán trách Hầu Sinh là người không biết đạo lý, Hầu Sinh còn tán gẫu thêm một lúc nữa, tựa hồ đợi cho mọi người nói hết lúc đó mới lên xe cùng Tín Lăng quân trở về.

Ở nhà Tín Lăng quân, khách đã đợi quá lâu nhưng không một ai dám bỏ về, vì Tín Lăng quân dành riêng ghế đầu chờ khách, mà không một ai rõ vị quan hoặc quý tộc nào sẽ đến, không chừng đích thân vua Ngụy đến? Cuối cùng nghe nói

khách đến, tất cả vội vàng đứng dậy cung kính đón tiếp. Ai ngò nhìn ra cửa thì chỉ thấy người khách mới đến là một ông già, yếu ớt ngoài bảy mươi tuổi. Mọi người đều lúng túng. Trước mặt Tín Lãng quân cũng không ai nỡ nói gì, quan khách đều ngồi cả xuống buồn bã uống rượu. Hầu Sinh không chút khiêm nhường, ngồi ngay lên ghế đầu; trái lại Tín Lãng quân đứng dậy đầu tiên rót rượu chúc thọ.

Tới lúc này, Hầu Sinh mới đứng dậy nói: "Tôi là một người coi cổng thành tầm thường không có tên tuổi, nhờ ơn công tử hết sức coi trọng thật là vinh hạnh vạn phần; lại còn để công tử đích thân đi mời, để công tử phải đứng chờ lâu ở hàng thịt, điều này thực rất không phải. Vì sao tôi lại làm như vậy? Việc làm đó hoàn toàn là vì thanh danh của công tử! Tôi để ngài đứng chờ ở hàng thịt như thế, có rất nhiều người chửi tôi là lão già đáng ghét, càng nói tôi là vô ơn bội bạc, lại càng bất bình họ thay công tử, lại càng tôn kính công tử. Tôi cố ý đến muộn, để các vị khách chờ sốt ruột, lại ngồi vào ghế đầu cùng với cái ý nghĩa đó. Trong các vị khách ngồi đây có ai trong lòng không khâm phục công tử?"

Tín Lãng quân nghe một hồi, chợt như bừng tỉnh, trong lòng rất cảm phục. Hầu Sinh càng tin ông ta là một người có tài năng. Từ đó Hầu Sinh trở thành khách quý của Tín Lãng quân. Sau này Hầu Sinh lại tiến cử Chu Hối, Tín Lãng quân cũng mang lễ vật tới thăm Chu Hối. Nhưng, còn kiêu ngạo hơn cả hầu Sinh, Chu Hối dứt khoát không ra gặp.

Lần này Tín Lăng quân dẫn hơn một nghìn môn khách của mình ra cửa đông để chào tạm biệt Hầu Sinh và nói rõ quyết tâm sống mãi với quân Tần. Nhưng Hầu Sinh tỏ thái độ rất lạnh nhạt, không nói một lời. Tín Lăng quân vừa đi vừa ngoái đầu lại, hy vọng có thể nhìn thấy sự thay đổi thái độ của Hầu Sinh. Hầu Sinh vẫn điềm nhiên đứng tại chỗ không động đậy. Tín Lăng quân vô cùng buồn bã:

- Thối đời nhạt nhẽo, lòng người lạnh lùng! Trước đây ta đã đối đãi với ông ta như đối với bản thân mình, nào ngờ ông ta lại vô tình như vậy!. Bọn các môn khách hết lời khuyên Tín Lăng quân không nên buồn phiền vì một ông già yếu ớt và vô dụng như thế.

Tín Lăng quân đi được vài dặm, càng nghĩ càng cảm thấy không thể chịu nổi bèn để môn khách dừng lại chờ còn tự mình quay lại tìm Hầu Sinh. Hầu Sinh vừa trông thấy đã cả cười:

- Lão biết công tử sẽ quay lại. Lão không một lời để tiễn ngài, vậy công tử có oán giận lão không?

Tín Lăng quân đáp:

- Đúng, ta nghĩ rằng nhất định ta mắc tội lạnh nhạt với lão cho nên ta phải quay lại để lão chỉ bảo.

Lúc này Hầu Sinh mới nói thật:

- Công tử nuôi các môn khách ba mươi năm, bữa ăn có lúc đã nhiều đến trên ba nghìn người, đến cái giờ phút then chốt,

lẽ nào không có một ai thay công tử đưa ra một chủ ý? Người dẫn một nghìn người này để liều chết đánh Tần, khác nào dùng trứng chọi đá, đem dê lành đấu với sói ác?

Tín Lăng quân đáp:

- Ta cũng biết đó là việc không thành, tự liều mình một cách oan uổng, nhưng chẳng có cách nào khác? Việc đã đến nước này, ta cũng chỉ làm hết lòng mình mà thôi.

Hầu Sinh nói:

- Hãy còn một cách khác.

Hầu Sinh đưa Tín Lăng quân vào phòng để bàn tính mưu kế.

Hầu Sinh nói:

- Cung phi được vua Ngụy yêu nhất là Như cơ. Trước đây cha của Như cơ bị người ta giết hại. Nàng đi tìm kẻ thù suốt ba năm nhưng không thấy. Sau này nàng đã khóc lóc trước mặt công tử xin công tử giúp nàng giết kẻ thù. Công tử lập tức phái môn khách đi tìm kẻ thù, không lâu đã mang đầu kẻ thù về cho nàng. Có phải có chuyện đó không?

Tín Lăng quân đáp:

- Đúng. Nhưng có thể làm gì được?

Hầu Sinh nói:

- Nếu Như cơ rất biết ơn Ngài vì chuyện đó thì dù có thịt nát xương tan vì công tử nàng cũng tình nguyện. Bây giờ nếu

có thể để Nhu cơ lấy trộm hổ phù của vua Ngụy, công tử cầm phù hiệu đó để điều động đại quân của Tấn Bì, há không phải là một việc có thể làm hay sao?

Tín Lãng quân nghe đến đây, thấy nhu đêm đen bùng sáng. Hổ phù là một tín vật (vật làm tin) thời xưa dùng để điều động quân đội, người ta dùng đồng hoặc sắt đúc ra một phù hiệu có in hình con hổ, tách ra làm hai nửa: một nửa do tướng soái cầm quân giữ một nửa do vua giữ. Nếu có việc lớn cần điều động quân đội⁽¹⁾ thì phải cầm nửa phù hiệu của vua đến chấp với nửa kia do tướng soái giữ, nếu hai nửa thật khớp thì mới tin rằng đó không phải là lệnh giả. Tín Lãng quân đến gặp Nhu cơ nói rõ sự tình, quả nhiên Nhu cơ không hề thoái thác, năng nhận lời ngay.

Đêm ấy, Nhu cơ chúc rượu cho vua Ngụy uống thật say rồi lên lấy hổ phù đưa cho Tín Lãng quân. Tín Lãng quân cầm phù hiệu lại gặp Hầu Sinh, Hầu Sinh nói:

- Chỉ có hổ phù thôi e rằng không được. Hành động quân sự lớn như thế này mà không có lệnh viết tay của vua Ngụy, sợ rằng Tấn Bì sẽ nghi ngờ, huống hồ Ngài lại không có nghi trượng (cờ quạt, binh khí...) và quân sĩ. Tôi có người bạn là Chu Hội, một lực sĩ vô địch, trong tay áo có thể giấu một cây chùy sắt nặng hơn bốn mươi cân⁽²⁾. Nếu Tấn Bì đồng ý xuất quân thì tốt; nếu hãn không đồng ý xuất binh hoặc còn

(1) Như khi vua sai người đến thay thế để cầm quân (N.D.)

(2) Tức 20 kg (một "cân" bằng 0,5 kg)

phải thỉnh thị nhà vua thì công tử để cho Chu Hối lấy chùy sắt trong tay áo giết hẳn rồi lấy phù hiệu ra lệnh cho toàn quân, đó là kế vện toàn nhất .

Tín Lãng quân không cầm nổi nước mắt. Hầu Sinh hỏi:

- Lễ nào Công tử sợ chết?

Tín Lãng quân đáp:

- Ta không sợ chết nhưng không đồng ý trừ Tấn Bì. Phải giết một lão tướng chiến công hiển hách như vậy thì lòng ta không chịu nổi.

Hầu Sinh nói:

- Giết một người mà giữ được nước Triệu, cứu được nước Ngụy, vẫn là nghĩa lớn. Làm việc phải biết nhìn xa trông rộng, không thể quá thận trọng vì những cái nhỏ nhặt. Đúng ngày công tử cất quân, tôi sẽ hướng về phương bắc mà tự sát để chịu tội thay công tử là được! .

Tín Lãng quân lại đi gặp Chu Hối. Chu Hối nói:

“Tôi chưa đến chào công tử một lần, không phải vì tôi không hiểu lễ nghĩa, thực ra vì tôi không thích những thứ lễ nghi lặt vặt. Hiện nay nước nhà lâm nạn, chính là lúc tôi báo đáp công tử". Nói xong cầm chùy sắt đi theo Tín Lãng quân.

Tín Lãng Quân đến Nghiệp Hạ, gặp Tấn Bì, đưa phù hiệu rồi nói:

- Vua Ngụy nói rằng tướng quân ra ngoài lâu ngày, vất vả gian nan trên yên ngựa, cho tôi đến thay tướng quân.

Tấn Bì xem xét kỹ và khớp phù hiệu, tuy không phát hiện được có gì là sai, nhưng cảm thấy có nhiều điều đáng nghi, không lý giải được. Tấn Bì khước từ:

- Trong quân có nhiều việc phức tạp, phải đợi tôi vài ngày để chỉnh đốn cho rõ ràng mới có thể chuyển giao cho công tử được.

Tín Lăng quân nói:

- Nước Triệu đang nguy khốn, cứu binh như cứu hỏa, làm sao có thể đợi được?

Tấn Bì đáp:

- Không dấu công tử, sự việc trọng đại như thế này chỉ có thể đợi sau khi thỉnh thị đại vương mới có thể quyết định được, thú lỗi cho tôi không thể lập tức chuyển giao quân đội cho công tử!

Chu Hợi đứng bên thấy tình thế không cứu vãn nổi, quát to:

- Không nghe lệnh vua là phản loạn.

Tấn Bì hỏi:

- Người này là thế nào?

Chu Hợi hét:

- Ta là chùy sắt đây.

Rồi vung chùy trong tay áo ra đánh chết Tấn Bì.

Giết được Tấn Bì nắm được chỉ huy quân, Tín Lăng quân dùng phù hiệu ra lệnh cho toàn quân

- Vua Ngụy cho ta mang hổ phù hiệu đến để thay Tấn Bì phát binh cứu Triệu. Tấn Bì không theo, đã bị diệt trừ. Toàn thể tướng sĩ hãy phục tùng mệnh lệnh, đừng căm diệt địch, sau này tất có trọng thưởng.

Các tướng sĩ thấy chủ soái đã chết, Tín Lãng quân lại có hổ phù hiệu nên yên lòng tuân theo sự chỉ huy của Tín Lãng quân.

Tín Lãng quân lập tức chỉnh đốn quân đội, ra mệnh lệnh:

- Cha con cùng trong quân ngũ, cha có thể về; anh em cùng trong quân ngũ, anh trưởng có thể trở về; con một có thể về phụng dưỡng cha mẹ; già yếu, bệnh tật cũng có thể trở về".

Như vậy quân Tấn có mười vạn người thì trở về khoảng hai vạn, còn lại tám vạn tinh binh được biên chế lại và huấn luyện, gấp rút tiến công quân Tần.

Quân Tần không ngờ quân Ngụy đột ngột tiến công, hoảng loạn chống đỡ một trận, Bình Nguyên quân lại dẫn quân Triệu từ trong thành xông ra, trong ngoài cùng đánh, làm cho quân Tần thua lớn, chết và bị thương quá nửa, Trịnh An Bình vốn là người nước Ngụy dẫn hai vạn quân Tần ra hàng quân Ngụy.

Trong ngày Tín Lãng quân xuất trận, quả nhiên Hầu Sinh đã quay mặt về phía bắc mắt tịt sát.

Quân Tần lần đầu tiên nếm mùi thất bại của sách lược "Viễn giao cận công" (xa thì giao hảo, gần thì tấn công) vòng vây Hàm Đan tự nhiên tan rã, chỉ có điều công tử nước Ngụy Tín Lăng quân lấy trộm hổ phù, giết tướng, tuy lập công lớn với nước Triệu nhưng lại có tội lớn với nước Ngụy, Tín Lăng quân tạm thời phải ở lại nước Triệu.

Theo quan điểm, ngày nay cuộc chiến tranh của nước Tần để thống nhất sáu nước mang sắc thái tiến bộ nhất định, nhưng với cách nhìn của mọi người thời đó thì nước Tần tiến công nước Triệu là hành động xâm lược. Vì thế việc Tín Lăng quân lấy trộm phù hiệu cứu Triệu cũng mang sắc thái chính nghĩa, huống hồ giữ được nước Triệu cũng là ép buộc nước Tần và giúp đỡ nước Ngụy. Điều chủ yếu là tinh thần nghĩa hiệp của Tín Lăng quân, vì giúp người lâm nạn mà quên cả sự an toàn của chính mình. Tinh thần ấy đã làm xúc động lòng người từ xưa đến nay. Ngoài ra, cả một quá trình phức tạp quanh co, việc lấy trộm hổ phù hiệu cứu Triệu cũng giàu sắc thái truyền kỳ của câu chuyện. Vì thế việc Tín Lăng quân cướp hổ phù cứu Triệu luôn luôn được đời sau xem như tượng trưng của chính nghĩa, mưu trí, dũng cảm và nghĩa hiệp.

Tuy nhiên, hành vi này vẫn là một sự miệt thị rất lớn, là sự phản loạn và khiêu chiến đối với vương quyền nước Ngụy, làm cho vua Ngụy rất tức giận và cũng là sự sỉ nhục đối với một số nhà nho hủ lậu và những kẻ bề tôi mù quáng duy trì vương quyền.

Đó là một mâu thuẫn đan kết tuy khó gỡ nhưng thực ra lại rất đơn giản, vì vương quyền không nhất định lúc nào, nơi nào cũng đại biểu cho chính nghĩa; cho nên có lúc hành động chính nghĩa phải xâm phạm vương quyền. Trong tiềm thức con người thì chính nghĩa cao hơn vương quyền, người người ca ngợi Tín Lãng quân tức là minh chứng tốt nhất cho điều đó.

Tín Lãng quân gặp khó khăn ứng phó linh hoạt. Điểm xuất phát của sự việc là chính nghĩa, nghĩa hiệp; bằng hành động dũng cảm, khôn khéo, quả đoán, ông đã đánh bại quân Tần, bảo toàn nước Triệu. Có thể nói rằng đây là một dẫn chứng nổi bật trong lịch sử quân sự lâu đời của Trung Quốc, là một điển hình về tài ứng phó linh hoạt khi gặp nạn.

38. NHÀ CHÍNH TRỊ TÀI BA VÌ MƯU SÂU MÀ BỊ TUẦN TÁNG

Nói chung người Trung Quốc làm việc gì cũng không thật triệt để. Trên quan trường phong kiến thì đề cao quan niệm "công thành thân thoái" (công danh thành đạt thì rút lui), trên chiến trường thì chủ trương "cùng khẩu vật truy" (giặc chạy đường cùng thì không đuổi), trên thương trường thì thích "kiến hảo tụ thu" (thấy tốt thì thu vào) có thể nói là rất trung dung.

Thực vậy, đó cũng là tổng kết kinh nghiệm sống của người Trung Quốc. Trong "Kinh Dịch" có câu "bĩ cực thái lai" "bác cực nhi phục" ý nói rủi ro đến cùng cực thì vận may sẽ đến, ngược lại khi cực thịnh thì chóng đến rủi ro lại kéo đến.

Ngày nay cách nói đó cũng còn chứa đựng nhân tố biện chứng, không phải là không có phần hợp lý.

Trong lịch sử Trung Quốc, Lý Tư, sự kết tinh trong cùng một con người của một đại học giả một bậc đại quyền mưu, một đại chính trị gia trong lịch sử Trung Quốc, là một dẫn

chúng về điều đó. Lý Tư được người trọng vọng, ông là thừa tướng ở nước Tần, nhiều lần ông đã nghĩ tới lời khuyên của Tuân Tử: "Vật kị thái thịnh", nghĩa là sự vật không nên đi đến chỗ quá thịnh, cũng nhiều lần nghĩ cùng con trở về quê hương Thượng Sái để hưởng cảnh an nhàn dắt con chó vàng đi dạo. Nhưng vì quá tham danh lợi, ham quyền thế mà cuối cùng cả hai cha con đều lâm vào cảnh bị chém ngang lưng.

Lý Tư sinh vào cuối thời Chiến Quốc, ở Thượng Sái nước Sở (nay là phía Tây huyện Thượng Thái tỉnh Hà Nam). Thuở niên thiếu, gia cảnh không mấy giàu có, khi trưởng thành đã làm viên lại nhỏ ở quận. Về tính cách của ông, trong "Sử ký - Lý Tư liệt truyện" Tư Mã Thiên đã thuật lại một chuyện nhỏ đầy hình tượng. Khi làm viên lại nhỏ, Lý Tư thấy con chuột trong nhà xí ăn đồ bẩn thỉu, luôn lo sợ gặp người và chó. Đến khi vào kho, Lý Tư lại thấy lũ chuột suốt ngày ngang nhiên ăn thóc, chúng béo nung núc, hơn nữa lại rất yên ổn, không chút sợ hãi. So sánh hai trường hợp, Lý Tư bèn than: "Nhân chi hiền bất tiêu, thí như thử hễ, tại sở tự xử nhĩ!" ý nói là người có tài hay kém cỏi cũng như con chuột vậy, đều phải tự xoay xở, có tài năng và bản lĩnh thì có thể làm con chuột trong kho thóc; nếu bất tài thì chỉ có thể làm con chuột trong nhà xí. Câu chuyện như này đã vạch một cách hình tượng đặc trưng tính cách của Lý Tư và cũng dự báo kết cục sau này của ông.

Để có thể làm con chuột trong kho nhà quan, mưu cầu vinh quang phú quý, ông thôi cái chức lại nhỏ và sang nước Tề xin làm học trò của Tuân Tử, bậc thầy nho học nổi tiếng

lúc bấy giờ. Tuân Tử kế thừa Nho học của Khổng Tử, dạy học theo đạo Khổng. Tuy nhiên ông cũng cải biến Nho học, một cách đáng kể, giảm nhẹ ý tưởng "nhân chính" của Nho học truyền thống, bổ sung tư tưởng "pháp trị". Điều đó rất thích hợp với khẩu vị của Lý Tu. Lý Tu rất siêng năng và lanh lợi, cùng với Tuân Tử nghiên cứu "Thuật đế vương" tức là cách cai trị, quản lý đất nước, và học vấn cần có để có thể làm quan. Sau khi học xong, Lý Tu từ biệt Tuân Tử rồi sang nước Tần.

Tuân Tử hỏi vì sao lại đến nước Tần, Lý Tu đáp:

- Người ta sống ở trên đời, nhỏ nhen, hèn hạ là mối nhục lớn, cực nhục vất vả là sự đau buồn lớn nhất, muốn cao hơn người một bậc tất phải một lần làm nên sự nghiệp. Vua Tề tinh thần bạc nhược, vua Sở thì việc xấu thế nào cũng làm, chỉ có vua Tần ý chí mạnh mẽ sôi nổi, chuẩn bị thôn tính Tề, Sở thống nhất thiên hạ. Vì thế đây là nơi tốt nhất để tìm cơ hội làm nên sự nghiệp. Nếu ở nước Sở, Tề thì chẳng bao lâu sẽ thành dân mất nước, có thể có tiền đồ gì? Cho nên tôi phải đến nước Tần để tìm cơ hội cho cá nhân mình.

Trong tư tưởng của Tuân Tử nguyên đã có nhiều yếu tố pháp gia, ông đồng ý để Lý Tu sang nước Tần làm quan nhưng ông cũng căn dặn Lý Tu phải chú ý tiết chế, lúc thành công phải nhớ câu "Vật ky thái thịnh", không nên một mực đi về phía trước, khi cần thiết phải tìm cho mình một đường rút.

Lý Tu đến nước Tần làm thuộc hạ của thừa tướng Lã Bất vi, người rất được thái hậu trọng đãi. Chẳng bao lâu, bằng tài cán của mình, Lý Tu đã được Lã Bất Vi quan tâm, giao cho làm một chức quan nhỏ. Chức tuy nhỏ nhưng cũng tạo ra được cơ hội tiếp cận vua Tần, thế cũng là tốt lắm rồi.

Ở địa vị của Lý Tu, không thể làm nổi bật mình lên bằng các chiến công, cũng không thể vượt hơn người về lý luận chính trị, ông ta hiểu rõ ràng muốn xuất đầu lộ diện, khiến vua Tần chú ý, phương pháp duy nhất là dâng thư. Sau khi thăm dò phỏng đoán tâm lý vua Tần, phân tích tình thế lúc đó, Lý Tu dứt khoát dâng thư trình bày: Phàm là người làm nên sự nghiệp đều là người biết tranh thủ cơ hội. Trước kia thời Tần Mục công thế nước rất mạnh nhưng rồi cuộc cũng không có cách gì thống nhất Trung Quốc. Có hai nguyên nhân: một là lúc đó thế lực của nhà Chu còn mạnh, uy vua vẫn còn, không dễ lật đổ; hai là sức mạnh của các nước chư hầu còn mạnh, so với nước Tần hơn kém bao nhiêu. Chẳng qua từ Tần Hiếu công về sau, sức mạnh của nhà Chu suy yếu nhiều, các nước chư hầu đánh nhau liên miên, nước Tần đã nhân đó mà hùng mạnh. Lúc này thế nước hùng cường, đại vương hiền đức, quét bằng sáu nước như quét tro bụi. Đây chính là thời cơ tốt nhất xây dựng đế nghiệp thống nhất thiên hạ. Đại vương nhất thiết không thể để lỡ.

Những lời lẽ đó phù hợp với nước Tần và tình hình thực tế các nước chư hầu, lại đón được tâm lý vua Tần nên Lý Tu được vua khen ngợi và được đề bạt làm trưởng sử. Lý Tu

không chỉ bày mưu tính kế về những phương châm chính sách lớn cho vua Tần mà còn đề xuất ý kiến về những phương án cụ thể. Ông ta khuyên vua Tần dùng của cải để hối lộ vua tôi sáu nước làm cho họ xa lìa tâm đức, không thể hợp sức chống Tần, để tiện cho nước Tần đánh phá các nước. Mưu kế này thành công xuất sắc, do đó Lý Tư được vua Tần cho làm khách khanh. Lý Tư bắt đầu nổi tiếng ở nước Tần từ đó.

Nhưng cũng lúc đó, tại nước Tần bùng lên cuộc vận động, chống người nước ngoài được châm ngòi bởi nước Hàn cho gián điệp sang đào kênh giúp Tần.

Nước Hàn là láng giềng của Tần, nếu Tần định thống nhất sáu nước thì nước Hàn lâm vào cảnh đầu sóng ngọn gió, nước Hàn cảm thấy vừa sốt ruột vừa sợ hãi, nhưng không nghĩ ra được cách gì. Thế là họ phái một chuyên gia thủy lợi tên là Trịnh Quốc sang nước Tần, trình bày với vua Tần về sự cần thiết phải đào kênh khiến vua Tần đồng ý, bắt đầu đào kênh. Không lâu mục đích đào kênh của Trịnh Quốc bị lộ, nguyên do Trịnh Quốc là gián điệp của nước Hàn, mục đích đào kênh không hề là để lo việc thủy lợi, mà nhằm làm cho nước Tần hao tài tốn của để làm giảm sức mạnh của nước Tần trong việc tập trung binh lực tiến sang phía đông. Lúc này, các nước chư hầu phía đông cũng lần lượt ngầm phải gián điệp sang nước Tần hoạt động dưới nhiều phương thức, nhiều nhất vẫn là các khách mời. Một số gián điệp cũng bị phát hiện. Như vậy quần thần xuất thân từ nước Tần một mặt lo nghĩ về nước Tần, đồng thời cũng lo tìm cách diệt trừ đối thủ

cạnh tranh của mình trên quan trường, đều kiên quyết chủ trương xua đuổi người nước ngoài. Trong tình hình ấy Vua Tần hạ một đạo "Lệnh đuổi khách". Lý Tư cũng ở trong số bị đuổi.

Lý Tư rời nước Tần với tâm trạng thất vọng và buồn thảm. Khi đến gần biên giới, ông cảm thấy phải thử một lần cuối, nếu không một khi đã ra khỏi nước Tần thì không có ngày trở lại, công danh lợi lộc một đời cũng thành dãi trảng xe cát. Với tâm trạng đó Lý Tư dâng thư cho vua Tần, đó là bức thư "Lời can về việc đuổi khách" (thư khuyên can đuổi khách) nổi tiếng:

Thần nghe nói quan lại bàn đến việc đuổi khách. Thần trộm cho là sai. Ngày xưa Tần Mục công đi tìm kẻ sĩ, phía tây mời được Do Dư ở đất Nhung, phía đông mời Bách Lý Hề ở nước Sở, đón Kiển Thúc ở nước Tống, cầu Phi Báo và Công Tôn Chi ở nước Tống. Chính vì dùng năm người này Tần Mục công mới thôn tính được hai mươi nước, xưng bá ở phía tây. Tần Hiếu công dùng Thương Ưởng thi hành pháp luật mới, thay đổi phong tục, đất nước càng thêm giàu có. Vì thế đánh bại được nước Sở, nước Ngụy, mở rộng đất nước gần nghìn dặm, nước Tần ngày càng lớn mạnh hơn. Tần Huệ Văn vương dùng mưu kế của Trương Nghi đã phá tan được kế hợp tung của sáu nước. Khiến các nước phải phục tùng nước Tần. Tần Chiêu vương dùng Phạm Truy làm quý thích (họ ngoại của vua) yếu sức, củng cố vương quyền, chiếm các nước chư hầu như tầm ăn lá dâu, cuối cùng nước Tần xây dựng được nghiệp đế. Bốn đời vua

này đều dùng khách khanh (quan người nước ngoài) đến cống hiến cho nước Tần, các khách khanh kia có gì không phải với nước Tần đâu? Giả sử lúc đầu bốn vị vua đều hạ lệnh đuổi khách thì chỉ có thể đưa nước Tần đến cảnh nghèo nàn, không thể lớn mạnh được.

Trong thư, Lý Tư còn lấy dẫn chứng về ngọc trân châu, ngựa quý, gái đẹp của nước ngoài được dùng ở nước Tần, thử hỏi lại vì sao các sản vật thì được dùng còn người tài thì không được dùng? Từ đó rút ra kết luận là nếu nước Tần không dùng người tài của nước khác, đó là đuổi cá vực sâu, đuổi chim trong bụi, chỉ có thể khiến người tài trở về các nước, tăng thêm sức mạnh các nước khác, không hề có lợi cho nghiệp lớn của nước Tần.

Luận điểm của bức thư có thể nói là rất chân thực, phù hợp với đòi hỏi thực tế của nước Tần thời đó, lại thêm lời lẽ khẩn thiết, tình cảm chân thành khiến vua Tần đọc xong cảm động, bèn hủy bỏ lệnh đuổi khách. Sai người đưa Lý Tư trở lại và phong cho chức Đình úy.

Trịnh Quốc là gián điệp của nước Hàn, đang bị giam trong ngục, cũng nhân đó dâng thư nói rằng mỗi đầu xui nước Tần đào kênh nhằm làm tiêu hao sức người, sức của của nước Tần, nhưng đào kênh cũng là một nhu cầu đích thực của nước Tần, nếu không, lúc đó đại vương đã không phê chuẩn để làm. Huống hồ nay đã làm được một nửa, nếu bỏ dở giữa chừng thì uổng phí công sức ban đầu; nếu như tiếp tục làm

đến cùng thì nước Tần được tuổi nước muôn đời. Vua Tần thấy Trịnh Quốc nói cũng có lý, liền ra lệnh thả Trịnh Quốc để tiếp tục chủ trì đào kênh. Đó là công trình thủy lợi kênh Trịnh Quốc nổi tiếng thời Chiến Quốc.

Lý Tư cuối cùng cũng đứng vững chân trên nước Tần. Đọc xong thư can của Lý Tư, vua Tần càng thêm tin nhiệm ông ta. Lý Tư từng bước lên cao, tiền đồ rực rỡ. Đúng lúc đó, Hàn Phi là bạn học của Lý Tư cũng đến nước Tần, đối với Lý Tư, đó thực là một thách thức lớn.

Hàn Phi là người nước Hàn, cùng họ với vua Hàn. Hàn Phi là người uyên bác, nhạy bén, là nhà tư tưởng lớn cuối thời Chiến Quốc. Học thuyết của Hàn Phi phát triển khía cạnh "pháp trị" trong tư tưởng của Tuân Tử, kết hợp "Thế" của Thận Đáo, "Pháp" của Thương Ưởng, "Thuật" của Thân Bất Hại thành lý luận tương đối hoàn chỉnh về quân chủ chuyên chế. Hàn Phi viết rất nhiều, sách, trong đó có "cô phần" (sự phần nộ của con người cô độc) "Ngũ đồ" (năm thứ sâu mọt), "Thuyết nan" (khó khăn của người du thuyết)... Điều kỳ lạ là, ông viết những sách này, vốn dĩ là do nhìn thấy nước Hàn suy yếu, do dân thư hiễn kế mà không được dùng, do thất vọng, ai oán và giận dữ. Vua nước Hàn xem nhẹ những trước tác ấy, nào ngờ sách truyền đến nước Tần, vua Tần đọc hết, kinh ngạc, thốt lên:

- Nếu ta gặp được người này kết bạn thì dầu chết cũng không ăn năn.

Nước Hàn thì khinh rẻ người tài, nước Tần thì coi trọng người tài, thật là một sự tương phản rõ rệt. Sau này nước Tần đánh nước Hàn, tình thế nguy ngập, vua Hàn không thể không dùng Hàn Phi sai Phi đi sứ sang Tần. Hàn Phi sang nước Tần là vì vậy.

Lý Tư hiểu rõ rằng bất luận về năng lực học thuật hay năng lực chính trị, ngoại giao thì bản thân ông ta còn kém xa Hàn Phi. Vua Tần lưu giữ Hàn Phi, chưa biết Hàn Phi có được trọng dụng hay không, chẳng may một khi Hàn Phi đã được trọng dụng thì mình suốt đời không thể ngừng đầu được. Muốn có công danh lợi lộc, trước hết phải diệt trừ Hàn Phi. Lý Tư nói với vua Tần:

- Hàn Phi là họ hàng thân thiết của vua Hàn, bề hạ hiện đang đánh nước Hàn, tất nhiên Hàn Phi không đồng ý, yêu nước Hàn không yêu nước Tần, đó là sự thường tình của con người.

Vua Tần nói:

- Đã không dùng thì cho đi!

Lý Tư muốn hại bằng được Hàn Phi nên tâu với Vua Tần:

- Nếu để cho hần về nước Hàn, nhất định hần sẽ vì nước Hàn bày mưu tính kế không có lợi cho nước Tần. Chi bằng giết ngay khi hần chưa đủ lòng cánh.

Vua Tần tin lời Lý Tư, nên để Lý Tư đưa thuốc độc cho Hàn Phi, lệnh bắt phải tự sát. Hàn Phi hiểu rõ tính cách của

Lý Tư nên uống thuốc độc tự sát. Lý Tư biết rằng từ nay không có đối thủ nên càng hoành hành.

Năm 221 trước Công nguyên, Tần vương Chính thôn tính hoàn toàn sáu nước, làm cho cục diện phân chia cát cứ lâu dài của Trung Quốc sau này trở lại thống nhất. Vấn đề đầu tiên đặt ra sau khi thống nhất là quản lý một nước lớn nhất thống nhất như thế nào? Đầu tiên thừa tướng Vương Quân nói rằng: cả nước đất đai rộng lớn rất khó quản lý, phải làm như đời Chu, phong tước cho các người trong họ để chia đất mà trị. Lúc triệu tập quần thần để bàn bạc việc này, bác sĩ Thuần Vu Việt dâng thư tâu:

- Ân, Chu sở dĩ có cả tước trên ngàn năm, là do đem đất nước chia cho các con em và công thần. Nay đất nước rộng lớn như thế này con em trong họ không được chia đất, cũng giống như dân thường, nếu bỗng chốc xảy ra việc phản loạn như Diên Thuồng của nước Tề, Lục Khanh của nước Tấn thì có ai đến cứu giúp. Xưa này không hề có chuyện không học kinh nghiệm người xưa mà giữ được lâu dài.

Chỉ có Lý Tư kiên trì việc lập quận, huyện, bổ nhiệm quan cai trị. Ông ta cho rằng sở dĩ đất nước rối loạn liên miên là do từ thời Chu cho đến nay, sau khi được chia đất, các chư hầu mỗi người một cách trị vì, thù địch lẫn nhau, thiên tử Chu không có cách gì ngăn trở. Như ngày nay đất nước đã thống nhất nếu lại lập ra nhiều nước cũng như lại phân chia nước không lợi dụng được sự quản lý tập trung của trung ương.

Căn cứ tình hình đương thời và kinh nghiệm của bản thân, Tần Thủy hoàng chấp thuận kiến nghị của Lý Tư chia nước làm ba mươi sáu quận, dưới quận lại chia thành huyện. Lý Tư đã cố gắng hiến kế cho việc hoàn thiện hình thức thống trị của xã hội phong kiến Trung Quốc.

Thuần Vu Việt tìm cách thực hiện chế độ chia đất khiến Tần Thủy hoàng tức giận đuổi đi và giao cho Lý Tư xử lý. Kết luận của Lý Tư rất là kỳ lạ: cho rằng Thuần Vu Việt nệ cổ không biết thay đổi, trọng cổ, khinh kim; tội trạng đó là do đọc sách, nhất là đọc sách cổ, cuối cùng Lý Tư kiến nghị Tần Thủy hoàng hạ lệnh đốt sách.

Theo quy định của Lý Tư, phạm các sách sử không viết về nước Tần, các thi, thư, bách gia ngữ mà các bác sĩ thu giữ, đều nhất loạt bị đốt; chỉ có các sách thuốc, trồng cây và bói toán là được giữ lại. Nếu người nào dám bàn lại về Thi, Thư, thì sẽ đem ra chợ chém hoặc phơi xác ngoài phố, ai dám lấy đời xưa mà chê đời nay thì giết cả họ, quan lại biết mà không tố giác thì cũng chịu tội; hạ lệnh trong ba mươi ngày người nào không đốt sách thì khắc chữ vào mặt và phải đi xây dựng Trường thành. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một sự tàn phá lớn đối với văn hóa Trung Quốc.

Hai năm sau, tức năm 212 trước Công nguyên Tần Thủy hoàng một lại bức hại các thư sinh hết sức dã man. Thủy hoàng đã hạ lệnh chôn sống tất cả hơn bốn trăm sáu mươi học trò ở Hàn Dương, đấy là vụ "chôn học trò" khét tiếng.

"Đốt sách, chôn học trò" là một sự việc tồi tệ trong lịch sử Trung Quốc, nó không chỉ gây tổn thất nặng nề cho nền văn hóa Trung Quốc, mà còn là một nỗi nhục lớn đối với văn minh loài người, sự bức hại tàn khốc đối với sự tôn vinh con người. Sự kiện này dĩ nhiên không tách rời chủ trương cai trị bạo tàn của Tần Thủy hoàng, nhưng cũng do Lý Tư mượn gió bẻ măng, thậm chí biến không thành có, làm cho sự việc thêm trầm trọng. Đến nay nhìn lại, có thể thấy rằng Lý Tư làm như thế, một mặt là để lấy lòng Tần Thủy hoàng, đẩy các việc mà Tần Thủy hoàng muốn làm đến chỗ cực đoan, mặt khác, có lẽ cũng là để diệt tận gốc từ tinh thần đến vật chất đối thủ cạnh tranh với mình, làm cho những người có tài trong nước phải dè chừng, để cho Lý Tư có thể một mình tiến bước trong triều đình nước Tần.

Mục đích của Lý Tư phải nói là đã đạt được, nhưng Lý Tư xuất thân từ một học giả, rốt cuộc lại có thể phản bội văn hóa, hủy diệt văn hóa, làm một việc có thể gọi là tâng tận lương tâm như vậy; đối với "người đọc sách" như thế, chúng ta còn có thể nói gì?

Năm 210 trước Công nguyên, để đề cao uy danh hoàng đế, vỗ về thân dân sáu nước, Tần Thủy hoàng bắt đầu cuộc đi xa lần thứ năm của mình. Xuất phát từ Hàn Dương qua Vũ Quan dọc theo bờ Vị Thủy, Hán Thủy đến Vân Mông, lại qua Trường Giang xuống phía đông thẳng đến Cối Kê. Lên núi Cối Kê tế Đại Vũ và khắc đá kỷ niệm. Khi quay về Hàm

Dương phía bắc, Tần Thủy hoàng mắc bệnh nặng, rồi chết ở Sa Khâu.

Lúc này đi theo Tần Thủy hoàng có Lý Tu, con thú của Tần Thủy hoàng là Hồ Hợi và thầy học của Hồ Hợi là Triệu Cao. Trước khi chết, Tần Thủy hoàng đã triệu Phù Tô về đưa tang. Theo tập quán bấy giờ, con cả kế vị là đạo nghĩa của trời đất, hướng hồ Phù Tô lại cương nghị, dũng cảm, được lòng người. Nhưng Triệu Cao muốn nắm lấy quyền lớn, ra sức nghĩ cách đưa Hồ Hợi lên ngôi vua nên để Hồ Hợi lên giữ thư của Tần Thủy hoàng viết cho Phù Tô.

Tần Thủy hoàng đột tử, Lý Tu sợ xảy ra cảnh thiên hạ đại loạn bèn sai người hóa trang thành Tần Thủy hoàng trong xe và cho người dâng cơm nước như thường lệ. Nhân cơ hội này Triệu Cao lời kéo Lý Tu bằng chiến thuật đánh vào tâm lý, giữa hai người đã có một đoạn đối thoại đặc sắc.

Triệu Cao nói:

- Hoàng đế trước khi mất đã viết một phong thư triệu Phù Tô về đưa tang; thư chưa phát đi thì chết, ông biết việc này. Nhưng hiện giờ lá thư này ở trong tay Hồ Hợi, Hoàng đế đã mất cũng không có người nào biết, quyết định cho ai kế vị, toàn trông vào ngài và tôi. Ý của ông như thế nào?

Lý Tu nói:

- Sao lại nói lời "mất nước" như vậy? Việc đó không phải là để bọn bầy tôi bàn. Ông nói như vậy có cảm thấy quá đáng không?

Triệu Cao nói:

- Nếu cứ làm theo ý của Thủy hoàng cũng không hẳn là không thể được, không có hại gì đối với tôi. Tôi chỉ muốn hỏi Ngài, ngài so với Mông Diêm, thì ai giỏi hơn?

Lý Tư:

- Tôi không bằng Mông Diêm.

Tốt lắm! Phù Tô cương nghị, dũng cảm, lại từng kiên quyết phản đối việc Ngài và Hoàng đế đốt sách chôn học trò. Sau khi lên ngôi, Phù Tô tất sẽ muốn bổ nhiệm Mông Diêm là người thân cận nhất làm thừa tướng. Đến lúc ấy, Ngài làm thế nào?

Lý Tư im lặng. Triệu Cao thì nói toạc hẳn ra, lợi dụng lòng tham quyền chức, giàu sang của Lý Tư để tranh thủ Lý Tư. Thế là hai người hợp mưu, làm thư giả của Tần Thủy Hoàng chỉ trích Phù Tô "bất hiếu", Mông Diêm "bất trung", lệnh cho cả hai phải tự sát. Phù Tô nhận thư xong tự sát, Mông Diêm không chịu tự sát, sau bị giam vào ngục, cuối cùng cũng uống thuốc độc tự sát. Hồ Hợi lên ngôi là đời thứ hai nhà Tần.

Lý Tư là một kẻ có thể hy sinh cả lương tri để có được công danh. Hồ Hợi thì rất hồ đồ ngu xuẩn, chỉ muốn hưởng lạc, không quan tâm đến việc triều chính, nước Tần đã rơi vào tình trạng rất nguy hiểm. Nhưng Lý Tư vì để giữ danh vị của mình, tuy đã nhìn thấy rõ ràng cũng làm ngơ. Một lần, Hồ Hợi lại hỏi Lý Tư:

- Hàn Phi bạn học của khanh đã nói trong sách rằng các bậc đế vương cổ đại đều vô cùng gian khổ, lẽ nào làm vua tức là để chịu tội sao? Nếu đế vương ngay bản thân mình không đầy đủ thì làm sao có thể cai trị và lo cho dân được? Trẫm cho là quân thần bất tài mới khiến vua phải chịu nhục. Nay ta muốn gì được nấy lại muốn trị yên đất nước, khanh có thể nghĩ cách nào thay ta?

Lý Tư không những không thẳng thắn khuyên can, trái lại còn suy đoán tâm lý Hồ Hợi rồi hiển "thuật đốc trách"(*). Nếu "dốc trách" thì quân thần và dân chúng không dám không gắng công gắng sức phục vụ, nếu không thì còn khổ sở hơn Đường Nghiêu, Ngu Thuấn. Nội dung thuật "dốc trách" là nhà vua đốc đoán chuyên quyền, dùng cực hình tàn khốc. Cái từ bịp bợm như đánh lừa trẻ con này rất hợp ý Hồ Hợi. Hợi lập tức dùng luôn. Kết quả, trong nước "trung thần" bị giết, "quan hiền" gặp nạn, tiếng oán hờn đầy đường.

Triệu Cao và Lý Tư vốn đã lợi dụng lẫn nhau, sau này lại bày tìm mưu tính kế thanh toán lẫn nhau, đó cũng là lẽ tự nhiên. Hồ Hợi suốt ngày chơi bời trác táng trong cung, mọi việc lớn nhỏ đều ủy thác cho Triệu Cao giải quyết. Một hôm Triệu Cao đến thăm Lý Tư, cố ý bàn về cuộc loạn ở Quan Đông, hai người cùng khóc thút thít. Triệu Cao nói:

- Hiện giờ giặc giả ở Quan Đông nhiều như kiến, tin báo động liên tiếp mà chúa thượng vẫn mãi vui chơi, lại trưng tập

(*) Đốc là tra hỏi, trách là phạt. Đốc trách là dùng hình phạt nghiêm khiến người ta sợ pháp luật (N.D.)

rất nhiều phu dịch xây dựng cung A Phòng, chọn mua chó ngựa cùng các vật vô dụng, đầy cung đình, không biết cách tự sửa mình. Chúng tôi ruột nóng như lửa, thấp cổ bé họng không biết làm thế nào? Không như thừa tướng dúc cao uy lớn chỉ còn trông đợi thừa tướng dâng lời khuyên can, thực Lý Tư nói:

- Không phải là không muốn dâng lời khuyên can, thực ra Hoàng Thượng không ra triều để xét việc, vẫn chưa tiện gặp:

Triệu Cao nói rằng nên đợi ông ta dò hỏi, khi nào chúa thượng nhân hạ thì vào báo cáo. Lý Tư cộn cho rằng Triệu Cao là trung thần nên rất vui vẻ nhận lời.

Mấy ngày sau, đúng lúc Hồ Hợi đang cao hứng vui chơi Triệu Cao sai người truyền ngay cho Lý Tư vào bái kiến. Lý Tư vội mặc triều phục tất tả vào cung, nào ngờ đến đúng lúc Hồ Hợi đang vui đến tột đỉnh, Lý Tư đành hứng chịu một trận mắng nhiếc đành phải quay về. Đi lại như vậy đến ba lần, Hồ Hợi càng giận Lý Tư, trách Lý Tư làm mất cả hứng thú trong cuộc vui. Nhân đó Triệu Cao gièm hại Lý Tư: "Việc làm giả Chiếu thu để bệ hạ lên ngôi Hoàng đế, Lý Tư đã tham gia. Ông ta vốn cho rằng mình có công lớn, Hoàng thượng đã phong thưởng, nay chưa vừa ý nên bất mãn. Giờ đây sau nhiều lần cầu kiến liên tiếp e rằng có ý không tốt, phải đề phòng". Lại nghe nói bên ngoài loan truyền tin ông ta cùng con cả Lý Do đang hợp mưu làm phản, tuy chưa xác thực nhưng giặc cướp ở Quan Đông hung hăng ngang ngược, Lý

Do không gắng công diệt trừ, đó là chúng có xác thực nhất, xin bệ hạ hạ lệnh tống giam không nên do dự".

Hồ Hợi tuy hồ đồ đáng cười nhưng cũng thấy rằng đây là việc hệ trọng nên trước hết cho người đi điều tra. Triệu Cao ngầm xui sứ thần vu cáo Lý Tư.

Đến lúc này, Lý Tư nghe nói có người đang điều tra mình và con trai Lý Do mới biết là đã trúng kế của Triệu Cao. Lập tức Lý Tư dâng thư kể tội trạng của Triệu Cao, mong cứu vãn tình thế. Nhưng Hồ Hợi xem xong tờ tấu, giận dữ nói:

- Triệu Cao thanh liêm vì người, đối với dưới biết tình người, với trên thì hợp ý trăm, Trăm không dựa vào Triệu Cao thì biết dựa người nào? Thừa tướng lòng không thực lại còn bịa chuyện vạch tội Triệu Quân!

Liền đó ném trả Lý Tư tấu biểu.

Lý Tư thấy Hồ Hợi không nghe liền liên lạc với hữu thừa tướng. Phùng Khứ Tật, tướng quân Phùng Kiếp liền dâng thư xin Hồ Hợi dùng xây cung A phòng, với ẩn ý xin bác bỏ Triệu Cao. Lúc này Hồ Hợi thực sự tức giận, ông ta cho rằng Thiên tử đã có cả đất nước thì tha hồ hưởng lạc, mà thần tử thì phải bình định nổi giặc cướp, chia sẻ được nỗi lo của vua. Lý Tư không ngờ rằng mình đã hiến "thuật đốc trách" ở đây lại chính mình bị "dốc trách" (ý nói gây ông lại đập lưng ông). Lại thêm Triệu Cao ở bên xui giục, Hồ Hợi hạ lệnh bắt ba người, bãi quan, nhốt ngục chờ luận tội.

Phùng Khứ Tật và Phùng Kiến không chịu nhục đả tự sát Lý Tu vẫn luyện tiếu giàu sang không chịu chết, bị Triệu Cao đánh hơn nghìn trượng đến chết ngất.

Lý Tu đã tưởng dâng thư kêu oan nhưng bị Triệu Cao ngăn chặn. Lý Tu chịu không nổi tra khảo tàn khốc đành phải thừa nhận tội trạng. Con trai trưởng Lý Do lại đã chết trận, không thể đối chứng. Thế là Triệu Cao dễ dàng theo dết được một vụ án lớn mưu phản. Sau khi xem tài liệu vụ án Hồ Hợi khen: "Rất may Triệu Khanh phá được vụ án lớn này, nếu không hậu quả thật không thể tưởng tượng được".

Hồ Hợi lệnh buộc Lý Tu phải chịu đủ ngũ hình^(*), tru di ba họ. Con em, họ hàng lý Tu cùng bị bắt đến Thị Tào. Lý Tu khóc lóc và nói với con thứ: "Cha mong được con lại dắt con chó vàng đi ra cửa đông Thượng Sái đuổi bắt thỏ, nhưng làm sao được nữa?"

Trước hết Lý Tu bị khắc chữ vào mặt, sau đến cắt mũi rồi cắt ngón chân trái, chân phải rồi thì chặt đầu cuối cùng chém đứt ngang lưng rồi vằm cho nát thịt. Các người trong họ cũng đều bị chém.

Đó là kết cục của nhà học giả, nhà chính trị đầy mưu mô đầu tiên của Trung Hoa.

(*) Ngũ hình là năm hình phạt: tử (tội chết), lưu (tù chung thân), đồ (đi đầy có kỳ hạn), giam (tội giam), và (phạt tiền) (N.D.)

Nói chung, trong đời mình Lý Tu đã bày mưu tính kế giúp Tần Thủy hoàng thống nhất Trung Quốc, thắng được phái Nho quan, thực hiện chính sách lập quận, huyện. Đó là những công lao đáng kể. Tuy nhiên những việc ấy không hề xuất phát từ động cơ vì nước, vì dân, cũng không vì một triều đại, một ông vua nào, mà chỉ vì quyền thế, danh vị riêng của mình.

Cuộc đời Lý Tu đầy những vết nhơ, không kể việc hại Hàn Phi và những trò xu nịnh, riêng việc "đốt sách chôn học trò" cũng đã để lại tiếng xấu ngàn đời không thể gột sạch.

Lý Tu mưu đoạt danh lợi phú quý với mưu thuật riêng, có điều dút ra không kịp, làm cho cả họ bị tiêu diệt, không khỏi bị cho là đáng tiếc! Tuy nhiên điều đáng tiếc hình như không phải ở chỗ này, vì sao trước kia Trung Quốc lại có rất ít những người thực sự họ cho dân cho nước?

Vì sao những học giả vì dân vì nước một khi đã làm quan lại chỉ lo cho thân mình vì gia đình mình?

Ở đâu cũng đầy những kẻ như Lý Tu, mưu đồ công danh lợi lộc bằng mọi giá! Quan trường phong kiến thật là cái vại lớn nhuộm linh hồn, đã nhuộm màu cho cả một dân tộc.

Nhưng nói cho thực công bằng, suy cho cùng Lý Tu xuất thân là người có học, vẫn còn phần nào ngay thẳng và thành thực, điều đó khiến cho Lý Tu trúng kế của Triệu Cao, nếu không thì ông đã sớm khuyên can Hồ Hợi. So sánh Lý Tu với

Triệu Cao ta có thể thấy ngay bản sắc của người có học, từ đó suy ra rằng người có học chân chính không bao giờ có thể trở thành một nhà quyền mưu giỏi. Bởi vì ở nơi sâu thẳm trong trái tim họ luôn có một sợi dây chính nghĩa và lương thiện, điều đó đủ khiến cho họ phải thất thế trên quan trường phong kiến.

39. TRUNG THẦN LÀM CỪU NON THẾ MẠNG

"Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo. Bất thị bất báo, thời thần vị đáo" (Thiện có thiện báo, ác có ác báo, không phải không báo, chưa đến lúc báo). Đó là một câu tục ngữ, một câu cách ngôn, hay một lời khẩn cầu, một lời nguyện rủa?

Trong khi đánh đồng những thứ đó là "mê tín", là "tức mệnh luận" mà lớn tiếng phê phán, chúng ta hãy cứ bình tĩnh mà ngẫm nghĩ xem liệu những thứ đó sinh ra, tồn tại và phát triển có phải là do những nguyên nhân gì khác không?

Hình như là do những chuyện "người tốt không trường thọ, kẻ ác sống ngàn năm" quá nhiều, hình như hiện tượng lẽ trời không cách nào sáng tỏ đã đầy rẫy, con người không còn tin ở lẽ trời, lẽ người nữa, nhưng con người vẫn phải nhẫn nhục mà sống. Thế là họ sáng tạo ra lý thuyết nhân quả báo ứng, nếu như không nhìn thấy thiện ác báo ứng thì cũng do "chưa đến lúc báo" đó thôi, chứ không phải báo ứng mất thiêng đâu. Như vậy, tâm linh con người được an ủi, dựa vào điều an ủi đó, con người có dũng khí và lòng tin để sống tiếp. Mặc dù, sự an ủi đó là hư ảo, không cách chứng minh, nhưng con người

nguyện tin như vậy, không cho rằng nó là giả dối. Vì một khi tin rằng nó là hư ảo thì con người sẽ không còn lấy sợi dây hy vọng cuối cùng, con người sẽ mất lòng tin vào cuộc sống.

Thiện ác báo ứng đúng là một giả tưởng do con người hư cấu nên và cũng là lý tưởng tốt đẹp của người lương thiện, nhưng trong lịch sử Trung Quốc, ít khi người thiện được may mắn, mà bọn người gian thì lại được sung sướng, hưởng trọn tuổi trời. Trong triều đình và quan trường phong kiến cũng vậy, chuyện kẻ trung bị dèm pha, người hiền bị nghị kỵ khắp nơi có thiếu gì, mà chuyện kẻ gian được sủng ái, nịnh thần được yêu quý cũng không sao kể xiết.

Người tốt không được báo đáp một cách tốt đẹp, điều đó có nguồn gốc sâu xa của nó, trong cuộc cạnh tranh một mất một còn tại quan trường, đúng là người tốt hãy còn lương tâm, nhưng vì chút ít lương tâm đó mà họ mới khổ sở. Mà kẻ xấu thì táng tận lương tâm, không từ bỏ thủ đoạn nào để giành phần thắng. Xem ra câu nói trên đây có tính tất nhiên nhất định, thậm chí, trong những tình huống nhất định, có thể nói: "Người tốt không được báo đáp, được báo đáp tất không còn là người tốt". Đó quả thật là một kết luận đáng buồn.

Với đặc trưng đó, quan trường phong kiến thường tìm ra những con cừu non thể tội, hoặc do yêu cầu của tình thế, hoặc do không biết đường chạy thoát thân hoặc do cả hai, một số trung thần nghĩa sĩ đành ngoan ngoãn để cho người ta làm thịt.

Vào cuối triều Hán, Tào Tháo dẫn quân đi đánh trận, đánh mãi không thắng, lương thảo cạn dần. Quan coi lương đành phải bớt suất ăn của quân sĩ để tiết kiệm lương thực, kéo dài thêm được ít ngày nữa. Nhưng quân lính ăn không đủ, mà nếu biết trong quân lương đã cạn, tất sẽ náo loạn. Tào Tháo thấy quân đội lòng dạ nao núng rất sốt ruột bèn nghĩ ra một mẹo để làm yên lòng quân sĩ. Ông ta cho gọi viên quan quản lương vào trong hang, nói sẽ có kế sách làm yên lòng quân sĩ, viên quan quản lương rất mừng, tưởng Tháo đã có lương thực chở đến. Không ngờ Tào Tháo nói:

- Vì sự nghiệp của quân đội và quốc gia người phải chịu hy sinh, ta sẽ mượn cái đầu của người?

Nói xong, cho người chém đầu quan quản lương. Sau đó, Tháo cho treo đầu quan quản lương lên cán cờ và cho báo trước toàn quân:

- Quan quản lương cắt giảm lương thực, tham ô của công, chém đầu thị chúng.

Đồng thời lệnh cho cấp đủ lương thực, lòng quân quả nhiên được yên.

Thời Kiến Văn đế triều Minh, nho thần Phương Hiếu Nhu nhiều lần kiến nghị phải tìm cách ép buộc Yên vương Chu Đệ, Chu Đệ lo sợ quá, phải giả điên để thoát họa. Sau khi chuẩn bị xong liền nổi dậy, đánh thẳng về Nam Kinh, nói là để diệt nịnh thần Phương Hiếu Nhu dẹp loạn cho vua, may

mà Kiến Văn để cùng quần thần đều biết chuyện Ngô Vương Lưu Tị đòi Tây Hán "diệt Tiều Thác", nên Phương mới được tha giết, nếu không Hiếu Nhu đã thành cừ non thế mạng.

Trong lịch sử Trung quốc, loạn "bảy nước" Ngô Sở thời kỳ Tây Hán, là vụ loạn nổi tiếng của phiên vương. Vì vụ loạn đó kêu gọi "diệt Tiều Thác", nên Tiều Thác trở thành cừ non thế tội. Cái chết của Tiều Thác có nhiều nguyên nhân.

Sau khi Hán Văn đế chết, thái tử Khải nối ngôi, hiệu là Hán Cảnh đế. Lúc này thế lực các phiên vương được phong chia từ thời Lưu Bang đã lớn mạnh, có nơi làm muối bằng nước biển, đúc tiền kim loại, họ có thế lực kinh tế và tính độc lập mạnh. Đối với chính quyền trung ương Hán triều, các phiên vương dần dần phát triển thành những cái đuôi không cắt bỏ được. Tiều Thác bước lên vũ đài lịch sử trong bối cảnh đó. Tiều Thác tuy tài trí hơn người, nhưng không hiểu nhân tình thế thái, không biết tự lo liệu, chỉ nghĩ đến đường tiến, cuối cùng không tránh khỏi bại vong. Tính cách của Tiều Thác trên mức độ nhất định đã quyết định cái kết cục bi đát của ông ta, thêm vào đó, do được thăng tiến nhanh chóng, Tiều Thác cũng thiếu kinh nghiệm xã hội.

Tiều Thác vốn là gia nhân của thái tử, sau khi Cảnh đế lên ngôi, do đối xử, nói năng vừa ý Cảnh đế, ông ta được nâng từ trung đại phu lên làm nội sử. Do Tiều Thác là người của Cảnh đế, lại được tín nhiệm đặc biệt nên Tiều Thác thường được dự các hoạt động bàn mưu tính kế, những kiến nghị của

ông ta thường được chấp nhận; pháp luật, chế độ trong triều, chỗ nào Thác cũng động tới, thế là mọi đại thần trong triều đều biết Cảnh đế sùng ái Tiều Thác, không ai dám đương đầu với ông ta, điều đó gây nên sự ghen tị của một số người.

Tể tướng Thân Đồ Gia thấy mình cũng bị đối xử lạnh nhạt, trong lòng âm ứ, bí mật tìm thời cơ để loại trừ Tiều Thác. Tiều Thác bấy giờ cũng hơi quá đà, bắt đầu làm bừa. Một lần, chưa được ai phê chuẩn, Tiều Thác tự ý cho mở một cửa ngách của dinh thự của mình qua bức tường ngăn ở miếu thái thượng hoàng. Nguyên là dinh thự của Tiều Thác nằm ở phía sau miếu thái thượng hoàng, nên từ đó ra phố phải vòng rất xa, nếu qua tường này thì gần được nhiều. Thế là Tiều Thác cho người tới mở cửa, dỡ tường. Việc này tể tướng Thân Đồ Gia biết được, vội viết sớ tâu với vua, nói Tiều Thác chưa xin phép, tự ý dỡ tường, thế là miệt thị thái thượng hoàng, khép vào tội đại bất kính, theo luật phải xử tử. Có người biết chuyện này, vội báo cho Tiều Thác, Thác sợ hồn siêu phách lạc, tối khuya vẫn chạy vào hoàng cung, xin gặp vua. Hoàng đế vốn cho phép Tiều Thác được tâu việc khi cần, nay giờ dần còn vào xin gặp, không rõ việc gì vội triệu kiến. Đợi Tiều Thác tâu xong, Cảnh đế nói không sao, cứ làm tiếp.

Hôm sau vào triều, Thân Đồ Gia dâng sớ tâu, những tường hoàng đế sẽ trị tội Tiều Thác, ngò đầu Cảnh đế xem xong nói:

- Tiều Thác mở cửa mới cho tiện, chỉ qua tường ngoài của miếu thái thượng hoàng, không động đến miếu, mà đã báo cáo trăm, tể tướng không cần phải lo.

Sau buổi chiều, Thân Đồ Gia uất ức, thổ huyết mà chết. Cảnh đế cho ngự sử đại phu Đào Thanh làm tế tướng, cho Tiêu Thác lên làm ngự sử đại phu. Không những không bị tội mà còn được ân sủng hơn trước, Tiêu Thác luôn hết lòng lo báo đáp hoàng thượng.

Tiêu Thác được thăng chức liên tiếp. Trong điều kiện như vậy, người ta thường dần dần trở nên mất thận trọng, Tiêu Thác lại càng như vậy. Ông ta còn trẻ đang hăng hái, thấy như trên đời không có việc gì không làm được. Ông ta muốn nhân đà này làm một vài việc lớn gì đó, một mặt để ra oai, mặt khác để báo trung với hoàng thượng, thế là ông ta dâng thư lên Cảnh đế, xin đi tước đoạt đất phong của các chư hầu, bắt đầu từ nước Ngô. Đại ý thư viết như sau:

- Xưa kia, Cao tổ mới định thiên hạ, các anh em tuổi còn non, con cháu cũng yếu, nên mới phong những người trong họ làm vương. Nước Tề có hơn bảy mươi thành, nước Ngô có năm mươi thành, nước Sở có hơn bốn mươi thành, tựa hồ đã phong tới nửa đất nước cho họ. Nay Ngô vương già yếu không vào triều, theo luật xưa đáng tội chết, Văn đế không nỡ, chỉ ban cho mấy trượng, đó là đã quá nhân đức. Ngô vương đáng phải sửa chữa sai lầm, nhưng càng kiêu ngạo vô lễ. Vào núi nấu đồng đúc tiền, ra biển lấy nước làm muối, thu nhận những tội phạm chạy trốn, âm mưu phản loạn. Nay xem ra, nếu tước đất thì Ngô, Sở và các nước cũng phản, nếu không thì họ cũng phản. Nếu tước đất, làm họ phản sớm hơn, họ sẽ không kịp chuẩn bị, tai họa sẽ bớt đi, nếu không, họ chuẩn bị chu đáo,

tuy phần muộn hơn, nhưng tai họa sẽ rất lớn, không dễ dẹp được.

Cảnh đế đã tính đến việc tước đất, nay Tiều Thác nêu ra vấn đề, liền để cho các đại thần thảo luận. Các đại thần sợ quyền thế Tiều Thác, không ai dám có ý kiến khác, chỉ có chiêm sự (một chức quan phụ trách việc quản trị) Đậu Anh là cực lực phản đối. Đậu Anh tuy không có quan chức cao trong triều, nhưng ông là cháu của Đậu Thái hậu, có nội viện, nên không sợ Tiều Thác, dám chống lại Tiều Thác. Do có sự phản đối của Đậu Anh, việc tước đất chưa hầu tạm để lại. Tiều Thác ngấm ngầm căm giận Đậu Anh từ đấy.

Chẳng bao lâu, Đậu Anh bị mất chức. Nguyên là, em Cảnh đế, Lương vương Lưu Vũ vào triều. Đậu Thái hậu rất quý con nhỏ của mình, nên Cảnh đế biết ý mẹ, đối xử rất tử tế với em. Ba mẹ con thường ngồi uống rượu với nhau, Cảnh đế trong lúc ngà ngà say, nói rằng nếu mình về cõi thiên thu thì sẽ nhường ngôi cho Lương vương. Đậu Thái hậu nghe vậy thấy như mở cờ trong bụng. Lương vương tuy miệng nói là không dám nhưng trong bụng rất đắc ý. Lời nói đó lại bị Đậu Anh đang hầu ở bên nghe được, hẩn chạy tới hô lên: "Không được", và đòi phạt Cảnh đế một chén rượu để thu lời nói đó về, kết quả là làm Cảnh đế và Đậu Thái hậu rất bức mình. Hôm sau, Đậu Anh bị mất chức, Đậu Thái hậu cũng khai trừ hẩn ra khỏi môn tộc, không cho phép được gặp mặt nữa.

Tiều Thác thấy Đậu Anh đã bị cách chức, lại nêu đề nghị cũ ra, chuẩn bị việc tước đất. Còn đang bàn cãi, thì Sở vương

Lưu Mậu vào triều. Tiều Thác nhân cơ hội nói rằng, Mậu tính vốn hiếu sắc, khi Bạc Thái hậu mất cũng không biết tiết chế, vẫn hành dâm, theo luật đáng phải xử chết, đề nghị Cảnh đế trị tội. Lưu Mậu đúng là người không chịu tuân luật pháp, bất kính người trên, hoang dâm vô độ. Các hiền sĩ của Sở như Mục Công, Thân Công, Bạch Sinh đều bỏ đi. Khi có tang sự của Bạc Thái hậu, hần vẫn mãi mê hoa nguyệt, không xót thương người mất. Thái phó Vi Mạnh và một số người khuyên chẳng được đều rù nhau đi. Nay Tiều Thác nói đúng sự thực, không thể không nhận. Nhưng Cảnh đế khoan hòa, không phạt, chỉ thu hồi quận Đông Hải còn vẫn cho Lưu Mậu về Sở.

Sau khi tước đất của Sở, Tiều Thác bèn lôi các lỗi lầm của Triệu vương ra, thu quận Thường Sơn của nước Triệu về, sau đó lại kiểm tra ra vụ Giao Tây vương Lưu Ẩn tự mua quan bán tước, rút sáu huyện về. Tiều Thác thấy các chư hầu không có phản ứng chống đối, thấy việc tước đất chư hầu là có thể làm được, bèn chuẩn bị ra tay với nước cứng đầu nhất là nước Ngô.

Trong lúc Tiều Thác đang hằng hái, bỗng thấy một cụ già tóc bạc phơ, đá tung của bước vào, nói thẳng vào mặt Tiều Thác:

- Người muốn chết hay sao?

Tiều Thác nhìn kỹ, hóa ra là cha mình. Thác vội mời ông ngồi xuống, cha Tiều Thác nói:

- Ta ở quê nhà, chẳng an nhàn ư, nhưng ta nghe nói con chủ trì triều chính, muốn ly gián ruột thịt người ta, muốn tước đoạt đất phong của người ta, bên ngoài tiếng oán đầy đường, nên ta muốn đến đây hỏi con định làm cái gì?

Tiêu Thác nói:

- Nếu không tước đất, các chư hầu bá chiếm một phương ngày càng lớn, e rằng thiên hạ nhà Hán khó giữ nổi.

Cha Tiêu Thác thở dài nói:

- Họ Lưu được, nhưng họ Tiêu sẽ nguy, ta đã già, không nhìn nổi cảnh các con bị hại, ta đành về vậy.

Nói xong đi ngay.

Ngô vương nghe nói Sở, Triệu, Giao Tây vương đều bị tước đất phong, sợ mình sẽ không thoát khỏi, bèn dấy binh làm phản. Khi xưa Lưu Bang phong đất cho Lưu Tị đã căn dặn không được làm phản. Lưu Tị là cháu gọi Lưu Bang là chú ruột, Lưu Bang từng dẫn Lưu Tị đi đánh Trần Hi, Lưu Tị dũng mãnh, thiện chiến, lập nhiều chiến công. Sau khi dẹp xong Trần Hi, Lưu Bang phong cho Lưu Tị làm Ngô vương. Khi phong thưởng Lưu Tị quỳ lạy, Lưu Bang bỗng thấy Lưu Tị có ánh mắt gian ác, lưng mọc xương ngược, dự đoán Lưu Tị sẽ làm phản, bèn nhắc nhở hấn:

- Ta xem dáng người, sau này có thể phản lắm.

Lưu Tị sợ và mồ hôi hột. Lưu Bang lại vỗ lưng Lưu Tị, nói:

Sau đời Hán 50 năm, có loạn ở phía Đông - Nam, hay là câu đó ứng với người? Vì đại nghiệp nhà Hán, không nên phản!

Nhưng nay, Lưu Tị quả cho người đi liên lạc với Lưu Ẩn, Sở vương Lưu Mậu, Triệu vương Lưu Toại và Giao Đông, Thao Xuyên, Tế Nam để cùng làm phản.

Bây nước ra quân chưa lâu, Ngô vương Lưu Tị thấy công khai chống đối triều đình không được lòng người, liền nêu ra khẩu hiệu lừa bịp và kích động là "Tiêu diệt Tiều Thác, gìn giữ ngôi vua", ý nói vua không có sai lầm, chỉ có đại thần là sai trái, bây nước nổi lên, không phải làm loạn, mà chỉ là để trừ khử gian thần bên cạnh vua mà thôi.

Cảnh đế nghe tin có loạn, vội triệu tập quần thần bàn bạc. Tiều Thác muốn dẹp loạn ngay, đề nghị Cảnh đế ngự giá thân chinh. Cảnh đế hỏi:

- Nếu ta xuất chinh, ai ở nhà giữ kinh đô?

Tiều Thác nói:

- Thần xin giữ kinh thành, bệ hạ nên đem quân ra Vĩnh Dương, ngăn chặn phiên quân, vùng Từ Đông có thể bỏ, khiến họ sinh kiêu, giảm nhuệ khí, sau đó đánh mạnh một trận có thể dẹp.

Cảnh đế nghe xong vẫn không nói gì, bỗng ông nhớ tới lời Văn đế dặn lúc lâm chung: "Thiên hạ có biến có thể dùng Chu Á Phu làm đại tướng", bèn lệnh cho Chu Á Phu làm thái úy,

dẫn binh đi đánh, Chu Á Phu không thoái thác, nhận lệnh lên đường ngay, không bao lâu lại nhận được văn thư báo cáo xin cầu viện của Tề vương, Cảnh đế thấy Đậu Anh là người trung thành có thể dùng được cho người cầm tiết phù đi triệu Đậu Anh đến. Đậu Anh vẫn nhớ chuyện hiềm khích cũ, không chịu nhận lệnh. Cảnh đế phải mấy lần thuyết phục, Đậu Anh mới phụng mệnh lên đường.

Đậu Anh sắp sửa xuất binh, bỗng có bạn cũ Viên Áng tới thăm, Viên Áng vốn là quan nước Ngô, tới khi Tiều Thác làm ngự sử đại phu đề xướng việc tước đất, Viên Áng mới xin từ chức tướng nước Ngô trở về kinh đô phục mệnh. Tiều Thác cho rằng Viên Áng nhận tiền của Ngô vương ngầm mưu thông đồng, phải trị tội. Về sau Cảnh đế hạ chiếu miễn mọi quan chức của ông, giáng làm thường dân, vì vậy Viên Áng căm ghét Thác tới tận xương tủy. Ông nói với Đậu Anh:

- Bảy nước nổi loạn, vì Ngô dấy lên, nước Ngô làm phản là do Tiều Thác gây nên. Chỉ cần hoàng đế biết đến tôi, tôi sẽ có cách dẹp loạn.

Đậu Anh xưa này vẫn bất hòa với Tiều Thác, tuy làm quan cùng triều nhưng không hề nói chuyện với nhau. Nghe viên Áng nói vậy, Đậu Anh nhận lời sẽ tâu với vua.

Viên Áng lúc đó là thường dân, không thể gặp được vua, nên phải nhờ Đậu Anh để xin gặp vua. Cảnh đế nghe nói Viên Áng có kế sách dẹp loạn, như chết đuối gặp cọc, cho triệu kiến Viên Áng ngay. Lúc đó, Tiều Thác cũng có mặt,

đang báo cáo tình hình quân lương với Cảnh đế. Viên Áng vốn định hãm hại Tiêu Thác, lời nói cử chỉ của Viên Áng trong tình huống này có thể coi là rất khéo léo:

Cảnh đế thấy Viên Áng hỏi ngay:

- Bầy nước làm phân, khanh có cách nào dẹp loạn?

Viên Áng không làm ra vẻ trịnh trọng, chỉ nói thùng thẳng:

- Xin bệ hạ yên lòng, không phải bận tâm.

Cảnh đế có vẻ hơi sốt ruột, ông không muốn nghe những lời to tát rỗng không như vậy, mà muốn nghe những biện pháp cụ thể, lại hỏi:

- Ngô vương dựa núi đúc tiền, dựa biển làm muối, thu mua hào kiệt thiên hạ, như không có kế sách vẹn toàn, đâu để dằng tiến quân, sao ta lại không lo lắng?

Viên Áng nắm được tâm lý của Cảnh đế, nhưng chưa nói vấn đề thực chất, mà muốn gợi thêm tính hiếu kỳ của vua, nói:

- Nước Ngô có tiền, muối, nhưng đâu có hào kiệt, chẳng qua là một lũ ăn hại, ô hợp, cùng nhau nổi loạn, chẳng gì đáng lo?

Cảnh đế sốt ruột thực sự, nói:

- Khanh đến đây chẳng là để nói với trẫm những lời vô dụng đó sao?

Viên Áng bảy giờ mới nói:

- Thần có kế sách có thể dẹp loạn, nhưng không để cho người ngoài nghe được.

Cảnh đế thấy hào hứng, vội cho mọi người lui, nhưng Tiêu Thác vẫn ở lại.

Viên Áng biết rằng nếu nói kế hoạch của mình trước mặt Tiêu Thác, hẳn sẽ biện hộ cho mình, Cảnh đế chắc chắn là không dám hạ quyết tâm, lúc đó, không những không giết được Tiêu Thác, mà mình sẽ bị Tiêu Thác giết, cho nên ông phải tìm cách điều khiển được tình cảm của Cảnh đế, Nay chỉ còn một người cuối cùng, ông nói:

- Kế sách của thần, ngoài bệ hạ ra, không ai được nghe!

Nói xong câu đó, Viên Áng vô cùng lo lắng. Nếu Cảnh đế thấy không nhất thiết Tiêu Thác phải ra, mà bắt mình phải nói, thì đúng là chỉ có đường chết. Trầm ngâm giây lát, cuối cùng hoàng thượng nói với Tiêu Thác: "Khanh hãy tạm lui!"

Viên Áng biết đây là cơ hội ngàn năm có một, lập tức nói với Cảnh đế:

- Bệ hạ có biết, bảy nước nổi loạn, họ giương ngọn cờ gì không? đó là "Tiêu diệt Tiêu Thác gìn giữ ngôi vua". Trong các thư trao đổi giữa bảy nước, chẳng qua họ nói con cháu Cao đế được chia đất phong vương, để dựa vào nhau, không ngờ xuất hiện Tiêu Thác, ly gián cốt nhục, gây chuyện thị phi. Họ liên binh với nhau, chẳng qua để diệt gian thần, nhận lại

đất phong. Nếu bệ hạ có thể giết Tiều Thác, tha tội bảy nước, trả lại đất phong, họ sẽ rút quân ngay, mọi việc đều quyết định ở nơi bệ hạ.

Nói xong, ông giương mắt chờ, không nói gì nữa.

Cảnh đế tuổi còn trẻ, suy nghĩ nông cạn, không phân được thị phi. Nghe Viên Áng nói vậy, ông nghĩ tới việc Tiều Thác khuyên mình thân chinh, càng thấy Tiều Thác là có dụng tâm xấu, liền nói với Viên Áng:

- Nếu có thể rút quân, ta tiếc gì một người để tạ ơn được thiên hạ.

Viên Áng nghe xong mừng lắm, nhưng là người lọc lõi, ông ta phải tìm cách để Cảnh đế không cách nào đổ trách nhiệm cho mình. Viên Áng trình trọng nói với Cảnh đế:

- Sự việc rất hệ trọng, bệ hạ suy nghĩ kỹ rồi quyết định sau.

Cảnh đế không hỏi gì thêm, phong Viên Áng làm thái thường, cho ông bí mật sang Ngô nghị hòa.

Chờ cho Viên Áng ra khỏi, Tiều Thác mới vào, ông ta chợt dạ, biết Viên Áng lắm mưu kế, lại nói khi vắng mặt mình, kế đó chắc phải liên quan tới mình. Nhưng Tiều Thác quá tin vào Cảnh đế, không thấy vua nói gì, ông ta cũng không hỏi tới, lại tiếp cùng vua nói chuyện quân sự.

Tiều Thác vẫn cho là Cảnh đế không nghe kế sách của Viên Áng, có ngờ đâu Cảnh đế đã bí mật dặn thừa tướng Đào

Thạnh, đình úy Trương Âu vạch tội Tiều Thác, chuẩn bị giết ông ta.

Một đêm, Tiều Thác thấy tiếng đập cửa, vội vàng ra xem, thấy một viên trung úy báo có chiếu chỉ truyền ngự sử Tiều Thác lập tức vào triều. Tiều Thác kinh sợ hỏi việc gì, viên trung úy chỉ nói không biết. Tiều Thác vội mặc triều phục lên xe ngựa của viên trung úy vào triều. Dọc đường Tiều Thác bỗng thấy như không phải đường vào triều, vén rèm xem, hai bên đều là phố xá. Còn đang nghi ngờ, xe đã dừng lại, trung úy gọi Tiều Thác xuống xe nghe chỉ lệnh. Tiều Thác bước xuống xe, thấy là chợ Đông nơi hành quyết phạm nhân, mới biết là việc đã hỏng to rồi. Trung úy đọc lệnh chưa dứt lời, mới đọc tới quyết định xử chặt ngang người, thì Tiều Thác đã bị chém làm đôi, trên mình vẫn mang triều phục.

Cảnh đế còn cho đem bố cáo tội trạng của Tiều Thác dán khắp nơi, bắt cả mẹ, vợ, con, cháu của Tiều Thác về Diên An, chỉ có cha Tiều Thác là không bị bắt, vì ông đã uống thuốc độc tự tử từ nửa tháng trước. Cảnh đế hạ lệnh, kẻ đã chết không hỏi tội, kẻ sống xử chém. Cả nhà Tiều Thác bị giết sạch.

Tiều Thác bị giết xong, Viên Áng lại sang Ngô nghị hòa, Cảnh đế cho là không còn gì đáng ngại, bảy nước sẽ lui quân, nhưng đợi mãi không thấy tin tức gì. Một hôm, Đặng Công hiệu úy trong quân của Chu Á Phu từ mặt trận về gặp Cảnh đế. Cảnh đế vội hỏi:

- Người ở mặt trận về, có biết chuyện Tiêu Thác đã chết, Ngô, Sở chịu rút quân chưa?

Đặng Công nói thẳng:

- Ngô vương ráp tâm làm phản, đã mấy chục năm, nay mượn cớ để phát binh, thực ra, chẳng qua mượn danh diệt Thác, nhưng là muốn được thiên hạ, làm gì có chuyện thần tử nổi loạn? Nay bệ hạ giết Tiêu Thác, sợ những người hiểu biết không ai dám nói gì nữa. Tiêu Thác muốn tước đất chu hầu, là để cho Hán mạnh, nay kế hoạch chưa thành, đã bị tru di cả họ, thần cho rằng không còn cách nào.

Cảnh đế nghe xong cúi đầu không nói.

Viên Áng sang Ngô nghị hòa. Ngô vương đương nhiên không chấp nhận, còn bắt giam ông ta lại, nhưng Viên Áng không đầu hàng, giữ vững được khí tiết, sau nhờ có người giúp đỡ, chạy trốn được về Trường An. Việc giết Tiêu Thác tuy do Viên Ánh vạch kế hoạch, nhưng người thực hiện là Cảnh đế, sang Ngô, Viên Áng quyết không hàng Ngô, không thể định tội gì, Cảnh đế đành để ông làm việc như thường.

Tiêu Thác chẳng qua chỉ là con cừu non thế tội, là lễ vật để tế phiên quân. Ông chết oan uổng, như một vật hi sinh cho cuộc đấu tranh mưu quyền chính trị, quân sự. Trong cuộc đấu tranh một mất một còn không chút nhân tính của quan trường phong kiến, đây rẫy những lừa lọc, tàn nhẫn, đổ kỵ, thù hận và ngu muội, những người chính trực thường lại bị nghiền nát trong cỗ máy quyền quai đó.

Bì kịch của Tiều Thác do tính cách của ông ta dẫn tới. Chỉ biết có trung thành, không biết rằng trung thành cũng có đạo của nó, chỉ biết nghĩ cho nước mà không biết tự mưu lấy đường sống. Sắc nhọn quá không hay bằng nhẹ nhàng uyển chuyển, xúc phạm người nhiều quá không bằng kết thêm thân hữu. Nếu không sửa tính nết, dù có không chết ngay lúc đó, cũng quyết không trụ lâu được ở triều đình nhà Hán, vì chỉ có sự tín nhiệm nhất thời của một người thì không có gì đảm bảo!

Dương nhiên, điều đó không hề có nghĩa là nói con người cứ phải giả dối, tròn trịa, không có góc cạnh, mà nên làm sao cho sự việc tốt đẹp hơn. Ví dụ như chuyện tước đất chu hầu, nếu cứ từ từ từng bước lựa theo đạo lý, chia cắt tước bỏ dần dần đất đai chu hầu, không dồn dập ép buộc, thì đâu đến nỗi khiến cho các chu hầu đoàn kết chống lại hoàng đế, gây nên một cuộc nổi loạn hại nước hại dân.

Còn như Tiều Thác có phải là "người tốt" hay không, thực cũng khó nói. Ông ta không chắc là con người tốt theo ý nghĩa đạo đức ta thường nói, nhưng ông là người chính trực, dám nghĩ dám làm, điều đó chẳng chút nghi ngờ, người như vậy cũng không được chết hẩm hoi, ta biết tìm ai để hỏi lý lẽ bây giờ?

40. ÔNG VUA SÁNG SUỐT MÀ CUỐI ĐỜI LÚ LẮN

Trong lịch sử lâu đời của Trung Quốc có không biết bao nhiêu bậc đế vương.

Tuy nhiên chỉ có bốn ông vua hay được đời sau nhắc đến là Tần hoàng, Hán Vũ, Đường tông và Tống tổ. Bốn vị hoàng đế đó, về văn tự, võ công, mỗi người có sở trường riêng, thường được coi là tiêu biểu cho các đế vương phong kiến.

"Tần hoàng" là Tần Thủy hoàng, thống nhất Trung Quốc, lập nên nhà nước phong kiến hoàn chỉnh, công khai sáng của ông không thể lu mờ. Hán Vũ là Hán Vũ đế, hùng tài đại lược, có công lớn trong việc đưa xã hội phong kiến phát triển lên đỉnh cao. Đường tông là Đường Thái tông Lý Thế Dân, võ dũng, nhân từ, biết nghe lời can gián, được coi là tượng trưng của bậc minh quân lý tưởng. "Tống tổ" là Tống Thái tổ Triệu Khuông Dận thống nhất Trung Quốc, tăng cường văn trị, có thể coi là nhân vật xuất sắc trong lịch sử chính trị Trung Quốc. Nhưng họ không phải là những người hoàn thiện, không những không thiện, mà trong mọi giai đoạn lịch sử nào đó, trong một tình hình nhất định, họ còn là bạo chúa hôn muội, giết người không ghê tay nữa!

Đặc biệt là những vị vua được hưởng tuổi trời, về cuối đời thường bạo ngược, mê muội. Kể cũng hay, lật xem gia phả các dòng họ đế vương thì có thể thấy rằng, vua chúa phong kiến ít được sống thọ lắm, nói chung nếu qua đời ở tuổi trung niên thì đã là khá rồi. Có lẽ trời xanh có mắt, không cho các hoàng đế thọ cao, vì đến tuổi già, họ hay trở thành ác độc, không những gây họa loạn trong cung đình, còn gây nạn lớn cho nước cho dân nữa.

Ngay cả Tần hoàng, Hán Vũ, Đường tông, Tống tổ cũng không ngoài quy luật đó, chỉ nói riêng cuối đời Vũ đế, đã có nhiều điều đáng để chúng ta nghiên cứu, chúng ta không nói đến việc ông đã đem lại bao tai họa cho người, chỉ riêng sự hồ đồ tàn bạo của ông cũng gợi nhiều suy nghĩ.

Hán Vũ đế sinh ra gặp thời, lên ngôi khi triều Hán đang thái bình thịnh vượng, trong điều kiện các đời trước đã mở mang sẵn con đường phát triển. Vũ đế đã chinh đồn quân đội, điều động tướng lĩnh, trừ họa ở biên giới, mở mang bờ cõi, có thể nói là đã làm được nhiều việc mặc dù trong cũng có phần do hiếu danh và hiếu chiến.

Nhưng, trong quãng đời làm vua hơn năm mươi năm, về cuối đời, ông đã không tránh được sai lầm.

Vũ đế khi trẻ đã tin vào thuật trường sinh bất lão, khi về già lại càng mê tín hơn. Vào năm Thái thủy và Chính hòa, ông nhiều lần đi tuần thú về phía đông, bắt chuộc Tân Thủy hoàng sai Tử Phúc đi Đông Hải cầu tiên, mong gặp thần tiên.

Nhưng tần tiên phiêu diêu, tìm đâu ra tung tích. Lại tiếp mấy năm thiên tại tàn phá, mất mùa liên miên làm cho Vũ đế càng thêm u buồn.

Một ngày đầu năm Chính hòa nguyên niên, Vũ đế đã già yếu lắm rồi. Đang ngồi rồi trong cung Kiến chương ông bỗng hoảng hồn vì nhìn thấy một người đàn ông đeo bảo kiếm xông vào cung. Vũ đế hoảng quá vội gọi vệ sĩ bắt giữ, nhưng vệ sĩ đâu có nhìn thấy. Lục soát khắp cung, không thấy bóng ai. Chỉ có một mình Vũ đế nhìn thấy người ấy, nhưng ông khẳng định không phải là hư ảo. Ông trách các quan lại có nhiệm vụ canh gác không làm tròn bổn phận, giết đi mấy người, rồi lại sai lính đi sục sạo trong vườn, vẫn không bắt được kẻ ấy. Cuối cùng ông cho đóng cửa thành, lục soát từng nhà, lại không ít người bị chết oan mà vẫn không bắt được kẻ "tội phạm". Sau rồi cũng phải thôi không tìm kiếm nữa.

Vũ đế vốn tin những chuyện thần tiên, ma quỷ, qua vụ náo loạn ấy, ông ta lại càng hoài nghi, cho rằng có người ngầm dùng yêu thuật hại ông. Thế là ông ta cho rước các đạo sĩ, phù thủy, đồng cốt về để trừ tà ma. Vì vậy chỉ cần ông ta có nhu cầu gì, bọn đạo sĩ phù thủy lại vẽ đủ trò, ra vào cung đình nhộn nhịp, khiến cung điện hoàng gia bỗng trở thành thế giới của ma quỷ.

Vũ đế còn đang mơ hồ về chuyện thần tiên, ma quỷ, bỗng có một người tù dâng thư, tố cáo rằng tể tướng Công Tôn Hạ cùng con trai đã từng bắt một mục phù thủy cầu khẩn trong

nhà thờ họ, yểm chú cung đình, đem người nộm chôn ở bên đường di cung Cam Tuyền. Vũ đế xem xong, nổi giận dùng dùng. Phu nhân của tể tướng Công Tôn Hạ vốn là chị của hoàng hậu Vệ phu nhân. Con trai Công Tôn Hạ, là Công Tôn Kính nói năng hành động nhiều điều bậy bạ, lại tự ý tiêu pha hết một ngàn chín trăm vạn tiền quân lương, đã bị cáo giác rồi bị bắt giam. Công Tôn Hạ "của đau con xót", muốn cứu Công Tôn Kính ra. Vừa lúc đó, có hiệp khách Dương Lăng là Chu An Thế tới đô thành, gây án khắp nơi, chưa sao bắt được. Thực ra bọn công sai ở nhà môn đa số đều biết mặt Chu An Thế, chỉ có điều, Chu An Thế giết giầu giúp nghèo, trọng nghĩa khinh tài, nên mọi người ngầm giúp đỡ che giấu, không bắt anh ta quy án, Công Tôn Hạ dâng thư xin được lấy Chu An Thế đổi cho con mình, Vũ đế đồng ý. Thế là Công Tôn Hạ hạ lệnh cho bọn lính, nếu không bắt Chu An Thế về sẽ bị xử tử về tội che giấu. Bọn lính hết cách, phải nói rõ tình hình cho Chu An Thế biết, rồi nộp anh ta cho Công Tôn Hạ. Chu An Thế cười nhạt nói:

- Thừa tướng hại tôi, e rằng cả nhà ngài khó toàn tính mạng.

Ở trong ngục, Chu An Thế viết đơn cáo giác Công Tôn Kính và công chúa Dương Thạch tư thông, còn dùng pháp thuật yểm chú cung đình. Vũ đế xem xong lập tức sai bắt cả nhà Công Tôn Hạ, giao cho đình úy Đỗ Chu xét xử. Đỗ Chu là tên ác ôn khét tiếng, thích việc khép tội hại người. Đỗ Chu cho bắt công chúa Dương Thạch trước, công chúa Dương

Thạch là con đẻ của Vũ đế, chị em cùng cha khác mẹ với công chúa Chu Ấp. Chu Ấp là con đẻ của Vệ hoàng hậu, là chị họ của Vệ Khanh, cháu của Vệ hoàng hậu. Vệ Khanh vốn được tập tước của cha, sau do phạm tội bị tước phong, ít nhiều có oán giận. Thế là Đỗ Chu cho bắt tất cả, khép tội họ rồi tống giam. Cha con Công Tôn Hạ bị giết trong ngục, Vệ Khanh bị xử trảm, công chúa Thạch Dương và công chúa Chu Ấp cũng không thoát chết, bị Vũ đế xuống chiếu giết cả.

Một vụ án tà ma, chết mất sáu bảy mạng, trong đó có người không hề liên quan gì, có cả ruột thịt của Vũ đế, nhưng Vũ đế không hề hối hận, còn cho Đỗ Chu là được việc và ban khen cho hắn. Khuyết ghé Thừa tướng, thái thú quận Trác là Lưu Khuất Hạc thay. Lúc này, Vũ đế đã gần bảy mươi, trong các vua chúa phong kiến Trung Quốc, thế là thọ lắm, nhưng ông ta vẫn còn muốn kéo dài tuổi thọ, luôn sưu tầm những bài thuốc trường sinh, thường sai người đi cầu học phép "thế nạp đạo dẫn" (một phương pháp dưỡng sinh). Ông ta cho dựng trong cung bức tượng đồng hình người cao hai mươi trượng, tay cầm chiếc khay hứng những giọt sương sớm mai, gọi đó là tay tiên. Dùng nước hạt sương đó pha với thuốc ngọc tiêu để làm nước uống hằng ngày. Ngày nay ta thấy rằng điều đó thực hoang đường nực cười, nhưng xem ra cũng có tác dụng bổ dưỡng!

Hán Vũ đế vốn sức lực cường tráng, tinh lực dồi dào. Việc kéo dài tuổi thọ cho ông ta không phải là khó. Nhưng các bậc

để vương hầu như đều hao sắc, hoang dâm, cơ thể tất suy yếu, làm sao mà sống lâu được!

Đầu tiên Hán Vũ đế sủng ái Trần hoàng hậu. Trần hoàng hậu không có con, ông ta chuyển sang sủng ái Vệ hoàng hậu. Khi Vệ hoàng hậu đã già, lại sủng ái Vương phu nhân và Lý phu nhân. Sau khi hai bà Vương và Lý chết, thì có Y Cơ và Hình Cơ tranh sủng nơi hậu cung. Nghe nói Y Cơ và Hình Cơ đều rất xinh đẹp, nhưng không tránh khỏi hờn ghen vì tranh nhau được sủng ái. Vũ đế không bao giờ cho họ gặp mặt nhau. Một lần, Y Cơ không chịu được, đòi Vũ đế cho họ gặp nhau một lần để xem ai đẹp hơn ai. Vũ đế biết Y Cơ không đẹp bằng Hình Cơ, bèn cho cung nữ giả trang đóng thay. Hai người gặp nhau, Y Cơ nhìn biết ngay là cung nữ giả trang, càng thêm tò mò, đòi phải gặp Hình Cơ bằng được. Đợi tới khi Hình Cơ bước ra, tuy ăn mặc bình thường, điểm trang chút ít mà đẹp rực rỡ. Y Cơ nhìn thấy, sững sờ hồi lâu, tới khi Hình Cơ đi khỏi, mới cúi đầu khóc. Từ đó, hai người không bao giờ gặp nhau nữa.

Còn về Câu Dục phu nhân thì lại có truyền thuyết kỳ lạ hơn. Nghe nói khi Vũ đế tuần thú phương bắc, qua Hoàng Hà, thấy luồng khí màu xanh tím bay lượn trên không, Vũ đế lấy làm lạ, tìm đạo sĩ hỏi, đạo sĩ nói: "Xanh tím quyền nhau, ắt có kỳ nữ!" Vũ đế cho tìm kiếm, quả đúng như vậy tìm được ở gần đấy một người con gái họ Triệu, nhan sắc tuyệt vời. Nhưng có điều hai bàn tay cô gái không xòe ra được do bấm

sinh. Vũ đế cho người xoa bóp bấm huyệt, không ai làm cho nàng xòe tay ra được, ông ta bèn tự mình làm việc đó. Ai ngờ, chẳng mấy sức, tay cô gái xòe ra được, trong lòng bàn tay lộ ra một chiếc móc vàng. Vũ đế thấy rất kỳ lạ, liền đưa nàng lên xe về cung, ở với nàng tại góc cung riêng đặt tên là Câu Dục cung, gọi nàng là Câu Dục phu nhân.

Hơn một năm sau, Câu Dục phu nhân hạ được một người con trai, đặt tên là Phát Lăng. Nghe nói Câu Dục phu nhân mang thai mười bốn tháng mới sinh con, thời cổ Nghiêu mẫu cũng hoài thai mười bốn tháng mới sinh ra Nghiêu, do vậy Vũ đế đổi tên cung Câu Dục thành cung Nghiêu mẫu. Khi Phát Lăng sinh, Vũ đế đã gần bảy mươi. Nhiều người nói ông không đủ sức đẻ con, nhất định do Câu Dục phu nhân hiểu thuật tố nữ của hoàng đế, làm cho hoàng đế phản lão hoàn đồng, trai già sinh ngọc.

Về sau, Vũ đế giết thái tử, lập Phát Lăng làm thái tử, nhưng lại sợ sau này con nhỏ, mẹ mạnh sẽ dễ can dự triều chính nên quyết định giết chết Câu Dục phu nhân. Ông ta cố ý tìm sơ hở quở trách Câu Dục phu nhân. Câu Dục phu nhân rút trâm tạc tội, Vũ đế giận dữ lệnh cho tả hữu nhốt bà vào ngục. Khi bị dẫn đi Câu Dục phu nhân vẫn luôn luôn quay đầu lại nhìn, rất đáng thương. Hán Vũ đế lại nói: "Hãy đi mau, e rằng khanh không sống nổi nữa". Đêm đó Vũ đế hạ chiếu bắt bà phải chết ở trong ngục.

Vũ đế do sùng ái Câu Dục phu nhân, lại tuổi tác đã cao, dần sinh bệnh ốm yếu, nhất là sau lần nhìn thấy người đàn

ông đeo kiếm mà bắt không được, tới nay vẫn chưa quên, lại thêm vụ án Công Tôn Hạ, giết chết hai người con gái của mình, nên tâm thần bất an, hay hốt hoảng. Một hôm, ngủ trưa trong cung, Vũ đế bỗng mơ thấy rất nhiều hình nộm tay cầm gậy gỗ đánh đập mình. Vũ đế vã cả mồ hôi mà tỉnh dậy. Sau đó, tim còn đập mạnh, toàn thân run rẩy mãi mới thôi.

Vừa lúc đó, Giang Sung xin cầu kiến. Giang Sung làm nên vì hấn hay bấm báo tin tức bí mật. Giang Sung lòng dạ độc ác, được Vũ đế tin cậy, nguyên là môn khách của Triệu vương Bành Tổ, hấn đã từng đắc tội với Triệu vương, sợ Triệu vương trị tội, bèn nhảy theo Hấn Vũ đế, tố cáo Triệu vương thông gian với chị em, Triệu vương do đó bị tù và bị tước phong. Vũ đế thấy Giang Sung vóc dáng to khỏe, nói năng dứt khoát, bèn phong làm trực chỉ sứ giả, chuyên đi kiểm tra những khuyết điểm của đại thần quý thích. Một lần, Giương Sung cùng đi với Vũ đế tới cung Cam Tuyền, trên đường gặp người nhà thái tử đánh xe đi giữa đường bèn ngăn lại, sau khi thái tử biết, đến xin với hấn ta, mong hấn đừng báo cáo, nhưng Giang Sung vẫn bấm báo với Vũ đế. Vũ đế cho hấn là ngay thẳng, khen: "Nhân thần phải như vậy", bèn thăng hấn làm hoàng thù đô úy. Bấy giờ, Vũ đế kể cho Vương Sung chuyện nằm mơ của mình, Sung rất rõ tâm lý của Vũ đế, bèn đoán định là do bùa yểm gây nên. Vũ đế nghe xong, thấy đúng ý, bèn sai Giang Sung đi điều tra.

Giang Sung được dịp làm điều gian ác, hấn dẫn mấy tên phù thủy, bảo đào chỗ này, bởi chỗ khác, nếu đào thấy hình

nộ là lập tức bắt bỏ tra hỏi. Thực ra những hình nộ mà bọn phù thủy đào được đều do Giang Sung đã đồng mưu với họ chôn từ trước. Để làm rùm beng lên, Giang Sung cho nung sắt để tra khảo quan dân, bắt phải nhận tội chôn người nộ, cuối cùng họ phải nhận, thế là trước sau Giang Sung giết hại tới hàng vạn người.

Lúc này Giang Sung đang có quyền, y tính trước chuyện đường dài cho mình. Y đắc tội nhiều với thái tử, một là vạch tội người nhà thái tử hai là mua chuộc để được ân sủng lại thêm chuyện, gây ra vụ phá yếm giết người quá nhiều, thái tử cũng phải oán trách. Giang Sung biết, nay mai thái tử lên ngôi, mình không thoát khỏi bị tru diệt, nên y muốn nhân lúc còn đắc thế phải đánh gục thái tử.

Thái tử Lưu Cú do Vệ phu nhân sinh ra, nổi tiếng là người nhân hậu. Mới đầu Vũ đế rất thích Lưu Cú, nhưng sau thấy Lưu Cú không tài giỏi bằng mình nên không ưng lắm. May có Vệ phu nhân nhắc nhở nên Lưu Cú mới không bị phế bỏ. Giang Sung lợi dụng tâm lý đó của Vũ đế, cùng Tô Văn là hoàng môn thị lang nói xấu thái tử.

Một lần, thái tử vào cung yết kiến mẫu hậu xong, rất lâu mới trở ra, Tô Văn chủ động nói với Vũ đế:

- Thái tử suốt ngày ở trong cung, e rằng chơi bởi gì với bọn cung nữ chẳng?

Vũ đế không nói gì, rồi ban cho thái tử hơn hai trăm cung nữ ở đông cung. Thái tử thấy sự việc khác lạ, điều tra ra mới biết là Tô Văn nói xấu mình, vì vậy càng cẩn thận hơn, không dám sơ suất điều gì. Tô Văn còn câu kết với tiểu hoàng môn Thường Dung để cùng xúc xiểm thêm. Một lần, Vũ đế ốm, sai Thường Dung đi gọi thái tử, Thường Dung đi về nói rằng thái tử nghe tin còn tỏ ý vui, khi thái tử tới, trên mặt thái tử vẫn còn ngẩn lệ Vũ đế mới biết là Thường Dung xiểm hại thái tử, bèn đem y ra chém đầu.

Giang Sung thấy mưu kế không thành, bèn xoay sang lợi dụng tâm lý cầu mong trường sinh và mê tín của Vũ đế. Y mật sai một tên phù thủy tên là Đan Kha tâu với Vũ đế là trong cung thấy có yểm khí ẩn hiện, nếu không sớm trừ, bệnh của hoàng thượng sẽ khó bề qua khỏi. Vũ đế nghe xong tin ngay, lập tức sai Giang Sung vào cung đào bùa yểm.

Giang Sung tay cầm chiếu chỉ, cùng An đạo hầu Hàn Thuyết, ngự sử Chương Cống, hoàng môn Tô Văn và phù thủy Đan Kha vào cung đào tìm bùa yểm, các nơi khác đào không có mấy, chỉ có trong cung hoàng hậu và cung thái tử, còn đào được nhiều hình nộm, nhất là trong cung thái tử, còn đào được sách lựa, có viết những chữ kỳ lạ khó hiểu, đúng là bùa chú, Giang Sung chẳng cần hỏi trắng đen, coi đó là chứng cứ, tuyên bố sẽ báo cáo Vũ đế.

Thái tử không hề chôn người nộm, nhưng nay đào thấy, trăm miệng cũng khó cãi, chàng biết tính khí vua cha, nên lo

lắm, không biết làm sao. Chàng vội mời thái phó Thạch Đức, hỏi xem kế sách. Thạch Đức biết việc hệ trọng, liên quan có thể bị tru diệt, bèn hiến kế với thái tử:

- Cha con cố thừa tướng Công Tôn Hạ và hai công chúa cũng chỉ vì liên can mà bị giết, nay đào thấy người nộm, bùa chú ở cung điện hạ, dù biết là bị hãm hại, cũng không có cách nào nói rõ. Nay chỉ còn cách hãy bắt giữ bọn Giang Sung lại hỏi rõ sự việc rồi tính sau.

Thái tử sợ hỏi:

- Bọn Giang Sung có cầm chiếu chỉ của hoàng thượng, chẳng nhẽ bắt được họ sao?

Thạch Đức nói:

- Hoàng thượng đang dưỡng bệnh ở Cam Tuyền, không giải quyết công việc, gian thần làm bậy như vậy là che mắt hoàng thượng, nếu không phát binh sớm, chẳng hóa lại lập lại vết bánh xe đổ của thái tử Phù Tô triều Tân hay sao?

Thái tử nghe nói vậy, thấy có lý, nhưng vì chưa có chuẩn bị gì, bèn giả truyền thánh chỉ, điều động vũ sĩ, bắt Giang Sung. Hàn Thuyết bị chết khi đánh nhau, Tô Văn, Chương Cống chạy được về cung Cam Tuyền.

Thái tử xử tử Giang Sung, thiêu chết phù thủy Đan Kha, sai người mang tiết phù vào báo cáo thái hậu, mở kho vũ khí trong cung, lệnh cho mọi người giữ cửa Trường Lạc cung.

Bọn Tô Văn chạy về cung Cam Tuyền, nói thái tử đã làm phản, Giang Sung đã bị bắt. Hán Vũ đế vẫn còn tỉnh táo, nói với Tô Văn:

- Thái tử làm biến, có lẽ là do việc Giang Sung đào huyệt, gọi thái tử tới đây, ta hỏi cho rõ. Khi sứ giả đi, Tô Văn liếc mắt ra hiệu, sứ giả hiểu ý Tô Văn, sợ bị Tô Văn giết chết, không dám đi triệu thái tử, chỉ nấp phía ngoài cung Cam Tuyền hồi lâu rồi trở lại tâu với vua:

- Thái tử đúng là mưu phản, không những không muốn đến, còn suýt giết cả nô tì.

Vũ đế nghe nói cả giận, vội lệnh cho thừa tướng Lưu Khuất Hạo cho quân đi bắt thái tử, lại hạ lệnh cho thừa tướng chỉ huy binh mã các huyện quanh thành. Lưu Khuất Hạo nhận được lệnh, lập tức đem quân đánh Trường Lạc Cung. Thái tử nghe tin, nghĩ không ra cách nào khác, bèn giả lệnh hoàng đế, thả các tù trong thành, võ trang cho họ chiến đấu, giao Thạch Đức, Trượng Quang dẫn binh nghênh địch. Mặt khác, lại nói rằng hoàng thượng ốm nặng, gian thần nổi loạn, yêu cầu mọi người đem quân dẹp giặc. Hai bên đều lấy danh nghĩa hoàng đế, quần thần không biết thật giả, chẳng rõ đầu đuôi, không dám liều, đành phải chờ đợi.

Thái tử và thừa tướng đốc binh giao chiến, đánh nhau ba ngày ba đêm chưa phân thắng bại. Mãi đến ngày thứ tư, Vũ đế đến cung Kiến Chương mới rõ ràng là thái tử giả chiếu.

Các đại thần, võ tướng bấy giờ mới xô vào giúp thừa tướng đánh thái tử, đến dân phố xá cũng đều nói thái tử làm phản. Thái tử ngày càng nguy cấp, bèn chạy đến hộ quân sứ giả Nhiệm An, giao phù tiết để ông ta đi điều quân. Nhiệm An lúc thường rất tốt với thái tử, nên khó chối từ ngay, nhận phù tiết đi vào trong quân rồi không thấy ra, thái tử không còn cách nào khác, hô dân ra đánh, được hai đêm thì thua trận, Thạch Đức, Trương Quang đều bị giết chết.

Thái tử dẫn hai con chạy ra cổng thành. Cổng thành đã đóng, gặp Diên Nhân đang trực, ông thấy thái tử dẫn hai con, nom thương hại quá, không nỡ bắt, bèn thả ra. Thừa tướng truy đuổi đến cổng thành, biết Diên Nhân đã thả, lập tức định xử trảm Diên Nhân. Ngự sử Bạo Tính Chi ngăn lại nói:

- Diên Nhân là quan hai nghìn học, không được tự ý chém đầu, phải tâu với Vũ đế để xử tử.

Vũ đế nghe nói thái tử đã chạy trốn, vô cùng tức giận không những giết Diên Nhân, còn truy xét việc Bạo Tính Chi che chở Diên Nhân, làm Bạo Tính Chi sợ quá phải tự sát, thậm chí ngay cả hộ quân sứ giả Nhiệm An nhận phù tiết nhưng chưa cất binh cũng bị bắt tống ngục, đợi ngày xử chém. Vũ đế lại thu ần của Vệ hoàng hậu, về hoàng hậu khóc lóc rồi thất cổ chết. Cả nhà họ Vệ đều bị giết hết, kể ra cả các phi thiếp của thái tử cũng đều bị giết sạch, các quan lại ở đông cung theo thái tử nổi loạn cũng đều bị xử tử.

Vũ đế giết bao người như vậy, vẫn chưa nguôi lòng, còn xuống chiếu lùng bắt thái tử, quần thần không dám can gián, riêng có Hồ quan tam lão dâng thư, nói:

- Giang Sung chẳng qua chỉ là kẻ áo vải, bệ hạ coi hắn là trung thần mà tin dùng, tới mức Giang Sung giả ý chỉ của hoàng thượng, bức hại thái tử, Giang Sung gian trá lừa gạt khéo che đậy, làm cho thái tử vào không thể gặp hoàng đế, ra bị loạn thần quấy rối. Trước đây Giang Sung đã xiểm hại Triệu thái tử, thiên hạ đều biết, nay lại xiểm hại thái tử, thái tử bị oan không biết kêu ai, trong lúc nguy ngập, đành phải giết Giang Sung, chỉ nhằm tự vệ, không có tà tâm.

· Vũ đế xem vậy, ít nhiều có hối hận, nhưng vẫn chưa quyết định xá tội cho thái tử.

Thái tử chạy đến huyện Hồ, trốn ở làng Tuyên Cửu, dân địa phương tuy để thái tử ở, nhưng gia cảnh đều khó khăn, không có gì nuôi. Thái tử bèn viết thư cho một người bạn ở huyện Hồ, mong nhà bạn khá giả có thể giúp đỡ, ai ngờ thế là bị lộ tông tích. Quan địa phương đem quân đến vây làng Tuyên Cửu, thái tử thấy không thoát được bèn treo cổ tự tử. Hai người con của thái tử cùng dân làng chống cự đều bị giết chết.

Lúc này, Vũ đế vị tất đã muốn giết thái tử, nhưng thái tử đã chết, có hối chẳng ích gì, đành phải theo lời hứa trước, ban thưởng cho những người đi tước nã thái tử, Vũ đế giờ mới vỗ

lẽ, cho người đi điều tra vụ Giang Sung chôn người nộm, sau khi làm rõ sự việc, ông ta cho giết hết cả nhà Giang Sung.

Sau khi thái tử chết, các con của Vũ đế tranh nhau để được lập làm thái tử, hết họa này đến nạn khác. Thật là đời người như bong bóng, phú quý như ảo mộng. Đúng như hoàng đế Sùng Trinh triều Minh nói: "Nguyện đời đời đừng sinh ở nhà đế vương!"

Muốn được kéo dài tuổi thọ để thành tiên, vốn lẽ thường tình của con người, chẳng có gì là quái đản, nếu người bình thường mong ước như vậy, chỉ có điều trước sau nó vẫn chỉ là mong ước mà thôi. Nhưng nếu một hoàng đế mong được như vậy thì lại khác, dục vọng vô biên và quyền lực vô hạn, sẽ gây ra tai họa vô tận. Nhất là khi bước sang tuổi già, càng thọ càng tham sống sợ chết; càng có công lao càng muốn chiếm đoạt, tới mức muốn thành Phật thành tiên, trường sinh bất lão, Tần Mục công là người như vậy, Tần Thủy hoàng là như vậy, Hán Vũ đế lại còn hơn thế nữa, còn như các hoàng đế khác, tuy không điên rồ mong được thành tiên như vậy, nhưng những người mê tin đạo si, uống thuốc nuốt đan, thì nhiều lắm lắm!

Tham vọng của con người thật đáng sợ, làm vua một nước còn chưa đủ, còn muốn thành tiên; nếu có thể thành tiên thật thì lại chỉ muốn còn là con người, khi ấy nhất định lại thấy chưa đủ, đúng như người ta nói lòng tham vô đáy! Lòng tham nếu không bị quyền lực hạn chế, e có thể nuốt hết cả nhân

loại. Sự phát triển của lịch sử có quy luật của nó: uy quyền của hoàng đế là vô hạn, nhưng khi các bậc hoàng đế lạm dụng nó thì đó chính là một ngọn lửa để tự thiêu, điều đó đã được chứng minh nhiều lần trong lịch sử Trung Quốc.

Hán Vũ đế cuối đời hồ đồ, chủ yếu do mê tín đạo sĩ, tin thuật phù thủy, lại chủ quan, vô cùng tàn bạo. Nếu tìm nguyên nhân căn bản, thì tính cách hồ đồ, tàn ác về cuối đời của Vũ đế, chủ yếu do không kiểm được thuật trường sinh đâm ra buồn phiền mà gây nên. Lòng tham quá là gốc rễ của họa loạn vậy.

41. VĂN NHÂN XƯA NAY, VỐN KIÊN CƯỜNG

Trong lịch sử Trung Quốc, rốt cuộc hạng người nào là kiên cường nhất? Xin hãy giở xem từng trang lịch sử, nếu có thể rút ra một nhận định thì có lẽ phải nói rằng các văn nhân chính là những kẻ búống bĩnh nhất.

Thế nhưng, trong quan niệm của chúng ta, văn nhân có đặc điểm gì? Họ là những người chân tay lười nhác, ngũ cốc không biết phân biệt, không biết đến sự gian nan của nghề nông, không bệnh mà luôn miệng kêu ca những chuyện vô tích sự nhằm chán, chỉ học thuộc lòng sách vở, phí cả thóc gạo đổi bằng mồ hôi nước mắt của nhân dân lao động. Không có lấy một chút tri thức thực dụng thì thế vẫn còn khá, nhưng văn nhân học rộng, lại thường tự cho mình là thanh cao, chỉ trò trò, hoặc ra vẻ mình là người đa tình toàn phổ diễn những điệu bộ khó coi, thậm chí còn có kẻ phe phẩy quạt lông, bày mưu tính kế cho bọn thống trị, đóng vai trò quân sư đáng ghét, công nhiên đối đầu với nhân dân lao động!

Ồi! Ngày nay. Những văn nhân cổ đại Trung Quốc thật là đã bị xem thường hết mức, ngay cả thời Nguyên Mông, văn

nhân vẫn còn chút địa vị, "chín nho sĩ, mười ăn mày", không đến nỗi thấp hèn như ngày nay!

Đương nhiên, đây không phải là trách người đương đại chúng ta, mà vấn đề chủ yếu là do những cuộc phê phán và những phong trào vận động chính trị cận đại không phân trắng đen gây nên. Theo các nhà phê phán, văn nhân là kẻ thù tự nhiên của nhân dân lao động, là hạng người sinh ra đã đối đầu với nhân dân lao động, đồng thời là hạng người hèn mạt yếu đuối trời sinh, cái gọi là thời đại mới, nhất là thời đại nhân dân làm chủ, cần phải đánh đổ họ, xéo hàng ngàn bàn chân lên họ, để họ mang tiếng xấu muôn đời.

Nhưng những nhà phê phán quên rằng, bản thân họ có phải là văn nhân không, có phải ít nhất cũng mang dòng máu của văn nhân không. Hơn nữa cũng nên nhìn thấy rằng, khi con người đã mê muội, mất hết cả lương tri thì không cách nào mà lý sự với họ được.

Ngày nay, người ta dùng một hình ảnh rất thú vị là "đầu đuôi đảo lộn", đầu dưới đất, chân lên trời, dùng đầu để đi, dùng chân để suy nghĩ, phải chăng là vô hình trung đã phản ánh được thực trạng của một số người?

Vì thế ngày nay đạo đức mới suy thoái như vậy, xã hội mới kém cỏi như vậy, âu cũng là báo ứng. Những tấm gương nhân cách trong sáng đều đã bị phê phán, những gì đẹp để thiêng liêng đều đã bị chà đạp, con người mất đi nội lực tu dưỡng nhân cách, rêu rao những khẩu hiệu trống rỗng, không thể

nào phù hợp với lòng người. Trong tình hình đó, nếu như nền phong hóa của xã hội không ngày một suy thoái thì thật đáng ngạc nhiên.

Đã đến lúc chúng ta phải có một nhận thức đúng đắn về văn nhân thời xưa!

Văn nhân thuở trước tuy có khuyết điểm, lầm lỗi này khác, hoặc do sự hạn chế lịch sử, họ đã làm những việc cản trở bước tiến của xã hội, nhưng nói chung, họ là lương tâm của xã hội, là xương sống của dân tộc, mỗi khi xã hội đen tối, thường là họ nổi dậy đấu tranh, mỗi khi dân tộc nguy vong, họ cũng thường đứng ra cứu nguy. Thậm chí, có thể nói, không có những văn nhân cổ đại Trung Quốc, sẽ không có văn hóa truyền thống Trung Hoa, thậm chí không có dân tộc Trung Hoa.

Đó là nhận thức chung với văn nhân cổ đại Trung Quốc, mà không chỉ rõ một "đại nho", "tiểu nhân" hoặc văn sĩ thị nhân nào, còn một bộ phận "tiểu nhân" phẩm cách thấp hèn không đủ để thay đổi đặc điểm chung của văn nhân cổ đại Trung Quốc.

Chính trực cứng rắn và dám đi trước thiên hạ, có lẽ đó là hai đặc điểm lớn của văn nhân cổ đại Trung Quốc.

Thời đầu Đông Hán, chị của Quang Vũ đế Lưu Tú là công chúa Hồ Dương thờ chồng thủ tiết, Lưu Tú rất thương chị, thường gửi tặng nhiều của cải, đối với chị cũng rất nể nang. Vì vậy, công chúa Hồ Dương nuôi rất nhiều gia nô, thường có

những việc ngang ngược bất pháp. Một lần, một lão bộc của công chúa Hồ Dương giết người giữa thanh thiên bạch nhật, rồi chạy trốn vào nhà công chúa, quan địa phương không dám vào nhà công chúa bắt người, vụ án bỏ lửng. Lạc Dương lệnh Đồng Tuyên là người ngay thẳng, thường xuyên canh giữ ngoài cửa nhà công chúa Hồ Dương, đợi kẻ giết người đi ra. Quả nhiên, sau ít ngày, lão bộc đánh xe cho công chúa, dương dương tự đắc cùng công chúa ra ngoài dạo chơi. Đồng Tuyên lập tức chặn xe của công chúa lại, yêu cầu công chúa giao nộp kẻ sát nhân. Công chúa Hồ Dương giận mắng Đồng Tuyên, Đồng Tuyên không hề sợ hãi, rút kiếm xoẹt một tiếng, nói công chúa tàng giấu tội phạm, theo luật sẽ chịu liên lụy. Đồng Tuyên lệnh cho lão bộc xuống xe, lão bộc không có cách nào khác đành xuống xe tạ tội. Không ngờ Đồng Tuyên sợ lão bộc chạy thoát, khó bắt lại được bèn, chém chết ngay tại chỗ. Sau đó xin công chúa tha tội và mời công chúa đi.

Công chúa thấy lão bộc đã chết, đôi co vô ích, tức giận đánh xe về cung đến gặp Lưu Tú và khóc lóc âm ỉ. Lưu Tú tức giận, lập tức cho gọi Đồng Tuyên đến, mắng Đồng Tuyên đã xúc phạm công chúa, sai nhân viên chấp pháp tả hữu dùng gậy phạt đánh Đồng Tuyên, Đồng Tuyên cúi đầu trước Lưu Tú, nói:

- Xin bệ hạ cho thần nói một câu, sau đó xử tử luôn.

Lưu Tú giận dữ hỏi:

- Người còn gì đáng nói?

Đồng Tuyên nói:

- Bệ hạ thánh đức, trung hưng Hán triều, mà để công chúa dung túng gia nô đánh chết người, vậy bệ hạ trị thiên hạ như thế nào? Bệ hạ không cần cho đánh đòn, hạ thần xin để thần tự sát cho xong!

Nói xong, đập đầu vào cột, máu be bết. Lưu Tú nghe Đồng Tuyên nói có lý, bèn cho bọn tiểu hoàng môn đỡ ông, không cho ông đập đầu nữa, sau đó bắt ông đập đầu tạ tội công chúa. Nhưng Đồng Tuyên không chịu, Lưu Tú sai tiểu hoàng môn vít đầu ông xuống. Đồng Tuyên chống hai tay xuống đất, đứt khoát không chịu cúi đầu. Công chúa Hồ Dương thấy vậy, nói với Lưu Tú:

- Xưa bệ hạ là dân thường áo vải, giấu tội phạm trong nhà, quan lại còn không dám lung bắt, nay đã là thiên tử, chẳng lẽ một tên Lạc dương lệnh, không làm gì nổi?

Lưu Tú cười nói:

- Thiên tử và dân thường khác nhau.

Lưu Tú thấy Đồng Tuyên không chịu nghe, không làm gì được, đành nói với Đồng Tuyên:

- Cổ người cứng thật, thôi, cho viên lệnh cứng cổ ra!

Đồng Tuyên cuối cùng đã không chịu thua Lưu Tú.

Lại cũng thời Đông Hán, xảy ra sự kiện hai lần quan hoạn cùng vua bức hại quan lại chính trực, nhất là văn nhân, sử gọi

sự kiện này là "đăng cổ chi họa", trong hai lần đấu tranh giữa chính nghĩa và tà ác, hình ảnh văn nhân thực là bi tráng.

Hán Hoàn đế dựa vào năm viên hoạn quan, diệt trừ được đại tướng quân Lương Ký chuyên quyền trên hai chục năm, Lương Ký là ngoại thích, hai mươi năm nắm giữ quyền bính, khắp triều đình chỗ nào cũng có tai mắt của hắn, nhất cử nhất động của hoàng đế, hắn đều rõ. Vì vậy, muốn diệt trừ Lương Ký, Hoàn đế phải dựa vào số hoạn quan thân cận của mình, đó là dịp để họ lập công. Nhưng của trước đưa được ngoại thích (họ ngoại của nhà vua) chuyên quyền, thì của sau lại rước hoạn quan chuyên quyền vào suốt triều Đông Hán là như vậy, hết hoạn quan đến ngoại thích chuyên quyền, hoặc có khi cả ngoại thích lẫn hoạn quan cùng chuyên quyền nữa.

Năm viên hoạn quan có công trừ được Lương Ký, nay thành "ngũ hầu". Đan Siêu là Tân Phong hầu, ăn ấp hai vạn hộ; Từ Hoàng là Vô Nguyên hầu, Huyện Ái là Đông Vô Dương hầu, đều ăn ấp một vạn năm ngàn hộ; Tả Quan là Thượng Thái hầu, Đường Hoành là Nhữ Dương hầu, mỗi người ăn ấp một vạn ba ngàn hộ. Năm người được phong hầu một ngày, lập tức nắm hết mọi quyền, không những gây nên sự chấn động và ảnh hưởng đương thời, mà khiến người sau cũng rất chú ý tới. Nhà thơ Hàn Hồng đời Đường, trong bài thơ "Hàn thực"(*) có viết:

(*) *Hàn thực (ăn đồ nguội):* tể mông ba tháng ba âm lịch, ngày xưa ăn đồ nguội trong ba ngày (N.D.)

*Thành xuân khắp chốn những cánh hoa
Gió đông hàn thực bóng liễu tà
Chiều tới Hán vương truyền thấp nén
Khói bay nhẹ tới Ngũ hầu gia.*

Đàn em và bè bạn của họ cũng tới tấp thăng quan tiến chức. Mấy người này làm bá chủ một phương, làm điều phi nghĩa, cướp bóc khắp nơi. Chúng sống xa hoa sa đọa, nghe đâu con chó trong nhà chúng cũng đeo đồ trang sức vàng bạc, nhà trái loại thảm sang trọng, người mặc áo quần đắt tiền. Các thái giám thì nhau lấy vợ, có kẻ ba thê bốn thiếp, rồi nhận con nuôi, làm cho triều đình chìm trong bầu không khí ngọt ngào. Khi ra ngoài chúng dùng đội nghi thức của hoàng đế, đằng sau là kẻ hầu người hạ và ngựa xe, chẳng còn nề nang gì ai. Còn việc triều chính, chúng càng quản lý chặt chẽ, làm cho tiểu nhân được tiến, hiền sĩ phải lui, triều chính thối nát, hỗn loạn.

Khi Lương Ký còn đương quyền, các quan văn đã liên tục đấu tranh với Lương Ký, tới mức Lý Cố, Đỗ Kiêu phải chết, sau khi Lương Ký bị diệt trừ, các quan văn không theo hoạn quan, mà đứng hẳn về phía chính nghĩa, lại bắt đầu đấu tranh bền bỉ chống hoạn quan.

Những ngày đầu của cuộc đấu tranh đó, Lý Ưng là người tiêu biểu.

Lý Ưng, tự Nguyên Lễ, người Tương thành Đinh Xuyên, sinh ra trong một gia đình địa chủ quan lại, tính cao ngạo,

không thích giao du. Nhưng ông là người uyên bác, cương trực, có danh tiếng trong xã hội, được người đời kính nể, kẻ sĩ bình thường khó được ông tiếp kiến, ai được gặp ông thì tức khắc trở nên danh giá. Cho nên, người đương thời, gọi cửa nhà ông là "Long môn", gọi những kẻ sĩ đã bước qua cửa nhà ông là "cá chép đã vượt Long môn". Tuần Tiêu là bạn thân của Lý Ứng, người con thứ sáu của Tuần Tiêu là Tuần Sảng được cha giới thiệu, thường được gặp Lý Ứng. Một hôm, về tới nhà, anh ta kể ngay: "Hôm nay tôi đã đánh xe ngựa cho Lý quân!" cho đó là vinh dự lớn lắm. Qua đó, đủ thấy danh tiếng Lý Ứng lẫy lừng như thế nào.

Lý Ứng tinh thông kinh sách, có thể nói là văn võ toàn tài, đủ để lo việc nước. Ông không những nhận học trò giảng kinh sử, mà còn có thể cầm quân đánh giặc. Ông từng làm thích sử Thanh Châu, và thái thú Ngưu Dương, từng nhậm chức ô hoàn hiệu úy đi đánh quân xâm lược Tiên ti. Khi ra trận, thân tự xông pha tên đá, dẫn đầu sĩ tốt, có uy tín rất cao trong quân đội, người Tiên ti nghe tiếng đã run sợ. Sau đó có lần ông bị miễn quan, về nhà dạy học, theo học ông có tới hàng ngàn người. Ít lâu sau, người Tiên ti lại quấy nhiễu quận Vân Trung, Hoàn đế buộc phải dùng lại Lý Ứng, phong ông làm Độ Liêu tướng quân, người Tiên ti khiếp sợ uy danh của Lý Ứng, không dám xâm phạm nữa.

Năm thứ hai Hán Hoàn đế Diên Hy (159) Lý Ứng được bổ nhiệm làm Hà Nam đoán, ông liên kết với các vị quan chính

trục như đình úy Phùng Côn, đại tu nông Lưu hựu, tiến công vào thế lực hoạn quan. Dương Nguyên Quân sau khi bãi quan về nhà, mang theo rất nhiều của cải, thậm chí những đồ trong nhà xi cũng mang về, Lý Ứng bèn làm biểu dâng Hoàn đế để kể tội Dương Nguyên Quân. Nào ngờ Dương đem các đồ tham ô được đem hối lộ hoạn quan, thế là Lý Ứng, Phùng Côn, Lưu Hựu và quan địa phương là Lưu Chất, Thành Phả đều bị bắt; Lưu Chất, Thành Phả chết oan trong ngục. Nhờ đại thần Trần Phan và tư lệ hiệu úy Ứng Phụng xin, ba người thuộc nhóm Lý Ứng chỉ bị phạt khổ sai rồi sau trở về quê.

Sau đó, được tin nhiệm vì tài danh lừng lẫy Lý Ứng lại được với làm tư lệ hiệu úy. Tư lệ hiệu úy là quan phụ trách quân sự và trị an trong thành. Trên cương vị mới, ông càng không sợ quyền uy, thẳng tay trừng trị bọn hoạn quan. Huyện lệnh Dã vương là Trương Tố, ý thế của anh hần là Trương Nhuộng, quyền giám trong cung, làm điều bạo ngược, thậm chí giết cả phụ nữ có thai để mua vui. Sau khi Lý Ứng làm tư lệ hiệu úy, Trương Tố rất sợ, chạy trốn vào nhà Trương Nhuộng để tránh bị trừng phạt. Lý Ứng nghe tin, cho lính đến bắt, Trương Nhuộng biết Lý Ứng không phải để đối phó, bèn giấu Trương Tố vào trong chiếc cột rồng đã được chế tạo trước. Lý Ứng lục soát phát hiện chiếc cột này, cho người phá ra, bắt được Trương Tố. Sau khi xét hỏi, xử tử ngay Trương Tố.

Trương Nhuộng chạy đến gặp Hoàn đế khóc lóc kêu oan, Hoàn đế cho gọi Lý Ứng đến, nói ông giết người vội vàng,

chưa thỉnh thị đã tự quyết định. Lý Ứng thông thuộc kinh sử, lúc đó kinh nghĩa lại đang thịnh, ông liền dẫn ví dụ trong Xuân Thu, Khổng Tử tán thành việc Tấn Văn công xử trí Vệ Thành công, chứng minh mình làm không quá tay. Lý Ứng còn nói: "Khổng Tử làm Tu khẩu nước Lỗ, mới bảy ngày đã giết Thiếu Chính Mão, thần đã nhận chức hơn mười ngày mới làm việc này, thần tưởng rằng hoàng thượng trách thần không nhanh chóng trừng phạt kẻ xấu, không ngờ lại bị trách vì sớm giết kẻ đáng giết. Thần biết, có bị cách chức hay đáng khen thưởng, xin bệ hạ cứ gia hạn cho thần năm ngày, để thần giết hết những kẻ xấu, lúc đó xin đến để tuân theo sự phán xét của hoàng thượng, đầu chết cũng cam lòng".

Lời nói của Lý Ứng làm cho Hoàn đế không biết tính sao, không cách nào biện bác, đành quay đầu lại nói với Trương Nhưộng:

- Nên trách em trai khanh có tội, Tu lệ hiệu úy không sai.

Từ đó, các thái giám rất sợ Lý Ứng. Có lúc, ngay cả Hoàn đế cũng thấy lạ, bèn hỏi bọn thái giám có quyền thế:

- Ngày nay sao các khanh được nghỉ cũng không về nhà?

Bọn họ chảy nước mắt dập đầu nói:

- Chúng thần sợ Lý hiệu úy!

Hoàn đế cuối cùng đã hiểu ra, những thái giám này làm nhiều điều ác, sợ ra khỏi cung bị bắt chém đầu.

Thời đó, trong đám quan văn, còn có nhiều người khác cũng tích cực tấn công thế lực hoạn quan, Đông Hải tướng Hoàng Phù giết Từ Tuyên là một ví dụ. Một trong "ngũ hầu" là Từ Hoàng, bố trí em mình là Từ Tuyên làm huyện lệnh Hạ Bì, Tuyên đã từng cầu hôn con gái Lý Cao thái thú Nhữ Nam, bị từ chối. Nhà của Lý Cao lại ở ngay Hạ Bì, Từ Tuyên đến nhậm chức, Lý Cao đã chết, ngay ngày đầu tiên đến nhậm chức, Tuyên bắt ngay con gái của Lý Cao vào nha môn, vừa đưa cột vừa bắn chết cô gái, chôn thi thể trong vườn nha môn. Sau khi Hoàng Phù biết chuyện, lập tức bắt Từ Tuyên mà xử tử. Từ Hoàng đương nhiên không chịu bỏ qua, chạy tới Hoàn đế khóc lóc kể lể, kết quả là Hoàng Phù bị bắt.

Hành vi chính trực của các quan văn làm cho bọn hoạn quan không chịu nổi, họ tìm thời cơ, chuẩn bị một đợt phản công, họ quyết tâm giết Lý Ưng và những quan văn khác, họ còn tụ tập nói xấu những văn nhân như vậy, và rồi cơ hội đó đã đến.

Trương Thành là người thần thông quảng đại, kết giao với đám hoạn quan, làm nhiều điều phi pháp, chuyện đến cả tai hoàng đế.

Qua đám hoạn quan, Trương Thành biết hoàng thượng sắp ban lệnh ân xá, đã dung túng con mình giết người. Lý Ưng biết, lập tức bắt con của Thành, vừa lúc đó lệnh đại xá ban xuống. Nhưng Lý Ưng biết rằng Trương Thành biết trước lệnh này, hơn nữa ông vốn căm ghét bọn hoạn quan, nên

không tuân theo lệnh đại xá, giết con của Thành. Thế là bọn hoạn quan nắm được chuỗi, một đồ đệ của Thành, dâng thư tố cáo Lý Ứng không theo lệnh vua, vu cáo ông câu kết với thái học sinh trong thành và sĩ phu các quận, kết thành phe đảng, phỉ báng triều chính, làm hại kỉ cương. Bị bọn hoạn quan xúi bẩy, Hoàn đế hạ chiếu bắt toàn bộ "phe đảng", ngoài Lý Ứng, còn có hơn hai trăm quan lại văn nhân và thái học sinh bị bắt. Những người này phải đeo gông, bị giam và tra khảo tàn ác. Lý Ứng không những cứng rắn, mà sách lược của ông cũng khôn khéo. Những lời cung của ông bao giờ cũng liên hệ với các con cháu nhà hoạn quan, khiến hoạn quan thấy càng tra hỏi càng thân dần lửa lên người, nên không dám hỏi nữa.

Lúc đó thái úy Trần Phiên cực lực phản đối việc bắt bỏ này. ông dâng thư cho Hoàn đế, nghiêm túc chỉ ra rằng: "Những người hôm nay bị bắt đều là những người đã có uy danh trọng ngoài nước. Họ đều là những người một lòng một dạ lo việc nước, đối với những người như vậy, có đái ngộ ưu tiên cho con cháu mười đời sau cũng chưa phải là nhiều, sao lại tùy tiện bắt bỏ, tra hỏi họ?" Lý Ứng kiên quyết không chịu ký vào biên bản xử tội.

Nhạc phụ của Hoàn đế, là Đậu Vũ thường hay giao du với thái học sinh. Để cứu những văn nhân này, với tư cách là nhạc phụ, Đậu Vũ dâng thư cho hoàng đế, nhưng không được chấp nhận, ông cáo ốm trả ấn tướng về nghỉ. Dưới áp lực của nhiều

phía, Hoàn đế thấy nếu tiếp tục sẽ mất nhân tâm, đành phải tha những người này, nhưng quy định rõ ràng "bị cấm cố chung thân", không được ra làm quan.

Đó là lần tai họa thứ nhất ("đảng cố chi họa").

Sau "đảng cố chi họa" lần thứ nhất không lâu, Hoàn đế mất. Linh đế tuổi còn nhỏ, Đậu Thái hậu tham dự triều chính. Trước kia Đậu thái hậu được lập làm hoàng hậu là nhờ các thủ lĩnh văn nhân giúp sức. Sau khi Đậu thái hậu nắm quyền, Triều Phiên, Đậu Vũ cùng những người cùng chứng kiến, đương nhiên được trọng dụng hơn, Trần Phiên và đại tướng quân Đậu Vũ cùng tham chính, Lý Ứng và một số người lại được dùng. Thế là Trần Phiên, Lý Ứng cùng Đậu Thái hậu, Đậu Vũ những văn nhân tiêu biểu liên hợp chặt chẽ với ngoại thích.

Để thanh lọc về chính trị, Trần Phiên, Đậu Vũ tích cực chủ trương xóa bỏ thế lực hoạn quan, và đã áp dụng những biện pháp nhất định, trước hết dùng Y Huân, người cùng chí hướng, làm thượng thư lệnh, Lưu Du làm thị trung, Phùng Thuật làm đồn kỵ hiệu úy, rồi phong chức cho Lý Ứng cùng mười chín người làm quan. Đến tháng 5 năm sau, Trần Phiên khuyên Đậu Vũ rằng:

- Trước kia Tiêu Vọng Chi chết trong tay hoạn quan Thạch Hiến, cách đây không lâu, Lý Cố, Đỗ Kiều cũng bị họa diệt tộc. Nay nhũ mẫu của Linh đế, Triệu Nhiều và các nữ

quan lại thông đồng với hoạn quan, mê hoặc Đậu thái hậu tôi rất lo cho đại tướng quân, mong đừng chậm trễ.

Thế là Đậu Vũ đề nghị với thái hậu:

- Chức trách của hoạn quan chỉ là làm những tạp vụ trong cung, không có quyền hỏi chuyện triều chính, mà nay các quan hoạn, tay nắm trọng quyền, nanh vuốt khắp triều, lòng người sục sôi, tiếng oán đầy đường, vì vậy nên trừ bỏ những thái giám gây tội ác.

Thái hậu không nghe, Trần Phiến trực tiếp khuyên thái hậu rằng:

- Thần biết rằng lời nói không thẳng thì hành vi chẳng ngay, trên lửa trời xanh, dưới phụ người lành, nên không dám không nói. Lời nói thẳng ngay thường rước vạ vào thân, nhưng thần tâu bị chém đầu cũng không dám phụ lòng thiên hạ. Hiện nay kinh sư ồn ào việc bất chính của Hầu Hiền, Tào Tiết, Vương Phụ và phu nhân Quan nữ, đã tới mức theo họ thì còn, chống họ thì chết. Trước đây thái hậu giết hoạn quan Tô Khang. Quân Bá có thể quan dân đều mừng, nhưng sau đó lại khoan dung với bọn Tào Tiết, thì càng nguy hiểm hơn. Thái hậu vẫn không nghe.

Trần Phiến, Đậu Vũ chuẩn bị dùng võ lực tiêu diệt hoạn quan. Họ bắt Trịnh Phong để tra khảo, trong lời khai có liên quan đến Tào Tiết và một số người. Đậu Vũ dâng thư đề nghị bắt Tào Tiết và Vương Phụ, giao xong tấu thư liền trở về nhà. Thái giám quản việc truyền tấu thư là Chu Vũ xem thư vừa lo

vừa tức, cổ ý mắng to tiếng: "Mẹ nó, thái giám có tội tất phải chém đầu, những người như chúng ta đây sao cũng bị tịch thu gia sản chém đầu?" Thế là ông ta la lớn: "Trần Phiên và Đậu Vũ dâng thư lên thái hậu, đòi phế bỏ Linh đế, giết hết hoạn quan, định làm phản" Chu Vũ triệu tập được bảy mươi thái giám khỏe mạnh, uống máu ăn thề, chuẩn bị giết Trần Phiên, Đậu Vũ. Tào Tiết nghe được, cũng lừa Linh đế, đề nghị vua cầm kiếm cùng đi, hạ lệnh đóng chặt cửa cung, thu nhật ấn tín phù tiết, bắt thượng thư tỉnh viết chiếu lệnh. Họ cứu Trịnh Phong, giam lỏng thái hậu, cướp lấy ngọc tỷ, cầm thánh chỉ đi bắt Đậu Vũ, Đậu Vũ chạy vào trại binh, lớn tiếng truyền:

- Thái giám làm phản, người nào đẹp được sẽ phong hầu! Đậu Vũ tập hợp được hàng ngàn quân sĩ giết chết những người đến bắt mình và chuẩn bị kháng cự.

Ngày hôm sau, hai quân đối trận. Vương Phụ giả truyền thánh chỉ, gọi loa nói:

- Đậu Vũ làm phản, các người là cấm quân của hoàng đế, không được nghe chỉ huy của ông ta, ai đầu hàng trước sẽ thưởng.

Quân lính thấy Vương Phụ cầm thánh chỉ, lúc thường cũng vẫn nghe quen lệnh truyền của thái giám, thế là ò ạt chạy sang. Tối giờ cơm sáng, lính của Đậu Vũ đã bỏ chạy sạch. Đậu Vũ cưỡi ngựa chạy trốn, nhưng bị đuổi gấp cùng đường, đã tự sát.

Trần Phiên biết tin quá muộn, ông tập hợp được hơn tám chục học sinh cầm vũ khí xông vào cửa Thừa Minh, thì vừa chạm trán với Vương Phụ. Vương Phụ lệnh bắt Phiên, nhưng quân sĩ không ai dám bước tới, tuy Trần Phiên đã hơn bảy mươi, nhưng uy phong凛冽, không ai dám gần. Cuối cùng Vương Phụ cho bao vây mười mấy vòng, rồi mới bắt được và chém ông luôn trong ngày.

Gia đình và học trò của Đậu Vũ, Trần Phiên đều bị liên lụy, kẻ chết người bị hạ chức, không ai thoát.

Tới đây, tập đoàn quan lại văn nhân đã bị tiêu diệt hoàn toàn, bẽ lũ hoạn quan càng cuồng điên hơn.

Nhưng sự báo hại của hoạn quan với quan-lại văn nhân chưa phải đã xong. Ngay từ trước khi họ giết Đậu Vũ, Trần Phiên, các danh sĩ trong triều cùng các thái học sinh đã có sự liên hợp chặt chẽ, họ cùng nhau bình phẩm, đặt hiệu, bàn việc triều chính, có được ảnh hưởng lớn trong xã hội. Họ gọi Lý Ứng, tuần Lập, Đỗ Lập, Vương Sướng, Lưu Hựu, Ngụy Lang, Triệu Điểm, Chu Vũ là "bát tuần", gọi Quách Lâm Tông, Tôn Từ, Ba Túc, Hạ Phúc, Phạm Bàng, Y Huân, Thái Diễn, Dương Đầu là "bát cố", gọi Trương Kiện, Sâm Chí, Lưu Biểu, Trần Tường, Khổng Lập, Uyển Khang, Đàm Phụ, Dịch Siêu làm "bát cục", gọi Độ Thượng, Trương Mạo, Vương Khảo, Lưu Nho, Hồ Mậu Ban, Tần Chu, Phan Hướng, Vương chương là "bát trừ". Họ cho rằng, bát tuần là "học tài anh", "bát cố" có thể "dùng đức dạy người", "bát cục" có thể "dẫn

người đi theo", "bát trù" có thể "dùng của cải cứu người". Trong ba mươi hai người đó, danh tiếng của Lý Ứng hơn cả, trù Đậu Vũ, Tiên Phiên, Lưu Thục gọi là "tam quân" ra, Lý Ứng coi như đứng đầu. "Đảng cổ chi họa" lần thứ hai do Chu Tịnh cáo giác Trương Kiệm trong "bát cực" gây nên.

Trương Kiệm là người Cao Bình, Sơn Dương, từng làm đô hữu Sơn Dương. Quê của đại hoạn quan Hầu Lâm ở Phòng Đông, Hầu Lâm dung túng người nhà hoành hành bất pháp, tàn hại bách tính, tội không thể tha, Trương Kiệm dâng thư đề nghị giết những tên đầu sỏ ác ôn. Tấu thư rơi vào tay Lâm, hấn iếm đi, và từ đó trong lòng hết sức căm giận Trương Kiệm, Chu Trịnh là đồng hương của Kiệm, từng bị Kiệm loại bỏ không dùng, nay thấy hoạn quan diệt quan lại văn nhân, ra sức bài trừ các đối thủ, mới nghĩ nhân cơ hội này có thể kiếm lại chức quan.

Thế là Chu Trịnh vu cáo Trương Kiệm kết đảng với hai mươi tư người trong quận, cũng tự đặt danh hiệu, liên lạc với "bát tuần", "bát cố", cùng âm mưu "đồ nguy xả tặc". Thật là vừa tố cáo đã được xử ngay, Linh đế xuống chiếu bắt Trương Kiệm, hoạn quan Tào Tiết lại ngầm cho người thuyết phục Linh đế cho mở rộng phạm vi lùng bắt. Thế là Trương Kiệm, Lý Ứng, Phạm Bàng, Đỗ Mật đều bị bắt và xử tử, ngoài ra còn có hàng trăm người bị chết ở trong ngục; sáu bảy trăm quan lại văn nhân hoặc thuần túy là văn nhân ngay thẳng bị giam cầm, hơn một ngàn thái học sinh bị bắt. Hoạn quan còn

tiếp tục truy bắt các văn nhân chính trực để nay mai họ không còn có thể "đông sơn tái xuất". Sự bức hại đó kéo dài tới mười lăm năm, tới năm 184 mới chấm dứt.

Đó chính là lần "đăng cổ chi họa" lần thứ hai:

Trong lần "đăng cổ chi họa" này, Lý Ứng, Phạm Bàng, Trương Kiệm cùng nhiều quan lại văn nhân hoặc thuần túy văn nhân khác đã biểu hiện khí tiết đáng khâm phục. Hành vi của họ có ảnh hưởng sâu rộng với hậu thế. Mỗi khi bọn gian nịnh lộng hành, triều chính đen tối, người đời sau lại lấy họ làm gương, coi đó như nguồn sức mạnh để khích lệ người sau chống lại các thế lực đen tối.

Sau khi tập đoàn quan lại văn nhân bị xóa trừ, hoạn quan không còn kiêng nể gì nữa. Thời kỳ Linh đế, đã hình thành "thập thường thị" do Trương Nhược, Triệu Trung đứng đầu. "Thập thường thị" gồm mười hai thái giám, hầu như nắm toàn bộ quyền hành trong triều, ngay Linh đế cũng phải sợ họ, Linh đế thường nói: "Trương thường thị là cha ta, Triệu thường thị là mẹ ta".

Các quan trong ngoài triều tha hồ mà xu phụng "thập thường thị." Vùng Phù Phong có người tên Mạnh Đà, nhà giàu, muốn được làm quan, bèn kết thân với người hầu của Trương Nhược, người hầu nọ ăn đầy rồi vẫn chưa thấy Mạnh Đà nói gì, sốt ruột quá bèn chủ động hỏi Đà: "Ông có gì khó khăn, tôi sẽ giúp ông!" Mạnh Đà nói: "Không có việc gì, chỉ cần ông vái tôi một cái". Người hầu của Trương

người đi theo", "bát trù" có thể "dùng của cải cứu người". Trong ba mươi hai người đó, danh tiếng của Lý Ứng hơn cả, trù Đậu Vũ, Tiên Phiên, Lưu Thục gọi là "tam quân" ra, Lý Ứng coi như đứng đầu. "Đảng cố chi họa" lần thứ hai do Chu Trịnh cáo giác Trương Kiệm trong "bát cục" gây nên.

Trương Kiệm là người Cao Bình, Sơn Dương, từng làm đô bưu Sơn Dương. Quê của đại hoạn quan Hầu Lâm ở Phòng Đông, Hầu Lâm dung túng người nhà hoành hành bất pháp, tàn hại bách tính, tội không thể tha, Trương Kiệm dâng thư đề nghị giết những tên đầu sỏ ác ôn. Tấu thư rơi vào tay Lâm, hấn ỉm đi, và từ đó trong lòng hết sức căm giận Trương Kiệm, Chu Trịnh là đồng hương của Kiệm, từng bị Kiệm loại bỏ không dùng, nay thấy hoạn quan diệt quan lại văn nhân, ra sức bài trừ các đối thủ, mới nghĩ nhân cơ hội này có thể kiếm lại chức quan.

Thế là Chu Trịnh vu cáo Trương Kiệm kết đảng với hai mươi tư người trong quận, cũng tự đặt danh hiệu, liên lạc với "bát tuần", "bát cố", cùng âm mưu "đồ nguy xâ tặc". Thật là vừa tố cáo đã được xử ngay, Linh đế xuống chiếu bắt Trương Kiệm, hoạn quan Tào Tiết lại ngầm cho người thuyết phục Linh đế cho mở rộng phạm vi lùng bắt. Thế là Trương Kiệm, Lý Ứng, Phạm Bàng, Đỗ Mật đều bị bắt và xử tử, ngoài ra còn có hàng trăm người bị chết ở trong ngục; sáu bảy trăm quan lại văn nhân hoặc thuần túy là văn nhân ngay thẳng bị giam cầm, hơn một ngàn thái học sinh bị bắt. Hoạn quan còn

Nhuộng đồng ý. Hôm sau Mạnh Đà đến gặp Trương Nhuộng, ông ta cố ý đi muộn, để trước cửa nhà Trương Nhuộng có hàng ngàn người mới đi tới. Người quản gia của Nhuộng từ xa đã thấy Mạnh Đà, bèn dẫn một đám gia nhân đi tới trước mặt Đà, cùng sụp lạy. Những người đến bái kiến đều kinh nể, cho rằng Mạnh Đà sẽ được Trương Nhuộng coi trọng, đều tranh nhau tặng lễ vật cho Mạnh Đà. Mạnh đà đem một phần nhỏ lễ vật tặng cho Trương Nhuộng, Trương Nhuộng rất vui, bèn bổ nhiệm Mạnh Đà làm thích sử Lương Châu.

Về sau, "Thập thường thị" làm cho tình hình chính trị hết sức hỗn loạn, khiến toàn thể xã hội phản kháng, Hà Tiến, Viên Thiệu mật mưu trừ bỏ tập đoàn hoạn quan, nhưng Hà Tiến đã bị Trương Nhuộng giết. Viên Thiệu dẫn quân xông vào cung, thấy hoạn quan là giết, thậm chí đàn ông không có râu cũng bị giết, một lúc giết tới hai nghìn người. "Thập thường thị" bức Hán Hiến đế trốn chạy, bị Viên Thiệu đuổi tới bờ sông Hoàng, toàn bộ "Thập thường thị" đều tự sát. Từ đó, Đông Hán bước vào thời kỳ quân phiệt cát cứ hỗn chiến.

Tập đoàn quan lại văn nhân tuy bị hại dưới lưỡi dao của tập đoàn hoạn quan, những danh tiếng của họ đời đời bất diệt. Một là nhân cách bất khuất, ngay thẳng trong sáng của họ, bất kể là ai cũng không thể làm phai mờ. Tinh thần đó đã bảo đảm cho dân tộc Trung Hoa ngay trong những thời kỳ khó khăn nhất cũng không mất lương tâm và phương hướng, cũng không trượt rơi theo con đường hèn hạ và vô si. Hai là

Tại sao quan lại văn nhân và học trò lại không được kẻ thống trị ưa thích? Lý lẽ đơn giản, vì những người này đại biểu cho một lý tưởng, một yêu cầu không được thỏa mãn. Họ luôn đi trước của hiện thực xã hội, hô hào gây dựng một hiện thực tốt đẹp hơn, vì vậy lúc nào họ cũng là người phê bình xã hội hiện thực, họ không được kẻ thống trị ưa thích là lẽ tất nhiên của lịch sử. Nếu họ lúc nào và bao giờ cũng đồng hành với hiện thực, thì xã hội mất đi động lực tinh thần và phương hướng đi lên, chỉ có thể rơi vào vực thẳm của dè tiện, vô sỉ và tụt hậu!

Quan lại văn nhân và học sinh luôn vươn cổ lên cho xã hội dìm vào, có lẽ họ vươn cổ lên là để được bị giết. Nhưng do họ ngẩng cao cái đầu cứng rắn đó, xã hội cổ đại Trung Quốc mới không ngừng phát triển.

42. NGUY TRUNG, VỊ LƯƠNG THẦN KHÉO TRUNG

Người Trung Quốc có câu tục ngữ: "Tôi trung không thờ hai chúa, gái ngoan không lấy hai chồng", "chỉ theo một người duy nhất" hầu như là nguyên tắc cơ bản để làm bầy tôi, làm vợ.

Nhưng cũng có một câu khác là "chim khôn chọn cây làm tổ, trung thần chọn chúa mà thờ", hầu như khuyên người ta phải có con mắt tinh đời.

Thực ra, ở Trung Quốc, bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra, bất cứ điều gì cũng có thể được nghe nói tới. Mỗi khi chúng ta cảm thấy có thể chỉ ra được một sự việc để chứng minh luận điểm của mình, thì người khác chẳng cần tốn sức, vợ đâu cũng có hàng đồng sự việc phản diện, bác bỏ thẳng thừng điều đó; cũng vậy, chúng ta có thể có cách nói rất hay, nhưng người khác lập tức có thể tìm được cách nói hay hơn cách nói của chúng ta. Chẳng lẽ ở Trung Quốc mọi sự vật đều hỗn tạp không phân thị phi? Chẳng lẽ nền văn minh mấy nghìn năm lại chỉ bao gồm những chuyện tầm thường để sự bảo phải, vãi nói vãi hay hay sao?

Dương nhiên không phải thế. Mọi cách nói, mọi quan điểm đều được nêu ra, mọi sự thực đều tồn tại, nhưng không có nghĩa là mọi quan điểm đều có lý, đều hoàn toàn đúng đắn, càng không thể nói phạm những sự việc đã xảy ra, đều là hợp lý. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ ta dựa trên quan điểm nào để phân tích những sự thực đó, để nhìn nhận những cách nói đó. Nếu có được quan điểm tương đối tiến bộ và chính xác, có thể có năng lực phân tích giỏi, thì những thứ hỗn tạp kia sẽ bị hiện nguyên hình, sẽ không làm cho chúng ta nhúc nhích chổng mặt vì chúng nữa.

Lấy ngay quan điểm "tôi trung không thờ hai chúa, gái ngoan không lấy hai chồng" làm ví dụ, Quan Vân Trường thời Tam quốc có thể được coi là điển hình. Tào Tháo tìm trăm phương nghìn kế, hứa quan cao lộc dày, cho tiền bạc gái đẹp để mua chuộc ông, nhưng ông không hề thay đổi, chỉ muốn tìm về với Lưu Bị, người em kết nghĩa, cuối cùng đưa chị dâu vượt ngàn dặm, qua năm ải chém sáu tướng, phá được sự phong tỏa dày đặc của quân Tào, tìm về với Lưu Bị. Quan Vân Trường sở dĩ được người đời sau ca tụng quý trọng, bởi vì người sau coi ông là một vị anh hùng đạo đức, là hóa thân của "nghĩa". "Nghĩa" ở đây là "Thiên Kim nhất nặc, ngôn tất tín, hành tất quả" nghìn vàng không mua được, dù có xảy ra chuyện gì, lời đã hứa không được đổi thay việc đã làm phải được hoàn tất, nếu không sẽ thành thất tín, không là "nghĩa" nữa. Nói về sự tu dưỡng đạo đức của con người, có "nghĩa" hoặc "nghĩa khí" là một đức tính tốt đẹp, bất luận thế nào,

cũng phải giữ lời hứa, người quân tử bảo vệ chính nghĩa thường lặn lội, kẻ tiểu nhân ích kỷ cầu lợi thì giàu có; nhưng lại nói ngược lại, nếu tất cả chỉ vì "nghĩa", không biết linh hoạt biến hóa, không biết vì "đại nghĩa" mà hy sinh "tiểu nghĩa" của cá nhân thì chưa hẳn đã là hay.

Cho nên, Mạnh Tử mới nói ngược lại, "ngôn bất tất tin, hành bất tất quả" (không nhất thiết phải giữ lời hứa, không nhất thiết phải làm xong việc". Đương nhiên không phải Mạnh tử dạy người nói lung tung tùy tiện, mà ông nói, vì đại nghĩa có thể không cần "tin" và "quả", nói một câu thông thường là thi tốt giữ xe, bỏ vùng nhặt dưa hấu.

Vậy theo quan điểm của Mạnh Tử, lương thần cũng không nhất thiết thờ một vua, gái ngoan cũng có thể hủy giá thú lấy chồng khác. Nếu cần phải nêu ví dụ, thì có thể nói tới Ngụy Trung, vị danh tướng đời Đường và cũng là danh tướng trong lịch sử Trung Quốc.

Thật vậy, Ngụy Trung một vị trung thần khéo léo.

Cuộc đời Ngụy Trung có thể gợi ý cho ta những điều suy nghĩ.

Ngụy Trung, tự Huyền Thành, sinh năm 580 thời Bắc Chu. Thời đó đang có đại loạn, ông vừa ra đời không lâu, chính quyền Bắc Tống bị Dương Kiên lật đổ. Thời trẻ, ông sống dưới triều nhà Tùy. Ngụy Trung xuất thân trong một gia đình nhà nho có danh tiếng, cha ông Ngụy Trường Thiên là người

tài cao học rộng, từng làm quan địa phương dưới triều Tùy, nhưng chết sớm. Lúc đó Ngụy Trưng còn rất trẻ, cuộc sống gia đình thanh bạch, nhưng Ngụy Trưng có chí lớn, luôn luôn muốn làm nên sự nghiệp, ông chịu khó học tập, tạo cho mình cơ sở vững chắc về học vấn và tài năng chính trị.

Lúc đó Tùy Dạng đế hoang dâm vô đạo, anh hùng hào kiệt thiên hạ âm thầm khởi binh chống Tùy. Trong các quân khởi nghĩa, thế lực của Lý Mật là lớn nhất. Lý Mật vốn là con của Lý Khoan, đại quan triều Tùy, xuất thân gia đình quý tộc phong kiến, từ nhỏ đã đọc lâu kinh sử, rất có tài hoa, ông thấy triều Tùy không tránh khỏi diệt vong, bèn dấy binh chống Tùy. Một hôm, ông nhận được thư của Nguyên Bảo Tàng, thủ lĩnh một cánh quân khởi nghĩa khác, bóc ra xem ông bị thu hút bởi kiến giải sâu sắc, khí thế dồi dào, văn từ trau chuốt, ông đoán ra rằng lá thư không phải Nguyên Bảo Tàng viết, người viết thư nhất định phải có tài hoa, lại có tài năng chính trị. Lý Mật cho người đi dò la, mới biết người thảo bức thư đó là thư ký của Nguyên Bảo Tàng, Ngụy Trưng.

Nguyên là, quận thừa quận Võ Dương là Nguyên Bảo Tàng dấy binh chống Tùy, bèn đi tìm bạn cũ là Ngụy Trưng. Lúc đó, Ngụy Trưng thấy thiên hạ rối loạn, lòng còn phân vân không biết nên theo ai, bèn xuất gia làm đạo sĩ, để tránh loạn lạc, và cũng nhân đó để quan sát xu thế thiên hạ. Sau khi Nguyên Bảo Tàng khởi binh mời ông xuống núi, giao ông nắm văn thư trong quân, mọi thư tín của Nguyên Bảo Tàng viết cho Lý Mật đều do ông thảo. Lý Mật xem các thư tín của

Nguy Trung viết rất thích thú, lập tức sai người đi mời ông, để ông nắm văn thư trong quân, Nguy Trung lúc này đã 38 tuổi.

Trong quân Lý Mật, địa vị của Nguy Trung rất thấp, ông không có quyền tham gia ý kiến vào các quyết sách quân sự lớn. Lúc đó, cánh quân Ngõa Cương của Lý Mật thanh thế rất lớn, đánh chiếm được kho lương lớn nhất của cả nước, tức kho Lạc Khẩu, kho Hồi Lạc, kho Lê Dương, những kho chủ yếu của triều Tùy ở Hà Nam, họ mở kho cứu dân nghèo, quân khởi nghĩa phát triển rất mạnh. Cũng lúc đó, tướng Tùy là Vương Thế Sung giữ Lạc Dương, triển khai cuộc chiến dữ dội với quân khởi nghĩa. Do nghĩa quân phát triển nhanh chóng, thắng lợi làm quay cuồng đầu óc muốn đánh nhanh thắng nhanh. Nguy Trung sáng suốt nhìn thấy những sơ hở của quân khởi nghĩa, nhưng không biết nói với ai, bèn tìm Trịnh Hiệt, trưởng sử của Lý Mật, nói:

- Quân khởi nghĩa tuy giành thắng lợi lớn, nhưng thương vong nhiều, nay chỉ tiêu trong quân khó khăn, tích trữ có hạn, mà thưởng phạt không công bằng, không nên cố đánh quân Tùy. Kế hiện nay là hào sâu lũy cao, để chờ quân địch hết lương thực, đợi lúc địch rút, truy kích, sẽ giành thắng lợi.

Trịnh Hiệt rất xem thường Nguy Trung, cho rằng đó chỉ là suy nghĩ lẩm cẩm của một ông già. Kết quả, Lý Mật quyết định tốc chiến, đại quân đóng trại mà không cần hào lũy, bị quân của Vương Thế Sung hòa công, tập kích, thất bại thảm hại. Sau trận đó, cánh quân của Ngõa Cương hoàn toàn tan rã.

Lý Mật buộc phải dẫn tàn quân đầu hàng Lý Uyên. Lý Mật lúc đầu được trọng dụng, sau đó dần bị đối xử lạnh nhạt. Lý Mật chán chường, lại trở về Lạc Dương tập hợp lính cũ, lại cầm quân chống Lý Uyên. Ít lâu sau, Lý Mật thua trận bị giết chết. Lúc đó, Ngụy Trưng nhìn thấy chính quyền Lý Đường tương đối là có tiền đồ, bèn xin với Lý Uyên đi chiêu hồi những bộ hạ cũ của Lý Mật. Lý Uyên rất mừng, bổ nhiệm ông làm Thượng thư thừa, quản lý thư viện, hồ sơ lưu trữ quốc gia, cử đi hoạt động vùng phía đông núi Thái Hàng. Lúc đó, bộ hạ của Lý Mật là Từ Thế Tích có thế lực khá mạnh, ông viết thư cho Từ Thế Tích nói: "Xưa khi Lý Mật khởi binh chống Tùy, vung tay hô, bốn phương có hàng chục vạn người hưởng ứng, hầu như đã giành được nửa thiên hạ của Tùy, sau bị Vương Thế Sung đánh bại, rồi bị giết, quân Ngột Oa Cương không còn cách nào để tái xuất, mà Lý Uyên sẽ giành được thiên hạ. Nay đất Lê Dương ông giữ là đất sẽ phải tranh giành của binh gia, ông nên sớm định liệu, nếu không nhận rõ tình thế, sau này e rằng hối không kịp."

Từ Thế Tích xem xong thư, thấy cũng chẳng có cách nào hơn, mà Lý Mật cũng đã bị giết chết, bèn nghe theo lời khuyên của Ngụy Trưng, đầu hàng Lý Uyên. Bộ hạ cũ của Lý Mật thấy Từ Thế Tích đã hàng Đường, cũng đều đầu hàng cả.

Lý Uyên cho phép Từ Thế Tích dùng nghi thức quốc quân mai táng cho Lý Mật, Ngụy Trưng viết cho Lý Mật mấy chữ: "Đường cố Hình quốc công Lý Mật mộ chí minh", ví ông như Hạng Võ thua ở Cai Hạ, ý nói tuy thất bại, cũng vẫn là một

anh hùng. Ngụy Trưng phê bình Lý Mật như vậy, không hề sợ bị Lý Uyên truy cứu. Đối với Lý Mật, Ngụy Trưng cũng không vì nhiều lần bị ông khước bỏ những đề nghị đúng của mình mà chống lại, vẫn miêu tả cuộc đời ông một cách thực sự cầu thị. Thái độ và tinh thần đó của Ngụy Trưng, được người đương thời và người đời sau khen ngợi, mà không ai trách ông là phản lại Lý Mật đầu hàng Lý Uyên.

Tháng 10 năm thứ hai Vũ Đức (619) thủ lĩnh quân khởi nghĩa nông dân, Đậu Kiến Đức dẫn quân đánh xuống phía nam chiếm Lạc Dương do Từ Thế Tích giữ, đúng lúc đó Ngụy Trưng cũng ở trong thành. Đậu Kiến Đức ngưỡng mộ tài danh Ngụy Trưng, phong ông làm khởi cư xá nhân ghi chép mọi lời nói việc làm của hoàng đế. Ngụy Trưng ở trong quân Đậu Kiến Đức được một năm rưỡi, chưa có vai trò gì lắm, sau đó Đậu Kiến Đức, Vương Thế Sung bị Lý Thế Dân đánh bại, Ngụy Trưng lại theo về Lý Uyên.

Ngụy Trưng vốn có công đi chiêu hồi bộ hạ cũ Lý Mật nhưng đã ở trong quân nông dân một năm rưỡi, nay trở về Đường khó được trọng dụng. Thái tử Lý Kiến Thành nghe nói Ngụy Trưng học rộng tài cao, bèn gọi ông đến, giao cho ông làm một chức quan nhỏ quản lý sách vở thư viện, gọi là tể mã. Giai đoạn này tuy Ngụy Trưng có văn danh, nhưng thực tế chưa có bao tác dụng, chỉ có một lần đề nghị Lý Kiến Thành đem quân đi đánh Lưu Hắc Thát, vừa có công vừa ngầm kết giao với hào kiệt; thái tử nghe lời ông, kết quả thành công tốt đẹp.

Ít lâu sau, Lý Thế Dân phát động "sự biến Huyền vũ môn" giết anh là thái tử Lý Kiến Thành, em là Tề vương Lý Nguyên Cát, tự lên làm thái tử. Lý Thế Dân biết Ngụy Trưng là tâm phúc của Kiến Thành, lại là nhân vật không chịu ngồi yên, bèn lập tức triệu kiến ông. Thế Dân trách ông:

- Sao ông lại ly gián quan hệ giữa anh em chúng ta?

Ngụy Trưng không dùng lời khéo để biện bạch, mà dùng lý lẽ trả lời, dù có làm cho Thế Dân tức giận hay bị Thế Dân chạt đầu, ông nói:

- Con người có chủ của mình, nếu thái tử sớm nghe đề nghị của tôi, sẽ không chịu cảnh thất bại như ngày nay, việc tôi trung thành với Lý Kiến Thành không có gì là sai. Quân Trọng chẳng đã bắn vào đại lung Hoàn công đó sao?"

Lý Thế Dân nghe ông nói vừa thẳng thắn vừa có lý, nhất là ông nêu câu chuyện lịch sử Quân Trọng bắn Tiểu Bạch, mình càng không thể tỏ ra thiếu sự độ lượng như của Tề Hoàn công. Tiểu Bạch dùng lại kẻ thù của mình là Quân Trọng, bèn tha cho ông, phong ông làm quản sự chủ hạ, quản lý văn thư cho thái tử, tới đây Ngụy Trưng đã kết thúc quãng đời thay thầy đổi chủ, bắt đầu cuộc sống có giá trị, có ý nghĩa.

Đường Thái tông Lý Thế Dân là vị minh quân ít có trong lịch sử Trung Quốc. Sở dĩ như vậy, căn bản là do ông biết nghe lời can gián. Sự phát triển của lịch sử cùng với phẩm đức tài năng của cá nhân đã làm cho Đường triều trở thành thời kỳ hưng thịnh nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Lên ngôi được ít lâu, Lý Thế Dân liền thăng cho Ngụy Trung làm gián nghị đại phu, thật là hợp quá! không biết là Đường Thái tông biết nghe ý kiến người khác mà làm nên tiếng tăm cho Ngụy Trung, hay là Ngụy Trung dám thẳng thắn can gián, khiến cho Thái tông luôn luôn lắng nghe ý kiến triều thần, hoặc là cả hai tác động lẫn nhau, chỉ biết rằng cả sự can gián của Ngụy Trung lẫn thái độ lắng nghe của Đường Thái tông đều cùng nổi tiếng như nhau.

Chức trách của gián nghị đại phu là chuyên môn góp ý cho vua, ngày nay chúng ta thấy rằng, chức quan đó thực là kỳ lạ, chức quan này rất bình thường nhưng lại quan trọng vô cùng, vừa không có quyền hành gì, đặc biệt lại vừa có uy lực rất lớn. Tất cả đều tùy theo ý kiến của gián nghị đại phu có được hoàng đế nghe hay không.

Việc Đường Thái tông giao Ngụy Trung làm gián nghị đại phu biểu hiện sự trọng dụng tài cán và sự tin cậy của nhà vua đối với ông, sau đó Đường Thái tông còn thăng ông làm thượng thư thừa, để ông luôn được gần gũi, nhắc nhở, khuyên can hoàng đế.

Đường Thái tông là ông vua chủ trương "sinh hoạt dân chủ" giữa quân thần trong triều đình. Biết mình dễ bị tình cảm sai khiến, ông thường nhắc các đại thần chú ý giúp ông uốn nắn những quyết định thiên về tình cảm, đồng thời thể chế hóa việc phê bình trong triều chính. Ông lập ra một chế độ chưa từng có trong các triều, tức cho phép gián quan,

sử quan tham gia các hội nghị bàn chính sự. Chế độ đó không những bảo đảm cho gián quan, sử quan nắm được nội tình triều chính, có thể góp lời can gián của mình, mà còn có điều kiện nhất định để giám sát, tế tuồng cùng các quan không dám nói sai sự việc. Chế độ đó còn quy định, trong hội nghị, dù hoàng đế hay đại thần, nếu có sai lầm khuyết điểm thì gián quan có quyền nêu lên để tranh luận. Ngoài ra, sử quan cũng nắm được mọi tình hình của hoàng đế, viết sử bằng những tư liệu gốc, đối với họ cũng là một hình thức giám sát.

Ngụy Trưng làm gián quan trong điều kiện tự do rộng rãi như vậy, lòng đầy tin tưởng, ông chủ trương xúc tiến công việc nhanh chóng. Khi Đường Thái tông lên ngôi thiên hạ mới đẹp yên, còn trăm việc ngổn ngang. Đường Thái tông tuy muốn trị lý tốt nước nhà, nhưng chưa rõ nên như thế nào. Một hôm, vua hỏi Ngụy Trưng:

- Một vua hiền muốn trị lý tốt quốc gia, cũng phải tới trăm năm chắc?

Ngụy Trưng không đồng ý với suy nghĩ của vua, ông cho rằng:

- Bậc thánh minh trị nước, như âm thanh lập tức có hồi âm, chỉ cần trong một năm là thấy kết quả, ba năm mới thấy kết quả là đã muộn, sao phải trăm năm mới kết quả?

Thượng thu bộc xạ Phong Đức Di cho rằng:

- Từ xưa đến nay, lòng người mỗi ngày một kém, ngày thêm gian trá, đời Tần dùng cực hình tàn khốc, triều Hán thì

đàn áp mạnh, đều không thành công trong việc giáo hóa dân chúng, Ngụy Trưng định dùng những lời lẽ đầy giọng thư sinh đó để trị nước, nhất định sẽ thất bại.

Ngụy Trưng bác lại:

- Cai trị một đất nước sau đại loạn khác gì người đang rất đói cần ăn, phải nhanh. Nếu lòng người sa đọa như nước chảy xuống, thì tới nay con người đã biến thành quái quỷ, còn nói gì trị nước? Làm theo đạo đế thì thành đế, làm theo đạo vương thì thành vương, vấn đề là dùng cách gì để trị nước, mà không phải là dân có giáo hóa được hay không?

Đường Thái tông về cơ bản nghe theo ý kiến của Ngụy Trưng, tích cực áp dụng những biện pháp hữu hiệu, sau ba năm, triều Đường đã thay đổi hẳn.

Về mặt chính trị, Ngụy Trưng kiên quyết chủ trương yên dân, phản đối đàn áp. Sau "sự biến Huyền Vũ môn", các bộ hạ trung thành với thái tử Lý Kiến Thành còn rải khắp cả nước, họ không biết sau khi giết Lý Kiến Thành thì Lý Thế Dân sẽ có thái độ như thế nào với họ, lòng người một thời hoang mang, nhiều người đã chuẩn bị làm phản. Ngụy Trưng đề nghị với Lý Thế Dân:

- Không nên chấp thù riêng, đối với họ phải xử công bằng, nếu không giết chẳng hết, mầm họa mãi mãi vẫn còn.

Lý Thế Dân nghe ông, sai ông làm đặc sứ, giao quyền được tùy nghi hành sự, cho ông đi vùng Hà Bắc, nơi tập trung thế

lực của thái tử để vỗ yên dân. Ông đến Từ Châu, thấy hai xe tù trên đường đi Trường An, trong đó giải Lý Trị An và Lý Tư Hành, bộ hạ của Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát hai người này đã chạy trốn sau "sự biến Huyền Vũ môn". Ngụy Trưng tìm người phụ trách giải tù, nói:

- Trước khi ta rời Trường An triều đình đã hạ lệnh xá tội cho các bộ hạ của Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát, nay lại bắt họ, há chẳng nuốt lời, thất tín với người sao? Nay ta đi chiêu hồi e mọi người sẽ không tin, vậy giải người về Trường An sao được? Khi đi, Thái tông đã cho ta quyền tùy nghi hành sự, theo ta thì nên thả Lý Trị An và Lý Tư Hành, cho họ cùng ta đi chiêu hồi, nhất định kết quả tốt.

Mọi người rất tán thành ý kiến của ông, họ thả hai người tù ra và viết báo cáo về cho Thái tông. Do cách làm đúng đắn của Ngụy Trưng, vùng đất Hà Bắc nhanh chóng được vỗ yên, ông hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đường Thái tông khen cách làm của ông, càng coi trọng ông.

Trong phương sách cụ thể trị nước, Ngụy Trưng chủ trương giảm phu nhẹ thuế, cho dân nghỉ ngơi. Ông cho rằng, bài học diệt vong của triều Tùy ở chỗ nhiều dân quá nhiều, sưu thuế nặng nề, phu dịch liên tiếp, dân không sống nổi, quốc gia bại vong bắt đầu từ đó, vì vậy, "để thì sẽ yên, động đến sẽ loạn". Cho nên trong những năm Trinh Quan (niên hiệu đời Đường), sưu thuế và phu dịch của triều đình không nặng, đó là một bảo đảm cho việc xã hội yên ổn, kinh tế phát triển.

Về mặt chấp pháp, Ngụy Trung có chủ trương khoan dung. Ông kiên quyết phản đối thực hiện hình phạt tàn khốc như đòi Tần, cắt xẻo con người như cá thịt. Ông kiên quyết chủ trương xử phạm nhân theo phép nước, chứ không được tùy ý trừng phạt tùy tiện. Một lần, Đường Thái tông giao cho Lu Tổ Thượng làm thích sử Giao Châu. Mới đầu Lu Tổ Thượng chấp nhận, sau lại thấy hối, cáo bệnh không nhận, Thái tông khuyên ông, ông vẫn không chịu đi. Đường Thái tông thấy bị mất thể diện, Lu Tổ Thượng không biết điều, nổi giận, ngay lúc đó cho lệnh giết ông. Sau việc đó, Thái tông thấy hơi quá tay, vì không làm theo đúng pháp luật. Ngụy Trung nhân dịp nói chuyện Bắc Tề hoàng đế Tôn Dương để phê bình Thái tông:

- Tôn Dương rất tàn bạo, nhưng khi thảo luận vấn đề với người khác, thấy mình đuối lý, vẫn còn biết nhận sai, đó là điểm mạnh của ông ta.

Đường Thái tông nhân đó tỏ lòng hối hận, ông nói: "Lu Tổ Thượng không phục tùng mệnh lệnh, cố nhiên là sai, nhưng chưa đủ thành tội chết, trăm nhất thời giận dữ mà giết ông ta, không bằng cả Tôn Dương.

Thích sử Bốc Chân là Bàng Tướng Thọ, bộ hạ cũ của Thái tông khi ông còn là Tần vương, do tham ô bị cáo giác, truy hồi tang vật, và cách chức. Bàng Tướng Thọ đến cầu xin Thái tông, Thái tông nể tình, cho ông một tấm lụa và tiếp tục làm thích sử chỉ dẫn ông về sau đừng bao giờ tham ô nữa. Ngụy Trung, biết việc, nói với Thái tông:

- Bệ hạ thế là lại không giữ phép nước. Bàng Tướng Thọ phạm tội, bệ hạ vẫn còn thưởng hậu cho ông ta, giữa ông ta lại làm quan, bộ hạ của bệ hạ khi bệ hạ còn làm Tần vương nhiều lắm, nếu ai cũng theo gương của Bàng Tướng Thọ mà phạm tội, thì bệ hạ xử trí ra sao?

Ông còn nói với Đường Thái tông:

- Khi thưởng không nên quên người xa, khi phạt không nên nể người thân. Phải lấy công bằng làm khuôn phép, lấy nhân nghĩa làm chuẩn mực, thì mới được lòng người.

Do có sự kiên trì của Ngụy Trưng, Đường Thái tông không thể không đồng ý phương án xử lý cũ.

Nhờ có đóng góp chung của Ngụy Trưng và mấy người khác, cũng như sự nỗ lực của Thái tông, Trương Tôn Vô Kỵ và Phòng Huyền Linh đã sửa đổi luật "Vô Đức", định ra luật "Trình Quan", giảm nhẹ hình phạt. Trong những năm Trình quan, do áp dụng chính sách khoan dung nên dù có giảm hình phạt, số người phạm tội vẫn giảm đi rất nhiều.

Ngụy Trưng còn chủ trương giữ tín với dân, tránh tình trạng sớm lệnh ban ra, chiều đã sửa đổi, dân không biết đâu mà theo. Triều Đường từ trước có chính sách là con trai mười tám tuổi phải đi lính, có một lần vì muốn tăng quân cho biên giới, Thái tông yêu cầu con trai mười sáu tuổi phải ra lính, Ngụy Trưng không đồng ý. Theo quy định đương thời, lệnh của vua phải chờ có chữ ký của các quan dự họp mới có hiệu lực, Ngụy Trưng cho rằng lệnh đó ngược lại pháp lệnh của

triều Đường từ xưa tới nay, quá hà khắc, nên nhiều lần từ chối không ký. Đường Thái tông rất giận, hỏi ông tại sao cản trở lệnh vua, Ngụy Trưng trả lời: "Tất cạn hết ao để bắt cá, không phải không bắt được cá, mà năm sau sẽ không có cá mà bắt; đốt sạch rừng để bắt thú, không phải không bắt được thú, nhưng năm sau không còn thú mà bắt. Binh không cần đa mà cần tinh, hà tất để đủ số phải bắt cả những người chưa đủ tuổi đi lính? Huống hồ việc làm này sẽ mất lòng dân, pháp lệnh trước đây mười tám tuổi đi lính, nay sửa thành mười sáu tuổi, thì dân sao tin được triều đình?"

Đường Thái tông bèn hỏi xem mình đã làm những gì mất lòng dân, Ngụy Trưng dẫn ra một loạt ví dụ, chứng minh vua làm những việc tự phản lại mình, mất lòng dân, làm Thái tông phải thừa nhận. Cuối cùng, Đường Thái tông không thể không tán thành ý kiến của Ngụy Trưng, còn nói với ông:

- Trước đây ta cho khanh là cố chấp, không biết tình lý, nay nghe lời khanh thấy có lý. Mệnh lệnh tiền hậu bất nhất, trăm họ hoang mang, nước nhà sao trị tốt được?

Về mặt sử dụng nhân tài, Ngụy Trưng phân biệt tiêu chuẩn dùng người trong chiến tranh và trong hòa bình. Ông nói với Thái tông:

- Khi chưa định được thiên hạ, tiêu chuẩn dùng người là xem người đó có tài cán không, chưa cần xem đạo đức tư cách, khi đã dẹp xong thiên hạ, khi lựa chọn nhân tài, phải có cả tài lẫn đức.

Chịu ảnh hưởng của Ngụy Trưng, Thái tông "nội cử bất tị thân, ngoại cử bất tị cừu" (cử người ở trong không tránh người thân, ở ngoài không tránh kẻ thù), có lần ông còn chủ động nói với Ngụy Trưng:

- Tuyển dụng quan lại là việc không thể khinh suất. Dùng một quân tử, thì bao người quân tử khác sẽ mộ danh mà đến quân tử theo nhau đến; nếu dùng một tiểu nhân, thì bao kẻ tiểu nhân khác sẽ tìm cách lọt sẽ vào.

Đặc biệt đối với việc giải trí, Ngụy Trưng theo dõi sát Thái tông, thường thẳng thắn khuyên can, không để vua xây dựng lãng phí. Có lần Đường Thái tông muốn đi du ngoạn săn bắn ở Nam sơn, ngựa xe đã chuẩn bị xong, cuối cùng lại không dám đi. Ngụy Trưng ở ngoài về, nghe nói việc này, bèn hỏi vua sao không đi. Thái tông nói: "Mới đầu trẫm muốn đi săn, sau nghĩ lại, sợ khinh trách, nên không dám đi".

Năm Trinh Quan thứ tư (630), Đường Thái tông quyết định xây dựng cung Lạc Dương, huyện thừa huyện Trung Mậu là Hoàng Phổ Đức dâng thư khuyên can, lời lẽ hơi gay gắt. Thái tông nổi giận, muốn trị tội Hoàng Phổ Đức, Ngụy Trưng vội lấy chuyện Giả Nghị triều Hán ra để biện hộ cho Hoàng Phổ Đức, để chứng minh rằng từ xưa dâng thư nếu không dùng lời lẽ mạnh mẽ thì không làm xúc động được lòng vua. Đường Thái tông mới tha tội.

Ít lâu sau, vùng Hà Nam, Thiểm Tây mưa to, nước lụt, mà lúc đó Thái tông lại muốn xây cung Chính Sơn của Lạc Dương, Ngụy Trưng nghe nói vội tâu:

- Triều nhà Tùy sở dĩ nhanh chóng diệt vong, nguyên nhân chủ yếu là do Tùy Dạng đế xây lầu đài, cung điện, trăm họ phải phục dịch nhiều quá, mới khởi nghĩa chống lại. Nay trong cung lầu đài đã đủ ở, nếu nghĩ đến chuyện diệt vong của Tùy Dạng đế, thì nên dỡ bỏ cung điện lớn mà ở cung điện nhỏ, nếu tiếc không rõ dỡ thì ít nhất cũng không nên xây mới. Nếu không nghĩ đến sự vất vả để được lấy thiên hạ, liên tiếp xây cung dựng điện theo đòi xa hoa hưởng lạc, gia tăng lao dịch của bách tính, thì sẽ bị diệt vong như triều Tùy.

Đường Thái tông thực hiện đề nghị của Ngụy Trưng, dừng xây cung điện, đem vật liệu chuyển tới vùng bị lụt, giúp dân dựng nhà cửa.

Có lần, Đường Thái tông đi cung Cửu Thành, các cung nữ đi theo ở trong quán xá của huyện Vi Xuyên, tể tướng Lý Tĩnh và Vương Khuê cũng đến, viên huyện lệnh bèn chuyển các cung nữ ra chỗ khác, để quán xá nhường cho tể tướng. Đường Thái tông biết, giận hỏi ông rằng:

- Tại sao xem thường cung nhân của ta? Chẳng lẽ những người này quyền to đến thế?

Nhà vua chuẩn bị trừng phạt viên huyện lệnh. Ngụy Trưng nói:

- Lý Tĩnh, Vương Khuê là đại thần triều đình, cung nhân chẳng qua là người hầu trong hậu cung. Đại thần đi tuần sát địa phương, huyện lệnh phải báo cáo thỉnh thị, đại thần về tới

triều đình, hoàng thượng còn phải hỏi han nỗi khổ của dân. Quán xá vốn là nơi tiếp đãi đại thần, đó là chuyện hợp tình hợp lý, mà cung nhân chẳng qua chỉ quản việc vật, không tiếp khách. Nếu vì chuyện đó mà xử phạt huyện lệnh, sẽ bị thiên hạ bình phẩm. Thái tông nghe lời Ngụy Trưng, thấy mình quá thiên về tình cảm, bèn không xử phạt huyện lệnh nữa.

Vào giữa những năm Trinh Quan, các đại thần cảm thấy công đức của Thái tông rất lớn, đều xui ông đi Thái Sơn phong thiên, chỉ có Ngụy Trưng dâng thư nói:

- Công đức hoàng thượng tuy lớn, nhưng trăm họ chưa được hưởng bao nhiêu lợi lộc, nay tuy thiên hạ thái bình, nhưng dân chưa giàu có. Cuộc chiến tranh cuối Tùy mới qua được mười năm, nguyên khí quốc gia chưa được hồi phục, lúc này đi phong cáo Thái Sơn nói mình đã thành công nghiệp ư, rằng còn sớm quá, đồng thời rất tốn kém, ban thưởng lớn, dù có miễn cung phụng, cũng chẳng giấu bớt được nỗi thống khổ của dân. Được tiếng hảo mà chịu hại thực, vì cái gì vậy?

Đường Thái tông thấy đúng như vậy, bèn không đi phong thiên nữa.

Một lần, Đường Thái tông từ Trường An đi cung Hiến Nhân của Lạc Dương, vì vật phẩm cung ứng tại địa phương không được tốt, Đường Thái tông rất bực, Ngụy Trưng thấy nếu cứ như vậy mãi sẽ có chuyện, bèn nói với Thái tông:

- Tùy Dạng đế do theo đuổi hưởng lạc mà diệt vong. Nay chỉ vì cung ứng chưa tốt mà giận dữ, sau này tất phải dốc sức

cung phụng, để vừa lòng bề hạ. Nhưng việc cung ứng có hạn, mà sự xa xỉ là vô hạn, cứ mãi như vậy, bi kịch đời Tùy chắc phải diễn lại.

Lời nói đó của Ngụy Trưng làm Thái tông giật mình, từ đó chú ý tiết kiệm hơn.

Ngụy Trưng rất chú ý việc tu dưỡng phẩm đức cá nhân của Thái tông. Một lần, Ngụy Trưng không kiêng nể gì nói thẳng với Thái tông:

- Kẻ ở trên người khác, giữ thân ngay thẳng, chẳng lệnh dưới cũng làm, nếu thân không ngay thẳng, có lệnh của chẳng nghe.

Ngụy Trưng còn dẫn lời Tuân tử để nói với Thái tông:

- Vua chúa như thuyền, nhân dân tựa nước, nước có thể làm nổi thuyền, nhưng cũng có thể lật thuyền.

Câu nói đó tác động mạnh với Thái tông, ông luôn nhớ trong lòng, còn lấy câu đó răn thái tử để thái tử đừng quên.

Một lần, Đường Thái tông hỏi Ngụy Trưng làm thế nào để là một "minh quân", mà không thành "hôn quân". Ngụy Trưng bèn kể câu chuyện Ngu Thế Cơ đời Tùy cho vua nghe. Ngu Thế Cơ chuyên môn tìm cách thỏa mãn ý thích của Tùy Dạng đế, chuyên nói theo chiều, không bao giờ nói lời khác ý, chuyên báo tin vui không nói chuyện buồn, nhưng kết quả là triều Tùy diệt vong. Từ đó Ngụy Trưng rút ra kết luận nổi tiếng: "nghe hai tai thì sáng, nghe một tai thì tối".

Nổi tiếng nhất là biện luận của Ngụy Trưng về trung thần và lương thần. Một lần, Thái tông nghe lời gièm pha của người khác, phê bình Ngụy Trưng che chở cho thân nhân, nghe Ngụy Trưng biện luận Thái tông biết mình sai. Ngụy Trưng thừa cơ nói thêm: "Thần mong bệ hạ cho thần làm lương thần, không nên để thần làm trung thần. Đường Thái tông nghe xong giật mình, hỏi:

- Chẳng lẽ lương thần và trung thần lại khác nhau?

Ngụy Trưng nói:

- Khác nhiều lắm. Lương thần thân được tiếng thơm, vua cũng danh giá, con cháu mãi truyền lưu thơm thiên cổ; trung thần dẫu tội bị giết, vua mang tiếng ác hơn muện, nước mất nhà tan - trung thần chỉ được cái tên trống rỗng.

Thái tông nghe xong rất cảm động, ông không ngớt khen là Ngụy Trưng chí phải, tặng ông năm trăm tấm lụa.

Ngụy Trưng là vị lương thần như vậy đó.

Dương nhiên, không phải lúc nào, Thái tông cũng vui vẻ tiếp thu ý kiến khuyên gián của Ngụy Trưng có lúc vừa tức vừa sợ, thậm chí còn muốn giết ông ta cho rảnh!

Một lần, Đường Thái tông có một con chim diều. Ông rất thích, đặt nó trên cánh tay đùa nghịch. Ông nhìn thấy Ngụy Trưng từ xa đi tới, vội vàng giấu chim vào lòng, sợ Ngụy Trưng nhìn thấy hoặc nghe thấy. Ngụy Trưng vốn không muốn để vua ham mê các trò tiêu sặc, cầm thú, bèn cố ý kéo dài chuyện

báo bẩm công việc, áng chừng chim điều sắp bị chết ngạt mới ra về. Đợi Ngụy Trung đi khỏi, Đường Thái tông vội đem chim ra, cầm lên xem thì thấy nó đã bị chết ngạt từ lâu.

Một lần, Đường Thái tông tan triều trở về, bực tức nói với hoàng hậu:

- Ta phải giết cái ông già nhà quê này.

Hoàng hậu vội hỏi định giết ai. Đường Thái tông nói:

- Cái lão Ngụy Trung này luôn làm nhục ta trong triều.

Hoàng hậu nghe vậy, vội đi thay mặc triều phục, cung kính đứng ở sân đình. Thái tông nhìn thấy, rất ngạc nhiên, hỏi bà làm gì, bà nói:

- Thiếp nghe nói, chỉ có vua hiền mới có tôi ngay: nay Ngụy Trung dám nói điều ngay thẳng là do bề hạ ạnh mình, thiếp sao dám không tỏ ý chúc mừng?

Thái tông nghe xong trong lòng lại vui vẻ.

Đường Thái tông vẫn là bậc minh quân, ông tuy cũng như người thường, thích nghe những lời xu nịnh êm tai, không thích lời ngay nghịch nhĩ, nhưng ông biết nên cảm tình riêng, giữ đầu óc được tỉnh táo, vì vậy ông vừa tôn trọng Ngụy Trung vừa giữ được tình cảm tốt đẹp.

Ngụy Trung tuổi già bệnh nặng, Thái tông mời thầy cho thuốc, sai sứ giả đến thăm liên tục, còn cùng thái tử đến tận nhà thăm ông, hứa gả công chúa Hoành Sơn cho con ông là

Nguy Thúc Ngọc. Sau khi Nguy Trưng qua đời, Thái tông lệnh cho các quan cứu phẩm trở lên trong triều đều đi viếng, còn tự tay viết văn bia, khắc vào đá. Thái tông rất nhớ ông, nói với đại thần tả hữu:

- Lấy đồng làm gương, có thể chỉnh áo mũ, lấy việc làm gương, có thể biết thịnh suy, lấy người làm gương có thể biết được mất; Nguy Trưng mất, trăm mất một tấm gương vậy?

Có lẽ đó là điều vinh dự lớn nhất dành cho một bậc đại thần.

Người ta nói "tôi trung không thờ hai chúa, gái ngoan không lấy hai chồng", nếu ví bầy tôi thờ chúa như gái lấy chồng, thì Nguy Trưng qua ba đời chồng, đến lần thứ tư mới tìm được chính chủ, đáng lẽ không được gọi "tôi trung" hay "gái ngoan", nhưng ngược lại, Nguy Trưng được lưu danh thiên cổ, không phải trong đám quan lại ngấp trong các triều, mà ngay trong những danh thần, thì ông vẫn là nổi trội, theo được ông e chẳng có mấy người, nguyên nhân tại đâu? Nguyên nhân căn bản ở chỗ ông là một vị lương thần khéo trung!

Nói ông khéo trung, là vì ông đã theo nhiều chúa, nhưng không ngu trung, chỉ biết hy sinh cho một nhà, một họ hoặc một người, nhưng ông cũng không là người lựa gió bẻ lái, đầu cơ trục lợi, càng không phải vì danh lợi cá nhân hoặc ham sống mà sớm Tần tối Sở. Ông có một nguyên tắc, đó là trên lo cho nước dưới lo cho dân. Có được nguyên tắc đó, ông xác

định được tiêu chuẩn để "chọn chúa" của mình, không phải chỉ mới thoán qua mà đã bảo là thần minh. Trong thực tế lịch sử, trước tiên ông theo Nguyên Bảo Tàng, sau theo Lý Mật, rồi hàng Lý Uyên, sau vào làm trong quân của Đậu Kiến Đức, kế đó là được hoàng thái tử gọi làm tể má, cuối cùng được Lý Thế Dân trọng dụng, lần nào cũng là do ông chủ động tích cực tìm đến, theo về hoặc do tình thế bắt buộc. Nhưng một khi đã vào, ông có ngay thái độ tích cực, chủ động tìm cơ hội, mong làm nên sự nghiệp, khi kiến nghị không được tiếp thu hoặc cơ hội không hay, chỉ có thể nói lên là ông chưa chọn đúng người, phải chọn người khác cao minh hơn. Nếu dùng chữ "trung" để khái quát cuộc đời của ông, ông phải là "đại trung" chứ không phải "tiểu trung"

Về điểm này, thái độ của ông với chủ trước cũng biểu lộ rất rõ rệt, trong văn bia viết cho Lý Mật, ông không nói đến ân oán riêng tư, không oán Lý Mật đã không nghe mình, mà chỉ khẳng định bản sắc anh hùng của Lý Mật, tôn trọng ông và đồng tình với ông.

Nói ông là lương thần, thì chính như ông nói, mình được tiếng thơm, vua cũng danh giá, đất nước và nhân dân đều được lợi. Khi can gián vua, không những ông không tính tới lợi ích thực tế và cả tính mạng của mình, cũng không vì danh vọng của mình, vấn đề ra sao thì nói vậy, không hề cầu an, mua lấy danh dự. Lời can gián bao giờ cũng có lợi cho dân cho nước. Động cơ và hiệu quả đã đạt đến sự thống nhất tốt đẹp, do đó mà quân thần được tiếng thơm, tạo phúc cho đất

nước, nhân dân, được người đương thời và người sau kính trọng, ngợi ca, nên được gọi lương thần.

Trong lịch sử Trung Quốc, e rằng Đường Thái tông là một ông vua điển hình nhất về mặt biết nghe can gián, Ngụy Trưng cũng là một trong những danh thần điển hình nhất về mặt giỏi can gián, dám can gián. Hai bên cùng thúc đẩy nhau, cùng dựa vào nhau để tồn tại, không có Đường Thái tông thì không có Ngụy Trưng. Không có Ngụy Trưng thì cũng khó có Đường Thái tông. Vua tôi hai người, có thể nói là mẫu mực của vua sáng tôi hiền.

"Ngàn năm công tội, ai người bình tôi?" Thực ra, công không thể mất, tội chẳng thể quy, người có công tự có công, người có tội tự có tội, Ngụy Trưng qua đời đã mười mấy thế kỷ rồi, nhưng ngày nay nhìn lại, ý nghĩa thực tế của câu nói ấy càng thêm nổi bật.

Đường Thái tông đã tổng kết được ba thứ gương qua Ngụy Trưng, vậy thì, nếu chúng ta lấy Ngụy Trưng làm gương thì sẽ ra sao?

43. VỊ THÁI BÌNH TỀ TƯỚNG TRUNG NGHĨA TẬN TỤY

Biển cả quan trường lắm bước thăng trầm, làm thế nào để tránh thất bại?

Kẻ bề tôi có ba điều tối kỵ: một là công lớn ép chúa, hai là quyền lớn lấn chúa, ba là tài lớn át chúa, đó là tổng kết kinh nghiệm của bao đời người sống trong biển cả quan trường, ai phạm phải "tam kỵ" đó, nặng thì đầu lia khỏi xác, thậm chí cả họ chẳng còn, nhẹ thì cũng mất chức về làm thường dân, khốn đốn suốt đời.

Ngày nay nghĩ lại, thực quả không sai!

Nếu công lao lớn quá, tới mức hoàng đế không cách trả công được, thưởng gì cũng chưa đủ, phong tước gì cũng chưa xứng thì sẽ bị nguy hiểm. Vì thiên hạ là nhà của hoàng đế, hoàng đế chắc không muốn đổi chỗ nhường ngôi cho bề tôi, giao gia sản cho kẻ khác. Lúc bấy giờ tất nhiên sẽ phải đi tới đường cùng, hoàng đế buộc phải tìm cơ hại chết cho yên lòng, dù không phải là công thần chủ nghĩa, dù trung thành đến

mấy cũng vậy thôi. Vì hoàng đế luôn cảm thấy có một tảng đá đè trên đầu, lúc nào cũng phải nghĩ tới kẻ có công, lo chuyện lôi kéo lòng người, rắp mưu làm phản, nên hoàng đế ăn ngủ không yên, chỉ có cách loại trừ, mới hết lo.

Hàn Tín, khai quốc công thần đời Tây Hán, công lao có thể nói là lớn, mưu trí có thể nói là cao, hành vi có thể nói là cẩn thận, nhưng cuối cùng vẫn bị vợ Lưu Bang giết. Khi còn Sở, Hán tương tranh, Hàn Tín giúp Hạng Võ thì Hạng Võ có thể thống nhất thiên hạ, Hàn Tín giúp Lưu Bang thì Lưu Bang có thể thống nhất thiên hạ, nếu Hàn Tín tự dựng cờ, thì sẽ cùng Hạng Võ, Lưu Bang hình thành thế chân vạc, mà thời đó có rất nhiều cơ hội cho Hàn Tín dựng cờ tự lập, và cũng nhiều người khuyên Hàn Tín nên tự xưng vương, nhưng Hàn Tín suy đi tính lại, vẫn tiếp tục cùng một lòng với Lưu Bang. Vì vậy công lao của Hàn Tín trong việc kiến lập triều Hán là lớn nhất, nếu phong thưởng theo công, đừng nói phong ông làm vương hầu, mà có rạch đôi sơn hà cùng làm vương, cũng không quá mức. Nhưng điều luật thiết định của xã hội phong kiến là một ngọn núi không thể có hai chủ, Lưu Bang không thể cùng làm vua với Hàn Tín, cao nhất chỉ có thể phong vương, mà Hàn Tín thì ít nhiều có thiệt thòi, nói như đương thời, là "tâm hoài oán vọng" nói theo ngày nay là "bất mãn", sự bất mãn đó phát triển tiếp sẽ dẫn đến chống lại. Do vậy, Lưu Bang muốn đề phòng hậu loạn, đã làm theo kế sách "tiên hạ thủ vi cường" (ra tay trước là kẻ mạnh), trước tiên tước bỏ tước vị của ông, thu về phần lớn quyền lực của ông, để ông

phải sống gò bó trong kinh thành, không lâu, vợ Lưu Bang là Lã Trữ cùng Tiêu Hà bàn mưu tính kế, lừa Tin vào triều, vu cáo mưu phản, phục binh đem giết ngay tại chỗ, xem ra ngay Hàn Tin, nhân vật kiệt xuất trong các nhà quân sự nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, cũng không thoát khỏi quy luật công cao ép hơn chúa mà mất mạng.

Trong lịch sử Trung Quốc, những ví dụ như vậy nhiều lắm. Có một câu nói, là "thò hết thì chó săn bị thịt, chim không còn thì cung bị bỏ xó, kẻ địch bị diệt thì mưu thần toi mạng", tức là, một khi thiên hạn đã được dẹp yên, thì vị khai quốc hoàng đế hoặc vị quân vương nào đấy sẽ "giết lừa khi xát thóc xong" Nghe mà giận, nhưng lẽ đơn giản, thời kỳ xây dựng hòa bình, biết xử lý các công thần ra sao? Giữ họ lại, chưa biết chừng nào họ phản lại, hoặc gây chuyện phiền hà, nhất là sau khi khai quốc hoàng đế qua đời, ấu chúa nối ngôi, sẽ càng không quản nổi những lão tướng đã xông pha sa trường, có uy vọng và thế lực lớn, nên giết đi vẫn là gọn nhất. Nếu gặp trường hợp đó, dù công không cao lắm, không át chủ cũng vẫn chẳng an toàn!

Nếu quyền cao át chủ, thì càng nguy hiểm, đó là lẽ đương nhiên. Quyền có hai loại: một là chính quyền, hai là quân quyền. Chính quyền quá lớn, làm cho người khác chỉ biết có đại thần mà quên mất hoàng đế, thời gian dài, thế lực riêng dần lớn, đe dọa vua quyền, hướng hồ chính quyền trong điều kiện nhất định có thể trở thành quân quyền. Còn như quân quyền, đó là huyết mạch của quốc gia, ai nắm được quân

quyền, người đó sẽ nắm được quốc gia, do đó hoàng đế không bao giờ để ai nắm quân quyền quá lớn. Nếu quân quyền ngày càng lớn, thì hãy cẩn thận, hoặc phải chủ động trao trả vua, hoặc phải đoạt hẳn quân quyền để đủ sức chống lại lệnh của vua. Nếu cứ dừng ở mức "nói lớn thì chưa đủ sức chống vua, nói nhỏ thì đủ mức uy hiếp vua" thì chỉ chống chết mà thôi.

Trong lịch sử Trung Quốc, do quân quyền quá lớn mà bị giết cũng nhiều ví dụ lắm. thời Xuân Thu Chiến Quốc, để trả thù xâm lược của nước Tề, Yên Chiêu vương cho xây đài cầu hiền, trong đài đầy vàng, để dùng chiêu nạp hiền sĩ, mọi người gọi là đài vàng. hiền sĩ thiên hạ thấy Yên Chiêu vương tha thiết cầu hiền, bèn lũ lượt đến, Nhạc Nghị của nước Ngụy cũng đến nước Yên. Yên Chiêu vương rất coi trọng Nhạc Nghị, Nhạc Nghị cũng coi Chiêu vương như tri kỷ, thế là Chiêu vương sai Nhạc Nghị dẫn binh đi đánh nước Tề. Nhạc Nghị với tài quân sự xuất sắc, đã đánh thắng như chẻ tre, hạ được hơn bảy mươi thành trì của nước Tề, ngay cả quốc đô của Tề là Lâm Truy cũng bị hạ, Tề vương chạy về thành Cử, Nhạc Nghị cố gắng công phá hai thành Cử và Túc mạc, nhưng do hai thành phòng thủ kiên cố, ba năm vẫn chưa hạ nổi. lúc đó yên Chiêu vương vốn có hiềm khích với Nhạc Nghị, lại sợ Nhạc Nghị thế lực quá lớn, sẽ xưng vương ở nước Tề, rồi quay lại đánh nước Yên, bèn cho rút Nhạc Nghị về, cử Kỵ Kiếp thay Nhạc Nghị. Nhạc Nghị biết việc thay tướng trận tiền, không phải ý tốt, không dám về nước Yên, chạy sang nước Triệu, may thoát được tai họa.

Còn như tài hơn cả chúa, thì thật gay. Người ta nói văn nhân thường khinh nhau. Cây tài hợm của, người thường còn khinh nhau hướng chỉ giữa vua chúa. Kỳ thực, trong lịch sử Trung Quốc, đại đa số ngôi vua là do tổ tông để lại, ít người dựa vào bản lĩnh chính mình mà giành được, chỉ có một số hoàng đế khai quốc hùng tài đại lược, còn thì phần lớn là xuất thân lưu manh, cường hào, tài trí họ đâu phải hơn người. Nhưng đổ kị là một trong những bản tính của con người, nếu bây tôi không biết khiêm tốn, nhường nhịn, không biết giấu mình, mà chỗ nào cũng khoe tài, làm cho vua chúa hoặc cấp trên luôn lâm vào cảnh bề mặt, thì đời sẽ chóng tàn.

Thời Tam quốc, Tào Tháo là kẻ gian hùng, đời để có mấy ai tài trí như ông, nhưng Dương Tu, viên chủ bạ dưới quyền ông, lại nhìn rõ tâm can của Tháo. Tháo sao chịu nổi, tất phải đưa Dương Tu vào con đường chết. "Tam quốc diễn nghĩa" có một đoạn tả rất sinh động chuyện này, xin trích như sau:

Nguyên Dương Tu là người cây tài phóng túng, nhiều lần phạm "kỵ" của Tháo: Tháo cho làm hoa viên, làm xong, Tháo đến xem, không khen chê gì, lấy bút viết trên cửa một chữ "hoại" rồi bỏ đi. Mọi người không hiểu ý. Tu nói: "Chữ môn thêm chữ hoại thành chữ khoát vậy, thừa tướng chê trong vườn trồng đó". Thế là lại xây thêm tường vây, cải tạo xong xuôi lại mời Tháo đến xem. Tháo mừng lắm, hỏi: "Ai hiểu ý ta?" Tả hữu thưa: "Dương Tu vậy" Tháo khen, nhưng bụng ghen tức.

Một hôm, từ biên cương phía bắc gửi về biểu Tháo một hộp bơ. Tháo viết trên hộp: "Nhất hạp tô (một hộp bơ), để ở đầu bàn. Tu vào nhìn thấy, hèn cây ra cho mọi người ăn. Tháo hỏi sao dám ăn, Tu đáp: "Trên hộp có viết: nhất nhân nhất khẩu tô, sao dám vi phạm lệnh thừa tướng? Tháo tuy cười nhưng bụng căm tức (trong chữ hạp có ba chữ nhân, nhất, khẩu).

Tháo sợ có kẻ mưu sát mình, dặn tả hữu: "Ta ngủ mơ hay giết người, nên khi ta ngủ, các người đừng đến gần". Một hôm, Tháo nằm ngủ, chấn rơi xuống đất, một người hầu cận vội đắp lại. Tháo vùng dậy chém luôn, rồi lên giường ngủ. Lâu sau thức dậy, Tháo về kinh ngạc: "Ai đã giết người hầu cận của ta?" Mọi người nói sự thực. Tháo khóc, lệnh cho hậu táng. Mọi người cho rằng Tháo thật có tật ngủ mơ giết người; mỗi mình Tu là biết ý khác, khi táng người lính hầu, chỉ người lính mà than rằng: "Thừa tướng không mơ, mà chính người mơ đó!" Tháo nghĩ lại càng căm ông.

Tào Thực con thứ ba của Tháo, mền tài của Tu, thường mời Tu đến trò chuyện, suốt đêm không nghỉ. Tháo bàn với mọi người định lập Thực làm thế tử. Tào Phi biết, bí mật mời Ngô Chấn vào nội phủ bàn, sợ có người biết, dùng hòm giấu, nói có lụa để trong đó rồi chõ vào trong phủ. Tu biết, đến báo với Tháo, Tháo cho người đến phủ của Phi khám xét, Phi sợ quá nói với Ngô Chấn. Chấn nói: "Không

lo, ngày mai lấy lụa đựng vào hòm để lửa. Sứ giả đến khám - quả là có lụa, về báo với Tào Tháo, Tháo nghi Tu định hại Phi, càng oán ông.

Tháo muốn thử tài của Phi và Thục. Một hôm, Tháo ra lệnh cho cả hai người phải ra ngoài Nghiệp thành, mặt khác mật lệnh cho quan coi thành không cho ra. Phi đi tới, môn lại không cho ra, Phi đành quay về. Thục biết thế - hỏi ý Tu. Tu nói: "Ngài phụng mệnh vua đi ra, nếu có người ngăn thì có thể chém người đó". Thục nghe lời. Tới cửa, môn lại ngăn cản không cho. Thục quát mắng: "Ta phụng mệnh vương ai dám cản ta!" Lập tức chém người đó. Tháo cho rằng Thục có tài hơn. Sau có người mách Tháo: "Đó là Dương Tu bày cho. Tháo cả giận, nên thực sự ghét Tu".

Tu thường soạn các bài văn đáp để dạy Thục, nên khi Tháo hỏi, Thục đều trả lời theo ý Tu. Khi Tháo có việc quân bàn với Thục, Thục trả lời trôi chảy. Tháo nghi trong bụng. Sau Phi ngầm mua chuộc tả hữu của Thục, ăn trộm những bài văn đáp nộp cho Tháo. Tháo nhìn thấy cả giận mà rằng: "Tên thất phu dám lừa ta!". Lúc này đã có ý giết Tu.

(Tào Tháo cầm cự với quân Thục, không thắng nổi, thu quân về đóng ở cửa khẩu Tà Cốc).

Tháo đóng quân lâu ngày, muốn tiến quân, nhưng bị Mã Siêu chống giữ, muốn thu quân lại sợ quân Thục cười,

lòng đang phân vân. Quan bếp dâng canh tới, Tháo thấy trong canh có sườn gà, lòng hồng hùi ngùi. Đang ngán ngẩm. Hạ Hầu Đôn bước vào trướng, bẩm xin hiệu lệnh đêm. Tháo buột miệng: "Sườn gà! Sườn gà!" Đôn truyền lệnh xuống, đều là "Sườn gà". Chủ hạ hành quân Dương Tu, nghe thấy hai tiếng "sườn gà", bèn bảo mấy người sớm chuẩn bị hành trang để rút về. Có người báo với Hạ Hầu Đôn, Đôn hoảng quá mời Dương Tu đến hỏi: "Sao ông thu xếp hành trang?" Tu nói: "Xem hiệu lệnh đêm nay, biết Ngụy vương sắp rút về, sườn gà ăn không có thịt, vứt thì tiếc. Nay đánh không thắng, rút sợ người cười, ở đây vô ích, chỉ bằng đi về cho sớm, hôm sau Ngụy vương tất hội sư. Do vậy tôi chuẩn bị hành trang, tránh khi đi vội vã?" Đôn nói: "Ông thật biết đến ruột gan Ngụy vương!", bèn cũng thu dọn hành trang. Thế là các tướng hiền ái, ai cũng chuẩn bị hành trang. Đang đêm, Tháo thấy trong lòng bối rối, không ngủ được, cầm một chiếc rìu sắt, đi xem quanh trại, thấy trong trại Hạ Hầu Đôn, ai nấy chuẩn bị hành trang. Tháo cả kinh, liền về trướng gọi Đôn đến hỏi lý do. Đôn nói: "Chủ hạ Dương Tu biết trước ý đại vương muốn về". Tháo gọi Tu hỏi, Tu nói hiểu theo ý của hiệu lệnh. Tháo cả giận nói: "Sao người dám phao tin làm loạn lòng quân!" rồi bảo bọn đao phủ lôi ra chém, đem thủ cấp treo ngoài viên môn.

Tào Tháo là như vậy, mà Viên Thiệu từng đối địch với Tháo ở trận Quan Độ cũng như vậy. Lúc đó Thiệu đang cầm

hơn bảy mươi vạn người ngựa của các châu Ký, Thanh, U, Tịnh, tiến quân về Quan Độ, tấn công Hứa Xương. Muu sĩ của Thiệu là Điền Phong từ trong ngục dâng thư cho Thiệu, nói: "Hiện nay nên giữ im lặng, chờ khi thiên thời có lợi cho ta, không nên tùy tiện cất binh, nếu không có thể xảy ra chuyện bất lợi cho ta". Điền Phong phân tích tình hình lúc đó, thấy ngay rằng Viên Thiệu tuy quân đông, nhưng lòng người không đồng, chinh chiến đường dài, nếu bị phá chặn lương thảo, cục diện sẽ khó mà tưởng tượng được. Về điểm này, một muu sĩ khác là Thư Thụ đã từng nêu, nhưng Viên Thiệu ngạo mạn, không thèm nghe. Đối thủ của Điền Phong là Phùng Kỳ lại thừa cơ xúc xiem: "Chúa công chinh phạt Tào Tháo, là việc nhân nghĩa, Điền Phong sao lại nói những lời gò như vậy?" Viên Thiệu cả giận, định giết Điền Phong, các quan xin mãi, mới thôi, nhưng còn vẫn chưa hết giận nói: "Chờ ta phá xong Tào Tháo, sẽ hỏi tội lại Điền Phong..."

Quả nhiên không ngoài dự kiến. Thiệu bị Tháo cướp đốt mất kho lương Ô Sào, lại trúng muu Tào Tháo, thua to mà về, khi đi dẫn bảy mươi vạn người ngựa, khi về chỉ còn hơn tám trăm quân kỵ. Viên lại coi ngục Điền Phong nghe nói Viên Thiệu thua trận, nghĩ rằng Điền Phong sẽ được thả, bèn đến chúc mừng ông: "Viên tướng quân thua to trở về, ngài chắc sẽ được Viên tướng quân trọng dụng? Điền Phong cười đau khổ: "Tôi chắc sẽ chết!" Người coi ngục hỏi: "Mọi người đều mừng cho ông, tại sao ông lại bảo chết?" Phong nói: "Viên Thiệu bên ngoài có vẻ độ lượng, thực tế trong lòng khắc nghiệt,

không bao giờ nghĩ đến sự trung thành và ân huệ của người khác. Nếu ông ta thắng trận, lòng vui vẻ, lại chứng minh là tôi sai, ông ta đúng, có khi lại tha cho tôi; nay đã thất bại, trong lòng oán giận, lại thêm sự thực chứng minh tôi đúng, cách làm của ông ta là sai, ông ta làm sao chịu được người khác giỏi hơn mình? Tôi chẳng chắc chết ư?" Viên coi ngục không tin.

Chẳng bao lâu, Viên Thiệu sai sứ giả đến, mang theo kiếm và thư, đến lấy thủ cấp của Điền Phong, viên coi ngục giờ mới tin. Điền Phong nói: "Đại trượng phu sống giữa trời đất, không hiểu chủ mà thờ, là ngu vậy! Nay phải chết, có gì mà tiếc!" Nói rồi tự sát.

Trong lịch sử, những trung thần lương tướng phạm phải "tam ky" cố nhiên không phải ít, nhưng nếu gặp minh chủ, lại biết xử lý quan hệ quân thần, thì có thể giữ tròn tính mạng, những người như vậy có nhiều. Về mặt này, để tướng Phòng Huyền Linh đầu đời Đường là một thí dụ tương đối điển hình.

Phòng Huyền Linh làm tể tướng thái bình gần hai mươi năm, là vị trung nghĩa tận tụy, sự thủy chung của ông thật hiếm có.

Phòng Huyền Linh, sinh năm thứ tám thời Vũ đế Kiến Đức triều Bắc Chu (579), người Lâm Truy châu Tề có cụ và ông từng làm quan trong triều Bắc Ngụy và Bắc Tề, bố là Phòng Nhan Khiêm, học giả nổi tiếng đương thời, có giao du với nhiều bậc tài giỏi trong triều, ông tuy làm quan trong một thời gian dài ở triều Tùy, nhưng do ông thấy rõ rằng triều Tùy

không bền được, nên muốn từ quan. Khi còn làm việc, ông chăm lo cho đời sống nhân dân, được dân địa phương hết sức kính yêu.

Phòng Huyền Linh xuất thân gia đình như vậy, từ nhỏ được mắt thấy tai nghe, được hun đúc trong bầu không khí như thế, dần xác định cho mình được chỉ hướng trị nước an dân, vì dân mưu phúc, cũng bồi dưỡng cho ông một nhân quan chính trị sắc bén. Ngay từ thời kỳ Tùy Văn đế, phần lớn mọi người đều ca ngợi công đức triều Tùy, nhưng Phòng Huyền Linh lại nhìn thấy những nguy cơ tiềm ẩn. Ông nói:

- Triều Tùy vốn do thoán quyền mà nên, không có công đức gì với trăm họ, lại không bám rễ vào lòng người, chỉ có một mục lừa dối dân mà thôi. Nay anh em lại tranh giành ngôi chúa, các quý tộc thì chỉ hưởng lạc, còn nội bộ cấu xé nhau, thậm chí cốt nhục tương tàn. Vương triều như vậy, sự diệt vong của nó có thể thấy rõ rồi.

Sự thực sau này chứng tỏ dự kiến của ông là đúng phẩm cách cá nhân. Ông cũng được nhiều người khen ngợi. Ông là người con có hiếu, kể cả với mẹ kế, ông cũng là người chi hiếu. Mẹ kế ốm, ông mời thầy bốc thuốc, mỗi lần thầy thuốc tới, ông đều đứng hầu, nước mắt chảy quanh; mẹ kế chết, ông đau xót quên ăn uống, mình gầy như que củi. Đối với cha, càng như vậy, cha ông ốm nằm liệt giường hơn một trăm ngày, tục ngữ nói: "Ốm trăm ngày không còn hiếu tử", nhưng Phòng Huyền Linh trước sau như một, khi hầu hạ cha, chưa

tùng cời áo lên giường ngủ, sự tận tâm tận ý của ông đủ thấy là như thế nào. Phẩm đức cá nhân của Phòng Huyền Linh có tác dụng to lớn với thành công to lớn của ông sau này. Lúc đó, thị lang bộ lại Cao Hiếu Cơ bình luận: "Người trẻ tuổi tôi gặp nhiều, nhưng chưa thấy ai như ông, Phòng Huyền Linh, sau này nhất định sẽ thành nhân vật xuất chúng".

Khi Lý Uyên khởi binh chống Tùy ở Thái Nguyên, Phòng Huyền Linh đang làm hiển thành úy. Lý Uyên sai cai là Lý Thế Dân đi bình định vùng bắc sông Vi. Phòng Huyền Linh sau khi phân tích so sánh cho rằng việc nhà Tùy diệt vong chỉ là chuyện sớm muộn, mà trong các quân khởi nghĩa, duy có Lý Đường là sáng nghĩa, được lòng dân, trọng hiền đãi sĩ, tương lai sẽ được thiên hạ, thế là ông cương quyết bỏ chức quan triều Tùy, theo Lý Thế Dân. Hai người trò chuyện thấy rất hợp, Lý Thế Dân bèn ủy nhiệm ông làm một chức vụ quan trọng, coi ông là một mưu sĩ quan trọng. Từ đó Phòng Huyền Linh và Lý Thế Dân không rời nhau, ba mươi năm sau đó, hai người hợp tác chặt chẽ, làm cho Lý Thế Dân trở thành vị minh quân, Phòng Huyền Linh cũng trở thành vị danh tướng.

Phòng Huyền Linh cùng Lý Thế Dân tham gia nhiều trận chiến đấu. Khi bình định đại tướng Tùy, Vương Thế Sung. Phòng Huyền Linh đã tích cực tìm mưu kế, có công lao trong việc giành thắng lợi của chiến dịch then chốt này. Giữa các đợt chiến sự, Phòng Huyền Linh đưa Lưu Thế Dân đi bá kiến, một vị đạo sĩ tên là Vương Viễn Tri, nghe nói Vương Viễn Tri là một cao nhân ẩn sĩ, có thể biết một ngàn năm về trước,

năm trăm năm về sau. Họ hóa trang thành dân thường đến thăm, Vương Viễn Tri thoát nhìn biết ngay, ông nói với Lý Thế Dân: "Mới làm thái bình thiên tử, nên cẩn thận. Từ đó, Phòng Huyền Linh càng ra sức phò tá Lý Thế Dân, kiên định ý nguyện theo Lý Thế Dân, phò tá ông trở thành vị vua anh minh trong thiên hạ.

Chiến công rực rỡ Lý Thế Dân được phong làm Tần vương, lại được nhận chức quan đặc biệt của triều Đường là "thiên sách thượng tướng", thế lực rất lớn. Lý Thế Dân biết chiêu nạp nhân tài, trong phủ Tần vương có "thập bát học sĩ", Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối giỏi mưu tài đoán, Lục Đức Minh, Không Dĩnh Đạt tinh thông kinh sách, Diêu Tư Liêm uyển thâm văn sử, Ngưu Thế Nam nổi tiếng về thư pháp, hơn mười người còn lại cũng đều là những nhân tài kiệt xuất đương thời. Trong "thập bát học sĩ", Phòng Huyền Linh là người xuất sắc nhất. Hơn mười năm ở phủ Tần vương, chiêu nạp nhân tài cho Lý Thế Dân là một nhiệm vụ quan trọng của Phòng Huyền Linh.

"Cụ Đường Thi - Đỗ Như Hối truyện" có ghi, mới đầu Đỗ Như Hối làm binh tào tham quân cho Lý Thế Dân, nhiệm vụ là huấn luyện binh sĩ, không phải là chức vụ quan trọng lắm. Về sau, người trong phủ Tần vương dần điều đi các nơi, Đỗ cũng bị điều đi xa. Phòng Huyền Linh nghe nói, vội chạy đến nói với Lý Thế Dân: "Các anh tài tuần kiệt trong phủ bị điều đi ngày càng nhiều - người khác thần không thấy tiếc, nhưng Đỗ Như Hối không nên điều đi, ông ta là người tài trí biết

nhìn đại cục, là nhân tài có khả năng yên thiên hạ, nếu điện hạ muốn tảo di bốn phương giành thiên hạ, thì không thể không dùng người này".

Lý Thế Dân nghe xong, rất cảm động, nói: "Nếu không phải khanh nhắc ta, suýt nữa ta mất một nhân tài". Lý Thế Dân lập tức cho rút lệnh, trọng dụng Đỗ Như Hối. Sau này, thực tiễn nhiều năm, chứng minh, nhận định của Phòng Huyền Linh là chính xác. Đỗ Như Hối xử lý các việc lớn rất sắc sảo, tới mức người đang thời nói: "Phòng mưu Đỗ đoán", ý nói: Phòng Huyền Linh giỏi bày mưu, Đỗ Như Hối tài quyết đoán. Hai người phối hợp chặt chẽ, đã góp phần quan trọng cho sự phồn vinh và yên ổn của đời Đường.

Khi theo Lý Thế Dân đánh đông dẹp tây, Phòng Huyền Linh mỗi khi tới nơi nào, đều tìm hiểu các tập quán dân gian và sưu tập các tư liệu văn hiến đời trước, do đó ông có được tài liệu phong phú để chế định các chính sách sau này. Sau khi dẹp xong quân khởi nghĩa các nơi, Phòng Huyền Linh được Lý Thế Dân phong làm Lâm Tri hầu, thăng làm ký thất phủ Tân vương, nắm các văn thư quân chính, nhiều văn thư ông phải trực tiếp khởi thảo, ông soạn thảo văn thư rất nhanh chóng, lời lẽ uyển chuyển, văn phong hào hùng, sách sử tả ông "ở Tân phủ hơn mười năm, coi việc văn thư, các biểu tấu quân sự, thoát viết đã xong, văn sòng lẽ chặt, không cần thảo trước".

Về sau, thái tử Lý Kiến Thành được Đường Cao tổ, Lý Uyên ủng hộ, cùng liên kết với Tề vương Lý Nguyên Cát để

bức hại Tần vương Lý Thế Dân, hòng trừ diệt ông, tránh nội loạn sau này. Một lần, Lý Kiến Thành mời Lý Thế Dân dự tiệc, cho thuốc độc vào rượu, Lý Thế Dân uống vào bụng đau quằn quại, phải đưa về nhà, nôn ra máu mới thoát chết. Lại một lần, Lý Kiến Thành lấy danh nghĩa cùng phụ hoàng đi săn, chuẩn bị riêng cho Lý Thế Dân một con ngựa dữ, khi Lý Thế Dân cưỡi con ngựa đó đuổi một con hươu, con ngựa dữ tính, hất Lý Thế Dân ngã ra xa hàng trượng, suýt nữa thì mất mạng. Về sau, Lý Kiến Thành lại âm mưu cùng với Lý Nguyên Cát, chuẩn bị trong bữa tiệc tiễn Lý Nguyên Cát xuất chinh sẽ giết Lý Thế Dân. Huỳnh đệ tương tàn đã tới mức đó, Phòng Huyền Linh chủ trương thấy cần giải quyết dứt điểm, ông chủ trương ra tay trước để trừ Kiến Thành và Nguyên Cát. Do Phòng Huyền Linh mà một số người khuyến nghị, Lý Thế Dân họp hội nghị quân sự khẩn cấp ở phủ Tần Vương, quyết định bố trí quân mai phục ở Huyền vũ môn, khi Kiến Thành vào triều sẽ giết. Trong "sự biến Huyền Vũ môn", Lý Thế Dân giết chết Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát, tự lên làm thái tử, ít lâu sau làm hoàng đế.

Sau khi lên ngôi, Lý Thế Dân cho bình công khen thưởng, sách sử ghi chép đoạn này rất hay, trích dịch như sau:

Ngày 24 tháng 9, hoàng thượng tự xác định tước vị, phong ấp cho Trương Tôn Vô Kỵ và một người, kêu Trần Thúc Đạt tới dưới điện xướng tên đọc ban lệnh cho mọi người nghe, còn nói: "Trẫm định công và thưởng cho các khanh, có thể còn chỗ chừa thích đáng, mọi người có thể

phát biểu". Lúc đó, các tướng tranh công nhau, làm ầm ĩ hồi lâu. Hoài An vương Lý Thần Thông (chú của Lý Thế Dân) nói: "Thần dấy binh từ Quan Tây, là ngọn cờ hưởng ứng khởi nghĩa đầu tiên, mà Phòng Huyền Linh, Đỗ Nhut Hối chỉ có múa cán bút mà công trên thần, thần trong lòng không phục". Hoàng thượng nói: "Thúc phụ tuy hưởng ứng khởi nghĩa đầu tiên, nhut mới là để tránh họa. Về sau, Đậu Kiến Đức thôn tính Sơn Đông, toàn quân của thúc phụ bị diệt; Lưu Hắc Đạt lại nổi loạn đánh tới, thúc phụ bị đánh chạy không kịp. Còn Phòng Huyền Linh cùng những người khác, lo nghĩ xếp đặt như Trương Lương, ngồi đấy mà yên định được xã tắc, bình công xé thũng phải hơn thúc phụ. Thúc phụ là người thân gần nhất, với thúc phụ trăm dâu hà tiện? chỉ là không được vì tư tình mà tùy tiện phong thưởng thôi? Các tướng bấy giờ mới nói: "Hoàng thượng thật là công bằng, ngay đối với Hoài An vương cũng không chút tư tình, chúng thần chẳng lẽ không an phận?"

Thế là cùng vui vẻ chấp nhận.

Năm 630, tức năm thứ tư sau khi Lý Thế Dân lên ngôi, Phòng Huyền Linh được thăng làm thượng thư tả phó xạ, làm công việc tể tướng, sau đó gần hai mươi năm, ông liên tục làm tướng quốc, cho tới năm bảy mươi tuổi thì ốm chết.

Trong thời gian làm tể tướng, ông là người trung nghĩa, tận tâm, thành tích nổi bật, có thể nói là một tể tướng có tài. Sử sách viết về ông: "tổng quản các ti, đêm ngày miệt mài làm

việc, xử trí cẩn thận mọi việc, không muốn để một việc sơ suất".

Về mặt tuyển chọn nhân tài, Phòng Huyền Linh rất cẩn thận. Đường Thái tông từng nói: "Tuyển dụng quan lại là việc không thể khinh suất, dùng một người quân tử, thì bao người quân tử khác sẽ mộ danh mà đến; nếu dùng một kẻ tiểu nhân, thì bao kẻ tiểu nhân khác sẽ tìm cách lọt vào". Về điểm này Phòng rất tán thành ý kiến của Thái tông. Ông biết người biết của, thường tiến cử cho vua những nhân tài thích hợp để giao trọng trách. Trong phủ thái tử Lý Trị của Thái tông có một viên hữu vệ soái tên là Lý Đại Lượng, Phòng rất coi trọng ông ta, cho ông ta là người thẳng thắn, có phong cách của Vương Lăng, Chu Bột trung thần thời Tây Hán, có thể trọng dụng. Ít lâu sau, Lý Đại Lượng được bổ nhiệm làm phó quan cho Phòng Huyền Linh. Về mặt dùng người, Phòng Huyền Linh không cầu nể, cầu toàn, ông chú ý tạo điều kiện cho người được tuyển chọn phát huy được sở trường, hạn chế được sở đoản. Nếu nhất thời không tìm được người thích hợp, ông thà chịu khuyết chứ không chọn bừa, không làm cái việc "lấy Lam Vu cho đủ số". Ví như bộ phận quản lý tài chính thu chi, thời gian dài thiếu người, nhưng Phòng Huyền Linh cho rằng việc đó quan hệ tới "quyền lợi thiên hạ", là "liên quan dân lực", "thà khuyết chứ không tùy tiện lấy người". Ông làm như vậy, có khi làm người khác khó chịu, bình luận ông là chặt chẽ trong việc giao quyền. Nhưng vì lợi ích quốc gia, ông không ngại chuyện danh dự bản thân bị xúc phạm.

Đối với các việc trong triều, hầu như nhỏ to việc gì ông cũng để ý tới, không những ông định kỳ kiểm tra các kết quả xử lý những vụ án, mà ngay cả việc chọn người vào cung, số lương tồn kho vũ khí, không việc gì ông không săn sóc với tinh thần trách nhiệm cao, khiến mọi người cảm động.

Về mặt can gián Lý Thế Dân, ông cũng hoàn thành xuất sắc, ông không nói hổ hã như Ngụy Trưng, nhưng vẫn trình bày được hết ý của mình. Mà Ngụy Trưng thật ra cũng phục ông, Ngụy Trưng từng thừa nhận, về mặt làm việc hết mình, nói năng hết lễ, ông không bằng Phòng Huyền Linh. Có lần, Đường Thái tông bỗng hỏi các đại thần quanh mình: "Từ xưa tới nay, các hoàng đế khai quốc truyền ngôi cho con cháu, hay sinh ra bại loạn là vì đâu?" Phòng Huyền Linh thẳng thắn nói: "Đó là do hoàng đế sủng ái con cháu, mà con cháu thì sống trong thâm cung, từ nhỏ quen giàu sang, không hiểu tình người, không hay quốc sự, không được rèn luyện tài năng."

Đường Thái tông cũng có không ít việc làm hoang đường, như việc đánh Cao Ly, không những làm cho nhân dân Cao Ly chịu tai họa, mà còn làm cho nhân dân bản quốc tổn thất nặng nề, qua nhiều năm chiến tranh, tính riêng ngựa chiến đã mất đi bảy tám phần mười. Năm Trinh Quan thứ hai Đường Thái tông lại muốn xâm phạm Cao Ly, lúc này Phòng Huyền Linh đã ốm liệt giường, nhưng nghe tin đó, vội viết thư cho Thái tông, và nói với các con ông: "Nay thiên hạ đang yên ổn, ai làm nấy hưởng, nhưng nếu đông chinh Cao Ly, sẽ mang tai họa lớn cho đất nước. Cha sống chẳng bao lâu, nhưng biết mà

không nói, cũng sẽ ngậm hận dưới đất, chết chẳng nhắm được mắt". Thái tông xem biểu, rất cảm động, nói: "Người này bệnh nặng vậy vẫn lo việc nước, thực là hiếm có!"

Phòng Huyền Linh bụng dạ thật thà, tính tình rộng rãi, hòa hợp với đồng sự, dễ cộng tác với quần thần, đồng thời chú ý phát huy sở trường của người khác. Ví dụ Đỗ Như Hối được ông tiến cử, là một người có tài, sử sách nói Hối "gặp việc nước, quyết đoán nhanh, người đời phục". Phòng Huyền Linh chú ý phát huy sở trường của Hối, mỗi khi bàn kế sách với Thái tông, đều để Hối dự, tham gia định đoạt, nói như Phòng Huyền Linh, "không có Hối, không quyết được". Nhiều khi không bàn trước mà suy nghĩ của Đỗ Như Hối rất hợp với Phòng Huyền Linh. "Phòng mưu Đỗ đoán" được phát huy, hai ông phối hợp với nhau chặt chẽ, hình thành tám gương tương phản với tình trạng đấu đá trong quan trường, trở thành giai thoại lưu truyền mãi mãi.

Phòng Huyền Linh, từ trẻ đã tổng kết những bài học diệt vong của các đời trước, nên trong thời gian nhậm chức, ông chủ trì biên soạn chỉnh lý tài liệu, viết sử sau "Tấn thư" tới sáu triều Tùy. Thời gian này, đã xảy ra một chuyện buồn cười, Đường Thái tông hỏi Phòng Huyền Linh: "Tại sao sử viết đương triều, mà không cho hoàng đế xem? Ta muốn xem quốc sử khanh chủ trì viết có được không?" Phòng Huyền Linh đáp: "Quốc sử phải viết đúng sự thực, như vậy sẽ có cả chuyện không hay của hoàng đế, có khi có cả lời phê phán, rõ ràng không thể để hoàng đế xem". Đường Thái tông giải thích

mãi, nói mình muốn xem sử không có ý gì khác mà chỉ để răn mình, Phòng Huyền Linh bấy giờ mới cho ông xem.

Năm 648, Phòng Huyền Linh bệnh nặng. Thái tông luôn cho người đến thăm, và tự đến thăm, còn nắm tay ông nói lời từ biệt khi ông lâm chung. Khi Phòng Huyền Linh mất, "Thái tông sụt sùi", đủ thấy tình vua tôi sâu sắc biết bao.

Mọi người nói quan trường hiểm ác, quan trường như chiến trường, thực ra không hoàn toàn như vậy, điều kiện chính là phải xem ở một triều đại như thế nào, gặp phải quân vương như thế nào, và quan trọng hơn nữa là thái độ của bản thân. Ngay cả Tào Tháo là "dữ tợn", mà vẫn nhiều người trung thành với ông, vẫn nhiều người dưới trướng ông mà thiện chung, hướng hồ phụng sự các quân vương khác? Qua đó, có thể thấy rằng, sự gian trá trong quan trường, "tam kỹ" trong biến loạn, đều tồn tại, nhưng không phải tuyệt đối không tránh được, còn như tránh như thế nào, phải xem tình hình cụ thể mà định.

Còn về Phòng Huyền Linh, sở dĩ ông được trọn vẹn từ đầu đến cuối, có ba nguyên nhân: một là ông sớm theo Lý Thế Dân, lịch sử rõ ràng, không có vấn đề gì mờ ám; hai là ông hết lòng tận tụy, Lý Thế Dân không thể rời ông; ba là tuy nắm quyền lớn, nhưng không gây ra mối đe dọa gì cho Lý Thế Dân, đều làm sự vụ, làm tư vấn cho Lý Thế Dân, không phải là quyền lực ngăn trở. Có ba điều đó, chỉ cần không phải sinh

ra thời Kiệt, Trụ, sẽ giữ được cái đầu, gặp minh quân sẽ nên sự nghiệp.

Trong thời bình, làm vua thì dễ nhưng làm tể tướng thì khó, đó là do đi với vua như bạn với hổ vậy. Nhưng Phòng Huyền Linh làm hai mươi năm thái bình tể tướng một cách vững vàng, mà sau khi mất được vinh thân, đáng coi là chuyện hiếm có trong lịch sử quan trường Trung Quốc.

44. DANH NHÂN MUÔN THƯỞ KHÔNG BIẾT DỪNG MƯU

"Ta đây, trên có thể giao du với ngọc hoàng đại đế, dưới có thể chơi với đồ tể, ăn mày. Trước mắt thấy thiên hạ không ai là người không tốt!" Đó là câu nói của Tô Thúc, vĩ nhân văn hóa của lịch sử Trung Quốc, nói với Tô Triệt em ông. Dừng câu nói đó để miêu tả cuộc đời của Tô Thúc, thực không có gì hợp hơn.

Trong lịch sử Trung Quốc, đúng là đầy rẫy âm mưu và máu chảy, nhưng rốt cuộc, lịch sử thật là công bằng, nếu lịch sử lại bị bọn người vô liêm sỉ đầy âm mưu quỷ kế kia chiếm đoạt hết, lịch sử Trung Quốc sẽ không còn diễn tiếp được nữa. Cuộc đời trong sạch của Tô Thúc, không âm mưu, không kế sách, do đó con đường làm quan của ông đầy trắc trở, mấy lần tai họa suýt chết, nhưng chính vì không biết dùng mưu mà, ông mới trở thành danh nhân thiên cổ mà các nhà quyền thuật không thể so sánh nổi. Sự công bằng của lịch sử đã được biểu hiện đầy đủ trong chính cuộc đời ông.

Tại Mị châu Tứ Xuyên nơi "Núi không cao mà đẹp, sông không sâu mà trong" năm 1037 (năm Canh Hựu thứ hai đời Tống Nhân tông) gia đình họ Tô trung thành, sinh ra một cậu bé, cha cậu bé Tô ôn con lên, bỗng nhìn thấy lưng cậu bé có một nốt ruồi đen, giật mình sung sướng nói với vợ:

- Minh xem, trên lưng đứa bé có một nốt ruồi đen, mọc chính giữa như ngôi sao trên bầu trời, tương ứng tài hoa lỗi lạc, như nước sông cuộn chảy, không mang vết nhơ, sau này sẽ thành tài, trở nên rường cột quốc gia.

Khi Tô Tuân nhìn kĩ mặt con, ông bỗng thấy lo ngại, chỉ thấy thiên đình đầy, mũi như mặt treo, nhất là đôi mắt như nước suối sâu, thần sắc bùng tỏa mà trong vắt nhìn thấy đáy. Tô Tuân hồi lâu mới nói với phu nhân:

- Đứa bé này tính cách hào phóng, sắc sảo lộ hết ra ngoài, không biết ứng biến, sau này sẽ bị người hãm hại, cuộc đời vất vả.

Không biết người đời có phụ họa thêm không, lời Tô Tuân đúng dự kiến chính xác cuộc đời đứa bé. Đứa bé đó chính là Tô Thúc, vĩ nhân của lịch sử văn hóa Trung Quốc thời Bắc Tống.

Tô Thúc từ nhỏ đã rất thông minh, không những học rộng tài nhiều mà còn am hiểu nhân tình thế thái. Năm mười một tuổi, cậu theo lệnh cha làm bài "Thiệt thử phú" (bài phú về con chuột tinh khôn) lời văn mô tả rất sinh động xin trích như sau:

Ông Tô đêm ngồi nghe thấy tiếng chuột gặm, đập giường tiếng gặm dừng, sau lại tiếp tục, bèn sai con thấp nển.

Có tiếng sột soạt bên trong một cái túi rỗng. Ông Tô nói: "Hừ! con chuột này thấy túi kín nên gặm đây." bèn nhìn vào túi, nhưng không thấy gì, soi nển tìm, thấy trong có con chuột chết. Người con giật mình hỏi: "Vừa mới gặm đây, sao chết nhanh vậy, tiếng vừa rồi là tiếng ma quỷ sao?" Bèn vút con chuột xuống đất, chuột chạy ngay. Tuy nhanh tay nhưng không kịp làm gì nổi.

Ông Tô than rằng: "Lạ thật, con chuột quá ranh ma! ở trong túi, túi cứng không khoét nổi, cố gặm ra tiếng động để người tới, không chết già vò chết để được thoát thân. Ta nghe nói mọi sinh vật không loài nào khôn bằng người, vượt rồng, thắng hổ, cười rùa bắt lân, người là chúa tể muôn loài, thế mà lại thua một con chuột. Thua kẻ con vật này, để nó chạy thoát, tức thật.

Rồi ngồi vờ ngủ, vẫn nghĩ chuyện con chuột lắm bầm như người nói với mình: "Ta chỉ có đọc sách, không biết sự đời, chỉ biết mình mà không biết người, nên mới xảy ra chuyện con chuột. Con người phá được vách sắt ngàn cân, nhưng lại run sợ trước chiếc rìu cũ, sức trời được mãnh hổ, nhưng không thể không sợ con ong con bọ, không họa nào giống họa nào, ông đừng quên! Ta cúi mặt cười, rồi ngửa mặt ngủ. Hôm sau cha bắt làm bài văn tả lại, xin ghi như trên.

Từ bài văn thời nhỏ tuổi của ông, có thể thấy Tô Thúc không phải học tập theo lối cũ xưa cứng nhắc, mà ông có tâm đắc sâu sắc về nhân tình thế thái và những triết lí rút ra từ đó. Vì vậy, sau khi bước vào quan trường, không phải ông không hiểu "đạo làm quan", mà ông quá hiểu quan trường, quá hiểu bọn người hám danh cầu lợi kia. Kể từ nhất cử nhất động cho tới suy nghĩ của họ, Tô Thúc đều thấy rõ, duy chỉ có một điều, Tô Thúc không thể hòa với họ được, ông chỉ biết nghĩ cho nước cho dân, cho chính nghĩa, mà không chịu cúi mình a tòng họ.

Trong kì thi hội để tuyển chọn tiến sĩ, Tô Thúc viết luận văn bàn về "Hình thường trung hậu chi chí", được Âu Dương Tu và các quan chủ khảo đánh giá cao, trong luận văn này, ông đã bày tỏ được tấm lòng yêu nước yêu dân của mình, đồng thời lời văn rất hùng hồn, cứng cỏi, văn khí tràn trề, không nệ cổ, linh hoạt dùng điển tích, làm cho các quan chấm bài đều ngạc nhiên phấn chấn. Âu Dương Tu thấy bài của Tô Thúc xuất sắc định chấm điểm cao nhất, nhưng lại sợ vì Tô Thúc là học trò của mình, chấm đỗ đầu sợ có điều tiếng, bèn chấm đỗ thứ hai. Khi bộ lễ tiến hành thi vấn đáp, Tô Thúc với đề "Xuân Thu đối nghĩa" đã được chấm đỗ đầu. Sau này khi đọc thư tạ ơn của Tô Thúc, Âu Dương Tu cảm kích mà nói rằng:

Đọc thư của Tô Thúc, ta mừng tới chảy mồ hôi, sướng lắm, sướng lắm! Người này là kì tài đương đại, ta phải rút lui để

cho người này "xuất nhân đầu địa" thôi. Mọi người hãy nhớ lời ta: Ba mươi năm sau sẽ không còn người nhắc đến ta nữa.

Bây giờ văn Ân Dương Tu đã lừng thiên hạ, mà tiến thoái của sĩ tử trong thiên hạ đều nằm trong một tay ông, Ân Dương Tu nói như vậy, danh tiếng Tô Thúc chẳng mấy truyền lan khắp toàn quốc. Thành ngữ "xuất nhân đầu địa" là xuất phát từ chuyện này.

Sau khi làm các chức quan nhỏ địa phương, năm Yên Ninh thứ hai 1069 ông về Khai Phong làm "nhập trực sử quán". Được Thần tông giúp đỡ, Vương An Thạch chuẩn bị thực hiện tân pháp, trong triều hình thành hai phe Tân đảng và Cựu đảng.

Cựu đảng phản đối biến pháp, mà đại biểu là Tư Mã Quang. Tư Mã Quang không những là danh thần lão thành, uy danh lớn lao mà còn là học giả lớn, bộ sách sử quan trọng "Tu trị thông giám" được biên soạn dưới sự chủ trì của ông. Tân đảng thì kiên quyết chủ trương biến pháp, đứng đầu phe này là tể tướng Vương An Thạch, Vương An Thạch cũng là một học giả thi nhân. Do lúc đó Vương An Thạch muốn tuyển gấp người để làm tân pháp. Một số người đã tranh thủ lợi dụng, tín nhiệm của Vương An Thạch để nhảy vào, như Tạ Cảnh Ôn, Lã Huệ Khanh Như Đan, Tăng Bố, Chương Thuần, đều được đề bạt. Cách chọn người vội vã như vậy của Vương An Thạch, không những làm cho Tô Thúc bị bức hại tàn khốc, mà đối với ông, cũng là gieo mầm tai vạ cho sự thất

bại của biến pháp, bản thân ông cũng bị bọn tiểu nhân này hãm hại.

Đối với "hai đảng", về cảm tình, Tô Thúc không thiên về bên nào, ông có quan hệ rất tốt với Tu Mã Quang. Còn đối với Vương An Thạch, hai người cùng là học trò của Âu Dương Tu, hiểu rõ nhau, từng nói mọi chuyện với nhau. Mà dù Tô Thúc có cảm tình với một bên nào, ông cũng không vì cảm tình riêng mà che đậy quan điểm của mình, nói ra những điều trái với lòng mình.

Được Thần tông ủng hộ, Vương An Thạch cùng những người tân tiến hăng hái sửa các pháp chế cũ, thực hiện pháp chế mới về các mặt kinh tế, văn hóa. Nhưng Tô Thúc cảm thấy về các biện pháp cụ thể trong cải cách cũng như về mặt tiến cử nhân tài, Vương An Thạch có nhiều chỗ không thỏa đáng, không có lợi cho sự ổn định của xã hội, sự phát triển của nền kinh tế, cũng không có lợi cho sự đoàn kết của triều đình, vì vậy ông hết sức phản đối Vương An Thạch. Việc Vương An Thạch bỏ khoa cử lập trường học khiến ông rất bức mình, trong thư dâng Thần tông ông nói: "Phương pháp tuyển chọn nhân tài là ở chỗ hiểu biết nhân tài; mà phương pháp để hiểu biết nhân tài là ở chỗ phải xem tình hình thực tế, xem họ có thống nhất giữa lời nói và việc làm hay không... Mong bệ hạ suy xét công việc lâu dài, công việc lớn lao, không nên ham cải cách, sửa đổi, ca ngợi bừa mà chẳng để ý tới tình hình thực tế? Thần tông nghe lời Tô Thúc có lý, bèn cho gọi Tô Thúc đến hỏi: "Chính sách hiện nay hay dở ở chỗ nào? dù

cho là sai của trăm, cũng mong khanh nói ra". Tô Thúc nói: "Bệ hạ là người sáng suốt trời sinh, thông văn hiểu võ, không ngại không hiểu, không ngại thiếu chăm chỉ, không ngại không quyết đoán, mà ngại vì vội vã trị lý nước nhà, việc làm gấp gáp, để nghe người khác, để bạt quan chức quá nhanh. Mong bệ hạ có thái độ bình tĩnh, đợi người đợi việc đến, thận trọng mà xử lý".

Thần tông nghe xong, thấy nhận định của Tô Thúc về tình hình lúc đó rất có lý, bèn tiếp thu ý kiến của ông, không phê chuẩn đề nghị bỏ khoa cử, lập học quán của Vương An Thạch.

Tư Mã Quang biết thái độ của Tô Thúc, ông rất mừng, cho Tô là người theo phe ông, ra sức ca ngợi ông. Nhưng sau đó không lâu thấy, Vương An Thạch lại trống giọng cò mò đẩy mạnh cải cách, Tư Mã Quang vội tập hợp một số người để cản ngăn tân pháp của Vương An Thạch.

Một hôm, Tư Mã Quang đến tìm Tô Thúc, không cần thăm dò, nói thẳng ra ngay với Tô Thúc:

- Vương An Thạch tự ý làm bừa, liều mạng to gan chúng ta phải liên kết lại, cùng chống hấn!

Tô Thúc cười nói:

- Tôi biết phải làm gì chứ.

Tư Mã Quang tưởng Tô Thúc đồng ý chống Vương An Thạch, rất mừng, bèn hỏi luôn:

- Thế ông định làm thế nào?

Tô Thúc nghiêm nghị nói với Tư Mã Quang:

- Vương An Thạch cải cách pháp chế có hại, thực hiện pháp chế mới, là lo cho nước cho dân, là vì công không vì tư, nói chung là phải. Nhưng tân pháp của ông ta có những chỗ hại nước hại dân, tôi mới phản đối. Còn như, cái tín điều "luật pháp của tổ tiên không được phép sửa" của ông, so với tân pháp của Vương An Thạch lại càng có hại cho dân cho nước hơn!

Tư Mã Quang nghe xong, bùng bùng nổi giận lớn tiếng mắng:

- Đúng là cái đảng của Giới Phủ! (tên tự của Vương An Thạch).

Rồi ông phẩy tay áo bỏ đi. Từ đó Tư Mã Quang căm giận Tô Thúc.

Tô Thúc "đã biết thì phải nói, đã nói thì phải nói hết", với tấm lòng son sắt vì nước vì dân và vì trách nhiệm với hoàng đế, trong hai tháng ông viết "thượng Thần tông hoàng đế thư", "tái thượng Thần tông hoàng đế thư", phê bình toàn diện tân pháp của Vương An Thạch, làm chấn động cả nước. Tô Thúc vì cuộc cải cách đó như hoàng đế phi ngựa nhanh trong đêm, quần thần không đi dò đường trước cho hoàng đế, mà lại quát mạnh roi phía sau, rất nguy hiểm, ông đề nghị vua hãy xuống ngựa cho ngựa ăn no, chờ trời sáng hãy đi. Tân đảng của

Vương An Thạch biết chuyện đó, đều nghiêng răng nghiêng lợi căm ghét ông. Vương Anh Thạch dù sao vẫn là quân tử, nhưng tay chân đồng đảng của ông, người nào người xăn áo nắm quyền, chuẩn bị trị Tô Thúc.

Một hôm, Vương An Thạch cho Tạ Cảnh Ôn đi mời Tô Thúc tới, muốn được trực diện tranh luận với ông. Vương An Thạch trách thúc Tô Thúc:

- Ông đứng về phía Tư Mã Quang, chỉ trích tân pháp là có ý gì?

Tô Thúc bực quá hỏi lại:

- Ngài nói thế là như thế nào?

Vương An Thạch nói:

- Khi Nhân Tông còn, ông chủ trương cải cách những tệ xấu, chống thủ cựu hăng hái như vậy, nay tôi thực hiện tân pháp, sao ông lại về hùa với Tư Mã Quang chống lại tôi?

Tô Thúc giận mà rằng:

- Ngài mở miệng là nói tôi về hùa với Tư Mã Quang, nhưng ngài có biết tôi cũng phản đối Tư Mã Quang bảo thủ nệ cổ không. Ngài không xem kĩ thời thế, mà vội ham công háo lợi, thực hiện tân pháp bừa bãi, tất bị thiên hạ chống lại.

Thế là cuộc tranh luận giữa hai người không đi tới kết quả.

Ít lâu sau, Tạ Cảnh Ôn, thành viên chủ chốt trong Tân đảng của Vương An Thạch dâng thư vu cáo Tô Thúc, nói ông

về Tú Xuyên chịu tang, dùng thuyền quan để chở muối riêng. Tuy kiểm tra việc đó không có, nhưng Tô Thúc đã chán ghét chuyện tranh chấp trong triều, muốn về địa phương làm quan, Tân đảng cũng muốn đẩy ông đi, ông bị giáng về Hàng Châu, làm thông phán.

Tô Thúc làm việc trong vùng Hàng Châu, Từ Châu nhiều năm. Ông làm thủy lợi, chống lụt đem lại nhiều lợi ích cho dân. Năm Nguyên Phong thứ hai (1079) Tô Thúc lại từ Từ Châu chuyển về Hồ Châu. Lúc này, trong triều đấu tranh rất quyết liệt. Bọn người được Vương An Thạch đề bạt lên cấu xé tranh giành nhau. Tháng 2 năm Hi Ninh thứ tám, Vương An Thạch được Thần tông dùng lại làm tể tướng. Rắp mưu bao năm của Lã Huệ Khanh bị tan thành mây khói. Để được làm tể tướng: Lã Huệ Khanh đem những bức thư riêng giữa ông và Vương An Thạch cho Thần tông xem Lã Huệ Khanh vốn nhờ a tòng Vương An Thạch mà làm nên phó tể tướng, do đó

thư từ qua lại giữa hai người rất nhiều, trong thư của Vương gửi cho Lã, có đề chữ: "Không để trên biết", Thần tông xem thấy, cho là Vương An Thạch có âm mưu quỷ kế, rất tức giận, bãi chức tể tướng của Vương, còn hạ lệnh ông vĩnh viễn không được quay về triều. Thế là, những người gọi là "mũi nhọn tân tiến" được Vương An Thạch cất nhắc trước kia như Lã Huệ Khanh, Lí Định, Thu Đan giờ đây đã nắm độc quyền trong triều.

Tô Thúc về tới Hồ Châu, theo tục lệ phải viết biểu tạ ơn, ông biết chuyện mới xảy ra trong triều, tức giận nên vô ý viết

trong biểu: "Thấy việc sai lầm, khó bề ngăn chặn; cả đời chăm chỉ, mong chăm tiểu dân". Lý Định xem biểu, thấy câu đó rất mừng, thấy thời cơ hại được Tô Thúc đã tới, liền bàn mưu với Thư Đàm, chuẩn bị "vạch tội" Tô Thúc, quyết diệt được Tô Thúc mới hả.

Văn của Tô Thúc nổi tiếng thiên hạ, trong triều nhiều đại thần bảo vệ ông, hoàng hậu cũng có cảm tình với ông, muốn đánh đổ được Tô Thúc không phải dễ. Nhưng Lý Định, Thư Đàm sợ Tô Thúc có thể đông sơn tái xuất, nay mai càng khó trị, nhất quyết phải hại bằng được.

Sớm hôm sau, Lý Định đem biểu đưa Thần tông xem, và kể tội Tô Thúc:

- Tô Thúc nói: "thấy việc sai lầm, khó bề ngăn chặn" vừa là phản đối tân pháp, vừa là bất mãn với vua; cả đời chăm chỉ, mong chăm tiểu dân", là bất mãn về chức vụ của mình, thực ra là không coi bệ hạ ra gì?

Lý Định nói Tô Thúc còn có bốn tội: một là tội đã rõ nhưng không hối cải; hai là lời nói ngông nghênh ảnh hưởng trong ngoài; ba là nói dối cái bừa; bốn là hoàng thượng soi sáng mà vẫn oán là không dùng.

Thần tông xem xong biểu, quả nhiên nét mặt không vui, lại thêm Lý Định đổ dầu vào lửa, làm Thần tông nổi giận, Thư Đàm thấy lửa đã cháy, bèn nhân đó nói chuyện "chúng cớ rành rành" để vu cho Tô Thúc là người lòng dạ ác độc.

Thư Đàm nói:

- Tô Thúc chống tân pháp, chúng cứ rành rành, với từng pháp lệnh, ông ta đều làm thơ phỉ báng. Ông ta oán hoàng thượng, không giữ phép làm tôi, đó là sự thực. Bệ hạ phát tiền giúp dân, ông ta lại làm thơ "giành được mấy lời khen con trẻ, một năm quá nửa ở trong thành"; bệ hạ dùng tân pháp để sát hạch quan lại, ông ta làm thơ: "Đọc sách vạn quyển không đọc luật, làm vua Nghiêu Thuấn có cần chi" bệ hạ cấm chỉ có muối riêng, ông ta làm thơ: "Khúc Thiệu quên nổi nhớ, tháng ba không muối ăn". Mong bệ hạ soi xét.

Chiều này của Thư Đàm thực hiểm ác, những bài thơ của Tô Thúc có liên quan đến tân pháp không có ý dả kích phỉ báng, chẳng qua chỉ muốn miêu tả, một số hiện tượng sau khi thi hành tân pháp, nhưng qua miệng Thư Đàm, đều thành dả kích độc địa, trong trường hợp này, ai người nói cho rõ được?

Quả nhiên, sau khi đo dự hồi lâu, Thần tông ra lệnh bắt Tô Thúc.

Tô Thúc bị bắt khi đương chức ở Hồ Châu. Khi bị giải đi khỏi Hồ Châu, trăm họ khóc tiễn hai bên đường, dù thấy Tô Thúc được lòng dân như thế nào. Sau khi bị giải tới Khai Phong, ông bị giam ở ngục Điều Đài, đó là một trong những vụ án văn chương nổi tiếng mà lịch sử Trung Quốc gọi là "Điều đài thi án".

Tô Thúc bị giam rất lâu trong ngục, con ông không có cách nào cầu xin, bèn đi tìm em Tô Thúc là Tô Triệt ở Nam Kinh.

Khi đi người con dặn lại, nhờ người đưa cơm không nên đưa thịt mà đưa cá, nhưng người đưa cơm nhớ nhầm lại đưa thịt. Tô Thúc nhìn thấy, tưởng hạn lớn đã đến, nên rất buồn. Nguyên do là Tô Thúc cùng con đã hẹn nhau, nếu tình hình không đáng lo ngại thì đem cơm với cá, nếu có gì nguy kịch thì đem cơm thịt, như vậy để thông tin trong ngoài biết sớm tình hình mà chuẩn bị. Tô Thúc cảm thấy mình sắp bị bọn Lý Định, Thu Đàm đem đi xử tử, trong lúc buồn ông làm hai bài thơ, dưới đây là một bài trong đó:

*Thánh thượng như trời vạn vật xuân,
Tiểu thần ngu dại tự vong thân.
Trăm năm chưa trả ơn ngày trước,
Mười miệng không nhà gánh nợ nần.
Chốn đó non xanh vui xươg trắng,
Năm nao mưa tối nhỏ lệ thầm.
Cùng em kiếp kiếp là huynh đệ,
Càng kết nhân gian gấp bội phần.*

Đó là bài thơ của Tô Thúc viết cho em trai là Tô Triệt, định nhờ một người lính ngục gửi cho em, không ngờ bị tai mắt của Lý Định nhìn thấy, cướp lấy giao cho Lý Định. Lý Định tưởng Tô Thúc lại viết thư oán thân phi báng, đương lo không có chứng cứ, nên vội nhét lá thư vào tay áo, vội vã vào triều.

Lúc này trong triều đã có sự thay đổi nhỏ. Tài thái hậu khi ở lại cung, nói chuyện với Thần tông, nói rằng Tô Thúc là

người trung thành, có tài, liêm khiết, là người tốt, Thần tông không nên xử oan cho Tô Thúc; Thần tông tuy trẻ tuổi chưa chín chắn nhưng cũng không có ý định giết Tô Thúc, chỉ có bọn Lý Định là ra sức xiểm hại, mong giết được Tô Thúc mà thôi. Hôm sau vào triều, Lý Định, đem thơ của Tô Thúc cho Thần tông xem, còn nói thêm Tô Thúc hết sức oán giận trong ngục. Thần tông xem xong thơ ngó người, hỏi Lý Định về nội dung bài thơ, Lý Định giật mình, mới nhớ ra do vội muốn hại người, chưa kịp xem bài thơ đó. Thế là tình thế xoay chuyển ngược lại, những người trước đây giúp Lý Định nay thấy thần sắc Thần tông thay đổi, đều lựa gió bẻ măng, xin cho Tô Thúc. Thế là không có chứng cứ, Tô Thúc được tha.

Tháng 2 năm thứ ba niên hiệu Nguyên Phong (1080) Tô Thúc được điều về Hoàng Châu làm đoàn huyện phó sứ, ở đây ông đã viết những áng văn đời đời bất hủ "Tiền xích xích phú" và "Hậu xích xích phú", tự cây đất Đông Pha, để lại biết bao giai thoại.

Năm Nguyên trung thứ tám (1085) Thần tông ba mươi tám tuổi ốm chết, Triết tông mới mười tuổi nối ngôi, có Cao thái hậu nhiếp chính, Cao thái hậu xưa nay vốn phản đối tân pháp của Vương An Thạch, sau khi Cao thái hậu nắm quyền, việc đầu tiên của bà là quét bỏ những quan chức do kết bè đảng mà mới đề bạt lên cao, bà miễn chức tể tướng của Vương Khuê, lại giao Tư Mã Quang làm tể tướng, cho phục chức quan của những người bị Tân đảng giáng hạ. Tô Thúc được

bổ nhiệm chức thái thú Đãng châu, sau được đưa về triều. Bọn Lý Định, Thư Đàm, thấy Tô Thúc lại được tin dùng, vừa tức vừa sợ, luôn tìm cơ hội để hãm hại ông.

Vừa lúc đó, nước Liêu sai sứ giả tới triều, mang vế trên của một câu đối, yêu cầu Đại tống trong ba ngày phải có vế dưới đối lại, nếu không đối được phải nhận là hạ bang, nếu đối được là thượng bang. Vế trên câu đối là:

Tam quang nhật nguyệt tình

Cao thái hậu truyền chỉ, cho bá quan đến đối, nhưng vế đối khó quá, bá quan chưa ai đối được. Lý Định và Thư Đàm thống nhất với nhau tiến cử Tô Thúc vào đối, nói Thúc nổi danh hay chữ nhất định đối được, nếu không đối được sẽ làm Thúc hể mặt. Cao thái hậu biết hai người muốn hại Tô Thúc, nhưng bà tin là Tô Thúc đối được, bèn triệu ông tới.

Tô Thúc gặp sứ Liêu, còn chưa rõ ông ta định giở trò gì. Sau khi sứ giả nói rõ ý định, Tô Thúc mời sứ Liêu ra đối, sứ Liêu hăng giọng đọc to: "*Tam quang nhật nguyệt tình*" Tô Thúc nghe xong, bật cười nói:

- Đứa trẻ lên ba của tề quốc, cũng đối được, văn võ bá quan chẳng qua không thêm đối, cố ý trêu ông ta thôi!

Sứ Liêu tức giận cho rằng ông không đối nổi, nên có tình nói dọa ông vậy, bèn giục ông đối mau: Tô Thúc nói: "Trẻ con tề quốc đều học Kinh Thi, tôi đối "*Tứ thi phong nhĩ tưng*", được không?"

Câu đối vừa nói ra, sứ Liễu ngạc nhiên, triều đình bỗng ồn lên, khen đối chuẩn quá. Trong "phong", "nhã", "tụng" thì "nhã" có đại nhã và tiểu nhã, nên gọi là "tứ thí" thế là vừa đối được số, vừa đối được sự việc, hướng hồ đối "tứ thí" với "tam quang" thì thật tuyệt ý.

Tô Thúc nhân thế, còn chọc sứ Liễu: "Vế đối của quý quốc tôi nhất đầu cũng ra vế đối lại được, *"nhất cung thanh thân liêm"*, *"Nhất trận phong lôi vũ"*, *"Bán thùng nê đồ ương"*... làm cho sứ Liễu chóng mặt, nguơng không để đầu cho hết, đành nhận làm hạ bang, thất thểu bỏ đi.

Lý Định, Thư Đàm muốn khôn hóa đại, thành ra lại giúp cho Tô Thúc nổi danh. Được Cao thái hậu giúp đỡ, Tô Thúc trong một năm được ba lần thăng chức, làm trung thư xá nhân, hàm lâm học sĩ trí chế hạo, kiêm thị độc. Chức đó cao hơn phó tế tướng.

Sau khi Tư Mã Quang lên làm tế tướng, tân pháp đương nhiên bị bãi bỏ. Tháng ba Nguyên Hữu nguyên niên (1086) Tư Mã Quang chủ trì hội nghị, yêu cầu quan ngũ phẩm trở lên đều dự, vấn đề trung tâm của hội nghị là bãi bỏ toàn bộ tân pháp của Vương An Thạch. Tô Thúc trong thời gian bị giáng đày, tự mất mình đã nhìn thấy một số ưu điểm của tân pháp, thấy rằng bãi bỏ toàn bộ tân pháp là không nên, do vậy ông phản đối chủ trương của Tư Mã Quang.

Đối với tân pháp của Vương An Thạch, dù ngày nay nhìn lại, cũng không nên phủ định toàn bộ. Từ sau bắc Tống, nạn

"những quan, những quân, những phi" rất trầm trọng, Vương An Thạch nhằm vào "ba những" đó, muốn tinh giản cơ cấu, thu tóm quyền lực, nâng cao hiệu suất, phát triển kinh tế, đó là đúng đắn, nhưng do Vương An Thạch dùng người không đúng, lại thêm phái cũ phản đối, không đẩy mạnh việc thực hiện, tân pháp thực hiện mười mấy năm vẫn không có thành quả gì lớn, mà vấn đề ngày thêm nghiêm trọng, vì vậy Tư Mã Quang đương nhiên bãi bỏ tân pháp.

Chính trong cuộc họp đó, Tô Thúc nổ "Pháo đầu". Ông nói:

- Nguyên nhân thiên hạ không đại trị được, là do dùng người không đúng, mà không phải sai lầm của bản thân tân pháp. Nay nếu Tư Mã Quang muốn bãi bỏ hoàn toàn tân pháp mới thực là sai lầm!

Lời Tô Thúc không những làm Tư Mã Quang giật mình, mà cả bầu không khí hội trường như ngừng đọng lại. Tư Mã Quang không hiểu hỏi:

- Tôi và ông trước đây phản đối tân pháp và đều đã bị tân đảng hãm hại, sao giờ đây ông lại bênh vực tân pháp?

Tô Thúc nói:

- Mọi việc nên theo tình hình thực tế mà định, nên theo lẽ vì quan vì chính, không nên chia đảng phái môn lệ, cũng không nên tranh chấp ý kiến cá nhân, cũng như ôm đá cứu người chết đuối sẽ không ổn!

Tư Mã Quang nghe xong càng cău giận hơn, ông dẫn giọng:

- Bỏ tất tân pháp, mọi phép nhu cũ, bản tướng đã quyết, bất tất phải bàn!

Nói xong lập tức bước ra khỏi chính sự đường.

Tô Thúc cũng tức giận, về nhà ông chửi:

- Tư Mã Quang! Tư Mã Ngưu!

Ăn cơm trưa xong, ông ôm bụng, hỏi tả hữu:

- Các người biết trong này có gì không?

Một nữ tì trả lời:

- Toàn là văn chương cả!

Tô Thúc lắc đầu. Lại một nữ tì nữa nói:

- Trong bụng ngài là cơ quan? ông vẫn lắc đầu. Duy có ái thiếp Vương Triều Vân cười nói:

- Bụng lão học sĩ đầy thứ không hợp thời.

Tô Thúc nghe vậy, thở dài mà rằng:

- Hiểu ta, chỉ có Triều Vân vậy!

Thế là, Tô Thúc lại bị Cựu đảng của Tư Mã Quang bài xích, đồng thời nhưng người của Tân đảng còn lại trong triều cũng chèn ép ông, Trình Di, Trình Hạo khác quan điểm học thuật với ông cũng đả kích ông. Hoàn cảnh ông rất khó khăn, ông từng thở dài nói:

- Nếu theo người, thì thẹn với lòng mình, phụ lòng mình chủ; biết mà không nói, thù oán giao công, không chết cũng tàn tạ.

Ông liên tục dâng biểu xin đi về địa phương. Cao thái hậu biết tính ông, bèn phong ông làm long đồ các học sĩ về cai trị Hàng Châu.

Trong thời gian hơn một năm từ sau khi ông về Hàng Châu, có hai lần ông bị gọi về triều, hai lần thay đổi nhiệm sở, về sau ông lại được bổ nhiệm binh bộ thượng thư, kiêm thị độc, rồi lại đổi làm lễ bộ thượng thư, kiêm đoan minh điện học sĩ, em ông Tô Triệt cũng được làm tể tướng.

Từ khi Triệt tông mười tuổi, Tô Thúc đã là thầy dạy học của ông. Triệt tông là người tự phụ. Hảo công, không thích những người trung thành lão luyện, nhiều người vẫn tiếp tục công kích Tô Thúc, nên Triệt tông dần xa lánh Tô Thúc. Sau khi Triệt tông tự chấp chính, ông muốn xóa bỏ những gì Cao thái hậu đã làm. Trong khoảng năm Nguyên Hữu bổ nhiệm Chương Thuần làm tể tướng, bọn nịnh thần như là Lá Huệ Khanh lại lần lượt được đưa vào triều. Thế là vận hạn của Tô Thúc đã đến.

Bọn Tân đảng Chương Thuần đã toàn bộ trở lại triều đình, họ trả thù các đại thần chấp chính thời gian qua bằng cách chém giết trùng phạt, lưu đày, và Tô Thúc đương nhiên khó thoát. Tô Thúc bị cách chức với tội danh là "nói xấu triều đình" bị giáng về Huỳnh Châu Quảng Đông, trên đường lại bị

giảng làm ninh viễn quân tiết độ phó sứ, an trí tại Huệ Châu. Tô Thúc tuổi sắp lục tuần dẫn toàn gia, gập ghềnh vượt đường nóng bức, mùa xuân năm đó tới Huệ Châu.

Cuộc sống ở Huệ Châu thực gian khổ, nhưng Tô Thúc vẫn điềm nhiên, vui vẻ đón nhận cuộc sống đó. Ông tự mình làm mọi việc, cả gia đình khai hoang làm ruộng, tháng ngày qua vẫn có thú vui riêng. Tại đây, cũng như ở Hàng Châu, Từ Châu, ông ra sức làm việc vì dân, về phương diện văn hóa đã để lại những mẫu chuyện lý thú.

Một hôm, cả nhà Tô Thúc đoàn tụ, ngẫu hứng ông cầm bút viết bài thơ "Tung bút":

*Tóc trắng pha sương của tháng năm,
Gác nhỏ giường mây thành thoi nằm.
Mộng xuân đưa người vào cõi đẹp,
Đạo nhân đâu đã điểm canh năm.*

Chẳng lâu, bài thơ truyền tới kinh thành, Chương Thuần thấy vậy rất tức tối, ông nói giọng căm giận: "Được! ông muốn say mộng xuân phải không? Ta sẽ cho ông say!" Thế là ngày 17 tháng 4 năm Thiệu Thanh thứ tư (năm 1097) triều đình hạ lệnh giáng điều Tô Thúc đi làm biệt giá Quỳnh Châu, an trí ở Xương Hóa, không được ký các công sự.

Quỳnh Châu là đảo Hải Nam bây giờ, lúc đó là đất hoang dã. Đối với ông già sáu mươi hai tuổi Tô Thúc, lần giáng chức này là sự lưu đày mang tính bức hại, Tô Thúc nghe tin, chuẩn

bị tinh thần chôn xương ở Quỳnh Châu, không thể còn sống mà về. Nỗi niềm đó của ông, có thể thấy nhiều trong thơ văn.

Nhưng sau khi tới Quỳnh Châu, với tinh thần kiên trì siêu thoát, ông vẫn sống, đồng thời góp công lớn cho sự phát triển văn hóa của đảo Hải Nam. Ông không những làm cho dân bản xứ thêm người thi cử đỗ đạt, lại còn tạo nên những ảnh hưởng lớn về ngôn ngữ, tập quán sinh hoạt cho cư dân trên đảo. Có thể nói, Tô Thúc không may, nhưng đảo Hải Nam may.

Năm Nguyên phù thứ 3 (1100) Triết tông hai mươi tư tuổi qua đời, Tống Huy Tông lên ngôi, ông chủ trương điều hòa quan hệ hai đảng cũ mới. Sau ba năm ở Quỳnh Châu, Tô Thúc lại được điều về triều. Trên đường về kinh, nhiều văn nhân học sĩ và bá tính ra đường đón ông, muốn làm quen, muốn ngắm nhìn phong thái của nhà văn hóa lớn, một danh thần của mấy triều. Năm 2001, Tô Thúc qua đời trên đường về kinh. Khi ông mất, tiếng khóc như rì quanh quẩn dịch.

Tô Thúc là nhà văn hóa lớn toàn tài thi, từ, văn, phú, thư, họa, trong lịch sử văn hóa Trung Quốc hầu như không có ai bì được với ông; mà tính tình thì ngay thẳng, hiền lành, chịu đựng, nhất là khi bị đầy đọa, thật là thiên cổ khó tìm.

Tô Thúc quả là đây một bụng "những thứ không hợp thời". Khi Tân đảng cầm quyền, ông phản đối Tân đảng, khi Cựu đảng cầm quyền ông phản đối Cựu đảng, Tân đảng lên nắm quyền giáng chức ông, Cựu đảng lên nắm quyền cũng giáng

đây ông. Cuộc đời ông long đong vất vả và không phải do số mệnh gì mà do ông là người chính trực.

Thơ, từ, văn, phú và thư pháp của Tô Thúc có ý nghĩa lớn lao trong lịch sử văn hóa Trung Quốc, ông đã dùng tình cảm siêu việt của mình để cảm nhận cuộc sống gian nan, thái độ đó thật là có giá trị, nhân cách chính đại không khuất phục a tòng, không xiểm nịnh ai của ông đã có ảnh hưởng quan trọng trong lịch sử văn hóa Trung Quốc.

Lịch sử vẫn rất công bằng, mọi người không vì Tô Thúc suốt đời bị đầy ải mà thiếp kiến với ông, cũng không vì cả cuộc đời không may mắn của ông mà không nghĩ tới ông, mà đánh giá công lao của ông một cách thực sự cầu thị, tôn vinh và ca ngợi ông, còn những hạng người bức hại ông, giống như sâu bọ sẽ bị chạy thành tro bụi cả, nếu như lịch sử còn nhớ tới họ, thì chỉ là vì Tô Thúc, vì họ đã từng bức hại Tô Thúc mà thôi. Nhờ vậy mà còn lại tên tuổi họ kể cũng thật quái đản.

Khi nhìn thấy những vết hoen bẩn trong lịch sử, cũng nên nhìn thấy những chỗ sạch sẽ trong đó!

45. MÃ HOÀNG HẬU GIỚI PHÒ TÁ

Trong dân gian có câu tục ngữ "Nhà có vợ hiền, đàn ông không làm điều xấu".

Khi biểu dương vợ người khác, lại có cách nói thiên về chúc phận người nội trợ hiền.

Trong lịch sử cổ đại lâu đời của Trung Quốc, địa vị của người phụ nữ thực ra không cao, đại đa số ở tình trạng khuất phục quá mức, vì lợi ích của chủ nghĩa nam quyền, nhưng có lúc lại được tôn trọng ngang hàng. Đặc biệt là trong gia đình, bà chủ nhà xấu tốt, thường có ảnh hưởng rất to lớn đối với gia đình đó. Không những trong các gia đình thường dân, mà trong các gia đình vua chúa cũng vậy. Những gương như vậy, có rất nhiều trong lịch sử Trung Quốc. Cùng xuất thân từ địa vị thấp hèn. Mã hoàng hậu của Chu Nguyên Chương thái tổ đời Minh và Lưu Hoàng hậu của Lý Tồn Húc tức Trang tôn đời Hậu Đường là hai hình ảnh tương phản rõ rệt.

Nhà Hậu Đường do Lý Tồn Húc lập nên sau khi tiêu diệt hậu Lương. Bấy giờ Lý Tồn Húc cho rằng chính quyền họ Chu của Hậu Lương là phản nghịch, chỉ có mình là thừa kế sự

ngiệp của triều Đường nên vẫn lấy tên Đường, sử gọi là Hậu Đường. Từ khi là Lý Tồn Húc Tấn vương đã say mê Lưu Thị (tức Lưu hoàng hậu sau này) nên mẹ của Lý Tồn Húc đã đem Lưu Thị thưởng cho ông.

Lưu hoàng hậu là người Thành An Châu Ngụy (nay là huyện Thành An Hà Bắc). Nghe nói cha là người phiêu bạt giang hồ kiêm xem tướng số, bói toán, tự xưng là Lưu Sơn Nhân. Lưu Sơn Nhân có một chòm râu màu vàng, suốt ngày bôn ba phong trần. Ông giỏi đoán mệnh nhưng lại chưa hề đoán cho con gái mình. Nhưng bất kể như thế nào, cứ xem tình trạng của Lưu Sơn Nhân thì xuất thân của Lưu hoàng hậu thấp kém là điều không còn nghi ngờ. Khi Lưu hoàng hậu còn nhỏ, Lý Khắc Dụng cha của Lý Tồn Húc đánh chiếm Thành An của Châu Ngụy, bộ tướng Viên Kiến Phong của Khắc Dụng thấy Lưu Thị xinh đẹp, có ý bắt lại đem dâng Lý Khắc Dụng. Vợ của Lý Khắc Dụng thấy Lưu thị thông minh, lanh lợi, có tài sắc hơn người nên rất yêu mến bèn cho người dạy Lưu thị ca múa đàn hát. Đến năm mười sáu tuổi, Lưu thị lớn lên trở thành một thiếu nữ duyên dáng yêu kiều.

Lý Tồn Húc là một thiếu niên anh tài vũ dũng, có quyết tâm kế thừa ý chí diệt Lương của cha truyền lại. Tuy có tài mưu lược, nhưng Lý Tồn Húc lại ham hưởng lạc, ngay thời thiếu niên điều đó đã bộc lộ rõ ràng. Tồn Húc là đứa con trai rất được Lý Khắc Dụng yêu quý và tin cậy, tất nhiên thường được ra vào nơi cung cấm, ngay từ đầu đã bị chinh phục bởi

mối tình sét đánh với Lưu thị. Sau khi được phong là Tần Vương, Lý Tồn Húc ngỏ ý với mẹ muốn lấy Lưu thị, mẹ của Lý Tồn Húc đã trao Lưu thị cho Lý Tồn Húc.

Nào ngờ, cái cô Lưu thị đó lại rất giỏi lấy lòng Lý Tồn Húc, sau lại sinh được đứa con trai là Lý Kế Ngật, Lý Tồn Húc thấy mặt mũi và tính cách của Lý Kế Ngật rất giống mình lại càng yêu chiều Lưu thị. Sau khi lên ngôi, Lý Tồn Húc muốn phế truất Hàn phu nhân. Hàn Phu Nhân nguyên là chính phi nhưng Lý Tồn Húc cảm thấy danh phận không hợp nên cứ dùng dằng không quyết. Cũng lúc này, trong cung đình đang diễn ra một cuộc tranh giành quyền lợi. Khu mật sứ Quách Sùng Thao quyền cao chức trọng nhưng đức tài công trạng không đủ để mọi người kính phục, cho nên người chống lại rất nhiều. Quách Sùng Thao rất nhạy bén, ngầm biết nếu lúc này giúp Lưu thị một tay, đưa Lưu thị lên ghế hoàng hậu, sau này Lưu thị hẳn trọng dụng mình, mình sẽ có chỗ dựa vững chắc như bàn thạch, không sợ quần thần công kích nữa. Thế là Quách Sùng Thao "cùng tể tướng dẫn bá quan cùng tâu xin cho phu nhân làm chính phi trong cung". Trong tình thế đó, Trang Tông Lý Tồn Húc thấy rằng nên thuận nước đẩy thuyền là hơn cả. Thế là năm 924 trước công nguyên Lưu thị phu nhân nước Triệu được lập làm hoàng hậu.

Âu Dương Tu từng viết riêng một thiên "Lời tựa truyện các quan đào kép thời Ngũ Đại" bình thuật về Trang Tông đời Hậu Đường quá yêu thích đào-tường kép hát mà đi đến hoảng

loạn, không còn đạo lý gì nữa, vạch rõ nguyên nhân diệt vong của Lý Tồn Húc. Lý Tồn Húc trong thời kỳ diệt nhà Hậu Lương có thể gọi là hùng tài đại lược, cầu tiến và biết hạn chế những ham muốn, cùng đứng chung một hàng ngũ với quần thần, quân sĩ. Nhưng sau khi lên ngôi vua thì lại nhanh chóng trở nên hoang dâm vô đạo. Lý Tồn Húc cho xây những cung điện lớn, tuyển nhiều gái đẹp, săn bắn vô độ và kì quặc nhất là rất tin yêu bọn đào tẩu kép. Vị Hoàng đế này mê hát kịch đến độ coi xem kịch, nghe kịch, diễn kịch là việc quan trọng nhất trong đời. Vì thế mà đào kép thừa cơ can dự vào chính quyền, vì thế, quan đại thần thì bị nghi ngờ bức hại, người hiền thì bị đày đi, tiểu nhân thì tranh nhau leo cao, triều đình Hậu Đường đã thành sân khấu diễn kịch của bọn xướng ca vô loài.

Không còn nghi ngờ gì nữa, chính trị thời kì Trang Tông Hậu Đường nhanh chóng mục nát, cuối cùng Trang Tông bị kẻ dưới giết. Từ một ông vua dựng nước mà vì hoang dâm bị bề tôi giết chết, điều đó không phải là nhiều trong lịch sử Trung Quốc. Thế thì hoàng hậu họ Lưu can dự những gì trong thời kỳ Lý Tồn Húc trở nên hoang dâm, tin cậy quan đào kép. Theo lời kể, Lưu hoàng hậu xuất thân thấp hèn, thấu hiểu nỗi cực nhọc của tầng lớp dưới trong xã hội, lại lớn lên trong cảnh lệ thuộc trong cung đình, lẽ ra phải có những phẩm chất mộc mạc lương thiện. Nhưng trái lại với điều đó, Lưu hoàng hậu đã quá quen với những cảnh bần hàn nghèo đói, một khi đột nhiên có địa vị cao thì điên cuồng chạy theo

tiền tài, quyền lực, đâu còn nghĩ đến khuyên can nhà vua sửa mình lo việc nước, gắng sức vì dân nữa!

Theo sách "Tu Trị thông giám" (Pho sách sử ghi lại cách cai trị bằng đạo đức), trong thời gian quan đạo kép tham gia chính sự thì Lưu hoàng hậu cũng nhân cơ hội tham dự vào chính sự với hai mục đích: một là nắm chủ quyền, hai là dựa vào quyền lực mà vơ vét của cải. "Hoàng hậu sinh ra trong nghèo hèn, được phú quý lại chuyên lo tích trữ tiền của", "Của cải từ các nơi dâng nộp về đều chia làm hai, một là của thiên tử, một dâng cho hoàng hậu". Cống phẩm của bốn phương tất nhiên cũng cống cho hoàng hậu một nửa, việc này có lẽ trong lịch sử Trung quốc thật hiếm có. Như vậy đã đành, Lưu hoàng hậu còn phái nô dịch trong cung ra ngoài, lấy quyền thế ép người, mua rẻ bán đắt, qua đó kiếm lợi một cách tàn bạo, cái cách "buôn bán lối nhà quan" đó khiến cho Lưu hoàng hậu kiếm được rất nhiều của cải. Về mặt nhận hối lộ, Lưu hoàng hậu cũng không bao giờ từ chối, muốn vơ vét cho lắm mà chưa được, đưa tới miệng tất nhiên đâu có từ chối. Với sự dẫn đầu của Lưu Hoàng Hậu, nạn hối lộ thời Hậu Đường tràn ngập như một làn sóng. Lưu hoàng hậu không những đã không trở thành "người nội trợ hiền" của Trang Tông, mà còn giúp đỡ kẻ ác làm việc xấu, đưa chồng đến chỗ chết.

Năm thứ hai Lưu thị làm hoàng hậu, ở Hà Nam xảy ra trận lụt lớn, nhiều năm chưa từng thấy nước sông Hoàng Hà dâng cao, bảy mươi lăm người chết đuối. Số người chết đói không thể tính hết, kho lương thực ở Lạc Dương trống rỗng không

còn thứ gì ăn được, Lý Tồn Húc đã không tìm cách giảm bớt gánh nặng của nông dân, lại còn trưng thu để dự trữ lương thực cho năm sau, làm dân càng thêm sôi sục hờn oán. Nạn nước lớn chưa rút Lý Tồn Húc lại cùng Lưu hoàng hậu dẫn hai đội người đi khắp bốn phương săn bắn làm cho trăm họ nghiêng răng căm giận. Cặp vợ chồng này thực xứng đôi vừa lứa, câu kết với nhau làm việc xấu, rốt cuộc làm cho dân không thể sống, quan không thể yên. Sau ba năm Trang Tông lập hiệu, châu Nghiệp (ở phía bắc An Dương tỉnh Hà Nam), châu Hình, châu Thương .v.v... tới tấp nổi dậy. Lý Tồn Húc sai Lý Tự Nguyên đi trấn áp, không ngờ Lý Tự Nguyên vừa đến Ngụy đã tự xưng Hoàng đế Hậu Đường, chỉ huy quân về giết Lý Tồn Húc. Trong trận phản loạn đó, Lý Tồn Húc bị tên bắn trúng.

Còn Lưu hoàng hậu tham tiền tới mắt, trong lúc nguy khốn đó đã không lo toan cho sự sống chết của Lý Tồn Húc và sự còn mất của triều đình, chỉ lo mau chóng thu gom vàng bạc. Lưu hoàng hậu không tự đi tìm Lý Tồn Húc, chỉ sai một hoạn quan mang nước và thức ăn cho Lý Tồn Húc. Không lâu do vết thương phát lại mà chết, trong khi đó Lưu Hoàng hậu còn bận "gói vàng bạc, buộc yên ngựa", thấy thế mạnh không thể chống được của Lý Tự Nguyên đã hoảng loạn chạy vào trong chùa cắt tóc đi tu.

Lý Tự Nguyên lên được ngôi Hoàng đế thực ra phai cảm tạ vị hoàng hậu này, nếu không phải là Lưu hoàng hậu thừa thế làm loạn thì Lý Tự Nguyên há có thể dễ dàng thành công.

Lưu hoàng hậu đang giấu mình trong cái vỏ ni cô ở Tấn Dương thì bị Lý Tự Nguyên sai người đến bắt rồi bức tử.

Ngược lại với Lưu hoàng hậu của Trang tông, thái hậu đời Đường là Mã thị phu nhân của Chu Nguyên Chương thì tài trẻ sáng suốt nhiều lần giúp chồng; thậm chí có thể nói, nếu không có sự giúp đỡ của Mã thị thì Chu Nguyên Chương không thể trở thành một thiên tử dựng nước của nhà đại Minh, mà e rằng sớm thành hồn ma bóng quỷ rồi.

Chu Nguyên Chương lúc nhỏ gửi thân trong chùa, tạm làm hòa thượng, cùng khốn điều đứng, sau gặp Quách Tử Hưng dấy binh diệt Nguyên liền xin làm quân của Quách Tử Hưng, Quách Tử Hưng thấy Chu Nguyên Chương khí sắc phi phàm, tướng mạo cũng vượt trội mọi người, cũng có phần vị nể. Chu Nguyên Chương đánh trận dũng cảm, toàn vẹn trí dũng, đánh thắng nhiều trận, Quách Tử Hưng càng thêm quý trọng. Sau đó, Quách Tử Hưng cùng vợ là phu nhân Trương thị bàn với nhau về công trạng của Chu Nguyên Chương, Trương thị nói:

- Tài năng của Chu Nguyên Chương thiếp không biết rõ, nhưng nhìn tướng mạo, tương lai tất định sẽ có một lần làm nên, cần cho hưởng ân dày khiến cho vì biết ơn nên phải nghĩ đến đền đáp, mới cùng chúng ta dốc sức. Quách Tử Hưng nói:

- Ta đã cho làm đội trưởng rồi.

Trương thị nói:

- Đó chẳng qua chỉ là cách thường công tâm thường, cứ theo cách nhìn của thiếp như vậy chưa đủ, nghe nói anh ta đã hăm lăm hăm sáu tuổi rồi mà chưa có gia đình, hà cớ gì không ghép con gái nuôi Mã Thị cho anh ta, một là cho tráng sĩ thấy được hiệu quả của công lao, hai là khiến cho con gái có nơi chốn, cũng coi là nhất cử lưỡng tiện.

Quách Tử Hưng suy nghĩ một lúc, cảm thấy đúng bèn tìm cơ hội nói với Chu Nguyên Chương. Tất nhiên Chu Nguyên Chương rất vui mừng.

Mã thị không phải là con đẻ, mà là con nuôi của Quách Tử Hưng. Khi Quách Tử Hưng còn hàn vi đã kết bạn chí cốt với Mã Công ở Túc Châu. Mã Công là hào phú Tân Phong, Túc Châu, trọng nghĩa khảng khái, coi thường tiền bạc, cứu giúp người nghèo. Lâu dần, gia nghiệp sa sút vợ sinh được con gái, không bao lâu thì chết bệnh. Đứa con gái từ bé đã không có người chăm sóc, quen cảnh đói nghèo. Sau này Mã Công giết người báo thù, để tránh họa, bèn đưa con gái gửi ở nhà Quách Tử Hưng. Về sau Quách Tử Hưng nghe nói Mã Công chết ở nơi đất khách quê người mới nhận Mã thị làm con nuôi, hết lòng nuôi dạy. May mắn người con gái này rất thông minh, Quách Tử Hưng thì dạy chữ, Lưu thị dạy kim chỉ vá may, Mã thị học hành rất sáng dạ. Đến khi tuổi mười sáu Mã thị đã duyên dáng lại am hiểu văn chương, tinh thông lý lẽ, cần cù hiền hậu. Thật là vừa thông minh vừa xinh đẹp. Mã Thị sớm đã biết tiếng tăm Chu Nguyên Chương, Chu Nguyên

Chương cũng biết Mã thị là con nuôi của Quách Tử Hưng, hai người đã hâm mộ nhau, sau khi kết hôn càng tâm đầu ý hợp.

Làm rể Quách Tử Hưng, Chu Nguyên Chương như buồm được gió, chẳng bao lâu đã được thăng làm trấn phủ lại thêm có chiến công lừng lẫy, được mọi người tôn xưng là Chu Công Tử. Bản thân Quách Tử Hưng không nghĩ nhiều đến chuyện uy thế của Chu Nguyên Chương ngày càng cao, nhưng hai con trai của ông đã sinh lòng ghen ghét, lại thêm Chu Nguyên Chương thân thiết xưng anh gọi em với họ, cả hai lại cùng bất mãn. Thế là hai anh em ngầm tính mưu kế để trừ bỏ Chu Nguyên Chương.

Tục ngữ có câu: "Sợ bất gián thân" hai anh em bịa ra những lời nói láo, nhiều lần trước mặt Quách Tử Hưng, gièm pha Chu Nguyên Chương. Mới đầu Quách Tử Hưng không nghe, nhưng nói mãi thì cũng không khỏi nghi hoặc. Nhất là tính cách của Quách Tử Hưng không rộng lượng, có phần khắc nghiệt, gặp việc không thể làm rõ, dễ tin người nói, cho nên cũng sợ Chu Nguyên Chương lộng quyền, sau này có hại cho mình. Lúc này, Chu Nguyên Chương hầu như không biết Quách Tử Hưng có ý nghi ngờ, trong hội nghị quận sự phát ngôn ít thận trọng không tránh khỏi có chỗ va chạm với Quách Tử Hưng. Quách Tử Hưng nổi giận tìm cơ bắt giam. Hai con Quách Tử Hưng nghe được tin, cảm thấy cơ hội giết hại Chu Nguyên Chương đã tới, liền lên lút dọn đồ phu mang cơm, không đưa cơm để Chu Nguyên Chương chết đói.

Chu Nguyên Chương không về nhà, Mã thị biết được chuyện đó. Nàng lên lút chạy vào bếp lấy cái bánh nóng vừa chín tới để mang cho Chu Nguyên Chương ăn, nào ngờ vừa ra khỏi cửa gặp phải mẹ nuôi. Sở mẹ nhìn thấy, nàng vội vàng cho cái bánh nóng vào trong ngực áo. Mã thị miệng chào hỏi mẹ nuôi, mắt thì nhìn chỗ khác, nét mặt có vẻ không tự nhiên. Mẹ nuôi nhìn thấy tinh thần con gái khác thường, cứ căn vặn dò hỏi ngọn ngành, sau đó không chịu nổi bồng rất bèn phục xuống khóc to và nói rõ nguyên do. Đợi lấy được bánh ra nhìn thì vú đã bị bồng rộp lên. Mẹ nuôi hiểu rõ tình hình liền vội khuyên can Quách Tử Hưng. Quách Tử Hưng cũng cảm thấy giam giữ Chu Nguyên Chương là quá đáng, thêm vào đó lý lẽ do hai đứa con viện ra để hãm hại Chu Nguyên Chương không được thỏa đáng, thế là cho thả Chu Nguyên Chương ra, rồi răn dạy hai con. Chu Nguyên Chương biết được Mã thị rán bánh mà bồng ngực lại càng cảm động, nhất là nhờ có Mã thị mà mẹ nuôi khuyên được Quách Tử Hưng tha thứ và phục chức cho mình. Chu Nguyên Chương càng cảm thấy tài đức của Mã thị thật đáng khâm phục.

Năm 1353 trước công nguyên, Quách Tử Hưng bị hai tướng Thụ Bình Đại, Triệu Quân Dung chèn ép, phải ra đóng giữ ở Trù Châu (huyện Trù tỉnh An Huy Trung Quốc). Triệu Quân Dung một mực tìm cách hại Quách Tử Hưng, Chu Nguyên Chương phải dùng kế hối lộ các trợ thủ của Triệu Quân Dung. Tiếp đến khi Quách Tử Hưng đến Trù Châu, Chu Nguyên Chương cùng những người khác suy tôn Quách

Tử Hưng làm Trù Dương vương. Quân lính của đại phương đến quy về Chu Nguyên Chương quản lí. Nhưng chỉ qua một tháng Quách Tử Hưng dần dần lãnh đạm với Chu Nguyên Chương, nhưng người xung quanh cũng bị Quách Tử Hưng dần dà thu dùng, ngay cả người ghi chép nhà ở Lý Thiện Trường cũng được đề bạt, duy chỉ một mình Chu Nguyên Chương không được cân nhắc. Chu Nguyên Chương cảm thấy nghi ngờ khó hiểu, rất lo buồn uất ức. Một hôm, Mã thị hỏi Chu Nguyên Chương:

- Gần đây chàng luôn sầu muộn không vui, phải chăng vì cha nuôi thiếp bạc đãi chàng?

Chu Nguyên Chương buồn bực nói:

- Nàng đã biết rồi sao không nghĩ cách giúp ta?

Thế là Mã thị hỏi chồng có phải là đã biết nguyên do Quách Tử Hưng bạc đãi không. Chu Nguyên Chương nói:

- Trước đây cha nghi ngờ ta chuyên quyền, ta tự nguyện từ bỏ binh quyền, nay lại hoài nghi là gặp việc thì đùn đẩy trách nhiệm: ta lại lên trước giết giặc. Cứ như vậy cũng không vừa ý, ta biết làm sao đây, lẽ nào lại có thù với ta".

Mã thị nói:

- Tuyệt nhiên không có thù với chàng. Gần đây mỗi lần chàng đánh thắng trận, đánh thắng trở về có vàng và lụa biếu cha không?

Chu Nguyên Chương nói:

- Người khác đem quân đánh giặc chỉ cốt cướp đoạt của cải, họ mang về phần lớn đều đem dâng Quách Nguyên soái. Ta đem quân đánh giặc, nghiêm cấm cướp bóc, lấy gì mà biểu. Nếu có một số chiến lợi phẩm cũng phải chia cho quân sĩ.

Mã thị nói:

- Cho nên cha nghi chàng chiếm riêng của cải. Thiếp đã chuẩn bị cho chàng, của dành dụm nhiều năm nay của thiếp: chàng mang những thứ đó đem biểu cha nuôi của thiếp xem có tác dụng không.

Chu Nguyên Chương nghe xong rất cảm động và làm theo lời dặn dò của Mã thị, đem biểu vàng lụa của Mã thị. Quả nhiên thái độ của Quách Tử Hưng lập tức chuyển biến, không nghi ngờ Chu Nguyên Chương không tôn kính mình nữa.

Ít lâu sau, hai con của Quách Tử Hưng mời Chu Nguyên Chương đi uống rượu, Mã thị dặn dò Chu Nguyên Chương:

- Hai người này năm lần bảy lượt muốn hại chàng, lần này cũng không phải có lòng tốt, chàng nhất định không uống rượu của họ.

Được Mã thị nhắc nhở, Chu Nguyên Chương liền nghĩ ra một kế. Đợi đến lúc ba người cùng đi đến nửa đường, Chu Nguyên Chương đột ngột nhảy xuống ngựa, ngược lên trời làm rầm khăn vải tựa như trông thấy cái gì đó. Một lát sau

nhảy lên ngựa, phi ngựa trở lại đuổi theo sau anh em họ Quách mà gọi. Chu Nguyên Chương trách:

- Tôi không phụ các anh, hà cớ gì các anh tìm cách hại tôi. Như hôm nay thần thánh bảo tôi, người của các anh cho thuốc độc vào rượu hại tôi, thần thánh ra lệnh cho tôi về.

Anh em họ Quách nghe xong khiếp sợ, lung đăm mồ hôi, thì thầm với nhau:

- Bỏ thuốc độc vào rượu, hai anh em ta chưa nói với ai cả, làm sao anh ta biết được? Chẳng lẽ có thần thánh giúp anh ta hay sao?

Từ đó hai người không dám hãm hại Chu Nguyên Chương nữa, và trước mặt Quách Tử Hưng cũng không nói đến công tội của Chu Nguyên Chương.

Sau này Quách Tử Hưng chết bệnh, Chu Nguyên Chương dần dà thành chủ soái. Mã thị thành một tham mưu quan trọng của Chu Nguyên Chương. Mỗi lần Chu Nguyên Chương xuất quân đánh trận, sổ sách giấy tờ trong quân đều giao cho Mã thị phụ trách ghi chép. Mã thị nhân từ, có năng lực bày mưu tính kế, xem xét phân định, yêu thích văn chương sử sách. Chu Nguyên Chương mỗi lần đi đánh giặc ở xa, các loại văn thư đều giao Mã thị quản lý, ngay cả trong lúc vội vã, gấp rút, Mã Thị không hề quên ghi chép hoặc bỏ qua. Năm 1355, Chu Nguyên Chương xuất quân từ Hòa Dương qua sông đánh Thái Bình, Hòa Dương trống không, Mã thị dự đoán lính Nguyên sẽ đến cướp bóc gia đình binh lính, không cần phải

xin ý kiến của trên, dẫn gia đình quân sĩ vượt sông. Quả đúng như dự đoán, đội ngũ của Mã thị mới vượt sông xong thì tuân Nguyên đã đánh Hòa Dương. Năm 1360, Chu Nguyên Chương giáp chiến với Trần Hữu Lượng ở Nam Kinh, Trần Hữu Lượng thế mạnh hơn Chu Nguyên Chương nhiều, tinh thần mọi người trong thành hoang mang, đã có người đào hố chôn giấu vàng bạc. Mã thị lại đem vàng và lụa của riêng mình ra khích lệ tướng sĩ, kích động ý chí quân sĩ, kết quả Chu Nguyên Chương đại thắng, tiêu diệt Trần Hữu Lượng, dựng nên chính quyền Đại Minh. Năm 1367 Chu Nguyên Chương lại đánh phá Tô Châu, bắt Trương Sĩ Thành làm tù binh. Thế là sau khi quét sạch những người hùng cát cứ các nơi, năm 1368 Chu Nguyên Chương đã thành Hoàng Đế mở nước rất sáng suốt. Mã thị được phong làm hoàng hậu.

Mã hoàng hậu đã cùng theo Chu Nguyên Chương đánh Nam dẹp Bắc, trải qua nhiều gian nan nguy hiểm, không những thường tham dự vào quân sự, mà còn dẫn dắt phụ nữ may quần áo cho binh sĩ trong lúc nhàn rỗi, có thể nói dốc hết tâm sức, vất vả gian lao lập công cao, đáng được coi là "hoàng hậu mở nước, vất vả gian lao lập công cao. Một người phụ nữ như vậy thực là đáng quý, nhưng còn đáng quý hơn nữa là những biểu hiện của bà sau khi đã dựng được nước.

Sau khi Mã thị trở thành Hoàng hậu, Chu Nguyên Chương nặng tình nói:

- Trẫm từ áo vải mà lên Hoàng đế, ngoài dựa công thần, trong nhờ vợ hiền. Nàng vì trẫm mà quản lý giấy tờ sách vở, vì

trầm mà đi theo quân, cũng vì trầm mà khâu áo may giầy cho quân sĩ, gian khổ vô vàn không sao kể xiết. Người xưa nói nhà phải có người vợ đảm, cũng như nước phải có tướng hiền. Nay được người có tài đức như hậu, trầm càng tin lời xưa không sai chút nào.

Mã thị lại nói:

- Thiếp nghe nói vợ chồng sẽ giữ gìn, quân thân khó giữ trọn; bệ hạ không quên thiếp cùng chịu cảnh nghèo hèn, xin đừng quên quân thân cùng gian khổ.

Lời nói của Mã hoàng hậu nghĩa nặng tình sâu lại hợp đạo lý đường thời.

Chu Nguyên Chương đã coi rằng Mã hoàng hậu có thể sánh ngang với hoàng hậu Trường Tôn đời Đường, nhưng Mã hoàng hậu khiêm nhường từ chối không dám nhận. Chu Nguyên Chương tìm lại họ hàng xưa của Mã thị và mời vào triều để ban tước lộc. Mã hoàng hậu vẫn từ tạ:

- Trước lộc chỉ để đãi người hiền tài, không thể cho riêng họ ngoại. Thiếp xin bệ hạ thận trọng giữ gìn thanh danh chỗ nặng ơn riêng.

Nhưng để tỏ rõ tình cảm kính phục đối với Mã hoàng hậu Chu Nguyên Chương vẫn truy phong cho cha mẹ của bà và lập miếu thờ cúng quanh năm. Những lời nói ít có trong lịch sử mấy nghìn năm của Trung Quốc của Mã hoàng hậu không những khiến cho Chu Nguyên Chương càng thêm cảm động, mà còn khiến cho người đời cảm phục.

Cái quy luật "Thỏ chết, chó săn bị nấu; chim hết, cung tên xếp xó, diệt xong địch, mưu thần vong", biểu hiện rất rõ trong triều đại Chu Nguyên Chương. Về mặt can gián, bảo vệ công thần, thì cách là của Mã hoàng hậu có thể nói từ xưa chưa có. Lúc mới lập nước, Triều Minh định đô ở Nam Kinh nhưng thành lũy Nam kinh không hoàn chỉnh và vững chắc. Chu Nguyên Chương chuẩn bị xây dựng lại nhưng kho của nhà nước thiếu vàng, bạc. Chu Nguyên Chương cho quyền góp trong dân. Trần Tú người Ngô Hưng là một phú thương tại một thị trấn nhỏ ở Giang Nam, về tiền của có dùng chữ "giàu ngang cả nước" cũng không quá lời. Ông ta là người tinh nhanh sáng suốt không ai sánh nổi, nhưng ông lại phạm phải hai sai lầm lớn: một là ông tự động quyền góp để xin xây một nửa thành, hai là nửa thành ấy lại được xây xong trước nửa kia ba ngày. Chu Nguyên Chương vốn không vừa ý với việc Trần Tú chủ động xin xây nửa thành, vì một nhà buôn mà lại sánh với hoàng đế, lại còn dùng tiền của để xây thành lũy, há không phải là Trần Tú tự mình lập bia kỉ niệm để hạ thấp uy phong của hoàng đế hay sao? Lại còn xong trước hoàng đế ba ngày, thế tức là để áp đảo hoàng thượng, mắc tội khi quân! Chu Nguyên Chương tính tình đố kị làm sao chịu nổi, liền lấy cớ Trần Tú đào loạn mạch núi bắt giam vào ngục, chuẩn bị giết chết. Mã hoàng hậu biết được chuyện này, vội vào can gián, Chu Nguyên Chương nói:

- Dân giàu hơn nước là điều không tốt lành.

Mã hoàng hậu đối lại:

- Quốc gia lập pháp để giết kẻ phạm pháp, chứ không hại kẻ gây ra điều xấu. Trần Tú tuy giàu hơn nước nhưng không phạm pháp, vì sao lại xử ông ta chết?

Chu Nguyên Chương đuối lý, đành phải hạ lệnh đày Trần Tú đi Vân Nam, cuối cùng Trần Tú chết ở nơi bị đày. Từ đó người giàu ở Giang Nam được một bài học, lại càng phải mai danh ẩn tích.

Trong những năm đầu triều Minh, vụ án tể tướng Hồ Duy Dung mưu phản là vụ án mưu phản lớn nhất trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Ít có vụ nào với số người liên lụy nhiều đến như vậy. Đại học sĩ triều Hồng Vũ, thầy học của thái tử Chu Tiên là Tống Liêm vì tuổi đã cao, sớm về ở ẩn nơi rừng núi cách kinh đô ngàn dặm, cháu của ông là Tống Thân biết Hồ Duy Dung mưu phản mà chưa kịp báo nên Tống Liêm cũng bị liên lụy và bị bắt về kinh thành. Mã hoàng hậu nghe tin chạy đến nói với Chu Nguyên Chương:

- Nghe nói Hoàng thượng định giết Tống học sĩ, không hiểu vì duyên cớ gì.

Chu Nguyên Chương đáp:

- Cháu trưởng của Tống Liêm là Tống Thận biết sự việc không báo cũng thông đồng mưu phản, thuộc tội lớn phản nghịch, theo luật mà xét thì phải diệt chín họ!

Mã hoàng hậu lấy tình mà xin:

- Tổng học sĩ đã về nhàn cư ở Phố Giang đã sớm không hỏi đến chính trị ở xa kinh thành ngàn dặm, căn bản không biết cháu mình làm chuyện mưu phản sao có thể xử tội chết?

Chu Nguyên Chương căm giận tội mưu phản đến tận xương nên không nghe lời khuyên can của hoàng hậu, phẩy tay áo mà đi. Đến lúc ăn cơm tối chỉ thấy hoàng hậu nước mắt chảy ròng ròng, Chu Nguyên Chương kinh ngạc hỏi nguyên do. Mã hoàng hậu nói:

- Tổng họa sĩ đi theo Hoàng thượng đã hơn bốn mươi năm, đạo cao đức trọng, bốn biển ngưỡng mộ, lòng dạ thẳng ngay, thấy rõ tâm can, vào sống ra chết, công lao rõ ràng; nay đã quá tuổi xưa nay hiếm, còn bị tội xử chém, thiếp tuy được hưởng sơn hào hải vị nhưng sao còn thấy ngon?

Chu Nguyên Chương ngẫm thấy động lòng, liền miễn tội tử hình cho Tống Liêm và cải tội thành đầy đi ở Mậu Châu.

Đối với con cháu, Mã hoàng hậu cũng dạy dỗ rất nghiêm khắc, bà rất sợ họ vì giàu sang quyền quý mà lãng quên những ngày hàn vi. Con út Chu thị rất được Mã hoàng hậu và Chu Nguyên Chương yêu quý, lớn lên được phong là Chu vương. Mã hoàng hậu sợ khi xa nhà sẽ hư thân, đặc phái Giang Quý phi đi theo để giám sát, bà đưa cho Giang Quý phi, một cái áo vải và một cái gậy rồi dặn:

Nếu Chu vương có gì không đúng thì đưa cho Chu vương mặc áo này rồi bắt chịu đòn. Chiếc áo vải để cho Chu vương khỏi quên Thái Tổ xuất thân lao khổ, còn gậy để Chu vương

khỏi quên hình luật. Nếu không kịp thời sửa chữa thì về báo ngay cho ta.

Quả nhiên sau khi đến đất Phong, Chu vương cũng muốn sinh hoạt phóng túng, nhưng Giang Quý phi giám sát chặt chẽ, cuối cùng Chu vương vẫn giữ được như xưa.

Mã hoàng hậu xuất thân nghèo khổ, luôn luôn không quên thuở hàn vi, tuy là hoàng hậu cao quý nhưng vẫn sống tần tiện chất phác. Bình thường, trong cách ăn mặc, bà không chú trọng về màu sắc hay mặc hàng tơ lụa dệt; quần áo cũ rách cũng không bỏ đi một thứ gì, đều đem vá sửa dùng lại. Nhưng bà không hề hà tiện, mà rất rộng rãi trong nhiều việc, ở nhiều nơi. Một lần Chu Nguyên Chương đi thăm Thái học, Mã hoàng hậu nghe nói, thái học sinh đông mấy ngàn người, liền hỏi về đời sống của họ, khi bà biết được thái học sinh do nhà nước cung cấp ăn uống, liền nói: "Thái học sinh trung tránh được đói rét nhưng gia đình họ chưa chắc được bảo đảm về đời sống, hy vọng có thể giúp đỡ những gia đình nghèo khổ của thái học sinh, làm cho cha mẹ, vợ con họ không bị đói, bị rét". Bà còn đặc biệt kiến nghị lập kho "Hồng bản" tích trữ của cải để tặng gia đình các sinh viên, bảo vệ cho thái học sinh không phải lo lắng về gia đình mà yên tâm học tập.

Mã hoàng hậu ở ngôi hoàng hậu mười lăm năm, năm 1382 (năm Hồng Vũ thứ 15) mắc bệnh nặng, chữa trị vô hiệu quần thần lũ lượt đi tìm các danh y, đốc thúc các quan thầy thuốc, Mã hoàng hậu còn rất bình tĩnh nói với Chu Nguyên Chương: "Sống chết có số, cầu khẩn, cúng có ích gì? Trên đời có thầy

thuốc giới cũng không thể đổi chết thành sống được. Nếu như dùng thuốc vô hiệu, tội rơi vào tay thuốc, thiếp càng thêm tội".

Thái độ bình tĩnh và khoan thai ấy khiến cho Chu Nguyên Chương và quần thần đều cảm động. Chu Nguyên Chương hỏi bà có điều gì trần trối lại, Mã hoàng hậu nói:

- Thiếp và bệ hạ từ áo vải mà nên, nhờ thánh ân của bệ hạ được làm quốc mẫu, chí nguyện đã thỏa, còn điều gì để nói! Sau khi thiếp mất chỉ mong bệ hạ kết thân với người hiền, tiếp thu những lời can gián, như vậy là đủ.

Nói xong thì mất, năm ấy bà năm mươi một tuổi. Lời nói ấy của Mã hoàng hậu tuy không phải là di chúc mà lại như một di chúc, rất mộc mạc, chân thực, lại rất sâu sắc. Từ Chu Nguyên Chương đến quần thần, dân trăm họ nghe tin Mã hoàng hậu mất không ai cầm được nước mắt.

Tháng 9 năm thứ 15 Hồng Vũ, Mã hoàng hậu được mai táng ở Hiếu Lăng, lúc hạ huyệt trời nổi mưa to gió lớn, Chu Nguyên cho rằng đó là điều chẳng lành, càng rầu rĩ phiền muộn. Tông Lặc nhà sư làm lễ mai táng đã đọc lời viếng:

*Mưa rơi trời buông lệ, sấm rền đất đưa tang,
Tây phương các phật tử, cùng theo Mã Như Lai.*

Sau khi Mã hoàng hậu mất, trong cung có nhiều ca dao tường nhớ bà, trong đó có câu:

*Hậu của tôi từ bi như thánh
Dạy dỗ tôi ân đức cao dày.
Ngàn năm ân đức còn ghi nhớ,
Mong bà cực lạc cõi trời tây.*

Hoàng đế thường bạo tàn bạo, hậu cung hay rối loạn, điều này đích thực là hiện tượng mang tính quy luật trong lịch sử Trung Quốc, đặc biệt là hậu cung, hoàng hậu cung phi càng loạn. Mã hoàng hậu chính là một tấm gương đặc biệt rất nổi bật.

Mã hoàng hậu đã có thể phò tá Chu Nguyên Chương, giành thiên hạ lại có thể giúp Chu Nguyên Chương trị thiên hạ, thủy chung như vậy thực là đáng quý hiếm có; nghèo hèn không nản chí, phú quý không kiêu căng, tiêu chuẩn làm người theo truyền thống của Trung Quốc đã thể hiện rõ ở con người Mã hoàng hậu, đến nỗi đại hòa thượng phải tụng bà là "Mã Như Lai" cứu khổ cứu nạn, tuy hơi quá nhưng thực không phải có không có lý.

Cho đến nay, người thời nay không biết có hổ thẹn với người xưa hay không. Người dân ông thì thờ việc ngoại đời, người dân bà lo việc trong nhà, cũng như Lưu hoàng hậu và Trang Tông đời Hậu Đường. Nhưng chỉ mong rằng một khi người dân ông mất quyền, người dân bà cũng ít nhiều nhớ đến tình cũ, đừng như Lưu hoàng hậu đối đãi với Trang Tông đời Hậu Đường, như thế cũng đã đủ vậy!

46. TỀ TƯỚNG KHAI QUỐC KHÔNG GIỮ THỦY CHUNG

Trong lịch sử có nhiều điều trùng lặp. Lịch sử cổ đại Trung Quốc ba bốn ngàn năm, ba mươi tư triều vua danh tính khác nhau với muôn vàn đế vương thần tướng, quần thần văn võ, thánh hiền gian ác, tài tử giai nhân. Thoạt nhìn ta thấy thật giống như xem kính vạn hoa, tự nó biến hóa. một cách khó hiểu khó, mà biết được nguyên nhân. Thực ra, nếu có thể tĩnh tâm lại, tỉ mỉ xem xét thì không phải không nhìn thấy có đường có lối trong đó. Trong bối cảnh lịch sử rối ren và phức tạp này tuy kẻ tranh người cướp, vật đổi sao dời, nhưng có nhiều điều không hề thay đổi chỉ khác nhau đôi chút giữa các thời kì mà thôi.

Thay đổi triều đại được coi là sự việc lớn trong lịch sử cổ đại. Ta hãy xem các thí dụ về vấn đề đó. Hầu như mỗi một lần thay đổi triều đại đều liên quan tới một cuộc chiến tranh. Ít khi xảy ra những sự việc như Triệu Khuông Dận làm binh biến để thay Hậu Chu lập Đại Tống, mà nói chung đều có đổ máu, tình huống "quá độ hòa bình" không mấy khi diễn ra.

Hơn nữa, sau những trận đổ máu, thường thường người khởi sự thì thất bại, người sau kế thừa thì thành công. Như Trần Thắng, Ngô Quảng phát cò khởi nghĩa, nhưng người sau là Lưu Bang, Hạng Vũ diệt Tần thành công; giặc cướp, quân khởi nghĩa Xích My không diệt được Tây Hán nhưng cường hào địa chủ Lưu Tú nổi lên sau lại diệt được nghĩa quân tự xưng là kế tục truyền thống nhà Hán. Lập nên triều Đông Hán. Đông Hán bị diệt vong cũng tương tự Đông Hán. Cuộc khởi nghĩa khăn vàng không thành công, ngược lại trấn áp khăn vàng là Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền chia ba thiên hạ, rồi chính quyền Tào Ngụy lại diệt Đông Hán. Trong cuộc khởi nghĩa chống Tùy, nghĩa quân của Lý Mật, Đậu Kiến Đức, Đỗ Phục Uy không thành công, mà trong tập đoàn quý tộc Quan Lũng, chính quyền Lý Đường, một mặt trấn áp nghĩa quân một mặt thay nhà Tùy lập triều Đường. Thành Cát Tư Hãn tuy anh tài và vũ dũng thật nhưng phải đến cháu là Hốt Tất Liệt mới thực sự là hoàng đế lập ra triều Nguyên; khởi sự chống Nguyên sớm nhất là Hàn Sơn Đồng, Lưu Phúc Thông và Quách Tử Hưng nhưng đều không thành công, phải đến bộ tướng của Quách Tử Hưng là Chu Nguyên Chương diệt triều Nguyên, quét quân khởi nghĩa lập ra Đại Minh; triều Thanh lập nên cũng tương tự như triều Minh, Nurkachi không dựng nên cơ nghiệp mà chỉ là người xây móng cho triều Thanh, con là Hoàng Thái Cực mới là người thân chính dựng nên triều Thanh.

Vương triều lớn thì như thế, vương triều nhỏ cũng tương tự. Xem ra thì "người trước trồng cây, người sau hưởng mát" rốt cuộc cũng là "qui luật lịch sử" của việc thay đổi triều đại. Vì sao như vậy? Vấn đề ở chỗ người đi trước hy sinh để đặt nền móng cho người đi sau. Nền móng này bao gồm ba mặt, một là đánh vào vương triều cũ khiến nó lung lay tận gốc; hai là tạo cho người sau kinh nghiệm cũng như lực lượng quân sự mạnh hơn; ba là chọn lọc được người giỏi và dân dانا bồi dưỡng họ thành những nhà chính trị thuần thực. Người làm trước thường chỉ thể hiện cái dũng khí, chỉ có cái sức xông xáo liều mình của dũng sĩ, liệt sĩ mà không có cái tố chất của nhà chính trị. Vì thế, người làm trước thì cái công không thể mất, nhưng cũng chỉ làm "viên đá rải đường" cho người sau mà thôi.

Bên cạnh những điều tương đồng trong việc lập nước, một điều đặc biệt nữa là có những điểm tương đồng giữa các quan văn, quan võ của các hoàng đế lập nước. Ở đây chỉ nêu trường hợp các quan văn của ba triều đại Tây Hán, Đường, Minh. Lưu Bang của Tây Hán có Tiêu Hà, Trương Lương; Lý Thế Dân của Triều Đường có Phùng Huyền Linh, Đỗ Như Hối; Chu Nguyên Chương của triều Minh thì có Lý Thiện Trường và Lưu Cơ.

Ba triều đại này đều dùng phương thức chiến tranh quy mô lớn để giành lấy chính quyền, lại cùng có ảnh hưởng rất to lớn trong lịch sử Trung Quốc, đều là những triều đại trọng yếu nhất, do đó đều có những đặc trưng rõ rệt. Khi so sánh những

quan văn này ta có thể thấy rằng đối với các hoàng đế lập nước của nhiều triều đại, nhu cầu về nhân tài cũng gần giống nhau.

Tiêu Hà là công thần lập nước của Tây Hán, cũng là danh tướng thời kì đầu nhà Hán. Tiêu Hà đã từng bạn hoạn nạn nghèo túng có nhau với Lưu Bang. Lúc Lưu Bang làm đình trưởng ở Tú Thủy, Tiêu Hà làm chủ lại ở huyện Bái. Vì chức của Tiêu Hà cao hơn Lưu Bang, nên Tiêu Hà thường rất quan tâm đến Lưu Bang. Sau này Lưu Bang phải áp giải phu đi xây Trường thành ở phương bắc. Dọc đường phu bỏ trốn, Lưu Bang không thể giao sai số phu, bèn thả hết phu rồi cùng với số người tự nguyện ở lại chạy đến núi Mang Đăng làm giặc. Ít lâu sau quân khởi nghĩa của Trần Thắng, Ngô Quảng uy hiếp đến huyện Bái, huyện lệnh, huyện Bái sợ vô thành bị giết, Tiêu Hà bày cho huyện lệnh là triệu hồi Lưu Bang để ông ta tập hợp quân chúng giữ thành. Huyện lệnh mới đầu đồng ý nhưng đến lúc Lưu Bang về thì lại hối bèn tìm cách hại Tiêu Hà. Tiêu Hà vội chạy trốn ra ngoài thành cùng với Lưu Bang đánh chiếm huyện thành, giết huyện lệnh, tôn Lưu Bang làm Bái công.

Tiêu Hà là người tác thành chủ yếu, đồng thời là người vạch sách lược, cho Lưu Bang khởi binh, từ đấy ông một lòng một dạ phò tá Lưu Bang. Công lao chủ yếu của ông biểu hiện trên hai mặt: Một là vạch ra kế hoạch thu phục thiên hạ, hai là lo việc hậu cần. Tiêu Hà đến đâu cũng rất chú trọng thu thập các pháp lệnh chế độ cùng các sách vở, văn hiến, không

như những người khác chỉ mau lo cướp đoạt của cải. Sau khi Lưu Bang đánh chiếm Lạc Dương, Tiêu Hà giúp Lưu Bang định ra các pháp lệnh chế độ, hoàn thiện cho Lưu Bang "Ba chương ước pháp" ổn định dân Hán Trung. Đến khi Hạng Võ phong chia cho Lưu Bang làm vua Hán Trung. Tiêu Hà lại khuyên Lưu Bang phải kiên nhẫn chịu đựng, giấu mình tập trung thế lực, đợi đến khi cơ hội thật chín muồi thì quyết đấu với Hạng Võ, không thể vì bị tức giận vì việc nghĩa nhất thời mà tự tìm đường chết. Được Tiêu Hà khuyên can cuối cùng Lưu Bang yên tâm ở Hán Trung, chỉnh đốn quân đội và trang bị, chuẩn bị tốt cho việc tiêu diệt Hạng Võ.

Trong bốn năm Hán Sở tranh hùng Tiêu Hà cũng có hai cống hiến lớn: một là tiến cử được đại tướng Hàn Tín; hai là bảo đảm việc cung ứng hậu cần cho quân Hán. Khi Lưu Bang ở Hán Trung, tướng sĩ muốn trở về, nên người chạy sang phía đông rất nhiều, Tiêu Hà không đuổi theo các tướng lĩnh khác, mà cố ý "đuổi Hàn Tín dưới trăng", còn khuyên Lưu Bang xây lễ đài, phong Hàn Tín làm đại tướng, chung thủy với Lưu Bang thu được thiên hạ lập nên công lớn, Lưu Bang giao tranh quyết liệt với Hạng Võ ở phía đông, Tiêu Hà ổn định dân tình ở Hán Trung, công bố pháp lệnh, không ngừng vận chuyển lương thực cho tiền tuyến, đưa việc quân nhu vào nề nếp. Có thể nói nếu không có sự đảm bảo hậu cần của Tiêu Hà thì Lưu Bang không có cách nào đánh bại được Hạng Võ.

Sau khi Lưu Bang dựng nước, Tiêu Hà làm tướng quốc trong những năm đầu đầy rẫy chém giết của Tây Hán, Tiêu

Hà không chỉ bảo vệ được thủ lĩnh mà còn giết ông tạo dựng uy tín. Tiêu Hà đã thực hiện ba sách lược; một là không đòi phong thưởng, hai là giúp đỡ Lưu Bang, Lã hậu; việc nước, việc quân không trái ý trên. Để đạt được sự tin cậy của Lưu Bang, thậm chí Tiêu Hà còn cho con cháu làm thế chấp; ba là tìm cách tự hạ mình khiến Lưu Bang coi thường tài năng và ý chí của Tiêu Hà. Như vậy Tiêu Hà có thể chết già trong nhà mình, giới mở đầu tài kết thúc.

Lưu Bang gọi Tiêu Hà là "nhân kiệt" trong việc giữ nước chăm dân cung cấp hậu cần, nói ra không hết. Một quan văn trọng yếu khác, là Trương Lương được Lưu Bang đánh giá là "trù tính ở trong lầu mà quyết thắng ngoài ngàn dặm".

Trương Lương nguyên là quý tộc nước Hàn, Trương Lương và Lục Sĩ từng cùng nhau hành thích Tần Thủy Hoàng ở Bắc Lăng sa, có thể nói là đã có chí hướng chống Tần từ nhỏ. Tự mình đã kéo được một đội ngũ nhỏ vài trăm người, sau quy phục Lưu Bang, lại cùng Lưu Bang quy phục Hạng Lương, cuối cùng mới chọn Lưu Bang. Trương Lương mặt mũi xinh đẹp hơi giống phụ nữ nhưng lại có đầu óc thao lược, can đảm hiểu biết có đủ, có những cống hiến kiệt xuất cho các thắng lợi quân sự của Lưu Bang, cũng là nhà quân sự nổi tiếng Trung Quốc cổ đại.

Trong bữa tiệc ở Hồng Môn, Trương Lương đã quả đoán che chở cho Lưu Bang thoát thân. Trước khả năng Hạng Vô dùng vũ lực đánh Lưu Bang, Trương Lương đã dùng nhiều kế

sách làm cho các mâu thuẫn giữ Hạng và Lưu ngả theo hướng hòa hoãn, bảo toàn được Lưu Bang. Trong thời kì đầu cuộc giao tranh Hán - Sở, Lưu Bang chỉ huy không thích hợp, đã thất bại thảm hại trong chiếc dịch Bành Thành. Trong giờ phút then chốt này, Trương Lương đã đề ra cho Lưu Bang phương châm chính xác, điều động đầy đủ sức mạnh Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố, mở rộng mặt trận thống nhất. Lưu Bang nghe theo kiến nghị của Hàn Tín làm cho cục thế giao tranh Hán Sở có được chuyển biến, Lưu Bang dần ngả sang thế chủ động.

Năm 204 trước Công nguyên, Lưu Bang cố thủ Vinh Dương để đợi cứu viện, hình thế nguy ngập, Lê Thực Ki đề xuất việc phong đất cho con cháu của sáu nước để giải nguy cho Vinh Dương. Trương Lương ra sức ngăn cản, chỉ rõ rằng việc đó sẽ làm cho tinh thần quân sĩ tan rã, vì vậy đã tránh cho quân Hán một tai nạn. Năm 203 trước công nguyên, Hàn Tín phá Tề, muốn Lưu Bang phong cho mình làm giả vương ở Tề, Lưu Bang nổi giận, nhưng Trương Lương khuyên Lưu Bang phong Hàn Tín làm Tề vương, để giữ vững Hàn Tín, cũng là để giữ chắc ưu thế của quân Hán. Cuối cùng Hạng Võ thấy không đánh được Lưu Bang liền đưa ra việc lấy Hồng Cân của Bành thành làm mồi, phía đông là của Sở, phía tây thuộc Hán, Lưu Bang do dự không định vì Trương Lương kiên quyết phản đối thỏa hiệp, chủ trương thừa thắng truy kích, đánh trận tiêu diệt Hạng Võ. Sau khi lập nước Trương Lương lại kiến nghị Lưu Bang phong đất rộng rãi để các chủ

tướng khỏi bất mãn, tự lập lại làm phân rồi lại phân tích các cơ sở chính trị, kinh tế, địa lí và các mặt khác, chủ trương định đô ở Trường An.

Đặc biệt sau này, khi công việc đã hoàn thành Trương Lương mượn cớ ốm để ở nhà chuyên tâm nghiên cứu về các trước tác quân sự của Trung Quốc cổ đại, đến năm 186 trước công nguyên ông chết bệnh tại Trường An. Trương Lương một đời long đong lận đận mà cuối cùng chỉ uốn ba tấc lưỡi không xương, làm tướng cho đế vương mà vạch mưu sách, có quan hệ đến thành bại của chiến sự hoặc là trị loạn trong nước, có thể coi là bậc lương thần hiếm có. Đặc biệt là có thể dám lùi trước dòng nước chảy xiết, không màng đến công danh lợi lộc, càng không phải dễ.

Đường Cao tổ Lý Uyên tuy làm hoàng đế trước con mình là Đường Thái Tông Lý Thế Dân nhưng nếu so công lập nước thì kém xa Lý Thế Dân, không những về mặt đánh nam dẹp bắc, văn thao vũ lược không sánh được với con mà ngay cả lúc đầu khởi sự cũng là do sự thúc ép của Lý Thế Dân và các người khác. Cho nên, nói chung người người đều đặt Lý Thế Dân ngang với Lý Uyên là đế vương lập nước. Sau khi Thái Tông chấp chính có ba vị quan văn nổi tiếng là Ngụy Trưng, Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối. Trong đó Ngụy Trưng là người đến quy thuận tại Mạc Phủ sau khi Lý Thế Dân giết chết thái tử Lý Kiến Thành, Phòng, Đỗ hai người theo Lý Thế Dân từ đầu đến cuối.

Lúc bấy giờ đã có câu nói: "Phòng mưu Đỗ đoán" nghĩa là Phòng Huyền Linh giỏi vạch mưu lược, còn Đỗ Như Hối có tài quyết đoán. Có thể thấy ảnh hưởng của họ rất lớn, thời bấy giờ Phòng Huyền Linh xuất thân từ gia đình học giả thế tộc, từ nhỏ đã tai nghe mắt thấy nhiều sự trên đời, học thức uyên bác mà lại trên kính dưới nhường được người trong thời khen ngợi. Về sau Lý Thế Dân đến Vị Bắc đánh quân Tùy, Phòng Huyền Linh mượn mộ danh tiếng mà đầu quân, đi bộ bảy tám dặm kịp. Từ đó, Phòng Huyền Linh một lòng một dạ phò tá Lý Thế Dân, trở thành người tâm phúc. Trong quân đội, Phòng Huyền Linh quản lý giấy tờ, tài liệu, vạch nhiều mưu lược, nhiều việc do ông sắp xếp đều dẫn tới thắng lợi. Trong việc đánh thành hoặc giao chiến ở bên ngoài, các tướng sĩ khác đều cướp đoạt tài sản còn Phòng Huyền Linh cứ đến đâu cũng chú ý đến phong tục, tình người, hộ tịch, các khuôn phép lễ chế, đặc biệt chú ý tập hợp người tài. Đỗ Như Hối cũng nhờ Phòng Huyền Linh thu nạp và tiến cử mới nổi lên được.

Theo "Cựu Đường Thư, Đỗ Như Hối" thì Đỗ Như Hối nguyên là tham mưu quân sự, huấn luyện quân sĩ dưới trướng của Lý Thế Dân, nhưng rất có tài năng, nói chuyện với Phòng Huyền Linh, ông thấy Đỗ Như Hối thấu triệt mọi sự, phán đoán tình thông nên rất tôn trọng. Sau này người trong Mạc Phủ vua Tân (Lý Thế Dân) bị điều đi rất nhiều, đến lúc phải điều Đỗ Như Hối đi, Phòng Huyền Linh vội chạy đến nói với Lý Thế Dân: "Điều những người khác đi đều không đáng tiếc,

duy có Đỗ Như Hối là một người tài hiếm có, nếu muốn thu phục thiên hạ, không có người này không được". Lý Thế Dân nghe Phòng Huyền Linh liền giữ Đỗ Như Hối lại, dần dần giao cho nhiều trọng trách. Được Phòng Huyền Linh chân tình chiêu nạp và tiến cử, Đỗ Như Hối ngày càng phát huy năng lực, tỏ rõ tài cán phi phàm của mình.

Phòng Huyền Linh ở trong phủ vua Tần hơn mười năm, tận tụy phò tá Lý Thế Dân, đặc biệt là trong quá trình Lý Thế Dân tranh ngôi với thái tử. Từ đó về sau ông ta quản lý hàng trăm việc, làm quan chức tướng, trung thành cần mẫn, hợp tác chặt chẽ với Đỗ Như Hối, mau chóng đưa triều Đường thuở ban đầu vào quỹ đạo, phát triển ổn định về chính trị và kinh tế, thành vị thế tướng thái bình hiếm có trong lịch sử Trung Quốc.

Cũng như Lý Thế Dân, Chu Nguyên Chương cũng xuất thân áo vải, trải qua một quá trình phức tạp. Khi tiêu diệt quân Nguyên, cần quét nghĩa quân, tướng võ có Từ Đạt, Thang Lý, Thường Ngộ Xuân lập công lớn rất nhiều, quân văn có Lý Thiến Trường và Lưu Cơ.

Lưu Cơ, con người có sắc thái truyền kỳ sâu đậm, theo truyền thuyết dân gian ông ta là người trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý, biết được ngàn năm tiền vận, năm trăm năm hậu vận nghe rộng nhớ lâu, uyên bác, chu tử bách gia, thiên văn địa lý đều hiểu biết sâu sắc, Trong quá trình phò tá Chu Nguyên Chương thu phục thiên hạ, đã phát huy tác dụng của

một nhà chính trị, quân sự, lập công lớn cho việc xây dựng triều Minh. Do thấu triệt mọi sự lại không muốn khom lưng chốn quan trường, lập nước xong, Lưu Cơ đã gan dạ rút khỏi dòng nước chảy xiết, sống cuộc đời ẩn dật, thoát khỏi cuộc chém giết tàn khốc của Chu Nguyên Chương, được hưởng tuổi già trong nhà mình.

Một quan văn khác là Lý Thiện Trường tuy lập nhiều công khi dựng nước, lập nước xong thì chỉ dưới một người và trên hàng vạn người nhưng vì không thấu hiểu sự đời, cuối cùng đã bị lâm vào tình cảnh bị hoàng đế bức tử. Như Tiêu Hà, Trương Lương, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối và Lưu Cơ ông là một tế tướng dựng nước chỉ giỏi mở đầu, mà không giỏi kết thúc.

Lý Thiện Trường tự Bách Thất sinh năm 1314, người Phong Dương. Lý Thiện Trường xuất thân từ một gia đình tiểu địa chủ không phải lo đến miếng ăn. Lúc trẻ có đọc sách tuy không thể nói là học rộng nhưng lại hiểu sách trị loạn. Lý Thiện Trường khôn ngoan, nhiều tài cán, cũng có danh tiếng ở địa phương. Theo ghi chép thì từ nhỏ Lý Thiện Trường đã có gan to chí lớn, muốn làm nên sự nghiệp.

Chu Nguyên Chương là người mưu lược, dũng cảm, sau khi về với Quách Tử Hưng, được Quách Tử Hưng thăng làm trưởng cửu phu thị vệ ở bên mình, sau lại gả con gái nuôi là Mã thị. Từ đấy, thanh thế càng lớn. Chu Nguyên Chương coi trọng những người có học, nhất là những người bạn cùng quê.

Năm 1354 Chu Nguyên Chương chỉ huy quân đội của mình tiến đến Trù Châu, qua nhà Lý Thiện Trường. Lý Thiện Trường mộ danh liên xin theo, Chu Nguyên Chương sẵn lòng thu nạp.

Bài học thứ nhất, mà Lý Thiện Trường mang đến cho Chu Nguyên Chương là đem một người cùng quê với Chu Nguyên Chương ra làm tấm gương khuyến khích Chu Nguyên Chương hoàn thành nghiệp lớn. Lý Thiện Trường nói Lưu Bang Hán Cao Tổ quê nhà không xa quê Chu Nguyên Chương. Vì đồng hương cổ đại đó cũng xuất thân áo vải, như Chu Nguyên Chương. Vì nhận rõ cái thế lớn của thiên hạ, lại rộng rãi độ lượng, mà ông ta có thể chiêu nạp hào kiệt hiền sĩ của thiên hạ, có thể chịu nhục để gánh nhiệm vụ nặng nề, cho nên cuối cùng đã lật đổ nhà Tần bạo tàn, đánh bại Hạng Võ lập nên Triều Hán. Lý Thiện Trường mong mỏi Chu Nguyên Chương học gương Lưu Bang, chinh phục triều Nguyên mà dựng nghiệp Chu Nguyên Chương lúc đó chỉ hướng không rõ ràng, được Lý Thiện Trường giảng giải liên tục tỉnh, từ đó Chu Nguyên Chương nói rằng mình có thể trở thành Hoàng Đế. Vì vậy Lý Thiện Trường càng được tin cậy.

Lý Thiện Trường làm chúc trường kì thất có thể nói là trăm điều phiền toái, nhưng ông ta luôn luôn tự mình làm mọi công việc, tận tâm tận lực, một mực trung-thực cẩn thận. Quách Tử Hưng tuy gả con gái nuôi cho Chu Nguyên Chương nhưng tính tình hà khắc, hay nghi ngờ, lại thêm hai con trai cũng hay gây sự, nhiều lần chực đưa Chu Nguyên Chương đến

chỗ chết. Khi ở Trừ Châu vì Chu Nguyên Chương giữ nghiêm kỉ luật chiến trận, không cướp của cải, không có gì để biếu Quách Tử Hưng. Quách Tử Hưng đã nghi ngờ Chu Nguyên Chương một mình nuốt hết của cải, không kính trọng bề trên nên càng tỏ ra lạnh nhạt điều đi sạch những người thân cận của Chu Nguyên Chương. Một lần Quách Tử Hưng lại muốn điều Lý Thiện Trường đi; biết được tin, Lý Thiện Trường vội chạy đến trước mặt Quách Tử Hưng nói rõ lòng mình, ngoài Chu Nguyên Chương ra quyết không theo ai, nước mắt lăn tiếng kêu, tình cảm rất thống thiết, Chu Nguyên Chương rất xúc động. Hai người tuy biết nhau chưa lâu, Chu Nguyên Chương đã rất tin cậy.

Lý Thiện Trường hiểu rằng muốn làm việc lớn tất phải giành được uy tín, nếu không thì không hơn gì quân giặc ở. Cho nên ông rất chú trọng kỉ luật của quân đội, nhiều lần thôi thúc Chu Nguyên Chương chỉnh đốn kỉ luật. Trước sau năm 1356 quân của Chu Nguyên Chương đã đánh chiếm được nhiều vùng, lại phải liên tục gian khổ đánh trận, đã sinh ra thích cướp phá. Khi tiến vào phủ Thái Bình, Chu Nguyên Chương ra lệnh phạm người nào cướp bóc thì sẽ bị chém đầu và cho đội tuần tra tiến hành giám sát, đã giết một sĩ tướng sĩ vì phạm kỉ luật, nhưng cũng không thể cấm hoàn toàn nạn cướp bóc. Khi lấy Trần Giang, Lý Thiện Trường dự đoán quân đội lại muốn cướp bóc liền giúp Chu Nguyên Chương và Từ Đạt đóng một vở kịch "Song hoàng" (tạm dịch "Người đấm kẻ xoa" N.D.).

Chương cố ý nói cấp dưới của Từ Đạt có chuyện cướp bóc, Chu Nguyên sai trời Từ Đạt, thông báo cho ba quân chuẩn bị xử chém. Song nhờ có Lý Thiện Trường nhiều lần cầu xin, Chu Nguyên Chương mới thả Từ Đạt và ra lệnh phải lấy công chuộc tội, lấy được thành Trấn Giang phải giữ nghiêm kỉ luật, nếu không sẽ trừng trị cả hai tội. Võ diễn "Song hoàng" này quả là công hiệu, ngay tiếng tăm hiểm hách như Từ Đạt cũng không được bỏ qua, liệu Chu Nguyên Chương có chịu tha cho một tiểu binh vô danh không? Thế là ai nấy đều sợ hãi thận trọng tự huộc mình, không người nào dám vi phạm.

Lý Thiện Trường không những có tài về chính trị mà về mặt võ công có lúc lập nên kì tích. Một lần, Chu Nguyên Chương đem quân ra ngoài, muốn Lý Thiện Trường ở lại giữ thành Hòa Châu và căn dặn nếu quân Nguyên đến đánh thì phải đốc chiến cố giữ. Lý Thiện Trường dụ tinh quân Nguyên sẽ cho kị binh đến đánh, liền đặt mấy đội phục kích ở những nơi hiểm yếu ngoài thành, quân Nguyên vừa đến cũng xông ra đánh giết, quân Nguyên thua to phải rút chạy. Sau khi trở về, Chu Nguyên Chương cũng không ngớt khen ngợi, luôn luôn ca ngợi Lý Thiện Trường có thể lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh cũng không thua kém những tướng võ mặc giáp cầm thương kia.

Trong thời kì Chu Nguyên Chương, Trương Sĩ Thành và Trần Hựu Lượng đại chiến với quân Nguyên, Lý Thiện Trường suốt thời gian đó đều ở Ứng Thiên (Nam Kinh ngày nay) thay Chu Nguyên Chương xây dựng tốt vùng căn cứ này.

Phù Ứng Thiên địa hình rất hiểm yếu, xây dựa vào đá, để giữ khó đánh, được gọi là thế "long bàn hổ phục" (rồng cuộn, hổ nằm). Để Lý Thiện Trường lại đất này, dù thấy Chu Nguyên Chương rất tin cậy vào lòng trung thành và tài năng của ông. Lý Thiện Trường cũng không phụ lòng tin, đã quản lí các mặt kinh tế chính trị của phủ Ứng Thiên có nề nếp, vững chắc cũng giống như Tiều Hà giữ đất Hán Trung thời kỳ Hán Sở giao tranh.

Cần phải nói rằng Lý Thiện Trường đã tiếp thu được những kinh nghiệm trong quân đội, cũng như những lời khuyên chân thành của Chu Nguyên Chương, cực kì chú ý điều hòa quan hệ giữa quan văn, quan võ và trăm quan khác. Nói chung, quan văn ở bên trong, quan võ ở bên ngoài, quan văn mưu sĩ tuy có tác dụng quyết định đến thành bại của chiến sự, nhưng thường mắc lệnh thích nói xấu tướng sĩ hầu hạ hai bên, hay ghen ghét nghi hoặc làm cho tướng soái không tin phục, không khác gì cầm tay kéo lại, rất bất lợi cho tiền tuyến. Về điểm này Lý Thiện Trường rất chú trọng, ông rất chú ý phát huy tinh chủ động của các tướng lĩnh, giữ gìn sự đoàn kết của họ, ngay cả lúc sắp đặt chăm lo địa phương ông cũng dùng phương thức này thu được những hiệu quả tốt đẹp.

Năm 1360, Chu Nguyên Chương chính thức tuyên bố lên ngôi ở Nam Kinh, quốc hiệu là Đại Minh. Lý Thiện Trường chủ trì toàn bộ nghi thức đó. Đến đây, Lý Thiện Trường từ một tay cạo giấy nhỏ trở thành công thần lập nước được phong là "Khai quốc phụ vận Hàn quốc công" đồng thời

thường một tấm thiết khoán (tấm vật bằng sắt), có thể miễn tội chết hai lần. Trong lệnh phong thưởng, Chu Nguyên Chương còn đánh giá công lao của Lý Thiện Trường: "Đánh đông dẹp tây, mắt không ngơi nghỉ, đánh giặc giữ nước, chuyển vận trữ lương, cung cấp vũ khí, chưa bao giờ thiếu, trị nước mạnh giàu, hòa thuận quân dân, không điều oán trách. Xưa Hán Tiêu Hà, khanh đáng sánh cùng, do vậy chẳng quá".

Nhìn chung Lý Thiện Trường theo Chu Nguyên Chương có ba công lớn: Một là vừa vào quân đã nói chuyện Lưu Bang để dựng cho Chu Nguyên Chương tấm gương lí tưởng, hai là, dốc lòng dốc sức sũa sang lo liệu hậu phương, bảo đảm cung cấp, ba là có khả năng điều hòa tập hợp mọi người, giữ được lòng dân. Có ba công này, tuy còn thiếu sáng kiến mưu trí nhưng cũng đủ để ca ngợi.

Nhưng chung quy Lý Thiện Trường không giống Tiêu Hà, Trương Lương thậm chí khác xa Lưu Cơ, không phải là cố gắng hiến của ông với việc lập triều Minh không lớn mà là Lý Thiện Trường tầm nhìn hạn chế lại không thoát khỏi thói tục, cuối cùng bị họa giết mình.

Có thể là do Lý Thiện Trường bị vua bắt phải chết chãng, "Lịch sử đời Minh - truyện Lý Thiện Trường" có nhiều lời chê trách ông, đối với những thiếu sót về tính cách nói rất nghiêm ngặt và bực bẽ, nói ông ngoài mặt thì khoan dung hiền hòa trong lòng thì hẹp hòi, tính cách cố chấp, thù dai. Những lỗi đó tuy không thể tin hoàn toàn, nhưng từ những việc làm của

Lý Thiện Trường sau khi dựng nước có thể thấy được nhiều khuyết điểm của ông ta.

Sau khi lập nước, Lý Thiện Trường đã là thừa tướng, thế lực rất lớn, trong những người thân tín, có thu tính đó sự Lý Sam mắc tội tham ô, lúc đó Lưu Cơ giữ chức ngự sử trung thừa điều tra việc này, nhiều lần Lý Thiện Trường xin xò và gây trở ngại. Cuối cùng Lưu Cơ vẫn tấu xin Chu Nguyên Chương phê chuẩn giết Lý Sam. Lý Thiện Trường thù hận trong lòng ngầm nghĩ mưu sâu kế hiểm, sai người vu cáo Lưu Cơ, còn mình tự viết tấu vạch tội Lưu Cơ chuyên quyền, kết quả Lưu Cơ chỉ có cách trở về nhà tránh họa. Tham Nghị Lý Khâm Bãng, Dương Hy Thánh có chỗ mạo phạm với Lý Thiện Trường, ông ta thù ghét tội danh cất mũi Dương, xẻo vú Lý, kết quả là một người chết, một người tàn phế.

Điều này đảo lộn tất cả, Lý Thiện Trường nuôi dưỡng thế lực tập đoàn người Hoài, đề bạt Hồ Duy Dung xuất thân từ một tri huyện làm thừa tướng. Sau này Hồ Duy Dung chuyên quyền không theo pháp luật, tham ô nhận hối lộ khiến cho trong triều và bên ngoài đều oán ghét, khiến một số quần thần chính trực phản đối. Vì Chu Nguyên Chương dùng pháp luật tàn khốc, Hồ Duy Dung sợ bị giết đã bí mật tổ chức một cuộc mưu phản, dự định lừa Chu Nguyên Chương ra khỏi cung để giết. Sau khi mưu phản bại lộ, bè lũ Hồ Duy Dung bị giết đến tận gốc trên ba vạn người. Lý Thiện Trường là bạn cũ và là người tiến cử và có chút thân thích với Hồ Duy Dung (em Lý Thiện Trường có họ hàng với con gái Hồ Duy Dung)

đáng bị liên lụy, nhưng Chu Nguyên Chương nghĩ ông ta là người có công cù dựng nước nên tha tội chết giáng chức và đưa đi xa kinh thành. Về sau còn lấy cớ do sự biến phải giết đại thần để buộc Lý Thiện Trường phải chết. Lý Thiện Trường chết năm bảy mươi bảy tuổi. Toàn thể gia thuộc hơn bảy mươi người cũng đều phải chịu tội chết.

Lý Thiện Trường có công lớn mở đầu mà có tội khi kết thúc, điều đó rất có tính tiêu biểu trong lịch sử Trung Quốc, dùng nói đến Chu Nguyên Chương đã chém giết nhiều công thần dựng nước. Dù có thay Chu Nguyên Chương bằng một hoàng đế "nhân từ" thì với thói kiêu ngạo, cậy công, tự tiện chuyên quyền, Lý Thiện Trường tất nhiên đã làm nhiều điều bất nghĩa, tất phải tự giết mình. Từ xưa đến nay người giỏi mở đầu thì nhiều, kẻ biết kết thúc thì ít hoặc là do tại mình hoặc do nguyên nhân khác. Tóm lại, người biết thủy lại biết chung thực là rất hiếm. Người xưa đã nói: "héo chẳng có đầu, tươi thì có kết" là có ý nghĩa như vậy.

Lịch sử đúng là có nhiều chuyện giống nhau kỳ lạ. Nếu không hiểu quá khứ thì xin hãy nhìn vào hiện tại, đẩy lên trên một chút, đột nhiên thấy sáng sủa rõ ràng, nếu không hiểu hiện tại thì hãy nhìn lại quá khứ, kéo xuống dưới một chút có thể bề tạc được thông suốt.

Không hiểu quá khứ hẳn là do không hiểu hiện tại; không hiểu hiện tại cũng là vì không hiểu quá khứ. Bản thân lịch sử tất nhiên có nhiều chỗ giống nhau, giữa quá khứ và hiện tại cũng không hề có một vực sâu ngăn cách.

47. ANH HÙNG DÂN TỘC BỊ TÙNG XÈO

Một nhà tiểu thuyết nổi tiếng đã mượn lời một nghệ nhân mù mà viết những lời cảm khái sau đây:

*Đi với vua như đi cùng hổ,
Chẳng làm quan là nhẹ xác thân.
Về nhà cuộc sống đầy vui thú,
Chim hết rồi sẽ thịt chó săn.
Tù Tù công cao Ngô vương ghét.
Văn Chủng diệt Ngô cũng thiệt thân.
Để lại tiếng rỗng là Vũ Mục,
Tiếc cho anh kiệt Hàn Hoài âm,
Tù tướng quân công lao hiển hách
Lư Bá Ôn tính giỏi, mưu thần
Nào ngờ,
Đại Minh thiên tử tọa long đình,
Văn võ công thần mệnh quy âm.
Vì vậy,
Quay đầu chạy nhanh để trốn thoát,
Quân vương xuống chỉ bắt công thần.
Sĩ bình gươm giáo bao vây chặt,*

*Dây dợ trối người trông thất kinh,
Trách mình chẳng sớm nhảy xuống giếng,
Hoặc không giả chết để mai danh.
Ngày nay anh linh một làn khói,
Ngày xưa vạn lý một trường thành!*

Đúng là một làn khói anh linh ngày nay là một vạn lý trường thành ngày xưa. Đó là sự căm uất với lịch sử, và cũng là lời than thở ai oán.

Năm 1630 (Sùng Trinh triều Minh năm thứ hai), một hôm ở cổng chợ Bắc Kinh người đông như kiến, ngàn vạn người chen vai thích cánh tranh nhau xem cái người được gọi là "đại Hán gian" như thế nào, bị xử tử ra làm sao, có người hy vọng là có thể mua được một miếng thịt trên người "đại Hán gian" về ăn, để tỏ ra mình thực sự là con cháu Viêm Hoàng, là chính nhân quân tử chính gốc, lại có thể chữa cho mình bệnh nhất gan, có được sức mạnh để hàng phục yêu ma.

Tên "đại Hán gian" đó đã được đẩy từ xe tù ra, ông ta bị kết án xử tử lăng trì. Gọi là "lăng trì" tức là xẻo một nghìn miếng thịt của phạm nhân, nhất xẻo cuối cùng mới làm phạm nhân chết, nếu thiếu hoặc thừa một nhất thì đao phủ phải đền mạng.

Dao phủ bắt đầu lột da phạm nhân phải làm sao không vô đứt mạch máu, nếu không bệnh nhân sẽ chết ngay. Da thịt lấy trên người phạm nhân được dân chúng tranh nhau mua, một đồng cân bạc mới mua được một miếng, họ ăn một miếng lại

chửi một tiếng "Hán gian", đến ngày thứ ba, "Đại Hán gian" mới chết, các nội tạng bị mọi người cướp sạch.

Tên "đại Hán gian" bị tùng xẻo đó là tướng lĩnh chống Thanh nổi tiếng, anh hùng dân tộc Viên Sùng Hoán, cuối thời Minh.

Có lẽ, vì Vương Sùng Hán bị giết, quân Thanh mới có thể đánh thẳng vào Sơn Hải Quan, có lẽ vì Vương Sùng Hán bị giết, miền Bắc Trung Quốc mất đi một trường thành chân chính, người Mãn mới nhanh chóng tràn xuống phía Nam, mới dựng nên vương triều Mãn Thanh gần hai trăm năm. Mọi thứ đều "có lẽ" cả, nhưng việc Viên Sùng Hoán bị giết là một đòn hủy diệt đối với quân biên phòng đông bắc của triều Minh, thì đúng là sự thực lịch sử khó có thể chối cãi.

Vậy thì, Vương Sùng Hoán sao lại bị coi là "Đại Hán gian" mà bị tùng xẻo? Câu chuyện phải kể lại từ đầu.

Những năm Vạn Lịch đầu tiên, Mãn Thanh nổi dậy ở đông bắc. Năm 1583, Nurkachi (Nỗ nhĩ hạp xích) với mười ba bộ giáp của tổ phụ để lại, sau hơn hai mươi năm chinh chiến, đã chinh phục được dân tộc Nữ Chân, dựng nên chính quyền Hậu Kim. Năm 1618, Nurkachi tổng kết những ức hiếp của triều Minh đối với người Mãn Thanh thành "thất đại hận", lấy "thất đại hận" cáo trời, tấn công triều Minh, năm sau đánh chiếm được Phủ Thuận, một trọng trấn của Liêu Đông, rồi liên tiếp đánh bại triều Minh. Minh Thần tông suốt ngày đắm trong thanh sắc, chẳng nhòm ngó công việc, giờ mới cuống

lên, vội cho kinh lược Liêu Đông là Dương Cảo dẫn hơn mười vạn quân chia làm bốn lộ nghênh chiến, kết quả toàn quân lại đại bại. Triều Minh lại cử Hùng Đình Bật đi Liêu Đông phụ trách quân vụ.

Đúng lúc này, Thần tông qua đời, con trai ông là Quang tông chỉ làm vua được có một tháng rồi vì uống nhầm thuốc mà mất mạng, ngôi vua do con của Quang tông là Chu Do Hiệu kế thừa, lịch sử gọi là Hi tông, niên hiệu Thiên Khởi.

Hi tông lên làm vua vẫn còn là một cậu bé 15 tuổi, tính yếu đuối. Không muốn lăm chuyệ, mãi chơi đùa, chú ta chỉ có hai ý thích, một là chơi trò ú tím với tiểu thái giám, hai là thích làm nghề mộc. Nhất là việc mộc chú ta rất mê, ngôi nhà tự làm và các đồ gỗ khéo léo của chú ta xem ra cũng khá, hình như chú ta sinh ra là để làm thợ mộc. Thế là, mọi việc triều chính chú ta toàn giao cho thái giám Ngụy Trung Hiền người đã hầu hạ khi chú ta còn là thái tử. Ngụy Trung Hiền chuyên quyền, làm đủ điều tàn ác, giết hại bừa bãi các đại thần ngay thẳng, kết bè kéo đảng, làm loạn quốc gia, làm hình thành một "hoạn đảng" lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc. Dưới sự thống trị của một triều đình như vậy, việc phong vệ biên cương làm sao được tốt. Hùng Đình Bật cũng không biết làm gì ở Liêu Đông.

Sau khi tới Liêu Đông, Hùng Đình Bật trải bao vất vả mới tạm ổn định được tình thế, nhưng trong triều một số quan tướng lại chê trách ông, triều đình bèn cách chức ông, thay Viên Ứng Thái làm thống soái. Viên Ứng Thái là nhân tài số

một về công trình thủy lợi, nhưng không hiểu gì về quân sự, khi ra trận rất khinh suất, bị thua thảm hại. Triều đình đành lại phải dùng Hùng Đình Bật. Nhưng lúc này thượng thư bộ binh Trương Hạc Minh bất đồng ý kiến với Hùng Đình Bật, bắt bộ hạ của Hùng Đình Bật là Vương Hóa Trinh không được nghe theo sự điều khiển của Hùng Đình Bật, làm cho lờ thời cơ, quân Minh lại bị đại bại, triều đình không phân phải trái, bắt cả Vương Hóa Trinh và Hùng Đình Bật, và cách chức Trương Hạc Minh.

Trong hoàn cảnh lịch sử đó, Viên Sùng Hoán bước lên vũ đài lịch sử của cuộc chiến tranh chống Mãn Thanh xâm lược.

Viên Sùng Hoán là người Đông Hoàn Quảng Đông, tổ tiên gốc huyện Đằng ở Ngô Châu Quảng Tây. Ông tính khí thẳng thắn, can đảm, thích nói chuyện quân sự, thời trẻ đã mong muốn tham gia bảo vệ biên cương. Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi bảy (năm 1619), Viên Sùng Hoán đỗ tiến sĩ, được cử đến Châu Vũ Phúc Kiến làm tri huyện. Năm thứ hai Thiên Khải (1622), Viên Sùng Hoán về Bắc Kinh tường trình công việc, khi trao đổi ý kiến cùng bạn bè, ông nêu lên những ý kiến xác đáng về tình hình quân sự Liêu Đông, khiến ngự sử Hầu Tuân phải chú ý. Hầu Tuân tiến cử Viên Sùng Hoán với triều đình. Triều đình bèn thăng ông làm chủ sự chức phương ti bộ binh, lo việc phòng vệ đất nước.

Cũng như triều Minh tin quan văn mà không tin quan võ, hoàng đế sợ võ quan quyền lực lớn sẽ tạo phản, nên phái

quan vẫn đi chỉ huy chiến dịch, với nhiều điều kiện ràng buộc, kết quả là họ luôn luôn bị thất bại.

Viên Sùng Hoán làm chủ sự ở bộ binh được một thời gian thì gặp lúc Vương Hóa Trinh đại bại trở về. Triều đình hoang mang xì xào bàn tán, lòng người chao đảo. Viên Sùng Hoán lạng lẽ một mình cưỡi ngựa ra Sơn Hải Quan để khảo sát tình hình. Ít lâu sau, ông trở về Bắc Kinh, báo cáo với cấp trên về tình hình Sơn Hải Quan một cách tường tận, và nói:

- Chỉ cần binh mã đủ lương thảo, một người giữ nổi Sơn Hải Quan.

Tuy cô đáng đáp thu sinh, ông vẫn được triều đình thăng làm binh bộ kiêm sự.

Tới Sơn Hải Quan, mới đầu Viên Sùng Hoán làm bộ hạ cho kinh lược Liêu Đông là Vương Tại Tấn, làm việc ở trong ải. Lúc đó Vương Tại Tấn rất muốn giữ Sơn Hải Quan. Viên Sùng Hoán cho rằng muốn giữ được Sơn Hải Quan, phải đẩy tuyến phòng ngự lên phía bắc, đắp thành giữ lấy Ninh Viễn. Các đại thần trong triều phần lớn phản đối, cho rằng Ninh Viễn xa quá, khó giữ, nhưng họ không biết rằng, nếu lấy Sơn Hải Quan làm quốc giới thì khác gì lấy thành Bắc Kinh làm quốc giới, ngoại vi mất binh phong, Sơn Hải Quan một khi bị công phá, hậu quả sẽ khó lường. Nếu đắp thành ở Ninh Viễn, sẽ có thể tạo ra một chiến trường, có được căn cứ địa vững chắc. Trên chiến trường rộng lớn đó. Ngăn chặn và tiêu diệt

quân Mãn Thanh còn chắc chắn hơn, dựa vào tường thành mà cố thủ.

Đại học sĩ Tôn Thừa Tông cẩn thận chưa phát biểu ý kiến gì, ông tự ra phía ngoài quan khảo sát, rồi ủng hộ ý kiến của Viên Sùng Hoán. Ít sau, triều Minh cử Tôn Thừa Tông thay Vương Đại Tấn làm chủ soái ở Liêu Đông, ông liền sai Viên Sùng Hoán và phó tướng Mãn Quế đi giữ Ninh Viễn.

Năm 1622, Vương Sùng Hoán đến Ninh Viễn, lập tức bắt tay vào việc xây đắp thành. Ninh Viễn cách Sơn Hải Quan hơn hai trăm dặm, xây dựng thành này coi như đã cắm được một cái chốt. Ông đặt quy cách tường thành: tường thành cao ba trượng ba thước, bờ thành cao sáu thước, chân tường rộng ba trượng. Viên Sùng hoán cùng các tướng sĩ đồng cam cộng khổ, nên mọi người đều hết sức xây thành, tới năm sau thì xây dựng thành Ninh Viễn. Thành Ninh Viễn tường cao thành dày, trở thành một công sự phòng ngự quan trọng nhất để chống Mãn Thanh. Kể từ khi xây dựng Ninh Viễn, Viên Sùng Hoán đã trông coi việc phòng vệ Liêu Đông tới hai mươi năm, cho tới trước khi ông bị giết, quân Mãn Thanh tuy nhiều lần đi vòng đánh vào các thành trấn trong đó có Bắc Kinh, nhưng trước sau vẫn chưa chính thức vượt qua thành Ninh Viễn được một bước.

Qua mấy năm dưới sự trông coi vất vả của Viên Sùng Hoán và Tôn Thừa Tông, lực lượng biên phòng của triều Minh được tăng cường nhiều, quân Minh bắt đầu chủ động

tấn công, lần lượt thu về những nơi đã mất, đồng thời đẩy được phòng tuyến lên phía bắc được mấy trăm dặm. Nhìn thấy kết quả đã giành được và kế hoạch lớn lao của mình được dần thực hiện, Viên Sùng Hoán rất phấn chấn vui. Với công trạng đó Viên Sùng Hoán liền tiếp được thăng quan, trước hết làm binh bị phó sứ, sau làm hữu tham chính, chủ soái Tôn Thừa tông cũng rất quý trọng ông.

Tiền tuyến tuy dần được ổn định, nhưng triều đình ngày càng đòi hỏi, sự chuyên quyền hống hách của Ngụy Trung Hiền làm và cho các triều thần ngay thẳng, nhất là người đảng Đông Lâm căm phẫn, tới tấp dâng thư tố cáo Ngụy Trung Hiền. Ngụy Trung Hiền áp dụng những thủ đoạn cực đoan giết hại một lúc sáu người thuộc nhóm Dương Liễn, sử gọi là "tiền lục quân tử", xử tử cả Hùng Đình Bật, người có công lớn chống Thanh. Sau khi đàn áp những phe phái phản đối, Ngụy Trung Hiền càng hung hăng, tự xưng là "Cứu thiên tuế", vẽ vết hùa hải. Tôn Thừa Tông không chịu lép, Ngụy Trung Hiền liền cho một thân tín của mình là Cao Đệ thay Tân Thừa Tông làm chủ soái Liêu Đông.

Cao Đệ bất tài, chỉ biết nói khoác và nịnh bợ, sau khi đến làm chủ soái, nhất như cây, không dám đóng giữ ở thành Ninh Viễn, nói cần rằng Ninh Viễn chiến không thể chiến, thù khó đường thù, ra lệnh rút về. Là dân Quảng Đông, Viên Sùng Hoán có tính "ngang", ông kiên quyết không phục tùng, cho rằng trong quân sự chỉ có tiến không lùi, nếu rút bỏ Ninh Viễn thì toàn tuyến sẽ bị phá vỡ. Cao Đệ tuy là cấp trên của

Viên Sùng Hoán, nhưng nhất gan, lại xuất thân quan văn, đành chịu Viên Sùng Hoán, chỉ lệnh cho rút binh mã ở Cẩm Châu và vài cứ điểm phòng vệ khác về Sơn Hải Quan. Như vậy, thành Ninh Viễn trở thành một thân cây khô giữa cánh đồng trống, hoàn toàn phơi mình trong gió rét.

Cơ hội mà Nurkhachi chờ đợi đã đến. Năm 1626 (năm Thiên Khải thứ 6 triều Minh), Nurkhachi dẫn mười ba vạn quân, phao tin là có hai mươi vạn, tấn công thành Ninh Viễn. Vị Cao kinh lược được Ngụy Trung Hiền phái tới thị ngòi ở Trường Thành, dùng dụng chứng kiến sự hủy diệt của thành Ninh Viễn và sự bại vong của Viên Sùng Hoán như xem lửa cháy bên kia sông.

Với một tòa thành cô lập và một vạn quân, Viên Sùng Hoán không hề khiếp sợ mà kiên cường chống cự, thế là cuộc chiến Ninh Viễn nổi tiếng đã bắt đầu.

Tháng hai, tám cánh quân tinh nhuệ của Nurkhachi thẳng tiến một mạch, lấy luôn các đồn Cẩm Châu, Đại, Tiểu Lăng Hà, Hạnh Sơn, Liên Sơn. Tháp Sơn, thế mạnh vô biên, gươm giáo như rừng, ngày mười chín thì tới chân thành Ninh Viễn, Nurkhachi cho người đến khuyên hàng Viên Sùng Hoán:

- Ta đem ba mươi vạn quân đánh tới, thành này tất bị hạ thôi.

Viên Sùng Hoán trả lời:

- Vì việc nghĩa, dù chết vẫn giữ thành, đâu có chuyện hàng! Ba mươi vạn quân, ta cũng cho là ít.

Nurkhachi sai quân vòng qua thành Ninh Viễn, cắt đứt liên lạc giữa Ninh Thành và Sơn Hải Quan để phòng quân Minh tiếp viện. Thực ra, Nurkhachi làm việc đó là thừa, nếu Nurkhachi không cắt liên lạc thì Cao Đệ cũng quyết chẳng giúp. Nhưng Viên Sùng Hoán không sợ. Ông cho tổng binh Mãn Quế và tham tướng Tổ Đại Thị chia binh giữ bốn cửa, di cư dân phía ngoài thành vào trong thành, vườn không nhà trống, tổ chức dân phu, cu dân, thương nhân đưa nước dưa cơm, còn trích máu viết thư, khích lệ tướng sĩ, còn đón vợ con ở tận Sơn Tây tới ở ngay cả trong thành, để tỏ lòng cùng sống chết với thành Ninh Viễn, trong điều kiện quân dân trong thành Ninh Viễn được tổng động viên, siết chặt thể trận như vậy, quân đội Mãn Thanh bắt đầu tiến công.

Quân đội Mãn Thanh rất kiêu dũng, thiện chiến. Sau này khi đánh nhau với Lý Tự Thành, trong đám đá bay, hể có tiếng thét "Quân đuôi sam đến" là quân nông dân dù có dày dặn sa trường cũng tan rã ngay, mà đã tan thì không hợp lại được. Khi đánh thành Ninh Viễn, quân Thanh cũng rất dũng mãnh. Họ mặc hai lần giáp, không sợ tên, đá, dựng thang trèo lên. Lại dùng xe bọc thép yểm hộ, đào tường thành, cuối cùng đào được nhiều lỗ trên tường.

Quân của Viên Sùng Hoán cũng rất dũng cảm và khéo léo, họ sử dụng mười một khẩu đại pháo nhập từ phương tây, các khẩu pháo đã giáng những đòn nặng nề cho quân địch, với đám quân sĩ leo lên thành đã gần, thì có những cái giàn thò ra, quân lính ở trong giàn dùng tên, đá đánh địch, lại tung

ra những chiếc mìn chặn tầm đầu và lưu hoàng đốt các chiến cụ của địch, cứ vậy các đợt tiến công mãnh liệt của quân Thanh đã lần lượt bị đánh lui.

Viên Sùng Hoán vốn xuất thân văn nhân nên thường ông xuất hiện như một nho tướng. Giống như Gia Cát Lượng, ông ngồi kiệu chỉ huy chiến đấu. Đặc điểm lớn nhất của ông là bình tĩnh, dù địch có đánh phá được tường thành, ông vẫn ung dung mặc khôi giáp cùng các chiến sĩ chuyển đá vá tường. Trong trận chiến đấu này, ông bị thương nhiều chỗ trên người.

Khi quân địch rút, ông lại tổ chức đội cảm tử, tụt xuống chân thành, đuổi giết địch, còn nhặt về được trên chục vạn mũi tên. Trong chiến dịch này đã giết được hơn mười tướng chỉ huy của ba trăm binh sĩ Mãn Thanh.

Ngày 21, quân Mãn Thanh tiến đánh lúc nửa đêm, vẫn không thành công, đành rút bỏ vòng vây vào ngày 26.

Sau khi địch rút, Viên Sùng Hoán vẫn giữ phong độ của nhà nho, cho sứ giả đem thư sang Nurkhachi, nói:

- Lão tướng dọc ngang hàng chục năm, chưa hề thua trận, nay thua kẻ hèn này, chắc là ý trời!

Nurkhachi cũng khách khí viết thư trả lời Viên Sùng Hoán, còn tặng ngựa và "hẹn ngày đánh lại".

Nurkhachi vương dạn bị thương khi đánh thành, đành nằm trong xe uất ức mà về. Ông nói với các con:

- Từ năm ta 25 tuổi dấy binh tới nay, luôn chiến thắng, đánh đâu được đấy, qua 43 năm, mới có thành Ninh Viễn là không đánh nổi.

Trong uất ức, lưng mọc một nốt độc, vừa bị thương vừa bệnh, mấy tháng sau thì chết ở đồn Ái Kê cách Thẩm Dương 40 dặm về phía tây.

Từ đó về sau, quân Mãn Thanh vừa nể sợ Viên Sùng Hoán.

Tin chiến thắng Ninh Viễn truyền về kinh thành, cả nước đều mừng rỡ hân hoan. Cao Đệ vì không chịu cứu viện cho Sùng hoán nên bị cách chức, thay vào là thượng thư bộ binh Vương Chi Thần.

Viên Sùng Hoán được thăng làm đô ngự sử hữu kiêm tư phẩm. Sau đó, Viên Sùng Hoán lại chủ động xuất kích, lần lượt thu lời những đất mà Cao Đệ đã bỏ.

Sau khi Nurkhachi chết, con ông ta là Hoàng Thái Cực lên ngôi, thành lập triều Thanh. Hoàng Thái Cực là vị hoàng đế hùng tài đại lược ít có trong lịch sử Trung Quốc, ông ta áp dụng một chiến lược đúng đắn là tạm thời bỏ Ninh Viễn, quay sang đánh Triều Tiên. Khi ấy, hai bên Minh, Thanh đều muốn có một thời gian nghỉ ngơi để thực hiện kế hoạch riêng của mình. Bên Minh cần xây thành, luyện quân, bên Thanh còn đánh Triều Tiên, cướp bóc của cải, củng cố nền thống trị. Trong tình thế đó, Viên Sùng Hoán đề nghị hòa đàm với

Hoàng Thái Cực, Hoàng Thái Cực tỏ ý tán thành, nhưng Minh Hoàng đế và nhiều đại thần kiên quyết phản đối, cho rằng Mãn Thanh xưa này là nước phụ thuộc, Hoàng Thái Cực không đủ tư cách để đàm phán.

Khi Viên Sùng Hoán cùng Hoàng Thái Cực thượng nghị hòa đàm, Hoàng Thái Cực lợi dụng cơ hội đó đánh bại Triều Tiên, Viên Sùng Hoán cũng tăng cường xây dựng các công sự phòng ngự ở Cẩm Châu trung tả, đại triều Lăng Hà, còn đem quân viện Triều, nhưng bên Triều Tiên đâu hàng nhanh quá, quân Minh lại rút về, chưa xung đột với quân Thanh.

Cuộc chiến tranh tiến công Triều Tiên của Hoàng Thái Cực giành thắng lợi to lớn, của cải vật chất được bổ sung, cục thế dần ổn định, nhưng ông ta thấy Viên Sùng Hoán xây thành trì, luyện binh mã, thế lực ngày càng mạnh, nếu không nhanh chóng đánh, sẽ ngày khó hơn, thế là Hoàng Thái Cực quyết định "lấy đánh để cầu hòa".

Năm Thiên Khôi thứ bảy (1627), Hoàng Thái Cực dẫn đại quân đánh vào nhiều trọng trấn quân sự ở Liễu Tây, hạ được đại tiểu Lăng Hà rồi đánh tiếp Cẩm Châu. Từ ngày 11 tháng 5 tới ngày 4 tháng 6, tướng Triều Suất Giáo chỉ huy quân Minh đánh nhau ác liệt với Hoàng Thái Cực. Quân Thanh tổn thất nặng nề, mà vẫn chưa hạ được Cẩm Châu. Hoàng Thái Cực thấy đánh không được Cẩm Châu, quay sang đánh Ninh Viễn. Viên Sùng Hoán đã đợi sẵn, hai bên kịch chiến hai ngày, đều tổn thất nặng nề, nhưng Hoàng Thái Cực vẫn

không đánh được Ninh Viễn. Hoàng Thái Cực lại quay về đánh Cẩm Châu, nhưng Cẩm Châu phòng thủ kiên cố, quân Thanh bị thương và chết như rạ, không sao đánh được. Lúc đó lại đang mùa viêm nhiệt, quân Thanh nhiều người say nắng ngã bệnh, sĩ khí giảm sút, Hoàng Thái Cực đành phải rút về Thẩm Dương.

Trong chiến dịch Ninh - Cẩm - quân Minh giành thắng lợi, nhưng Viên Sùng Hoán không được trọng thưởng, chỉ được lên một cấp quan. Nguyên nhân căn bản là Viên Sùng Hoán không thuộc phe đảng của Ngụy Trung Hiền, người chấm Viên Sùng Hoán đỗ tiến sĩ và người tiến cử ông làm phòng vụ Liêu Đông đều là thủ lĩnh của đảng Đông Lâm, vì vậy, tuy có "Đại thắng Ninh Viễn" - "Đại thắng Ninh - Cẩm", Viên Sùng Hoán vẫn không được lòng Ngụy Trung Hiền. Bây giờ Ngụy Trung Hiền thấy uy thế Viên Sùng Hoán ngày một lung lay, bèn chỉ thị đồng đảng công kích Viên Sùng Hoán không đi cứu Cẩm Châu. Viên Sùng Hoán đành từ chức, về quê nhà ở Quảng Đông.

Tháng 8 năm đó, Hy tông qua đời. Ông vua, thích chơi trò ú tim và làm thợ mộc này không có con, em ông là Chu Do Kiểm kế vị, đổi niên hiệu là Sùng Trinh. Sùng Trinh đế bấy giờ mới mười bảy tuổi. Tuy còn trẻ, nhưng hiểu biết, có tài, hoàn toàn khác với anh. Ông thẳng tay loại trừ hoạn đảng của Ngụy Trung Hiền, sau đó bức ông ta tự sát, bỏ được cái ung nhọt của triều đình một cách khéo léo và sạch sẽ. Sau khi Ngụy Trung Hiền chết, các đại thần phụ họa hấn hoặc bị

chém đầu hoặc bị đưa vào quân đội. Viên Sùng Hoán bị Ngụy Trung Hiền chèn ép lại được sử dụng.

Năm 1628 (năm Sùng Trinh thứ nhất), Viên Sùng Hoán được gọi từ quê lên Bắc Kinh. Sùng Trinh triệu kiến ông, hỏi ông về công việc phòng vệ Liêu Đông, qua trò chuyện càng thêm tin tưởng vào ông. Viên Sùng Hoán nêu các yêu cầu về bảo đảm cung cấp lương thảo, loại trừ nhiễu nhương v.v..., Sùng Trinh đều đáp ứng. Về sách lược cụ thể để giữ Liêu Đông, Viên Sùng Hoán cho rằng, có thể dựa vào ba nguyên tắc:

Một là, lấy người Liêu giữ đất Liêu, lấy đất Liêu nuôi người Liêu.

Hai là, lấy giữ làm chính, lấy đánh là lạ, lấy hòa làm phụ.

Ba là, tiến hành dần từng bước không dồn dập, cần thực không cần hư.

Sùng Trinh đúng là người có tấm lòng vì sự nghiệp, ông tỏ ý tán đồng và làm theo những đề xuất của Viên Sùng Hoán.

Sùng Trinh tặng cho Viên Sùng Hoán một thanh thượng phương bảo kiếm, để tỏ lòng ông tin tưởng và ủng hộ Viên Sùng Hoán, lại giao cho ông phụ trách việc phòng vệ Ninh Viễn. Nhưng Viên Sùng Hoán chưa tới Ninh Viễn thì ở đó đã xảy ra binh biến. Nguyên nhân rất đơn giản, quân đội không còn lương thực. Lúc đó trung ương bất lực, của cải bị quan lại các cấp và địa chủ vét sạch, quốc khố trống rỗng, không còn

tiền để cấp phát quân lương. Viên Sùng Hoán đề nghị trong dùng công quỹ hoàng cung để cấp phát, nhưng Sùng Trinh tiếc của, nghe xong tức giận, từ đó không còn tin tưởng Viên Sùng Hoán như trước nữa.

Ít lâu sau Viên Sùng Hoán giết đại tướng Mao Văn Long ở đảo Bì, gây nên sự nghi kỵ của Sùng Trinh.

Đảo Bì là một hòn đảo ở phía đông nam Liêu Đông, địa thế rất hiểm trở, bắc giáp với Thanh, đông có thể khống chế Triều Tiên, tây nam có thể bảo vệ cho Bồng Lai, Đãng Châu của bán đảo Giao Đông. Tướng giữ đảo Bì là Mao Văn Long từng có công trong việc chống Mãn Thanh, nhưng sau đó ông ta trở thành con nuôi của Ngụy Trung Hiền, tham ô, hoành hành bất pháp, lại từng viết thư cho Hoàng Thái Cực, nói: "Ông lấy Sơn Hải Quan, ta lấy Sơn Đông". Để ổn định tình thế, loại trừ hậu hoạn, tháng 7 năm 1623 (Sùng Trinh năm thứ hai) Viên Sùng Hoán dùng phục binh bắt Mao Văn Long, tuyên bố mười hai tội trạng của Mao Sùng rồi dùng thương phương bảo kiếm giết luôn.

Viên Sùng Hoán tường trình nguyên nhân và quá trình trừ khử Mao Văn Long, Sùng Trinh lấy làm kinh ngạc, cho rằng ông tự ý giết đại tướng là có dụng tâm riêng. Nhưng lúc đó vì phải dựa vào Viên Sùng Hoán để chống Thanh nên không trách cứ gì hơn.

Hoàng Thái Cực biết lực lượng của mình không đánh nổi triều Minh, nên một mực muốn giảng hòa, nhưng Sùng Trinh

kiêu ngạo, không chấp nhận, tuy có Viên Sùng Hoán tác động thêm, nhưng vẫn không thành. Thế là tháng 11 năm 1629 (Sùng Trinh năm thứ hai), Hoàng Thái Cực dẫn hơn mười vạn quân, vòng tránh Tây Ninh nơi Viên Sùng Hoán trấn giữ, từ phía tây tiến vào Bắc Kinh, hành quân gian khổ, tấn công Trường Thành, áp sát Tuân Hóa, quân Minh chạy tan tác. Quân Thanh đánh Tuân Hóa. Tuần phủ Vương Nguyên Ung tự sát, tổng binh Sơn Hải Quan là Triệu Suất Giáo cũng chết trận dưới thành Tuân Hóa. Sau khi đánh được Tuân Hóa, quân Thanh tiến thẳng xuống kinh đô. Lúc này Viên sùng Hoán dẫn quân hỏa tốc đến cứu viện, đồng thời để lại một bộ phận quân đội để chặn đường rút của quân Thanh. Ngày 10 tháng 11, Viên Sùng Hoán tới Kế Châu, nhưng quân Thanh vòng qua Kế Châu đi về phía tây, liên tiếp đánh lấy Tam Hà, Hương Hà. Viên Sùng Hoán lại vội dẫn quân về bảo vệ kinh đô, đóng quân phía ngoài Quảng Cù môn Bắc Kinh.

Cuộc tiến công mãnh liệt của quân Thanh làm cho Sùng Trinh hồn bay phách tán, kinh thành hỗn loạn. Nay Viên Sùng Hoán tới, Sùng Trinh tâm thần đã dần ổn, khen ông rồi rít. Viên Sùng Hoán thấy quân đội rất mệt mỏi, muốn xin cho vào thành nghỉ ngơi, nhưng Sùng Trinh nghi kỵ, nên thoái thác không cho quân vào thành. Viên Sùng Hoán đề nghị cho đóng quân ở ngoài thành, Sùng Trinh cũng không cho, chỉ giục ông nhanh chóng đem quân đi đánh quân Mãn Thanh.

Hai ngày đêm liền, Viên Sùng Hoán hành quân hơn ba trăm dặm để vội về tăng viện cho kinh đô, người ngựa đã rất mệt, nhưng Sùng Trinh giục như vậy, đành phải đem quân đi giao chiến với quân Mãn Thanh. Trận chiến vô cùng gian khổ, hai bên cầm cự khá lâu, Viên Sùng Hoán mình mặc giáp, xông pha trận tiền, hai bên sườn bị bắn tới mấy vết thương. Về sau, quân Mãn Thanh không chống nổi, rút về Nam Hải Tụ để chỉnh đốn lại quân đội.

Sùng Trinh thấy quân Mãn Thanh chưa rút ra, bèn sốt ruột giục Viên Sùng Hoán truy kích để bao vây tiêu diệt địch. Lúc này tuy quân Minh đã tới thêm mấy cánh quân, nhưng đều do Viên Sùng Hoán thống nhất chỉ huy, thời cơ quyết chiến chưa chín muồi. Vạn nhất ra ngoài quyết chiến, quân Mãn Thanh liều chết đánh lại quân Minh có thể phải rút. Nếu để xảy ra tình huống đó thì Bắc Kinh sẽ nguy khốn. Vì vậy Viên Sùng Hoán phòng thủ không đánh là đúng.

Nhưng Sùng Trinh lại nghi ngờ Viên Sùng Hoán, cho rằng ông giữ lực lượng là muốn bắt ép mình, thậm chí mưu quyền thoán vị, ít nhất cũng ép mình phải dùng chủ trương của ông xưa nay là nghị hòa với Mãn Thanh. Vì thế, lòng tự phụ kiêu ngạo của Sùng Trinh bị tổn thương.

Lúc này, quân Mãn Thanh đang đốt giết cướp bóc hùa hái ở ngoài thành, làm cho nhân dân vùng ven chịu nhiều tai họa, mà bọn thái giám ở quanh Sùng Trinh đều có điền sản ở đó, chúng xót cho tài sản của mình bị tàn phá. Càng nghĩ càng

tức, họ trút tức giận lên đầu Viên Sùng Hoán, nói quân Thanh là do Viên Sùng Hoán dẫn về, là muốn ép hoàng thượng phải nghị hòa với người Thanh. Chẳng mấy chốc, những dư luận đó lan tràn khắp nơi, thậm chí người ta còn chửi Viên Sùng Hoán là "Hán gian", làm cho lòng người hoang mang chẳng còn phân được thật giả. Có người còn đứng trên thành Bắc Kinh ném đá xuống đầu đám binh sĩ của Viên Sùng Hoán, vừa ném vừa chửi "quân Hán gian", làm cho một số quân sĩ bị thương bị chết vì đá.

Sùng Trinh nghe thấy tin đó, càng thêm nghi ngờ, sợ sệt. Đúng lúc này Hoàng Thái Cực sử dụng kế phản gián phòng theo đoạn "Quần anh hội Tường Cẩn trúng kế" trong "Tam quốc diễn nghĩa".

Trước đó, quân Thanh có bắt được hai người thái giám phụ trách việc nuôi ngựa ở phía ngoại thành do trong cung sai ra, một người là Dương Xuân, một người là Vương Thành Đức. Trên đường rút về, Hoàng Thái Cực sai phó tướng Cao Hồng Trung, tham tướng Bào Thừa Tiên, Ninh Hoàn Thành trông coi họ. Đến tối, Bào Thừa Tiên và Ninh Hoàn Thành làm theo kế Hoàng Thái Cực đã dặn, cao giọng "nói thầm" với nhau:

- Lăn rút binh này, không phải là ta thua, đó là diệu kế của hoàng thượng, ông thấy không? Hoàng đế một mình cười ngựa đi về phía trại địch. Phía quân địch có hai viên sĩ quan đến tham kiến hoàng thượng, bàn bạc lúc lâu, hai người quay

về, hoàng thượng và Viên Sùng Hoán đã có mật ước, đại sự sắp thành công.

Hai viên thái giám nằm bên nghe được rõ một một. Ngày hôm sau, viên thái giám họ Dương thấy quân địch rút quân hỗn loạn, thừa lúc "sơ hở" trốn được, về báo cáo với Sùng Trinh.

Sùng Trinh nghe chuyện, ông tỉnh vốn đa nghi và đố kỵ, đương nhiên tin ngay. Ông lập tức gọi Vương Sùng Hoán vào cung, rồi bắt ngay bỏ ngục. Bộ tướng của Viên Sùng Hoán là Tổ Đại Thọ thấy vậy hoảng sợ không biết vì sao, đành ra ngoài thành chờ đợi. Ba ngày sau, thánh chỉ truyền tới, nói Viên Sùng Hoán thông địch mưu phản nên bị bắt, chỉ một mình Viên Sùng Hóa chịu tội, không hỏi tới ai, tướng sĩ nghe tin liền òa khóc, có người lớn tiếng chửi, giậm chân mà gào. Nếu lúc này có người đề xướng, chưa biết chừng họ phản thật.

Tổ Đại Thọ đương nhiên đau buồn lắm, ông lập tức dẫn quân về Cẩm Châu, giữa đường gặp quân chủ lực của Viên Sùng Hoán đi tăng viện, nghe biết tình hình Bắc Kinh xong, cũng quay đầu trở về.

Tổ Đại Thọ quay trở về, Sùng Trinh rất hoảng, sợ quân Thanh lại đánh vào Bắc Kinh, vội sai người đi bắt Viên Sùng Hoán viết thư gọi Tổ Đại Thọ về. Đó thật là một lô gích kỳ quặc, đã không chịu hạ chiếu chính thức nói Viên Sùng Hoán viết thư, lại sai các quan lại các bộ đến khuyên. Viên Sùng Hoán lúc đầu không chịu viết, cho rằng làm vậy tình lý đều

không thông suốt, không có chiều chỉ, trong ngục viết thư gọi quân về kinh đô, không khác gì việc riêng, nhưng Sùng Trinh dù thế nào cũng không chịu nhận sai với Viên Sùng Hoán. Trước sự khuyên giải của quần thần, Viên Sùng Hoán "lấy việc nước làm trọng", viết thư gọi Tổ Đại Thọ. Tổ Đại Thọ vốn xem sứ giả của Sùng Trinh là kẻ địch, nhưng vì nhìn thấy đúng nét chữ của Viên Sùng Hoán, nên chần chừ chưa quyết. Lúc này mẹ Tổ Đại Thọ nói:

- Nếu con không trở về, sẽ làm tăng thêm tội cho Viên đốc su, nếu con về lại đánh được một vài nơi, thắng một vài trận, may ra lại có thể cứu Viên đốc su ra khỏi ngục.

Tổ Đại Thọ nghe lời mẹ, dẫn quân trở về, trên đường đánh chiếm lại hai thành trì, cắt được hai đường về của quân Thanh.

Hoàng Thái Cực nghe tin Viên Sùng Hoán bị bỏ ngục, mừng lắm. Hắn vốn đã đánh được Lương Hương cách Bắc Kinh mấy chục dặm về phía nam, lập tức hội sư ở Lu Cầu Kiều, phá được "xa quân", đại phá bốn vạn quân Minh, bắt và giết chết được nhiều tướng lĩnh quân Minh, kinh đô xao động. Nhưng nghe nói quân Tổ Đại Thọ lại trở về, sợ đường về bị cắt, bèn viết mấy lá thư nghị hòa, rồi dẫn quân rút về qua Sơn Hải Quan.

Quân Thanh rút, Sùng Trinh hết lo. Lúc này, đâu đâu cũng có rất nhiều người muốn minh oan cho Viên Sùng Hoán, họ

tôi tấp dăng thư lên hoàng thượng, cả Tôn Thừa Tông cũng làm thơ, viết:

*Đông Giang thiên cổ anh hùng ư,
Lệ chảy hoàng long nửa bất bình.*

Lại có người tình nguyện lấy thân mình chịu tội cho Viên Sùng Hoán. Viên Sùng Hoán ở trong ngục cũng viết thư cho bộ hạ mình để yên tâm chống giặc, nửa năm sau, quân Minh đuổi được quân Thanh ra khỏi Trường Thành.

Trong nửa năm đó, Viên Sùng Hoán có tội gì đi nữa cũng có thể điều tra rõ ràng, và có kết luận. Nhưng ông bị giết đúng vào lúc quân Thanh rút khỏi Trường Thành, không sớm mà đúng không muộn hơn.

Nói chung, nhiều người cho rằng cái chết của Viên Sùng Hoán là do thượng thư bộ Lễ kiêm Đông các đại học sĩ Ôn Thế Nhân mua chuộc bộ tướng của Viên Sùng Hoán là Tạ Thượng Văn tạo chứng cứ giả gây nên, nhưng nếu suy nghĩ kỹ thì có thể thấy rằng sự việc không giản đơn như vậy. Sùng Trinh là người tự phụ như vậy, không có ông ta cho phép, thì Ôn Thế Nhân nhãi nhép kia sao dám to gan giết hại Viên Sùng Hoán. Có lẽ, suy cho cùng, nguyên nhân ở chỗ Sùng Trinh tự phụ, không chịu nhận sai, không chịu thua mà thôi!

Sùng Trinh là một ông vua tự phụ điển hình, sau này đánh nhau nhiều lần với Lý Tự Thành điều đó càng biểu hiện rõ nét hơn. Tuy ông ta tỏ ra là một vị minh quân, ăn mặc giản dị,

không ham hưởng lạc, nhưng nghĩ cho kỹ thì những quyết định của ông ta đa số đều do tự mình phán đoán, không chịu nghe người khác, lòng dạ hẹp hòi. Mười lăm năm sau, Sùng Trinh tự vẫn ở Mối Sơn, lúc đó chỉ có một thái giám chết theo ông ta, thật là "cô gia quả nhân".

Tự phụ mà để mất lòng người, kết cục là vậy!

Nghĩa tới ngày chết của Viên Sùng Hoán, người Bắc Kinh búi ngùi, không muốn ăn những món thịt. Trong lịch sử xa xưa, quần chúng nhân dân có cái nhìn rất khách quan, nhưng liệu điều đó có kéo dài được mãi không?

*"Ngày nay anh linh một làn khói
Ngày xưa vạn lý một trường thành"*

Nếu linh hồn của Viên Sùng Hoán bất diệt, ông sẽ oán quân Thanh, oán Sùng Trinh, oán Ôn Thế Nhân hay oán dân chúng? Không oán gì cả hay cái gì cũng oán?

Nếu phải thốt lên tiếng than lịch sử, thì đó là "Phải trái thành bại chẳng là chi", nếu muốn giải thích lịch sử cổ đại, sẽ thấy rằng lý luận nào cũng không làm cho ta vừa ý. Có lẽ, nó vốn là một án oan không đầu.

48. BIẾT TRỌNG NGƯỜI SẼ CÓ ĐƯỢC KẸ SĨ DÁM XÁ THÂN

Dùng người là một nghệ thuật hết sức cao siêu.

Người xưa nói: "Trên có vua Nghiêu Thuấn dưới ắt có dân Nghiêu Thuấn - biết dùng người thì kẻ trộm cắp cũng có thể thành người trung tín". Chỉ cần biết dùng người, kẻ xấu có thể trở thành người tốt, người tốt sẽ lại càng tốt hơn. Nếu không biết dùng người, kẻ xấu sẽ càng xấu hơn, người tốt tuy không xấu đi, nhưng lại bị hãm hại hoặc phải bỏ trốn.

Mọi người đều biết, muốn dùng người, phải trọng người, dựa vào dân áp không nên việc gì và không thể lâu dài được. Nhưng tôn trọng người như thế nào, là cả một môn học vấn. Người cao minh, thường chú ý lòng tự trọng của con người, xây dựng sự tôn trọng trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về họ, làm cho họ cảm thấy được tôn trọng thực sự, như vậy thì sẽ huy động được tinh tích cực chủ quan của người, thậm chí có thể làm cho người có cảm giác tri ngộ, nguyện lấy cái chết báo đền. Nhưng muốn làm như vậy đâu có dễ dàng, nhiều người

thiếu sáng suốt, về chủ quan muốn tôn trọng người, nhưng vì không biết người, không sao làm được điều đó, thường nói là không hiểu lòng người, kết quả là phải lời kéo, phải đánh đập hoặc vừa dấm vừa xoa, như thế đổ dành trẻ nhỏ ở vườn trẻ vậy. Cách dùng người không dứt khoát thường làm tổn thương tính tự trọng và càng không thể phát huy được tính tích cực của mỗi người, vì thế sẽ không duy trì được quan hệ lâu dài.

Thông qua việc nghiên cứu đời sống và tác dụng của các hiệp khách cổ xưa của Trung Quốc, nhất là cách kết nạp, sử dụng hiệp khách của các vua chúa, công tử, có lẽ chúng ta có thể rút ra được những điều bổ ích.

Các hiệp khách cổ đại Trung Quốc, nhất là các hiệp khách thời Xuân Thu Chiến quốc, đều là những người rất lãng mạn. Trong thời loạn lể nhạc bằng hoại, đạo đức, sa sút, lòng người đen bạc họ mang theo lý tưởng truyền thống nhưng tưởng dùng thanh gươm trong tay mình để cứu vớt cuộc đời, trên người họ lấp lánh hào quang của nhân cách cá tính. Dù cho những việc làm của họ ngày nay xem lại có hoang đường tức cười hay không, nhưng trong ý thức xã hội quá vẩn đục đương thời, nó thực đã lấp lánh những lý tưởng. Họ là những người dọc ngang trời đất mà lại siêu thoát cõi đời. Ngày nay người đời vẫn cần đến và mong muốn có được những tính cách của họ.

Vậy họ có những tính cách gì? Chủ yếu là muốn được mọi người thấu hiểu và thật sự tôn trọng, đồng thời muốn hiến dâng cho sự nghiệp chính nghĩa để tiếng thơm còn mãi.

Chuyên Chu là một trong những thích khách nổi tiếng đó. Bấy giờ, công tử Quang nước Ngô muốn giết Ngô vương Liêu. Cha của Công tử Quang nguyên là Ngô vương Chu Phàn, Chu Phàn có ba người em, người em thứ hai là Du Tế, em thứ ba là Di Mễ, em thứ tư là Quý Tử Trát. Chu Phàn biết Quý tử Trát là người hiền, muốn nhường ngôi cho ông, không lập con trai mình là Công tử Quang làm Thái tử. Chu Phàn chết, truyền ngôi cho Du Tế. Du Tế truyền ngôi cho Di Mễ, Di Mễ nhường ngôi cho Quý Tử Trát, nhưng Quý Tử Trát không muốn làm vua, trốn ra nước ngoài, thế là người Ngô lập con của Di Mễ là Liêu lên làm vua.

Về thời đó, việc lập như vậy là tình lý đều không thông, nếu ý nguyện của Chu Phàn là truyền ngôi cho Quý Tử Trát, mà lại truyền cho Công tử Liêu là không hợp lý, nên trả lại ngôi vua cho Công tử Quang con của Chu Phàn. Vì vậy, Công tử Quang căm giận, muốn giết chết Ngô vương Liêu.

Công tử Quang kết giao với Chuyên Chu tại nhà đại tướng Ngô Tử Tư, biết chàng là người rất võ dũng và có đạo nghĩa, nên rất kính trọng chàng, ưu đãi mẹ già của chàng. Qua một thời gian dài thử thách. Chuyên Chu thấy Công tử Quang đối với mình trước sau như một, rất cảm động, cảm thấy một người bình thường như mình mà được Công tử tôn trọng như vậy rất lấy làm vinh hạnh. Về sau, Chuyên Chu hỏi Công tử Quang sao hậu đãi mình như vậy, Công tử Quang trước hết tỏ lòng kính trọng Chuyên Chu, sau mới nói đến cái hận bị mất ngôi vua, và cho rằng việc mình muốn đoạt lại ngôi vua là

hành động chính nghĩa. Chuyên Chư nghe xong, tỏ ý muốn đi giết Ngô vương Liêu cho Công tử Quang. Công tử Quang đương nhiên cảm ơn lắm lắm, còn nói rằng thân xác Chuyên Chư là thân xác mình, con cái Chuyên Chư là con cái mình, nếu Chuyên Chư có bị vong mạng, bản thân ông sẽ tế giỗ.

Mấy năm sau, Ngô vương Liêu đi đánh nước Sở, trong nước trống rỗng, triều chính rối loạn, công tử Quang định giết Ngô vương Liêu. Ông mời Ngô vương Liêu tới nhà mình uống rượu, cho giáp binh mai phục ở bên ngoài nhà. Ngô vương Liêu rất cảnh giác với Công tử Quang, đội vệ sĩ của ông xếp hàng tử cung vua tới cửa nhà công tử Quang, những người đứng quanh cửa nhà cũng đều là thân thích của Ngô vương Liêu cả.

Rượu dở say, Công tử Quang vỗ đầu chân vào phòng bên thay giày, lệnh cho Chuyên Chư dùng chủy thủ (một loại dao ngắn) giấu trong mình một con cá, dâng món cá để đâm Ngô vương Liêu. Thế là Chuyên Chư bê cá tới trước Ngô vương Liêu, rút chủy thủ trong bụng con cá ra đâm chết Ngô vương Liêu. Khi Ngô vương Liêu ngã xuống, các Vệ sĩ của ông xông lên giết chết Chuyên Chư.

Công tử Quang chỉ huy các giáp sĩ mai phục xông ra giết các vệ sĩ và gia quyến của Ngô vương Liêu, rồi lên làm vua, phong chức đại quan cho con của Chuyên Chư.

Chuyện Kinh Kha giết Tần vương hình như nổi tiếng và phức tạp hơn nhiều so với chuyện Chuyên Chư giết Ngô

vương Liêu. từ khi chuẩn bị cho tới khi hành thích, đều có kế hoạch hoàn chỉnh và chu đáo, tuy không thành công, nhưng câu chuyện được đời sau truyền tụng mãi.

Kinh Kha là người nước Vệ, sau dời đến ở nước Yên, người Yên gọi chàng là Kinh Khanh. Kinh Kha thích đọc sách, luyện kiếm đã từng dâng thư cho vua Vệ nói về thuật trị nước, cũng đã từng chu du nhiều nước, thường bàn luận về kiếm pháp và đấu kiếm với người khác, nhưng vẫn chưa gặp người tri kỷ.

Kinh Kha tới nước Yên, kết bạn tri kỷ với một người tên là Cao Tiêm Ly, Cao Tiêm Ly là người chuyên làm nghề thịt chó, giỏi gõ một nhạc cụ gọi là "đàn trúc". Hai người thường cùng uống rượu giữa chợ, khi uống rượu, Cao Tiêm Ly gõ đàn trúc, Kinh Kha cao giọng hát, hát xong lại cùng khóc với nhau, cội như bên cạnh chẳng có ai.

Kinh Kha tuy có chơi bời uống rượu ở chợ, nhưng tính thâm trầm thích đọc sách, những người chàng kết bạn đều là các bậc hiền tài. Khi chàng đến nước Yên, xử sĩ (người hiền ở ẩn) nước Yên là Điền Quang đối với ông rất tốt vì Điền Quang biết Kinh Kha không phải là người thường.

Ít lâu sau thái tử nước Yên là Đan chạy trốn từ nước Tần về. Nguyên là, Tần vương Chính sinh ra ở nước Triệu, rất thân với thái tử Đan, về sau Triệu Chính (tức Tần Thủy Hoàng sau này) về nước Tần, thái tử Đan liền sang Tần làm con tin, để tỏ tình giao hảo giữa hai nước Tần, Triệu. Nhưng

sau khi độc lập làm Tần vương Triệu Chính đối đãi với thái tử Đan không tử tế, thái tử Đan rất tức giận, tìm cơ hội trốn về nước. Sau đó, nước Tần còn đánh chiếm nhiều thành trì các nước lân cận phía tây nước Yên, trực tiếp uy hiếp nước Yên. Thái tử Đan muốn trả thù, nhưng nước nhỏ, thế yếu, không làm gì nổi.

Lúc này, đại tướng nước Tần Phàn Ư Kỳ mắc tội ở nước Tần chạy sang nước Yên, Tần vương Chính bèn giết cả nhà Phàn Ư Kỳ và treo giải thưởng lòng bắt Phàn Ư Kỳ. Thái tử Đan dung nạp và khoản đãi Phàn Ư Kỳ, thái phó Cúc Vô cho rằng điều đó rất nguy hiểm vì nước Tần muốn đánh nước Yên từ lâu mà chưa tìm được cơ, một khi biết Phàn Ư Kỳ ở nước Yên, lập tức sẽ đánh Yên. Vì vậy, Cúc Vô đề nghị đưa Phàn Ư Kỳ sang Hung Nô. Nhưng thái tử Đan cho rằng Phàn Ư Kỳ đã đến nước cùng quân quyết không để ông phải chết, nên kiên quyết để ông ta ở lại nước Yên, Phàn Ư Kỳ rất cảm động. Cúc Vô thấy thái tử Đan không chịu bỏ rơi Phàn Ư Kỳ bèn nói với thái tử.

- Nước Yên có một vị xử sĩ tên là Điền Quang rất sâu sắc mà thâm trầm thử hỏi ông ta xem có cách nào không?

Thái tử Đan mừng lắm, bèn yêu cầu Cúc Vô giới thiệu Điền Quang cho ông.

Thái tử Đan tiếp đãi Điền Quang theo lễ của một kẻ học trò hậu sinh đối với bậc cao tuổi. Điền Quang nghe thái tử Đan giới thiệu tình hình xong nói:

- Điện hạ chỉ nghe tiếng tôi hồi còn trai tráng, mà không biết tôi đã già cả, vô dụng rồi. Nhưng tôi vẫn cố nghĩ cách giúp điện hạ, đem việc của điện hạ phó thác cho Kinh Kha.

Khi tiễn Điền Quang ra cửa, thái tử Đan nói nhỏ với ông:

- Điều Đan trình bày và điều tiên sinh chỉ giáo, đều là cơ mật quốc gia, mong tiên sinh đừng tiết lộ.

Điền Quang nghe xong cười, cúi mình đáp:

- Vâng!

Điền Quang gặp Kinh Kha, nói chuyện về thái tử Đan, và mong chàng đi gặp thái tử Đan. Sau đó dặn Kinh Kha.

- Ta nghe nói, kẻ trưởng giả làm việc, không nên để người ta nghi ngờ mình, nay Thái tử Đan nói: "Mong tiên sinh đừng tiết lộ" là còn nghi ngờ ta. Làm việc mà để người nghi ngờ, không phải là nghĩa hiệp vậy.

Nói xong, muốn tự sát để khách lệ Kinh Kha, ông nói:

- Mong tráng sĩ lập tức đi báo kiến Thái tử Đan, nói rằng ta đã chết, để ông ta biết rằng ta không thể tiết lộ bí mật.

Nói xong tự vẫn mà chết.

Kinh Kha vội đi gặp thái tử Đan, nói về cái chết của Điền Quang, thái tử Đan khóc lớn. Hai người bàn đi bàn lại, thấy nước Yên không có khả năng ngăn được sự tấn công của nước Tần, mà hiện nay đại tướng của Tần là Vương Tiễn đang đánh thành chiếm đất ở ngay nước bên cạnh, hình như chỉ

còn mỗi cách hành thích Tần vương mới có thể giữ được nước Yên, thế là Kinh Kha nhận lời thái tử Đan, đi giết Tần vương.

Thái tử Đan tiếp đãi Kinh Kha rất hậu, thái tử hàng ngày đến thăm chàng, còn cung phụng tiền bạc và gái đẹp để chàng vừa lòng, nhưng sau một thời gian vẫn chưa thấy Kinh Kha có ý lên đường, ông bèn nói với Kinh Kha:

- Nay tướng Tần là Vương Tiễn sắp vượt qua sông Dịch Thủy rồi, lúc đó, tôi có muốn hầu hạ tráng sĩ mãi cũng không được nữa.

Kinh Kha nói:

- Nếu điện hạ không nói, tôi cũng đang muốn yết kiến. Tôi đi tay không thế này gặp Tần vương, ông ta ắt không tin, nếu đem được đầu Phàn Ư Kỳ và tấm bản đồ vùng Đốc Cang thì nhiều tới dâng Tần Vương, ông ta nhất định tin, tôi sẽ có thể giết ông ta.

Thái tử Đan cho rằng giết Phàn Ư Kỳ là bất nghĩa, không muốn nghe theo.

Kinh Kha bèn đích thân lên đi gặp Phàn Ư Kỳ, nói:

- Tần Vương đã giết cả nhà ông, đồng thời treo giải nghìn vàng và vạn hộ hầu để lấy đầu ông. Tôi có kế này có thể báo thù cho ông, đó là mượn cái đầu của ông, lừa được tin nhiệm của Tần Vương, sau sẽ thừa cơ giết ông ta.

Phàn Ư Kỳ nghe xong, tự vẫn luôn.

Thái tử Đan nghe tin, chạy vội đến khóc lớn, nhưng Phàn Ư Kỳ đã chết, cũng dành cho Phàn Ư Kỳ cho vào hôm niệm phong lại, lại chuẩn bị bàn đồ vùng Đốc Cang, giao cho Kinh Kha.

Thế rồi, Kinh Kha yêu cầu thái tử Đan kiếm cho một lưỡi chùy thủ sắc nhất trong thiên hạ, thái tử bỏ ra hơn trăm lạng vàng mua lưỡi chùy thủ của Tử phu nhân nước Triệu, cho thợ tẩm thuốc độc, thủ đâm vào người hể máu chảy là chết ngay. Kinh Kha lại chọn Tân Vũ Dương làm trợ thủ. Tân Vũ Dương là dũng sĩ nước Yên, mười ba tuổi đã giết người, người nước Yên không dám trừng mắt mà nhìn anh ta.

Thế là mọi việc đã chuẩn bị xong, có thể xuất phát.

Kinh Kha muốn chờ một người nữa cùng đi Tân, nhưng người đó ở xa quá, không kịp đến, nên lỡ hẹn. Thái tử Đan tưởng Kinh Kha đã đổi ý, bèn nói với chàng:

- Ngay giờ không nhiều nữa, Kinh Khanh còn có ý vào Tân nữa không? Hay tôi cho Tân Vũ Dương đi trước vậy!

Kinh Kha cá giận nói:

- Điện hạ giục gì! Đi mà không nên việc thì chỉ là phường con trẻ. Nay lại cầm chùy thủ vào chốn nước Tân vừa mạnh vừa đầy bất trắc. Tôi sẽ đi ở lại mấy ngày là muốn chờ một người bạn cùng đi. Nay nếu thái tử thấy tôi đã chậm quá, thì lập tức xin hải biệt.

4

Thế là lên đường.

Thái tử cùng các tân khách, phàm ai biết chuyện này đều mặc đồ trắng ra bờ Dịch Thủy tiễn đưa. Sau khi làm lễ tiễn đưa, lúc bắt đầu lên đường, Cao Tiêm Ly gõ đàn trúc, Kinh Kha hát, giọng ca bi tráng khiến người đưa tiễn thấy đều rơi lệ, Kinh Kha bước tới, cao giọng hát:

Giáo hùu hất, chủ, Dịch Thủy lạnh ghê

Tráng sĩ một đi, chủ, chẳng có ngày về

Hát xong, Cao Tiêm Ly lại gõ đàn trúc, âm điệu khẳng khái. Mọi người trợn mắt, tóc dựng đứng xiên lên mũ.

Thế là Kinh Kha lên đường, không hề ngoái lại nhìn. Kinh Kha đến nước Tần, quần chủ thủ trong bản đồ, vào cung. Vì có thủ cấp của Phàn Ư Kỳ dâng vua Tần nên Kinh Kha được Tần vương tin nhiệm. Kinh Kha lợi dụng lúc Tần vương xem bản đồ, rút chủ thủ ra, nắm lấy tay áo Tần vương định đâm ông ta. Tần vương vùng chạy được, rồi chạy quanh cột, cuối cùng rút được kiếm ra, chém gãy đùi Kinh Kha, Kinh Kha không đuổi được nữa, bên phải chủ thủ vào Tần vương, chủ thủ lao vào cột đồng, rơi xuống đất. Kinh Kha lập tức bị chém luôn tám nhát, biết việc chẳng thành, tựa vào cột cuối mà nói:

- Ta sợ dĩ chưa giết được Tần vương, vì ta muốn bắt cóc Tần vương, muốn lấy được khế ước của Tần vương để báo đáp thái tử Đan!

Việc Kinh Kha giết Tần vương đã thất bại, ngày nay nhìn lại, hành động đó chưa chắc đã có ý nghĩa tiến bộ, nhưng thời

đó được coi là hành động chính nghĩa, nhất là tinh thần Kinh Kha trọng lời hứa, mong báo đền và chết vì tri kỷ, càng làm cho người sau ngời ca mãi không thôi.

Trước đó hai trăm năm còn có chuyện Nhiếp Chính hành thích tể tướng Hiệp Lũy nước Hàn, trong "Chiến Quốc sách" có ghi chép tỷ mỉ chuyện của Nhiếp Chính, qua đó chúng có thể thấy rõ Nhiếp Chính được Nghiêm Trọng tử tôn trọng cảm hóa, kết nạp, sử dụng như thế nào

Nhiếp Chính là người làng Thâm Tinh, ấp Triệt, vì giết người nên cùng mẹ và chị chạy sang nước Tề tránh kẻ thù, làm nghề đồ tể.

Ít lâu sau, Nghiêm Trọng tử người Hán Dương làm việc cho Hàn Ai hầu, do có oán thù với Hiệp Lũy tể tướng nước Hàn, bị Hiệp Lũy bức hại vô lý, sợ bị giết nên chạy trốn. Ông chu du các nước, muốn tìm một người giúp mình giết Hiệp Lũy để trả thù. Khi ông đến nước Tề, người Tề mách ông rằng Nhiếp Chính là một võ sĩ, vì muốn tránh nạn nên mai danh ẩn tính làm nghề mổ lợn. Nghiêm Trọng Tử biết tin, liền đến thăm nhà Nhiếp Chính, đi lại thăm hỏi mấy lần, rồi một hôm ông chuẩn bị rượu thịt, tự tay bung tới trước mặt mẹ của Nhiếp Chính, khi mọi người cùng ăn uống no say, Nghiêm Trọng Tử bung ra một trăm dật vàng dâng lên chúc thọ mẹ của Nhiếp Chính. Nhiếp Chính thấy Nghiêm Trọng tử lễ hậu quá, lấy làm lạ, kiên quyết không nhận, Nghiêm Trọng tử vẫn cố ý muốn dâng, Nhiếp Chính chối từ, nói trách:

- Tôi nay còn được mẹ già mạnh khỏe, gia cảnh bản hàn, ở chốn tha hương, lấy nghề giết chó mưu sinh, sớm tối cũng kiếm được chút ngọt bùi báo đáp ơn mẹ già, thực không dám nhận hậu lễ của Trọng tử.

Nghiêm Trọng tử vội bước tới bên Nhiếp Chính nói:

- Tôi có thù cần phải báo, vì vậy tôi đã đi khắp các nước bao năm nay, lần này đến nước Tề, nghe nói túc hạ là người nghĩa khí, nên dâng lên trăm dật vàng, để dùng cho việc rau cháo phụng dưỡng mẹ già, lấy đó để kết hạn với túc hạ, đâu dám có đòi hỏi gì khác!

Nhiếp Chính nói:

- Tôi sợ dĩ phải từ bỏ ý chí, chịu nhục làm nghề đồ tể, chỉ là để phụng dưỡng mẹ già. Mẹ già tôi còn sống, tôi sẽ không nhận hy sinh thân mình cho ai cả.

Nghiêm Trọng tử khiêm nhường mãi, Nhiếp Chính vẫn không chịu nhận. Nghiêm Trọng tử bái biệt từ tể rồi rời nhà Nhiếp Chính ra về.

Nghiêm Trọng tử có thể nói là biết người, chúc thọ cho mẹ của Nhiếp Chính là đi "con đường vòng", hiệu quả gấp chục lần việc tôn trọng bản thân Nhiếp Chính, do đó lòng tự tôn và tính hư vinh của Nhiếp Chính được thỏa mãn tốt cùng. Chỉ cần Nhiếp Chính còn là một người nghĩa hiệp, sao không thể báo đền? Hãy xem tình hình diễn biến sau khi mẹ Nhiếp Chính mất. Sau đó rất lâu, mẹ Nhiếp Chính mất, an táng mẹ xong, côi bỏ tang phục, Nhiếp Chính tự nói với mình:

- Hừ! Nhiếp Chính ta là một thị dân quên, chỉ biết nghề mổ chó. Nghiêm Trọng tử là bậc khanh tướng chu hầu, từ ngàn dặm xa xôi tới đây kết bạn với ta. Ta đối với ông ta thật chưa xứng đáng, chưa có công lớn gì để xứng với sự tôn kính lễ phép của ông ta. Nghiêm Trọng tử tặng mẹ ta trăm dật vàng, tuy ta không nhận, nhưng ông ta làm vậy thực đáng là tri kỷ của ta. Một người hiền như ông ta, vì căm ghét kẻ thù, mà tìm đến gần gũi tin cậy một người ở cái nơi nghèo nàn xa xôi này, ta làm sao cứ yên lặng mãi được? Huống hồ trước đây ông ta nhờ ta mà ta từ chối chỉ vì còn mẹ già, nay mẹ già đã qua đời, ta phải ra sức giúp người tri ngộ mới được.

Hóa ra, trước đây Nhiếp Chính không nhận lời thỉnh cầu của Nghiêm Trọng tử, chỉ vì ông còn mẹ già, nếu đi trả thù cho Nghiêm Trọng tử, không sao phụng dưỡng mẹ già, đó là bất hiếu. Từ việc đó ta thấy, những người như vậy chỉ cầu danh mà không cầu lợi.

Sau khi mẹ Nhiếp Chính chết thì sao? Nhiếp Chính đi tìm Nghiêm Trọng tử để báo ơn tri ngộ.

Thế là Nhiếp Chính tới Hán Dương, gặp Nghiêm Trọng Tử nói:

- Lần trước tôi chưa nhận lời của ngài, chỉ vì nhà còn mẹ già. Nay mẹ già chẳng may qua đời, xin hỏi, kẻ thù mà ngài muốn báo là ai? Xin hãy giao việc đó cho tôi?

Nghiêm Trọng tử bèn kể tỉ mỉ kể cho chàng nghe:

- Kẻ thù của tôi là Hiệp Lũy tể tướng nước Hàn. Hiệp Lũy là chú ruột của Hàn vương, gia tộc ông ta người đông thế mạnh, nơi ở phòng vệ nghiêm ngặt, tôi đã mấy lần cho người hành thích ông ta, đều không thành công. Nay nhờ túc hạ giúp đỡ, xin phải thêm một số xa kỵ tráng sĩ để làm trợ thủ.

Nhiếp Chính nói: .

- Hàn, Vệ hai nước cách nhau không xa, nay muốn giết tể tướng của họ, vị tể tướng này lại là vương thân quốc thích, người đi không nên nhiều, người đông dễ sinh chuyện, sinh chuyện sẽ lộ tâm hơi, một khi đã lộ tâm hơi, mọi người dân Hàn đều chống lại, chẳng nguy hiểm lắm sao!

Thế là, Nhiếp Chính từ chối việc thêm người, từ biệt Nghiêm Trọng Tử, một mình lên đường.

Nhiếp Chính lo cho Nghiêm Trọng tử thật chủ đáo, cách báo đền tri kỷ như vậy, thực khiến người cảm động, mà cảm động hơn nữa là cách làm của ông sau khi hành thích thành công.

Nhiếp Chính cầm gươm sắc đi tới nước Hàn. Tể tướng nước Hàn Hiệp Lũy đang ngồi ở phủ đường, xung quanh có rất nhiều thị vệ cầm gươm giáo. Nhiếp Chính xông thẳng lên phủ đường đâm chết Hiệp Lũy, tả hữu rối loạn. Nhiếp Chính gầm lên một tiếng, giết chết một lúc mấy chục người, rồi rạch xé mặt mình, móc mắt mọi ruột ra, ngã vật xuống mà chết.

Người nước Hàn đem thi thể của Nhiếp Chính bày ở ngoài phố, bỏ tiền ra để điều tra, nhưng không ai biết. Thế là người

nước Hàn dán bố cáo treo thưởng, người nào nói được hung thủ giết tể tướng Hiệp Lũy là ai, sẽ được thưởng ngàn vàng. Nhưng sau một thời gian rất dài, vẫn không ai bắt được thân phận của hung thủ.

Nhiếp Chính tự biết, đột nhập vào trong vòng vệ sĩ của Hiệp Lũy để hành thích ông ta, không thể nào thoát chết, nên chàng không mang theo vệ sĩ, xong việc liền tự hủy hoại thân mình mục đích là để không liên lụy tới Nghiêm Trọng tử và gia đình, thật là nghĩa, hiếu vẹn cả hai. Người chị của Nhiếp Chính, cũng như chàng, là một bậc nữ lưu phi thường.

Chị của Nhiếp Chính là Nhiếp Oanh, nghe nói có người hành thích tể tướng nước Hàn, hung thủ chưa rõ thân phận, nước Hàn không ai biết, đang phơi xác ngoài chợ, treo thưởng cho người nhận được hung thủ là ai, nàng khóc rưng rức và nói:

- Có lẽ là em ta chăng: Trời ơi! Nghiêm Trọng tử trí ngộ em ta như thế ư?

Nàng lập tức đi nước Hàn. Khi tới phố chợ, nhìn người chết quả thật là Nhiếp Chính, nàng gục xuống khóc nức nở, nàng nói một cách hết sức thảm thiết.

- Đây là Nhiếp Chính người làng Thâm Tinh, ở ấp Triệt!

Những người qua chợ đều nói:

- Người này đã giết tể tướng nước tôi, nhà vua đang treo giải ngàn vàng để tìm ra thân phận anh ta, chẳng lẽ phu nhân không biết hay sao? Tại sao dám đến nhận người?

Nhiếp Oanh trả lời họ:

- Tôi đã nghe biết. Em trai tôi Nhiếp Chính trước đây sò đi chịu nhục, sống hôi hám nơi chợ búa, là vì mẹ già còn sống, tôi chưa lấy chồng. Nay mẹ già đã qua đời, tôi đã lấy chồng, Nghiêm Trọng tử tri ngộ em tôi trong lúc khó khăn, kết giao tử đó, đối với chúng tôi ớn nặng như núi. Còn cách nào khác hơn? Kê sĩ chết vì tri kỷ mà! Vì tôi còn sống ở trên đời, nên em tôi Nhiếp Chính tự hủy mặt mày, làm cho không ai nhận được, đó là sợ liên lụy đến tôi! Tôi sao có thể vì muốn tránh cái họa bị giết chết mà mai một mất tên tuổi của em tôi?

Người nước Hàn đều kinh sợ. Thế rồi, Nhiếp Oanh gào lên ba tiếng "Trời ơi" Rồi đau xót cực độ mà chết bên cạnh Nhiếp Chính.

Người các nước Tấn, Sở, Tề, Vệ nghe biết chuyện đều cảm động nói:

- Không những Nhiếp Chính anh hùng mà người chị của chàng cũng đáng bậc liệt nữ!

Giả như Nhiếp Chính biết rằng chị mình không chịu lạng lách, không sợ cái chết phơi thây, nhất định vượt hàng nghìn dặm đường nguy hiểm, để nêu danh cho em mình. Thế nhưng, nếu chàng biết chị mình cũng nguyện chết tại chợ của nước Hàn, chắc gì chàng dám hy sinh thân mình cho Nghiêm Trọng Tử. Nghiêm Trọng Tử có thể nói là rất biết người, nên đã được một nghĩa sĩ như vậy!

Nhiếp Chính sở dĩ nổi tiếng, không phải là chàng đã giết chết một vị tướng quốc chư hầu, mà ở tinh thần nghĩa hiệp để báo ơn tri kỷ và quyết không để liên lụy người khác của chàng. Trong thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, giết người như ngóe, chuyện hành thích là chuyện cơm bữa, nhưng tại sao chỉ có Chuyên Chu, Kinh Kha, Nhiếp Chính mới bất hủ cùng sử xanh? Nguyên nhân căn bản là ở đó.

Thực ra, theo một ý nghĩa nhất định, dân tộc Trung Hoa là dân tộc rất trọng đạo nghĩa và giàu dũng khí. Do những nguyên nhân nào đó, chúng ta chỉ nhìn thấy mặt ti tiện bẩn thỉu trong cuộc đời, mà xem nhẹ các mặt khác. Thực ra, bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu, cả khi cái ác chiếm địa vị thống trị tuyệt đối, thì tinh thần chính nghĩa, đạo nghĩa, hiệp nghĩa vẫn là một dòng chảy ngầm to lớn, cuộn cuộn trong nơi sâu thẳm của ý thức dân tộc, chỉ đến khi có thời cơ thích hợp thì mới trào ra.

Chúng ta không phán quyết các sự kiện cụ thể của các thích khách nghĩa hiệp đó, mà chúng ta muốn thấy được tinh thần văn hóa thể hiện qua con người của họ. Tinh thần trọng nghĩa, giữ chữ tín, cứu người lúc nguy nan, vì chính nghĩa mà quên mình để báo đền tri kỷ, có thể có tác dụng uốn nắn nhất định cho lối sống tầm thường của chúng ta. Thực ra, chúng ta đang khát vọng thú tinh thần đó, các tiểu thuyết võ hiệp lưu hành rộng rãi, tuyệt không phải chỉ để mua vui, mà còn có nguyên nhân sâu xa hơn. Vậy thì, tiểu thuyết võ hiệp đã biểu

hiện được truyền thống nghĩa hiệp của dân tộc chúng ta, mà người đời nay muốn vùi vả trút cái tinh thần đại hiệp đó xuống mọi góc ngách của xã hội, khuấy động nó lên, kết hợp cả hai nguyên nhân đó, tiểu thuyết vô hiệp bỗng lên cơn sốt.

"Vị bái hoàng kim đại thượng ý, đề huề ngọc long vị quân tử". Ngàn vàng khó được người tử sĩ, một lời có thể đền tri kỷ, tức là nếu biết trọng người thì sẽ có được kẻ sĩ dám xả thân vậy. Điều mấu chốt ở đây là lòng-trân trọng con người.

49. ỨNG BIẾN LINH HOẠT

Người Trung quốc rất ghét những "kẻ xu thời", thực ra "những kẻ ấy" đã có từ xưa, và cũng không kém phần đặc sắc so với ngày nay, có thể nói đời nào cũng có vậy.

Muốn "xu thời", phải như vận động viên lướt sóng, bắt theo hướng gió, biết lựa chiều sóng, người giỏi có thể luôn ở trên đầu sóng ngọn gió, trở thành người "lướt sóng" của thời đại, còn nếu không giỏi thì nguy hiểm lắm, có thể bị vùi dưới sóng, chìm xuống biển sâu.

Nhưng, nếu điều chỉnh một chút lối sống "xu thời", điều chỉnh năng lực một chút thì có thể trở thành thông minh và linh hoạt.

Người ta thường chê người Trung Quốc bảo thủ, cứng nhắc, ngay Lỗ Tấn cũng nói rằng ở Trung Quốc "khênh một cái bàn cũng phải đổ máu", nhưng không phải lúc nào cũng như vậy. Người Trung Quốc giỏi ứng xử, ứng xử có mưu trí, ứng xử khéo léo, có thể nói là có phương pháp hóa, đó là thuật ứng xử Trung Quốc.

Người Trung Quốc xưa nay đánh giá rất cao phép ứng xử đề cao tới mức coi nó là yêu cầu tất yếu của sự phát triển lịch sử, đó là sự "thức thời". Người Trung Quốc nhiều lúc, nhiều nơi không hề bảo thủ, mà có thể ứng xử linh hoạt trên cơ sở giữ được đạo nghĩa, tình cảm chứ không gây đổ máu.

Chưa kể những sự biến lớn trong lịch sử, chúng ta hãy nói tới sự ứng xử bình thường của những người tài trí, qua đó cũng có thể thấy được chất khôi hài, di dôm, thông minh, trong ứng xử.

Bình pháp nói: "Tướng tại ngoại, quân mệnh hữu sở bất thụ", Tức là khi đánh trận, tình hình thiên biến vạn hóa, có thể dựa vào tình hình thực tế mà xử sự, có thể không tuân theo lệnh vua. Ta hãy xem ví dụ về Cáp Âm.

Hán Vũ đế lên ngôi, Cáp Âm làm chức quan truyền đạt thánh chỉ. Người Đông Việt đánh lẫn nhau, vua sai ông đi điều tra tình hình, ông đến nước Ngô rồi quay trở về bẩm:

- Người Việt đánh lẫn nhau, chẳng qua là thói quen của họ, không đáng để bệ hạ quan tâm.

Hà Nội bị hỏa hoạn cháy hơn ngàn nhà, vua sai ông đi nắm tình hình, Cáp Âm trở về bẩm:

- Cháy nhà là do các nhà sát nhau quá, lửa lan nhanh nên cháy mất nhiều nhà đó thôi, cũng không đáng để hoàng thượng phải lo nghĩ. Khi thần tới Hà Nội, dân chúng Hà Nội đói nhiều thiên tai, có tới hàng vạn nhà không còn gì để ăn, có

nơi cha con đã phải ăn thịt nhau. Thần cho việc đó cần giải quyết ngay, đã dùng phù tiết^(*) điều phát lương thực trong kho Hà Nội ra để cứu tế dân vùng thiên tai. Xin cho thần được trao trả lại phù tiết và xin nhận tội đã giả truyền thánh chỉ".

Nhà vua cho ông là người hiền, tha tội và bổ làm huyện lệnh ở Huỳnh Dương. Cấp Âm xấu hổ về việc ấy nên cáo ốm trở về nhà. Nhà vua bèn triệu ông về làm trung đại phu. Do hay can gián, ông không được ở lâu trong triều, bị đày đi làm thái thú Đông Hải.

Cấp Âm thật là kỳ quặc, việc vua sai ông làm, ông không làm, việc không sai làm ông lại làm. Ông cầm phù tiết của vua, đi điều phát lương thực, cứu tế trăm họ, theo pháp luật thời đó, giả truyền chiếu chỉ có thể bị tịch thu gia sản và chém đầu cả nhà. Nhưng ông làm như vậy là vì ông lo cho nhà vua, mà Hán Vũ đế cũng không phải là người khắc nghiệt lắm, nên Cấp Âm mới được miễn tội, còn được Hán Vũ đế cho là tài năng, tin nhiệm thăng quan. Cấp Âm do đặc điểm đó mà thành ông quan nổi tiếng, "Sử Ký" xếp ông vào diện "tuần lại".

Trong thời chiến, ký hiệp ước liên minh là một nghệ thuật cao siêu, thời Xuân Thu Chiến Quốc, nếu không biết tìm lối thoát trong những khe hở của chiến tranh thì các nước nhỏ sẽ nhanh chóng bị diệt vong, vì vậy tài ứng biến thường trở nên

(*) Phù tiết là tín vật mà nhà vua trao cho người đại diện mình (N.D.)

hết sức quan trọng. Nước Trịnh là nước nhỏ ở Trung Nguyên, nước Sở muốn phát triển lên phía bắc phải lấy được Trịnh, nước Tấn muốn phát triển về nam cũng phải giành được Trịnh, nước Tề muốn phát triển về tây, vẫn phải tranh thủ Trịnh, cho nên nước Trịnh trở thành điểm nóng của chiến tranh.

Có lần, nước Tấn, nước Tề bao vây đánh Trịnh, Trịnh không cách nào khác, chuẩn bị nghị hòa. sau đây là quá trình nghị hòa đó:

Nước Trịnh sợ, bèn sai người đi nghị hòa. Tuân Yến nước Tấn nói:

- Bao vây xong nước Trịnh, chờ quân Sở đem viện binh tới sẽ đánh. Nếu không được như vậy sẽ không có giảng hòa thật sự.

Tướng nước Tấn là Tri Anh nói:

- Đồng ý liên minh với họ, nhưng lui binh sau, dùng cách đó làm người Sở mệt mỏi. Chúng ta đem bốn quân chia làm ba bộ phận, thêm quân tinh nhuệ của chu hầu để đón đánh quân kéo tới, đối với ta thì không mệt nhọc, nhưng quân Sở dễ không chịu nổi. Như vậy còn hay hơn quyết chiến. Phải lợi xương trắng để lấy sự khoái trí nhất thời, ta không dùng cách đó để giành thắng lợi với kẻ địch. Quân tử dùng trí, tiểu nhân dùng sức, đó là lời dạy của tiên vương.

Chu hầu không muốn đánh, tức có ý muốn giảng hòa với Trịnh. Ngày 10 tháng 11, cùng nhau kết liên minh tại đất Hí, đó là do nước Trịnh thuận phục.

Khi sắp kết minh, sáu khanh nước Trịnh, công tử Phi, công tử Phát, công tử Gia Thường, công tử Sái, công tôn Xá và các đại phu của họ đều theo sau Trịnh Bá. Sĩ phu nước Tấn là Trung Từ, người viết minh ước nói:

- Sau buổi ký kết hôm nay, nước Trịnh nếu không làm theo hoặc có ý khác, sẽ như minh ước đã ghi?

- Công tử Phi nước Trịnh bước tới nói: "Trời cao giáng họa cho nước Trịnh, để Trịnh bị kẹp giữa hai nước lớn. Nước lớn không ban cho Trịnh một lời hữu nghị nào, còn phát động chiến tranh, ép chúng tôi phải liên minh, khiến quý thân của chúng tôi không được tề lễ, trăm họ không được hưởng sản vật trên đất đai của mình, dân ông, dân bà vất vả gầy yếu, không biết kêu đâu. Từ nay, sau khi liên minh, nếu nước Trịnh không dùng lực lượng lớn mạnh để bảo vệ đất nước mà dám có ý khác thì sẽ như minh ước đã ghi."

Tuấn Yển nước Tấn nói:

- Phải sửa lời thề trong minh ước!

Công tôn Xá nói:

- Đã đem minh ước báo cáo với thần linh rồi. Nếu có thể sửa đổi, nước lớn có thể phản bội.

Trĩ Anh và Tuân Yển nước Trịnh nói:

- Chúng ta thực không hợp với đạo nghĩa, nhưng dùng mình ước để ép buộc người khác, chẳng lẽ hợp với lễ nghi? Không hợp lễ nghi, dùng cái gì để chủ trì liên minh". Hãy tạm liên minh để rút quân, tu dưỡng đức hành, chinh đốn quân đội sau sẽ lại, cuối cùng tất sẽ thắng Trịnh, hà tất phải là hôm nay? Hành vi của chúng ta không phù hợp đạo đức, trăm họ rồi sẽ bỏ mặc chúng ta, chẳng lẽ các ông còn sợ nước Trịnh? Nếu bình yên tốt đẹp, người phương xa cũng sẽ tới, tại sao phải dựa vào nước Trịnh? Vì vậy bèn kết minh trước rồi về nước sau.

Người Tấn ở Trịnh không thỏa mãn nguyên vọng, lại dẫn chư hầu lần nữa đánh vào nước Trịnh. Ngày mùng 5 tháng 12, vượt sông ở Âm Bản, đánh vào Trịnh, đóng quân ở Âm Khẩu rồi trở về. Tử Không nói:

- Quân Tấn có thể tiến công, quân đội ở ngoài thời gian dài sẽ rất mệt mỏi, lại cũng đã muốn về, nên có thể thắng họ.

Tử Triển nói:

- Không được.

Từ đó có thể thấy rõ, lần thứ nhất đánh Trịnh, người Trịnh không thực sự muốn liên minh, như tướng Tấn Tuân Yển nói, không đánh thì không có sự giảng hòa thực sự. Người Trịnh nói nhiều về lời thề, còn trách mắng người Tấn, chắc rằng sau khi người Tấn về càng nghi càng giận, lại cất quân đánh Trịnh

lần nữa. Lần này, người Trịnh không dám nói nhiều về lời thề, nhưng cũng không thành tâm nghị hòa. Người Sở nghe nói nước Trịnh đã theo nước Tấn, và nghe nói nước Tấn sai họ đi đánh nước Thái, bèn lập tức đem quân đi đánh. Người Sở đến, người Trịnh bèn phản lại mình ước với Tấn, mà lý do cũng rất đầy đủ:

Lỗ Lương công năm thứ tám (Năm 565 trước CN). Từ Tương nước Sở đánh nước Trịnh

Từ Tú, Từ Quốc, Từ Nhĩ chủ trương theo Sở. Từ Khổng, Từ Kiêu, Từ Triều chủ trương chờ nước Tấn cứu viện. Từ Tú nói:

- Trong Chu thi có lời như sau: "Chờ cho nước sông Hoàng lắng trong, tuổi thọ con người được mấy? Bối toán khắp nơi, tự mình sa lưới". Bàn bạc với nhiều người quá, lăm ý quá, dân không biết đâu mà theo, việc càng khó thành, trăm họ sẽ nguy thêm. Tạm thời theo nước Sở để giảm bớt nỗi khổ của dân. Quân đội nước Tấn đến, chúng ta lại phải theo họ. Phải cung cấp của cải cho họ, để chờ họ đến, đó là việc nước nhỏ phải làm. Hy sinh ngọc lụa, đổi trên biên giới, để chờ nước mạnh bảo vệ trăm họ của chúng ta. Kẻ địch không gây tai họa, trăm họ không mệt mỏi khó khăn, cũng được chứ sao?

Từ Triển nói:

- Nước nhỏ thờ nước lớn ở chữ tín. Nếu không chiến tranh và tai họa sẽ ngày nào cũng có, chẳng mấy mà diệt vong. Chứ

tin của năm lần liên minh, nay lại định hủy bỏ, tuy nước Sở cứu viện ta thật, nhưng có ích gì? Thân với nước Sở chẳng lợi ích gì cho ta. Họ muốn ta phải sáp nhập vào họ, ta không thể nghe theo họ được, vẫn nên đợi nước Tấn thì hơn. Vua nước Tấn tương đối hiền minh, bốn quân hoàn chinh, tám khanh thuận hòa, tất nhiên không bỏ nước Trịnh. Quân nước Sở ở xa chúng ta, lương thực ăn hết, sẽ phải nhanh chóng rút về, chúng ta sợ gì? Tôi đã từng nghe nói:

“Không gì chắc chắn bằng chữ tin”. Cùng cố phòng vệ làm Sở mệt mỏi, dựa vào chữ tin đợi chờ quân Tấn, cũng được chứ sao?

Tử Tú nói:

- Kinh Thi dạy rằng: "Lắm ý kiến, việc khó thành. Người nêu ý kiến chen chặt sân, nhưng ai là người chịu trách nhiệm sai lầm? Vì như người nào vừa đi đường vừa bàn chuyện với người khác sẽ chẳng được việc gì." Nên hãy theo nước Sở, Phi chịu trách nhiệm.

Tử Tú thấy theo cách nhìn nhận của thì sự kết minh là giả tạo, kết minh dưới sức ép của vũ lực là không chân thành, đến quý thân cũng đã phải phẫn nộ, còn nói chi tín nghĩa. Cho nên, có phần bội minh ước đó, quý thân không trách tội, còn phù hộ là khác. Theo chỉ đạo của cái lý luận đó của Tử Tú, nước Trịnh chẳng còn do dự, giảng hòa với nước Sở, còn sai người sang trách nước Tấn.

Vương tử Bá Biên được cứu sang nói với vua Tấn:

- Đại vương lệnh cho tể quốc chinh đốn quân xa, xa binh bộ binh phải sẵn sàng chiến đấu, để dẹp động loạn. Người nước Sái không theo, người tể quốc không dám ngồi yên, thu tập quân đội, để đánh nước Sái, bắt sống Tư Mã Nhiếp, nay người Sở đến thảo phạt nói tại sao tể quốc đánh Sái. Người Sở đốt thành lũy nước thần, xâm phạm thành quách nước thần. Dân chúng tể quốc phải cứu giúp nhau, nước nhà nguy khốn, chẳng biết kêu ai. Trăm họ tan tác, kẻ chết người chạy trốn, ai nấy khóc than, không biết nương tựa vào đâu. Bách tính thấy sơn cùng thủy tận, đành chấp nhận kết minh với nước Sở. Chúng thần không thể ngăn nổi, không dám không tâu trình đại vương.

Tri Vô Từ sai Từ Viên trả lời:

- Quân vương được tin quân Sở đi thảo phạt cũng cho người nói ta biết, mà lại còn khuất phục nước Sở. Ý của quân vương ai dám phản đối? Quả quân chuẩn bị dẫn chư hầu đến gặp các người ở chân thành, quốc quân của nhà người hãy chuẩn bị.

Đúng là sự nói sự phải, vãi nói vãi hay, cuối cùng ai đúng ai sai thật khó xác định. Thực tế thì "cường quyền là chân lý sức mạnh", ai có quân đội mạnh thì người ấy có lý, nước Trịnh có lý luận đến mấy cũng chẳng ích gì. Sách lược liên tục thay đổi của Trịnh, tuy là chuyện khổ tâm nhưng cũng giữ cho nước Trịnh tồn tại được lâu dài. Nếu không biết ứng biến như vậy, Trịnh sớm đã bị Tấn hoặc Tần thôn tính. Tới cuối thời Xuân

Thu thì Trịnh cũng bị diệt vong, nhưng đó không phải là sai lầm trong ứng biến, mà là sự tất yếu lịch sử không thể cứu vãn nổi.

Trên đây là chuyện ứng biến trong việc liên minh thời chiến giữa các chư hầu, với các nhà trí thức cũng vậy. Có lúc họ tỏ ra bảo thủ ghê gớm, nhưng sự bảo thủ đó cũng do họ tự nghĩ ra, vì vậy họ đồng thời cũng là những nhà cải cách. Hãy nói về cái lễ tiếp kiến "ba cúi chín lạy", nay xem lại thật "phong kiến" nhưng không phải không hợp với thời nay. Ta hãy theo dõi câu chuyện này:

Thúc Tôn Thông chạy sang hàng phiến quân, đệ tử đi theo hơn trăm người, nhưng ông không tiến cử ai với Hán vương, chỉ tiến cử cho Hán vương mấy người khỏe mạnh đã từng làm trộm cướp. Các đệ tử nói:

- Chúng tôi theo tiên sinh mấy năm nay, may được theo tiên sinh hàng Hán quân, nay tiên sinh không tiến cử chúng tôi, toàn tiến cử những người gian ác, tại sao?

Thúc Tôn Thông mới nói với họ:

- Hán vương hiện nay đang đội tên đội đá đi giành thiên hạ, các người là thu sinh có đi đánh trộm được không? Vì vậy phải tiến cử những người có thể chém đầu tướng địch nhỏ cò quân địch. Các học trò hãy đội ta, ta sẽ không quên.

Hán vương để Thúc Tôn Thông làm bác sĩ, phong hiệu Tắc Tự quân.

Sau khi Hán vương giành được thiên hạ, các chư hầu tôn Hán vương làm hoàng đế ở Định Đào, Thúc Tôn Thông hoàn thành các nghi thức và hiệu lệnh của nhà Hán. Hán Cao tổ bỏ hết các nghi thức, pháp lệnh của nhà Tần, lập lại đơn giản hơn. Các đại thần uống lắm rượu tranh nhau công lao, có người say còn hô hét âm ỉ, rút kiếm chém vào cột, hoàng thượng rất ghét chuyện đó. Thúc Tôn Thông biết vậy, nói với nhà vua:

- Kẻ đọc sách không dẫn binh đánh trận giành thiên hạ, nhưng có thể giữ được thiên hạ. Thần muốn được gọi những sĩ phu đất Lỗ cùng đám đệ tử của thần cùng soạn đặt các nghi thức trong triều.

Hán Cao tổ nói:

- Làm việc đó khó không?

Thúc Tôn Thông nói:

- Âm nhạc Ngũ đế khác, lễ chế Tam vương khác. Lễ chế được đặt ra theo thời đại và nhân tình, để giữ khuôn phép cho hành vi con người. Lễ chế của các triều Hạ, Ân, Chu nội dung đều có tăng giảm khác nhau là vì vậy, không trùng lặp nhau. Thần muốn kết hợp lễ chế cổ cùng nghi thức của Tần để chế đặt thành lễ nghi mới.

Nhà vua nói:

☞ Khanh có thể thử xem, làm sao cho tiện để trăm có thể thực hiện được.

Thúc Tôn Thông cho tập hợp hơn ba chục sĩ phu đất Lỗ. Đất Lỗ có hai sĩ phu không chịu đến, nói:

- Ông chẳng có chục người đang làm cho ông, do a dua xu phụng mà gần gũi tôn quý rồi ư? Nay thiên hạ vừa mới bình yên, người chết còn chưa chôn hết, người bị thương còn chưa chữa lành, đã muốn bày trò lễ chế âm nhạc. Muốn có lễ chế âm nhạc phải cần hàng trăm năm tích lũy chính đức. Chúng tôi không làm cái việc này làm. Các ông làm không phù hợp cách làm cổ xưa, tôi không đi. Các ông hãy đi đi, đừng dây bẩn tôi tôi!

Thúc Tôn Thông cười và nói:

- Ông thật là một nho sinh hủ lậu, không biết thời đại đã đổi thay rồi!

Thế rồi ông cùng ba mươi người vừa triệu tập đến đi về phía tây qua cửa Hàm Cốc, cùng với những cận thần tả hữu của nhà vua, một số người có học vấn và hơn một trăm đệ tử của ông, dựng người cõ ngoài đồng, phân tôn ti thứ tự rồi tập luyện được hơn một tháng trời, Thúc Tôn Thông nói:

- Hoàng thượng có thể xem.

Nhà vua cho họ thực hiện nghi lễ, nói:

- Ta có thể làm được.

Rồi lệnh cho các đại thần học tập, lúc đó vừa đúng dịp lễ hội tháng mười của triều đình.

Hán Cao tổ năm thứ bảy (200 trước Công nguyên), cung Trường Lạc xây xong, các chư hầu và đại thần tổ chức lễ triều bái tháng mười. Nghi thức như sau: Trước khi trời sáng, những người triều bái thi lễ, theo thứ tự vào cửa điện, trong cung đình đã sắp đặt sẵn ngựa xe, kỵ binh và các binh lính quân quan thủ vệ, cấm cò, bày đặt vũ khí, có tiếng truyền: "Nhanh". Dưới điện sảnh chính, các lang trung đứng ở các bậc, mỗi bậc có tới hàng trăm người. Các công thần, các chư hầu, các tướng lĩnh, sĩ quan theo thứ bậc từ trên xuống dưới đứng ở phía tây, mặt hướng về đông; quan văn tế tướng trở xuống đứng ở phía đông, mặt quay về tây. Quan sứ đại hành tiếp tân khách sắp đặt vị trí cho cừu khanh, xuống tên theo thứ tự. Rồi hoàng đế ngồi xe nhỏ từ trong phòng ra, các quân quan truyền hô xuống cảnh, theo thứ tự vào chúc mừng nhà vua. Ai nấy đều cảm thấy nghiêm trang long trọng. Những người làm lễ ở đại điện đều cúi rạp xuống đất, theo tôn ti trật tự từng người vào chúc thọ hoàng thượng. Rượu lễ uống xong chín chén, người phụ trách lễ tân hô: "Dùng uống rượu". Ngự sử đi tới thực hiện pháp lệnh, phạm làm không đúng quy tắc đầu bắt đi trị tội. Suốt buổi triều hội, đều có rượu, nhưng không ai dám làm ồn thất lễ. Hán Cao tổ nói:

- Chỉ hôm nay ta mới thấy được sự cao quý của hoàng đế.

Nhà vua cho Thúc Tôn Thông làm phụng thừa, thường ông năm trăm cân vàng.

Thúc Tôn Thông thừa cơ tiến cử luôn:

- Đám nho sinh đệ tử của thần đã theo thần nhiều năm, họ cùng thần làm nên nghi lễ hôm nay, mong bệ hạ thưởng cho họ chúc quan.

Hán Cao tổ cho bọn họ chúc lang trung. Thúc Tôn Thông ra khỏi cung, đem năm trăm cân vàng ban phát cho đệ tử. Đám thư sinh sung sướng nói:

- Thúc Tôn Thông tiên sinh là thánh nhân, hiểu hết mọi việc trên đời này.

Thúc Tôn Thông quả là một người giỏi, ông là bậc đại nho đương thời, không những tiến cử cho Hán vương những nhân tài hợp thời thế, mà quan trọng hơn là có phương thức thích hợp để ràng buộc đám vô tướng ương ngạnh của Lưu Bang. Lưu Bang cho lễ nghi không hợp thời, thu sinh đất Lỗ cũng cho rằng lễ nghi phải vài trăm năm mới lập nên được, nhưng Thúc Tôn Thông lại có ý kiến độc đáo, và thủ là thành công ngay, làm cho Lưu Bang phải đặc ý mà nói: "Chỉ hôm nay ta mới thấy được sự cao quý của hoàng đế".

Học trò cao Thúc Tôn Thông gọi ông là "thánh nhân", "thánh" ở chỗ hiểu hết mọi việc trên đời. Có thể thấy rằng tài ứng biến là điều kiện cần thiết để trở thành "thánh nhân".

Ứng biến là một hoạt động trí tuệ, mà là hoạt động trí tuệ cao cấp. Người ngu muội và hủ lậu, chỉ biết khu khu theo khuôn phép cũ, theo bước chân người, thì mãi mãi không dám vượt khuôn khổ. Thuật ứng biến là tính sáng tạo của trí

tuệ không phải người thông minh tài trí sẽ không có được, không phải người đại dũng đại nhân, không thể có sáng tạo được.

Thế nhưng, sự vật gì cũng có thể thoái hóa. Với những kẻ xấu, khả năng ứng biến sẽ trở thành pháp bảo giữ mình và tồn tại; còn những người không biết ứng xử trở nên lố thời hoặc liều lĩnh.

Nhưng ánh hào quang rực rỡ của hoạt động trí tuệ cao thượng ấy không thể bị che lấp bởi sự phá phách của những kẻ kém cỏi tầm thường.

Hãy cẩn thận trong ứng xử!

50. TRĂM THỨ BIẾT, BIẾT NGƯỜI LÀ TRÊN HẾT

Trong "Bình pháp Tôn tử" có câu nói nổi tiếng: "Biết người biết ta, trăm trận không thua; không biết người mà biết ta, một thắng một thua; không biết người không biết ta, trận nào cũng thua". Có thể nói rằng đó là sự tổng kết tinh túy của kinh nghiệm chiến tranh từ xưa tới nay.

"Biết người" là một điều phức tạp, nó bao gồm sự hiểu biết mọi mặt về tướng lĩnh, binh sĩ, năng lực chiến đấu, hoàn cảnh. Nói "biết người" khó, "biết mình" càng khó hơn, vì "người trong cuộc khó thấy mình", thường người ta khó giữ được khách quan khi tự đánh giá mình khó được khách quan. Nếu thực là hiểu được sâu sắc, chính xác về người và hiểu biết sâu sắc chính xác về mình, thì đúng là trăm đánh trăm thắng.

Nhưng để "biết người" thì có lẽ quan trọng hơn cả là biết được các nhân tố về tính cách, mưu lược, tính tình, tình cảm, chí hướng của người chủ soái. Nếu nắm được chủ soái của đối phương thì sẽ nắm được quyền chủ động. Dù cho ta không bằng đối phương, nhưng nắm được đối phương, cũng sẽ không thua, người ta thường nói: "không đánh được, nhưng tránh được".

Thời Tam quốc Gia Cát Lượng đối trận với Tư Mã Ý. Có nhiều chuyện rất hay xung quanh việc Gia Cát Lượng từng ca ngợi Tư Mã Ý là "người có tài", ít nhiều có kiêng nể ông ta. Nhưng về mưu lược và hiểu biết thì ông hơn hẳn Tư Mã Ý. Gia Cát Lượng không sợ Tư Mã Ý mà chỉ đề phòng ông ta thôi. Nhưng về phía Tư Mã Ý, ông ta thật "biết mình biết người", biết mình không bằng Gia Cát Lượng, nên cẩn thận đề dặt, tuy chưa đánh bại được Gia Cát Lượng, nhưng cũng không đến nỗi bị Gia Cát đánh cho liểng xiểng.

Có thể nói rằng Tư Mã Ý và Gia Cát Lượng là những đối thủ "biết mình". Một lần, Gia Cát Lượng biết Tư Mã Ý sợ không dám xuất chiến, bèn sai sứ giả chế giễu ông ta.

Hai bên cầm cự đã lâu ngày. Một hôm, bỗng nghe báo Gia Cát Lượng dẫn quân đến đóng ở Ngũ Trượng Nguyên, sai người mang đến một chiếc hộp và một lá thư. Tư Mã Ý cho gọi người đó lại. Tư Mã Ý nhận hộp, mở ra xem, thấy là đồ trang sức và áo lót đàn bà, xem thư thì thấy cười Ý là đại tướng mà như đàn bà trong khuê phòng, tránh mặt không dám ra đánh, không có khí khái của bậc đại trượng phu.

Tư Mã Ý cả giận, nhưng biết kiềm chế, giả vờ cười rằng: "Gia Cát Lượng lại ví ta như đàn bà!" Nói xong, dặn cất hộp đi, thưởng cho người mang đến.

Tiếp đó ông hỏi người mang thư đến:

- Thưa tướng các ông lúc thường ăn uống thế nào, có bận không?

Người đó trả lời:

- Thừa tướng ngày nào cũng làm việc tới khuya, phạm tội phạt hai mươi roi trở lên, nhất định phải qua ông xét xử, nhưng ăn uống thì ngày không được vài bát.

Tư Mã Ý nghĩ tới những bộ tướng của mình, cười nói:

- Gia Cát Lượng đúng là mãi lo việc chung, có điều là không chịu giao việc cho người khác, phạm việc lớn nhỏ, đều muốn tự quản lý, làm chủ soái sao lại như vậy? Huống hồ lại ăn ít làm nhiều, chắc chẳng sống lâu!

Sứ giả trở về trại Thục, đem chuyện Tư Mã Ý nhận đồ và đem lời của ông ta nói lại với Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng nghe xong bất giác thở dài, nói: "Tư Mã Ý coi như hiểu ta!" Nguyên do, Gia Cát Lượng làm việc quá sức, thần kinh căng thẳng, có lúc còn nôn ra máu.

Sau việc đó không lâu, Gia Cát Lượng quá sức, ốm chết ở Ngũ Trượng Nguyên.

Gia Cát Lượng và Tư Mã Ý, hai người biết rất rõ ưu điểm, nhược điểm và tính tình của nhau, cặp đối thủ đó mỗi khi chạm trán trên chiến trường, có thể nói là cò trống tương đương. Tư Mã Ý biết mình không giỏi bằng Gia Cát Lượng, mình thua nhiều thắng ít là chuyện bình thường. Nhưng do ông ta "biết người", nên đã tránh được sự tiến công của đối phương, tìm được sơ hở của đối phương để tiến công, không đến nỗi để "trận nào cũng thua". Tư Mã Ý muốn kéo cho tới khi Gia Cát Lượng chết, mới tính chuyện dẹp Thục.

Còn Tư Mã Ý là Tư Mã Chiêu, cũng thật là biết người, khi sai đại tướng Chung Hội và Đặng Ngải đi đánh Thục, ông đã tiến hành phân tích tình hình một cách độc đáo, có thể nói là nắm chắc Chung và Đặng như trong lòng bàn tay, dù hai người có làm phản hay không, cũng không thoát khỏi sự khống chế của Tư Mã Chiêu. Quá trình sự việc như sau:

Thoạt đầu, Tư Mã Văn vương (Tư Mã Chiêu) muốn sai Chung Hội đi đánh nước Thục. Một viên quan dưới quyền tên là Trâu Đế xin cầu kiến, nói với Văn vương:

- Nay đã sai Chung hội thống lĩnh mười vạn đại quân đi dẹp Thục. Theo ngu kiến của thần, Chung Hội có thể một cách bình thường ra trận, không nên có trọng trách, nếu không, có thể có sự biến bất trắc, chi bằng sai người khác đi.

Văn vương cười nói:

- Chẳng lẽ ta không hiểu điều đó ư? Nước Thục gây tai họa cho thiên hạ, làm lê dân không được yên ổn, nay ta đánh Thục, thắng lợi đã như trong bàn tay, mà mọi người lại bảo khó đánh được Thục. Nếu do dự khiếp sợ, sẽ mất hết trí tuệ và dũng khí, trí tuệ và dũng khí đã không còn, dù có miễn cưỡng sai đi, cũng chỉ có thể thành tù binh cho địch mà thôi. Chỉ có Chung Hội là có ý định giống chúng ta, nay sai Hội đi đánh Thục, nhất định có thể diệt được Thục. Sau khi diệt Thục, nếu có xảy ra chuyện như khanh nói, ông ta liệu có thể làm gì? Các tướng thua trận không thể nói chuyện dũng khí với ông ta được, các đại phu mất nước không thể mưu giữ

nước cùng ông ta, vì họ đã sợ vô mặt rồi. Nếu như Tây Thục bị phá tan, những người còn sót lại hoảng sợ, không dám âm mưu khởi sự cùng họ; các tướng sĩ trung nguyên thì nhớ nhà, sẽ không theo ông ta. Nếu nổi loạn, chỉ tự dẫn đến họa diệt tộc mà thôi. Khanh khỏi phải lo chuyện này, và cẩn thận đừng để người khác biết chuyện.

Tối khi Chung Hội bẩm báo rằng Đặng Ngải có hiện tượng làm phản. Văn vương dẫn quân về phía tây, Trâu Đế lại nói:

- Quân của Chung Hội gấp năm sáu lần quân Đặng Ngải, chỉ cần lệnh cho Chung Hội bắt Đặng Ngải là được, chưa cần bệ hạ phải thân chinh.

Văn vương nói:

- Khanh quên những lời nói lần trước rồi sao? Sao lại nói có thể không cần ta tự đi? Tuy vậy, những lời nói đó không thể tách rời nhau. Bản thân ta phải dùng tin nghĩa đối xử với người, nhưng người khác cũng không nên phụ lòng ta, sao ta lại nghi ngờ người ta trước? Mấy ngày qua trung hộ quân Giả Sung từng nói với ta: có chút nghi ngờ gì Chung Hội không? Ta trả lời: Ví dụ nay ta sai người đi, chẳng nhẽ ta còn nghi người ư? Ta về tới Trường An, mọi việc sẽ đầu vào đó.

- Khi quân của Tư Mã Chiêu về tới Trường An, Chung Hội quả nhiên đã chết đúng như dự kiến của Tư Mã Chiêu.

Tư Mã Chiêu biết hai người sẽ phản, nhưng lại sai hai người đi, là để dùng tài dũng của họ. Đúng vậy, nếu không có

Đặng Ngải qua đường tắt, tập kích vào Thành Đô, nước Thục chưa biết bao giờ mới phá được. Chính là do nhờ có Đặng Ngải, Chung Hội hai bên ngoại nội giáp công, mới phá được Thục nhanh như vậy. Nhưng hai người đều rắp tâm phản nghịch, nên, ghim nhau. Chung Hội bắt Đặng Ngải trước, tuyên bố làm phản, nhưng rồi bị bộ tướng giết chết, Đặng Ngải cũng bị loạn quân giết chết. Hai người lấy được Thành Đô, nhưng biểu không cho Tư Mã Chiêu. Cho dù Chung Hội có làm phản thành công ở đất Thục, Tư Mã Chiêu cũng không sợ, vì ông đã đoán được trước, lòng dân đất Thục không theo, Chung Hội không thể thành đại sự. Huống hồ Tư Mã Chiêu nghe Chung Hội báo tin Đặng Ngải làm phản, liền dẫn đại binh đi về phía tây, các tướng đều không hiểu, thực ra dụng ý của Tư Mã Chiêu không phải là đối phó với Đặng Ngải mà là đối phó với Chung Hội. Có thể nói Tư Mã Chiêu đã sắp đặt mưu kế vẹn toàn.

Đó là ví dụ về vua chúa hiểu bề tôi, còn rất nhiều ví dụ về bề tôi hiểu vua chúa. Đương nhiên bề tôi hiểu vua chúa không nhất định làm thay đổi vua chúa, nhưng có ích cho việc xác định thái độ của mình.

Việc Sở Thành vương lập người nối dõi thật nực cười, ông ta không sáng suốt trong việc nhận xét mọi người, lại không nghe lời bề tôi, nên cuối cùng bị thất cổ chết, còn thầy dạy của Thương Thần thì đã quá rõ học trò của ông, đã thúc đẩy vụ loạn con giết cha.

Năm Lô Văn Công nguyên niên (266 trước Công nguyên) thoát đầu, Sở vương định lập Thương Thân làm thái tử, có ý trung câu thêm ý kiến của lệnh doãn Tử Thượng. Tử Thượng nói:

- Đại vương tuổi chưa cao, lại có nhiều quý phi được sủng ái. Nếu lập Thương Thân làm thái tử, về sau lại phế truất sẽ gây họa loạn. Nước Sở lập thái tử, xưa nay thường chọn người nhỏ tuổi. Mà Thương Thân thì mất như ong chết, tiếng nói như lang sói, là con người tàn ác vô tình, không thể lập thái tử được.

Sở vương không nghe lời Tử Thượng, vẫn lập Thương Thân làm thái tử. Ít lâu sau, lại muốn phế truất Thương Thân, lập công tử Chúc làm thái tử. Thương Thân biết tin này, chưa rõ đầu đuôi, bèn đi xin ý kiến thầy dạy là Phan Tung:

- Làm sao biết được tin này là thật hay giả?

Phan Tung nói:

- Điện hạ hãy mở tiệc mời bà cô tới dự, rồi giả bộ như không tôn kính bà.

Thương Thân nghe theo, mời bà cô sang ăn tiệc rồi cố ý làm nhục bà, bà cô nổi giận nói:

- À, quân đồn mật, chẳng tránh quân vương muốn giết mày mà lập công tử Chúc làm thái tử. Thương Thân nói lại với Phan Tung:

- Đúng là vua cha muốn phế truất ta.

Phan Tung nói:

- Điện hạ có thể thờ công tử Chúc không?

Thương Thần đáp:

- Không?

Tung lại hỏi:

- Điện hạ có thể trốn ra nước ngoài không?

Thương Thần trả lời:

- Không.

Phan Tung hỏi tiếp:

- Điện hạ có thể làm việc lớn không?

Thương Thần trả lời:

- Có.

Tháng 10, Thương Thần dẫn vệ sĩ trong cung tới vây bắt Thành vương. Thành vương xin được ăn xong món chân giò gấu rồi sẽ chết, nhưng Thương Thần không cho, ngày 18, Thành vương thất cổ tự tử, thụy^(*) là "Linh". Nhưng Thành vương chết mà không nhắm mắt, phải đổi thụy lại là "Thành", mới nhắm mắt.

(*) *Thụy là tên hiệu đặt cho vua sau khi vua đã chết (N.D.)*

Sau khi Sở Mục vương lên ngôi, ông cho toàn bộ nhà cửa, của cải của thái tử cho Phan Sùng, cho ông làm thái su, phong ông làm chỉ huy cảnh vệ quân trong cung.

Phan Tung hiểu Thương Thần như lòng bàn tay, ông đã vạch kế hoạch cho Thương Thần lên ngôi báu, nhưng có những việc chỉ có thể dự kiến mà không cách nào thay đổi được.

Công tử Châu Hu là con của bà cơ được Vệ trang công yêu quý, tính thích động võ, Trang công cũng chẳng ngăn cấm. Vệ phu nhân Trang Khương rất ghét Châu Hu. Đại phu nước Vệ là Thạch Thước khuyên gián Trang công:

Hạ thần nghe nói thái tử ít được dạy dỗ đạo nghĩa, để công tử quen thói kiêu ngạo, xa hoa, bừa bãi, phóng túng, đó là căn nguyên của tội ác. Sở dĩ có bốn tình xấu đó, đều do được chiều chuộng quá mức. Nếu muốn lập Châu Hu làm thái tử, phải quyết định ngay, nếu không sẽ gây hậu họa. Người được chiều mà vẫn ngoan, lòng giận mà vẫn kiềm chế được, ít lắm. Hơn nữa, người địa vị thấp hèn cản trở người quyền quý, người ít tuổi lấn át người nhiều tuổi, người họ xa ly gián người họ gần, người mới ly gián người cũ, kẻ yếu bắt nạt kẻ mạnh, phóng đảng phá hoại đạo đức, đó là sáu điều nghịch. Vua nhân nghĩa, tôi hết mình vì nhiệm vụ, cha mẹ nhân từ, con cái hiếu thảo, anh lớn nhân ái, em út cung thuận, đó là sáu điều thuận. Không làm điều thuận, làm theo điều nghịch sẽ là nguyên nhân dẫn đến tai họa. Nhiệm vụ của vua chúa là phải

ngăn trừ họa hoạn, nay lại làm cho nó đến mau hơn, e rằng không nên?

Vệ Trang công không nghe. Con của Thạch Thuộc vốn chơi thân với Châu Hu, Thạch Thuộc cấm, nhưng không nghe. Ít lâu sau, Vệ Hoàn công lên ngôi, Thạch Thuộc xin về nghỉ hưu.

Năm sau, quả nhiên Châu Hu giết Hoàn công, tự lên ngôi, nước Vệ từ đó loạn lạc không ngừng.

Tục ngữ nói: "Biết con không ai bằng cha, mà hai người cha kể ở trên không biết con mình, dẫn đến bị mất cả mạng, dù thấy biết người" khó lắm. "Biết người" đã khó, "biết mình" càng khó hơn, ngay cả những người lòng dạ thẳng ngay cũng có lúc không biết được mình, có lúc cần người ngoài nhận xét thêm mới tỉnh ngộ. Ta hãy nghe đoạn đối thoại sau đây của Ngô Khởi và Điền Văn:

Ngô Khởi là tướng nước Ngụy giữ Tây Hà, có công lớn, rất nổi tiếng. Về sau, nước Ngụy đặt chức tướng quốc, bổ nhiệm Điền Văn làm tướng quốc. Ngô Khởi thấy vậy không vui, nói với Điền Văn:

- Tôi với ông, ta thử so sánh công lao, được không?

Điền Văn trả lời:

- Dương nhiên là được.

Ngô Khởi nói:

- Thống lĩnh ba quân, làm cho quân sĩ nức lòng giết giặc, luôn tiến lên, làm cho kẻ địch không dám nhòm ngó nước Ngụy, ông và tôi ai hơn?

Điền Văn nói:

- Tôi không bằng ông?

Ngô Khởi nói:

- Trị lý bá quan, yêu thương dân chúng, làm cho của cải đầy kho, ông và tôi ai hơn?

Điền Văn nói:

- Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói:

- Giữ vững Tây Hà, làm nước Tân không dám xâm phạm, nước Hán và nước Triệu phải phục tùng, ông và tôi ai hơn?

Điền Văn nói:

- Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói:

- Ba mặt đó ông không bằng tôi, sao chức vụ ông hơn tôi, lẽ nào vậy?

Điền Văn nói:

- Chúa thượng lên ngôi còn ít tuổi, lòng dân lo ngại, đại thần chưa theo ngay, trăm họ chưa tin ngay, lúc này cần tìm

một người có thể điều hành được trong ngoài, cùng cố bộ máy triều đình, thì chọn ông thích hợp hơn hay chọn tôi thích hợp hơn?

Ngô Khởi im lặng một lát, nói:

- Giao cho ông thích hợp hơn.

Điền Văn nói:

- Đó chính là cái lẽ mà chức vụ của tôi ở trên ông.

Ngô Khởi bây giờ mới biết về mặt này mình không bằng Điền Văn.

Thời Chiến Quốc, Ngô Khởi là một nhân vật kiệt xuất, nhưng không phải lúc nào, việc nào ông cũng tinh táo biết mình, nhưng may là ông biết nghe ý kiến người khác, thấy được chỗ yếu của mình. Nhưng về sau, Ngô Khởi do hiểu biết hạn chế mà bị người khác giết chết.

Nếu nói biết mình đã khó, thì biết nhau, nâng đỡ nhau càng khó hơn. Câu chuyện về tình bạn giữa Quán Trọng và Bảo Thúc Nha đã được tụng từ xưa.

Quán Trọng tên Di Ngô, người Dĩnh Thủy, thuở trẻ thường giao du với Bảo Thúc Nha. Bảo Thúc Nha biết Quán Trọng là người hiền tài. Quán Trọng gia cảnh khó khăn, chung vốn buôn với Bảo Thúc Nha, khi chia lợi cho Bảo Thúc Nha thường không bình đẳng, nhưng Nha đối xử với ông vẫn rất hữu nghị, không hề phản nản. Chẳng lâu, Bảo Thúc Nha

phụng sự cho công tử Tiểu Bạch, Quán Trọng thì phụng sự cho công tử Cửu. Tới khi Tiểu Bạch lên ngôi trở thành Tề Hoàn công nổi tiếng trong lịch sử. Công tử Cửu chết, vì thế Quán Trọng bị giam giữ. Bảo Thúc Nha tiến cử Quán Trọng, Quán Trọng được Hoàn công dùng. Về sau Hoàn công trở thành bá chủ, nhiều lần tập hợp chư hầu, có thể coi là bá chủ thiên hạ, đều nhờ mưu lược của Quán Trọng.

Quán Trọng nói:

- Xưa kia khi tôi còn nghèo khó, từng đi buôn chung với Bảo Thúc, khi chia tiền, tôi tự chia phần hơn cho mình, Bảo Thúc không vì thế mà cho tôi là tham lam, vì ông ta biết là tôi nghèo khó. Tôi đã từng bày mưu kế cho Bảo Thúc, nhưng hoàn cảnh lại khó khăn hơn, Bảo Thúc cũng không vì thế cho tôi là kém cỏi, vì ông ta biết chưa gặp thời cơ. Tôi nhiều lần làm quan rồi lại bị vua đuổi về. Bảo Thúc không cho tôi là bất tài, mà cho rằng chưa gặp dịp. Tôi đã mấy lần, tham gia chiến trận, mấy lần phải chạy trốn, Bảo Thúc không cho tôi là nhát gan sợ chết, vì ông ta biết tôi còn phải phụng dưỡng mẹ già. Công tử Cửu thất bại, Triệu Hốt tuần tiết, tôi bị vào tù chịu khuất nhục, Bảo Thúc không vì đó mà cho tôi là vô liêm sỉ, vì ông ta biết tôi không cho những điều nhỏ nhặt đó nhục, mà chỉ thấy nhục khi chưa được nổi danh trong thiên hạ. Vì vậy, sinh ra tôi là cha mẹ, thực sự hiểu tôi là Bảo Thúc!

"Sinh ra tôi là cha mẹ, hiểu tôi là Bảo Thúc", Quán Trọng đã tôn kính Bảo Thúc tới ngang tầm cha mẹ, mà Bảo Thúc

thì hiểu được nỗi chịu đựng nhọc nhằn của Quản Trọng, chuyện thật cảm động. Chính vì hiểu nhau như vậy, Quản Trọng mới trở thành bậc tiên hiền mà Bảo Thúc cũng lưu danh thiên cổ.

Có lúc, mọi người cũng biết người, biết xu hướng phát triển của tình thế, nhưng do áp dụng đối sách khác nhau, kết cục cũng khác. Thời Xuân Thu, Sở Bình vương hại cha con Ngũ Xa là một ví dụ rất hay:

Phí Vô Kỵ nói với Sở Bình vương:

- Ngũ Xa có hai người con trai, đều tài giỏi, nếu không giết đi sẽ thành họa cho nước Sở. Có thể bắt người cha làm con tin, để gọi chúng đến, không để cho chúng trở thành hậu hoạn cho nước Sở.

Sở Bình vương sai người đến nói với Ngũ Xa:

- Ông gọi hai người con ông đến, ông sẽ sống, nếu không ông sẽ chết.

Ngũ Xa nói:

- Đứa con lớn của tôi Ngũ Thượng là người nhân từ, tôi gọi nó nhất định tới; đứa con thứ hai Ngũ Viên ngang bướng, biết chịu đựng, có thể làm việc lớn, nếu nó biết đến sẽ bị bắt, nhất định không đến.

Sở bình vương không nghe, cho người đi gọi hai người con của Ngũ Xa, nói:

- Các người đến, ta sẽ tha cho cha các người sống, các người không đến, ta sẽ giết cha các người.

Ngũ Thuợng định đi, Ngũ Viên nói:

- Sở vương gọi anh em chúng ta đến không phải để bảo toàn tính mạng cho cha, mà sợ chúng ta trốn thoát để lại hậu hoạn, nên bắt cha làm con tin, lừa chúng ta. Hai anh em ta tới, ba cha con sẽ cùng chết, như vậy có ích gì cho cái chết của cha? Nếu đi, thù lớn làm sao trả được, không thể chạy sang nước khác, nhờ binh lực nước khác rửa nhục cho cha, nếu cùng bị tiêu diệt thì sẽ không có ý nghĩa gì".

Ngũ Thuợng nói:

- Anh biết đi cũng không bảo toàn được tính mạng cho cha, chỉ hận là cha đã gọi. Nếu vì cứu mạng mà lại không đi, thì sau này rửa sao được nhục, cuối cùng vẫn bị người đời cười chê.

Ngũ Thuợng nói tiếp:

- Em hãy trốn đi, em có thể trả thù cho cha, để anh đi nhận cái chết.

Ngũ Thuợng bị bắt, sứ giả định bắt Ngũ Viên, Viên giương cung dọa bắn, sứ giả không dám xông tới, Ngũ Viên trốn thoát. Ngũ Viên nghe nói thái tử Kiến ở nước Tống, bèn sang Tống theo ông. Ngũ Xa nghe nói Ngũ Tử Tư (Ngũ Viên) đã trốn thoát, nói:

- Vua tôi nước Sở sẽ bị chiến tranh làm cho nguy khốn!

Ngũ Thuởng về tới kinh đô, vua Sở sai giết cả hai cha con Ngũ Xa.

Ngũ Tử Tư vượt qua bao gian nan nguy hiểm, cuối cùng chạy sang nước Ngô, sau dẫn quân Ngô về đánh lấy kinh đô nước Sở, đảo mộ Sở Vương, lôi thi thể lên đánh ba trăm roi, báo được thù cho cha và anh. Nhân vật liên quan đến chuyện này, hầu như đều là "biết người", nhưng do tính cách khác nhau mà kết cục khác nhau.

Trong nội bộ cung đình phong kiến, có nhiều người vừa "biết người" vừa biết xử lý khéo léo, nay nêu ví dụ Vương Đán thời Tống Chân tông, may ra có thể nhìn thấy điều gì đó.

Tống Chân tông muốn phong Vương Khâm Nhược làm tể tướng, Vương Đán ngăn, nói:

- Vương Khâm Nhược được bề hạ cất nhắc, địa vị và đãi ngộ đã hậu hĩ, thân mong bề hạ bấy giờ ông ta ở lại khu mật sứ, như vậy giữ được sự cân bằng giữa khu mật phủ và tướng phủ. Triều đình ta từ khai quốc tới nay, chưa có tiền lệ người miền nam làm tể tướng. Đó là ý kiến của công chúng.

Do Vương Đán phản đối, Chân tông tạm bỏ suy tính của mình. Động tới sau khi Vương Đán mất, Vương Khâm Nhược mới được thả tay sử dụng, vì vậy Vương Khâm Nhược gặp người là kẻ:

- Vương Đán làm tôi lên tể tướng chậm mười năm!

Mới đầu, Vương Khâm Nhược cùng Trần Hiếu Tẩu, Mã Tri Tiết đều làm ở khu mật viện, vì khi hội báo công việc, cãi nhau trước mặt vua. Khi Chân tông gọi Vương Đán lại để xử trí tranh chấp, Vương Khâm Nhược vẫn còn mắng chửi không ngớt, Mã Tri Tiết khóc nói:

- Thần xin cùng Vương Khâm Nhược tới phủ ngự su đối chất, đề nghị phán xét công bằng.

Vương Đán giận quát Vương Khâm Nhược lui ra, mới dẹp yên được cuộc cãi cọ này. Sau khi xảy ra sự việc, Chân tông giận lắm, bèn ra lệnh tống ngục cả ba bọn Vương Khâm Nhược. Vương Đán nghiêm nghị nói:

- Bọn Vương Khâm Nhược, nhiều năm nay dựa vào sự nuông chiều của bệ hạ, nên mới dám làm liều như vậy. Bệ hạ cần quả trách họ, mà nên chọn nơi công khai, chính thức để quả trách. Nay bệ hạ hãy về cung nghỉ, ngày mai thần xin đến lĩnh thánh chỉ.

Ngày hôm sau, Chân tông triệu kiến Vương Đán, hỏi xem việc xử phạt Vương Khâm Nhược ra sao, Vương Đán trả lời:

- Bọn Vương Khâm Nhược lý đáng phải phạt, nhưng không biết bệ hạ khép họ vào tội danh nào?

Chân tông nói:

- Khép họ vào tội tranh giành nhau vô lễ.

Vương Đán nói:

- Bệ hạ trị lý thiên hạ, mà bắt bỏ ngục đại thần về tội tranh nhau vô lễ, việc này truyền ra nước ngoài, e rằng bệ hạ sẽ mất uy tín về chuyện xử phạt không đúng.

Chân tông hỏi:

- Khanh nói nên xử thế nào?

Vương Đán trả lời:

- Cần phải truyền đạt ý chỉ của bệ hạ qua thư, gọi bọn Vương Khâm Nhược tới tuyên bố cho họ biết sự khoan dung của bệ hạ, và cảnh cáo họ. Chờ một thời gian sau, hãy miễn chức quan của họ cũng không muộn.

Chân tông đồng ý cách giải quyết của Vương Đán, nói:

- Nếu không có khanh, ta khó chịu đựng nổi cách làm bừa bãi của họ.

Sau hơn một tháng, bọn Vương Khâm Nhược đều bị cách chức.

Vương Đán từng cùng Dương Ưc bình phẩm các nhân vật trong triều, Dương Ưc nói:

- Đối với Đinh Vị, không biết về sau tiền đồ và biểu hiện sẽ ra sao.

Vương Đán nói:

- Đinh Vị là người tài hỏa, nhưng thiếu sự tu dưỡng về phẩm chất, sau này làm quan cao, nếu có người phẩm đức

cao thượng giúp đỡ, có thể có tương lai, nếu đơn độc nắm quyền tương lai sẽ bất hạnh.

Sau này sự phát triển của Đinh Vị đúng như dự kiến của Vương Đán.

Vương Đán với tư cách là sứ giả của hoàng đế, phụ trách sửa chữa cung Cảnh Linh ở Cổn Châu, thái giám Chu Hoài Chính cùng đi với ông. Một lần, Chu Hoài Chính xin được gặp Vương Đán, Vương Đán nhất định chờ tùy tùng cùng đến mới mặc áo quan ra đại đình gặp Chính trước mắt mọi người, nói chuyện chính sự xong lập tức cáo từ. Sau này Chu Hoài Chính vì âm mưu chính biến bị giết chết, mọi người mới biết Vương Đán nhìn người chuẩn xác, biết phòng xa. Một thái giám khác. Lưu Thừa Quý, do trung hậu thật thà được Chân tông ưa thích, khi ông ta sắp chết, xin với hoàng đế cho ông làm tiết độ sứ. Hoàng đế nói với Vương Đán:

- Nếu không chấp nhận, sợ ông ta chết không nhắm mắt.

Vương Đán không muốn phê chuẩn, nói:

- Nếu sau này có người sắp chết lại xin được phong khu mật sứ, chẳng lẽ cũng đồng ý sao.

Di nguyện của Lưu Thừa Quý không được đáp ứng, và cũng từ đó, các thái giám Bắc Tống không một ai được vượt bậc quan sau khi chết.

Nay nhìn lại, Vương Đán tuy không làm việc gì kinh thiên động địa, cũng chẳng phải lưu danh thiên cổ, nhưng ông giải

quyết bất cứ sự vụ gì cũng đều trên cơ sở "biết người" rồi xử lý từng việc một cách hợp lý theo một trình tự cụ thể, làm cho mọi việc đều vì lợi ích quốc gia mà được giải quyết đâu ra đấy, từ đó thấy được trình độ ông ra sao. Đối với chúng ta, điều đó cũng rất đáng noi theo.

Kẻ thống trị bao đời của Trung Quốc đều rất chú ý thu kéo nhân tài, có thu kéo được hay không do ở đạo đức hành vi của họ, nhưng có nhận biết được nhân tài hay không, lại do hiểu biết của họ. Do vậy, được người là ở đức, biết người là ở trí. Nếu có thể được người mà không biết người, thì chỉ được người, thường; nếu có thể biết người mà không được người, thì nhân tài chỉ để cho người khác dùng. Cho nên được người và biết người, là một thể thống nhất không tách rời nhau. Nhưng về mặt dùng người, thì biết người là trước hết.

Không tài mà được dùng, sẽ bị thất bại; có tài mà không được dùng, thì chẳng được lâu. Không đức mà được dùng, thì tất bại vong, có đức mà không được dùng tất phải trốn xa.

Trong buổi chiến chinh, tranh giành quyền lực, không biết người ắt gây đại họa, những ví dụ như vậy cũng chẳng cần kể thêm.

Trăm thứ biết, biết người là trên hết. Nếu biết người, biết dùng người, thì sự nghiệp đã thành công một nửa, lại thêm tài thao lược, thì chẳng còn phải lo gì nữa.

51. DỰ BÁO CHÍNH TRỊ THẦU ĐÁO

Ở Trung Quốc, từ xưa đã có nhiều nhà dự báo chính trị.

Những người này hình như biết trước được ngàn năm, biết sau được năm trăm năm, thực tế họ chỉ là người bình thường, chẳng qua là biết dựa vào tình thế xã hội và con người mà phân tích sự được mất thành bại và sự phát triển của tương quan lực lượng mà thôi.

Trong "Tam quốc chí" có đoạn "Long trung đối" nổi tiếng, thuật lại câu chuyện Gia Cát Lượng trả lời Lưu Bị về thế lớn thiên hạ. Trong cuộc chuyện trò tuyệt vời thiên cổ đó, mặc dầu Gia Cát Lượng chưa ra khỏi đất Long Trung mà đã tám phân thiên hạ, và sau đó, tình hình phát triển đúng theo dự kiến của ông. Gia Cát Lượng thực đáng là một "nhà dự báo tình hình quốc tế". Nhưng nếu xem kỹ "Long trung đối" có thể thấy Gia Cát Lượng không có thuật gì đặc biệt, ông không phải bấm dộn để dự báo thế lớn thiên hạ, mà hoàn toàn dựa vào sự hiểu biết toàn diện và phân tích tỉ mỉ về tình hình thực tế, về nhân sự mà có được. Còn một điểm

quan trọng nữa là, sau khi rời khỏi Long Trung, ông hết lòng hết sức phò tá Lưu Bị, có thể nói là cúc cung tận tụy, quên mình tới chết. Chính vì nhờ có sự nỗ lực của ông, Lưu Bị mới sánh được với Tào Tháo, Tôn Quyền mà chia ba thiên hạ. Xem ra, muốn làm một nhà dự báo chính trị, không thể ngồi ngoài, không thể thờ ơ với thời cuộc như người ngồi xem lửa cháy bên kia sông, có khi còn phải tích cực tham gia vào để thực hiện được những dự kiến của mình. Về ý nghĩa đó mà nói, nhà dự báo chính trị còn là nhà hoạt động chính trị nữa.

Trung Quốc là nước có lịch sử lâu đời, trong suốt cả giai đoạn xã hội phong kiến, việc thay đổi triều đại, tranh giành quyền lực là chuyện thường xuyên. Do đó, nhìn xa trông rộng là tố chất không thể thiếu được của kẻ thống trị, "không biết nghĩ xa, ắt phải chịu lo gần" là ý như vậy, vì vậy, trí tuệ về mặt dự báo chính trị của Trung Quốc khá phát triển. Nhưng sự dự báo chính trị đó không có quy tắc nhất định, phải biến hóa theo sự biến hóa của tình hình. Nói chung, không ngoài ba mặt là phát triển của xã hội, biến đổi của tình hình và chuyển hóa về nhân sự.

Thời Hán, Sở tranh hùng, Lưu Bang từng bị khốn ở Huỳnh Dương để tranh thủ sự chi viện của các nơi, ông nhờ Lê Thực Kỳ vạch mưu kế, mưu kế vừa nêu đã bị Trương Lương kiên quyết phản đối, Trương Lương dựa vào sự phân tích về sự phát triển xã hội, biến đổi tình thế mà chuyển hóa nhân sự để xác định sách lược lúc đó, có thể nói, Lưu Bang

sở dĩ giành thắng lợi là toàn nhờ sự phân tích và dự kiến đó của Trương Lương, nếu không, chắc đã thua vào tay Hạng Võ. Ngày nay xem lại, trận giao chiến về mặt dự kiến chính trị đó vẫn kinh hồn động vía:

Trương Lương hay đau ốm, chưa từng một mình dẫn quân, mà với tư cách đại thần vạch mưu sách, luôn ở bên cạnh Hán vương. Năm thứ ba Hán Cao tổ (204 trước công nguyên) Hạng Võ đã vây chặt Hán vương trong thành Huỳnh Dương, Hán vương hoang mang, lòng như lửa đốt, bàn với Lê Thực Kỳ dùng cách làm suy giảm lực lượng quân Sở. Lê Thực Kỳ nói:

- Xưa kia Thương Thang đánh Hạ Kiệt, vẫn phong đất Tích cho con cháu của Hạ Kiệt; Chu Vũ vương diệt Ân Trụ vương, phong cho con cháu của Trụ vương ở Tống. Nay triều Tần tàn ngược vô đạo, sát phạt sáu nước, khiến con cháu sáu nước không còn đất cắm dùi. Nay nếu bệ hạ lập con cháu sáu nước làm vương, thì họ sẽ đội ơn đức nghĩa của bệ hạ, tình nguyện làm bề tôi và cơ thiếp cho bệ hạ. Ban đại đức đại nghĩa cho chư hầu, bệ hạ có thể xưng bá tây nam, nước Sở sẽ phải chinh đốn áo mũ, cung kính đến châu bệ hạ.

Hán vương nói:

- Hay lắm, mau cho khắc vương ấn của sáu nước, khi tiên sinh đi phong vương có thể mang ấn theo luôn.

Lời Lê Thực Kỳ, độc giả ngày nay hầu như cũng thấy có tình có lý, nhưng qua ý kiến phân tích của Trương Lương ta mới giạt mình hiểu ra, nếu làm theo Lê Thực Kỳ thì mất thế lớn! Hãy xem lý luận của Trương Lương:

Lê Thực Kỳ còn chưa đi, thì Trương Lương vào yết kiến Hán vương. Hán vương đang ăn cơm, nói:

- Có một môn khách vừa hiến ta một kế để làm suy yếu nước Sở.

Rồi ông tỉ mỉ nói lại kế sách của Lê Thực Kỳ cho Trương Lương nghe, và nói:

- Tử Phòng, khanh thấy thế nào.

Trương Lương nói:

- Ai là người hiến kế sách đó cho bệ hạ? Sự nghiệp của bệ hạ coi như hồng mạt rồi đó.

Hán vương nói:

- Tại sao?

Trương Lương nói:

- Thần xin mượn chiếc đũa trước mặt bệ hạ, để chỉ về hình thế cho bệ hạ coi. Xưa kia, Thương Thang và Vũ vương diệt Kiệt, Trụ mà phong hậu đại của họ, vì đã nắm chắc khả năng diệt được họ, nay bệ hạ đã chắc diệt được Hạng Vô không? Đó là nguyên nhân thứ nhất, bệ hạ không dùng kế sách đó được. Chu Vũ vương vào triều Ân, tồi của Kỳ Tử vịn

thành xe tở ý ngưỡng mộ, tu bổ phần mộ của Tử Cán, nay bệ hạ làm được vậy không? Đó là nguyên nhân thứ hai bệ hạ không dùng kế sách đó được. Phân phát hết lương thực Trụ vương tích trữ trong kho Cu Kiều, đem hết của cải Trụ vương tích trữ trong kho Lộc Đài phân phát cứu tế cho dân nghèo, bệ hạ làm được không? Đó là nguyên nhân thứ ba, bệ hạ không thể dùng kế sách này. Sau khi kết thúc chiến sự triều Ân, đám các quân xa sửa thành xa chở người gươm đao giáo mác đều lấp ngược lại tở ý không dùng đến nữa, nay bệ hạ làm được không? Đó là nguyên nhân thứ tư bệ hạ không dùng kế sách đó được. Đem chiến mã thả chẵn ở phía nam Hoa Sơn, tở ý không dùng đến nữa, nay bệ hạ làm được vậy không? Đó là nguyên nhân thứ năm bệ hạ không dùng được kế sách này. Đem toàn bộ bò ngựa dùng chuyên chở quân nhu thả ra cánh đồng ải Đào Lâm, để tở ý cho thiên hạ biết rằng từ nay không cần vận chuyển, tích trữ, nay bệ hạ làm được không? Đó là nguyên nhân thứ sáu không thực hiện kế sách đó được. Mà những nhà du thuyết trong thiên hạ, rời bỏ cha mẹ, để lại mồ mả tổ tiên, rời xa bạn hữu, đi theo bệ hạ, chỉ ngày đêm mong được bệ hạ phong cho mảnh đất. Nay đem đất cho con cháu của sáu nước, người có công thì không được đất, các thuyết khách sẽ trở về làm việc cho chúa công của mình, đoàn viên với gia đình mình, gặp mặt bạn hữu mình, ai còn cùng bệ hạ đi giành thiên hạ? Đó là nguyên nhân thứ bảy không dùng kế sách đó được. Nước Sở không mạnh thì thôi, nếu mạnh thì sáu nước sẽ khuất phục

theo Sở, bệ hạ còn ra tìm được con cháu của sáu nước đã từng xưng bề tôi trước mặt bệ hạ không? Đó là nguyên nhân thứ tám không dùng kế sách đó được, Nếu bệ hạ dùng kế sách đó thì, sự nghiệp của bệ hạ sẽ mất hết". Hán vương dùng ăn, cơm trong mồm cũng nhổ ra, mắng rằng:

- Tên ranh này, suýt nữa thì ta mất sự nghiệp.

Rồi hạ lệnh hủy bỏ việc khắc vương ấn sáu nước.

Lời nói của Trương Lương quả là lợi hại, phần đầu chưa mạnh lắm, nhưng phần sau thì quả là đỉnh tai buốt óc, may mà Lưu Bang kịp tỉnh ngộ, nếu không nghe lời Trương Lương hoặc nghe muện thì không những không đánh bại được Hạng Võ mà bản thân Lưu Bang có khi còn chết không có đất mà chôn.

Lời dự báo chính trị của Trương Lương rất đúng, sau khi ông nói những lời này không lâu, Hàn Tín đang chiếm đất Tề, yêu cầu ông phong Hàn Tín làm giả vương, Lưu Bang nghe vậy, nổi giận, cho rằng Hàn Tín không cứu viện mình, còn nhân nhà cháy hôi của, ép phong vương. Nhưng sau nghe ý kiến Trương Lương, phong ông làm Tề vương thật, từ đó làm Tin yên lòng, đánh bại Hạng Võ. Nếu theo ý kiến của Lê Thực Kỳ, phong hậu đại của nước Tề, thì Hàn Tín đã sớm phản lại Lưu Bang. Từ đó ta thấy rằng, sự hưng vong thành bại của triều Hán, có một phần lớn nằm trong tay của nhà dự báo chính trị Trương Lương.

Thời kỳ Xuân Thu, quan hệ hai nước Tấn, Tần cũng rất hay. Ngày nay người ta vẫn còn nói: "Kết duyên Tấn Tần", nhưng trên thực tế, hai nước luôn đối chọi nhau, lừa gạt nhau, có lúc còn đánh nhau, làm tình thông gia trở thành quan hệ thù địch.

Trước khi Tấn Văn công trở thành quốc quân, nước Tấn loạn lạc gần hai mươi năm, thay mấy lần vua. Tấn Công tử Di Ngô của nước Tấn ở nước Tần, muốn nhờ lực lượng nước Tần để về Tấn làm vua, nên mới xảy ra câu chuyện sau:

Người nước Tấn là Khuộc Nhuế muốn công tử Di Ngô nước Tấn hối lộ mạnh nước Tần để nước Tần giúp ông ta về nước lên ngôi. Khuộc Nhuế nói:

- Kẻ khác đã chiếm mất nước, chúng ta tiếc gì tiền của? Sau khi về nước được lòng dân, hối lộ ít đất đai đã làm sao?

Di Ngô nghe theo.

Thập Bàng của Tề Điền dẫn quân cùng nước Tần đưa Di Ngô về nước Tấn lên ngôi, tức Tấn Huệ công.

Tần Mục công hỏi Khuộc Nhuế:

- Công tử dựa vào ai?

Khuộc Nhuế đáp:

- Hạ thần nghe nói, người lưu vong không có phe đảng, có phe đảng nhất định có kẻ thù. Di Ngô từ nhỏ không thích đùa nghịch, có thể đấu tranh nhưng có mức độ, sau khi lớn

lên, tính cách đó không thay đổi. Ngoài đó ra thần không biết gì hơn nữa.

Mục công lại hỏi đại phu nước Tấn là Công Tôn Chi:

- Ngồi của Di Ngô có vững không?

Công Tôn Chi trả lời:

- Hạ thần nghe nói chỉ có phù hợp với chuẩn tắc mới an định được quốc gia. Trong "Kinh Thi" có nói: Vô tri vô thức, thích ứng tự nhiên quy luật", đó là nói Văn vương. Lại nói: "không lừa dối, không tàn hại nhân dân, thì ít khi không phù hợp với điển phạm". Không có mê say cũng không có chán ghét, đó là muốn nói không có ngờ vực, cũng không hiểu thẳng. Nay trong lời ông ta, vừa có nghi ngờ, vừa có chán ghét. Muốn an định quốc gia, e rằng khó lắm.

Tần Bá nói:

- Nghi ngờ nhiều thì oán giận lắm, sao thành công được? Đúng cái ta cần lợi dụng.

Tần Mục công là vị quốc quân rất khôn ngoan ông ta không lập người tốt mà lập người xấu là muốn để vị quốc quân xấu này làm tan nước Tấn. Quả nhiên, Di Ngô về nước, làm nhiều điều bất nghĩa, đã xảy ra những cuộc chiến tranh với nước Tấn:

Mùa đông năm 646 (trước Công nguyên, Lỗ Hy công năm thứ mười bốn), nước Tần bị đói kém, xin nước Tấn viện

trợ lương thực, nước Tấn không cho. Tấn đại phu Khánh Trịnh nói:

- Năm kia nước Tấn đói kém, nước Tần đã cứu tế chúng ta nhiều lương thực và tiền bạc. Chúng ta vong ơn bội nghĩa sẽ mất đi thân thuộc; vui sướng trước nỗi khổ người khác là không nhân nghĩa, tiếc lãi là không hay, làm giận nước bạn là không nghĩa khí. Bốn điều nghĩa đức đó để mất, lấy gì giữ nước?

Tấn đại phu Quắc Xạ nói:

- Da đã chẳng còn, lông bám vào đâu?

Khánh Trịnh nói:

- Bội tín - phản lại lân bang, ai giúp đỡ khi hoạn nạn? Không giữ tín, họa tất đến; mất viện trợ, tất thất bại. Nhất định ứng nghiệm.

Quắc Xạ nói:

- Dù có cứu viện nước Tần, cũng không giảm nhẹ nỗi oán hận của họ với chúng ta, mà còn làm cho họ thêm sức mạnh, chỉ bằng không cho họ.

Khánh Trịnh nói:

- Vong ơn bội nghĩa, người khổ mình sướng, sẽ bị dân chúng phỉ nhổ. Người thân còn có thể vì thế mà kết oán thù, hướng hồ hai nước đối địch?

Tấn Huệ công không nghe. Khánh Trịnh ra khỏi phòng, nói:

- Quốc quân chắc sẽ phải hối hận về chuyện này.

Năm xưa, khi nước Tần đưa Tấn Huệ công về nước lên ngôi, Tần Mục Cơ giao Giả Quân cho Huệ công và dặn:

- Để các công tử cùng về nước cả.

Huệ công thông gian với Giả Quân, không cho các công tử về nước, nên Mục Cơ rất oán giận Huệ công. Tấn Huệ công từng nhận lời gửi tặng những đồ vật cho Trung đại phu, nhưng rồi cũng quên lời hứa. Huệ Công còn hứa với Tần Mục công sẽ dâng cho nước Tần năm thành ấp ở phía ngoài sông Hoàng, đông tới thành Quắc Lạc, nam tới Hoa Sơn, lại có thành Giải Lương trong sông Hoàng, nhưng cũng không thực hiện lời hứa. Nước Tấn đói kém, nước Tần chở lương thực sang giúp; nay Tần đói kém, nước Tấn không giúp, nên Tấn Mục công quyết phải thảo phạt nước Tấn.

Bốc su (thầy bói) của nước Tần là Bốc Đồ Phụ bói quẻ cho sự việc này thấy được báo tốt lành: "Quạ được Hoàng Hà, xe các công hầu đều hủy hoại". Tấn Mục công hỏi Bốc Đồ Phụ giải rõ thêm. Bốc Đồ Phụ nói: "Đây là đại cát đại lợi. Đánh bại địch ba lần và bắt được quốc quân. Quẻ này quẻ yểm, viết rằng: Dem một ngàn binh xa ba lần đánh địch, bắt được cáo già. Cáo già chắc là quốc quân của họ. Nội quẻ là phong ngoại quẻ là sơn, mùa thu đã tới, gió ("phong") của ta sẽ làm rụng hết quả mọc trên núi ("sơn") của họ, còn đốn được cả cây cối nữa, cho nên lần này ta tất thành công quả thực rơi xuống đất, cây cối mất hết, không thất bại là gì?"

Tần, Tần giao chiến, quân Tần ba lần bị thua, quân Tần đuổi tới tận Hàn Nguyên, Tấn Huệ Công hỏi Khánh Trịnh.

- Kẻ địch đến gần, làm sao bây giờ?

Khánh Trịnh đáp:

- Đó là do bệ hạ dẫn địch vào, còn cách nào nữa?

Huệ công nói:

- Nói vậy!

Huệ công cho bói quẻ chọn thay người đánh xe cho ông ta, Khánh Trịnh được quẻ cát, nhưng Huệ công không dùng ông. Tấn Huệ công để Bộ Dương đánh chiến xa, các gia bộc đi bộ theo xe, còn mình ngồi trên xe tứ mã nước Trịnh. Khánh Trịnh nói:

- Xưa nay có chiến tranh, nhất định phải ngồi ngựa xe của bản quốc. Những con ngựa này sinh ra tại đất nước mình, hiểu được chủ, nghe sự chăm dạy của chủ, lại thuộc đường, theo chủ đi đến đâu cũng vừa lòng toại nguyện. Nay ngồi ngựa xe của nước khác đi ra trận, nếu khi sợ hãi ngựa biến tính, sẽ không hợp với lòng người, chúng sẽ phì hơi dăng mũi liên tục, tỏ ra hung dữ và tức tối, máu chảy căng khắp mình, nhìn ngoài mạnh khỏe, bên trong sợ sệt, không dám tiến thoái, quay về không được, quốc quân sẽ hối hận.

Huệ công không nghe.

Tháng chín, Tấn Huệ công nghênh chiến quân Tần, cho Hàn Giản đi quan sát tình hình. Hàn Giản trở về báo:

- Quân địch ít hơn ta, nhưng ý chí chiến đấu gấp mấy lần quân ta.

Huệ công hỏi:

- Nguyên nhân gì?

Hàn Giản đáp:

- Xưa quốc quân chạy trốn sang Tần, nhờ nước Tần về lên ngôi, khi đói ăn nhờ lương thực của Tần, ta chịu ơn Tần ba lần không báo ơn trả nghĩa, nên người Tần mới cất quân đánh ta. Nay ta lại ngênh chiến họ, quân ta mệt mỏi, quân Tần hăng hái, ý chí chiến đấu quân ta chưa bằng một nửa của họ.

Huệ công nói:

- Một người còn không được xem thường, huống hồ một nước?

Huệ công sai Hàn Giản đi hẹn đánh với quân Tần nói:

- Quả nhân bất tài có thể tập hợp quân đội nhưng không thể giải tán được họ. Nếu quốc quân không đưa quân về, chúng ta sẽ hết đường trốn tránh.

Tần Mục công để Công Tôn Chi trả lời:

- Quân Tần khi chưa về nước ta lo cho, sau khi về nước chưa được an định, cũng vẫn là mối lo của ta. Nếu Tấn quân đã ngồi chắc trên ngôi, quả nhân sao dám không chấp nhận lệnh chiến?

Hàn Giản lui ra, nói:

- Trận này ta không bị bắt đã là may lắm.

Ngày 14, hai quân Tấn, Tần giao chiến ở Hàn Nguyên, Ngựa xe của Tấn Huệ công bị sa lầy không đi được, Huệ công vội cầu cứu Khánh Trịch, Khánh Trịch nói:

- Không nghe lời can gián, không tin quẻ bói, tự chuốc thất bại, lại còn muốn chạy trốn ư?

Trận đó Tần bắt được Huệ công giải về Tần. Các đại phu nước Tấn nhổ lều, xô tóc đi theo sau vua Tấn, Tần Mục công cho người đến tù tạ họ, nói:

- Các người làm gì phải đau buồn vậy. Quả nhân cùng Tấn quân đi về phía tây là để thực hiện ước mơ của Tấn quân thôi, đâu dám điều gì quá đáng?

Các Tấn đại phu dập đầu nói:

- Quốc quân chân đạp đất đầy, đầu đội trời cao, lời bệ hạ trời cao đất đầy nghe thấu, các hạ thần chỉ dám ở dưới nghe theo.

Trận này nước Tần toàn thắng, mà thực ra cục diện đã định rõ từ trước, Tần Mục công đã tính sẵn, đây không phải đơn thuần là dự kiến, mà dần từng bước thực hiện phương án của mình. Tần Mục công bắt tay vào từ sự phân tích tình cách của Tấn Huệ công Di ngô, sau đó là những lần tấn công về ngoại giao, nắm hoàn toàn thế chủ động, hướng hồ

quân đội nước Tấn lại mạnh hơn quân đội nước Tần rất nhiều, chỉ một trận là bắt được Huệ công không phải là việc ngoài dự đoán.

Trong hai ví dụ trên, dự kiến chính trị đều kết hợp với thao tác thực tế, thông qua sự nỗ lực để thực hiện dự đoán của mình, cuối cùng đạt đến kết cục của dự kiến. Đó là sự dự kiến có tính chủ động mạnh mẽ, người biết thực hiện sự dự kiến đó, nói chung đều có thể thành công.

Còn có một loại dự báo khác, chỉ tiến hành phân tích về lý luận, nhưng không cách nào tác động được vào sự phát triển của sự việc, đành giương mắt nhìn nó phát triển theo chiều xấu. "Triệu công gián Lệ vương chỉ báng" (Triệu công can Lệ vương về việc cấm dân bàn tán) là ví dụ như thế.

Lệ vương cai trị bạo ngược xa xỉ kiêu ngạo, dân kinh thành bàn tán về những sai lầm của hắn. Triệu công khuyên hắn:

- Dân chúng đã không chịu được chính lệnh của bệ hạ.

Lệ vương nổi giận, gọi một lão thầy đồng cốt người nước Vệ tới, giao cho y giám sát những người bàn tán. Lão thầy đồng cốt bẩm báo ai bàn tán, chém đầu người đó, thế là số người bàn tán ít đi, chu hầu không đến triều kiến.

Năm Lệ vương thứ 34, nền thống trị càng tàn bạo hà khắc hơn, dân chúng kinh thành không ai dám hé răng nửa lời,

gặp nhau trên đường chỉ lấy mắt làm hiệu. Lệ vương vui mừng nói với Triệu công:

- Ta đã dẹp được dư luận, không ai dám bàn tán nữa.

Triệu công nói:

- Đó mới là bịt miệng dân chúng, hậu quả của nó so với bịt ngăn sông ngòi còn ghê gớm hơn. Nước sông bị ngăn tắc, khi vỡ khẩu sẽ gây thiệt hại cho người, dân chúng cũng như vậy thôi. Bởi thế, người đi trị thủy phải khơi thông dòng sông, làm cho nước chảy dễ dàng, người trị dân cũng vậy phải khơi đất họ, cho họ nói. Vì vậy, thiên tử giải quyết chính sự, để cho đại thần và các quan lại dâng lên thơ văn bàn luận triều chính, nhạc quan dâng lên những ca khúc phản ánh ý nguyện của dân, sau đó cho những người mù ngấm đọc, tuyên truyền, bá quan được phép tiến lời can gián, bàn luận của bình dân được gián tiếp truyền đạt đến thiên tử, người hầu tâu hữu làm tròn trách nhiệm can gián vua, các đại thần hoàng tộc phải giám sát và bù lấp những thiếu sót của thiên tử, nhạc quan và sử quan phải dùng nhạc điệu, dùng sự thực lịch sử để mở mang cho thiên tử, lão thần thì tổng kết chính lý, rồi thiên tử cân nhắc chọn bỏ. Có như vậy chính sự mới tốt, không mất tình ngược lý. Dân chúng có miệng như đất có núi sông, mọi của cải vật chất con người dùng đều từ đấy mà ra, cũng như đất có đủ loại ruộng đồng cao thấp ướt khô, áo quần thực phẩm đều từ đó mà ra. Để cho dân chúng tự do ngôn luận, chính sự tốt xấu, được mất

sẽ được phản ánh kịp thời. Việc tốt thì đẩy mạnh thực hiện, việc xấu thì phòng bị ngăn ngừa, giống như đất cho ta đồ ăn thức mặc vậy. Dẫu nghĩ trong bụng, nói ra mồm, ý nào hay thì thực hiện. Nếu như bịt miệng họ, thì ủng hộ thiên tử còn được mấy người?

Chu Lệ vương không nghe. Thế là cả kinh thành không ai dám nói. Ba năm xong, họ thông đồng làm phản, chống lại Lệ vương. Chu Lệ vương không ở lại nổi kinh thành, đành chạy sang đất Trệ.

Sự bại vong của Chu Lệ vương là do hấn dân áp dư luận, bịt miệng nhân dân. Thực ra, đàn áp dư luận là cách làm ngu xuẩn, nhưng khi người ta được thế, lại muốn luôn được thích gì làm nấy, không muốn để người giám sát mình, thì dần dà sẽ mất lòng dân. Triệu công phải nói là người tình táo, ông dự kiến được nếu Lệ vương cứ như thế mãi, sẽ có kết cục không ra gì, chỉ có điều là ông nói cứ nói, mà không có cách thay đổi được tình thế mỗi ngày thêm hủ bại.

Lại còn một loại dự báo chính trị nữa, không phải đối với một sự việc cụ thể mà là nhìn xa trông rộng, chuẩn bị cho tương lai. Có lẽ, sự chuẩn bị đó chưa nhìn thấy hiệu quả ngay, thậm chí còn có khi bị che lấp, nhưng với tương lai, ý nghĩa rất lớn, thử xem Thanh Thế tông Hoàng Thái Cực, vị hoàng đế đại tài đại lược này đã thu kéo nhân tài Hán tộc ra sao:

Hoàng Thái Cực muốn giữ Hồng Thừa Trù ở lại làm việc cho mình, sai Phạm Văn Trinh đi khuyên Trù đầu hàng. Hồng Thừa Trù lúc đó đang cơn giận dữ, Phạm Văn Trinh bình tĩnh nói chuyện với ông, đề cập các chuyện cổ kim. Bụi trên nhà bỗng nhiên rơi xuống bám trên áo của Trù, ông lấy tay phui bụi. Phạm Văn Trinh về nói chuyện lại với Hoàng Thái Cực, ông nói: "Hồng Thừa Trù không đại gì để chịu chết, đến cái áo mặc còn quý như vậy, huống hồ sinh mệnh?" Hoàng Thái Cực đến thăm Hồng Thừa Trù, cởi chiếc áo dài lông chồn khoác lên người Trù, nói: "Tiên sinh có phải thấy bớt lạnh không?" Trù gương mặt nhìn hồi lâu, rồi thở dài mà rằng:

- Thật là mình chủ trời định sẵn!

Rồi dập đầu xin theo hàng. Hoàng Thái Cực rất mừng, ngay hôm đó thưởng Trù rất hậu, còn thết tiệc, bày sân khấu diễn tuồng, các tướng lĩnh thấy vậy không vui, nói: "Hoàng thượng đối với Hồng Thừa Trù quá tốt!"

Hoàng Thái Cực nói với họ:

- Chúng ta mấy chục năm tắm nắng gọi mưa là vì cái gì?

Các tướng lĩnh trả lời:

- Là để vào làm chủ Trung nguyên!

Hoàng Thái Cực nghe xong cười rằng:

- Ví như đi đường, chúng ta đều là người mù, nay tìm được người dẫn đường, ta làm sao không vui?

Lý luận của Hoàng Thái Cực thật cao minh tột đỉnh! Phạm Văn Trinh là học giả lớn của tộc Hán, một người học rộng, Hồng Thừa Trù là quan to triều Minh, làm tổng đốc Kế Liêu, thao lược, học thức hơn người. Hai người này có tác dụng lớn trong việc giúp người Thanh vào quan ải và hoạch định đường lối. Có thể nói, chính phủ Mãn Thanh nếu không có những tri thức người Hán như Phạm Văn Trinh giúp chế định sách lược, nói như Hoàng Thái Cực là "dẫn đường", thì khó mà đứng chân lâu dài ở trung nguyên được.

Có thể nói, dự báo chính trị phức tạp hơn nhiều so với dự báo quân sự, dự báo chính trị là loại dự báo tổng hợp bao gồm cả những nhân tố quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa và nhân sự, nội dung của nó tổng quát, bao hàm nhiều mối quan hệ chằng chịt, nếu có một chỗ nào tính toán chưa đủ, có thể dẫn đến sai lầm to lớn. Vì vậy dự báo chính trị là môn học lớn, là tri tuệ lớn. Người có thể dự báo chính trị đúng, không còn là nhà chính trị không thường, mà là nhà dự báo học, nhà tiên tri!

Dự báo chính trị tuy khó, trong lịch sử Trung Quốc, lại có nhiều nhà dự báo chính trị sáng suốt, phần lớn họ là những người đại diện đại trí, hiểu thấu thế sự, tường tận sự việc, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thành công trong dự báo chính trị. Người có chí lớn, phải biết chuyện xưa, quan sát hiện tại, dự kiến tương lai, không thể xem nhẹ kinh nghiệm lịch sử.

PHẦN THỨ TƯ

BÀY MƯU

LỜI NGƯỜI BÀY MUU

Thuyết văn: Suy nghĩ về một điều khó gọi là *muu*.

Lão Tử: Cai trị một nước lớn cũng giống như mổ một con cá nhỏ.

Lão Tử nói: Đạo ẩn vô danh. Đạo vốn kín đáo không có tên.

Văn Tử: Vua là thuyền, dân là nước. Nước có thể đưa thuyền đi, cũng có thể lật úp thuyền.

Tôn Tử nói: Người khéo dùng binh thì tránh cái nhuệ khí mà đánh khi địch mỏi mệt trở về.

Lễ Ký: Học mưu của các bậc trưởng giả, phải đem văn kỹ và trượng đi theo họ.

Dịch kinh: Người quân tử nhìn thời cơ mà hành động, không đợi hết ngày.

Tôn Tử nói: Cho nên người dùng binh giỏi nhất thì đánh bằng mưu, thứ nhì đánh bằng ngoại giao, thứ ba là đánh bằng binh khí, hạ sách nhất là đánh thành.

Lão Tử nói: Giàu sang mà kiêu thì sẽ chứa họa vào thân.

Tôn Tử nói: Sử dụng gián điệp có năm loại: nhân gián (gián điệp ta chiêu mộ từ người của địch), nội gián (gián điệp ta chiêu mộ từ quan lại của địch) phản gián (gián điệp ta chiêu mộ từ điệp viên của địch) tử gián (cố tình tung tin giả) sinh gián (gián điệp của ta trở về báo cáo tình hình).

Thượng thư: Không thiên vị, không bè cánh, vương đạo thịnh thang ở không bè cánh không thiên vị, vương đạo bằng phẳng; không phản không nghiêng, vương đạo chính trực.

Tôn Tử nói: Có năm điều biết được thắng lợi, biết có thể đánh và không thể đánh thì thắng; biết cách dùng binh lực nhiều hay ít thì thắng; trên dưới đồng lòng thì thắng; dùng quân có chuẩn bị để đối phó với kẻ địch không có chuẩn bị thì thắng; tướng có tài mà vua không ngăn trở thì thắng.

Tôn Tử nói: Người giỏi dùng binh cũng giống như người đánh rắn. Đánh đằng đầu thì đuôi quật lại, đánh đằng đuôi thì đầu quật lại, đánh khoảng giữa; tất cả đầu và đuôi cùng quật lại.

Thuyết uyển: Quyền mưu luận. Quyền mưu có chính có tà. Quyền mưu của quân tử là chính, quyền mưu của tiểu nhân là tà. Chính là quyền mưu lợi chung, cho nên thành thật hết lòng vì trăm họ. Tà ham thích tư lợi cho nên nói vì trăm họ là giả dối. Giả dối thì loạn, thành thật thì bình.

Tô Tuân nói: Việc có những việc nhất định đến, lý có những điều tất nhiên, duy chỉ những người mưu trí trong thiên hạ là có thể nhìn thấy những điều còn lơ mờ mà đã biết được rõ ràng. Trăng quầng thì có gió, đá tảng đổ mồ hôi thì có mưa, là những điều ai cũng biết. Nhưng việc người diễn biến, lý sự cố kết vào nhau nên thừa rộng mà khó biết, biến hóa mà khôn lường.

Thuyết uyển - Quyền mưu luân: Mưu có hai loại, mưu cao nhất là biết mệnh, thứ đến là biết việc. Người biết mệnh thì dự báo nguồn gốc của họa phúc tồn vong, biết sớm cái khởi đầu của thịnh suy, hưng phế, ngừa việc khi chưa có mầm mống tránh nạn trừ khi còn vô hình. Những người như thế, ở đời loạn thì chẳng hại đến thân mình, ở đời thái bình tất nắm quyền cả thiên hạ. Người biết việc thì cũng quý, thấy việc mà biết phân thành bại, mà xét đến nơi đến chốn, cho nên không bại nghiệp hồ công.

Thuyết uyển - Quyền mưu luận: Thánh vương khi cử sự tất trước hết cẩn thận trong sự mưu tính, rồi sau mới xét ở cò thì mai rùa (kết quả của bói toán). Những kẻ sĩ ở nhà trắng đều coi trọng mưu tính ấy, bọn cất cò đón cùi đều dốc hết lòng, cho nên cử sự không bị sơ hở thất sách.

Truyện: Trí tuệ của chúng nhân có thể đo được trời, mà lắng nghe mọi người rồi quyết đoán, chỉ ở một người, đó là cái thuật của mưu chước lớn vậy.

Thuyết uyển - Quyền mưu luận: Bậc trí giả khi cử sự đầy thì lo voi, bằng phẳng thì lo hiểm sâu, yên thì lo nguy công thì lo thắng, coi trọng việc phòng bị trước mà chỉ e không kịp vì thế mà trăm việc chẳng hề sơ sẩy.

Tô Thúc nói: Thiên hạ đều khiếp nhược mà riêng mình dũng cảm sẽ thắng, tất cả đều tối tăm mà riêng mình có trí thì người có trí sẽ thắng. Người dũng mà gặp người dũng thì dũng không đủ dựa, người trí mà gặp người trí thì trí không đủ dùng.

52. CHẴNG KÈ NAM BẮC TÂY ĐÔNG, QUÝ HỒ LÀM QUAN LÀ ĐƯỢC

Xưa kia, nói chung lý tưởng của người Trung Quốc là mong được làm quan, chứ không làm anh hùng. Làm quan thì có quyền, có quyền sẽ có tiền, bốn chữ vinh, hoa, phú, quý đủ hình dung cái hay của sự làm quan. Một khi đã làm quan, không những hưởng thụ vật chất được thỏa mãn, lòng hư vinh muốn để cho người khác khao khát được thỏa mãn, ham muốn được người tôn trọng và kính nể đều được thỏa mãn, cả về mặt đạo đức cũng được xã hội thừa nhận, rạng rỡ tổ tiên, là ý nghĩa như vậy. Làm anh hùng thì lại không thế, trong lịch sử Trung Quốc không mấy anh hùng có kết cục tốt đẹp, "phú", "quý" thường không bao giờ đến với họ, còn như "vinh", "hóa" thì phải cầu xin ban ơn, nếu như từ vua đến dân đều không ủng hộ, thì trăm miệng khó cãi, suốt đời không vươn lên được. Từ đó đủ thấy, làm quan và làm anh hùng, việc nào đáng "theo đuổi" hơn, hình như đã quá rõ.

Chỉ cần có quan tước thì bất chấp những thủ đoạn đã áp dụng, cũng như những mục đích đã theo đuổi, sẽ là người thành công, được dư luận ủng hộ. "Được làm vua, thua làm giặc", là ý như vậy. Người Trung Quốc thường nói: "Không lấy thành bại luận anh hùng", nhưng trên thực tế, khó làm được như vậy. Vì thế người Trung Quốc làm quan không phải vì một lý tưởng gì, một nguyên tắc nào, mà mục đích chỉ là làm quan. Thời Xuân Thu Chiến Quốc, Tô Tần chủ trương nam bắc hợp tung chống Tần, Trương Nghi chủ trương đông tây liên hoành để tự bảo vệ, họ là đại biểu điển hình về mặt này, đúng như người ta thường nói: chẳng kể nam bắc tây đông, chỉ cần có quan tước mà nhận.

Gia đình Tô Tần có địa vị xã hội và thực lực kinh tế nhất định, nhưng Tô Tần không thỏa mãn với cuộc sống trung lưu đủ ăn đủ mặc, ông muốn hơn người cái đầu, được người hâm mộ, nể sợ. Thế là ông dựa vào tình hình đương thời, chịu khó học các thuật quyền mưu, phân tích quan hệ các nước lúc đó, chuẩn bị đi du thuyết Tần vương, hòng kiếm được chức vụ cao.

Tô Tần mặc quần áo quý đắt may bằng da chồn, mang theo một trăm cân vàng, đến nước Tần, dâng thư cho Tần Huệ công, nói:

- Đất nước của đại vương, phía tây có sản vật ba xú Ba, Thục, Hán Trung cung cấp, phía bắc có Hồ, Đại sinh sản ngựa lừa, phía nam có Vu Sơn, Kiềm Trung làm bình phong,

phía đông có Hào Sơn, cửa Hàm Cốc hiểm trở. Nước Tần thật là đất đai màu mỡ, trăm dân no đủ, có hàng vạn chiến xa, trăm vạn hùng binh, ruộng đồng ngàn dặm, địa thế hiểm yếu thuận lợi, dự trữ phong phú, thật là một thiên đường, nước Tần có thể xưng hùng cùng thiên hạ được.

Với tài năng của đại vương, với số dân đông của nước Tần, với số chiến xa lớn và quân đội kỷ luật nghiêm minh như vậy, có thể thôn tính chư hầu, giành lấy thiên hạ, tự xưng hoàng đế, thống trị bốn biển. Mong đại vương hãy nghe ý kiến của thần.

Tô Tần nêu ra hàng mớ lý lẽ như vậy, nhưng Huệ vương chỉ trả lời khách khí và lạnh nhạt, nguyên nhân chính có lẽ là do ông ta vừa mới giết Vệ Ưởng, không thích người nước ngoài lắm, lại thêm thời cơ chưa chín muồi, hoặc do Tô Tần mới chỉ nói lý lẽ thì lớn nhưng lại chung chung, không có phương pháp cụ thể. Tần Huệ vương viết thư trả lời: "Ta lại nghe nói, lông vũ nếu chưa đầy chưa bay được xa, chế độ lễ nhạc chưa thành, không thể tùy tiện trừng phạt người khác, tu dưỡng đạo đức chưa dày không thể sai dạy người khác; pháp lệnh chính trị không thuận, không thể tùy tiện phiền nhiễu đại thần. Nay tiên sinh không ngại đường xa ngàn dặm mà đến chỉ giáo, xin đợi khi nước Tần có đủ các điều kiện, sẽ nghe theo ý kiến của tiên sinh!" Thế là Tô Tần bị vua Tần đuổi đi.

Tô Tần liên tiếp hơn mười lần dâng thư, ở nước Tần hơn một năm, vẫn không thuyết phục được Tần vương, xem chừng lưng túi sắp cạn, áo da chồn mặc trên người đã gần rách, không cách nào đành phải trở về. Trên đường về, gió bụi nhọc nhằn, về tới nhà, chân đi giày cỏ, lưng đeo bọc sách vai gánh hành lý, người gầy đét, mặt mày đen xạm, bối rối xấu hổ. Người nhà biết chuyện ông ta xin làm quan không được, không ai đếm xỉa tới. Người vợ thấy chồng về không dùng tay cúi, chị dâu cũng không nấu cơm cho ăn, cha mẹ không nói nửa lời. Tô Tần chịu cảnh lạnh nhạt đó, phải nói là rất thương tâm.

Bị kích động mạnh mẽ, Tô Tần than thở: "Vợ ta không coi ta là chồng, chị dâu ta không coi ta là em, cha mẹ ta không coi ta là con, tất cả là do Tần vương gây nên. Ta phải tìm cách trả mối thù nhục nhã này mới được". Thế là, đêm đó Tô Tần lại đem hết sách ra, bày la liệt trong nhà tới mấy chục loại, trong đó có cuốn "Âm phù" binh pháp của Khuông Thái công, chuyên nói về các thuật quyền mưu. Tô Tần như vỡ được vàng, ngay đêm đó, đọc nghiền ngấu và nghiền ngẫm. Cứ vậy, ông quyết tâm đọc thêm sách, treo tóc lên xà nhà, nếu có ngủ gật, dây buộc sẽ giật tóc làm đau da đầu, nếu vẫn buồn ngủ thì lấy đùi chọc vào đùi, có lúc máu chảy cả xuống chân, còn răn mình: "Làm gì có người nào du thuyết quốc quân mà không được ăn mặc sung sướng, không được thành khanh tướng". Sau một năm đùi mãi học tập và nghiền ngẫm thế sự, trình độ các mặt của Tô Tần đã được

nâng cao nhiều, ông đầy tin tưởng, nói: "Lần này chắc chắn có thể du thuyết quốc quân được!"

Để xin được anh em tiền lộ phí. Tô Tần cùng Tô Đại, Tô Lịch bàn về đạo lý của "Thái công binh pháp". Sự phân tích sắc sảo của Tô Tần đã thuyết phục được Tô Đại, Tô Lịch, họ không những cho ông nhiều tiền mà còn bắt đầu nghiên cứu những vấn đề này, về sau đều trở thành thuyết khách cả.

Chuyến này ông quyết tâm hợp tung chống Tần. Ông tới nước Triệu trước định kết giao với Tần Dương Quân em Triệu Túc hầu, không ngờ bước đầu đã húc vào đá. Ông không nản lòng, đi tiếp lên bắc, tới nước Yên. Ở nước Yên một năm, chưa gặp được Yên Văn công, mà tiền đã tiêu hết sạch, đành mượn nhà chủ hơn trăm đồng để sống qua ngày. Một hôm Yên Văn công đi ra ngoài, Tô Tần bò rạp ra đường xin cầu kiến, Văn công nghe biết đây là Tô Tần đã từng du thuyết vua Tần, bèn đưa ông về cung. Tại đây, Tô Tần đã trình bày với Văn công nhiều lý lẽ, Tô Tần nói:

- Trong các nước, Yên không phải là nước lớn, nói về đất đai, chỉ có hai ngàn năm trăm dặm, về lực lượng quân sự, chỉ có sáu trăm chiến xa, sáu nghìn kỵ binh, mười mấy vạn bộ binh. Nước Tề ở phía nam, và nước Triệu ở phía tây đều lớn mạnh hơn Yên nhiều, nhưng lại liên tục có chiến tranh, chỉ có nước Yên là yên bình. Tại sao vậy? Vì phía tây có nước Triệu ngăn Tần, làm nước Tần không thể vượt qua được

nước Triệu mà đánh vào nước Yên. Nếu nước Triệu đầu hàng nước Tần, thì nước Tần sẽ lập tức tiến công nước Yên. Nếu đại vương không giao hảo với Triệu mà liên minh với Tần, thì thật là một sách lược không đúng. Huống hồ nếu lại chọc giận nước Triệu, binh mã nước Triệu sớm xuất quân thì chiều tới Yên, đại vương sao chống nổi? Sách lược đúng đắn là phải tuyệt giao với Tần, các nước liên hợp lại cùng đòi phò với Tần. Có như vậy các nước mới có thể tự bảo vệ mình?

Yên Văn vương rất đồng ý với cách nhìn của Tô Tần, chỉ ngại các nước không đồng lòng, Tô Tần bèn chủ động xin đi liên hợp các nước, Yên Văn công đương nhiên rất mừng, cấp cho ông nhiều ngựa xe, vàng bạc, tùy tùng, Tô Tần sang Triệu.

Triệu Túc hầu nhiệt tình đón tiếp ông, Tô Tần nói với Triệu Túc hầu:

- Nước mạnh nhất Trung Nguyên là nước Triệu, mà Triệu lại liên đất với Hàn, Ngụy. Nước Tần muốn phát triển về Trung Nguyên, tất phải hạ được Triệu. Nay nước Tần không dám đánh Triệu, vì có Hàn, Ngụy làm lá chắn đỡ tên. Nhưng nếu nước Tần quyết đánh Hàn, Ngụy, thì Hàn, Ngụy không có núi cao sông rộng ngăn trở, rất dễ bị hạ. Lúc đó, nước Triệu sẽ là mục tiêu tấn công của Tần. Nay các nước đều giao hảo với Tần, tôi tập kết đất cho Tần, nhưng nước Tần tham lam vô hạn, muốn thôn tính đất đai của đại

vương, sách lược của họ là gì vậy? Các nước Trung Nguyên, thêm nước Sở, nếu cùng liên hợp lại, đất đai sẽ bằng năm nước Tần, binh lực bằng mười nước Tần, còn sợ gì Tần? Thần mong được đại hội chư hầu, lập minh ước, sáu nước cùng hợp sức chống Tần.

Triệu Túc hầu lúc đó còn trẻ, còn đang hăng hái, nghe Tô Tần nói cách hợp tung chống Tần, đương nhiên rất phấn khởi, lập tức cấp cho Tô Tần một trăm cỗ xe ngựa, một ngàn cân vàng, một trăm đôi ngọc bích, một ngàn tấm lụa nhờ ông đi hội hợp chư hầu. Đúng lúc đó, nước Tần đánh bại nước Ngụy, nước Ngụy phải dâng mười thành để cầu hòa. Triệu Túc hầu nghe vậy rất lo, sợ nước Tần đánh tiếp nước Triệu, bèn mời Tô Tần đến bàn bạc. Tô Tần một mặt chuẩn bị chiến đấu, một mặt dùng phép kích tướng, lợi dụng Trương Nghi, để Trương Nghi làm khách khanh ở Tần, thuyết phục Tần không đánh nước Triệu. Tô Tần an định được Triệu xong, bắt đầu du thuyết các nước khác.

Do tình hình lúc đó quá bức bách, các nước Hàn, Ngụy, Tề, Sở rất đồng ý hợp tung chống Tần, Tô Tần du thuyết không những rất thuận lợi, giành được nhiều thành công, bản thân ông còn làm tể tướng sáu nước chư hầu, đeo tướng ấn sáu nước. Tô Tần từ Sở trở về Triệu, trên đường tiền hô hậu ủng, uy phong lẫm lẫm, chưa từng có. Tô Tần đương nhiên không như ông Vũ (tức vua Vũ nhà Hạ (ND)) "ba lần qua cửa nhà mà không vào"; ông cần tỏ rõ oai phong của mình. Khi qua Lạc Dương, cha ông ra tận đường nghênh

tiếp, chị dâu ông quét sạch ba mươi dặm đường, cúi rạp xuống đất không dám ngẩng đầu, vợ ông thì nấp ở tận đằng xa mà ngó, không dám nhìn mặt ông, chỉ dám đóng tai nghe.

Tô Tần hỏi người chị dâu:

- Xưa chị coi thường em vậy, sao nay lại cung kính thế?

Chị dâu Tô Tần nói:

- Vì chú giờ đây quyền cao chức trọng, lại có nhiều tiền của!

Tô Tần cảm thán mà rằng:

- Ôi! khi nghèo hèn, đến cha cũng không nhận con, khi phú quý rồi thì người thân cũng sợ hãi. Người ta sống ở đời, thế lực quyền chức và phú quý há dám coi thường?"

Năm 333 trước Công nguyên, sáu nước Yên, Hàn, Tề, Ngụy, Sở, Triệu họp ở Hoàn Thủy nước Triệu, cắt máu ăn thề, kết thành anh em, cùng giúp đỡ nhau, cùng chống Tần, và tôn Tô Tần làm "tung ước trưởng", đeo ấn tướng sáu nước, chuyên điều hành việc hợp tung.

Có thể nói rằng Tô Tần đã có công hạn chế chiến tranh trong một điều kiện nhất định về không gian và thời gian.

"Chiến Quốc sách" đã bình luận về việc Tô Tần phát động cuộc vận động hợp tung này: "không phí một thùng thóc, không động tới một người lính, không đánh nhau, không lời tiếng qua lại, không gây một mũi tên, chu hầu

thân ái, hiền hòa như anh em". Nhưng xin đừng quên, động cơ Tô Tần đề xướng hợp tung chỉ là để được làm quan, mà sáu nước cũng vì lợi ích bản thân mà liên minh quân sự mà thôi.

Sự nghiệp của Tô Tần không thể nói là không "huy hoàng", thành tựu ngoại giao độc đáo của ông thật vô song, nhưng kết cục của ông không mấy tốt đẹp, đó là do công việc ông theo đuổi và phương thức hành động của ông quyết định.

Tần vương nghe nói sáu nước hợp tung, giật mình. Đại thần Công Tôn Diễn chủ trương đánh nước Triệu trước vì nước Triệu đầu tiên khởi xướng hợp tung. Trương Nghi vội phản đối, cho rằng sáu nước mới hợp tung, không nên dùng sức mạnh, nếu đánh một nước, các nước khác sẽ chi viện, sinh rắc rối, mà nên tranh thủ lôi kéo một vài nước nào đó trong họ, dần phá tan khối liên minh kia đi. Có thể cắt trả nước Ngụy những thành trì cũ của họ trước, nước Ngụy sẽ biết ơn, các nước khác sẽ sinh nghi kỵ, sau đó gả công chúa nhỏ của đại vương cho nước Yên thông gia với Yên. Cứ vậy, rồi khối liên minh hợp tung kia dần dần sẽ tan. Kế sách của Trương Nghi nêu ra đó, một mặt quả thực rất hữu hiệu, có thể giành được tin nhiệm của Tần vương, mặt khác lại giữ được lời hứa không để cho Tần tấn công Triệu.

Tần vương nghe theo kế sách của Trương Nghi, Yên, Ngụy quả nhiên hữu hảo với Tần. Triệu vương sốt ruột, lập

tức sai Tô Tần sang trách vấn nước Yên, không ngờ Yên vương lại tố khổ với Tô Tần, còn nói nước Tề lấy của Yên mười thành trì, nhờ Tô Tần nghĩ cách, Tô Tần buộc phải sang Tề. Tô Tần nói với vua Tề:

- Nếu đại vương trả lại mười thành đó, nước Yên sẽ biết ơn, Yên vương cũng sẽ tin nhiệm đại vương. Như vậy đại vương có thể hiệu triệu thiên hạ, xây dựng bá nghiệp.

Tề vương vốn hăng hái, còn bực về chuyện không được làm nước tung ước trưởng, nghe Tô Tần nói vậy, thấy đúng ý, bèn trả các thành trì cho Yên.

Yên vương tuy rất mừng, nhưng vì Tô Tần có tư tình với thái hậu nước Yên, nên cũng không xem trọng ông. Tô Tần trong bụng cũng rõ, vấn đề quan trọng hàng đầu của hợp tung sáu nước là cân bằng thế lực, nếu không, hợp tung quyết chẳng được lâu dài. Nhưng thấy Yên vương lạnh nhạt với ông, bèn nói với Yên vương:

- Nay thần ở nước Yên cũng không có ích mấy, xin được sang Tề, danh nghĩa là làm quan bên đó, nhưng ngầm giúp nước Yên.

Yên vương đang mong ông đi chẳng được, nên đồng ý ngay.

Tề Tuyên vương, thanh sắc, khuyến, mã, không gì không thích. Tô Tần bèn tìm cách làm thỏa mãn những thói xấu của ông ta, lòng gái đẹp, xây cung điện, làm ma chay lớn cho

cha Tề vương. Tề-vương tuy hồ đồ, nhưng thần hạ Điền Văn cùng nhiều người nhìn rõ, đó là tiêu hao tài lực của nước Tề, làm loạn chính trị nước Tề, làm sụp nước Tề. Bọn Điền Văn ngầm sai người giết Tô Tần. Thích khách đâm được dao vào bụng Tô Tần vội bỏ trốn. Tô Tần chưa chết ngay, còn cố giẫy giụa đi gặp Tề vương, nói nhỏ với ông rằng: "Sau khi thần chết, xin đem đầu thần ra ngoài phố để treo thưởng, nói rằng thần tư thông nước ngoài, ai biết bí mật đến cáo giác, sẽ bắt được kẻ giết thần."

Tề vương làm theo lời Tô Tần, quả bắt được thích khách.

Sau khi Tô Tần chết, khối hợp tung nhanh chóng tan rã, nhất là tin Tô Tần giúp người Yên phá hoại nước Tề truyền ra, hai nước Tề, Yên mâu thuẫn càng gay gắt. thế là phá hợp tung lập liên hoành trở thành mục tiêu ngoại giao của nước Tần.

Tần Huệ Văn vương liền phong Trương Nghi làm tướng quốc, để ông giải quyết việc thương nghị liên hoành. Trương Nghi vốn xuất thân nghèo khổ, nghe nói từng học cùng Tô Tần, Trương Nghi cũng như Tô Tần, là người rất thích công danh lợi lộc. Trước khi làm quan, ông ta đã từng trải qua quá trình phiêu bạt gian khổ. Trương Nghi từng làm khách khanh hạ đẳng ở nước Sở, một hôm cả nhà Sở lệnh đoán Chiêu Dương chuyển tay nhau ngắm nghĩa viên ngọc bích họ Hòa thì trời bỗng đổ mưa, mọi người vội chạy mưa, làm mất ngọc bích họ Hòa. Gia nhân của Chiêu Dương thấy

Trương Nghi ăn mặc rách rưới, đổ cho ông ăn cắp, đánh cho ông thịt rách da tan, gần chết. Sau nghe một thương nhân là Giả xá nhân nói Tô Tần đã làm tướng quốc ở nước Triệu, mới đi tìm để bái kiến, không ngờ Tô Tần đối với ông rất ngạo mạn, làm Trương Nghi bị kích động, thề phải tìm cho mình một con đường khác. Đang lúc đói rách, tới bước đường cùng, Trương Nghi được Giả xá nhân đưa về Tần, tốn kém khá nhiều, để giúp ông trở thành khách khanh của nước Tần. Trương Nghi rất cảm ơn Giả xá nhân, nhưng trước khi chia tay Giả xá nhân nói: "Tất cả đều do một tay Tô tướng quốc sắp đặt cả thôi, bản thân tôi cũng là môn khách của Tô tướng quốc. Tướng quốc sợ ngài được một chút quan ở nước Triệu sẽ thỏa mãn, hướng hồ tướng quốc cho rằng mình không bằng ngài, không nên cùng làm quan trong một nước. Vì vậy mới có ý kích động ý chí của ngài, sắp đặt ngài đến Tần, chỉ mong ngài sau này khuyên Tần vương đừng đánh Triệu". Trương Nghi nghe xong, vừa cảm động vừa phục, từ đó không bao giờ nhận rằng mình hơn tài Tô Tần. Lần này, ông được Tần vương giao làm tướng quốc. Sở Hoài vương rất lo, sợ ông trả thù mối nhục "ngọc bích họ Hòa" xưa kia, bèn vội vàng hạ thủ trước, theo cách nghĩ của Tô Tần, hội sáu nước, cùng cất quân đánh Tần. Nhưng hai lần tấn công đều do quân các nước không đồng lòng. Sức chiến đấu kém, đã thất bại thảm hại.

Tần Huệ Văn vương tuy đánh bại được quân đội sáu nước, nhưng Tề, Sở vẫn mạnh, muốn tấn công Tề phải phá

được liên minh Tề Sở. Vì vậy, Tần vương cho Trương Nghi mang nhiều lễ vật đến nước Sở, Trương Nghi trước hết dùng nhiều châu báu để mua chuộc người thiếp được Sở vương sủng ái là Cản Thượng, rồi hứa đem sáu trăm dặm đất Thương Vu cho Sở, cộng thêm những lời hoa mỹ, Sở vương tham lam mù quáng đã đáp ứng yêu cầu của Trương Nghi, sai người sang mừng nhểc Tề vương, tuyệt giao với Tề, giao hảo với Tần. Nhưng người được phái đi nhận đất Thương Vu một năm sau mới trở về, sau khi vỡ lẽ ra là bị Trương Nghi lừa gạt. Sở vương giận quá, đem mười vạn quân đi đánh Tần, kết quả tan tác trước sức mạnh của liên quân Tần - Tề, từ đó nguyên khí đất nước Sở thương tổn khá lớn. Về sau Sở Hoài vương dùng đất Kiềm Trung để đổi được Trương Nghi, nhưng không chịu được thuật lừa bịp của Trương Nghi, lại thả Trương Nghi về nước Tần. Sở Hoài vương trước sau đều bị lừa, cuối cùng chết trên đường chạy trốn từ Tần về nước.

Công lao của Trương Nghi rất lớn, Tần vương phong ông làm Vô Tín quân, cho ông mang đủ tiền tài chu du các nước, thực hiện kế hoạch "liên hoành". Trương Nghi đầu tiên đến nước Tề, ông nói với Tề vương:

- Sở vương đã thành thông gia với Tần vương, bốn nước Hàn, Triệu, Ngụy, Yên đều dâng đất cho Tần, cùng kết hữu hảo, chỉ có đại vương là cô lập, nếu sáu nước cùng đánh đại vương thì đại vương định thế nào?

Đến nước Triệu Trương Nghi lại nói với Triệu Vũ Linh vương như vậy, lấy nước Tề làm chiêu bài, hiệu triệu chư hầu. Triệu Vũ Linh vương tuy tài thao lược, nhưng rớt cuộc vì tình hình bức bách, cũng đành cầu hòa. Đến nước Yên, vua Yên đồng ý dâng năm thành trì cho Tần.

Trương Nghi thắng lợi trở về, sứ mệnh ngoại giao hoàn thành xuất sắc, nhưng về tới nước Tần, Tần Huệ Văn vương đã chết, Tần Vũ vương kế vị, Vũ vương lúc thường không ưa Trương Nghi, Trương Nghi buộc phải nghĩ cách thoát thân. Ông nói với Vũ vương:

- Tề vương biết tôi đã lừa ông ta nên căm ghét tôi đến tận xương tủy, tôi tới nước Ngụy chắc chắn nước Tề sẽ đánh Ngụy. Khi Tề Ngụy giao chiến, nước Tần có thể thừa cơ đánh lấy nước Hàn, đại vương cũng có thể tới đô thành của Chu Thiên vương xem coi, thiên hạ nhà Chu chưa biết chừng sẽ là của đại vương.

Vũ vương nghe xong mừng rỡ bèn sai Trương Nghi sang nước Ngụy.

Ngụy vương phong Trương Nghi làm tướng quốc. Được tin, Tề vương lập tức sai Điền Văn thông báo các nước lại cùng nhau liên minh đánh nước Ngụy, sẽ thường năm thành trì cho người nào bắt được tên lừa đảo Trương Nghi. Ngụy vương rất lo, nhưng Trương Nghi đã có cách. Ông sai tâm phúc Phùng Hỉ giả làm người nước Sở đi nói với Tề Tuyên vương:

Dại vương nếu giận Trương Nghi, dùng để cho ông ta yên. Thần từ Tần đô tới, nghe nói Trương Nghi sang Ngụy là có kế gì đó. Nếu đại vương đánh Ngụy, nước Tần sẽ đánh nước Hàn, chiếm thành Chu. Nếu quả thật đại vương đánh Ngụy thì là đã vào tròng của ông ta!

Tề vương tỉnh ra, rút quân về.

Ngụy vương càng thêm tin nhiệm Trương Nghi. Trương Nghi cuối cùng hoàn thành được kế hoạch liên hoành. Năm 309 trước Công nguyên, Trương Nghi ốm chết.

Nhìn chung giai đoạn lịch sử này, thật có thể nói là "biến ảo gió mây quốc tế", nay thì nam bắc hợp tung, mai lại đông tây liên hoành, quan hệ giữa các nước vô cùng phức tạp, thật là vạn biến trong từng phút giây. Trong cục diện quốc tế phức tạp ngày nay, cũng khó mà tìm được những mối quan hệ biến hóa khôn lường như vậy. Đáng chú ý nữa là, mối quan hệ phức tạp đó lại hoàn toàn do hai kẻ mưu trí, hai thuyết khách tạo nên. Trước là hợp tung của Tô Tần, sau là liên hoành của Trương Nghi. Hai người đó đã biến thất hùng thời Chiến Quốc thành những quân cờ cho họ điều khiển. Thật là kỳ tích trong lịch sử nhân loại, hiện tượng có một không hai trong lịch sử thế giới. Những nhà ngoại giao kiệt xuất nhất trong lịch sử cổ đại của loài người có lẽ phải là Tô Tần, Trương Nghi.

Nhưng có một hiện tượng lý thú là, không những "liên hoành" "hợp tung" bản thân nó không có gì là chính nghĩa,

mà người điều khiển "liên hoành", "hợp tung" cũng chẳng có tinh thần chính nghĩa. Họ không được thanh cao như Trang tử cùng thời, cũng không được như Mạnh Tử chủ trương thuyết phục Ngụy vương, Tề vương thực hiện "nhân chính", mục đích của họ là quyền lực và tiền của, ngoài ra không hề có lý tưởng cao đẹp hay phẩm đức cao quý. Ngược lại, con người họ thể hiện những phương thức hành vi lừa dối, gian trá, tàn nhẫn, vô liêm sỉ và những quan niệm giá trị lấy quyền thế làm tiêu chuẩn. Có thể tổng kết phẩm đức của họ qua những việc đã làm như sau: chẳng kể nam bắc tây đông, quý hồ được làm quan là đủ.

Chẳng kể đông tây "liên hoành" hay nam bắc "hợp tung", chẳng kể giết bao nhiêu người, chảy bao nhiêu máu, chẳng kể chính nghĩa hay phi nghĩa, chỉ cần được làm quan, được vinh hoa phú quý, không mong gì hơn. Trước một di sản mưu trí phong phú như vậy, chúng ta có cảm tưởng ra sao?

53. TẤN VĂN CÔNG LÙI ĐỀ TIẾN MÀ NÊN NGHIỆP BÁ

Anh hùng xưa nay đều rèn luyện trong gian khó mà nên.

Trong ngũ bá thời Xuân Thu, Tấn Văn công là một nhân vật độc đáo. Lên ngôi trong buổi nhiễu nhương, nhận việc giữa thời nguy khó, nhưng do thấu hiểu sự đời, nhận rõ uẩn khúc, nên mặc dù hơn sáu mươi tuổi mới lên ngôi, chỉ trong vòng mấy năm ông đã làm cho nước Tấn giàu mạnh lên, trở thành một trong ngũ bá thời Xuân Thu nổi tiếng.

Sở dĩ ông nhanh chóng thành công như vậy là do ông đã từng trải qua nhiều bước thăng trầm. Đặc điểm lớn nhất trong thành công của ông là lùi để tiến. Bước lùi để tiến lần thứ nhất là để tị nạn ông phải lưu vong ra ngoài mười chín năm, sau đó về nước làm vua. Bước lùi để tiến lần thứ hai là khi đánh nhau với Sở ở Thành Bộc phải lui quân lại ba xá (một xá là ba mươi dặm), cuối cùng giành được thắng lợi, xác lập được địa vị bá chủ chư hầu của ông. Chuyện lùi để

tiến mà thành bá nghiệp thiên thu như vậy, e rằng trong lịch sử Trung Quốc cũng chỉ có một lần. Nhưng cái sách lược được vận dụng một cách tự giác trong hoàn cảnh bị động hoặc chủ động như vậy đã trở thành truyền thống không thể xem nhẹ trên chính trường Trung Hoa.

Nước Tề, bá chủ phương đông đầu tiên, đến thời Xuân Thu, đã dần suy yếu, Tống Tương vương mong bá cũng tan. Tấn Văn công Trùng Nhĩ lên ngôi báu, chẳng bao lâu trở thành bá chủ thứ hai tiếp sau Tề Hoàn công. Nghiệp bá kể từ khi nước Tần hưng khởi, đã phải trải qua quá trình lịch sử lâu dài và phức tạp.

Trước thời Tấn Hiến công, cha của Tấn Văn công, nước Tấn đã trải qua mười bảy năm loạn chiến, ông nội của Tấn Văn công là Tấn Vũ công cuối cùng thống nhất được nước Tấn, đổi đại tông thành liệt hầu. Tấn Hiến công cũng là ông vua tương đối giỏi giang. Khi cùng cha tham gia dẹp loạn, thấy được mối đe dọa của các công tử trong hoàng tộc đối với ngôi vua, nên sau khi kế vị, ông lập tức xóa bỏ quyền hành của các công tử của các nhánh hoàng tộc, củng cố được ngôi báu, chuyên tâm vào việc mở mang lãnh thổ. Năm 672 trước Công nguyên, Tấn Hiến công tiêu diệt được nước Ly Nhung, năm 661 trước Công nguyên, lại thành lập hai đạo quân, tự mình chỉ huy thượng quân, thái tử Thân Sinh chỉ huy hạ quân, mở rộng quân đội gấp hai lần. Tiếp đó, nước Tấn lại tiêu diệt được nước Quắc và nước Ngụ. Lúc

này, lãnh thổ của Tấn tây đến Hoàng Hà giáp nước Tần, tây nam đến Tam Môn Hiệp, nam giao tiếp với Dự, đông đến Thái Hằng Sơn, bắc giáp với Nhung Địch, trở thành nước lớn ở phương bắc.

Nếu nước Tấn cứ phát triển thuận lợi như vậy, thì xu thế Tấn trở thành bá chủ là không thể gì ngăn nổi. Nhưng về cuối đời, Tấn Hiến công có sai lầm rất lớn là chỉ nghe lời hoàng hậu. Đó là cái bệnh quân vương thường mắc phải, nhưng với nước Tấn, thì tai họa xảy ra thật nặng nề, không những làm cho nước Tấn chịu hai mươi năm loạn lạc, còn suýt nữa làm tan nước Tấn. Cuối cùng, đến Trùng Nhĩ lên ngôi, kế tục được sự nghiệp mà phụ vương chưa hoàn thành.

Tấn Hiến công có năm người con trai. Tề Khương sinh được thái tử Thân Sinh và Tần Mục công phu nhân, sau khi diệt Nhung lại lấy hai người con gái Nhung làm thiếp, người thiếp lớn sinh được Trùng Nhĩ, người kia sinh được Di Ngô. Khi đánh nước Ly Nhung lại lấy hai người con gái nước này là hai chị em nàng Ly cơ. Ly cơ sinh được Hề Tề, em gái Ly cơ sinh được Trác tử. Về cuối đời, Hiến công sủng ái Ly cơ, nên lập Ly cơ làm hoàng hậu. Ly cơ cầu kết với bọn sủng thần của Hiến công là Lương Ngũ, Đông Quan Tị Ngũ, mưu đồ lập con mình là Hề Tề làm thái tử.

Ly cơ lấy cơ bảo vệ biên giới, đưa thái tử Thân Sinh ra Khúc Ốc, đưa Trùng Nhĩ tới đất Bồ, đưa Di Ngô đến đất Khuất, đều xa đô thành, để phân tán lực lượng các công tử,

khiến họ không giúp nhau được, chỉ có con của Ly cơ là Hề Tề và con của em gái Ly cơ là Trác Tử được ở bên vua. Bước thứ hai, Ly cơ tìm cách trừ khử dần các công tử, mà đương nhiên, đầu tiên là phải hạ thủ thái tử Thân sinh, Ly cơ luôn luôn tìm kiếm cơ hội. Vừa đúng lúc, Hiến công nằm mơ thấy mẹ của Thân sinh, bèn gọi Thân sinh đi làm lễ cho mẹ. Làm lễ xong, theo tục lệ, lễ vật phải để người cha ăn. Nhưng khi mang thịt tới, Tấn Hiến công đi săn chưa về, Ly cơ thu nhận lễ vật. Sáu ngày sau Hiến công mới trở về, định ăn thịt đó, Ly cơ ngăn lại:

- Thịt ở ngoài dưng vào không nên ăn ngay, thử xem đã.

Ly cơ cho chó ăn thử, chó chết ngay, lại ép một a hoàn, a hoàn ăn xong cũng phát độc chết. Ly cơ khóc nói với Hiến công:

- Thái tử mưu hại bệ hạ!

Thực ra cái trò này diễn rất vụng, nhìn thấy ngay, nhưng thái tử Thân Sinh là người trung thành, yếu đuối, ông biết Ly cơ hại ông, nhưng nghĩ cha đã già luôn cần Ly cơ chăm sóc ở bên, chẳng cần phải đi biện bạch, kháng cự, ông bỏ trốn về đất Khúc Ốc tự sát ở đó.

Nghe nói trước khi hãm hại Thân Sinh, Ly cơ đã từng dùng kế "ong mật" để định hại thái tử, có điều thời cơ chưa chín muồi, chưa dám liều lĩnh. Một lần, Ly cơ nói với Hiến công là Thân Sinh chòng ghẹo bà. Hiến công không tin, tuy

chuyện con trai đùa ghẹo dì là chuyện chẳng lạ, nhưng Thân Sinh là người đứng đắn, không làm điều đó. Ly cơ thấy Hiến công không tin, nên ngày hôm sau mới để cho vua lên xem ở vườn hoa. Hôm ấy Ly cơ rủ Thân Sinh ra hoa viên chơi, Thân Sinh thật thà, vô tư nên đã nhận lời. Ly cơ cho bôi sẵn ít mật ong trên đầu, để cố ý dụ dẫn ong mật đến, lúc sau nhiều ong bay quần lấy đầu bà ta, Ly cơ nhờ Thân Sinh lấy tay áo đuổi ong giúp bà, còn bà vừa tránh, vừa kêu. Hiến công ở xa nhìn không rõ tưởng là chòng ghẹo. Hiến công định xử trí Thân Sinh ngay, nhờ Ly cơ xin cho mới thoát chết. Nhưng dù sao, trong ấn tượng của Hiến công, Thân Sinh không là người con đức hạnh nữa. Cho nên sau này Ly cơ vu khống Thân Sinh, Hiến công tin ngay.

Trùng Nhĩ và Di Ngô thấy Ly cơ hại Thân Sinh một cách độc ác và nham hiểm như vậy, vội rời khỏi kinh đô. Ly cơ liền vu cáo là họ có tham dự vào việc này. Hiến công lập tức sai người đuổi theo để giết. Đuổi theo Trùng Nhĩ là hoạn quan Bột Đề rất tích cực, Bột Đề đuổi kịp Trùng Nhĩ và chém đứt tay áo ông, nhưng Trùng Nhĩ vẫn trốn thoát. Ông chạy sang nhà bà ngoại ở nước Địch. Công tử Di Ngô chạy sang nước Lương.

Chẳng bao lâu, Hiến công qua đời. Thái tử Hề Tề mười một tuổi mới lên ngôi. Đại thần Lý Khắc và Phi trịnh giết ngay Hề Tề khi làm tang lễ. Đại thần Tuân Túc người đã dựng Hề Tề lên vua muốn đền ơn tri ngộ với Hiến công, lại dựng Trác Tử lên làm vua, Lý Khắc giết luôn Trác Tử và

Tuân Túc. Tới lúc này, bao công sức của Ly cơ bỗng tan thành mây khói, bà ta tự sát trong tuyệt vọng.

Tấn Hiến công có năm người con, chết mất ba, chạy đi hai, nước Tấn trở thành quốc gia không người cai quản. Phu nhân Tần Mục công tức em gái của thái tử Thân Sinh, sợ nước Tấn bị nước ngoài làm cho diệt vong, hằng ngày giúp Mục công giúp Tấn lập vua mới. Mục công là người khôn ngoan, ông muốn thử xem giữa Di Ngô và Trùng Nhĩ thì ai là người thích hợp hơn, bèn sai công tử Chấp đi chia buồn cùng hai công tử. Công tử Chấp sang Địch trước gặp Trùng Nhĩ, nói với ông:

- Nay nước Tấn không vua, diện hạ nên về kế vị, nếu không Di Ngô sẽ tranh mất.

Trùng Nhĩ rút nước mắt mà rằng:

- Phụ vương vừa qua đời, đau xót còn chưa xong, sao nỡ nghĩ chuyện làm khổ tiên vương?

Ông tạ ơn lòng tốt của nước Tần. Công tử Chấp gặp Di Ngô, Di Ngô không hề khóc, mà nói với công tử Chấp:

- Đại thần của tề quốc Lý Khắc và Phi Trịnh đã nhận lời giúp tôi, việc xong tôi sẽ cấp cho họ một người một trăm vạn mẫu và một người bảy mươi vạn mẫu ruộng tốt. Quý quốc nếu giúp tôi, tôi sẽ tạ ơn bằng năm thành tri phía bên sông.

Công tử Chấp về báo cáo tình hình với Mục công. Ai nấy cho rằng Trùng Nhĩ là người hiền, còn nếu lập Di Ngô làm

vua, nhất định nước Tấn sẽ lụn bại, và nước Tần có thể lợi dụng. Đồng thời Tề Tuyên công cũng muốn Di Ngô là vua, hai nước cùng dẫn quân đưa Di Ngô về kế vị, tức Tấn Huệ công.

Quả nhiên, Tấn Huệ công là người xảo quyết tàn nhẫn, ông ta giết Lý Khắc trước rồi giết Phi Trịnh cùng những người khác, cả thảy hơn mười người. Dẹp yên nội bộ rồi, ông ta cho rằng Trùng Nhĩ vẫn ở ngoài có thể gây hậu hoạn, lại cho Bật Đề, người đã giết hụt Trùng Nhĩ lần trước, đi giết Trùng Nhĩ một lần nữa.

Trùng Nhĩ ở nước Địch đã mười hai năm, một số người có tài ở nước Tấn cũng chạy theo ông sang Địch, tương đối nổi tiếng có Hồ Mao, Hồ Yển, Triệu Thôi, Tư Thần, Ngụy thù, Hồ Xạ Cô, Tiên Trân, Giới Tử Thôi, Diên Hiệt. Số đông họ đã lấy vợ người Địch và sinh con đẻ cái, xem ra định ở lại lâu dài. Một hôm, Hồ Mao, Hồ Yển nhận được thư của cha là Hồ Đạt đang làm đại quan triều Tấn, báo rằng Bật Đề, người lần trước giết hụt Trùng Nhĩ, trong ba ngày nữa sẽ sang Địch để giết Trùng Nhĩ. Trùng Nhĩ được tin, vội thu nhặt đồ đạc chuẩn bị chạy trốn. Trùng Nhĩ nói với vợ là Quý Ngỗi:

- Nếu sau hai mươi lăm năm, ta không lại đón nàng, nàng sẽ tái giá?

Quý Ngỗi nói:

- Nam nhi chỉ ở bốn phương, chàng cứ lên đường. Nay thiếp đã hai mươi lăm tuổi, chờ hai mươi lăm nữa đã là bà già năm mươi tuổi, muốn tái giá cũng chẳng được. Chàng đừng lo, hãy lên đường, thiếp đợi chàng.

Trùng Nhĩ chuẩn bị khởi hành, bỗng có tin báo Bột Đề đến sớm một ngày. Trùng Nhĩ hoảng hốt, vội vàng chạy trốn, khi những người tùy tùng đuổi kịp thì phát hiện người mang hành lý đã trốn mất, thế là cả thầy trò Trùng Nhĩ rơi vào cảnh khốn đốn, phải xin ăn khắp nơi.

Họ chuẩn bị sang Tề, nhưng muốn tới Tề phải qua Vệ. Trước kia, khi nước Vệ đắp thành Sở Khâu, nước Tấn không giúp đỡ gì. Vua nước Vệ vẫn tức giận, huống hồ Trùng Nhĩ lại là công tử chạy nạn, hà tất phải giúp, vua Vệ dặn vệ binh không cho Trùng Nhĩ vào thành. Cả đoàn Trùng Nhĩ phải chịu đói vòng qua thành mà đi. Khi đi qua một nơi gọi là Ngũ Lợi, nhìn thấy mấy người nông dân cuốc ruộng đang ngồi đầu bờ ăn cơm, Trùng Nhĩ bảo Hồ Yến đến xin cơm. Những người nông dân nhìn thấy một đoàn quan lại, tức giận nói rằng nông dân cả ngày đói bụng, không có gì hầu các quan, bèn nhặt một cục đất đưa cho Hồ Yến. Ngụy Thủ là võ tướng, tính nóng, định vung roi đánh, nhưng Hồ Yến vội chặn lại, nói: "Dân cho ta đất, đó là diễm chúng ta sẽ trở về Tấn, giành lại đất Tấn, diễm may đó!" Trùng Nhĩ bấy giờ mới ngăn Ngụy Thủ, mọi người lại lên đường.

Khi Trùng Nhĩ đói tới mức tối tăm mặt mũi, thì Giới Tử Thôi bung đến cho một bát canh thịt, Trùng Nhĩ chẳng cần biết thịt ở đâu ra, húp một hơi hết sạch, húp hết mới biết thịt đó là xẻo ở đùi Giới Tử Thôi ra. Trùng Nhĩ cảm động không biết cảm tạ thế nào, Giới Tử Thôi bèn nói, chỉ cần Trùng Nhĩ về được Tấn làm nên sự nghiệp, đùi mình đau một chút có hề chi.

Cả đoàn Trùng Nhĩ chịu đói chịu khát tới được nước Tề. Tề Hoàn công tiếp đãi rất hậu. Hoàn công cho họ hai mươi cỗ xe, tám mươi con ngựa, nhiều nhà cửa, lo cho họ rất chu đáo, lại gả một người con gái trong họ cho Trùng Nhĩ, thế là họ ở lại nước Tề.

Sau khi Tề Hoàn công mất, năm người con trai của ông tranh nhau ngôi vua, làm cho nước Tề rối loạn, địa vị bá chủ của Tề mất đi, rồi nước Tề cũng quy phục nước Sở. Trùng Nhĩ cùng tùy tùng định nhờ nước Tề trở về nước, nay thấy không còn hy vọng gì nữa, các tùy tùng của Trùng Nhĩ muốn rời Tề sang nước khác. Nhưng, lúc này Trùng Nhĩ với Tề Khương đã gắn bó keo sơn, không muốn rời. Bộ hạ của Trùng Nhĩ chê bai Trùng Nhĩ, bàn với nhau tìm cách đi săn, lừa Trùng Nhĩ ra khỏi thành rồi bắt cóc đi. Một a hoàn của Tề Khương nghe lỏm được, báo với Tề Khương. Tề Khương rất quan tâm đến sự nghiệp của chồng, bà chủ động tìm bọn Hồ Yến bàn bạc, cho Trùng Nhĩ uống rượu thật say khênh ra ngoài thành. Khi Trùng Nhĩ tỉnh rượu thì đã đang nằm trên xe, tự khắc biết chuyện gì xảy ra. Sự đã rồi, ông ta đành

phải theo sự sắp đặt của bộ hạ. Thế là Trùng Nhĩ sang nước Tào.

Vua nước Tào chỉ cho Trùng Nhĩ ở lại một đêm mà đối xử rất bất nhã, tìm cách xem trộm mấy chiếc xương sườn bầm sinh dính liền nhau của Trùng Nhĩ, chỉ có đại phu nước Tào là Hi Phụ Bá thấy theo Trùng Nhĩ có nhiều người tài, sau này chắc thành đại sự, bèn giấu cho họ cơm canh, còn biểu Trùng Nhĩ ngọc bích trắng. Trùng Nhĩ sang nước Tống. Tống Trương công tuy vừa thua trận, nhưng vẫn hoan nghênh đoàn của Trùng Nhĩ, tặng cho mỗi người một cỗ xe ngựa, chỉ có điều không đủ lực lượng đưa ông về nước. Ít lâu sau, họ lại sang Sở. Sở Thành vương coi Trùng Nhĩ là quý khách. Trùng Nhĩ rất tôn trọng Thành vương, hai người trở nên bạn thân. Lúc đó, đại thần nước Sở là Tử Ngọc muốn giết Trùng Nhĩ để trừ hậu hoạn, nhưng bị Sở vương ngăn chặn. Một lần, trong bữa tiệc, Sở vương nói đùa:

- Sau này công tử về nước Tấn, không biết lấy gì báo đáp ta?

Trùng Nhĩ nói:

- Ngọc thạch, tơ lụa, gái đẹp, ở đây có nhiều, ngà voi quý giá, cầm điều kỳ lạ là đặc sản từ nơi đây, sản vật đến được nước Tấn chẳng qua là vật thừa của quý quốc, đúng không biết lấy gì để báo đền đại vương. Nếu nhờ phúc đại vương tôi được về nước Tấn, nhờ nay mai hai quân có gặp nhau, tôi xin cho quân lùi lại ba xá để báo đáp đại vương. Nếu lúc đó

vẫn chưa được đại vương hiểu cho, thì xin được thúc binh nghênh chiến.

Sở vương sở dĩ đối tốt với Trùng Nhĩ là ông nghĩ sau này muốn phát triển lên bắc, phải gieo hạt giống hữu hảo ngay trên vị công tử lưu vong này, tương lai chắc có ích.

Chẳng bao lâu, Tần Mục công sai người đi mời Trùng Nhĩ đến nước Tần, nói sẽ đưa ông về nước làm vua. Nguyên do là, Tấn Huệ công nhiều lần vong ân bội nghĩa, Tần Mục công mới đầu định đưa một vị vua tồi lên ngôi để hòng có thể lợi dụng nhưng kết quả lại trái ngược. Tấn Huệ công lên ngôi không lâu đã đem quân đánh nước Tấn, nước Tần quần hùng thế mạnh, đánh bại được nước Tấn, bắt sống Tấn Huệ công. Sau đó Tần Mục công thả Huệ công về, nhưng bắt ông ta gửi con trai là công tử Ngũ sang Tần làm con tin. Tần Mục công đổi đãi tử tế với công tử Ngũ, còn gả con gái cho Ngũ. Về sau, nước Tần diệt nước Lương, Lương vốn là quê ngoại của Ngũ, Ngũ sợ mất chỗ dựa không được nối ngôi, nên khi Huệ công ốm nặng đã trốn về nước Tấn, làm quốc vương. Tần Mục công giận lắm, quyết định đưa Trùng Nhĩ về làm vua nước Tấn.

Tần Mục công rất quý trọng Trùng Nhĩ, muốn đem con gái đã gả cho công tử Ngũ gả cho Trùng Nhĩ. Thời đó, bố lấy nàng dâu, con lấy mẹ kế là chuyện thường, đừng nói bác lấy cháu dâu, huống hồ đoàn Trùng Nhĩ đang muốn được hữu hảo với Tần, bèn nhận lời hôn sự. Lúc này công tử Ngũ đã

lên ngôi, ông thấy kẻ địch lớn nhất của mình vẫn là người bác đang lưu vong ở ngoài. Ông hạ lệnh bắt gia đình Trùng Nhĩ và gia đình tùy tùng của Trùng Nhĩ viết thư chiêu hồi họ, quá ba tháng sẽ chịu tội chết. Cha của Hồ Yến, Hồ Mao là Hồ Đạt không chịu viết thư, bị giết hại. Công tử Ngũ còn giết đại thần trong nước, làm cho lòng người ly tán. Tần Mục công biết chuyện đó giận lắm, thấy thời cơ đã đến, quyết định đem quân đưa Trùng Nhĩ về nước.

Năm 636 trước Công nguyên, đại quân Tần tới Hoàng Hà, biên giới hai nước. Khi qua sông, Trùng Nhĩ thấy người hầu phụ trách hành lý khuân xuống thuyền những đồ cũ dùng lúc bị nạn năm xưa, bèn bảo ông ta vớt xuống sông. Hồ Yến thấy vậy, giật thót người, vội quỳ xuống nói:

- Nay công tử ngoài có quân Tần, trong có đại thần, chúng tôi thật yên tâm. Hãy để mấy lão thần chúng tôi ở lại bên này Hoàng Hà, chúng tôi cũng như đóng quần áo cũ kia, chắc không cần cho công tử nữa.

Trùng Nhĩ nghe xong, chợt tỉnh ngộ, lập tức cho khuân những áo cũ, giày rách, chậu sành lên thuyền, ông vớt chiếc vòng ngọc xuống sông để tế thần rồi thề:

- Trùng Nhĩ tôi ẩm không quên lạnh, no không quên đói, không bao giờ quên các cụ thần xưa.

Thế là, bọn Hồ Yến theo Trùng Nhĩ qua sông.

Vượt Hoàng Hà, Trùng Nhĩ liền tiếp chiếm mấy thành trì, vì công tử Ngũ đã bị mọi người bỏ rơi, các đại thần nước

Tấn không chống lại Trùng Nhĩ, còn đón ông lên ngôi vua, gọi là Tấn Văn công. Tấn Văn công năm bốn mươi ba tuổi chạy sang nước Địch, năm năm mươi năm tuổi đến nước Tề, năm sáu mươi một tuổi đến nước Tần, về lên ngôi vua đã sáu mươi hai tuổi. Ông lưu lạc ở ngoài mười chín năm ròng, tuy sống yên ổn, nhưng vẫn là cảnh ăn nhờ ở đậu nhà người, những ngày tha hương chịu đủ cơ hàn ẩm lạnh, nếm đủ đắng cay ngọt bùi, biết được phong tục chính trị các nước, rèn luyện tài năng về các mặt, nên giờ này, ông đã trở thành một nhà chính trị vững vàng.

Nước Tấn trải qua gần hai mươi năm khổ sở, tới lúc này lòng người mới được yên, năm người con của Hiến công giờ chỉ còn lại một mình Trùng Nhĩ, lại thêm Trùng Nhĩ có tiếng là người hiền, nên việc Trùng Nhĩ lên ngôi là đương nhiên, thuận lòng người. Việc đầu tiên của Trùng Nhĩ sau khi lên ngôi là làm sao an định được lòng người. Ông tuy có ra một đạo bố cáo, nói diệt trừ những kẻ cầm đầu loạn đảng của Huệ công, Hoài công, người khác không truy cứu, nhưng các đại thần trước đây đã ủng hộ Huệ công vẫn chưa dám tin, nên bên ngoài có rất nhiều tin nhảm. Văn công đang buồn về chuyện đó, thì Đầu Tu, người trước đây mang hành lý của ông chạy trốn, đến gặp ông. Văn công đương nhiên giận mắng ông ta, nhưng Đầu Tu nói:

- Nhu thần đây dám đến gặp bệ hạ, đương nhiên là có lý của thần. Nay bên ngoài tin đồn khắp nơi, nói bệ hạ không

chịu tha tội cho thần, nếu bệ hạ dùng thần làm người đánh xe, đi vài vòng trên phố, mọi người thấy người như thần còn được bệ hạ tha tội, thì sẽ không lo nữa.

Trùng Nhĩ thấy có lý, làm theo Đâu Tu, quả nhiên dập tắt được tin đồn, an định được lòng dân.

Việc thứ hai Trùng Nhĩ cần phải làm là phong thưởng các công thần. Ông đón nàng Quý Ngỗi ở nước Dịch về, đón Tề Khương ở nước Tề, đón Hoài Doanh ở nước Tần về, các đại thần theo ông đều được phong thưởng tùy theo công trạng. Duy có Giới Tử Thôi không kể lại công xẻo thịt đùi nấu canh cho Trùng Nhĩ ăn, nên Văn công quên không phong thưởng cho ông. Giới Tử Thôi không thắc mắc gì cùng mẹ già về ẩn cư tại Giới Sơn.

Việc thứ ba Trùng Nhĩ phải làm là ổn định nội bộ vương thất nhà Chu.

Mùa đông năm Tấn Văn công lên ngôi, trong vương thất nhà Chu có cuộc nội loạn, vương tử Đới thông dâm với Ngỗi hậu của Chu Tương vương bị phát giác, vương tử Đới chạy trốn sang nước Dịch, cầu kết với người Dịch đuổi Chu Tương vương ra khỏi Lạc Ấp, tự nhận là Thiên vương. Trùng Nhĩ bèn dẫn quân đánh đuổi người Dịch, giết vương tử Đới, đón Chu Tương vương về. Vì thế mà Trùng Nhĩ lập được công lớn với triều đình nhà Chu, có uy tín lớn trong chư hầu, có điều kiện thuận lợi để ép thiên tử ra lệnh cho chư hầu.

Sau đó còn một việc Tấn Văn công phải làm là tranh bá chư hầu. Trước hết, ông tăng thêm biên chế quân đội, thực hiện chế độ quân chính hợp nhất, và là người đầu tiên thực hiện quản lý quân đội theo pháp luật. Sau đó, ông chọn sách lược để quyết sống mái với nước Sở lớn mạnh. Tấn Văn công tranh thủ liên minh với Tống, sau đó đánh Tào đồng minh của Sở, tranh thủ Tề, Vệ, Lỗ, cô lập Sở. Trong lần tiến công có tính chiến lược này, Tấn Văn công báo đền khảng khái với những người đã giúp đỡ mình xưa kia, và cũng không khách khí với những người đã từng làm nhục mình, đó là "báo ân trả oán".

Nước Sở vốn muốn đánh bại nước Tấn để hoàn thành nghiệp bá, nay lại bị Tấn tranh thủ mất nhiều nước khác, xem ra cuộc đại chiến Tấn - Sở là không thể tránh khỏi. Lúc đó, quân Sở do đại tướng Tử Ngọc thống lĩnh, khi thế rất mạnh, quân Tấn chưa chắc có thể thắng được. Tấn Văn công lo nghĩ, dè dặt. Ông thấy quân Sở khí thế đang mạnh, bèn lệnh cho quân Tấn "lùi lại ba xá".

Thời đó, mỗi ngày hành quân ba mươi dặm gọi một xá, lùi về ba xá tức rút về chín mươi dặm. Quân sĩ Tấn không hiểu, Hồ Yển cho người tuyên truyền với quân đội rằng, đó là Văn công báo đáp ơn huệ cũ của Sở vương, thực hiện lời hứa cũ. Thực tế, đó là cách "kích tướng", kích động khí thế quân sĩ, nêu cao tiếng tăm của Văn công. Từ góc độ quân sự mà nhìn, quân Tấn rút về làm cho quân Sở mệt mỏi, tránh được nhuệ khí của quân Sở. Do vậy sách lược "lùi lại ba xá",

bước lùi để tiến của Văn công là việc làm sáng suốt, một mũi tên trúng được hai đích.

Quân Sở cho rằng quân Tấn rút lui là hèn nhát, nên đuổi theo tới Thành Bộc mới đóng quân lại. Quân Tấn được hai nước mạnh về quân sự là Tần, Tề ủng hộ, có thể nói là vững dạ, lại thêm biết vận dụng chiến thuật tài tình, linh hoạt, dù địch vào sâu, đánh vào chỗ yếu là tả, hữu quân, làm cho trung quân của Tử Ngọc tan tác, thế là trận đánh lịch sử nổi tiếng ở Thành Bộc đã kết thúc với thắng lợi của Tấn.

Sau khi quân Sở thất bại, Tử Ngọc sợ tội, tự sát. Tấn Văn công hay tin, như bột được gánh nặng, trút một hơi dài, nói: "Không còn ai ngăn ta được nữa!" Từ đó, địa vị bá chủ của Tấn công được xác lập.

Nhìn chung quá trình từ "loạn" tới "trị" của nước Tấn, thật đáng để chúng ta suy nghĩ. Hai lần Trùng Nhĩ phải lui bước, đều là sự lựa chọn đúng đắn trong thời kỳ lịch sử đó. Sự hỗn loạn lâu dài của nước Tấn đã tạo điều kiện khách quan cho Tấn Văn công bước lên võ đài và xưng bá, mà sự tôi luyện mười chín năm ròng của Văn công và tùy tùng đã chuẩn bị điều kiện chủ quan cho việc tạo dựng bá nghiệp, cho nên việc Tấn Văn công xưng bá không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà là kết quả tích lũy của nhiều nhân tố.

Hơn nữa, Trung Quốc xưa nay vẫn tôn trọng phương thức xử thế lấy nhu khắc cương, lấy thoái để tiến. Khi điều kiện khách quan không cho phép, cú liều lĩnh làm lấy được, thì

chỉ có thể là người lỗ máng chỉ tự chuốc thất bại mà thôi. Nếu có thể tôn trọng sự thực khách quan, nhượng bộ về chiến lược, để giành được cơ hội nghỉ ngơi, chỉnh đốn, tích lũy lực lượng, thường sẽ thu được hiệu quả tốt đẹp. Đương nhiên, mục đích "lấy nhu khắc cương" là "khắc", mà không phải cứ "nhu" mãi, "lấy thoái để tiến" thì mục đích là "tiến" chứ không phải cứ "thoái" mãi, nếu chỉ có "nhu" và "thoái" thì sẽ chỉ có thất bại mà chạy dài. Trùng Nhĩ trong khi lưu lạc, vẫn chờ thời cơ để có một ngày đánh bại được quân Sở ở Bộc Thành bằng phương thức lùi để tiến, đó là "khắc", là "tiến", thật là một đường lối sáng suốt dẫn đến thắng lợi.

Nhu người vẫn nói, "Kỳ nhân tuy dĩ một, thiên tài hữu dư tình" (người không còn nữa mà tình vẫn không phai) người tài không còn nữa, nghiệp bá đã qua rồi, hùng tài cũng đã sớm về với thiên cổ nhưng sách lược "lùi để tiến" không mất theo, mà đang được vận dụng rộng rãi trong cuộc sống.

54. KỂ MỸ NHÂN HAY NHẤT TỪ XƯA ĐẾN NAY

Người đẹp có thể làm mất nước, đó là một điều rất đặc biệt trong lịch sử Trung Quốc.

Trong lịch sử lâu dài của Trung Quốc, phụ nữ hay liên quan tới chính trị, điều đó thật không đúng với địa vị phụ thuộc của họ. Thực ra, nói đàn bà làm loạn nước, đàn bà làm mất nước, không phải là đàn bà trực tiếp can dự vào chính trị, mà đó chỉ là hậu quả phụ của việc đàn bà làm trò chơi cho vua chúa hoặc quyền thần. Do đó, "nữ nhân loạn quốc", "nữ nhân vong quốc" (đàn bà làm loạn đất nước, đàn bà làm mất nước) đã trở thành một phương sách có hiệu quả, rất bí ẩn, rất tài tình. Trong lịch sử Trung Quốc có không biết bao nhiêu ví dụ về đàn bà làm loạn đất nước hoặc vì đàn bà mà đất nước bị loạn và vì đàn bà mà mất nước. Trong hàng ngàn những ví dụ kỳ quặc đó, nổi tiếng nhất vẫn là chuyện Tây Thi vì Việt diệt Ngô.

Trong sự thêu dệt của truyền thuyết hơn hai ngàn năm, Tây Thi đã trở thành hình tượng đẹp đẽ, tới mức như một

tượng trưng cho vẻ đẹp lương thiện, người ta không coi nàng là nữ nhân loạn quốc, càng không xếp nàng cùng hàng với Đát Kỷ triều Thương, Bao Tự triều Chu, mà coi nàng là người đàn bà bị làm nhục, bị hủy hoại, từ đó mà tỏ đồng tình với nàng. Tại sao vậy? Có lẽ người ta xem cuộc chiến phục thù của nước Việt là chính nghĩa, hoặc cho Ngô Phù Sai là hóa thân của ác độc tàn bạo, hoặc người ta coi Tây Thi là bậc nữ lưu đã vì nước mà hy sinh thân mình, hoặc có thể, người ta thương cảm về kết cục của đời nàng, thậm chí có thể người ta mê sắc đẹp của nàng nữa. Đó đều là những điều phỏng đoán, mà những điều phỏng đoán đó không phải không có lý.

Trong trí tưởng tượng hàng ngàn năm nay, hình ảnh cuộc đời và kết cục của Tây Thi thực muôn hình muôn vẻ. Nhà viết kịch đời Minh Lương Chấn Ngụ trong "Hoàn sa ký", đã ra sức thêu dệt mối tình quyến luyến lâm ly thiết giữa Tây Thi và Phạm Lãi. Vì sự tồn tại của nước Việt, vì đại nghĩa Tây Thi đã vượt qua giới hạn nhi nữ thường tình, dẫn mình vào nơi hùm sói. Trong truyện, với tấm lòng lương thiện, tác giả đã để cảnh Tây Thi và Phạm Lãi cùng lướt thuyền trên Thái Hồ, để cặp tình nhân cuối cùng được ở bên nhau. Nhưng tác giả không nhớ rằng nhân cách không thể xé đôi, không thể phân chia rạch ròi thành hai phần. Tây Thi đã yêu Phạm Lãi, sao còn có thể âu yếm hầu hạ Ngô vương? Sự hiến dâng của nàng cho Ngô vương có trái với nhân tính không? Trí tưởng tượng của các nhà viết kịch ngày

nay còn kỳ quặc hơn, có người viết nước Việt làm lễ đón Tây Thi về, mọi người bỗng phát hiện Tây Thi mang trong mình nghiệt chủng của Phù Sai. Xử lý vấn đề này là một trận tranh đấu về chính trị, nhân tính và luân lý. Có người viết sau khi nước Ngô bị Việt diệt, Tây Thi không muốn trở về nước vì nàng đã thật lòng yêu Ngô Phù Sai. Điều khiến chúng ta cảm động ở đây là, Tây Thi không chỉ còn là một biểu tượng, một công cụ, một vật phẩm mà đã được coi là một con người có cuộc sống bình thường. Vậy kết cục của Tây Thi là thế nào? Theo những tài liệu lịch sử đáng tin cậy, sau khi nước Việt diệt được Ngô, các phụ lão trong làng đem dìm Tây Thi xuống nước cho nàng chết, vì nàng đã gắn liền với việc mất nước, là người đàn bà xấu số. Chẳng kể nàng là do ai chọn, nàng đã mất bao công sức cho sự nghiệp diệt Ngô, nay nước Việt không cần nàng nữa, mà nàng lại là người đàn bà sặc mùi vong quốc, là người đàn bà bị người lánh xa nhất, lại là một công cụ, vậy nàng không chết sao được.

Dựa vào tập quán đương thời và tính cách Câu Tiễn, theo suy diễn logic thì kết cục của Tây Thi cũng chỉ có thể là như vậy. Vậy thì quan hệ giữa nước Việt, nước Ngô, Câu Tiễn, Phù Sai và Phạm Lãi với Tây Thi như thế nào? Tây Thi rốt cuộc là người như thế nào?

Cuối đời Xuân Thu, cũng là lúc Khổng Tử đang chu du thiên hạ, ở phương nam nước Ngô ở vùng Tô Châu và nước

Việt ở vùng Cối Kê giao chiến sống mái với nhau. Năm 1096 trước Công nguyên, Việt vương Doãn Thường qua đời, con là Câu Tiễn lên nối ngôi, Ngô vương Hạp Lư bất chấp sự can ngăn của Ngũ Tử Tư và những người khác, nhân nước Việt có tang, đem quân sang đánh. Việt vương Câu Tiễn đem đại quân nghênh chiến, quân hai bên gặp nhau ở Túy Lý (nay là chợ Gia Hưng tỉnh Chiết Giang). Việt vương thấy thế trận quân Ngô chặt chẽ; không thể phá nổi, bèn đem tới ba mươi tử tù, bắt họ cởi trần đi thành hàng sang phía quân nước Ngô, nói rằng:

- Đại vương chúng tôi đắc tội với quý quốc, xin cho chúng tôi được chuộc tội thay đại vương!

Nói xong lần lượt từng người chặt đầu mình, gục chết tại chỗ. Quân Ngô còn đang sững sốt, nghi hoặc, quân Việt bỗng xông tới, quân Ngô trận thế rối loạn, không kịp chống đỡ cuống quýt bỏ chạy, sau lại bị phục binh của Việt chém giết, đến Ngô vương Hạp Lư cũng suýt bị bắt, bị tướng Việt là Linh Cô Phù chặt đứt ngón chân và đánh trọng thương. Quân Ngô thua to, trên đường về, Hạp Lư do vết thương quá nặng đã chết.

Phù Sai kế thừa ngôi vua, ông thề báo thù cho cha, lại chò một người chuyên nhắc nhở ông, mỗi ngày nó to với ông vài lần: "Phù Sai, người quen Việt vương đã giết cha rồi sao?" Phù Sai chảy nước mắt đáp lớn "Không dám quên. Không dám quên". Cứ như vậy, sau ba năm, Phù Sai nóng lòng đem quân đi đánh nước Việt để báo thù.

Ngô Phù Sai tự ra tiền tuyến đốc chiến, trước hết tiêu diệt mấy quân nước Việt trên Thái Hồ, Việt Câu Tiễn đành chạy trốn lên núi Cối Kê. Quân Ngô lên bờ, tàn sát trăm họ nước Việt, đốt xóm làng mùa màng, cướp trâu bò mang đi, chẳng mấy đã bao vây núi Cối Kê. Câu Tiễn vô kế khả thi, bàn với Văn Chủng đi cầu hòa, Văn Chủng phân tích tình hình nội bộ nước Ngô, nói:

- Ngô vương có hai đại thần, một là Ngũ Tử Tư, một là Bá Hỉ. Bá Hỉ sợ công lao của Ngũ Tử Tư lớn quá, át quyền lực của mình, thường tìm cách đối đầu với ông ta. Ngoài ra, Phù Sai rất sợ Ngũ Tử Tư, thấy ông ta như học trò gặp thầy giáo, nhưng với Bá Hỉ lại dễ gần. Do vậy, nếu ta quan hệ được với Bá Hỉ, Ngũ Tử Tư một mình muốn cản trở giảng hòa, cũng không được.

Câu Tiễn sai Văn Chủng đi thử xem. Văn Chủng đi gặp Bá Hỉ, đem hai mươi đôi ngọc bích trắng, một ngàn lạng vàng, tám cô gái đẹp, nhờ Bá Hỉ nói giúp với Phù Sai, còn nói với Bá Hỉ rằng:

- Xưa nay, chinh chiến sát phạt chẳng qua để thần phục nước khác, nếu ngài không cho nước Việt giảng hòa, năm ngàn giáp sĩ của Việt vương có thể liều một trận, lúc đó chúng tôi đốt nhà, hủy đồ quý giá, thì nước Ngô chẳng có gì mà được. Nước Việt chúng tôi thấy ngài cao mình hơn cả, nên mới đến nhờ của ngài.

Lời Văn Chủng vừa nhu vừa cương đã thuyết phục Bá Hi, ngay tối hôm đó, Bá Hi đã thuyết phục được Ngô Phù Sai. Nhưng ngày hôm sau, khi họp quân thần nghị sự, Ngũ Tử Tư kiên quyết phản đối, ông nói:

- Đại vương nếu không diệt nước Việt, sao trả thù được cho phụ vương? Ngô Việt hai nước đều ở đông nam, đất này không cho phép hai nước cùng tồn tại, nay nếu không diệt Việt, nước Việt mười năm sinh sôi, mười năm giáo huấn, sau này tất tiêu diệt nước Ngô.

Bá Hi nói:

- Nước Việt nguyên làm bề tôi, nguyên tự sang Ngô để hầu hạ đại vương, mối thù của tiên vương coi như đã báo được. Xưa kia ông cũng từng trả thù cho phụ huynh, sao không diệt nước Sở, mà lại chấp nhận cầu hòa của Sở? Chẳng lẽ ông biết làm người quân tử trung hậu, mà để đại vương làm người khắc nghiệt tiểu nhân?

Ngũ Tử Tư tức điên lên mà không biết nói sao. Thế là Ngô Việt giảng hòa.

Câu Tiễn để Văn Chủng ở lại trị lý việc nước, còn mình thì mang theo vợ con cùng Phạm Lãi và ba trăm quan lại sang nước Ngô, Ngô vương để cho vợ chồng Câu Tiễn ở trong nhà đá, trông nom ngựa cho mình, Phạm Lãi thì làm việc của nô bộc. Mỗi lần Phù Sai ra phố, Câu Tiễn đều phải dắt ngựa cho ông, người nào thấy cũng cười nhạo. Có thể

nói là Câu Tiễn hầu hạ hết mực chăm chỉ, không hề oán thán, ngay đến Phù Sai cũng không nổi nhần tâm. Bà năm sau, một hôm, Phù Sai đang ốm, Câu Tiễn đỡ Phù Sai đi đại tiện, chờ Phù Sai đại tiện xong, Câu Tiễn trở vào nhà nói với Phù Sai:

- Bệnh của đại vương đã qua bước hiểm nghèo, chẳng mấy ngày nữa sẽ khỏi.

Phù Sai hỏi Câu Tiễn sao biết được, Câu Tiễn nói:

- Thần xem phân của đại vương lại ngửi mùi, biết bệnh khí của đại vương đã bài tiết ra ngoài, nên mới nói đại vương mấy ngày nữa sẽ khỏi.

- Phù Sai nghe xong rất cảm động. Vừa may, mấy hôm sau Phù Sai khỏi bệnh. Thế là ông thả cho Câu Tiễn và cả bọn về nước.

Câu Tiễn về nước, lập tức bàn với Văn Chủng cách làm cho nước giàu binh mạnh để diệt được nước Ngô, Văn Chủng nêu ra bảy kế sách để diệt Ngô: 1) Hối lộ nhiều chỗ nước Ngô, làm cho nước Ngô trên dưới hài lòng; 2) Vay, mua lương thực nước Ngô, làm cho kho tàng họ trống rỗng; 3) Biếu Ngô vương gái đẹp, dụ ông ta hoang dâm vô đạo; 4) Gửi biếu Ngô vương nhiều gỗ và gạch ngói để ông ta xây dựng nhiều công trình, tiêu hao nhiều sức nước; 5) Đua người vào làm quan ở triều Ngô; 6) Mua chuộc đại thần, tung tin nhảm, làm các trung thần, lương tướng lui về nghỉ;

7) Tự mình tích trữ lương thảo, trưng tuyển binh mã, tăng cường huấn luyện.

Câu Tiễn bắt đầu thực hiện kế hoạch "mười năm sinh sôi, mười năm giáo huấn". Về mặt hôn thú và sinh đẻ, quy định rõ: người có tuổi không được lấy vợ trẻ; trai hai mươi tuổi, gái mười bảy tuổi chưa lấy chồng lấy vợ, bố mẹ phải nộp phạt; phụ nữ sắp sinh đẻ phải báo cáo với quan địa phương để cho thầy thuốc chăm sóc, để đứa con đẻ ra được nên người; đẻ con trai được thưởng một vò rượu, một con lợn, sinh con gái thưởng một vò rượu và một con lợn con; có hai con, nhà nước nuôi cho một đứa, có ba con, nhà nước nuôi cho hai đứa; trong 7 năm, nhà nước không trưng thu bất cứ loại thuế nào.

Để không quên nỗi nhục, Việt vương Câu Tiễn cho rải cỏ khô làm đệm nằm, trước cửa nhà treo một chiếc mật đắng, mỗi ngày trước khi ăn đều nếm mật, đó chính là chuyện quyết tâm vươn lên "nằm gai nếm mật" nổi tiếng. Ông tự cày ruộng, vợ tự dệt vải, gương mẫu trước toàn dân, không dùng người hầu, vì vậy nước Việt tuy phải gian khổ để cống cho nước Ngô, nhưng đoàn kết chặt chẽ quanh Việt vương.

Chẳng bao lâu, Ngô vương chuẩn bị xây đài Cô Tô, Việt vương gửi sang những súc gỗ lớn, Phù Sai không muốn cắt nhỏ gỗ lớn, bèn cho nâng chiều cao chiều rộng đài lên gấp ruồi, và rất vui vì sự trung thành của Việt vương. Việt vương Câu Tiễn thấy kế sách thứ nhất đã được thực hiện, bắt đầu thực hiện kế sách thứ hai: kế mỹ nhân.

. Câu Tiễn giao cho Phạm Lãi đi tìm gái đẹp, Phạm Lãi nói:

- Thần đã chuẩn bị sẵn cho đại vương một cô gái sẵn sàng hầu hạ vua Ngô, vì nước quên thân, nàng là Tây Thi, người đẹp nổi tiếng của nước Việt, không những đẹp mà còn sắc sảo thông minh. Lại thêm nàng Trịnh Đán đi cùng, chắc có thể hoàn thành được sứ mạng cho đại vương.

Thế là Việt vương đưa Tây Thi và Trịnh Đán sang nước Ngô.

Xuất thân của Tây Thi, trong sử sách không ghi rõ, nhưng trong truyền thuyết về cô gái xấu nhà bên và chuyện giặt sợi, có thể suy đoán, nàng xuất thân nghèo khổ. Nghe nói Tây Thi đẹp lắm, nhất là khi đau tim nàng thường để tay lên ngực, mày hơi chau, trông lại càng đẹp. Nàng có cô bạn hàng xóm, tên gọi Đông Thi, người xấu, nhưng rất hâm mộ vẻ đẹp của Tây Thi. cô ta thấy Tây Thi tay đỡ ngực trông càng đẹp, cô cũng bắt chước tay đỡ ngực, chau mày đi về nhà. Cô vốn đã xấu, làm vậy càng xấu hơn, làm cho hàng xóm thấy, phải bỏ chạy. Có câu "Đông Thi bắt chước ngực đau, làng xóm phải chạy cho mau", là nói đến chuyện này. Tây Thi tuy nghèo, nhưng rất thông minh, nghe nói Phạm Lãi đã yêu nàng, hai người là bạn tình của nhau, nhưng để giúp Việt diệt Ngô, Phạm Lãi đã khuyên nàng sang Ngô, Tây Thi nói:

- Quốc vương và các quan còn bị giữ ở Ngô, thiếp biết. Việc nước là việc lớn, nhi nữ tư tình là việc nhỏ, thiếp đâu dám tiếc tấm thân hèn mọn để phụ lòng mong mỏi của thiên hạ?

Tôi khi đi, Tây Thi có chút do dự. Phạm Lãi khuyên nàng:

- Nếu nàng sẵn lòng sang Ngô thì nước nhà có thể còn giữ được nàng và ta còn có thể sống được sẽ có dịp gặp lại nhau. Nếu nàng không đi, nước nhà sẽ có nguy cơ diệt vong, nàng và ta sẽ chẳng còn, còn mong chi bách niên hòa hợp?

Phạm Lãi lại nói cho Tây Thi nghe các phương pháp làm việc, các mảnh khố tùy cơ hành sự, rồi đưa Tây Thi sang Ngô.

Tây Thi tới nước Ngô, vua Ngô thấy sắc đẹp tuyệt trần của Tây Thi liền mê ngay. Cách nói năng khác thường và trí tuệ hơn người của Tây Thi làm Ngô vương phải khâm phục. Tây Thi biết rằng chỉ dựa vào sắc đẹp của mình thì chưa có tác dụng mấy, muốn đẩy nhanh nước Ngô tới bại vong, một là phải lấy sự hiểu biết của mình giành tín nhiệm của Ngô vương, hai là phải tìm cách tham gia triều chính. Tìm cơ hội gây loạn nước Ngô.

Một hôm, đang lúc Ngô vương cùng nàng tiêu khiển, Tây Thi cố ý nũng nịu nói với Ngô vương:

- Anh hùng hào hán không nên suốt ngày đắm trong dịu dàng, phải quất ngựa biên cương, giành vẻ vang cho đất

nước. Như đại vương suốt ngày ở bên thiếp, há chẳng phí thời gian môn ý chỉ sao?

Ngô vương nghe vậy, bỗng nghiêm túc hỏi nàng:

- Thế ta phải làm gì?

Tây Thi nói:

- Đại vương có thấy hình thế của thiên hạ nay ra sao không? Ba nhà đại phu nước Lỗ muốn mở rộng thế lực của mình tranh nhau một mất một còn, không kể chi lợi ích nước nhà; nước Tề từ sau khi An Bình Trọng (tức An Anh hay Ân từ.NĐ) mất đi, không còn lấy hiền sĩ; nước Sở gần ta nhất, từ sau khi thua trận vẫn chưa hồi phục; nước Tấn thì khôi nói, từ sau khi Tấn Văn công mất, không còn giữ được ngôi bá chủ. Như vậy xem ra, chư hầu thiên hạ không ai bì được với đại vương, đại vương không nhân lúc này mà mở mang nghiệp lớn, còn đợi đến bao giờ?

Lời nói của Tây Thi làm cho Ngô vương búng búng hăng hái, vừa khâm phục Tây Thi, vừa quyết đi giành thiên hạ.

Vừa lúc này, vì nước Lỗ bắt cóc em rể của Tề Điều công là quốc quân nước Chu, nước Tề mới mời nước Ngô cùng đi đánh nước Lỗ, Ngô vương lập tức cho quân đi giúp. Nước Lỗ thấy hai nước lớn đều tiến đánh, vội vàng thả quốc quân nước Chu, cho người sang xin lỗi. Tề vương thấy mục đích đã đạt, không muốn đánh nữa, để quân Ngô rút về, Ngô vương đang muốn nhân dịp này tỏ oai phong của mình, bèn giận giữ nói:

- Ông muốn tiến là tiến, ông muốn rút là rút, chẳng lẽ nước Ngô là nước phụ thuộc của Tề sao?

Ngô vương dẫn quân đánh Tề. Nước Lỗ thấy nước Ngô đánh Tề, lập tức cho người cống lễ, xin cùng Ngô đi đánh nước Tề. Ngô, Lỗ liên hợp đánh Tề, làm cho nước Tề một phen rối loạn. Đại phu nước Tề giết Tề Điều công, cầu hòa với nước Ngô, nguyện xin hàng năm cống nộp. Ngô vương không ngờ mới ra quân đã thu phục được hai nước Tề, Lỗ, điều đó làm ông đắc ý, càng sùng tín Tây Thi.

Câu Tiễn thấy kế sách thứ hai đã có kết quả, bắt đầu thực hiện kế sách thứ ba: moi rỗng quốc khố nước Ngô. Một năm, mùa màng nước Việt thất bát, đại phu nước Việt, Văn Chủng sang Ngô xin vay mười vạn斛 thóc, nói rằng sang năm tới vụ lúa chín sẽ trả. Các đại thần bàn cãi âm âm, người sợ cho mượn không đòi được, người cho nước Việt tri trá, cũng có người cho rằng, nước Việt năm nào cũng cống nạp, ít thóc cũng không cho vay e rằng quá đáng. Khi còn bàn cãi chưa dứt, Ngô vương đi hỏi Tây Thi. Tây Thi viện gân dẫn xa nói cho một hồi, làm Ngô vương vừa khâm phục, vừa sượng mặt. Tây Thi nói:

- Đại vương còn muốn xưng bá thiên hạ, mà một việc nhỏ như vậy không quyết đoán được, nếu đúng không hiểu, hãy học gương tiền nhân. Xưa kia, khi Tề Hoàn công họp các chư hầu ở Quỳnh Khâu, đã kêu gọi mọi người cứu tế các nước bị đói kém, sau này Tần Mục công còn mua rất nhiều lương

thực để cứu giúp nhân dân nước thù địch, huống hồ nay nước Việt đã quy thuận đại vương? Tục ngữ nói "dân dĩ thực vi thiên", đại vương không cho họ vay, chẳng nhẽ để họ chết đói sao đang?

Ngô vương thấy Tây Thi nói có lý quá, vui vẻ nhận lời cho nước Việt vay mười vạn học thóc.

Năm sau, Văn Chủng đem trả thóc đúng số vay, Ngô vương thấy Văn Chủng trả đúng hẹn, rất mừng, lại thấy thóc trả hạt nào hạt nấy to mẩy, bèn ra lệnh giữ số thóc này làm giống. Sau khi người Ngô trồng xuống, mãi không thấy nảy mầm, khi phát hiện giống đã mục dưới đất thì đã trễ thời vụ, không cách nào gieo trồng được nữa, vụ năm ấy nước Ngô tựa hồ mất trắng. Người Ngô chỉ trách vua Ngô không biết thủy thổ khác nhau, bắt lấy thóc nước Việt làm giống, biết đâu thóc đó đã được Văn Chủng luộc chín phơi khô. Kế sách làm rỗng kho nước Ngô của Câu Tiễn đã dần từng bước thực hiện.

Việt vương thấy nước Ngô bị đói kém, muốn đem quân đánh. Văn Chủng can ngăn: "Còn sớm quá. Một là chưa trừ được Ngũ Tử Tư, hai là nước Ngô vẫn ngựa mạnh binh cường, quân đội đều đang ở trong nước. Chúng ta chỉ nên tranh thủ chuẩn bị, đợi thời cơ tới".

Nhưng việc nước Việt thao luyện binh mã bị Ngô vương biết, ông ta muốn chinh phạt nước Việt lần nữa. Vừa lúc này, nước Tề và nước Lỗ lại đánh nhau, theo lời khuyên của

Tử Cống học trò Khổng Tử, nước Ngô chuẩn bị đánh Tề để giúp Lỗ, nước Việt cũng tình nguyện cho ba ngàn giáp sĩ tham gia, kết quả nước Tề lại thua. Khi về nước, làm lễ mừng công, Ngô vương phong thưởng cho mọi người, thậm chí còn định phong cho nước Việt một số đất. Các đại thần đều khen, Ngô vương thưởng phạt nghiêm minh, chỉ có Ngũ Tử Tư là bò xuống đất nói:

- Đại vương không nên nghe những lời xu nịnh, đánh bại được nước Tề ở nơi xa chẳng qua là lợi nhỏ không quan trọng, nay mai nước Việt diệt nước Ngô mới là họa lớn! Nếu đại vương không nghe lời khuyên gián của thần, hãy để cho thần theo gương pháp quan Long Bàng, Tì Cẩn cho xong.

Bá Hi thấy thời cơ đã đến, lập tức nói xen vào:

- Nếu đúng ông là trung thần, sao lại đem con gửi nuôi ở nước Tề là thù địch?

Nguyên là khi hai nước Tề, Ngô còn chưa đánh nhau, Phù Sai cho Ngũ Tử Tư đem quốc thư sang Tề, quốc thư mà nhục Tề vương, với ý định làm cho Tề vương giận dữ rồi giết Ngũ Tử Tư. Đại phu nước Tề là Bào Túc, bạn thân của Ngũ Tử Tư nói hay cho ông đủ điều trước mặt Tề vương, lại thêm Tề vương sợ nước Ngô, sợ giết Ngũ Tử Tư sẽ sinh chuyện mới thả ông về. Ngũ Tử Tư về tới nhà, bèn đem con mình gửi sang nhà Bào Túc, gửi nuôi bên đó, vì căn cứ vào hành động hiện nay của Ngô vương ông thấy rõ rằng, nước Ngô

không thể tồn tại được lâu dài. Lần này bị Bá Hi vạch chuyện, làm Ngô vương nổi giận, Ngô vương nói:

- Nể khanh đã lập công lớn thời tiền đế, ta không xử khanh, nhưng từ nay về sau khanh đừng đến gặp ta nữa.

Ngô vương về kể cho Tây Thi nghe chuyện đó. Tây Thi biết Ngũ Tử Tư rất lợi hại, tuy tạm thời bị Ngô vương xa lánh, nhưng chưa giết được ông ta, ông ta vẫn còn dịp được trọng dụng, sẽ không có lợi cho nước Việt, nàng quyết tâm lợi dụng dịp này để giết Ngũ Tử Tư. Tây Thi nói:

- Ngũ Tử Tư là người thế nào mà ngay đất nước mình cũng muốn diệt, ngay thi thể của Sở Bình vương còn lấy roi đánh, còn sợ gì ai nữa. Tục ngữ nói: Nghi người đừng dùng, dùng người đừng nghi. Ngũ Tử Tư chủ trương diệt nước Việt, nếu dùng ông ta, hãy chém đầu người nước Việt là thiếp đây, nếu không dùng, sao còn để ông ta? Do dự không quyết đoán như đại vương, sao thành được đại sự? Thiếp thật buồn cho đại vương.

Tây Thi vừa nói vừa lấy tay nâng ngực một cách đau đớn và đáng thương vì chứng bệnh tim của nàng. Ngô vương vốn đã bị những lời nói vừa đả mạt vừa xoa của Tây Thi làm cho sượng sùng, lại nhìn thấy bộ dạng của nàng bèn quyết ban cho Ngũ Tử Tư Thục thanh lâu kiếm để tự sát. Thế là Tây Thi đã giúp nước Việt trừ được một nhân vật làm cho người Việt gờm sợ nhất.

Tây Thi thấy trở ngại chính đã gạt bỏ xong, bèn an tâm, mạnh dạn khuyến khích Ngô vương tiến lên phía bắc chiếm dần Trung nguyên giành quyền bá chủ. Năm 486 trước CN, Ngô vương huy động số dân công lớn đào con sông thông ra Hoài Hà, năm 484 trước Công nguyên, ông theo đường thủy tấn công nước Tề, đánh tan quân Tề ở Ngải Lăng (nay là thái An Sơn Đông) vì vậy càng tin vào lực lượng thủy quân, bèn huy động rất nhiều dân công, hao tổn vô số tiền của để đào các sông thông với Trường Giang, Hoài Hà, Tú Thủy, Nghị Thủy, Tề Thủy, tới mức có thể ngồi thuyền đi từ nước Ngô tới nước Tề. Nhưng nhân lực, vật lực, tài lực của nước Ngô đã gần kiệt quệ.

Năm 482 trước Công nguyên, Ngô vương dẫn đại quân tới Hoàng Trừ, nước Vệ để hội chư hầu, và mời bá chủ đương thời Tấn Đình công đến uống máu ăn thề, tôn Ngô vương làm minh chủ. Ngay lúc đó, Việt vương thấy thời cơ thắng trận, sai Phạm Lãi làm đại tướng tấn công Ngô, quân Việt liên tiếp thắng trận. Phù Sai hay tin, dùng vũ lực ép Tấn Đình công suy tôn ông ta làm mệnh chủ rồi vội vã kéo quân về. Nhưng do hành quân mệt mỏi, lòng quân sĩ rời rạc, quân Ngô liên tiếp thu trận. Ngô vương sai Bá Hỉ đi giảng hòa, Phạm Lãi thấy chưa thể tiêu diệt ngay nước Ngô, tạm thời rút quân giảng hòa.

Sau khi nước Ngô thua trận. Tây Thi giả vờ xin vua Ngô trị tội, yêu cầu vua Ngô xử tử người nước Việt là nàng. Ngô vương nói:

- Người ta ai cũng phải sinh ra ở một nơi nào đó, nàng không phải là người đánh nước Ngô, cũng chẳng phải là người nhà của Câu Tiễn, sao phải nhận lấy tội.

Từ đó Ngô vương sinh buồn rầu, thường cùng Tây Thi uống rượu giải sầu.

Năm 478 trước Công nguyên, nước Việt lại đem quân đánh Ngô, lúc này nước Ngô đã suy yếu lắm, khó chống nổi quân Việt, Ngô vương đành phải lui về giữ Cô Tô, vì thành Cô Tô tường dày, khó đánh. Nước Việt áp dụng chiến thuật trường kỳ vây hãm, sau hai năm thành Cô Tô "sĩ tốt rời rạc, cửa thành không giữ". Năm 473 trước Công nguyên thành Cô Tô bị phá, Phù Sai dẫn mọi người chạy lên đài Cô Tô, sai Vương Tôn Hùng cởi áo quý lễ tơi trước mặt Câu Tiễn nói rằng:

- Ngày xưa Ngô vương đã đắc tội với đại vương ở Cối Kê, không dám cùng đại vương giao hảo, chỉ xin làm tù binh của đại vương, để chuộc lại tội xưa.

Việt vương thấy không nỡ lòng, ý muốn chấp thuận, Phạm Lãi vội bước tới nói:

- Ngày xưa trời đã ban cho Ngô nước Việt, nhưng Ngô trái ý trời không chịu nhận, nên mới có ngày hôm nay: nay trời đã ban nước Ngô cho chúng tôi, nếu chúng tôi không nhận, sẽ trái với ý trời.

Phạm Lãi không chút chần chừ đánh trống tiến quân, Ngô vương tự sát, nước Ngô diệt vong, toàn bộ đất Ngô vào tay nước Việt.

Trận tranh bá cuối cùng của thời Xuân Thu Chiến Quốc lại dính liú đến một người đàn bà đẹp, đã làm cho giai đoạn lịch sử này bớt mùi tanh máu, san lấp đi bao nỗi thảm thê. Nhưng, một người đàn bà yếu đuối như vậy đã làm nổi chuyện gì? Chẳng qua chỉ là những lời ti ti bên gối, nhưng lời ti ti lẽ đó có được nghe hay không, người đàn bà cũng chẳng làm gì nổi. Vì vậy sự hưng vong của nước Ngô hay nước nào khác, đều không can hệ gì lắm với đàn bà. Sự mất cảnh giác, ngạo mạn tự cao, hám công và kiêu xa dâm dật của Ngô Phù Sai sau khi thắng nước Việt là nguyên nhân căn bản của sự bại vong nước Ngô. Nếu đổi chỗ, để nơi Việt Câu Tiễn có một trăm nàng Tây Thi, chắc cũng không mê hoặc được.

Để tỏ lòng thiện cảm với Tây Thi, người ta đã dựng nên những kết cục đẹp đẽ, âu cũng là chút báo đền cho nỗi đau lòng của nàng. Nghe nói, sau khi Câu Tiễn diệt được Ngô, Phạm Lãi để lại một bức thư, trong thư viết: "Đại vương diệt được Ngô, bốn phận thần đã xong, nay có hai người không thể ở lại. Một là Tây Thi, nàng đã mê hoặc Ngô vương làm ông ta mất nước, nếu để nàng, nàng lại có thể mê hoặc đại vương, nên thần đã giết nàng. Một người nữa là thần, nếu thần còn sống, có thể mở rộng thế lực, nguy hiểm cho đại

vương, vì vậy thần xin tự sát". Thực ra, Phạm Lãi đem Tây Thi đi phiếm du Ngũ Hồ, rồi buôn bán làm giàu. Qua truyền thuyết đó, ta thấy gì? Có lẽ chúng ta chỉ có thể than rằng: Ôi, con người lương thiện, hồ đồ mà mềm yếu!

Đúng như Phù Sai trước khi tự sát đã nói với Phạm Lãi:

- Thò không còn, chó săn bị thịt; địch đã hết, mưu thần mạng vong". Tây Thi bị chìm chết, chúng ta không muốn đúng trước hiện thực đó, mà mỹ hóa, nhạt hóa những sự thật lịch sử đó, coi đàn bà là thần phật có thể làm cho đất nước hưng thịnh, mà cũng có thể làm mất nước. Trong số những mưu kế nhằm gây hỗn loạn cho đối phương thông qua sự tác động của người đàn bà, có thể nói rằng việc Tây Thi giúp Việt diệt Ngô là kế mỹ nhân hay nhất từ xưa đến nay. Nhưng có phải mỗi khi gặp họa loạn, chúng ta gửi niềm hy vọng vào đàn bà không, có nên gây thành một truyền thống nồng hậu như vậy trong ý thức con người không? Những đấng nam nhi không biết đã nghĩ tới chưa, sau khi họ sáng tạo nên một hình tượng Tây Thi sáng ngời muôn thuở, sự sợ sệt và yếu đuối trong họ cũng đã bộc lộ ra hết!

55. KẾ PHẢN GIÁN HAY NHẤT TỪ XƯA ĐẾN NAY

Kế phản gián là mưu kế đưa tin đồn mê hoặc, tình báo giả tạo v.v... để gây nhiễu loạn, làm đối phương tự hại mình*.

Trong lịch sử đấu tranh quân sự Trung Quốc có những ví dụ rất điển hình về việc sử dụng kế phản gián. Trong "Bình pháp Tôn Tử" cách đây hơn hai ngàn năm, đã có những trình bày về kế phản gián và đánh giá cao kế phản gián, chúng tỏ thời đó kế phản gián đã được dùng rộng rãi.

Trung Quốc lập nước từ lâu đời, chiến tranh liên tục, trở thành một nước phát triển nhất thế giới về mưu lược, có lẽ không một nước nào khác sánh kịp. Mặc dù như vậy, ít khi có thể chỉ vận dụng một hai kế sách mà quyết định được sự thành bại của cả chiến dịch hoặc cả quốc gia. Chỉ có kế phản gián mới có thể có công hiệu được như vậy.

(*) Ở đây hai chữ "phản gián" được hiểu theo nghĩa cổ, chứ không theo nghĩa ngày nay là "chống gián điệp" (ND)

Trung "Tam quốc diễn nghĩa", tác phẩm nổi tiếng về mưu lược, có nói tới nhiều mưu mẹo lắm, thậm chí có thể coi đó là bộ bách khoa về mưu lược chính trị, quân sự, ngoại giao và nhân sự. Trong bộ sách có ảnh hưởng lớn về các mặt văn học, quân sự cho hậu thế đó, có nêu một mưu kế có ảnh hưởng quan trọng tới một bước ngoặt lịch sử, đó là kế phản gián của Chu Du: mượn tay Tào Tháo giết Sái Mạo, Trương Doãn.

Cuối thời Đông Hán, khi còn chưa hình thành thế chân vạc ba nước Ngụy, Thục, Ngô, Tào Tháo "ép thiên tử lệnh chư hầu", đem hàng chục vạn quân, xuống lên là trăm vạn quân, hòng một lần tiêu diệt chính quyền Đông Ngô của Tôn Quyền. Tào Tháo sau khi phá được Kinh Châu, dùng hàng tướng Kinh Châu là Sái Mạo, Trương Doãn làm thủy quân đô đốc, thao luyện thủy quân cho Tào Tháo. Quân Tào Tháo phần lớn là lục quân, nói chung không quen thủy chiến, nếu Sái Mạo, Trương Doãn luyện tốt thủy quân, thì Đông Ngô sẽ hết ưu thế về quân sự. Đô đốc Đông Ngô là Chu Du nhìn thấy trại thủy quân của Tào chinh tề đâu ra đấy, rất lo.

Vừa may có Tuồng Cấn, khách dưới trướng của Tào Tháo đến thăm. Tuồng Cấn với Chu Du là bạn đồng song, chuyến này muốn "dùng ba tác lưỡi không xương, sang Giang Đông thuyết hàng". Chu Du biết Tuồng Cấn không phải nhiều mưu lược, chỉ là người giỏi mồm mép khoác lác, liền nảy ý muốn mượn Cấn để trừ Sái Mạo và Trương Doãn.

Chu Du rất nhiệt tình tiếp đón Tường Cán, cho người giám sát, chỉ nói chuyện cũ, không dă động gì chuyện Tào Tháo với Đông Ngô, ai vi phạm sẽ chém đầu, để Tường Cán không thực hiện được vai trò thuyết khách. Làm như vậy khiến cho Tường Cán tuyệt vọng, rồi phải tính đến chuyện cũng phải làm được một việc gì trước khi ra về, chẳng lẽ không nên công cán gì, để mọi người chê cười. Thế là Chu Du đã chuẩn bị về tâm lý cho Tường Cán trộm thư.

Bạn học gặp nhau, rượu uống say khướt, Chu Du cố ý sắp xếp cho Tường Cán ngủ cùng giường để Cán khỏi nghi ngờ, rồi vờ ngủ say, tạo điều kiện cho Tường Cán xem trộm thư. Quả nhiên, Tường Cán xem trộm thư tín của Chu Du, trong đó có bức thư đề "Sái Mạo , Trương Doãn gửi", liền rút ra xem thấy viết: "Chúng mỗ hàng Tào, không vì tước lộc, chỉ do tình thế ép buộc. Nay đã lọt vào trại quân Bắc, chờ dịp thuận lợi, sẽ lấy đầu Tào Tháo, dâng cho tướng quân. Sớm muợn người tới, tức có báo cáo, xin đừng sinh nghi. Nay kính đáp". Tường Cán như vớ được vàng vội trốn về trại Tào.

Tào Tháo tính vốn đa nghi, xem xong thư gọi hai người đến hỏi:

- Ta định cho hai ông đánh Đông Ngô, được không?

Sái Mạo, Trương Doãn trả lời:

- Quân chưa luyện thạo, chưa nên vội đánh.

Câu trả lời hầu như chứng thực tin tức của Tường Cán. Tào Tháo giận quát rằng:

- Chờ quân luyện thao, đầu ta đã dâng cho Chu Lang rồi!

Lập tức lôi ra chém đầu.

Tào Tháo đầu sao vẫn là người thông minh, khi nhìn thấy hai chiếc đầu lâu, bỗng tỉnh ngộ: "Ta trúng kế rồi". Nhưng ông ta vẫn không chịu nhận sai lầm, chờ mọi người hỏi nguyên do, Tháo lấp liếm:

- Hai người trể nải quân pháp, ta phải chém.

Chu Du nghe tin hai người bị giết, chỉ nói một câu: "Ta sợ là sợ hai người này. Nay đã trừ đi, ta hết lo"

Nếu hai người này còn, "kế liên hoàn" của Từ Thù sẽ bị lộ, sẽ không có trận đại bại Xích Bích, có lẽ Tào Tháo đã diệt được Đông Ngô.

Việc Chu Du dùng kế phản gián giết Sái, Trương hai người hầu như không có bằng chứng lịch sử chân thực, nhưng tới đời Thanh, Nurkhachi lại coi nó như là lịch sử chân thực, tác phẩm văn học một khi viết ra, có bằng chứng lịch sử chân thực hay không, không quan trọng, chỉ cần người đời chấp nhận là đủ.

Bộ tộc Mãn Thanh của Nurkhachi, thoát đầu hiểu biết có hạn không am tường những sách kinh điển, truyền thống của tộc Hán, ngoại trừ một số tiểu thuyết, kịch tuồng đơn giản, do nhu cầu chiến tranh, nhưng sách nói về mưu kế như "Tam quốc diễn nghĩa" rất được coi trọng. Nghe nói người Mãn Thanh sau khi xuống Trung Nguyên, các tướng lĩnh

đều mang theo người cuốn "Tam quốc diễn nghĩa", dù thấy giá trị lớn lao của bộ sách ấy. Nurkhachi tiến đánh về phía Sơn Hải Quan, vấp phải đối thủ đáng gờm là Viên Sùng Hoán. Vị anh hùng triều Thanh này tự nhận là "trăm trận trăm thắng", cuối cùng bị hao binh tổn tướng lớn ở Ninh Viễn, bản thân Nurkhachi vừa bị thương, vừa bị ốm rồi cũng chết. Viên Sùng Hoán giữ chặt cửa ải phía bắc của Trung Quốc, làm quân Thanh nhiều phen bị thương tổn nặng, không tiến lên được, rất lo lắng. Họ nhớ tới chuyện Chu Du dùng kế phản gián giết Sái Mạo và Trương Doãn, bèn tung tin nhảm, ngụy tạo hiện tượng giả, làm cho Minh hoàng đế Sùng Trinh sinh nghi, cuối cùng xử Viên Sùng Hoán tội lăng trì. Quân Minh tự phá Trường thành, người Thanh đánh được vào Trung Nguyên. Các tác giả của "Tam Quốc diễn nghĩa" có lẽ không nghĩ tới, cái kế phản gián chưa chắc có thật đó lại liên quan đến vận mệnh mấy trăm năm của dân tộc Trung Hoa. Tác dụng của mưu kế thật là lớn vậy!

Ở đây, cần nói đến một kế phản gián khéo léo và thành công, trong trận Trường Bình giữa Tần và Triệu, đó là việc nước Tần đã dùng mưu dối được chủ soái của nước Triệu, quân Triệu vì đó mà thua to, bị nước Tần chôn sống hơn bốn mươi vạn người. Nước Triệu từ đó lụn bại, nước Tần đã đặt được cơ sở để thôn tính chu hầu. Kế phản gián đó, mức độ khéo léo và thành công của nó cũng như tác dụng to lớn của nó, đều có thể coi là tốt bậc. Quả là kế phản gián hay nhất từ xưa đến nay.

Năm 270 trước Công nguyên, Tần Chiêu Tương vương phong cho Phạm Chuy người nước Ngụy làm khách Khanh, áp dụng chính sách đối ngoại "viễn giao cận công" (xa thì kết giao gần thì đánh) do Phạm Chuy đề ra. Việc đề xuất và thực hiện chính sách ngoại giao này đánh dấu bước trưởng thành của chính sách ngoại giao của nước Tần, tránh tình trạng giao chiến hỗn loạn trước đây, vừa phí sức vừa không đạt hiệu quả. Với chính sách đó, nước Tần đã giao hảo với các nước ở xa như Tề, đánh các nước ở gần như Hàn. Như vậy đánh được tấc đất nào là Tề thực sự thêm được tấc đất đó, nước Tần cũng dần lớn mạnh lên. Vì vậy có thể nói chính sách đối ngoại "viễn giao cận công" đã đặt cơ sở cho nước Tần thống nhất được sáu nước.

Sau khi đánh Tề, vua Tần bị tổn thất. Chiêu Tương vương hoàn toàn tin vào mưu kế của Phạm Chuy, trong nước thì "phế thái hậu, đuổi Nhượng hầu", đối ngoại thì tạm thời giao hảo với nước Tề và xâm lược nước Hàn. Năm 262 trước CN, Tần vương sai đại tướng Vương Mạt đánh nước Hàn, chiếm thành Dã Vương của Hàn, cắt đôi nước Hàn, làm cho quận Thượng Đảng bị cô lập. Nước Hàn lo sợ định cắt Thượng Đảng dâng Tần, để xin Tần rút quân. Nhưng tướng giữ Thượng Đảng là Phùng Đình kiên quyết không chịu hàng Tần, ông nói:

- Nếu đem Thượng Đảng cho Tần, không bằng cho nước Triệu. Nước Triệu được Thượng Đảng, nước Tần sẽ đi tranh giành với Triệu, như thế Hàn, Triệu có thể liên kết với nhau,

có thể chống được Tần".Tuyệt đại đa số người đồng ý đề nghị đó.

Nước Hàn bèn sai người sang Triệu. Vua Triệu Hiến Thành vương không hiểu việc đời, thấy được không một miếng đất lớn thì cho là lợi quá, bèn vui vẻ cho Bình Nguyên quân dẫn năm vạn quân đi tiếp thu. Bình Nguyên quân đến Thượng Đảng, phong Phụng Đình làm Hoa Lãng vương, cho làm thái thú Thượng Đảng, nhưng Phụng Đình một mực chối từ, cho rằng mình không giữ nổi đất phải dâng nước người, lại được phú quý, thì tội đáng chết, không dám nhận phong quan chức. Bình Nguyên quân khẩn cầu mãi, Phụng Đình mới nhận giữ đất Thượng đảng, nhưng yêu cầu Bình Nguyên quân phải mau chóng điều đại quân chi viện.

Tần vương bị Triệu cướp mất đất, giận dữ sai Vương Hột đi đánh Thượng Đảng, Phùng Đình thế cô, không chống nổi, sau khi cầm cự quyết liệt được hơn bốn mươi ngày, dẫn dân chúng chạy sang nước Triệu, tới Trường Bình Quan thì gặp quân cứu viện của nước Triệu.

Triệu vương hồ đồ mê muội, chỉ biết vui mừng được đất, không biết quân Tần đã tiến đánh tới nơi, mấy ngày sau mới đưa quân đi cứu viện, sai đại tướng Liêm Pha đem hai mươi vạn quân lên đường, nhưng lúc này Thượng Đảng đã bị nước Tần chiếm hết.

Quân của Liêm Pha vừa gặp quân Tần đã bị đánh tan tác. Liêm Pha thấy không dễ thắng được Tần, bèn chốt lại, làm hào sâu lũy chắc, giữ thế thủ, không đánh, còn hạ lệnh:

- Bất kể xuất kích thắng hay thua đều bị chém đầu!

Ý đồ của Liêm Pha đã rõ, muốn làm cho quân Tần nôn nóng mệt mỏi, thiếu lương thực, khi quân Tần rút sẽ truy kích.

Vương Hột là lão tướng nhiều kinh nghiệm, biết nếu không đánh được sẽ bất lợi thế nào, nên nhiều lần tổ chức công kích mãnh liệt, nhưng không làm gì được Liêm Pha vì ông ta phòng ngự rất chắc chắn, kiên quyết không đánh ra. Vương Hột đánh không được, nhủ không ra, cuối cùng phải tâu với vua Tần:

- Nguyên soái Liêm Pha dày dặn chiến trường, rất biết phòng thủ, quân ta không đánh nổi. Nay đã kéo dài hơn ba năm, việc cung ứng lương thảo khó khăn, đề nghị đại vương nghĩ cách, nếu không quân Tần sẽ khó mà về

Phạm Chuy lúc này đã làm thừa tướng, Chuy nói:

- Gặp phải một lão tướng như Liêm Pha, quả thực khó đối phó. Thần cho rằng Liêm Pha cầm chân quân Tần là phương pháp duy nhất để thắng Tần, muốn thắng quân Triệu, phải làm cho Triệu thay đổi sách lược này, mà muốn để Triệu đổi sách lược, phải thay vị chủ soái của Triệu bằng một người nóng nảy kém hiểu biết hơn. Và người đó, theo thần thì Triệu Quát con trai Triệu Xa là thích hợp nhất.

Thế là Phạm Chuy mua chuộc các quan của Triệu, tìm mọi cách phao tin giả. Mấy hôm sau, có tin đồn loan truyền

khắp nước Triệu rằng: Liêm Pha tuổi đã cao, không còn nhuệ khí của tuổi trẻ, muốn chiến thắng quân Tần, phải thay Triệu Quát trẻ tuổi hăng hái hơn. Triệu vương vốn cũng không phải người tinh đời, thấy Liêm Pha cầm cự kéo dài, không chịu đánh, cũng cho là nhất, bây giờ lại lằm du luận như vậy, thêm tức, cho người đi thúc chiến.

Nhưng Liêm Pha không vì vậy mà thay đổi, ông không nghe lệnh Triệu vương, vẫn cố thủ. Triệu vương tức giận quá, lập tức cho gọi Triệu Quát tới, nói:

- Khanh có thể đánh bại được quân Tần ở Trường Bình Quan không?

Triệu Quát xem thường nói:

- Nếu nước Tần đưa Vũ An Quân Bạch Khởi đến, thần còn phải suy nghĩ. Vương Hột thì không có gì phải lo, không phải thần nói khoác, nếu quân Tần gặp thần, thì sẽ thua như lá rụng mùa thu.

Triệu vương nghe vậy mừng lắm, lập tức hạ lệnh cho Triệu quát thay Liêm Pha làm chủ soái.

Triệu Quát là con của danh tướng Triệu Xa. Năm 270 trước Công nguyên. Tần Chiêu Tương vương sai Vương Hột vượt qua nước Hàn đi đánh nước Triệu ở Diêm Dự, Triệu vương sai Triệu Xa dẫn quân đến tăng viện. Triệu Xa không vội vàng liều lĩnh, đóng quân gần một tháng cách Hàm Đan ba mươi dặm, làm ra vẻ dè dặt sợ sệt, cho gián điệp nói với

quân Tần rằng quân Triệu nhất sợ, không dám đánh nhau với quân Tần. Quân Tần thấy quân Triệu đóng ở xa, lại không tiến đánh, mới lo là cảnh giác, Triệu Xa lợi dụng thời cơ, hành quân cấp tốc hai ngày, lặng lẽ tới sát quân Tần, chiếm các vị trí có lợi. Sau đó, cho đại quân đánh mạnh vào quân Tần, quân Tần trở tay không kịp, thua to, làm nước Tần chịu bao nhiêu tổn thất.

Triệu Xa là người chín chắn vững vàng, là vị tướng có kinh nghiệm đời dào, hiểu biết rộng rãi và chân tài thực học, nhưng con ông, Triệu Quát lại chỉ là một kẻ nói suông. Triệu Quát từ nhỏ thông minh chăm học, thích tranh luận. Quát theo cha học khá nhiều binh thư, hai cha con hay bàn luận về hành quân tác chiến. Triệu Quát là người hùng biện, thường viện dẫn kinh điển, nhiều khi Triệu Xa phải chịu thua, nhưng đó chỉ là "chỉ huy trên giấy". Triệu Quát tuy không có kinh nghiệm thực tế, nhưng giỏi lý luận thường tự phụ, khoác lác, cho mình là vô địch. Nhưng cha Quát và mẹ Quát hiểu rõ rằng hẳn chỉ giỏi nói mồm, không có thực tài.

Lúc này, cha Quát là Triệu Xa đã mất, mẹ Quát nghe tin Triệu vương bổ nhiệm Triệu Quát làm chủ soái, hoảng quá vội đi gặp Triệu vương. Bà khóc nói với Triệu vương:

- Trước khi nhắm mắt tướng quân có dặn lại thần thiếp rằng đừng để đại vương trọng dụng Triệu Quát, vì hành quân đánh trận là việc nguy hiểm, phải hết sức cẩn thận, nhưng khi nói việc quân, Quát rất xem thường, tùy tiện. Nếu

để Quát dẫn binh đánh trận, sẽ không thể không thua. Hơn nữa, Triệu Quát không được binh sĩ quý mến, cha nó ngày xưa mỗi khi được đại vương ban thưởng không bao giờ đem về nhà, mà chuyển cho các tướng sĩ: khi có lệnh thì hết lòng làm việc, ít khi hỏi han việc nhà. Nhưng Triệu Quát ngược lại, được làm tướng thì khinh thường người khác, được đại vương ban bổng lộc thì đem cả về nhà lo chuyện nhà cửa ruộng vườn, không hề quan tâm tới bộ hạ. Chẳng lẽ một người như vậy mà cho dẫn quân đánh trận ư? Xin đại vương hãy thu hồi lệnh lại!

Thừa tướng Lạn Tương Như cũng cực lực phản đối, nhưng Triệu vương vẫn giữ nguyên ý định, không chịu thu hồi lệnh.

Mẹ Triệu Quát biết việc không thể vãn hồi, bèn nói với Triệu vương:

- Nếu đại vương nhất quyết để Triệu Quát làm chủ soái, nay mai có chuyện gì đừng trách tội cả nhà cả họ chúng tôi, mong đại vương cho tôi một tờ chứng nhận, kéo nay mai cả nhà tôi bị chết.

Triệu vương đồng ý đề nghị của bà, lập tức viết chứng nhận, bảo đảm dù Quát thắng hay thua trận không liên quan đến gia đình. Mẹ Quát về nhà, biết Quát chắc sẽ thua, bèn phân tán bớt tài sản và người trong nhà.

Triệu Quát đeo ấn tướng đến Trường Bình thay Liêm Pha, thay các tướng lĩnh chủ trương cố thủ, chỉ huy quân

Triệu dô bỏ những công sự phòng ngự mà LiêmPha đã cho xây dựng, bố trí lại để tấn công quân Tần.

Nước Tần nghe biết quân Triệu quả nhiên trúng kế, đưa Triệu Quát đến thay Liêm Pha, mừng lắm, lập tức điều chỉnh lại đội ngũ, cử Bạch Khởi làm đại tướng thay Vương Hột, để Vương Hột làm phó tướng, tăng thêm quân tiếp viện.

Phụng Đình và một số tướng lĩnh lão thành chín chắn, thấy Quát nóng vội tiến quân, vội can ngăn, và giải thích sách lược của Liêm Pha, mong Quát tiếp tục phòng thủ. Nhưng Triệu Quát nói:

- Liêm Pha thì hiểu gì? Ta có bốn mươi vạn đại quân, thanh thế lớn mạnh, sĩ khí đang cao, gặp địch là phải vỗ mặt, không giết cho nước Tần mảnh giáp không còn, ta sẽ không rút quân!

Bạch Khởi là vị tướng từng trải, biết rõ phép dùng binh, ông quyết định dành cho Triệu Quát chút lợi ích để nhử cho quân Triệu xuất quân. Bạch Khởi cho vài tốp quân nhỏ đi khiêu chiến, lần nào cũng bị đánh thua, Triệu Quát rất đắc ý, ngày hôm sau dẫn đại quân đuổi theo ra khỏi thành. Vương Hột buộc phải phòng thủ, quân Triệu bao vây Vương Hột, liên tiếp tấn công mấy ngày liền.

Triệu Quát đang đắc ý, bỗng nghe quân sĩ báo: "Đường rút đã bị đại quân Tần bịt chặt".

Tiếp lại nghe tướng báo:

- Phía tây đã thấy quân Tần dày đặc, không thể nào qua được, chỉ còn phía đông chưa thấy quân Tần.

Lúc này, Triệu Quát đã ba mặt có địch, chỉ thấy phía đông còn khe hở, Quát đành rút quân đi về Trường Bình Quan ở phía đông. Vừa chạy được năm dặm, một cánh quân Tần xông ra, đại tướng dẫn đầu là Mông Ngao quát to:

- Thằng nhãi con Triệu Quát, người đã bị trúng kế của Võ An Quân rồi!

Triệu Quát chợt nghe tên Võ An Quân Bạch Khởi, sợ quá mất hết sáng suốt, giữa đường cho đóng quân lại. Phùng Đình cùng các lão tướng khuyên rằng:

- Nay tuy bốn mặt bị vây, nhưng thế lực quân ta còn mạnh, nếu liều phá vây, có thể về tới trại. Nếu đóng quân lại, bị quân Tần bao vây chặt, sẽ không thoát được người nào!

Triệu Quát không nghe quyết ý đóng quân lại.

Bạch Khởi nghe tin Triệu Quát đóng quân, lập tức nắm thời cơ, bao vây chặt tứ phía, Triệu Quát hoàn toàn bị cô lập. Quát giữ được bốn mươi ngày, ngoài không viện binh, trong hết lương thảo, quân sĩ ăn thịt nhau, không cách nào chống đỡ nổi, Quát đành phải cho quân sĩ xông ra, nhưng lần nào cũng bị cung nỏ bắn như mưa phải quay về, thương vong thảm hại. Triệu Quát thấy hết kế, đành dẫn năm ngàn

tính bình liều chết xông ra. Quát thúc ngựa chạy gấp ngay đại tướng Tân là Vương Tiễn và Mông Ngao, sợ quá rẽ ngựa chạy trốn, thì sa vào bẫy, ngay lập tức bị quân Tân bắn chết. Quân Triệu thấy chủ tướng đã chết, mất ý chí, hỗn loạn một hồi rồi toàn bộ nộp vũ khí đầu hàng.

Bạch Khởi đem bốn mươi vạn hàng binh của Triệu chia làm mười đội, mỗi đội đều có quan quân của Tân coi giữ. Ngay tới hôm đó, Bạch Khởi cho người cấp cho quân Triệu rượu thịt, khao thưởng họ, nói với họ rằng: "Ai già yếu tàn tật muốn về nhà, ngày mai có thể lập tức rời trại, ai muốn theo quân Tân, ngày mai biên chế vào quân đội, cấp phát vũ khí. Đêm đó, đám hàng binh Triệu được bữa ngon giấc.

Bạch Khởi rất bức tức về việc Thượng Đảng hàng Triệu, ông biết người Triệu không thật bụng hàng phục, muốn trị cho hết hậu hoạn, liền cho quân Tân đầu bịt khăn trắng để phân biệt, sau đó đột nhập vào trại quân Triệu, trói hết toàn bộ quân Triệu lại. Bạch Khởi cho người đào sẵn những hố lớn, đem hàng binh Triệu đẩy xuống hố, chôn sống. Trong một đêm, bốn mươi vạn hàng binh đều bị Bạch Khởi giết sạch.

Bạch Khởi chỉ để lại hai trăm bốn mươi lính Triệu, cho họ chạy về nước, để tỏ oai phong của nước Tân. Người Triệu biết tin, lập tức cả nước khóc như ri.

Nước Triệu từ đó không sao hồi phục được nguyên khi nữa, nước Tân từ sau khi thực hiện "xa thì kết giao gần thì

đánh" đến giờ, đây là thắng lợi to lớn nhất, từ đó đặt được cơ sở cho việc thống nhất sáu nước về mặt ngoại giao, quân sự.

Có thể nói, đó là một kế phản gián, nó quyết định vận mệnh lịch sử của nước Triệu, nước Tần, và của cả Trung Quốc, sự quan trọng của mưu kế, thật khiến người ta phải kinh ngạc. Có thể nói đây là kế phản gián hay nhất từ xưa đến nay không những vì nó đã được dùng vào thời điểm quan trọng của bước ngoặt lịch sử, mà còn vì sự khéo léo khác thường của nó, đó là thông qua sai lầm của nước Triệu trong việc sử dụng viên chủ soái ấu trĩ khinh suất để tiêu diệt toàn bộ quân Triệu, phương pháp khéo léo giấu tay để đạt được mục đích đó, so với các phương pháp trực tiếp loại trừ mục tiêu thật là cao hơn một bậc.

Trong thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, những ví dụ như vậy còn rất nhiều. Năm 279 trước Công nguyên, Yên Chiêu vương mất, Yên Huệ vương kế vị. Lúc này, đại quân nước Yên đánh sang Tề đã năm năm, chỉ còn hai thành Cử Ấp và Túc Mặc là chưa hạ được. Chủ soái nước Yên là Nhạc Nghị đem bảy mươi thành nước Tề chia thành quận huyện do nước Yên cai trị, việc đang dần ổn định. Nhưng Huệ vương từ khi còn làm thái tử đã không thích Nhạc Nghị. Tướng giữ Túc Mặc là Điền Đan biết tình hình đó, bèn cho người sang nước Yên tung tin: "Nhạc Nghị đánh Tề đã năm năm, chỉ còn lại hai thành, không đánh nữa, là vì Nhạc Nghị có hiềm khích với vua mới, Nhạc Nghị muốn liên lạc binh sĩ, ở lại

nước Tề, tự xưng vương". Kế đó quả có hiệu nghiệm, Yên Huệ vương lập tức thay Nhạc Nghị, cho người mình sùng tín là Kị Kiếp thay làm chủ soái. Nhạc Nghị biết việc "thay tướng trận tiền" là có ý không tốt, sợ bị tai họa, chạy sang nước Triệu, ở đó ông được tôn trọng, phong làm Vọng chu quân.

Kị Kiếp so với Nhạc Nghị kém xa. Điền Đan thấy kế mình đã thành công, cho người trá hàng để Kị Kiếp yên tâm, đem đến dùng "hỏa ngu trậ" (trận trâu lửa) đại phá quân Yên, thừa thắng thu hồi bảy mươi thành trì. Sau đó đón Tề Tương vương ở ấp Cử về Lâm Tri, chấn hưng nước Tề.

Kế phản gián là lợi dụng sự đa nghi, mâu thuẫn hoặc phán đoán sai lầm của đối phương để đạt mục đích của mình. Khi bày mưu, phải hiểu rõ đối tượng, nắm vững thời cơ và chọn phương pháp đúng đắn. Ví dụ như đối với kế phản gián ở trận Trường Bình thì đối tượng là Hiếu Thành vương, nếu vị Triệu vương này không phải là trẻ tuổi, hung hăng tự phụ, mà già dặn chín chắn, biết nghe ý kiến, thì kế phản gián chắc chẳng thành công, nếu không phải là Liêm Pha ba năm không ra khỏi thành thì cũng không có được thời cơ, không tìm ra chuyện mà tung tin đồn nhảm. Còn như trong kế phản gián Kị Kiếp thay Nhạc Nghị, thì mấu chốt không phải ở đối tượng là Yên Huệ vương, mà là ở sự kiện "mưu phản": "Nhạc Nghị muốn tự xưng vương ở Tề, mà

vua chúa tối kị nhất là đối với một ông vua mới lên ngôi, không tin Nhạc Nghị. Kế sách này vì thế có nhiều khả năng thành công.

Nghi ngờ, đổ kị, vô đoán, hầu như là một trong những bản tính của con người, người sáng suốt mà lo là đôi chút đều có thể phạm sai lầm đó, huống hồ các vua chúa thường lại mê muội? Do vậy, từ xưa đến nay, kế phản gián vẫn thường được áp dụng.

56. BÊ BỐI CUNG ĐÌNH VÀ ÂM MƯU THOÁN QUYỀN

Trên thế giới dân tộc nào buôn bán thạo nhất?

Có thể có người nói rằng người Do Thái là dân tộc đi buôn, giỏi tính toán, dân tộc Trung Hoa là dân tộc trọng nông khinh thương, không biết buôn bán nhất. Đúng vậy, thương nghiệp Trung Quốc xưa kia không mấy phát đạt, quan niệm chính thống xưa nay vẫn cho những người buôn bán là con mọt của xã hội, cho rằng họ là ở giữa bóc lột, không lao động mà hưởng thụ, các nhà buôn dù tài sản có tới vạn quan tiền, cũng không bằng môn đệ thu hương thanh bần, cũng không lọt vào con mắt của các chính nhân quân tử.

Những người được ghi vào sử sách, được lập bia đá đều là minh quân hiền tướng, liệt nữ công thần, chưa hề có một thương nhân nào.

Nhưng, có ai ngờ tới, một vụ "ấp phe" lớn nhất trong lịch sử thế giới lại xảy ra ở Trung Quốc.

Càng là dân tộc thạo buôn bán thì càng tính toán chặt chẽ; càng không phải là dân tộc thạo buôn bán thì suy nghĩ càng phóng khoáng, dám làm mọi việc, không ngại thất bại hay lỗ vốn. Khi phách của thương nhân Trung Quốc khiến những người văn minh của thế giới cảm thấy kinh ngạc, vì cái họ mua không phải một tài sản, cũng không phải là một quân đội, mà là một quốc gia, một triều đại! Mà kỳ lạ hơn nữa là những vụ "áp phe" như thế lại thành công.

Hỏi còn có thương nhân của một dân tộc nào dám so sánh không? Có thương nhân của dân tộc nào dám kinh doanh chính trị không? Đúng thực là đặc sản Trung Quốc, là một điều tuyệt vời của Trung Quốc.

Thực ra, cũng không có gì là thần bí, mà vẫn phù hợp với nguyên lý cơ bản trong buôn bán là mua rẻ bán đắt. Có điều khác biệt ở đây là, người kinh doanh phải có đầu óc rất nhạy bén, biết nắm thời cơ, chọn đối tượng, càng phải có óc quan sát chính trị sắc sảo. Khi "cổ phiếu" chính trị nào bị sụt giá, nên kịp mua và kiên tâm nuôi dưỡng, khi lên giá thì phải kịp thời bán ra. Võ đài chính trị truyền thống của Trung quốc, theo một ý nghĩa nhất định, đúng là một thương trường.

Phương pháp truyền thống đó, ngày nay cũng được dùng, gọi là "đốt lò nguội". Những phong trào chính trị dồn dập làm cho nhiều cán bộ thường xuyên lo lắng, không biết ngày nào sẽ bị "hạ phóng" xuống khe núi hoặc nhốt ở chuồng bò, thế nhưng lại tạo cơ hội cho một số người đã rắp tâm. Họ

tìm thời cơ tiếp cận, quan tâm, bảo vệ những "người lâm nạn", để rình thời cơ họ được cất nhắc trở lại, hoặc nếu không, họ cũng chẳng mất gì. Khi những "người lâm nạn" nay đang như mặt trời giữa trưa, như bếp lò đang cháy rực, mọi người đều đến cho thêm củi, mình chưa có duyên tiếp cận; nay lửa tắt lò nguội, đang là lúc thuận lợi để đốt lò, may mà trúng được một lò, thì phúc đủ hưởng trọn đời. Nghe nói cách đó cũng linh nghiệm, nhiều người nhờ đó mà một bước lên mây. Đương nhiên, đó chỉ là số ít phần tử đầu cơ chính trị mà thôi.

Kể đầu cơ buôn bán chính trị thành công nhất chính là Lã Bất Vi thương nhân người Dương Dịch (nay là tỉnh Hà Nam) thời "Chiến Quốc", chính ông ta đã làm một vụ buôn bán lớn, vốn ít nhất mà lãi lớn nhất, mua được cả một triều đại!

Đầu đuôi vụ buôn bán này là cả một quá trình phức tạp.

Cuối thời Chiến Quốc, hai nước Tần, Triệu luôn luôn tranh chấp lẫn nhau. Lúc đầu, nước Tần nhiều lần đánh Triệu, nhưng nước Triệu có Liêm Pha và một số tướng ra sức cố thủ, nước Tần tuy hạ được mấy thành, nhưng nói chung chưa có kết quả gì lắm. Sau đó, Tần lại quay ra giao hảo với Triệu, dùng phương thức ngoại giao để dần chinh phục nước Triệu, và dành thời gian đi đánh các nước khác. Thế là năm 279 trước Công nguyên, nước Tần mời nước Triệu tới Dẫn Trì họp, ký kết hòa ước. Để cùng tin nhau,

theo tập quán đương thời, hai bên quân vương trao đổi người trong nhà sang làm con tin. Tần Chiêu Tương vương đem cháu mình là Dị Nhân sang Triệu làm con tin.

Nhưng, phương châm thống nhất sáu nước của Tần đã định, quyết không vì một con tin ở Triệu mà không đánh, sau cuộc họp ở Dẫn Trì không lâu, nước Tần đem binh đi đánh Triệu, nhất là năm 260 trước Công nguyên, tướng Tần Bạch Khởi chôn sống bốn mươi vạn hàng binh của Triệu, đã khiến cho nước Triệu và các chư hầu khác tức giận. Hai năm sau đó, nước Tần còn liên tiếp cho các tướng Vương Hột và Trịnh An Bình sang đánh thủ đô Hàm Đan nước Triệu, hòng tiêu diệt Triệu. Lúc này nước Triệu đang nguy khốn, trong thành hết lương tới mức ăn thịt nhau, may mà công tử nước Ngụy là Tín Lăng Quân dẫn mười vạn quân đến cứu giúp, mới đánh lui được quân Tần, tạm thời bảo toàn nước Triệu.

Dị Nhân làm con tin trong hoàn cảnh như vậy rất khó khăn. Hiếu Thành vương nước Triệu vì nhiều lần bị nước Tần làm nhục, muốn giết Dị Nhân để hả giận. Bình Nguyên Quân khuyên:

- Tần Chiêu Tương vương lắm con nhiều cháu, Tần thái tử An Quốc quân, với Tần vương chẳng gây tổn hại gì, huống hồ Dị Nhân lại là người bình thường nhất trong đám cháu con? Chỉ bằng tạm thời để ông ta lại, sau này có thể còn dùng tới, có đường lui? Triệu vương nghe lời khuyên của Bình Nguyên Quân, không giết Dị Nhân.

Nhưng kể từ đó, Triệu vương chẳng đoái hoài tới Dị Nhân nữa, Dị Nhân không những đi ra ngoài không có xe, sinh hoạt không người hầu mà ngay cả ăn mặc hàng ngày cũng khó khăn. Hơn thế nữa, ông còn bị các quan lại của Triệu tùy ý đả kích, đến ngay cả dân thường ông cũng phải nhường nhịn họ. Làm con tin ở nước thù địch, mà nước Tần thì quá tàn bạo, tham lam, thành thử Dị Nhân về vật chất cũng như tinh thần đều không ngóc đầu lên được, đành chịu tủi nhục.

Một thương nhân tên là Lã Bất Vi, phát hiện chuyện này, lập tức cảm thấy hứng thú. Ông ta vốn người Dương Dịch, lần này đến Hàm Đan buôn bán, tình cờ gặp được Dị Nhân. Lã Bất Vi đã từng tìm cơ hội tiến thân, nhưng chưa gặp dịp, lần này gặp Dị Nhân, cảm thấy đúng là cơ hội trời cho, bèn vạch ra một kế hoạch lớn để thực hiện. Nếu thành công, ông ta coi như mua được cả một nước, nếu không thành công, ông ta cũng chẳng thiệt là bao, ít nhiều cũng có lợi.

Về tới nhà, Lã Bất Vi bèn vội đi tìm người cha vốn giàu kinh nghiệm buôn bán để bàn luận, chuẩn bị cho kế hoạch của mình. Kết quả, cha ông ta cũng chẳng hiểu đầu đuôi ra sao. Đoạn đối thoại sau đây có thể coi là một mẫu mực cho các thương nhân.

Lã Bất Vi hỏi:

- Làm ruộng được lãi mấy lần?

Cha Lã trả lời:

- Mười lần.

Lã Bất Vi lại hỏi:

- Buôn vàng được lãi mấy lần?

Cha Lã trả lời:

- Trăm lần.

Cuối cùng Lã Bất Vi hỏi:

- Nếu bỏ tiền lập một ông vua, bình định một nước, thì lãi bao nhiêu lần?

Cha Lã trả lời:

- Thế thì nói không hết.

Lã Bất Vi cho Dị Nhân là "món hàng đặc biệt", bắt đầu thực hiện phương án đầu tư. Đầu tiên là mua chuộc Dị Nhân, với Lã Bất Vi việc đó rất dễ, vì Dị Nhân nghèo rớt, chẳng ai đoái hoài, Lã Bất Vi chỉ để mất một chút là Dị Nhân cần cầu ngay. Sau đó thuyết phục Dị Nhân chuẩn bị về nước tranh sùng.

Một lần, Lã Bất Vi nói với Dị Nhân:

- Tần vương tuổi đã cao, sau khi về già, kế vị sẽ phải là An quốc quân, cha của điện hạ, cha ngài đã kế vị sẽ lập thái tử, thế thì bất cứ ai trong số hơn hai mươi người con của ông đều có thể thành thái tử. Phụ thân ngài yêu nhất là Hoa

Dương phu nhân, nhưng phu nhân không có con. Nếu ngài biết tôn kinh bà Hoa Dương, có thể ngài được lập làm thái tử làm chủ!

Dị Nhân nghe xong rất cảm động, nói:

- Tôi nay đâu dám nghĩ vậy, nếu không bỏ xác nơi quê người mà về được nước Tần, đã là mãn nguyện lắm?

Lã Bất Vi thấy thời cơ đã đến, bèn nói với Dị Nhân:

- Tôi có cách. Nay tôi bỏ ra ngàn lạng vàng cho người về Tần hoạt động, để Hoa Dương phu nhân đón ngài về, nhưng mọi việc phải để cho tôi sắp đặt.

Dị Nhân nghe được mừng rỡ, sao chẳng đồng ý, vội quỳ trước Lã Bất Vi, nói:

- Nếu được như vậy, tôi xin ghi tạc đại ân đại đức của ông, chết không quên.

Ông đề nghị Lã Bất Vi lập tức đi gặp Hoa Dương phu nhân.

Lã Bất Vi rất quý quyết, sau khi đến Hàm Dương, ông ta biết chưa tới thời cơ, mạo muội đi gặp ngay bà Hoa Dương sợ sinh nghi, ông ta đến bái kiến người chị gái của bà Hoa Dương trước, biếu bà một món hậu lễ, lại nhờ bà gửi biếu bà Hoa Dương ít vàng và ngọc bích. Đương nhiên, là với danh nghĩa Dị Nhân gửi.

Bà chị của Hoa Dương phu nhân thấy Dị Nhân không bị giết ở Triệu lại còn có quà gửi về, lấy làm lạ, hỏi:

- Tình hình Dị Nhân ở Triệu như thế nào?

Lã Bất Vi trả lời:

- Vì nước Tần nhiều lần đánh Triệu, hiện đang bao vây thành Hàm Đan, Triệu vương định giết Dị Nhân từ lâu, nay nhờ có các khanh đại phu nước Triệu bảo vệ, diện hạ mới thoát chết.

Bà chị của Hoa Dương phu nhân thấy lạ hỏi tiếp:

- Chẳng lẽ do nước Triệu sợ nước Tần sao?

Lã Bất Vi vội trả lời:

- Không phải, nếu nước Triệu sợ Tần thì đã ra sức chống Tần. Chỉ vì Dị Nhân là người có học vấn, tốt duyên, lại là người con có hiếu, mọi người mới không nỡ giết ông, đều nói Triệu, Tần hai nước đánh nhau, không liên quan gì đến Dị Nhân cả. Mỗi lần sinh nhật của thái tử và phu nhân, Dị Nhân bao giờ cũng thấp hương, hướng về tây mà bái lạy chúc thọ cho thái tử và phu nhân. Người Triệu thấy ông có hiếu, đều nói nếu giết sẽ chẳng lành. Ngoài ra, Dị Nhân thích kết giao hào kiệt thiên hạ, các chư hầu ít nhiều đều có giao hảo với ông, họ cũng đều khuyên Triệu vương không nên giết ông. Nếu là người khác, phải mất tới trăm mạng rồi!

Bà chị Hoa Dương phu nhân nghe xong chuyện vừa lạ vừa mừng, lạ là vì thấy Dị Nhân tài giỏi như vậy, mừng là thấy Dị Nhân hiếu thuận như vậy. Lã Bất Vi thấy tỏ ý bà vui vẻ nói tiếp:

- Lệnh muội Hoa Dương phu nhân được Tần vương sủng ái thật chẳng gì hơn, chỉ hiềm không có con trai, nay mai cao tuổi, ai là người có thể dựa? không biết phu nhân đã có ý định gì chưa?

Bà chị Hoa Dương phu nhân vội xem Lã Bất Vi có kế gì, Lã Bất Vi nói:

- Trong những người con của thái tử, ai hơn Dị Nhân, ông có cả tài lẫn đức, lại có công làm con tin ở Triệu, quan trọng nhất là tấm lòng hiếu thảo của ông với thái tử và phu nhân. Nếu phu nhân thu nhận Dị Nhân làm con, thì tự mình sẽ là có con. Dị Nhân cũng có mẹ, sau này về già Hoa Dương phu nhân chẳng còn gì đáng lo nữa.

Lời nói của Lã Bất Vi làm chị của Hoa Dương phu nhân phải gật đầu lia lịa. Bà không phải lo cho Dị Nhân mà lo cho em bà. Em bà không con, sau này khó thành thái hậu, nếu có làm cũng chẳng vững vàng gì, nếu lập một người con của bà phi nào còn sống làm thái tử thì càng nguy hiểm. Mẹ đẻ của Dị Nhân đã mất, nếu nhận Dị Nhân làm con, rồi lập làm thái tử, thì chẳng gì hay bằng, hướng hồ Dị Nhân lại hiếu thảo như vậy.

Hoa Dương phu nhân báo riêng cho Lã Bất Vi biết rằng An Quốc Quân đồng ý nhận Dị Nhân làm con, nhưng dặn dò đừng nói cho mọi người biết, để tránh việc các anh em khác và nước Triệu sẽ sinh rắc rối. Thái tử cho Lã Bất Vi ba

trăm cân vàng, phu nhân muốn tỏ thiện chí, lại cho thêm một trăm cân. Lã Bất Vi đem số vàng đó về Triệu.

Nghe nói, Lã Bất Vi không những muốn gây dựng cho một ông vua mà còn muốn tự mình làm vua, trong tình hình lúc đó, chuyện làm vua là không thể được, nhưng nếu để cho con mình được làm vua thì cũng được, thế là ông sắp đặt một kế "Di hoa tiếp mộc" (chuyển hoa ghép cây).

Lã Bất Vi về Triệu nói với Dị Nhân rằng ông sẽ được lập làm con Hoa Dương phu nhân, Dị Nhân như người chết sống lại, hoạt bát hẳn lên. Do Hoa Dương là người nước Sở, Dị Nhân đổi tên là Tử Sở. Mọi việc đã sẵn sàng, Tử Sở chuẩn bị lấy vợ.

Đương nhiên, vẫn là Lã Bất Vi sắp đặt mọi chuyện. Trước hết, Lã Bất Vi mời Tử Sở đến nhà mình ăn cơm. Trong bữa tiệc có một người con gái tên là Triệu cơ, con nhà khá giả, không những xinh đẹp mà còn giỏi ca múa, nhanh nhẹn nhanh miệng, Tử Sở quả nhiên ưng thuận. Về đến nhà, Tử Sở muốn cưới ngay. Lã Bất Vi còn vờ giận rồi lập lò một hồi, cuối cùng mới đồng ý. Thế là Tử Sở lấy Triệu cơ, không đầy năm thì sinh con trai, vì sinh ở nước Triệu, đặt tên Triệu Chính. Cậu bé chính là Tần Thủy hoàng thống nhất Trung Quốc sau này, thực ra khi lấy Tử Sở Triệu cơ đã có mang với Lã Bất Vi.

Nước Tần vây hãm Hàm Đan đã lâu, xem ra sắp phá được thành. Lã Bất Vi sợ Triệu vương giết mất Tử Sở, bèn

tìm cách chạy trốn. Ông ta dùng ba trăm cân vàng để mua viên tướng coi giữ cửa nam thành Hàm Đan, nói với ông ta rằng: "Tôi là người Dương Định, đến Hàm Đan, buôn bán cả nhà bị vây trống thành, nếu không ra được khỏi thành, không những hết cả vốn liếng mà đến tính mạng cũng chẳng còn? Thế là Lã Bất Vi dẫn Tử Sở, Triệu cơ và Triệu Chính hai tuổi trốn khỏi Hàm Đan.

Lúc đó, Tần Chiêu Tương vương đang đốc chiến ở nước Triệu, họ đến gặp Tần vương trước, Tần vương mừng lắm, đưa họ về Hàm Dương. Lã Bất Vi cho họ mặc quần áo người Sở đi gặp Hoa Dương phu nhân. Hoa Dương phu nhân nhìn thấy rất lạ, hỏi rằng:

- Các người ở nước Triệu, nay về nước Sở, sao lại mặc quần áo người Sở?

Tử Sở liền theo lời dặn của Lã Bất Vi, thưa rằng:

- Con bất hiếu, không được tự mình phụng dưỡng mẹ cha, nhưng ngày nào cũng nghĩ đến mẹ, biết mẹ là người nước Sở nên vẫn thường mặc quần áo người Sở.

Hoa Dương phu nhân hết sức cảm động.

An Quốc quân ban thưởng cho Lã Bất Vi, Tử Sở ở lại trong cung của Hoa Dương phu nhân, bước sau chỉ còn là chờ lập làm thái tử nữa thôi.

Tử Sở về nước không lâu, Chiêu Tương vương ốm chết, An Quốc quân kế vị, tức là Hiếu Văn vương, lập Tử Sở làm

thái tử. Tần Hiếu Văn vương cũng chẳng lâu thì qua đời, còn là Trang Tương vương (Tử Sở) cũng qua đời tiếp, Triệu Chính mười ba tuổi lên ngôi Tần vương.

Con của Lã Bất Vi trở thành quốc vương, Lã Bất Vi quyền nghiêng thiên hạ, ý tưởng ban đầu của ông ta được thực hiện, nhưng ông ta ngày càng lâm vào hoàn cảnh éo le. Ngày một trưởng thành, Tần vương Triệu Chính trở nên hiểu biết hơn. Việc Lã tư thông với mẹ ông, đã từ lâu không còn là bí mật nữa, một ngày sẽ truyền tới tại Triệu Chính. Việc không phát tác ngay, nhưng sớm muộn cũng có ngày bùng nổ. Vụ buôn bán này Lã Bất Vi không thực hiện triệt để, con làm vua, không những không cách nào nhận làm cha, mà lại phải tránh mặt.

Nhưng muốn thoát thân đâu dễ dàng, tránh Triệu Chính thì dễ nhưng tránh thái hậu thì khó. Để thỏa mãn nhu cầu của thái hậu, Lã phải tìm người thế thân, cố gắng mãi, ông ta mới tìm được một người tên là Lao Ai. Người này giống Lã Bất Vi, có dã tâm, khôn khéo, thích mạo hiểm. Thế là Lã Bất Vi cho hắn giả làm thái giám, trà trộn vào cung. Đáng lẽ người vào hầu trong cung phải dùng thuốc cho rụng hoặc cắt bỏ bộ phận sinh dục, để tránh chuyện tư thông với phi tử cung nữ, làm hỗn loạn dòng giống hoàng tộc. Muốn dâng món quà cho thái hậu, Lã Bất Vi dùng hối lộ mua chuộc các quan quản lý việc thiến hoạn lập chứng tử giả cho Lao Ai, cho Lao Ai nhổ râu, nhổ lông mày, trát son phấn đóng giả thái giám, để vào hầu thái hậu.

Lao Ái rất khéo léo, chẳng mấy đã rất gần gũi thái hậu. Vì thái hậu chấp chính, quyền hành dần rơi vào tay Lao Ái. Càng lâu, tình cảm giữa thái hậu và Lao Ái càng thâm thiết như vợ chồng, thái hậu quên cả rằng Triệu Chính cũng là con của mình. Họ có hai đứa con riêng, và ngày càng lo cho tiền đồ của chúng. Trong đam mê, họ bất chấp tất cả, định chuẩn bị thời cơ, phế bỏ Triệu Chính, lập thái tử làm quốc vương.

Ái ngờ vì một lúc sơ hở, Lao Ái đã để lộ âm mưu. Một lần, Lao Ái rượu say cãi nhau quyết liệt với người khác, hăng giận quá quát lên: "Ta là giả phụ của quốc vương, kẻ nào dám cãi với ta!" Câu nói đã chứng minh những tin kín cung đình đã được truyền lan bấy nay. Người cãi nhau với Lao Ái bèn lập tức đi bẩm báo với Triệu Chính. Lúc đó Triệu Chính đã hai mươi một tuổi, theo cổ lễ, đã đến tuổi lên ngôi có thể tự chấp chính, ông bèn ra lệnh kiểm tra. Kết quả, phát hiện rằng Lao Ái không phải quan hoạn, và thường tư thông với thái hậu, còn đẻ hai đứa con riêng. Vì lúc đó thái hậu vẫn chuyên quyền, Triệu Chính không cách nào xử trí việc này.

Ít lâu sau, theo tập quán nước Tần, Triệu Chính làm lễ lên ngôi ở đất Ung, thái hậu phải trao trả quyền binh. Lao Ái hiểu rõ rằng khi Triệu Chính trở về Hàm Dương thì hẳn ta hết đường sống, bèn ăn trộm ấn ti của Tần vương và thái hậu, cất binh đánh Triệu Chính. Triệu Chính đã có chuẩn bị trước, dễ dàng dẹp xong vụ loạn.

Lao Ai bị giết, mười hai tên phiến loạn cùng bọn bị tội phanh thây. Triệu Chính đưa mẹ ra ở đất Ung ngoài Hàm Dương. Lỗ nhất trong vụ này là Lã Bất Vi. Ông ta tính toán mọi đường, thấy khó tránh khỏi một ngày nào đó, khi phiến loạn dẹp yên, các hành vi của ông ta cũng sẽ lộ tẩy, ông bị bãi chức tướng quốc, ít lâu sau thì tự sát.

Trong lịch sử lâu dài của Trung Quốc, những chuyện xấu xa trong cung đình chẳng lúc nào hết, người thường khó mà tưởng tượng hết những khía cạnh đen tối của những chuyện ấy. Nhưng những chuyện xấu trong cung đình như kiểu Lã Bất Vi, Lao Ai, mẹ Triệu Chính, thì e rằng không có nhiều, nhất là Lã Bất Vi lại coi chính họ làm đối tượng buôn bán kinh doanh, thì đúng là đã khác nào được một mảnh lời buôn bán. Công tội thiên thu của ông ta người sau biết đánh giá ra sao? Riêng nói về vụ "áp phe" chính trị của Lã Bất Vi thì cuối cùng có được thiên hạ, vô được cả lãi không tính xuế hay là mất hết cả chì lẫn chài, người của tiêu tan? Thật không biết nói sao.

Thôi, nói mấy câu ngoài lề vậy. Sau khi Tần Thủy hoàng thống nhất Trung Quốc, thừa tướng Triệu Cao đề nghị theo chế độ cũ thế tập, cắt đất phong cho con em, nhưng đình úy Lý Tư phản đối, chủ trương lập quận huyện, đặt quan cai trị. Nói chung, người ta cho rằng Tần Thủy hoàng bỏ chế độ phong đất, lập quận huyện là phù hợp yêu cầu phát triển của lịch sử, nhưng họ đã nghĩ chưa, Tần Thủy hoàng đã trải qua cuộc sống gia đình như vậy, liệu có còn bao tình cảm gia

đình nữa, còn có bao niềm tin vào đạo đức truyền thống nữa không. Chẳng lẽ còn mong ông ta yêu mến những thành viên huyết tộc của mình để phân đất đai cho họ ư? Thực ra, nó không phải không liên quan đến quá trình trưởng thành của ông, kể cả tính cách tàn bạo của ông. Ví dụ, sau khi diệt được nước Triệu, việc ông làm đầu tiên là giết hết những người xưa kia đã ức hiếp mẹ con ông. Sự diệt vong của nhà Tần quan hệ rất nhiều tới sự tàn bạo của Tần Thủy hoàng.

Cuộc đời một con người mà ảnh hưởng tới vận mệnh một quốc gia, một dân tộc, trước sự thực lịch sử đó, ta biết nói gì hơn!

57. MỘT ĐỜI DANH THẦN

GIỚI LO VIỆC NƯỚC VỤNG LO VIỆC NHÀ

Trung và gian là hai khái niệm đen trắng rõ ràng, trong nhiều trường hợp không thể lẫn lộn, nhưng có lúc lại khó phân biệt rạch ròi. Có người bị coi là gian, nhưng lại toàn tâm toàn ý lo cho quốc gia xã tắc, hoặc tận tâm tận sức cho một dòng họ, bất luận nói theo ý nghĩa nào, cũng phải kể là trung thần; nhưng nếu nói rằng đó là người trung, ông ta lại chuyên quyền, thường vượt quá lễ của kẻ làm tội, nói đúng hơn đó chính là tên đại gian thần có thừa. Thực ra, đó không phải là tự mâu thuẫn, mà là những quan niệm chuyên chế phong kiến đã tạo nên cảnh lúng túng tiến thoái lưỡng nan, không phân phải trái.

Quyền thần Hoắc Quang thời Tây Hán Vũ đế, Chiêu đế, Tuyên đế, là một người như vậy.

Trong lịch sử Trung Quốc, Tần hoàng, Hán Vũ và Đường tông, Tống tổ có thể sánh ngang nhau, các vị hoàng đế này,

không kể võ công hay văn tự đều có những thành tích không thể mai một. Ví như Hán Vũ đế, dẹp yên biên thù, mở mang bờ cõi, chế định lễ nhạc, đề cao Nho thuật, đúng là bậc thiên tử anh ninh. Nhưng Hán Vũ đế cuối đời tin bói toán, nhiều lần đi về phía đông, mong gặp thần tiên, từ đó chẳng biết nghe ai, khiến thái tử buộc phải làm phản, làm cho hoàng hậu phải tự sát, thái tử phải thắt cổ tự vẫn, trong cung đình đầy tà thuật, làm cho đất nước, nhân dân lâm vào hoạn nạn. Sau khi Lưu Cú chết, Vũ đế còn ba người con trai, trong đó Vũ đế yêu quý nhất người con nhỏ là Phất Lăng con bà Điều Dục. Nhưng ông lại sợ con nhỏ mẹ lớn, nay mai ắt can dự triều chính. Để tránh lặp lại cảnh Lã Trĩ chuyên quyền thời Lưu Bang, Vũ đế xử tử bà Điều Dục. Vấn đề tiếp theo là chọn đại thần phò tá cho thiếu chúa.

Sau khi cân đi nhắc lại nhiều lần, Vũ đế thấy rằng chỉ còn hai vị trung thần đáng tin cậy để có thể phó thác việc lớn, một là phụng xa đô úy Hoắc Quang, hai là thị trường phó mã đô úy Kim Nhật Đệ. Có điều Kim Nhật Đệ là người Hồ xuất thân, sợ khó được mọi người theo phục, Vũ đế bèn nói ý nghĩ của mình cho Hoắc Quang biết, để ông ta liệu trước. Thế là, Vũ đế đặc biệt sai Tiểu hoàng môn vẽ một bức tranh, chờ cơ hội sẽ trao bức tranh đó cho Hoắc Quang.

Hoắc Quang là em trai của Phiêu kỵ tướng quân Hoắc Khứ Bệnh, nhà quân sự nổi tiếng của triều Hán, mới đầu Hoắc Khứ Bệnh đưa em tới kinh đô làm tù chúc lang quân, rồi lên dần tới phụng xa đô úy quang lộc đại phu, làm việc

hơn hai mươi năm trong cung cấm, luôn cẩn thận, không phạm sai lầm gì, nên được Võ đế rất tin nhiệm. Lần này, Hoắc Quang được hoàng đế ban tranh, bái nhận về nhà, mở ra xem thì thấy đó là bức tranh "Chu công phụ ý đồ", Hoắc Quang biết rằng Võ đế muốn mình giống như Chu công phò tá thiếu chúa Thành vương, để phò tá tiểu hoàng đế. Đó là sự tin nhiệm rất lớn của hoàng đế đối với mình, không thể từ chối, cũng không thể khoe khoang, chỉ đành lặng thầm chấp nhận, chờ sau này thiếu chúa lên ngôi sẽ hay.

Vũ đế thấy Hoắc Quang không trả "Chu công phụ ý đồ" lại cũng cảm thấy được an ủi. Lại qua một năm, Vũ đế do đi chơi cung Ngũ Tắc bị cảm ốm, biết mình không dậy được nữa, bèn gọi Hoắc Quang tới. Hoắc Quang hỏi:

- Bệ hạ nếu chẳng may có sự bất trắc, sẽ lập ai kế tự?

Vũ đế nói:

- Chẳng lẽ khanh không hiểu bức tranh xưa trẫm gửi tặng hay sao? Trẫm đã quyết định lập thiếu tử làm kế tự, khanh sẽ là Chu công của Hán triều vậy!

Hoắc Quang vội nói:

- Thần không xứng đáng bằng Kim Nhật Đệ?

Lúc đó Kim Nhật Đệ cũng vừa có mặt, ông vội nói:

- Thần là người nước ngoài, thần phò tá ấu chúa sẽ kém xa Hoắc Quang.

Vũ đế nói:

- Trẫm biết hai khanh đều cung kính cẩn thận, trung hậu đáng tin, hãy nghe cố mệnh (di chúc) của trẫm vậy!

Vũ đế ban chiếu thu, lập thiếu tử Phát Lăng làm thái tử, Hoắc Quang làm đại tu mã đại tướng quân, Kim Nhật Đệ làm xa kỵ tướng quân, Thượng Quan Kiệt làm tả tướng quân, cùng thừa tướng Điền Thiên Thu, ngũ sở đại phu Tăng Hoàng Dương, năm người cùng phụ chính. Sau ngày Vũ đế truyền lại cố mệnh một hôm, thì ông băng hà.

Trong năm vị cố mệnh đại thần phong theo di chúc, trừ Thượng Quan Kiệt, bốn vị khác đều là những lão thần có tiếng, chỉ có Thượng Quan Kiệt là có sự thành đạt đặc biệt. Thượng Quan Kiệt là người Thượng Khê, từ chức vũ lâm kỳ môn lang, lên làm vị dương cứu lệnh, chăm sóc bầy ngựa của cung đình, ông thấy hoàng đế hay tới chuồng ngựa thăm ngựa, bèn ra sức nuôi ngựa thật béo. Gặp đợt Vũ đế ốm, lâu ngày không xuống chuồng ngựa, Thượng Quan Kiệt sinh lòng nhác, ngựa dần gầy đi. Đến khi xuống chuồng ngựa xem, Vũ đế rất tức giận nói với Thượng Quan Kiệt:

- Khanh tưởng trẫm không bao giờ xuống được chuồng ngựa nữa hay sao?

Thượng Quan Kiệt sợ quá, vội dập đầu nói:

- Thần nghe thánh thể bất an, đêm ngày lo lắng, không còn lòng nào chăm sóc ngựa, xin bệ hạ tha tội.

Vũ đế cho ông ta là trung thành, không những tha tội cho ông, còn nâng cấp cho ông làm kỵ đô úy, sau do có công trong việc bắt người, cất nhắc lên làm thái bộc. Tính nết Thượng Quan Kiệt không phải là bình thường mà cuộc đời sau này của ông ta cũng do chính tính cách của ông ta quyết định.

Phất Lăng kế vị, tức Hán Chiêu đế. Lúc đó ông mới 8 tuổi, mọi việc to nhỏ trong triều đều do Hoắc Quang, người đứng đầu các đại thần cố mệnh chủ trì. Hoắc Quang là người cung cẩn trung thành, để phòng bất trắc, ông dọn vào ở trong cung, đi đâu ngồi đâu đều theo quy củ nhất định, không dám tùy tiện thay đổi. Nhờ thế, tuy Chiêu đế nhỏ tuổi, nhưng đất nước thái bình. Do mẹ của Chiêu đế đã bị Vũ đế giết chết, Hoắc Quang lo ngại các phi tần khác trong cung, không người nào đáng tin cậy, việc ăn ngủ của Chiêu đế thiếu người chăm sóc, bèn đón công chúa Ngạc Ấp chi của Chiêu đế vào cung, gia phong làm "Cái Trưởng công chúa", để sớm tối bề bộn với Chiêu đế.

Ai ngờ sau mấy tối, nửa đêm bỗng có người chạy đến báo cáo với Hoắc Quang, nói trong điện có chuyện quái dị. Hoắc Quang còn đang mặc nguyên quần áo nằm ngủ, nghe báo, dậy ngay đi vào cung. Hoắc Quang cho rằng trong điện thì ngự tỳ là quan trọng nhất, vội gọi thượng phù tỳ lang coi giữ ngự tỳ tới yêu cầu đưa ngọc tỳ. Thượng phù tỳ lang không giao, Hoắc Quang không kịp giải thích, định giành lấy ngọc tỳ trong người ông ta, Thượng phù tỳ lang, nắm đốc kiếm nói:

- Thần còn giữ chức thà chết không giao ngọc tỷ cho ai!

Nói xong lui ra ngoài. Hoắc Quang lệnh cho trong điện không ai được kêu hét, vi phạm sẽ chém đầu, chờ tới sáng vẫn không thấy xuất hiện điều quái dị gì nữa. Khi vào triều, Hoắc Quang thừa lệnh hạ chiếu, thưởng bổng lộc hai bậc cho thượng phù tử lang, và nói:

- Ông giữ được ngọc tỷ như vậy, tôi còn lo gì nữa?

Từ đó, mọi người đều phục ông là công chính vô tư.

Ít lâu sau, Yên vương Lưu Đán cùng đồng bọn mưu phản, Yên vương Lưu Đán và Quảng Lăng vương Lưu Tư đều là anh của Chiêu vương. Lưu Đán tuy có học vấn nhưng tính quá kiêu ngạo, Lưu Tư tuy võ dũng, nhưng chỉ thích chơi bời săn bắn, nên Võ đế không muốn để họ nối ngôi. Khi tin Võ đế mất truyền tới Yên, Lưu Đán không hề thương xót, còn nói với mọi người:

- Thu tóm tắt quá, sợ chưa hết lời, hoặc trong triều có biến?

Thế là Lưu Đán lấy danh nghĩa về thăm tang, để nắm tình hình trong triều, khi biết công chúa Ngọc Ấp đã vào cung, liền nói rằng chưa được nhìn di chúc, e rằng việc lập tự có gì gian trá. Lưu Đán cho sứ thần gặp Chiêu đế để xin lập miếu Vũ đế ở các chu hầu, Hoắc Quang sắc sảo nhận thấy Lưu Đán có ý đồ khác liền không đồng ý, chỉ phong thêm đất cho Lưu Đán. Lưu Tư và công chúa Cái Trưởng. Lưu Đán ngạo mạn nói:

- Theo thứ tự trường thứ, ta phải là thiên tử, còn cần người khác ban thưởng cho ta cái gì nữa?

Lưu Đán liền thông đồng với Lưu Trường con Trung Sơn Ai vương và Lưu Trạch cháu Tề Hiếu vương, nói dối rằng có chiếu thư của Vũ đế, phải tăng cường vũ bị, đề phòng bất trắc. Ít lâu sau, ông tuyên bố với dân ở đất phong là người do Hoắc Quang lập không phải là con của Vũ đế, đáng lẽ phải là ông ta kế vị, mong người trong thiên hạ cùng ông thảo phạt. Rồi cho Lưu Trạch khởi thảo hịch phân phát các nơi. Không ngờ Lưu Trạch tới Tề, bị thích sử Thanh Châu là Tuyển Bất Nghi bắt, lại có người cáo giác Lưu Trạch mưu phản, thế là Tuyển Bất Nghi vội phi báo triều đình, triều đình cho người xét hỏi, mọi việc lộ chân tướng. Lưu Trạch bị giết, Lưu Đán đáng lẽ cũng bị giết, nhưng Hoắc Quang cho rằng Chiêu đế vừa lên ngôi, không nên giết anh, nên chỉ bắt Lưu Đán tạ tội rồi thôi.

Ít lâu sau, đại thần cố mệnh Kim Nhật Đệ ốm chết, hai người con trai của ông tuổi nhỏ, hiểu biết, Chiêu đế từng gọi hai anh em vào chơi với ông trong cung, cùng nằm ngồi vui chơi đùa nghịch, tình cảm rất thân thiết. Sau khi Kim Nhật Đệ mất, một người con của ông được tập tước, Chiêu đế đề nghị Hoắc Quang phong tước hầu cho người con còn lại, Hoắc Quang nói xưa nay chưa làm như vậy. Chiêu đế nói:

- Phong hầu hay không, ta và khanh nói một câu là xong chứ gì?

Hoắc Quang nghiêm mặt nói:

- Cao tổ từng nói, người không có công không được phong hầu.

Chiêu đế sợ không dám nói thêm. Qua đó có thể thấy rằng Hoắc Quang ngay thẳng đến thế nào.

Đến năm sau, Hoắc Quang được phong làm An Lục hầu, Thượng Quan Kiệt làm An Dương hầu, quyền thế của Hoắc Quang ngày càng lớn. Nhưng lúc đó có người khuyên Hoắc Quang: "Chẳng lẽ đại tướng quân chưa nghe qua câu chuyện của Lã Trí thời Cao tổ sao? Sau khi Cao tổ chết, Lã Trí và họ Lã chuyển quyền, không dùng người họ Lưu, cuối cùng mất nhân tâm, mất tín nhiệm với mọi người thiên hạ, cho nên bị tiêu diệt. Nay tướng quân là người đứng đầu có mệnh đại thần, phó tá thiếu chủ Chiêu đế, địa vị cao, uy danh lớn, thế lực mạnh, nhưng còn chưa chung sức với họ Lưu, không có tôn thất họ Lưu đứng ra hiệu triệu hạ, sau này sao tránh khỏi họa hoạn?"

Hoắc Quang nghe xong giật mình, tỉnh ngộ, nói với người đó:

- Cảm ơn tiên sinh chỉ giáo, tôi sẽ làm theo.

Ông ta bèn cho gọi cháu của Nguyên vương là Lưu Tị Cường vào cung, phong làm Tổng chính.

Khi Chiêu đế đã mười tuổi, Thượng Quan An con Thượng Quan Kiệt muốn đưa con gái sáu tuổi của mình vào

cung, mong sẽ trở thành hoàng hậu, mới đi bàn với Hoắc Quang. Thượng Quan An vốn cho rằng Hoắc Quang là nhạc phụ của mình, con gái mình là cháu ngoại của ông, chắc ông ấy không ngăn cản, nào ngờ Hoắc Quang một mực từ chối, cho rằng cháu bé còn nhỏ, chưa nên đưa vào cung. Thượng Quan An thấy chẳng xin nổi, đành tìm cách nhờ người khác.

Thượng Quan An nghĩ mãi, mới tìm ra một cách, ông tự đi tìm Đình Ngoại Nhân môn khách của Cái Trưởng công chúa. Nguyên là, công chúa mất chồng sớm, không chịu được cảnh góa bụa, môn khách Đình Ngoại Nhân là người đẹp trai lắm tài, tinh giáo quyết, biết lấy lòng công chúa, thế là trai có tình, gái có ý, hai người cặp đôi với nhau, hầu như chẳng cần để ý tai mắt của người ngoài nữa. Về sau, Hoắc Quang đưa công chúa vào cung chăm sóc Chiêu đế, hai người không gặp được nhau, Cái Trưởng công chúa thỉnh thoảng phải xin phép về nhà, đêm ngủ lại không chịu về cung. Hoắc Quang thấy lạ, cho người tìm hiểu, mới biết nguyên do. Để cho công chúa an tâm chăm nom Chiêu đế, ông bèn cho Đình Ngoại Nhân vào trực đêm trong cung, cho họ gặp nhau. Thượng Quan An tìm đến Đình Ngoại Nhân để bàn tính, Đình Ngoại Nhân nhận lời ngay, lập tức đi gặp công chúa để thuyết phục. Cái Trưởng công chúa vốn định chọn con gái Chu Dương vương cho Chiêu đế, nhưng để chiều lòng người tình, đành đồng ý. Không bao lâu, con gái của Thượng Quan An được đón vào cung, phong làm tiệp dư, tức sẽ thành hoàng hậu. Vì những chiếu lệnh đó chỉ thực

hiện trong nội cung, Hoắc Quang cũng không có cách nào can thiệp, hơn nữa việc đó cũng chẳng vi phạm điều lệ gì, tuy không hài lòng, nhưng ông ta cũng không nghĩ đến việc ấy nữa.

Thượng Quan An thuận buồm xuôi gió, nhanh chóng trở thành xa kỵ tướng quân. Vương Quan An vì vậy rất cảm ơn Đình Ngoại Nhân, muốn nói với Hoắc Quang xin phong tước hầu cho Đình Ngoại Nhân, nhưng Hoắc Quang dứt khoát không đồng ý. Thượng Quan An không biết làm thế nào, bèn nhờ cha là Thượng Quan Kiệt nói giúp với Hoắc Quang. Thượng quan Kiệt và Hoắc Quang đều là cố mệnh đại thần, hai nhà lại thông gia, nào ngờ Hoắc Quang vẫn không đồng ý. Thượng Quan Kiệt không còn cách nào, đành xuống thang, chỉ xin phong cho một chức quang lộc đại phu. Hoắc Quang bực tức nói rằng:

- Đình Ngoại Nhân vô đức vô tài, sao có thể phong quan tước, thôi ông đừng nói thêm nữa!

Thượng Quan Kiệt bực mình lắm, từ đó có lòng oán giận Hoắc Quang.

Cái Trường Công chúa thấy người tình không được tước vị gì, cũng rất giận Hoắc Quang, họ bèn tìm cách để trừ khử ông, mà Hoắc Quang không biết, mọi việc vẫn làm theo ý mình. Ít lâu sau, Chiêu đế bỗng hạ chiếu phong Thượng Quan An làm tang lạc hầu, thực ấp năm ngàn hộ. Hoắc Quang biết chuyện, cho rằng Thượng Quan An là nhạc phụ

của hoàng đế, cũng chẳng có gì vi phạm điều lệ, nên không hỏi han đến. Thượng Quan An thì rất ngạo mạn, có một lần vào cung dự yến tiệc, khi về khoe với môn khách:

- Hôm nay ta đi uống rượu với con rể, rất vui, chỉ có điều phục sức của con rể ta rất hoa lệ mà đồ dùng trong nhà ta thật không xứng!

Nói xong, định cho đốt hết đồ đạc cũ trong nhà, may nhờ các môn khách can ngăn nên mới thôi.

Một lần, thái y giám Sung Quốc vô cố đi vào điện, theo luật phải xử tử hình. Sung Quốc là người được ông ngoại của Thượng Quan An rất yêu thích, Thượng Quan Kiệt bèn đến xin với Hoắc Quang, Hoắc Quan vẫn không cho. Thượng Quan Kiệt không còn cách nào khác đành xin với Cái Trưởng công chúa, công chúa cho xuất hai mươi bốn con ngựa để chuộc tội, Sung Quốc mới thoát tội chết. Từ đó, cha con nhà Thượng Quan càng ghét Hoắc Quang, cảm ơn Cái Trưởng công chúa.

Cha con Thượng Quan cho rằng, Thượng Quan Kiệt trước đây cũng như Hoắc Quang đều là đại thần cố mệnh. mà nay việc gì Hoắc Quang cũng quản chế, thật không công bằng. Thế là họ cấu kết với các đại thần trong ngoài cung đình, tìm thời cơ để trừ khử Hoắc Quang. Nhất là Yên vương Lưu Đán, vì không giành được ngôi vua, trong lòng âm úc, con em của ngự sử đại phu Tang Hoằng Dương cũng mất chức nhiều nên cũng oán Hoắc Quang, thêm có Cái

Trường công chúa ngầm giúp, Thượng Quan Kiệt cảm thấy chắc như đinh đóng cột rồi.

Đúng lúc đó, Hoắc Quang đi Quảng Minh duyệt đội Vũ lâm quân, Thượng Quan Kiệt định hành động, nhưng nghĩ đi nghĩ lại thấy chưa chuẩn bị kịp lực lượng. Không bảo đảm sự biến thành công. Thượng Quan Kiệt bí mật bàn mưu với Tang Hoàng Dương, giả lấy danh nghĩa Lưu Đán viết thư vạch tội Hoắc Quang. Sở viết:

"Thần nghe nói đại thần Hoắc Quang đi duyệt Vũ lâm quân, trước khi đi sai quan tiến hành chuẩn bị đồ ăn, theo nghi thức của thiên tử xuất du. Bổ nhiệm đại tướng quân Dương Xưởng bắt tằm làm Sưu lật đô úy, lại tự điều ích mộ phủ hiệu úy, chuyên quyền tự ý. Thần nghi ngờ hành động của ông ta không bình thường, nên nguyện trao trả phủ tỳ cho triều đình, về cung để bảo vệ hoàng thượng, để phòng gian thần khỏi sự, hoàng thượng gặp bất trắc. Sự việc khẩn cấp, nay phi báo hoàng thượng rõ".

Chiều để xem xong chưa tỏ động tĩnh, Hoắc Quang nghe nói cổ người vạch tội mình, rất hoang mang. Hôm sau tới triều, không dám vào ngồi ở gian phòng có bức tranh "Chu công phụ ý đồ" ở phía tây điện. Chiều để không thấy Hoắc Quang, sai người mời ông vào, Hoắc Quang quỳ dưới đất, lệt mủ tạ tội. Chiều để nói:

- Trẫm biết khanh không có tội, hãy đội mũ vào. Khanh đi Quảng Minh duyệt Vũ lâm quân mới về mấy ngày, Yên

vương Lưu Đán sao biết được, mà lại còn viết thư gửi về. Huống hồ nếu khanh có bụng phản trắc, hà tất phải dùng hiệu úy. Rõ ràng là có người muốn hại khanh, giả tạo thư này. Trẫm tuy ít tuổi, cũng không tới mức ngu muội như vậy?

Quần thần nghe vậy, không ai không kinh phục. Chiêu đế cho đi bắt kẻ mang thư, người đưa chính là Tang Hoàng Dương. Tang biết tin chạy trốn vào nhà Thượng Quan Kiệt, không cách nào biết được, nhưng Chiêu đế hằng ngày giục phải xử việc này, Thượng Quan Kiệt bèn cho nội thần đến gặp Chiêu đế nói xấu Hoắc Quang. Chiêu đế tức giận, nói:

- Đại tướng quân là đương kim trung thần, tiên đế đã phó thác tướng quân phó tá trẫm, ai còn nói điều thị phi sẽ chém đầu. Chiêu đế từ đó chỉ gần Hoắc Quang, bỏ rơi Thượng Quan Kiệt, Thượng Quan Kiệt càng thêm căm giận, bàn với con là Thượng Quan An, rồi liên lạc với Cái Trường công chúa và Yên vương Lưu Đán, giả ý hứa để Lưu Đán làm hoàng đế, giết Hoắc Quang, phế bỏ Chiêu đế, tự lên làm vua.

Cái Trường Công chúa đồng ý kế hoạch của Thượng Quan Kiệt, Lưu Đán nhận thư xong rất mừng, chuẩn bị hành sự để cùng Thượng Quan Kiệt chung hưởng phú quý. Tướng quốc của Lưu Đán khuyên:

- Âm mưu lần trước đã không thành, nay tướng quân Thượng Quan Kiệt tính nòng nọc, xa kỳ tướng quân Thượng

Quang An thì trẻ tuổi kiêu căng, sợ việc không thành. Mà dù có cơ may thành công thì Thượng quan Kiệt là người phản phúc cũng không thể tin được.

Lưu Đán không nghe kiên quyết ra quân. Đúng lúc đó thì trong kinh thành nước Yên, liên tiếp xảy ra nhiều hiện tượng kỳ dị. Trời bỗng dung mưa to, một chiếc cầu vòng cắm xuống giếng, hút khô hết nước. Trên trời chim chóc đánh nhau rơi là tả xuống giếng. Một đàn chuột tới cửa điện kêu chi chóc, rồi nhảy cồm lên lăn ra chết. Rồi nào là cổng thành bỗng dung mở ra, trên thành vô cớ bốc cháy, gió to làm đổ thành lâu v.v... không còn thiếu chuyện gì nữa. Lưu Đán có một môn khách giỏi bói toán, ông ta nói với Lưu Đán: "Năm nay e có đại thần bị hại".

Lưu Đán còn đang hoang mang thì có tin cấp báo, nói Thượng Quan Kiệt mưu kế bại lộ, đã bị bắt. Kể cả sứ giả nước Yên cũng bị bắt nốt.

Vốn là, Cái Trưởng công chúa nghe theo kế Thượng Quan Kiệt nên mời Hoắc Quang tới uống rượu định giữa tiệc giết chết ông, cha con Thượng Quan, mừng quá quên mất cả giữ ý. Chân tay của Thượng Quan An trong lúc bàn bạc hỏi An:

- Nếu phế hồ Chiêu đế, con gái ngài Thượng Quan hoàng hậu sẽ thế nào?

Thượng Quan An dùng dùng nổi giận:

- Vội đuổi hươu thiết gì đến thờ?

Tin đó từ trong nhà công chúa và nhà Thượng Quan An truyền ra, tới tai Hoắc Quang. Thế là trước hết cha con Thượng Quan bị lừa vào cung và bị chém đầu ngay lập tức. Tang Hoàng Dương cũng bị bắt và bị giết ngay. Bao nhiêu đồ đảng còn lại bắt giữ hết thảy. Còn Yên vương Lưu Đán, hai lần mưu phản, không còn lẽ nào để sống, nhận chiếu của vua tự vẫn, cùng chết với Lưu Đán có hơn hai mươi cung phi. Cái Trưởng công chúa nghe tin tự sát.

Chiêu đế năm tám tuổi làm lễ lên ngôi, triều chính có thêm Hoắc Quang chủ trì, nên yên ổn. Nhưng năm hai mươi mốt tuổi, Chiêu đế chết, không có hậu tự, việc lập vua mới lại thành vấn đề. Quảng Lăng vương là anh Chiêu đế, Hoắc Quang không muốn lập ông, với lý do Vũ đế không muốn chọn ông, mà lại không phải là bậc dưới Chiêu đế, mà thực tế là Hoắc Quang thấy Quảng Lăng vương tuổi đã lớn, lập vua khó bề điều khiển, quyết định lập cháu của Lý phu nhân Vũ đế là Xương Ấp vương Lưu Hạ làm hoàng đế.

Lưu Hạ là người ham thanh sắc, hoang dâm vô độ, chỉ thích chơi bởi săn bắn, nửa ngày trời có thể cưỡi ngựa phi ba trăm dặm. Một hôm Lưu Hạ nhìn thấy phía trước có một con chó trắng, dưới cổ như người, không có đuôi, mà tả hữu không ai nhìn thấy. Cung Toại khuyên: "Đó là ám thị tả hữu như chó đội mũ, nếu không hối lại, e sẽ mất nước". Chẳng bao lâu, Lưu Hạ lại vẫn chỉ một mình nhìn thấy một con gấu

trắng vào cung. Cung Toại lại nói: "Dã thú vào cung như vào chỗ không người, là ý trong cung đã rỗng, đó là điềm gở".

Ít lâu sau lại nhìn thấy máu, Cung Toại khóc mà rằng:

- Máu là âm tượng, âm tượng lên, cung thất rỗng.

Tối khi sứ giả Trường an tới, Lưu Hạ nửa đêm nhận được thư, mới xem được mấy dòng vui sướng hoa chân múa tay. Ngày hôm sau, Lưu Hạ lên đường, một mình một ngựa phi dăng trước, dọc đường bắt bỏ con gái, ai ngăn cũng không được.

Lưu Hạ lên ngôi vẫn rất phóng túng, không có dáng quân vương, cả nước đều rất lo lắng. Hoắc Quang được quần thần ủy thác, liên lạc với bọn Dương Xương, giữa buổi triều bồng nổi loạn, mượn danh nghĩa Thượng Quan hoàng hậu, vạch tội ác Lưu Hạ, cắt bỏ vương hiệu, cho thực ấp hai ngàn hộ, lại về ở Xương Ấp. Chỉ có bọn chân tay hơn hai trăm người toàn bộ bị trói đem đi chém đầu, trong bọn có người hét lớn:

- Đáng chém không chém, tự rước họa loạn!

Đó là có ý hối tiếc lúc đầu không giết ngay Hoắc Quang. Việc lập vua mới lại thành vấn đề, có người nói là người chất của Vũ đế là người Lưu Bệnh Dĩ hiện đang lưu lạc trong dân nổi tiếng là người đứng đắn, có học vấn, có tài năng, tuổi đã mười tám, có thể lập làm vua. Nghe nói trong năm đó, trên núi Thái Sơn có những tảng đá lớn tự dựng lên, cây

liều lớn trong vườn Thượng Lâm lá bị sâu ăn thành chữ "Công tôn Bệnh Dĩ lập". Đó đều là điềm hoàng đế khởi tự dân gian. Hoắc Quang chủ trì việc đón và lập Lưu Bệnh Dĩ trở thành Tuyên đế. Lúc đó, Hoắc Quang ngồi cạnh Tuyên đế, đánh xe đưa ông đi lễ Tổ miếu, Tuyên đế sau này nhớ lại rằng, ông có cảm giác như có vật gì nhọn đâm nhói sau lưng, sau thay Tương An Thế đánh xe ông mới an tâm. Thực ra, chuyện đó phản ánh quyền lực của Hoắc Quang quá lớn, mặt khác cũng là mầm họa cho nhà Hoắc Quang sau này.

Tuyên đế chưa lập hoàng hậu, lúc đó nhiều người định lập con gái nhỏ của Hoắc Quang làm hoàng hậu, nhưng Tuyên đế hạ lệnh đưa ông về tìm thăm chốn cũ. Mọi người hiểu rằng, Tuyên đế không quên người thân từ thuở hàn vi, đành phải lập bà Hứa thị, người vợ của Tuyên đế khi còn ở dân gian làm hoàng hậu. Theo lệ, cha của bà Hứa thị được phong hầu, nhưng Hoắc Quang cho rằng, ông ta đã từng bị hình phạt, là người thấp kém, không thể phong hầu, Tuyên đế không cãi nổi ông, đành chịu vậy.

Hai năm sau khi Tuyên đế lên ngôi, Hoắc Quang thấy ông chăm chỉ khiêm nhường, cũng yên lòng, xin nghỉ hưu, nhưng hoàng đế không cho, còn bắt quần thần vẫn phải xin ý kiến ông về mọi việc, rồi mới báo cho vua. Lúc này, con Hoắc Quang là Hoắc Ngu và cháu của anh Hoắc Quang là Hoắc Văn, Hoắc Sơn, cùng các cháu ngoại đều lần lượt làm quan, dần tạo thành thế lực trong triều, Tuyên đế tuy nghi kỵ nhưng tạm thời phải chịu.

Hoắc Hiến vợ kế của Hoắc Quang vốn là người đàn bà ác nghiệt. Hoắc Hiến vốn là nữ tỳ của con gái Hoắc Quang, vì có nhan sắc, lại ranh mãnh, được Hoắc Quang ưa thích, sau có sinh được mấy người con, được nâng lên làm vợ kế. Vì muốn cho con gái được làm hoàng hậu, Hoắc Hiến rắp tâm mưu hại Hứa hoàng hậu. Đúng lúc Hứa hoàng hậu sắp sinh nở, bỗng thấy trong người khó chịu, Tuyên đế cho vời các nữ y đến chăm sóc, Hoắc Hiến nhân cơ hội tiến cử người quen là Thuần Vu Diễn vào cung. Hứa thái hậu sinh con an toàn. Khi làm thuốc cho Hứa hậu, Thuần Vu Diễn có cho thêm phù tử vào thuốc, phù tử tính nhiệt, đàn bà sau khi đẻ không được dùng, Hứa hậu sau khi sinh con người yếu, uống phù tử vào hư nhiệt tăng, dẫn đến tử vong. Tuyên đế rất giận, lệnh cho bắt tất cả các nữ y, trong đó có Thuần Vu Diễn, Hoắc Hiến sợ Thuần Vu Diễn nói ra sự thực, vội đi cầu cứu Hoắc Quang, Hoắc Quang nghe biết cũng rất sợ, nhưng việc đã rồi, đành đi nói khó với Tuyên đế, cho thả toàn bộ các nữ y. Sau đó Hoắc Hiến phải mất nhiều tiền cho Thuần Vu Diễn để mua ta không nói lộ chuyện ra.

Nhưng từ đó trong dân gian có dư luận là họ Hoắc đều độc Hứa hoàng hậu.

Ít lâu sau, con gái Hoắc Hiến được rước vào cung, một năm sau được lập thành hoàng hậu. Tuyên đế năm thứ hai, Hoắc Quang qua đời.

Hoắc hậu chưa sinh con, Tuyên đế muốn lập Lưu Sảng con Hứa hậu làm thái tử, Hoắc Hiến nói với con gái:

- Sảng là đứa con sinh ra từ khi hoàng đế còn hàn vi, sao làm thái tử được, nếu sau này con sinh con trai, chẳng hóa lại để nó cười đầu sau?

Hoắc Hiến liền đưa cho Hoắc hậu gói thuốc độc, để bà ta tìm cơ hội hạ sát thái tử. May mà Tuyên đế cẩn thận, cho người bảo vệ chu đáo, thức ăn nào cũng ném qua mồi dùm, Hoắc hậu không cách nào hạ thủ được, bà ta sinh cháu bần, dần bộc lộ lòng ghét thái tử. Tuyên đế sắc sảo biết được, lại nghe phong thanh Hoắc gia hại chết Hứa hậu, nên càng chú ý.

Một nhà họ Hoắc ba chức hầu, Hoắc Hiến vẫn chưa thỏa mãn. Sau khi Hoắc Hiến làm thái phu nhân, xem thường lễ phép, tự ý mở rộng các chế độ xưa của Hoắc Quang, giam giữ gia nhân, sinh hoạt ngày càng đắm đuối vào bạc tiền. Nhất là lại tư thông với Phùng Ân, chuyện rầm lên ai cũng biết. Việc làm của Hoắc Hiến gây nên sự công phẫn, nhiều người cáo giác. Tuyên đế nghi công lao của Hoắc Quang nên tạm nhện.

Tuyên đế sợ thế lực họ Hoắc lớn quá sẽ sinh biến, bèn tìm cách bỏ bớt quyền lực của bọn Hoắc Ngu. Họ Hoắc cảm thấy tình thế xấu đi, nhất là người cáo tội họ ngày càng nhiều, dư luận về vụ đầu độc Hứa hậu ngày càng dữ, Hoắc Vân và Hoắc Sơn tìm đến Hoắc Hiến để bàn cách đối phó,

Hoắc Hiến nói rõ vụ đầu độc cho họ biết, cả bọn hoảng sợ, cho rằng con đường duy nhất là phải liên lạc với cả nhà họ Hoắc và các con rể cùng nhau khởi sự, lấy danh nghĩa Thượng quan thái hậu để phế bỏ Tuyên đế, mới có thể hết lo. Ai ngờ tai vách mạch rừng, người mã phu (phu giữ ngựa) nghe được, đêm đó nói với bạn bè, do tham phú quý, một người trong bọn họ liền đi báo cho vua biết. Âm mưu của nhà họ Hoắc bại bị lộ.

Tuyên đế lập tức truyền lệnh bắt người, nhưng rồi lại ra lệnh ngừng bắt, họ Hoắc biết mưu bị lộ, vội liên hệ thân thích chuẩn bị khởi sự, các thân thích biết rằng mưu phản sẽ có liên lụy, để tìm lối thoát, đều đồng ý. Cũng may thấy chưa thấy động tĩnh gì, mọi việc lại lắng xuống Kỳ thực Tuyên đế muốn thực hiện từng bước. Ông ngại việc họ Hoắc mưu phản chưa được mọi người biết, đột nhiên bắt bớ, e gây du luận, cú để cho âm mưu bại lộ rồi bắt cho đỡ phiền phức. Quả nhiên các vấn đề về họ Hoắc ngày càng nhiều, tai tiếng ngày càng lan rộng. Họ Hoắc lại âm mưu giết Ngụy tướng, phế Tuyên đế, lập Hoắc Ngu làm thiên tử. Lại có người biết chuyện đi báo với Tuyên đế.

Tuyên đế thấy thời cơ đã chín muồi, cho lính bắt tất cả nhà họ Hoắc và thân thích. Hoắc Vân, Hoắc Sơn uống thuốc độc tự tử, Hoắc Hiến, Hoắc Ngu bị chém đầu. Các con rể cháu ngoại cũng bị xử tử nhất loạt cùng họ nội, lần này tới trên ngàn nhà bị tru diệt.

Nhìn chung cuộc đời Hoắc Quang, tuy không được thật hoàn mỹ như Chu công phò tá Thành vương, nhưng ông cũng đã hết lòng hết sức, công tâm trị lý việc nước việc triều, còn các việc xử lý chưa thỏa đáng liên quan đến cá nhân, nghĩ cho cùng, cũng chưa chắc Hoắc Quang cố ý, chỉ là tình thế bắt buộc, không đủ sức cứu vãn. Cần nói thêm, Chu công phụ chính chỉ là truyền thuyết, chỉ là lý tưởng, còn Hoắc Quang là có thực, là việc làm cụ thể, vấn đề rất phức tạp, muốn lấy mình làm gương mà vẫn khó, làm được như Hoắc Quang, công tâm mà nói, đã là quá khó khăn rồi.

Hoắc Quang chỉ biết lo việc nước, không biết lo việc nhà. Ông hoàn toàn có lý do để tính đến sự bại vong của gia tộc về sau. Một, đầu độc hoàng hậu, để lại mầm họa; hai, hơn hai mươi năm chấp chính, gây nhiều oán hận, mà có nhiều việc vượt quyền; ba, vợ kế Hoắc Hiến xuất thân thấp kém, lòng tham vô đáy, tàn ác nhẫn tâm; bốn, con cháu một lũ ngông cuồng; năm, con rể trong triều nắm quyền quá lớn, để sinh nghi kỵ; sáu, không biết thu mình lại. Bất cứ một điều nào trong sáu điều ấy cũng đủ gia đình ông tiêu vong. Hoắc Quang không hề có một xử lý cụ thể gì về các điều đó, càng không có biện pháp an bài sau khi mình mất, nên sự bại vong của gia đình ông là không thể tránh khỏi. Không bị Tuyên đế diệt trừ thì cũng bị người khác diệt thôi. Đừng nói đến chuyện mưu phản, ngay cả khi xử thế cẩn thận, cũng đã khó tránh khỏi tai họa, việc mưu phản chỉ làm cho sự diệt vong đến nhanh hơn, triệt để hơn mà thôi.

Hoắc Quang biết lo việc nước, không biết lo việc nhà, theo quan điểm truyền thống Trung Quốc, Hoắc Quang không phải là nhân vật được tôn thờ.

Còn như Hoắc Quang là trung thần hay gian thần, như ở trên đã nói, về ý nguyện Hoắc Quang muốn làm trung thần, nhưng ông thường làm những việc của gian thần, có số việc không phải do Hoắc Quang sai, mà do quan niệm chính thống phong kiến đặt con người vào hoàn cảnh khó xử: sự thống nhất và trái ngược giữa nhà và nước. Trong điều kiện nhất định,^o nhà và nước là thống nhất, trung thành với vua tức là trung thành với đất nước, nhân dân; nhưng trong nhiều trường hợp lại có chuyện trái ngược, nên mới xuất hiện mâu thuẫn nói trên.

Trong quan trường, Hoắc Quang cũng chẳng phải nổi danh về sự nghiệp, nhưng cuộc đời của ông có nhiều nét đặc sắc. Tìm hiểu về Hoắc Quang là để trở về với thực tại, trên những phương diện nhất định có thể có ý nghĩa sâu sắc.

58. GIEO GIỐNG RỒNG NƠI BỌ CHÓ

Giống rồng và người thường hoàn toàn khác nhau. Nghe nói các bậc đế vương là chân long thiên tử, là giống rồng, là con trời, còn như rồng có thật có hay không, làm sao sinh con, làm sao cùng người sinh con, thì chẳng ai rõ. Nhưng khi người Trung Quốc đã tin vào điều gì thì họ cho rằng điều đó ắt phải có thật, mà đã không tin vào điều gì đó thì chắc điều ấy không thể xảy ra. Tin có, để còn đón lành tránh dữ, nếu quả đúng vậy, cũng chẳng đổ tội lên đầu mình được, thậm chí còn được khen là có công hoặc tự cho mình là biết nhìn xa trông rộng, nếu không thì cũng chẳng ảnh hưởng gì đến mình, không mất đi một sợi lông chân. Nếu vậy, hà tất phải đi làm thằng ngốc sinh chuyện? Đó cũng là một đặc tính dân tộc của Trung quốc chăng. Có điều, thời cuối Tần, khi Trần thắng, Ngô Quảng khởi nghĩa, người nông dân có câu "Vương hầu khanh tướng có giống ư?" Đó thật là câu hỏi hắc húa, chẳng lẽ vương hầu khanh tướng là giống người đặc biệt ư? Sao họ lại thống trị nhân dân tàn bạo thế? Hỏi đến nhu vậy, không ai dám trả lời một cách khẳng định được.

Dương nhiên, không thể vì Trần Thắng, Ngô Quảng hỏi vậy, mà người Trung Quốc không tin chân mệnh thiên tử. Ngay như Lưu Bang, vị hoàng đế khai quốc nhà Hán mang tính lưu manh này, nghe nói ông ta cũng là một con xích long (rồng đỏ) ứng mệnh hỏa, con rắn bị ông ta chém là con bạch long (rồng trắng), ứng với Hạng Vũ, nên sau này Hạng Vũ, Lưu Bang, Hạng Vũ đã phải thua trong cuộc tranh hùng Hán - Sở. Về chuyện xuất thân của Lưu Bang thì càng kỳ lạ. Nghe nói, mẹ Lưu Bang có việc đi ra bên hồ, bỗng nổi sấm chớp, mây đen dày đặc, gió thổi mạnh, bà mẹ Lưu Bang bị ngất ngã, tới khi bố Lưu Bang tìm đến nơi, còn thấy trên trời ẩn hiện vẩy vàng của rồng, đúng là rồng thiêng thấy đầu chẳng thể thấy đuôi, kể từ đó giống rồng đã được gieo xuống, mẹ Lưu Bang mang thai mười tháng, quả nhiên sinh hạ được một chân long thiên tử (con trời, dòng dõi nhà rồng).

Nhưng có điều đáng buồn là, cái anh chàng dòng dõi nhà rồng đó không ra sao, rất không phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức truyền thống Trung Quốc, anh ta chệnh mảng, không chịu làm ruộng, không nhòm ngó sản nghiệp, không kính già yêu trẻ, không theo pháp luật, không theo chế độ, du thủ du thực, giao tiếp toàn với lũ bạn bè hư hỏng. Nếu đúng có trời cao, sao trời lại phú cho vị sứ giả của mình cái "đức tính" ấy? Người Trung Quốc không biết có cảm tưởng gì với đáng tối cao, nếu liên tưởng tới tinh thần cứu khổ cứu nạn của Giêsu con trời thì xem ra tính nô lệ của người Trung Quốc chẳng rất rõ ư?

Nhưng người Trung Quốc cho đó là chuyện thường, vì người thường sinh ra là bị thống trị, đừng ảo tưởng được dãi ngộ công bằng, hãy xem giống rồng và người thường đâu giống nhau. Giống rồng nghe nói lỗ mũi to, sống mũi đứng và dài lên tận trán, hai bên trán mọc cựa lên như hai sừng, miệng rộng và vuông, mắt tròn và lồi, đỉnh đầu cao và bằng, cổ nhỏ và dài, ngực dô như gà, lưng như mu rùa v.v... thật khó tả hết. Nếu theo sự miêu tả đó làm một hình mẫu, chắc sẽ tạo ra một quái vật. Nhưng đó là giống rồng, người Trung Quốc chịu sống dưới sự thống trị của quái vật đó, anh còn nói sao.

Giống rồng, cố nhiên là thần kỳ, chỉ có điều gieo giống rồng, thường lại sinh bọ chó, có lẽ nó cũng giống như các loại thực vật, ban đầu thì giống tốt nhưng qua một hai đời, dần thoái hóa, buộc phải tạo giống mới.

Hạt giống của triều Tần, đời thứ hai đã hỏng, giống rồng nở bọ chó, quả nhanh vậy!

Mùa thu năm 221 trước Công nguyên, một sứ thần của Tần Thủy hoàng ban đêm qua huyện Họa Âm, bỗng có một người từ bên đường vọt ra ngăn sứ thần lại, nói:

- Xin giúp tôi nói với Cao Tri quân, năm nay rồng tổ chết.

Sứ thần hết sức kinh ngạc, vội hỏi câu nói đó là ý gì, người kia rút xuống một viên ngọc bích rồi vọt biến mất. Sứ thần không dám dò đoán, đem ngọc đưa cho Tần Thủy hoàng và

kể lại đầu đuôi câu chuyện. Tần Thủy hoàng rất tin các chuyện quỷ quái thần tiên, nghe xong rất đổi kinh ngạc, nhưng trước mặt thần hạ không thể biểu hiện điều gì, cố trấn tĩnh nói:

- Đó chỉ là một con ma núi, chỉ biết được chuyện của một năm, không gì đáng lạ!

Sau khi bãi triều, Tần Thủy hoàng loáng thoáng đoán rằng "rồng tổ" là ứng vào mình, vì "rồng" là tượng trưng thiên tử, "rồng tổ" tức ông tổ của rồng là hoàng đế đầu tiên. Nghĩ vậy, nhưng ông ta không tin chắc, cảm thấy viên ngọc bích kia như đã từng thấy, bèn tìm viên quản lý kho báu đến kiểm nghiệm, thì đúng là viên ngọc mà tám năm trước, khi đi Giang Nam ông đã ném xuống sông tế thần. Từ đó, Tần Thủy hoàng thấy càng thần bí hơn, đêm ngày lo sợ không yên.

Tần Thủy hoàng thích những chuyện thần tiên, sợ chết sớm, lại cũng tin bói toán, quẻ xem nói rằng ra ngoài tuần du hoặc đổi chỗ ở có thể gặp lành tránh hạn. Nhưng đối với ông ta thì tuần du ra ngoài rất nguy hiểm, từ năm 219 ông bắt đầu tuần du các nơi, trước hết đi các vùng phương bắc phương tây, sau đi các vùng phương đông, phương nam, mục đích là phô trương sức mạnh, chinh phục các nơi. Nhưng kết quả thường ngược lại, nhà Tần vừa thống nhất được sáu nước, không những quý tộc cũ sáu nước còn sống vẫn mong tìm cơ hội phục quốc, mà ngay dân thường cũng không chịu

nổi sự thống trị tàn bạo của ông ta mà chống lại. Khi Tân Thủy hoàng tuần du về phía đông, bị hành thích ở Bắc Lăng Sa huyện Dương Vũ Hà Nam, lúc đó một chiếc búa sắt bay từ xa đến, suýt nữa thì trúng vào xe của Tân Thủy hoàng, nếu không phải do thích khách nhắm chưa chính xác, chưa đánh trúng xe của Tân Thủy hoàng thì Tân Thủy hoàng đã bị hành thích. Kỳ lạ thay ngay lúc đó, lập tức lòng bắt mà không thấy tung tích, rồi lại lệnh cho cả nước truy lùng hơn hai chục ngày, vẫn không thấy tăm hơi đâu cả.

Ngay cả ở huyện Hàm Dương, ông ta cũng không được yên ổn. Có lần Tân Thủy hoàng cùng bốn vệ sĩ vi hành ra ngoài, tới gần Lam Trì thì gặp cướp, không biết là cướp thật hay thích khách, nếu không có vệ sĩ liều mình bảo vệ đánh lui được bọn cướp thì Tân Thủy hoàng đã bị bại rồi.

Vào thời gian Tân Thủy hoàng được tin "năm nay rồng tổ chết" đó, một tảng vân thạch rơi xuống Đông quận, thật là khéo trùng khớp, nếu bảo đó là đá do người đục đẽo, thì vân thạch lại quá cứng, theo trình độ kỹ thuật bấy giờ không sao đẽo được. Nhưng Tân Thủy hoàng bất chấp tất cả, ông ta cho người tiếp tục truy lùng, sau tìm không ra được người đục đá đó, ông ra lệnh giết hết tất cả dân chúng cư trú gần tảng đá đó.

Cũng có thể nói rằng Tân Thủy hoàng là vị hoàng đế hùng tài đại lược, là một "thần rồng" chân chính được. Ông ta dựa vào thế lực vốn có của nước Tần, dựa vào tài trí mưu

lược của mình, cuối cùng đã hoàn thành được nghiệp lớn thống nhất Trung Quốc, xóa bỏ chế độ phân đất phong tước thực hiện chế độ quận huyện, qui định xe cộ cùng trục như nhau, sách cùng chữ thống nhất, thực sự có đóng góp cho sự phát triển của lịch sử Trung Quốc. Nhưng ông ta là "con rồng ác", "đốt sách chôn sống nho sĩ", tàn bạo, dùng hình phạt hà khắc và đàn áp vũ lực thay cho hết thảy, nhất là giết người không ghê tay, khiến cho trăm họ không còn đường sống, vì vậy không thể để cho "giống rồng" truyền đời mãi mãi được.

Có lẽ truyền thuyết và lịch sử đã gặp nhau, chuyến du ngoạn lần này của Tần Thủy hoàng đúng là lúc "rồng đã bay về trời", một di không trở lại.

Tần Thủy hoàng một mặt tin lời bói về việc xuất du và đổi chỗ ở để tránh điều dữ, một mặt cũng thấy cần phải tuần du một số nơi, nên ông cho ba vạn hộ dân ở huyện Du lâm phải dời đi nơi khác, và tháng mười thì xuất du. Chính trong lần xuất du này, ông đã hoàn thành cuộc chuyển giao từ "giống rồng" Tần Thủy hoàng sang con "bọ chó" Hồ Hợi.

Hồ Hợi là con thú của Tần Thủy hoàng, lúc thường Tần Thủy hoàng rất thích Hồ Hợi. Thái giám Triệu Cao mà nước Tần lấy được ở Triệu về là người rất gian ngoan quỷ quyệt, thấy tình hình như vậy, hắn ta vắt óc tìm cách để được gần Hồ Hợi, được Hồ Hợi ưa thích, còn giảng giải pháp luật, giảng giải các vụ án cho Hồ Hợi nghe, dạy Hồ Hợi thư pháp,

thực tế trở thành thầy dạy của Hồ Hợi. Tần Thủy hoàng thấy Triệu Cao có năng lực, bèn phong làm trung xạ phủ lệnh, quản việc ngựa xe trong cung. Hồ Hợi lần này thấy thầy dạy của mình đi, muốn được theo để chơi, bèn nhờ Triệu Cao nói giúp, Tần Thủy hoàng thấy cho Hồ Hợi đi để mở mang kiến thức cũng được liền đồng ý.

Tần Thủy hoàng đến đầm Vân Mộng, rồi núi Cửu Lĩnh, làm lễ cúng vua Thuấn, rồi dọc theo sông xuôi về phía đông, đến Thiệu Hưng, làm lễ cúng anh hùng Ngưu ở núi Cối Kê, khắc bia kỷ niệm ca ngợi công đức. Trên đường về Hàm Dương, Tần Thủy hoàng ốm nặng. Tần Thủy hoàng rất sợ chết, và kiêng nói tới chết, mãi khi về tới bến Bình Nguyên, Tần Thủy hoàng đã nguy cấp lắm rồi, mới sai Triệu Cao viết thư gọi con lớn là Phù Tô đến Hàm Dương lo tang sự. Thư chưa kịp chuyển đi, Tần Thủy hoàng đã qua đời.

Tà thừa tướng Lý Tư thấy tình hình lúc đó, sợ tin Tần Thủy hoàng chết truyền ra sẽ sinh loạn, bèn giữ bí mật không phát tang, vẫn để Tần Thủy hoàng trong xe, để một thái giám trong xe, vẫn phê duyệt văn kiện, Lý Tư và Triệu Cao vẫn dâng cơm nước hàng ngày, như thế về tới Hàm Dương.

Triệu Cao thấy cơ hội nắm quyền lớn đã đến tay liền nói với Hồ Hợi:

- Hoàng thượng không có di chúc phân đất phong tước các công tử, chỉ viết một lá thư cho Phù Tô gọi công tử đến

Hàm Dương làm tang lễ. Phù Tô và đại tướng Mông Diêm cùng nắm quân đội, uy tín lớn, nếu họ đến Hàm Dương, chắc chắn Phù Tô sẽ nối ngôi làm hoàng đế, mà điện hạ không được một tấc đất phong, sẽ làm sao đây?

Triệu Cao đem thư gửi Phù Tô cho Hồ Hợi xem.

Hồ Hợi tỉnh thư sinh, nói với Triệu Cao:

- Phụ hoàng đã mất, không phong đất cho tôi, tôi cũng chẳng có gì đáng nói. Người ta nói hiếu bày tôi không ai bằng vua, hiếu con không ai bằng cha, Phụ hoàng đã an bài như vậy, tôi còn làm thế nào?

Ông thầy học Triệu Cao rất khéo léo và kiên trì nói cho Hồ Hợi biết:

- Thống trị người và bị người thống trị là khác nhau xa lắm. Nay thu và ngự ty đều ở chỗ thần và thừa tướng nơi đây, ai lên nối ngôi, chỉ cần thần và thừa tướng nói một tiếng là xong. Điện hạ hãy suy nghĩ kỹ!

Hồ Hợi vẫn sợ, nói:

- Em phế bỏ anh, là bất nghĩa, không theo lệnh cha là bất hiếu, vô tài, vô đức dựa người khác mà thành công là vô năng. Nếu phạm vào bất nghĩa, bất hiếu, vô năng, trời sẽ không tha. Không những mất mạng mình mà tổ tiên cũng mất thờ cúng.

Hồ Hợi lúc này xem ra còn sáng suốt.

Triệu Cao thấy Hồ Hợi còn chưa rõ, liền nói thẳng:

- Lo việc nhỏ mà không lo việc lớn ắt có hậu hoạn; chần chừ không quyết ắt sẽ hối hận; quả cảm quyết đoán, đến quỷ thần cũng phải né tránh. Huống hồ xưa đã có tiền lệ, Thương Thang, Chu Vũ giết quân vương của mình mà người thiên hạ vẫn cho là nhân nghĩa, không nói họ là bất trung mà chỉ nói họ đã trừ được bạo chúa, chứ không bảo họ là giết vua. Vua nước Vệ giết cha của mình, đến Khổng Tử cũng còn khen ông ta. Dù thấy người làm việc lớn, không chấp nhặt việc nhỏ, người có đại đức không kể những lời trách vật. Còn như điện hạ và anh mình, không có chuyện ai thay ai, không phải là anh điện hạ đã là vua, điện hạ nên mau có quyết định!

Hồ Hợi cuối cùng động lòng, nói lấp lửng:

- Nay việc tang còn chưa xong, thậm chí tin còn chưa cho truyền, sao lại phiền hà người khác về việc này?

Triệu Cao dứt khoát

- Thời cơ không thể để mất, thời gian không trôi trở lại, chờ mọi việc của điện hạ chuẩn bị xong, e rằng thời cơ đã muộn.

Cuối cùng Hồ Hợi đồng ý với Triệu Cao.

Thực ra lúc này, Triệu Cao danh bất chính, ngôn bất thuận, không có bao quyền hành, muốn thực hiện được ý đồ

cần phải tranh thủ sự đồng ý của Lý Tu. Nên Triệu Cao tìm đến Lý Tu, bí mật nói với ông:

- Nay hoàng đế đã mất. Ấm tử trong tay Hồ Hợi, thư gửi Phù Tô của Thủy hoàng vẫn còn trong tay tôi, chưa gửi đó, ông xem ai lên ngôi tốt hơn?

Lý Tu bỗng nhiên biến sắc, nói:

- Chẳng lẽ đó là lời ông nói sao? Ai làm hoàng đế, Thủy hoàng đã sắp đặt sẵn, ông không theo lễ nhân thần, há muốn vong quốc sao?

Triệu Cao biết Lý Tu là người có thể bất chấp mọi việc để có được chức tước, coi chức tước cao hơn cả sinh mệnh, muốn thuyết phục ông ta, phải bắt đầu từ chuyện làm quan, bèn hỏi:

- Thừa tướng nghĩ xem, về tài năng, công lao, mưu lược, quan hệ với dân, với Phù Tô, năm mặt đó, có mặt nào thừa tướng hơn Mông Diêm không?

Lý Tu ngẩn người, đành nói thực:

- Tôi không mặt nào bằng Mông Diêm!

Triệu Cao nói:

- Thế đó, nếu ngài thấy mình không bằng Mông Diêm, một khi Phù Tô làm hoàng đế chức thừa tướng của ngài còn giữ được không?

Lý Tu im lặng.

Triệu Cao thấy hiệu quả, tiếp tục nói với Lý Tu:

- Đại công tử Phù Tô cương nghị quả đoán, uy danh lừng lẫy, một khi lên ngôi, nhất định để Mông Diêm làm thừa tướng. Tôi làm tạp dịch trong cung đã hơn hai mươi năm, nay mà hiểu chút pháp luật, theo tôi biết, các quan lại triều Tân bị bãi quan, chỉ có một kết cục, đó là bị người ta tìm cơ giết đi. Liệu ngài thoát khỏi kết cục đó không?

Lý Tu vẫn im lặng.

Triệu Cao lại nói:

- Tôi làm thầy dạy Hồ Hợi đã nhiều năm, chưa bao giờ thấy Hồ Hợi có sai lầm gì. Hồ Hợi thật thà nhân hậu, thông minh lanh lợi, không tiêu phí tiền bạc, biết quý hiền đãi sĩ, cả nước không tìm đâu ra người thứ hai như vậy, để Hồ Hợi lên ngôi chẳng phải là hơn sao?

Lý Tu dù sao vẫn là người có học, tuy coi quan như mệnh, nhưng vẫn không táng tận lương tâm, ông vẫn sợ nếu Hồ Hợi lên ngôi, đất nước sẽ loạn, bèn nói với Triệu Cao:

- Cá nhân tôi không đáng gì để tiếc, tôi vốn người đất Sái, nhờ tiên đế rù lòng, được phụng sự nước Tân, tôi được phong tước, các con cháu được làm quan. Tiên đế giao cho tôi trọng trách như vậy, tôi sao dám phụ lòng tiên đế? Huống hồ kinh nghiệm xưa kia, thời Xuân thu Chiến Quốc nước Tấn phế bỏ thái tử Thân Sinh lập Hê Tề làm vua, làm

cho ba đời không yên ổn, đánh lộn hơn hai mươi năm, nước Tề, Hoàn công và công tử Cửu tranh ngôi, kết quả Công tử Cửu bị giết chết. Vua Trụ nhà Ân giết Tỉ Can, làm cho nước mất nhà tan! Đó là những ví dụ về chuyện huynh đệ tương tàn, thậm chí tuyệt đường hương hỏa, nước Tần làm sao lập lại?

Triệu Cao vẫn kiên trì phân tích lợi hại cho Lý Tu:

- Thế sự biến hóa khôn lường những ví dụ xưa tới nay không chắc còn hợp. Việc ngày nay, nếu trên dưới một lòng, sẽ được lâu dài, nếu trong ngoài hiệp lực, việc có thể thành công. Nếu ngài nghe lời tôi, có thể đời đời phong hầu truyền lại mãi mãi, bản thân ngài sẽ được danh tiếng như Khổng Tử, Mạc Tử. Nếu không làm theo lời tôi, ngài nhất định sẽ bị họa tới con cháu. Người biết xử sự, có thể chuyển họa thành phúc, người không biết xử sự thì chuyển phúc thành họa. Việc tới nước này, sao ngài vẫn còn chưa rõ sao?

Lý Tu vốn là người ngay thẳng lương thiện, nhưng ở trong quan trường lâu ngày, thói quen của kẻ làm quan đã dè bẹp phẩm cách của kẻ đọc sách, sự lo nghĩ về lợi ích thiết thân cũng đã lấn át sự kiên trì chính nghĩa, Lý Tu lo cho phận quan của mình, lo cho tính mệnh gia đình, cuối cùng đành nghe theo đề nghị của Triệu Cao, rồi lễ mà nói:

- Tôi sinh ra trong thời loạn, đã không lấy cái chết để tạ đời, số phận tôi biết trao ai?

Thế là Triệu Cao làm giả chiếu chỉ, sai sứ giả mang đến biên phòng gặp Phù Tô, trách Phù Tô bất hiếu, ban cho bảo kiếm để tự sát, Phù Tô nhận được chiếu chỉ, không hề phản kháng, tự sát luôn; đại tướng Mông Diêm không chịu tự sát, sau bị bắt bỏ ngục, chết ở trong ngục.

Sứ giả về báo với Triệu Cao, Lý Tư. Hai người vội rời Sa Khâu về Hàm Dương. Vì trời nóng bức, thi thể Tần Thủy hoàng bị thối rửa, mùi thối bốc lên. Để đám linh khởi nghĩ thấy, họ giả lệnh Tần Thủy hoàng mua một xe bào ngựa kéo phía sau xe, mùi tanh của cá đã làm át mùi thi thể của Tần Thủy hoàng.

Đoàn của Triệu Cao về tới Hàm Dương thì phát tang, làm tang lễ cho Tần Thủy hoàng rất trọng thể, Hồ Hợi lên ngôi một cách thuận lợi, tức Tần Nhị thế. Theo kế hoạch của Triệu Cao, Hồ Hợi xuất du theo con đường trước đây Thủy hoàng đã đi, dọc đường khắc bia kỷ niệm, để chứng tỏ Hồ Hợi là người được Tần Thủy hoàng cho thay thế, che đậy tai mắt thiên hạ, nhằm củng cố sự thống trị của mình và gạt bỏ những người không ủng hộ. Triệu Cao đã để Hồ Hợi thực hiện hình phạt nặng nề. Triệu Cao đã thay đổi hàng loạt đại thần trong triều. Rồi lần lượt xử tử họ. Gia đình Mông Nghị em Mông Diêm bị hại đầu tiên. Không một ai trong số các anh chị em của Mông Diêm được tha một lần. Triệu Cao giết chết mười mấy anh em họ Mông, dùng xe xé xác các chị em, cả nhà chết không biết bao nhiêu người. Thế là quyền hành trong triều dần nằm trong tay Triệu Cao, chỉ

còn thừa tướng Lý Tu có công trong việc lập vua là không bị phế bỏ.

Sau khi làm cuộc tàn sát đẫm máu đó, Triệu Cao đặc ý nói với Hồ Hối:

- Nay việc đã tạm ổn, khắp cả nước ai nấy lo thân mình không xong, còn ai người làm việc gì khác? Bệ hạ cứ việc thoả thích vui chơi, mọi việc vật vãnh đã có thần lo liệu!

Thế là Hồ Hối hoàn toàn nằm trong sự thao túng của Triệu Cao.

Nhưng Triệu Cao vẫn còn một trở ngại quyền lực, đó là Lý Tu, muốn diệt nốt Lý Tu để an tâm về sau, Triệu Cao đến tìm Lý Tu, làm ra bộ lo cho dân cho nước, nói Hồ Hối chỉ biết hưởng lạc, xây cung điện, sưu tầm các loại chó ngựa để chơi bởi làm tiêu hao sức nước, bản thân mình phận hèn tiếng nói thiếu sức nặng, tể tướng nên đứng ra khuyên gián. Lý Tu chột nghe, rất cảm ơn Triệu Cao, cho rằng ông ta vẫn còn biết lo cho nước cho dân. Nhưng Hồ Hối mãi trong thâm cung hưởng lạc, không cách nào gặp, thế là hai người hện nhau, khi nào Hồ Hối rảnh, Triệu Cao báo tin để Lý Tu vào cung khuyên gián.

Triệu Cao thấy Lý Tu đã vào trong, bèn thực hiện theo kế đã vạch, lừa lúc Hồ Hối đang mê mải vui chơi, Triệu Cao cho người đi báo với Lý Tu, Lý Tu cầu kiến, làm Hồ Hối rất bức không nhận tiếp kiến. Như vậy ba lần liền, Triệu Cao thấy Hồ Hối đã chán ghét Lý Tu, cho rằng Lý Tu nhằm lúc

vui chơi hào hứng nhất đến làm khó dễ, gây rắc rối. Triệu Cao thấy thời cơ đã chín, bèn nói với Hồ Hối:

- Bệ hạ còn không hiểu ý của Lý Tư sao? Ông ta cậy mình có công lập vua, muốn tách đất xưng vương. Con trai ông ta là Lý Do làm quận thú Tam Xuyên, nhưng không lo chống trộm cướp, để cho chúng hoành hành tràn lan, đó là tu thông giặc cướp, muốn làm phản!

Hồ Hối nghe xong, chưa tin hẳn, sai người đi điều tra vụ án mưu phản của Lý Do. Triệu Cao ngầm dặn trước sứ thần, để họ vu cáo Lý Do. Lý Tư được tin hoảng sợ viết thư tố cáo Triệu Cao, nói ông ta có ý định thoán quyền. Vì Hồ Hối không tin, Lý Tư mới cãi lại. Hồ Hối cá giận, thấy Lý Tư luôn gây khó dễ cho mình, ngăn cản ông xây cung điện, còn như Triệu Cao lúc nào cũng thuận theo ý mình, đâu đâu cũng làm cho mình vui thú. Thế là Hồ Hối hạ lệnh bắt cha con Lý Tư.

Triệu Cao dùng cực hình ép cung, cha con Lý Tư chịu không nổi cực hình, phải nhận tội, lúc Lý Do đã chết trận, chuyện thông đồng với địch mưu phản không còn đối chứng, cũng coi như đúng sự thực. Thế là Lý Tư và con nhỏ phải chịu ngũ hình mà chết, người trong họ cũng đều bị xử tử. Sau khi Lý Tư chết, Hồ Hối lập tức bổ nhiệm Triệu Cao làm tể tướng, Triệu Cao độc nắm đại quyền triều đình.

Lúc này cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân do Trần Thắng, Ngô Quảng khởi sự liên tiếp thắng lợi, thế mạnh

đang cuốn theo cả nước, đại tướng nước Tần là Chương Hàm cũng đã đầu hàng Hạng Võ, Vương Ly thì bị bắt sống, triều Tần đã lung lay muốn đổ. Triệu Cao thấy thiên hạn đã loạn, trong triều thì phân lớn đều là tâm phúc của mình, cơ hội phé bỏ Hồ Hợi, thoán quyền cướp ngôi đã chín muồi, hẳn bắt đầu từng bước thực hiện.

Bấy giờ Hồ Hợi đã hoàn toàn mất hết quyền lực, tả hữu của ông ta toàn là tâm phúc của Triệu Cao củ tỏi, mọi hành động và mệnh lệnh của ông đều phải qua Triệu Cao mà truyền đạt, thực hiện, không thể thoát khỏi sự giám sát của Triệu Cao, càng không thể công bố và thực hiện những mệnh lệnh trọng đại. Đây không còn là vấn đề mất quyền nữa, mà là mất cả tự do thân thể, Hồ Hợi khác nào bị Triệu Cao giam lỏng. Thực ra, quá trình hình thành cục diện đó rất giản đơn, Hồ Hợi do Triệu Cao lập dựng, nên sau đó luôn sùng tín Triệu Cao, điều đó đã đành, điều then chốt là Hồ Hợi chỉ có mối liên hệ đơn tuyến với riêng mình Triệu Cao, mất hết sự liên hệ với các đại thần khác, hướng hồ các người phục vụ trong triều đều đã bị Triệu Cao thay hết lượt. Chỉ có Lý Tư là người dám dọ sức thì đã bị hại chết rồi. Vậy thì, Hồ Hợi tất trở thành bù nhìn trong tay Triệu Cao, chưa kể Hồ Hợi là người yếu đuối hồ đồ, ham mê hưởng lạc, mà dù có cương nghị quả đoán chăng nữa, tới lúc này cũng không còn cách nào khác nữa.

Triệu Cao tuy bố trí chặt chẽ như vậy vẫn sợ có người không phục. Thế là trước khi giết Hồ Hợi, hẳn tiến hành

một cuộc "thăm dò". Một hôm, trước mặt mọi người, hắn dâng cho Hồ Hợi một con hươu, chỉ con hươu nói với Hồ Hợi:

- Hạ thần xin dâng hoàng thượng một con ngựa.

Hồ Hợi cho là Triệu Cao nhằm, bèn cười nói:

- Tể tướng nhằm rồi, đó là một con hươu, sau khanh có thể nói hươu là ngựa?.

Nói xong hỏi các người hầu và thần hạ đứng quanh:

- Các người xem là hươu hay ngựa?

Đa số người nói:

- Là ngựa, là ngựa.

Chỉ có vài người nói là hươu. Sau khi tan triều, Triệu Cao sai người giết chết những ai nói là hươu, thế là Triệu Cao đã hoàn thành xong màn diễn tập chính biến, càng thêm vững dạ.

Hồ Hợi chẳng hề nghi ngờ Triệu Cao âm mưu gì, mà lại nghĩ đầu óc mình không tinh táo, liền tìm người xem bói. Người xem bói lại đã được Triệu Cao dặn trước, nói với Hồ Hợi:

- Sở dĩ bệ hạ nhìn ngựa ra hươu, là vì bệ hạ không trai giới tốt. Nay cần phải trai giới ngay.

Hồ Hợi tưởng thật, vội dẫn một số người đến vườn Thượng Lâm trai giới.

Mục đích của Triệu Cao là muốn để Hồ Hối ra đi biệt nơi xa, Hồ Hối ở vườn Thượng Lâm không trai giới mà vẫn chơi bời thỏa thích. Một hôm, ông ta dẫn một bọn đi săn bắn, tình cờ có một người đi qua vườn Thượng Lâm, một mũi tên đã bắn chết người đó. Triệu Cao được tin vội gọi con rể của mình là Diêm Nhạc huyện lệnh Hàm Dương giả vờ không biết chuyện đó, viết cho Hồ Hối một tấu biểu:

- Không biết ai giết người, vút thi thể vào vườn Thượng Lâm, mong bắt được thủ phạm để trừng trị.

Triệu Cao cầm tấu biểu vào nói với Hồ Hối:

- Nghe nói người nay do bệ hạ bắn chết, hoàng thượng giết một người vô tội, hoàng thiên và quỷ thần đều tức giận, bệ hạ hãy trốn xa, tránh tai họa giáng lên đầu.

Quả nhiên Hồ Hối nghe lời Triệu Cao rời vườn Thượng Lâm trốn vào ở cung Vọng Di cách huyện Hàm Dương tám dặm về phía đông.

Triệu Cao ráo riết chuẩn bị làm chính biến. Em trai của Triệu Cao là Triệu Thành giữ chức lang trung lệnh, có thể tự do ra vào cung Vọng Di, Triệu Cao sai hắn làm nội ứng. Con rể của Triệu Cao là Diêm Nhạc huyện lệnh Hàm Dương, trong tay có chút binh lực, Triệu Cao sai hóa trang thành quân khởi nghĩa nông dân đánh vào cung Vọng Di, giết Hồ Hối. Sau đó lập con của anh Hồ Hối là Tử Anh làm hoàng đế, do Triệu Cao thao túng.

Triều Tần trong một thời gian ngắn phải trải qua hai lần chính biến cung đình.

Trước hết, lang trung lệnh Triệu Thành tung tin trong cung Vọng Di rằng quân khởi nghĩa nông dân đã đánh vào Hàm Dương. Triệu Cao vội lệnh cho huyện lệnh Hàm Dương Diêm Nhạc đem quân vào bảo vệ cung Vọng Di, Diêm Nhạc thừa cơ dẫn quân xông thẳng vào trong cung, nói dối rằng phản tặc đã đột nhập trong cung, phải vào lục soát. Diêm Nhạc giết luôn quân quan coi cổng xông vào trong, cá biệt một số thái giám và binh sĩ chống lại đều bị Diêm Nhạc giết chết. Triệu Cao sai người đến báo Hồ Hợi:

- Bọn giặc đã đánh vào cung.

Đội khi Hồ Hợi lên lầu nhìn về tứ phía, chỉ thấy "giặc", chạy lượn khắp nơi, nhìn quanh mình, chỉ còn một viên thái giám. Hồ Hợi rã rời nói:

- Các người sao không sớm cho ta biết, để nay nên nông nỗi này!

Viên thái giám nói:

- Có nói sớm bệ hạ cũng chẳng nghe, mà do không nói sớm, bệ hạ mới được sống đến ngày nay, nếu nói sớm hơn, bệ hạ đã chẳng còn!

Diêm Nhạc đem quân xông tới trước mặt Hồ Hợi, kể tội Hồ Hợi rằng:

- Ông xây lắm lâu đài, hoang dã vô đạo, tàn bạo dã lắm, khiến cho thiên hạ đều chống lại, hãy sớm tự kết thúc đời mình đi!

Hồ Hợi run rẩy hỏi:

- Có thể cho ta gặp tế tướng không?

Diêm Nhạc nói:

- Không được!

Hồ Hợi lại cầu xin lần nữa:

- Ta không làm hoàng đế nữa, cho ta một chúc vương được không?

Diêm Nhạc cương quyết lắc đầu:

- Không được!

Hồ Hợi khẩn cầu thấp hơn:

- Thế thì cho ta làm chúc vạn hộ hầu vậy!

Diêm Nhạc dứt khoát:

- Không được!

Tân Nhị đế tuyệt vọng, khẩn khoản:

- Thế thì ta xin dặt vợ con về làm dân thường vậy, được chứ!

Diêm Nhạc gầm lên:

- Ông thôi thôi gì nữa, tôi phụng mệnh tể tướng trừ hại cho dân, không dám truyền đạt các yêu cầu của ông, ông hãy nhanh mà tự tử đi!

Hồ Hợi xem chừng không còn hy vọng, nếu không tự sát, Diêm Nhạc sẽ ra tay. Ông ta nhìn lại thân phận cô đơn của mình, ngấm nhìn lần nữa cung điện xa hoa, rồi rút kiếm tự vẫn.

Con "bọ chó" Tần Nhị thế Hồ Hợi đã kết liễu cuộc đời của mình như vậy!

Giết Hồ Hợi xong, Triệu Cao lập Tử Anh làm Tần vương. Lúc này, phần lớn đất đai của nhà Tần đã bị quân khởi nghĩa nông dân chiếm đoạt, nhà Tần chỉ còn lại mảnh đất nhỏ như nước Tần ban đầu. Đề nghị của Triệu Cao, trong triều không ai dám phản đối. Tuy mọi người trong triều đều hiểu rằng, Triệu Cao xóa bỏ đế quốc Tần, thực tế coi như đã tuyên bố nước Tần diệt vong, chuẩn bị cho việc mở triều đình mới cho mình, nhưng không ai dám phát biểu ý kiến bất đồng. Chỉ có Tử Anh là biết rõ rằng, Triệu Cao sẽ nhanh chóng giết mình. Thế là nhân dịp Triệu Cao tới thăm, Tử Anh đã bố trí sẵn phục binh, cho hai người con trai của mình xông ra giết luôn Triệu Cao. Ít lâu sau, quân khởi nghĩa nông dân của Lưu Bang đánh tới Hàm Dương, Tử Anh đầu hàng, triều Tần hoàn toàn diệt vong.

Thế là vương triều phong kiến đầu tiên của lịch sử Trung Quốc đã kết thúc mười lăm năm tồn tại ngắn ngủi của mình.

Tần Thủy hoàng là vị hoàng đế phong kiến đầu tiên của lịch sử Trung Quốc, ông ta đã thống nhất được Trung Quốc, còn muốn thống nhất cả "tư tưởng", nên mới "đốt sách chôn nho sĩ", "lấy quan lại làm thầy", dùng bạo lực tàn ác, thực hiện pháp luật đầm máu, mong dùng vũ lực thống trị nhân dân. Thực ra, đọc sách đâu phải nguồn gốc để diệt vong Tần, mà không cho dân đọc sách mới là nguồn gốc làm Tần diệt vong.

Tần Thủy hoàng muốn mọi người phải tề chỉnh thống nhất, sinh hoạt theo một khuôn khổ tuyệt đối, mặt ngoài xem ra như ổn định, nhưng do tiêu diệt tư tưởng, tiêu diệt văn hóa, làm cho xã hội mất phương hướng đúng đắn, từ đó dẫn đến hậu quả xã hội trực tiếp là, từ trên chí dưới đều thực hành "pháp trị" hà khắc, lại từ "pháp trị" dẫn đến sự thống trị tàn ác vô nhân đạo, như vậy các cuộc khởi nghĩa nông dân ắt phải nổ ra.

Hủy diệt văn hóa, hủy diệt tư tưởng đã gây nên sự chống đối bạo lực, còn trong nội bộ cung đình thì chỉ tạo ra sự chuyên quyền tuyệt đối, làm cho nếp "sinh hoạt dân chủ" nghe lời can gián của người khác trong tập đoàn thống trị phong kiến hoàn toàn mất đi. Vậy thì hậu quả tất nhiên của nó là hoàng đế mất đi "cơ sở quần chúng", rất dễ xảy ra tình trạng đại thần một mình chuyên quyền hoặc phản loạn, mà biểu hiện cụ thể trong vương triều Tần là hai lần chính biến cung đình, "giống-tồng" của Tần Thủy hoàng đã thoái hóa thành con "bọ chó" Tần Nhị thế.

Xem ra, gieo "giống rồng", sinh "bọ chó" không phải do giống người bị thoái hóa, mà do xã hội thoái hóa.

Hãy ghi nhớ bài học của triều Tần! Tư tưởng văn hóa không phải là nguyên nhân dẫn đến diệt vong, tiêu diệt văn hóa và tư tưởng mới là nguồn gốc của diệt vong. Thực ra, người xưa đã giúp chúng ta tổng kết điều đó:

"Tro đốt sách còn chưa nguội, Sơn Đông đã loạn; Lưu Bang, Hạng Vũ đâu phải người đọc sách".

59. TÀN CỤC CỦA "TƯỚNG QUÂN HỒNG HÁCH"

"Thỏ hết, chó săn bị thịt; chim bay rồi, cung xếp xó; kẻ địch đã bị diệt, mưu thần phải chết". Từ cuối thời Chiến Quốc, Ngô Phù Sai và đại phu nước Việt Văn Chủng đã nói như vậy, không ngờ mấy ngàn năm sau, sự việc vẫn diễn ra như vậy, tựa hồ trở thành quy luật lịch sử "bất di bất dịch" nói vậy. Tạm chưa nói đến những vương triều đoản mệnh mà biến hóa như đèn cù, nói ngay những vương triều lớn, đại tướng khai quốc công thần Tây Hán bị diệt. Sau khi Tống triều khai quốc hình như có ôn hòa hơn, chỉ cho các đại thần về nhà cày ruộng, dùng thủ đoạn quá độ hòa bình. Đặc biệt nhất là sau khi triều Minh khai quốc, cả nhà các đại thần đều bị giết hết, người chết không biết bao nhiêu mà kể - Chẳng lẽ các hoàng đế khai quốc của Trung Quốc cổ đại đều điên rồ cả chăng?

Không đâu! Họ đều rất tinh táo, khai quốc xong giết hại công thần cũng là việc làm tinh táo của họ, thậm chí, có thể còn được coi là sáng suốt. Nó khác với chuyện đơn giản "xay

xong bột thì thịt lửa", nó là biện pháp có hiệu lực để củng cố chính quyền gia tộc của các đế vương khai quốc, là sách lược dài lâu lo cho con cháu ngàn đời sau của họ. Vậy, tại sao họ phải làm như thế?

Vấn đề này rất giản đơn. Các vua chúa khai quốc tất nhiên có những danh thần, đại tướng tài năng xuất chúng, chiến công lẫy lừng mà thế lực thì lớn, những danh thần đại tướng này chắc gì đã trung thành tuyệt đối, đã chắc gì không có điều bất mãn. Dù ngay khi hoàng đế khai quốc còn khỏe sò sò ra đó không phải là họ đều ngoan ngoãn nghe theo, chuyện mưu phản, dấy binh xưa này nhiều lắm. Mà những vị danh thần đại tướng khai quốc này còn ít tuổi hơn hoàng đế khai quốc, chờ đến khi họ thọ hết tuổi trời mà qua đời hết cả thì biết đến bao giờ, dù cho khai quốc hoàng đế có hại chết nhiều đại thần danh tướng đi nữa, mà để lại mấy người thì cũng chẳng yên tâm. Hướng hồ sau này hoàng tử kế vị, làm sao khống chế nổi những khai quốc công thần quyền thế rất lớn. Thành thử, biện pháp duy nhất là tìm cơ để lần lượt trừ khử họ, đương nhiên tốt nhất là giết hết sạch, nếu có để mạng sống cho họ thì cũng không để họ có cơ hội nắm quyền binh.

Đó thực là quá tàn nhẫn, hành vi vô đạo đức đó khiến ai cũng phải tức giận, làm cho mọi người vô cùng thất vọng về công danh lợi lộc và đạo đức nhân tính, Thế nhưng, nó lại có lợi cho sự ổn định và phát triển của xã hội, làm giảm bớt nguy cơ chia cắt loạn chiến. Nếu quyền lực lại nằm trong tay

của mấy nhà mấy họ, thì xã hội sẽ chao đảo không yên. Thời Lục triều, mấy chục năm lại thay một vương triều là một minh chứng như vậy, thời đó các dòng họ quyền quý có chính quyền riêng của họ, hễ có cơ hội là nổi lên làm phản, cho nên triều đại luôn luôn thay đổi, người này đi người khác đến, kẻ khổ vẫn là dân đen trăm họ.

Thật là "tiến bộ của lịch sử phải trả giá bằng đạo đức".

Nhưng có một trường hợp ngoại lệ, đó là hoàng đế khai quốc Đông Hán Lưu Tú. Các khai quốc công thần của Đông Hán đều được trọn vẹn, không có chuyện "thỏ hết, chó săn bị thịt". Đó là kết quả "lấy nhu trị thiên hạ" của Lưu Tú. Lưu Tú không muốn giết hại công thần, ông dùng cách mua chuộc. Nếu cứ phong quan thưởng đất, e rằng thế lực các công thần ngày càng lớn, kết quả sẽ trái với mong muốn, phương pháp duy nhất là liên kết các công thần danh tướng với chính quyền họ Lưu, được cùng được, mất cùng mất, muốn là được, vậy chỉ có một cách: thông qua.

Con gái họ Lưu hầu hết đều được gả cho con cháu các công thần danh tướng, con cháu nhà họ Lưu phần lớn đều lấy các con gái của công thần danh tướng làm hậu, làm phi, nhìn chung cả triều Đông Hán, chọn hoàng hậu không khỏi mấy nhà công thần Đậu Nhung, Đặng Vũ, Mã Viện, Lương Nhiêu. Như vậy xem ra chắc như một khối thép, giang sơn họ Lưu không gì phá nổi, nhưng một người thông minh như Lưu Tú đâu có ngờ rằng vương triều Đông Hán từ đó rơi

vào vòng luân hồi khủng khiếp do ngoại thích (họ ngoại nhà vua) và hoạn quan chuyên quyền.

Hoàng thất và công thần thông gia tất nhiên tạo nên ngoại thích chuyên quyền, dựa vào hoạn quan để trừ ngoại thích lại chẳng khác gì đưa sói của trước, rước hùm của sau, tất tạo nên hoạn quan chuyên quyền. Vương triều Đông Hán đã đi hết lịch trình của mình trên hai bánh xe dị hình đó.

Cục diện tạo nên ngoại thích chuyên quyền rất giản đơn và dễ dàng, điều kiện duy nhất là hoàng đế còn ít tuổi. Đông Hán từ thời hoàng đế thứ tư, việc phế lập hoàng đế về cơ bản là nằm trong tay ngoại thích, hơn nữa, họ cố ý lập trẻ nhỏ lên làm hoàng đế. Từ sau Chương đế, các hoàng đế do ngoại thích lập nên, lớn nhất không quá mười bảy tuổi, nhỏ nhất mới được trăm ngày. Hoàng đế nhỏ tuổi, không hiểu biết triều chính, mẫu hậu đương nhiên phải dự triều, thời đó nói "sáu hậu lâm triều" là chỉ sáu hoàng hậu Đậu, Đặng, Diêm, Lương, Đậu, Hà dự triều. Mà hoàng hậu thì dựa vào thế lực của ai? Đương nhiên là thế lực của họ nhà mình, thế là hình thành cục diện ngoại thích chuyên quyền.

Một trong những ngoại thích chuyên quyền lớn nhất là Lương Ký.

Ông kỵ của Lương Ký là Lương Nhiêu, từng làm thái thú Cửu tuyền của chính quyền Tân Mãng, sau khi Vương Mãng bị quân khởi nghĩa giết chết, vùng Hà Tây tôn Đậu Nhung

làm đại tướng quân, Lương Nhiêu làm thái thú Vũ Uy, cùng bảo vệ vùng Hà Tây. Sau khi Lưu Tú lần lượt đánh bại quân khởi nghĩa, Lương Nhiêu cùng phe cánh xem ra không thể thay đổi được tình thế, dẫn quân đầu hàng Lưu Tú, Lưu Tú coi ông là khai quốc công thần, lần lượt phong làm thành nghĩa hầu, cao sơn hầu, giữ chức thái trung đại phu. Lương Nhiêu và Đậu Nhung đều thông gia với Lưu Tú. Lưu Tú gả con gái là Ngô Âm công chúa cho con trai Lương Nhiêu là Lương Tùng, gia tộc họ Lương được tham gia chọn người làm hoàng hậu.

Cháu gái của Lương Tùng tuy sinh được con trai với Chương đế nhưng đáng tiếc không phải là hoàng hậu nên người con ấy không được lập làm thái tử.

Đậu hoàng hậu xuất thân từ gia đình họ Đậu lại không sinh được con trai, nên Đậu hoàng hậu mới nhận nuôi con trai của Lương phi nhà họ Lương gia đã mừng thầm, nhưng Đậu hoàng hậu sợ sau này nhà họ Lương đắc thế, bèn tìm cách lần lượt giết chết hai bà phi họ Lương và cha của họ là Lương Tùng, vì thế nhà họ Lương luôn bị nhà họ Đậu chèn ép. Ít lâu sau, Chương đế qua đời, Hòa đế lên ngôi mới mười tuổi, Đậu thái hậu phải dự chính, nhưng chẳng lâu Đậu thái hậu cũng mất, họ Lương mới cáo giác họ Đậu, Hòa đế phong thưởng cho nhà họ Lương, nhưng họ Lương vẫn còn bị các nhà họ Đặng, họ Diêm, họ Đậu tiếp tục chèn ép, mãi tới thời Thuận đế, họ Lương mới thực sự nắm quyền.

Năm 126 sau công nguyên, Thuận đế lên ngôi, lập con gái Lương Thương làm hoàng hậu, phong Lương Thương làm Thừa thị hầu, Lương Cao làm đại tướng quân thực nắm mọi quyền quân chính. Nhưng Lương Thương vẫn không dám hống hách, biết trọng hiền đãi sĩ, chăm lo công việc cũng có danh tiếng, nhưng ông đã dọn đường cho con ông là Lương Ký chuyên quyền hai mươi năm sau này.

Năm 141 (Hán Thuận đế Vĩnh hòa năm thứ 6), Lương Thương mất, Thuận đế liền lệnh cho con ông là Lương Ký thay vào chức của Lương Thương làm đại tướng quân, em của Ký là Lương Bất Nghi làm quan doãn Hà Nam. Lương Ký là người hung hãn rất ham thích chơi bời. Theo sử chép, Lương Ký người xấu xí mắt dữ như mắt chó sói, vai gầy và nhô cao, ham sưu sắc cờ bạc và các loại trò chơi chơi gà đuổi chó, cưỡi ngựa bắn cung, không trò gì không biết. Lương Thương thật cũng là người có sẵn kế mưu, để cho Lương Ký có thể nối dõi chức vụ của mình, không bị các ngoại thích khác chèn ép, ông ta cho Lương Ký rèn luyện trong quan trường. Khi làm trung lang tướng, chấp kim ngô và Hà Nam doãn, Ký từng làm nhiều việc bậy bạ. Con người Lương Ký tập trung đủ tính đối trá của chính khách, tính vô liêm sỉ của lưu manh và tính ngang ngược của con nhà quyền quý. Trong quãng đời hai mươi năm làm đại tướng quân, hẳn đã làm không biết bao nhiêu việc xấu xa độc ác.

Năm hai mươi bảy tuổi Hán Thuận đế bỗng nhiên ốm chết. Đến tận ngày nay, chưa ai biết rõ nguyên nhân cái chết

của Thuận đế. Đó là dịp tốt để cho Lương Ký nắm chính quyền. Em gái của Lương Ký là Lương hoàng hậu không có con trai, Lương Ký bèn lấy con trai của một người khác thay vào, gọi là Xung đế, lập Lương hoàng hậu làm thái hậu, nghe việc triều chính sau rèm, thực chất thì mọi quyền trong tay Lương Ký. Xung đế mới hai tuổi làm hoàng đế được năm tháng thì cũng chẳng rõ vì sao bị chết. Lập vua mới lại là vấn đề lớn, các đại thần trong triều bàn luận sôi nổi, cho gọi những người thích hợp vào triều, trong đó có Thanh Hà vương Lưu Toán, con của Bột Hải Hiếu vương Lưu Hồng là Lưu Toán. Lưu Toán là người hiền tài, thái úy Lý Cố cùng một số người kiên trì lập Lưu Toán làm vua, nhưng Lương Ký muốn dựng một hoàng đế bù nhìn, để mình thao túng mọi quyền, nên hần quyết định đưa Lưu Toán mới tám tuổi lên làm vua, hiệu là Chất đế.

Tuy được Lương Ký dựng lên, nhưng là người sớm hiểu biết, Lưu Toán không những không cảm ơn Lương Ký mà còn có tinh thần chính nghĩa. Chất đế tuy sớm hiểu biết nhưng dù sao vẫn là trẻ con, không biết giữ gìn, một lần ông chỉ Lương Ký nói nhỏ với triều thần:

- Ông tướng hống hách!

Lời nói đó để Lương Ký nghe thấy, vừa giận vừa sợ, nghĩ rằng nay mai Chất đế lớn lên, mình sẽ có thể không yên. Lương Ký bèn cử người cho thuốc độc vào bánh dâng Chất đế ăn, Chất đế ăn bánh xong, bụng đau quằn quại, sai người gọi ngay Lý Cố vào cung. Chất đế nói với Lý Cố:

- Trẫm ăn bánh vào, bụng đau không chịu được uống nước may ra qua khỏi.

Lý Cố đang định đi lấy nước, Lương Ký đứng bên nói:

- Không được uống nước, uống sẽ nôn!

Thế thì ai còn dám đi lấy nước nữa, Chết để đã bị Lương Ký đầu độc chết như vậy.

Lý Cố và một số người thấy rằng không nên lập vua nhỏ nữa, không thể đem vận mệnh xã tắc làm trò con trẻ, bèn cùng một số đại thần cùng chỉ hướng viết thư cho Lương Ký, đại ý nói, trong một năm triều nhà Hán chết liền ba vua, thực không bình thường, nay lập vua mới, là việc đại sự đứng đầu mọi sự, cần phải trung cầu rộng rãi ý kiến của các đại thần, để lập được vua hiền. Lương Ký nhận được thư tuy không vui, nhưng cũng triệu tập các đại thần để bàn bạc việc này. Trong triều, tam công, trung nhị thiên học, liệt hầu đều có mặt, Lý Cố và một số người cho rằng Thanh Hà vương Lưu Toán tuổi đã trưởng thành là người hiền minh, có uy tín lớn, lại là hậu duệ có địa vị tôn quý trong hoàng thất, huyết thống gần gũi nhất, nên lập làm vua. Nhưng Lương Ký nghĩ ngược lại, hắn muốn lập Lãi Ngô hầu Lưu Chi mười lăm tuổi vì Lưu Chi đã đính hôn với em gái hắn, một khi Lưu Chi làm vua, hắn sẽ thành quốc舅 (anh vợ của nhà vua). Nhưng vì lý do lập Lưu Toán của Lý Cố và những người khác đầy đủ quá, không thể bác bỏ ngay, Lương Ký đành tuyên bố tạm nghỉ bàn việc này.

Tối hôm đó, Tào Đằng đến gặp Lương Ký. Tào Đằng là trung thường thị có kinh nghiệm khéo lái công việc phù hợp với tình hình. Hắn nói với Lương Ký.

- Lý tướng quân bao đời thông gia với hoàng thất, thời gian dài nắm triều chính, trong tay lắm tân khách, khó tránh khỏi có chỗ quản lý chưa chu đáo, thậm chí có sai sót mà phạm tội. Thanh Hà vương Lưu Toán xưa nay nổi tiếng nghiêm minh, nếu ông ta làm hoàng đế, tướng quân chẳng sẽ nguy hiểm lắm sao? Chỉ có lập Lưu Chí, mới có thể giữ được phú quý dài lâu!

Lời nói trúng ý Lương Ký quá. Ngày hôm sau, Lương Ký triệu tập các đại thần thương nghị việc lập hoàng đế. Lý Cố và nhiều người vẫn kiên trì lập Lưu Toán, nhưng Lương Ký làm ra bộ sát khí đằng đằng, ai không đồng ý lập Lưu Chí, sẽ bị giết. Cuối cùng chính nghĩa không đến nổi được vũ lực, mọi người không cách nào khác, đành phải đồng ý lập Lưu Chí làm vua, tức Hán Hoàn đế.

Lương Ký lập tức lấy danh nghĩa em gái là Lương thái hậu, miễn chức thái úy của Lý Cố, tước bỏ quyền nghị chính của ông. Tối bước này Lương Ký vẫn còn chưa yên tâm, muốn tìm cách để đưa Lý Cố tới chỗ chết. Năm 147 (tức Kiến Hòa Hán Hoàn đế nguyên niên), Hoàn đế vừa lên ngôi, nhiều người không phục, Lưu Hữu ở Nam quận, Lưu Văn ở Cam Lăng cũng nổi dậy, để đưa Lưu Toán lên làm vua. Lương Ký biết việc này, lập tức cho người đi đàn áp.

Tình gian trá của Lương Ký lúc này quả đã phát huy tác dụng, hẳn nảy ra ý nghĩ nhân đó vu cáo Lý Cố, Đỗ Kiều tham gia vào vụ "mưu lập" Lưu Toán, bắt Lý Cố, Đỗ Kiều tống giam.

Nhưng Lương Ký càng sợ Lý Cố, uy tín Lý Cố càng tăng. Sau khi Lý Cố bị bắt giam, học trò của ông là Bột Hải vương Lưu Diệu đeo gông tới dâng thư, Triệu Thừa ở Hà Nội cùng hơn chục người vào tới cửa cung thỉnh cầu, dân chúng khác cũng chuẩn bị hoạt động của mình. Lương thái hậu nghe nói vậy, sợ vua vừa lập, gây rắc rối không hay, bèn hạ lệnh thả Lý Cố. Dân thành Trường An nghe vậy, đều rất vui mừng. Nhưng chẳng lâu, Lý Cố, Đỗ Kiều vẫn bị giết hại vì tội mưu lập Lưu Toán.

Lương Ký lập Lưu Chi thành công, Lưu Chi đương nhiên rất cảm ơn và quý trọng hẳn, bàn thường cho hẳn hơn cú công thần nào từ trước đến giờ. Lương Ký quyền cao chức trọng, nhưng không hề biết khiêm nhường tu thân, chỉ biết một mực giết hại đàn áp, trong đám ngoại thích chuyên quyền thời Đông Hán, Lương Ký là kẻ tàn ác hơn cả.

Thời đó, gặp Lương Ký không ai là không "cúi mặt ngậm miệng", ai dám hé răng khuyên giãi hẳn, Lương Ký không giết thì đuổi. Ví dụ, khi hẳn làm quan đoãn Hà Nam. Thôi Kỳ thấy những hành động bao ngược của hẳn rất chuồng mắt, liền làm bài "Ngoại thích châm" tặng hẳn, cốt để khuyên can. Lương Ký bấy giờ chưa nắm quyền lớn, nên

cũng không làm gì được Thôi Kỳ. Tới khi Lương Kỳ vào triều, làm đại tướng quân, nắm quyền sinh quyền sát, Thôi Kỳ lại tặng hần bài "Bạch học phú" để tỏ ý châm biếm. Lương Kỳ lần này không chịu, bèn chất vấn Thôi Kỳ:

- Triều đình trên dưới, quan tướng nhiều vậy chẳng lẽ tôi là người ông ghét nhất sao? Tại sao ông cứ khiển trách, châm biếm tôi kịch liệt như vậy?

Thôi Kỳ không hề sợ sệt, trả lời:

- Quân Trọng làm tướng ở Tề, muốn nghe nhiều ý kiến khác nhau, Tiều Hà phò tá Lưu Bang, động viên mọi người góp ý. Nay tướng quân mấy đời phò tá quân chủ, thực tế là gánh trách nhiệm của Y Doãn, Chu Công, mà không sửa đức chính, không dùng hiền lương, không mở ngôn lộ, lại còn đổi trắng thay đen, bung bít hoàng thượng, thực giống Triệu Cao chỉ hươu nói ngựa!

Lương Kỳ nghe xong, giận run người, nhưng không nói lại được.

Đương nhiên Lương Kỳ không tha Thôi Kỳ. Đang lúc tức giận, hần muốn giết Thôi Kỳ, sau lại thấy như vậy quá tàn nhẫn, mới đuổi về nhà. Sau một thời gian, thấy chưa hả giận, lại muốn giết Thôi Kỳ, nhưng muốn bớt lộ liễu, bèn thăng cho Thôi Kỳ làm huyện lệnh trưởng Lâm Tế ở Sơn Đông. Thôi Kỳ là người hiểu biết, ông đoán chắc rằng Lương Kỳ chưa chịu cho mình yên, nên không đi làm quan, mà tìm

một nơi để ở ẩn. Lương Ký sau khi biết tin, vẫn chưa chịu thôi, bèn sai thích khách đi tìm. Khi thích khách tìm tới Thôi Kỳ, thấy ông vừa cày ruộng vừa đọc sách, thật là bậc hiền sĩ, không nỡ giết ông, nói thực tình cho ông hay, còn nói mình sẽ phải chạy trốn. Thôi Kỳ sau khi nghe lời thích khách, cũng vội vàng trốn đi, nhưng phe đảng của Lương ở khắp nơi, cuối cùng vẫn bị giết chết.

Viên Trú là viên lang trung tiểu quan mới có mười chín tuổi, cũng không chịu nổi thói hống hách của Lương Ký, dám bạo gan dâng thư chò hoàng đế, nêu lên triều đình để quyền lực rơi vào tay quyền thần, hơn nữa còn đề nghị tốt nhất Lương Ký nên "công thành thân thoái" (từ quan sau khi khi đã có công trạng), về nhà dưỡng thân "cho toàn tính mạng", nếu không khó tránh khỏi bị tiêu diệt. Ngoài ra Viên Trú còn đề nghị hoàng thượng xóa bỏ tội trạng "phỉ báng" cho thiên hạ được nói năng tự do v.v... Lương Ký nghe nói một viên quan hạ cấp dám dâng thư nói nhục mình, vừa hoảng sợ vừa tức giận, bèn sai người đi bắt Viên Trú. Viên Trú nghe tin, đổi tên, bỏ trốn, sau lại giả đã ốm chết, cho cỏ vào trong quan tài chôn cất, cũng không thoát khỏi ta mắt của Lương Ký, cuối cùng vẫn bị bắt và giết chết. Không những thế, bạn bè của ông là các danh sĩ đương thời như Lưu Thường, Hồ Vũ, Hách Kiết cũng đều bị liên lụy. Nhất là cái chết của Hách Kiết thật mang đầy kịch tính, mới đầu ông định trốn, nhưng trốn đến đâu cũng gặp tay chân của Lương Ký, cuối cùng ông khênh luôn quan tài tới trước cửa

nhà Lương Ký rồi uống thuốc độc tự tử, để bảo toàn tính mạng cho gia đình. Hồ Vũ thì cả nhà bị giết hơn sáu mươi người. Dâng một lá thư mà liên lụy giết hại nhiều người như vậy, trong lịch sử cũng thật hiếm thấy.

Lương Ký quyền thế ngất trời, tới mức thiên hạ chỉ còn biết có đại tướng quân, không biết có Hán thiên tử. Lương Ký có thể nói là đam mê quyền lực, bất luận quyền to quyền nhỏ đều muốn nắm vào trong tay mình. Hẳn sai người giám sát hoàng đế, nhất cử nhất động của hoàng đế hẳn đều biết, cho đến động tĩnh của các đại thần cũng không thoát khỏi tai mắt của đám thân tín của Ký. Việc lớn nhỏ trong triều, hẳn đều hỏi tới, việc thăng giáng sắp đặt các quan lại, hẳn càng trực tiếp nắm để qua đó kết bè kéo đảng, trừ bỏ những người không cùng phe cánh. Phàm các quan được thăng chức chuyển sang chỗ mới, trước khi lên đường đều phải đến chào hẳn, phàm những quan lại đắc tội với hẳn, hẳn chưa tha cho một ai bao giờ.

Có một viên huyện lệnh huyện Uyển tên là Ngô Thụ, Lương Ký đã nói trước mặt Ngô Thụ yêu cầu ông chiếu cố các tân khách của mình ở huyện Uyển, Ngô Thụ chối từ ngay trước mặt Ký, còn trách Ký là hay kết bè kéo đảng, không trọng dụng hiền sĩ. Đến huyện Uyển, quả nhiên, ông theo pháp luật xử tử mười mấy tân khách của Lương Ký, Lương Ký giận tới xương tủy, lấy danh nghĩa thăng ông làm tri phủ Kinh Châu, mời ông đến nhà mình dự tiệc rồi đầu độc ông.

Lương Ký hoành hành vô đạo, chuyên quyền hai mươi năm, hầu như không làm được việc gì tốt đẹp, mà tội ác thì chất đầy, hành động của hắn khiến khắp nơi căm phẫn. Cuộc sống riêng của Lương Ký cũng vô cùng xấu xa, khiến người ta dở khóc dở cười. Theo ghi chép, vợ của Lương Ký, Tôn Thọ, là một người đàn bà rất kỳ quặc, bộ dạng rất khó tả, mày nhỏ mà gầy khúc, răng vàng khè, hể cười thì cơ mặt như muốn rách ra từng miếng, bước đi vung vẩy, xiêu vẹo ngả nghiêng. Bà ta thích bôi son đỏ dưới mắt, làm như dáng vừa mới khóc, vắn tóc lệch về một bên như nổi cục trên đầu, thế mà làm cho Lương Ký vừa yêu vừa sợ, nhất nhất nghe lời mụ ta. Tôn Thọ không những gây thế lực riêng, còn tự thông với tên "giám nô" của Lương Ký là Tần Cung, chẳng còn nghĩ tới thanh danh của mình, gian dâm ngay ở ngoại thất của Lương Ký. Kinh thành âm ỉ chuyện nhà họ Lương, thật là diên loạn.

Lương Ký nắm quyền, triều Hán thực sự là thiên hạ của nhà họ Lương. Gia đình Lương Ký trước sau có bảy hầu tước, ba hoàng hậu, sáu quý nhân, hai đại tướng quân, vợ con đương phong ấp bảy người, lấy công chúa làm vợ, ba người, sĩ quan cấp tá trở lên năm mươi bảy người. Lương Ký làm điều bất nghĩa tất sẽ không tránh khỏi ngày tận số đang đến gần.

Năm 159 (Hán Hoàn đế Diên Hỷ năm thứ hai), Lương hoàng hậu và một bà phi họ Lương lần lượt ốm chết, lúc này

Hoàn đế đã hai tám tuổi, ông ngày đêm lo rằng mình sẽ gặp số phận như các vua trước, không biết lúc nào sẽ bị Lương Ký đầu độc chết, sau khi Lương hoàng hậu chết, ông bắt đầu hành động, nhằm trừ bỏ nhà họ Lương.

Nhưng ngoài thái giám ra, ông còn gặp được ai nữa? Một lần, khi ông đi ngoài, nhìn quanh không thấy người, mới gọi viên thái giám thân tín của mình là Đường Hoành lại gần hỏi.

- Người biết trong thái giám còn có ai không hợp với Lương Ký không?

Đường Hoành nói:

- Đon Siêu, Tả Quan có một lần đến nhà em của Lương Ký, vì không có lễ lớn, nên anh em của họ mới bị bắt giam, suýt nữa bỏ mạng cả, hai người chạy đến xin lỗi, mới cứu được anh em của mình. Hai người này tuy bề ngoài không nói gì, nhưng trong lòng chắc chắn là ghét ngoại thích chuyên quyền.

Hoàn đế lại bí mật gọi Đon Siêu, Tả Quan vào phòng, nói nhỏ với họ:

- Đại tướng quân nắm giữ triều chính, nay ta muốn giết ông ta, nhưng quan tướng trong triều đều hành động theo sắc mặt của đại tướng quân, vậy phải làm sao?

Đon Siêu, Tả Quan cùng nói:

- Đại tướng quân chuyên quyền hòng việc nước, đáng giết từ lâu. Chúng thần chẳng có gì để nói thêm, có phải nhảy vào lửa cũng không hề, chỉ sợ hoàng thượng chưa quyết tâm diệt trừ đại tướng quân!

Hoàn đế đáp:

- Ta đã quyết tâm, không còn chần chừ nữa.

Tiếp đó, Hoàn đế lại gọi Từ Hoàng, Huyện Ái, năm thái giám cùng uống máu ăn thề, quyết diệt Lương Ký.

Tai mất thân tin của Lương Ký cũng nghe ngóng được chút ít tin tức mật báo với Lương Ký. Lương Ký sợ xảy ra chuyện gì, bèn sai tâm phúc của mình là Trương Hổn đến trực ở Thượng thư tỉnh. Đón Siêu thấy Lương Ký đã đánh hơi biết, bèn quyết định ngay, cho bắt Trương Hổn về tội âm mưu phản nghịch, Hoàn đế cũng tới điện, lệnh cho người mang toàn bộ phù tiết, ấn tín tập trung ở Thượng thư tỉnh, sai người coi giữ, đề phòng Lương Ký giả chiếu điều động quân.

Sau đó sai Huyện Ái dẫn một ngàn vệ sĩ bao vây nhà ở của Lương Ký, lại sai người thu hồi ấn tín đại tướng quân của Lương Ký. Lương Ký không ngờ Hoàn đế bỗng nhiên vùng lên, không kịp đối phó, không sức chống lại, đành phải tự sát cùng vợ con.

Lương Ký chết, Hoàn đế cho xử tử tất cả mọi người trong họ Lương, bất kể gái trai già trẻ. Các quan tướng có liên lụy

bị bãi bỏ hơn ba trăm người, xử tử mấy chục người, triều đình trên dưới các nha môn coi như hết sạch sành sanh người họ Lương.

Lục soát gia sản Lương Ký có tới ba mươi vạn lạng tương đương một nửa tiền thuế thu cả nước năm đó.

Thật là:

"Chìm én trước nhà Vương, nhà Tạ.

Bay vào khắp nhà mọi thường dân?

Sự cảm kích của người xưa với cảnh phồn thịnh, tới nay vẫn thấy còn sâu nặng. Danh thần chỉ xuất hiện từ các danh môn hạ Vương, họ Tạ, còn như Lương Ký chẳng qua chỉ hoành hành nhất thời, là gian thần hại nước hại dân mà thôi. Họ Lương cũng bị chén ép, một thời gian khi đắc thế lại ngang ngược tàn bạo, cuối cùng như giấc mộng xuân, tan thành mây khói.

Chúng ta sẽ không bàn đến những điều không cần thiết, chỉ cần rút ra kết luận rằng chế độ tập quyền phong kiến suy tàn dẫn đến hậu quả ngoại thích và hoạn quan chuyên quyền. Công việc của một nhà, một họ thì do một nhà một họ giải quyết. Nhưng nếu công lý của thiên hạ mà không do cả thiên hạ định đoạt mà chỉ do một cá nhân thao túng thì tất nhiên một số ít người sẽ trở nên chuyên quyền, đó là vấn đề mà chế độ phong kiến không thể giải quyết được. Muốn giải quyết được tốt vấn đề này, thì chính trị phải mở mang,

phải dùng đúng người, phải có những minh quân hiền tướng như "Bao thanh thiên", nhưng chủ trương dùng người tốt vẫn chưa đủ, vì lương tâm con người chỉ có hạn, mà sự xói mòn của quyền lực đối với con người là vô hạn, vì vậy tuyệt đại đa số trường hợp là bắt đầu từ tốt, mà kết thúc là xấu. Nếu các triều đại Trung Quốc đều trọn vẹn, thì đã không có chuyện thay đổi như đèn cù.

Điều thú vị là có hai trường hợp mà các thế lực ngoại thích và hoạn quan rất dễ lọt vào được, một là hoàng đế còn nhỏ chưa biết gì, hai là hoàng đế già yếu hôn muội. Hai trường hợp đó, đối với người thời nay, cũng rất có ý nghĩa!

Đối với công thần, cũng thật là nan giải, giết không nên, không giết cũng không nên, đúng là khó xử cho các hoàng đế khai quốc, khiến họ tiến thoái lưỡng nan, không biết xoay xở ra sao! Thế nhưng đó là vì họ đã có sứ mệnh khai quốc. Nếu đã là người khai quốc thì phải chuẩn bị hứng lấy tai vạ này.

60. MỘT ÂM MƯU TẠO NÊN MỘT ÔNG VUA SÁNG SUỐT

Trong lịch sử Trung Quốc đã xuất hiện một nhà sử học rất đặc biệt và đương nhiên cũng rất vĩ đại là Tư Mã Thiên. Ông viết "Sử kí" với một quan điểm hết sức "thu sinh" thời đó, trong đó chủ trương "không lấy thành bại luận anh hùng". Dưới sự chỉ đạo của quan điểm đó, Lưu Bang tuy thành công, nhưng ông đã chỉ ra bản chất lưu manh của Lưu Bang. Hạng Vũ tuy thất bại, nhưng ông mô tả thành một vị anh hùng cái thế. Tư Mã Thiên sống vào thời Tây Hán, chỉ một thời gian ngắn sau sự kiện khai quốc của hoàng đế Tây Hán. Nhưng có điều đáng ngạc nhiên là Tư Mã Thiên dám tả ông tổ của Tây Hán như vậy. Kể ra chế độ kiểm duyệt của "giai cấp thống trị" cũng khá rộng rãi.

Trung Quốc cổ đại còn có một vị đại thu sinh, sống trước Tư Mã Thiên bốn năm thế kỉ, đó là Trang Tử. Ông phẫn nộ về chuyện "kẻ ăn cắp một cái lưỡi câu thì bị chết, kẻ ăn cắp cả

một nước thì được vinh hiển". Tuy phần nộ bất bình, nhưng chẳng biết làm thế nào, vẫn phải thừa nhận hiện thực bất hợp lý đó.

Đến thời cận đại, có sự phân biệt "âm mưu" và "duơng mưu". Cùng là mưu cả, nhưng "âm mưu" là mưu việc phi nghĩa, còn "duơng mưu" mưu việc chính nghĩa. Mà việc thực hiện mưu cũng khác, "duơng mưu" thì thực hiện dưới thanh thiên bạch nhật mà "âm mưu" thì thực hiện trong bóng tối.

Kể cũng lạ, thường có sự khác biệt giữa những điều hay về lý lẽ và những điều hay trong hành động, luận điểm của thư sinh nghe thì rất hay, nhưng khi áp dụng thì khó khăn, toàn thất bại, mà những điều dễ dàng áp dụng có hiệu quả nhanh thường lại bị các thư sinh ghét cay ghét đắng. Thực ra cũng không có gì đáng ngạc nhiên cả, vì thư sinh không phải là nhà chính trị, thư sinh cũng không thể làm chính trị, thời cổ đại Trung Quốc là như vậy. Nếu có người nào xuất thân thư sinh mà làm chính trị thì phẩm cách của thư sinh sẽ không còn nữa. Nói cách khác, yêu cầu thư sinh làm chính trị là không hợp lý, tác dụng của thư sinh là đứng hàng đầu trong xã hội để phê bình xã hội, hộ hào cho một trạng thái xã hội tốt đẹp hơn, làm lương tâm của dân tộc, làm người dẫn đường cho xã hội, mà không như những nhà chính trị, những người thực hiện những việc cụ thể nào đó, theo đuổi lợi ích trước mắt, nói chung là không trừ các thủ đoạn cụ thể và bất chấp hậu quả.

Ngay chuyện "âm mưu" và "dương mưu" theo thư sinh thì trắng đen rõ ràng, theo nhà chính trị thì không có âm dương gì sất, chỉ cần thành công, ấy là mưu tốt. Trên một ý nghĩa nào đó, đúng là như vậy. "Dương mưu" thất bại sẽ thành "âm mưu". "Âm mưu" mà thành công thì sẽ trở thành "dương mưu", đúng như người ta nói cần khôn điên đảo, âm dương lộn nhào. Chẳng hạn, chúng ta hãy nói đến "Sự biến Huyền Vũ môn" nổi tiếng thời Đường sơ, Tần vương Lý Thế Dân dùng phục binh giết anh là thái tử Lý Kiến Thành, đó là "âm mưu" không còn chối cãi được nữa, nhưng người thời đó và cả người thời nay, hàng trăm năm nay có ai khăng khăng vì cái "âm mưu" "Sự biến Huyền Vũ môn" đó mà trách Lý Thế Dân? Lại còn ca ngợi ông là khác. Xem ra cũng phải xem lại câu nói "quần chúng rất sáng suốt", có khi con mắt quần chúng cũng trở thành "con mắt vụ lợi".

Người ta nói rằng "Sự biến Huyền Vũ môn" đã tạo nên ông vua sáng suốt Lý Thế Dân, nhưng trước vụ chính biến cung đình đó, ai mà biết được ông sẽ trở thành minh chủ hay hôn quân, cho nên lí do đó không đứng vững được, "Sự biến Huyền Vũ môn" vẫn là một "âm mưu".

Chưa vội nói ai thành ai bại, cũng chưa nói đến âm mưu hay dương mưu, hãy xem sự biến cung đình đó là cái mưu như thế nào.

Cuối đời nhà Tùy, khi khởi nghĩa nông dân nổi lên khắp nơi, Lý Uyên đang coi giữ Thái Nguyên đã nổi dậy, lợi dụng

và chiếm đoạt thành quả của khởi nghĩa nông dân, lập nên nhà Đường tồn tại ba trăm năm.

Dòng họ của Lý Uyên có liên quan đến nhà Tùy, gia đình ông cũng họ Vũ Văn, thời Bắc Chu họ Vũ Văn và họ Dương triều Tùy đều xuất thân là quân nhân Bắc Ngụy. Cha của Lý Uyên là Lý Hổ còn giúp Vũ Văn Thái dựng chính quyền ở Quan Trung, sau khi chết được truy phong làm Đường quốc công, tên của triều Đường chính là dùng danh hiệu cũ này. Lý Uyên được thừa tập tổ tước, từng phụng mệnh Tùy Dạng để đàn áp quân khởi nghĩa, nhưng thấy lòng dân quay lưng về Tùy. Tùy hết phương cứu chữa, mới chuyển thành khởi nghĩa, sau đó đánh bại các quân khởi nghĩa nông dân, thống nhất Trung Quốc, lập nên triều Đường.

Hoàng hậu của Đường Cao tổ Lý Uyên có bốn người con. Con trưởng Lý Kiến Thành, con thứ Lý Thế Dân, con thứ ba Lý Huyền Bá (chết sớm chưa kịp tranh vị), con thứ tư Lý Nguyên Cát. Trong bốn người con đó, con lớn Lý Kiến Thành đương nhiên là thái tử, người nhanh nhẹn tháo vát, con thứ Lý Thế Dân được phong làm Tần Vương, con thứ tư Lý Nguyên Cát phong làm Tề vương, Tề vương là người vũ dũng hơn người, nhưng người có nhiều chiến công và mưu lược chính là Lý Thế Dân.

Từ thời Lý Uyên còn đang đàn áp khởi nghĩa nông dân, Lý Thế Dân đã thấy rằng việc triều Tùy diệt vong là không thể tránh khỏi, ông nói với Lý Uyên:

- Cha theo lệnh triều Tùy đi dẹp giặc, hiện có dẹp được hết không?

Để vận động cha khởi nghĩa, Lý Thế Dân nói tiếp:

- Nay tan nhà mất nước là ở cha, biến nhà thành nước cũng ở cha.

Qua đó ta có thể thấy rằng Lý Thế Dân là người mưu lược như thế nào. Từ năm 618 đến năm 620 Công nguyên, Lý Thế Dân đánh bại được hai địch thủ mạnh là Triết Nhân Quả và Lưu Vũ Châu, Quan Trung và Thái Nguyên nhờ đó mà ổn định được. Tháng bảy năm 620 Công nguyên, Lý Thế Dân bắt đầu tiến công Vương Thế Sung. Lúc này, mới hai mươi hai tuổi, nhưng ông có mưu lược của nhà chính trị, biết dùng người, biết nghe ý kiến, áp dụng sách lược đúng đắn, dễ dàng đánh bại Vương Thế Sung và Đậu Kiến Đức. Sau đó lại đánh bại cuộc khởi nghĩa của Lưu Hắc Thát cuối cùng thống nhất được cả nước.

Thái tử Lý Kiến Thành thường theo cha đóng giữ ở Trường An, giúp cha xử lý việc nước việc quân, là một người nhanh nhẹn tháo vát. So với người cha bình thường Lý Uyên, Lý Kiến Thành tỏ ra có tài hơn, nhưng so với em ông là Lý Thế Dân, ông có nhiều điểm không bằng. Lý Thế Dân đánh nam dẹp bắc, giành thiên hạ cho nhà Đường, thống nhất Trung Quốc, lập chiến công hiển hách, tập hợp được nhiều văn thần, võ tướng, có uy tín lớn trong giới quân sự, chính trị. Không những thế, lòng ham muốn của Lý Thế Dân rất lớn,

ông không cam chịu chỉ làm Tân vương, mong có một ngày sẽ làm hoàng đế. Nhưng theo chế độ tông pháp phong kiến, kế thừa ngôi vua chỉ có thể là thái tử Lý Kiến Thành, huống hồ Lý Kiến Thành cũng là người công tích lớn lao, nắm lực lượng quân sự mạnh. Thế là cuộc đấu tranh giành ngôi báu giữa hai anh em ắt phải xảy ra.

Trước hết hai bên ra sức củng cố thế lực của mình. Lý Thế Dân làm chức quan đặc biệt triều Đường đặt ra là "thần sách thượng tướng" trong phủ có thể nói là nhân tài đầy rẫy, có nhiều tên tuổi bất hủ. Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối đa mưu quyết toán, nổi tiếng một thời. Lục Đức Minh, Khổng Dĩnh Đạt tinh thông kinh học, được dời sau ngưỡng mộ. Diêu Tư Liêm giỏi văn sử, Ngưu Thế Nam nhà thư pháp nổi tiếng, hai mươi người còn lại cũng là những tuần kiệt một thời. Còn về võ tướng, phủ Tân vương bình hùng tướng mạnh nổi tiếng, như Uất Trì Kính Đức, Tần Thúc Bảo, Trình Giảo Kim v.v... Trong phủ còn nuôi nhiều binh sĩ. Thái tử Lý Kiến Thành cũng không chịu thua, văn thần có Ngụy Trưng, võ tướng có Tiết Vạn Triệt cũng rất nổi tiếng, lại chiêu mộ được hơn hai ngàn tráng sĩ làm vệ sĩ cho vương phủ, thế lực xem ra mạnh hơn phủ Tân vương.

Trong ba anh em, Tề vương Lý Nguyên Cát yếu thế hơn cả, không đủ sức tranh tài với hai anh, ông nổi tiếng là người hùng dũng thiện chiến, liên kết với Lý Kiến Thành đối phó với Lý Thế Dân, làm thế lực Lý Kiến Thành tăng lên rất nhiều.

Có một điều không thể xem thường, đó là việc Cao tổ Lý Uyên ủng hộ thái tử Lý Kiến Thành. Điều đó rất không có lợi cho Lý Thế Dân về du luận, nhưng về mặt tranh thủ lòng dân thì Lý Thế Dân lại làm tốt hơn Lý Uyên và Lý Kiến Thành. Năm 624, Cát Lợi Khả Hãn từ Nguyên Châu (Cổ Nguyên, Ninh Hạ) đánh xuống phía nam, áp sát Trung Nguyên, lúc đó thế lực của Cát Lợi Khả Hãn rất mạnh, Lý Uyên, Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát sợ không ngăn nổi, chủ trương chiêu hùy Trường An, dời đô về Tương Đẳng cho người ra ngoài xem xét tình hình để chuẩn bị thực hiện. Lý Thế Dân kiên quyết chủ trương đánh chặn xâm lược của ngoại tộc, phản đối dời đô, ngăn cản hoạt động thỏa hiệp của Lý Uyên, Lý Kiến Thành, bảo vệ được kinh đô Trường An, đặt cơ sở ổn định cho đất đai nhà Đường.

Về mặt thưởng phạt cụ thể, tập đoàn của thái tử và tập đoàn Tần vương cũng có cách làm khác nhau. Ví dụ: sau khi Lý Thế Dân đánh bại Vương Thế Sung ở Trung Nguyên, vì Hoài an vương Lý Thần Thông có công lớn, Lý Thế Dân thường phạt phân minh, bèn lấy danh nghĩa Thiểm đông đạo đài thường mấy chục khoảnh ruộng cho Lý Thần Thông. Nhưng Lý Uyên bất chấp mọi ảnh hưởng, để chiều lòng ái phi Trương Tiệp Du, cho bà cầm một đạo lệnh giao cho cha bà, bức Lý Thần Thông giao lại ruộng cho ông ta. Việc này tuy không lớn, nhưng ảnh hưởng không nhỏ, uy tín Lý Thế Dân càng được thêm cao.

Xem hình thế bên ngoài, tập đoàn thái tử Lý Kiến Thành có địa vị ưu thế hơn điều đó biểu hiện ở ba mặt:

1. Lý Kiến Thành là thái tử, là con trưởng, danh chính mà ngôn thuận, kế thừa ngôi vua là lẽ đương nhiên, được dư luận xã hội ủng hộ.

2. Lý Kiến Thành được Lý Uyên ủng hộ, có sự bảo đảm chắc chắn về quyền lực và danh nghĩa.

3. Lý Kiến Thành có văn thần võ tướng, có vũ khí mạnh hơn phủ Tần vương. Lý Thế Dân cũng có điều kiện thuận lợi, đó là bản thân Lý Thế Dân là người có uy tín lớn, cơ sở quần chúng tốt, có kinh nghiệm đấu tranh, mưu lược xuất chúng, điều quan trọng hơn nữa là, người dưới trướng ông đều tài giỏi lại cùng nhau hợp sức, vì vậy, lực lượng của Lý Thế Dân cũng không thể xem nhẹ.

Hai anh em như nước với lửa, Lý Kiến Thành cho rằng hạ thủ trước thì hơn, vì vậy, ông bố trí một âm mưu để hại Lý Thế Dân.

Một buổi chiều, ngoài song mưa rơi tí tách, Lý Thế Dân đang chăm chú đọc binh thư bên cửa sổ, bỗng vệ sĩ bước vào bẩm báo rằng thái tử sai người đưa thư tới. Lý Thế Dân bực thu xem, hóa ra là thái tử mời ông đến dự tiệc, anh em vui vẻ gặp nhau. Lúc đó sự tranh chấp giữa hai bên đã nửa công khai hóa, người phủ Tần vương biết thái tử bày trò quỷ kế, khuyến Lý Thế Dân không nên đi dự tiệc, để đề phòng bất trắc. Lý Thế Dân lại cho rằng, hai bên tuy tranh ngôi báu,

nhưng chưa tới mức huynh đệ tương tàn, vì vậy, Lý Thế Dân vẫn thản nhiên đi.

Khi vào trong phủ thái tử, Lý Thế Dân thấy thái tử và Lý Nguyên Cát đã đợi lâu, yến tiệc cũng được chuẩn bị rất thịnh soạn. Không thấy có vẻ sẽ xảy ra chuyện gì khác thường, Lý Thế Dân an tâm cười nói ăn uống vui vẻ. Giữa tiệc Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát tranh nhau ca ngợi công đức và tài năng của Tần vương, và chúc rượu ông, khiến Lý Thế Dân cơm no rượu say. Nhưng bỗng nhiên Lý Thế Dân thấy hai chân bủn rủn, đầu vầng mắt hoa, lập tức cảnh giác, ông định đứng lên trở về phủ, không ngờ ngất xỉu luôn.

Lúc này, ngoài song mưa càng lớn, sấm chớp âm âm, gió mạnh thổi tắt nến, phòng tiệc tối om. Tề vương Lý Nguyên Cát không hiểu chuyện gì, thấy sợ, vội hỏi Lý Kiến Thành nên làm thế nào. Lý Kiến Thành thì rất bình tĩnh, trợn mắt quát: "Tần vương phát bệnh nặng, phải đưa ngay về phủ".

Không biết thuốc độc của Lý Kiến Thành kém tác dụng hay sức đề kháng của Tần vương mạnh, về đến phủ, cho uống nhiều thuốc giải độc, nôn hết cơm rượu trong bụng ra, ông an toàn tính mạng.

Lý Thế Dân trúng độc, tuy không có chứng cứ gì về việc Lý Kiến Thành đầu độc ông, nhưng "bụng dạ Tu Mã Chiêu, người qua đường cũng biết" điều đó đã quá quá rõ ràng. Lý Uyên biết việc này, trách mắng Lý Kiến Thành một trận thậm tệ, nhưng vì ông vẫn ủng hộ Kiến Thành, nên không định tội gì cả.

Lý Kiến Thành thấy kế không thành, lại bày kế khác. Tuy có khéo léo hơn, nhưng không được chắc chắn cho lắm.

Lý Kiến Thành muốn tìm cách thuyết phục thái tử Lý Uyên ra ngoài đi săn, và cho mấy người con đi cùng, Lý Uyên đồng ý. Vua cha có lệnh, Lý Thế Dân đành phải nghe theo. Lý Kiến Thành sai người chọn cho Lý Thế Dân một con ngựa hung dữ, khi bị kích động, ngựa sẽ trở nên điên cuồng, hi vọng Lý Thế Dân cưỡi ngựa này sẽ bị quật ngã chết. Lý Thế Dân cưỡi ngựa bắn cung, đuổi hươu nai, không ngờ ngựa dữ phát tính, không điều khiển nổi, con ngựa luôn vươn cổ nhảy chồm lên, quẩy rất mạnh, khiến Lý Thế Dân bị ngã. Lý Thế Dân bị văng ra xa hơn một trượng, may chỉ sây sát bên ngoài, không đến nỗi bị chết hoặc tàn phế.

Lý Kiến Thành còn áp dụng biện pháp "rút ruột", tức là phân tán và tan rã tướng lĩnh và binh sĩ của Lý Thế Dân. Phàm cần điều binh khiến tướng xuất chinh, Lý Kiến Thành đều điều động tướng của phủ Tần vương, còn nhiều lần lập mưu điều tướng của phủ Tần vương đi làm việc nơi khác. Trình Giảo Kim trong chiến dịch đánh bại Tống Cương và Vương Thế Sung, dũng cảm thiện chiến, luôn dẫn đầu sĩ Tốt, nhiều lần chém tướng đoạt cờ. Lý Kiến Thành rất sợ Trình Giảo Kim, lợi dụng những lúc gần gũi hoàng đế, bịa đặt chuyện xấu và Trình Giảo Kim để Lý Uyên hạ chiếu điều ông đi khỏi Tần vương phủ làm thích sử Khang Châu. Nhưng Trình Giảo Kim là một tướng lĩnh kiên cường, để bảo đảm an

toàn cho Lý Thế Dân, ông viện cớ nọ cớ kia, nay lần mai lửa, chưa chịu rời phủ Tần vương.

Đối với các tướng lĩnh không thể điều đi nổi, Lý Kiến Thành dùng chính sách mua chuộc, Uất Trì Cung là một vị kiêu tướng, cũng là vị tướng do Lý Thế Dân bồi dưỡng đề bạt lên, sức khỏe hơn người, dũng mãnh thiện chiến, Lý Kiến Thành từng tặng ông một xe vàng bạc châu báu, nhưng Uất Trì Cung chối từ, và báo lại với Lý Thế Dân. Một số hoạt động của Lý Kiến Thành nhằm làm suy yếu lực lượng của Tần vương sau này cũng đều không thành công.

Lý Thế Dân cũng không hề rơi vào tình trạng thụ động, ông cũng tích cực chuẩn bị lực lượng. Năm Vũ Đức thứ 9 (626) ông từng sai người mang hơn một nghìn binh sĩ và nhiều vàng bạc châu báu đến vùng Đông đô, kết giao các hào kiệt nhân sĩ, để có lực lượng ngoại viện. Ông cũng từng dùng thủ đoạn mua chuộc để lôi kéo người của Lý Kiến Thành; tranh thủ được các nhân sĩ đặc lực của Kiến Thành như Thường Hà và Kinh Hoàng, tranh thủ được các quan coi cung giữ thành theo về phía Tần vương.

Ngọn lửa giành giật giữa hai anh em đã cháy tới lông mày, Lý Thế Dân không dám trì hoãn nữa, ông triệu tập người vương phủ bên khẩn cấp cách đối phó với tình hình. Đêm ngày 3 tháng 6 năm Vũ Đức thứ chính (626) phủ Tần vương giới nghiêm chặt chẽ, vệ sĩ đứng kín trong ngoài vương phủ, người không có việc cấm qua lại. Trong điện đèn đuốc sáng trưng, các văn thần võ tướng đứng thành hai hàng, Tần vương

Lý Thế Dân cùng Trường Tôn Vô Kị bước vào điện, phía sau không xa có hai người lạ mặt mặc áo dài đi theo. Vệ sĩ định ngăn họ, Tần vương vẫy tay, vệ sĩ bèn cho họ vào.

Hóa ra, hai người mặc áo dài đó là Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối để tránh tai mắt của phủ thái tử, họ phải hóa trang. Trong cuộc họp, Phòng Huyền Linh phát biểu trước.

Thái tử và Tề vương đã hai lần mưu sát Tần vương, Tần vương cũng đã suýt chết vì họ. Hiện nay họ vẫn đang bàn mưu tính kế để chuẩn bị hãm hại đại vương. Một khi sự biến xảy ra, không những tính mạng đại vương nguy hiểm mà xã tắc cũng lâm nạn. Tục ngữ nói: "Đáng quyết không quyết, tự rước tai họa, nay tên đã trên nỏ, không thể không bắn đi, trong bước đường cùng này, đại vương phải quyết đoán để trừ tai họa.

Lời của Phòng Huyền Linh được mọi người hưởng ứng. Đỗ Như Hối cũng phụ họa thêm.

Lý Thế Dân nói:

- Những người khuyên ta như vậy đã nhiều, nhưng ta vẫn thấy tàn khốc quá, chẳng lẽ không còn cách nào khác? tốt nhất là tránh đổ máu!

Uất Trì Cung tính nóng nảy, mặt hầm hầm nói với Tần vương:

- Người bên cạnh đại vương ngày một ít, nay chỉ còn mấy người chúng tôi, thái tử vẫn chưa buông tha, gần đây thái tử

lại giờ trò trước mặt hoàng thượng, nói thần đánh giấc giời, đòi thần dẫn bộ đội tinh nhuệ theo ông ta xuất chinh. Nếu thần mà rời xa đại vương, ông ta lập tức lấy đầu thần, ai khởi sự trước thì sẽ giành được thế chủ động, xin đại vương mau hạ quyết tâm.

Vừa lúc này, vệ sĩ báo tin có viên quan ở Đông cung tên là Vương Chí xin cầu kiến. Sau khi gặp Vương Chí, Tần vương hết do dự, ông nói với mọi người:

- Xem ra thái tử quyết ý muốn giết ta. Vừa rồi Vương Chí báo cáo, thái tử đã bàn với Tề vương, sắp tới Tề vương nhận lệnh ra trận, họ sẽ mượn bữa tiệc tiễn Tề vương để giữa tiệc giết ta.

Trương Tân Vô Kỵ nói:

- Vương Chí là người cẩn thận đúng đắn, ông ta không báo sai đâu!

Phòng Huyền Linh nói:

- Nay họa đã tới trước lòng mày, không thể còn mang ảo tưởng với thái tử, nếu không sẽ bị tiêu diệt.

Lý Thế Dân vẫn chưa hạ được quyết tâm cuối cùng, vẫn hi vọng thái tử không đến nỗi độc ác như vậy, nên chưa dám ra lệnh giết thái tử.

Uất Trì Cung không nén nổi nói:

- Nếu đại vương không hạ quyết tâm, hãy để cho thần đi khỏi phủ Tần vương, thần nguyện lên núi làm giấc cỏ, cũng không để cho thái tử bắt đi chém đầu!.

Mấy người nữa cũng họa theo nói:

- Nếu đại vương không quyết, chúng tôi nguyện theo Uất Trì Cung đi làm thổ phỉ.

Tình thế đã vậy. Lý Thế Dân bị buộc phải quyết định, ông thở dài, nói với mọi người:

- Việc đã thế này, chỉ còn cách làm theo ý mọi người vậy!.

Tiếp đó là bố trí phương án cụ thể, cuộc họp rất khuya mới kết thúc.

Đêm xuống sao đầy trời, vạn vật yên tĩnh, tiếng bước chân của quân sĩ phá tan đêm lặng. Tần vương cưỡi ngựa dẫn bộ hạ đi vào Huyền Vũ môn, bố trí mai phục hơn ngàn vệ sĩ phủ Tần vương ở trong ngoài Huyền Vũ môn.

Huyền Vũ môn là cửa bắc cung thành. Vì cung thành nhà Đường ở phía bắc đô thành, nên cửa bắc là cửa quan trọng để bảo vệ hoàng cung, chiếm được cửa bắc coi như đã bắt được hoàng đế, có thể mượn danh nghĩa hoàng đế để ra lệnh, coi như có quyền hợp pháp.

Sáng ngày hôm sau (ngày 4 tháng 6), mặt trời lên tới ba con sào, thái tử và Tề vương cùng đi ngựa tới phía nam có nhiều vệ sĩ. Lý Kiến Thành không hề biết tướng coi giữ của Huyền môn đã theo về Lý Thế Dân, vẫn như bình thường, không chút cảnh giác đi qua cửa Huyền Vũ vào hoàng cung thăm Đường Thái tổ. Thường Hà chờ cho thái tử và Tề vương đã đi xa, lập tức đóng chặt cửa Huyền Vũ, bịt chặt ngoại viện nếu có.

Thái tử và Tề vương đi tới trước điện Lâm Hồ, xuống ngựa bước lên điện, thái tử bỗng thấy góc điện có linh mai phục, giật mình lập tức cảnh giác, ông giật ống tay Tề vương, vội xuống điện chạy ra phía cửa Huyền Vũ. Lúc này phục binh xông ra. Lý Kiến Thành bị Lý Thế Dân bắn chết. Tề vương bị Uất Kinh Đức giết chết. Các vệ sĩ của thái tử và Tề vương đều bị đuổi bắt và bị giết chết.

Lúc này, đông cung của thái tử và Tề vương phủ cũng được tin, tướng lĩnh của thái tử Phùng Dục và Phùng Lập dẫn hai nghìn kị binh đến cửa Huyền Vũ. Do tướng giữ cửa Huyền Vũ không chịu mở cửa, vệ sĩ của thái tử cạy đông người, bèn đánh phá. Nhưng cửa cao, quân sĩ lại chống giữ ngoan cường, đánh mãi không được. Phó hộ quân Tiết Vạn Triệt thấy đánh của không kết quả, bèn quay ngựa định dẫn quân đánh phủ Tân vương. Trong lúc nguy cấp đó, Uất Trì Cung dùng giáo bêu đầu thái tử chạy ra ngoài Huyền Vũ môn, nói to với các tướng sĩ của thái tử.

- Phụng mệnh của hoàng thượng, nay đã giết thái tử và Tề vương, nay thái tử và Tề vương đã chịu tội, kẻ khác vô tội. Chỉ cần hạ vũ khí, không những bảo đảm an toàn tính mạng, ai muốn đi theo, đều cho giữ nguyên chức.

Tướng sĩ của thái tử nhìn thấy đầu lâu thái tử bị bêu cao, đều ngây như gỗ, rút giáo đầu hàng. Chỉ có Tiết Vạn Triệt không chịu quy phục, dẫn một số ít liều xông ra chém giết. Lý Thế Dân hạ lệnh mở cho họ đường sống, chạy về phía Nam Sơn.

Tạ Phương Thúc rất trung với thái tử, nhìn thấy đầu lâu thái tử bêu cao, quân lính đã tan rã, bèn gục xuống đất khóc. Lý Thế Dân không những tha cho ông, còn khen ông trung thành và lựa lời khuyên giải.

Thế là bao nhiêu âm mưu của thái tử và Tề vương tan thành mây khói, trước đòn tấn công mạnh mẽ của Lý Thế Dân họ đã tan tành thân xác.

Cuộc chính biến cung đình thế là kết thúc, kẻ thù của Lý Thế Dân đã bị diệt, từ đó không còn ai dám đối đầu với ông, nhưng ông có thể cai trị nổi thiên hạ hay không, cả nước còn đang trông chờ.

Lý Thế Dân quyết tâm thực hiện "nhân chính". Đối với bộ hạ của thái tử và Tề vương, ông tỏ ra rất khoan dung, không kể vãn thần hay võ tướng, chỉ cần họ nguyện quy phục đều được dùng và phát huy được tài năng. Trong đó đặc biệt nhất là Ngụy Trưng, ông vốn là bộ hạ của Lý Kiến Thành, sau khi tự nguyện theo Lý Thế Dân được từng bước trọng dụng, trở thành danh thần một thời. Còn những người không chịu đầu hàng như Tiết Vạn Triệt, về sau Lý Thế Dân cũng vẫn dùng. Như vậy, Lý Thế Dân đã đoàn kết được đa số, tạo dựng được cơ sở quần chúng rộng rãi, giành được sự ủng hộ khắp nơi.

Ba ngày sau sự kiện Huyền Vũ môn, Đường Cao Tổ ra lệnh lập Lý Thế Dân làm thái tử, hạ chiếu loan báo khắp cả nước. "Từ nay việc nước việc quân bình thường nhỏ to đều do thái tử giải quyết, sau đó tấu bẩm lại". Lý Thế Dân thực tế đã

có quyền lực của hoàng đế. Đến tháng bảy, Lý Thế Dân cải tổ nội các, bổ nhiệm Phòng Huyền Linh làm trung thư lệnh, Cao Sĩ Liên làm thị trung, Phong Đức Di làm thượng thư hữu bộc xạ. Tháng giêng năm sau đổi niên hiệu là Trinh Quan, Lý Thế Dân xưng đế, tức Đường Thái tông.

Triều Đường ở trung kì của thời kỳ phát triển xã hội phong kiến Trung Quốc, theo quy luật phát triển của toàn bộ xã hội phong kiến, thời đó phải là cực thịnh. Vì thế "phép nước Trinh Quan" của Lý Thế Dân cũng như sự hưng thịnh đời nhà Đường không phải công lao của một mình Lý Thế Dân mà là kết quả phát triển của lịch sử. Nhưng cũng không thể phủ nhận công lao của Lý Thế Dân, ông vua sáng suốt của muôn đời, khuôn vàng thước ngọc của các đế vương. Những năm Trinh Quan nhà Đường, xã hội ổn định, kinh tế phồn vinh, văn hóa phát triển, đời sống dân chúng no đủ, những kết quả đó đều gắn liền với vai trò của Lý Thế Dân.

Vậy Lý Thế Dân làm sao có được công lao lớn như vậy? Sao có thể thành khuôn thước của đế vương? Nguyên nhân có nhiều, nhưng trong đó nguyên nhân chính là ông biết nghe ý kiến người khác, như người ta thường nói, biết nghe lời can gián.

Dưới thể chế chuyên chế phong kiến, quyền lực của vua chúa là vô hạn, hầu như không có sức mạnh nào có thể chế ngự nổi, hầu như chỉ còn đạo nghĩa và đạo đức là sự ràng buộc duy nhất, nhưng nếu hôn quân không cần đạo nghĩa, bất

chấp đạo đức, thì không còn cách nào hơn. Như người ta vẫn nói: "Vua bắt tội chết, tôi không dám không chết; cha muốn con chết, con không dám không chết", nếu vậy thì chẳng còn gì là đạo lý nữa. Vì vậy một triều đại hưng vong, được mất, phần lớn quyết định bởi phẩm đức của hoàng đế. Nòi cũng nực cười, đất nước to rộng làm vậy, nhân dân đông đảo làm vậy, mà vận mệnh lại ở trong tay một người, nhưng đó là do lịch sử tạo nên, đành phải chấp nhận. Thế nhưng, ông trời cũng không nỡ để người Trung Quốc tuyệt vọng, vẫn có những vị minh quân hiền tướng xuất hiện một đôi lần, đúng như vẫn nói "ngàn năm chờ một hội này". Lý Thế Dân cũng đáng được xem là ông vua tốt mà người Trung Quốc trông đợi.

Lý Thế Dân rất sợ đế quốc của mình sẽ bị diệt vong như triều Tùy, nên ông chú ý đến việc tổng kết bài học lịch sử của sự diệt vong triều Tùy. Suy đi nghĩ lại, ông đã rút ra được một điều quan trọng nhất là Tùy Dạng đế không nghe ý kiến người khác. Tùy Dạng đế vốn là tài giỏi hơn người, thông minh xuất chúng, nhưng hoang dâm vô độ, phạm đạo làm vua, quần thần phải giữ miệng, nhà vua không nghe nói điều sai của mình. Tùy Dạng đế cậy mình tài giỏi, kiêu căng tự phụ, càng thông minh thì càng nhanh diệt vong. Cho nên, Lý Thế Dân cho rằng vua phải là bậc "thánh triết" phải biết khiêm tốn học người, quyết tâm tiếp thu lời hay, để cho "người trí hiền kẻ sách, kẻ dùng tận sức mình". Thần hạ của ông cũng tài giỏi, ví dụ Ngụy Trưng đã từng nói với Lý Thế

Dân một đạo lý cơ bản, đó là "nghe hai tai thì sáng, nghe một tai thì tối".

Thực ra, Lý Thế Dân không phải lúc nào cũng tiếp thu ý kiến một cách vui vẻ, chỉ có điều biết tự kiềm chế mà thôi. Trong các ví dụ về can gián và tiếp thu, chúng ta có thể chọn ra một số chuyện để xem, xin trích dịch trong "Tự trị thông giám" như sau:

Ngụy Trưng xem ra tướng mạo bình thường, nhưng ông táo bạo, mutu lược, biết xoay chuyển được ý kiến của vua. Có lần gặp lúc vua tức giận, quyết tâm của ông vẫn không lung lay, vua không biết làm thế nào phải chịu người. Ngụy Trưng xin nghỉ phép về nhà tảo mộ, khi quay trở về nói với nhà vua: "Người ta nói hệ hạ định đi Nam Sơn, bên ngoài hành trang đã chuẩn bị xong, nhưng chưa thấy xuất phát, đó là vì sao?" Hoàng thượng cười nói: "Lúc đầu cũng định vậy, sau sợ khanh trách trẫm, nên không đi nữa!"

Nhà vua được người biểu một con chim điều, đặt chim lên cánh tay, từ xa nhìn thấy Ngụy Trưng đi tới, vội giấu chim điều vào trong người. Ngụy Trưng cố ý kéo dài bẩm báo các việc, đôi khi Ngụy Trưng đi khỏi, chim điều đã bị chết ngạt.

Một lần tan triều ra về, nhà vua bực tức nói: "Đáng giết cái ông già nhà quê đó!" Hoàng hậu hỏi là ai, nhà vua nói:

- Ngụy Trưng luôn làm ta mất mặt trong triều", Hoàng hậu bước đi, mặc lễ phục đứng đợi trước điện. Nhà vua ngạc nhiên

hỏi việc gì. Hoàng hậu nói: "Thần thiếp nghe nói quân chủ anh minh, thần hạ chính trực. Nay Ngụy Trưng chính trực, chính là nhờ sự anh minh của bệ hạ! Thần thiếp dám không chúc mừng bệ hạ sao?" Nhà vua nghe xong rất vui.

Huyện thừa huyện Trung Mậu Hoàng Bồ Đức Tham dâng thư nói: "Xây dựng cung Lạc Dương, làm khổ nhân dân; Trưng thu địa tô, tăng nặng tô thuế, dân chúng thích búi tóc cao và to, chắc cũng do ảnh hưởng của hoàng cung" Nhà vua xem xong tức giận, nói với Phòng Huyền Linh và những người khác: "Hoàng Bồ Đức Tham muốn đất nước không một người cai trị, không thu một đấu tô nào, phụ nữ trong cung không còn tóc, ông ta mới vừa lòng?" Định khép ông vào tội phi báng quốc gia để trị.

Ngụy Trưng can: "Thời Hán Văn đế, Giã Nghị dâng thư cho vua có nói: "Quốc sự hiện nay, có một việc khiến người phải khóc, có hai việc khiến người phải rơi lệ". Từ cổ tới nay, dâng thư lời lẽ không thống thiết, không kích động được lòng vua, người xưa nói, lời nói của kẻ điên cuồng, bậc thánh minh cũng lựa chọn tiếp thu được, mong bệ hạ suy nghĩ trước khi quyết định". Nhà vua nói: "Nếu trăm xử phạt người này, ai còn dám góp ý với trăm?" bèn thưởng cho người đó hai mươi tấm lụa.

Một hôm, Ngụy Trưng lại góp ý với nhà vua: "Bệ hạ gần đây không thích nghe những lời thẳng thắn, tuy có miễn cưỡng khoan dung, nhưng không được rộng lòng như trước? Thế là lại

thường thêm cho Hoàng Bồ Đức Tham và thăng ông làm giám sát ngục sử.

Đô đốc An Châu Ngô vương Lý Lạc nhiều lần ra ngoài đi săn làm hại một số cư dân. Thị ngục sử Liễu Phạm viết thư tố cáo việc này. Vì thế Lý Lạc bị bãi quan, giảm bớt thu nhập thuế của ba trăm hộ của ông, nhà vua nói: "Trưởng sử Ngô vương Quyền Vạn Kĩ phò tá con ta, không uốn nắn hành vi của nó, cần phải chém đầu". Liễu Phạm nói: "Phòng Huyền Linh phò tá bệ hạ, cũng không ngăn được bệ hạ ra ngoài đi săn, sao chỉ xử phạt có Quyền Vạn Kĩ!". Nhà vua giận lắm, phẩy tay áo, đi vào cung. Sau đó khá lâu, hoàng thượng gọi riêng Liễu Phạm tới nói với ông: "Sao khanh lại trách ta trước mặt mọi người?" Liễu Phạm trả lời: "Bệ hạ nhân hậu anh minh, tiểu thần không dám không nói thẳng" Nhà vua nghe xong rất vui.

Phòng Huyền Linh, Cao Sĩ Liêm trên đường gặp thiếu phu thiếu giám Đậu Đức Tố, hỏi ông ta: "Trong cung gần đây có xây công trình gì không?" Đậu Đức Tố đem chuyện nói với nhà vua. Nhà vua rất giận, trách Phòng Huyền Linh: "Các khanh chỉ quản lý công việc chính phủ, việc xây dựng vật trong cung không liên quan gì tới chức vụ của các khanh". Phòng Huyền Linh cúi đầu nhận sai. Ngụy Trưng bước tới nói: "Thần không rõ tại sao bệ hạ lại trách Phòng Huyền Linh, Phòng Huyền Linh tại sao lại nhận là sai! Phòng Huyền Linh coi trị việc nước, là cánh tay

và tai mắt của hệ hạ, cần phải biết các việc trong ngoài cung đình. Nếu việc xây dựng của hệ hạ là đúng, họ sẽ giúp hệ hạ hoàn thành, nếu không đúng, sẽ phải xin hệ hạ cho dừng lại. Họ hỏi người chủ quân là cốt để như vậy. Cho nên thần không rõ, tại sao hệ hạ lại cho họ là có tội và trách họ, cũng chẳng hiểu sao họ lại nhận tội!" Hoàng thượng nghe xong rất hối hận.

Những ví dụ về việc Lý Thế Dân nghe lời can gián còn rất nhiều.

Chẳng hạn, năm Trinh Quan thứ hai, trung thư xá nhân là Li Bạch Thuộc tâu với vua: "Trước đây tuy có giải phóng cung nữ, nhưng trong cung hiện nay vẫn còn nhiều cung nữ thừa. Âm khí trong cung nặng nề, cũng sẽ gây thiên tai. Thế là Đường Thái tông ra lệnh giải phóng cung nữ, một lần cho về hơn ba ngàn người. Cũng trong năm ấy, Đường Thái tông ra lệnh tu sửa điện căn nguyên Lạc Dương, cấp sự trung Trương Huyền Tố dâng thư phản đối, nói vua không bằng cả Tùy Dạng đế. Đường Thái tông hỏi ông: "Khanh nói ta không bằng Tùy Dạng đế, nếu so với Hạ Kiệt, Thương Trụ thì sao? Trương Huyền Tố nói: "Nếu không dừng công trình này, vận mệnh tương lai sẽ bị đất như Kiệt Trụ vậy? Đường Thái tông tiếp thu kiến nghị của ông, hạ lệnh đình chỉ công trình, và nói: "Đó là ta chưa nghĩ kĩ".

Đường Thái tông là người biết tiếp thu ý kiến như vậy, những chuyện về điều đó sử chép rất nhiều. Thái độ của ông với những người góp ý càng đáng khâm phục. Ngụy Trưng có

thể nói là một vị giám quan dũng cảm, nhiều lúc làm cho vua mất mặt, nhưng Đường Thái tông vẫn kính trọng ông. Khi Ngụy Trưng ốm nặng, ông gửi thầy gửi thuốc, cùng thái tử đến thăm. Ngụy Trưng chết, ông ngâm ngùi nói với tả hữu:

- Lấy phiến đồng làm gương có thể chỉnh đốn áo mũ, lấy việc cổ làm gương có thể biết thịnh suy, lấy người làm gương có thể biết được mất; Ngụy Trưng mất đi, trẫm mất một tấm gương!

Câu nói trên đã thành danh ngôn bất hủ.

Việc đề xướng "sinh hoạt dân chủ" trong cung đình của Thái Tông đã tạo nên "Phép nước Trinh Quan" Theo sử sách ghi chép, năm Trinh Quan thứ tư, thiên hạ thái bình, phạm tội phải tử hình chỉ có 29 người, đông tới Vu Hải, Nam tới Ngũ lĩnh, ban đêm đều không đóng cửa, ra đường không nhặt của rơi, người đi ra ngoài không cần mang theo lương thực, có thể nhận thức ăn ở bất cứ nơi nào trên đường. Trong "Trinh Quan chính yếu" ghi rất cụ thể, nói người đi luôn nghỉ đêm trên đường không sợ trộm cướp, nhà tù thường không có người, bò ngựa đầy núi đồi. Đương nhiên đó cũng có thể hơi khoa trương nhưng thời Trinh Quan quả thật là tốt đẹp.

Lý Thế Dân là người làm nên sự thực đó. Trong lịch sử Trung Quốc nhiều bậc hoàng đế khai quốc có đặc điểm độc đáo của mình, như Lưu Bang giỏi dùng người, có tài chịu đựng; Lưu Tú biết dùng "nhu đạo" đối xử khoan dung; còn Đường Thái tông thì biết nghe lời can gián. Đặc biệt đó khiến

ông tránh được sai lầm, đủ để thực hiện sách lược ích nước lợi dân, đủ để làm cho xã hội yên ổn và phồn vinh. "Âm mưu", "Sự biến Huyền Vũ môn" đã tạo nên một vị minh chủ muôn đời như thế đó!

"Âm mưu" và "dương mưu" giống như con cá âm và con cá dương trong thái cực đồ, không có giới hạn tuyệt đối, mà bao hàm nhau, chuyển hóa cho nhau. Xem ra, nếu không phù hợp với yêu cầu của phát triển xã hội, không tạo phúc cho dân, dù là "dương mưu" đang hoàng, cũng có thể trở thành âm mưu thực sự, nếu phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội, định mưu tính kế vì tiến bộ và phồn vinh của xã hội, dù có ngấm ngầm "âm mưu", cũng sẽ trở thành "dương mưu" quang minh chính đại, đúng như người ta thường nói: Đại sự không cần tiểu tiết, đại lễ bất kể tiểu nhượng!

Thế nhưng, liệu có nên dùng thủ đoạn không chính đáng để đạt mục đích chính đáng hay không?

61. "TÈ TƯỚNG BÀ" ĐỒNG QUÁN

Chính trị và nghệ thuật có thể phù hợp với nhau được không?

Nhà nghệ thuật có thể trở thành nhà chính trị giỏi được không?

Lịch sử cổ đại mấy nghìn năm của Trung Quốc đã cho câu trả lời phủ định.

Chúng ta chỉ biết phê phán các hoàng đế phong kiến, thực ra làm hoàng đế cũng chẳng dễ dàng gì, nhiều người được vận mệnh đưa lên ngôi báu, nhưng lại chẳng thích làm vua, họ muốn làm một văn nghệ sĩ, thậm chí làm người dân thường tự do.

Tuyệt đại đa số các hoàng đế Trung Quốc đều do quan hệ huyết thống mà lên ngôi báu. Theo ý nguyện cá nhân, những người này không chắc đã muốn làm hoàng đế; mà theo tố chất bẩm sinh của họ, càng không thích hợp với việc làm hoàng đế, chỉ vì họ là con lớn của vua hoặc do nguyên nhân

nào đó, họ đành phải làm vua mà thôi. Vì thế, họ chưa trải qua quá trình đào thải tự nhiên, phẩm chất của họ cũng không phù hợp với sứ mệnh làm vua. Cơ chế lịch sử Trung Quốc cứ như thế mà lớp này đến lớp khác, tạo ra vô số những hôn quân.

Nhưng cơ chế đó lại có thể tạo ra các nhà vua văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ có quan hệ rất nhiều với thiên bẩm, không làm được nhà chính trị, với điều kiện giáo dục tốt, rất có thể thành văn nghệ sĩ, những nhà nghệ thuật hoàng đế của Trung Quốc không phải ít!

Chẳng hạn Trần hậu chủ, ông vua cuối cùng của Ngụy Tấn Nam Bắc triều là một nhạc sĩ thiên bẩm, các tác phẩm ông sáng tác như "Ngọc thụ", "Hậu đình hoa" là những ca khúc nổi tiếng đương thời. Người đời sau còn gọi những ca khúc của Trần hậu chủ là "vong quốc chi âm" (âm điệu mất nước).

Nam Đường Lý hậu chủ thời Ngũ Đại cũng là một ví dụ rất hay trong văn học sử Trung Quốc, ông được coi là người viết những bài từ vào loại hay nhất, có nhiều đóng góp cho việc phát triển thể loại từ.

Nhưng việc viết từ không giúp được ông trị việc nước, chỉ làm cho đất nước ngày hủ bại hơn, khi quân Bắc Tống đánh vào đô thành, ông vẫn còn đang uống rượu ngâm thơ, những bài thơ tình ý vẫn vương, bồi hồi thương cảm đó, chỉ có thể làm cái tài tử giai nhân cảm động, không tiêu diệt được trăm vạn đại quân. Thế là ông bị bắt sống. Đúng như người ta nói:

"Quốc gia bất hạnh thì nhân hạnh, đất nước không may thì thi nhân lại gặp may", vị vua mất nước này dùng ngòi bút thương cảm miêu tả cảnh mất nước, vì thế mà ông viết được những bài từ tuyệt tác, tạo nền móng cho địa vị của ông trong văn học sử Trung Quốc, nhưng thi từ của ông không những làm ông mất nước, ngay cả bản thân ông cũng vì nó mà hết đời.

Tống Huy tông thời Bắc Tống cũng không phải người sinh ra để làm vua, mà lại là một họa sĩ thiên tài. Nhờ sự khai phá và ảnh hưởng của ông, xưởng họa cung đình trở thành một trường phái phong cách vừa trung thực với chi tiết vừa làm nổi bật chất thơ của phong cảnh, tác phẩm "Nghe đàn" nổi tiếng của ông là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc. Trong sinh hoạt, ông cũng có "tác phong nghệ sĩ", thích ra ngoài du ngoạn, tìm cảm hứng, kết thân với danh sĩ Lý Sư Sư, bỏ quên ba ngàn người đẹp trong hậu cung.

Trong lịch sử Trung Quốc, những nhà vua văn nghệ sĩ như vậy rất nhiều, Hán Thành đế, Lương Nguyên đế, Tùy Dạng đế, Tống Ninh tông đều như vậy. Cần nói rằng, tuy Ngụy Võ đế Tào Tháo viết "Đông lâm kiệt thạch, dĩ quan thương hải" hay Hán Cao tổ Lưu Bang viết "đại phong khởi hê vân phi dương, uy gia hải nội hê, quy cố hương" nhưng những ông vua đó chưa được coi là những văn nghệ sĩ, vì ở đây xuất phát điểm không phải là nghệ thuật, mà là khơi dậy ý chí lập nghiệp, mở mang sự nghiệp, củng cố sự thống trị của họ, họ chỉ là những ông vua có chút văn tài, mà không phải văn nghệ sĩ hiến thân cho nghệ thuật.

Nhà vua văn nghệ sĩ, nếu đã dấn thân vào nghệ thuật, chắc hẳn sẽ không còn lo nổi chính sự, việc nước ngày càng hư bại, bản thân sẽ dần dần trở thành hôn quân, đó là điều chắc chắn không thể tránh khỏi. Thực ra đó mới chỉ là nguyên nhân trực tiếp, còn nguyên sâu xa là ở chỗ, chính trị là đại biểu của lý tính, nghệ thuật là đại biểu của cảm tính. Khi một người hoàn toàn đắm mình trong tình cảm, thì người đời xem họ như kẻ điên, không thể đưa họ vào triều đình được. Vì vậy bắt một người thiên về cảm tính đi làm những việc bị ràng buộc chặt chẽ bởi lý tính, thì chỉ có thể làm hỏng việc, toàn bộ các hôn quân trong lịch sử Trung Quốc đều sinh ra như vậy.

Do sự trái ngược nhau giữa lý tính và cảm tính, đặc biệt do cảm tính công kích và đột phá lý tưởng, nghệ thuật và chính trị luôn ở trạng thái mâu thuẫn không thể điều hòa. Văn nghệ sĩ nhất định không thể trở thành nhà chính trị được, nếu do những nguyên nhân bất đắc dĩ mà bước lên vị trí nhà chính trị, thì sẽ không tránh khỏi một kết cục đáng ghê sợ.

Nhà vua văn nghệ sĩ tuy trị nước tồi, nhưng để phục vụ, chỉ cần biết lựa tình nết, "bịp" để hơn nhiều so với các chính trị gia hoàng đế. Trong lịch sử Trung Quốc, những ví dụ này rất nhiều, Đồng Quán thời Tống Huy tông có thể coi là một thí dụ điển hình.

Đồng Quán là nhân vật hết sức đặc biệt trong đám thái giám. Ông ta tuy là thái giám, nhưng chẳng hề rã vẻ thái giám. Nghe nói ông ta cao lớn, tiếng như chuông, sức cứng như

thếp, không biết vì sao cũng có ít rìa mép. Nhờ điều kiện trời cho đó, ông dễ được lòng các phi tử, cung nữ, lại thêm tính hào phóng, không tiếc tiền tài để tranh thủ người khác, tính tình dễ dãi không để ý những việc lật vật cho nên trong cung trên dưới ai cũng quý ông. Quan hệ của Đồng Quán với mọi người thật tốt đẹp.

Tài quan sát diện mạo, xu nịnh sẵn đón của Đồng Quán sau khi Tống Huy tông kế vị mới được phát huy đầy đủ, tranh thủ được cơ hội thuận tiện, Đồng Quán đã làm nên trong thời Huy tông. Ông chỉ huy Khu mật viện, nắm quân quyền tới hai mươi năm, câu kết với tể tướng Thái Kinh quyền thế lớn hơn cả tể tướng. Thái Kinh là đàn ông, được mọi người gọi là "Tể tướng ông". Đồng Quán đã hoạn, được gọi là "Tể tướng bà".

Sau khi lên ngôi, Tống Huy tông Triệu Cát thấy chẳng còn ai dè dặt "tài năng nghệ thuật" của mình, bèn sai Đồng Quán đi sưu tập danh họa trong thiên hạ để thưởng thức. Lúc đó nghệ thuật thư họa phát triển nhất ở vùng ven biển nhất là Chiết Giang, Tô Châu, Hàng Châu. Thế là Đồng Quán đi Hàng Châu. Thật là dịp may hiếm có cho Đồng Quán, ông biết Huy Tông rất mê nghệ thuật thư họa, chỉ cần trúng ý ông, chắc chắn được sủng tín. Đồng Quán đứng không thẹn là vị quan lão luyện giàu kinh nghiệm và hiểu đời, ông phân tích rất có lí, các nhà nghệ thuật thường không để ý nhân tố lý tính, chỉ cần thông về tình cảm, thì mọi thứ không cần đếm xỉa. Đồng Quán liền tiếp đem các danh họa, kiệt tác ở Tô -

Hàng về cho Huy tông. Huy tông rất ưng ý và rất cảm ơn sự tận tâm tận lực của vị sứ giả này.

Chẳng bao lâu, Đồng Quán gặp Thái Kinh ở Hàng Châu. Thái Kinh là phần tử đầu cơ quý quyết, thời Tống Thần tông, ông đầu cơ theo phái tân pháp, về sau Tu Mã Quang nắm quyền, hải bỏ tân pháp, lúc đó Thái Kinh đang làm tri phủ Khai Phong, lại tích cực hưởng ứng Tu Mã Quang nhanh chóng phế bỏ tân pháp, được Tu Mã Quang đánh giá cao. Trong những năm Thiệu Thánh, Triết tông lại phục hồi tân pháp, tân đảng lại được thế, Thái Kinh lại tích cực ủng hộ tân pháp. Tới khi Huy tông vừa kế vị thì con "rắn biến màu" chính trị không có quỹ đạo đó bị Hướng thái hậu đuổi ra khỏi triều đình, về làm tri châu ở Hàng Châu. Đồng Quán lần này tới Hàng Châu, gặp Thái Kinh hai người rất hợp nhau, Đồng Quán muốn nhân cơ hội này tiến cử Thái Kinh.

Cũng may, Thái Kinh cũng tinh thông thư pháp và hội họa. Trong lịch sử thư pháp Trung Quốc, Bắc Tống có bốn nhà thư pháp lớn: Tô, Hoàng, Mễ, Thái. Tô là Tô Thúc, Hoàng là Hoàng Đình Kiên, Mễ là Mễ Phi Thái là Thái Kinh, người đời sau ghét Thái Kinh là gian thần, không muốn đội cái mũ nhà thư pháp cho ông ta, thường đổi ông thành một người khác họ Thái. Đồng Quán lợi dụng sở trường đó của Thái, mỗi lần đưa thư họa cho Huy tông đều kèm theo tác phẩm của Thái, còn viết tấu thư thỉnh phòng tài của Thái lên nữa. Huy tông xem thư họa của Thái Kinh thấy ưa, lại thêm Đồng Quán bóc thêm, quyết định phong Thái Kinh là tướng. Vừa lúc hai đảng

mới cử đầu tranh mạnh, Huy tông lấy có điều hòa quan hệ hai đảng, bãi miễn tể tướng Hàn Ngạn Trung, tháng 2 năm 1102 bổ nhiệm Thái Kinh làm tể tướng.

Sau khi làm tể tướng "Thái Kinh lại giương ngọn cờ biến pháp. Khôi phục lại những pháp lệnh những năm Hi Ninh, Nguyên Phong, ngay cả những vấn đề Thần tông định cải cách mà chưa kịp tiến hành, Thái Kinh cũng đem ra cải cách, mặt khác lại ra sức bức hại người đảng Nguyên Hựu, khép tội Tư Mã Quang cùng một trăm hai mươi người khác. Huy tông tự viết chữ khắc trên bia đá, đặt ở cửa Đoan Lễ của hoàng cung, gọi là bia đảng tịch Nguyên Hựu. Những người còn sống bị xua về ở vùng núi xa xôi nghèo khổ, người đã chết bị truy hạ bậc quan, văn thơ của Tô Thức cũng bị đốt. Sau đó, Thái Kinh còn khắc tên ba trăm linh chín người chủ trương phục hồi cựu pháp những năm Nguyên Hựu, Nguyên Phù. Những người đắc tội với Thái Kinh cũng bị quy là người trong đảng để dả kích. Tới lúc này sự tranh chấp đảng phái trở nên hết sức căng thẳng, chính trị triều Tống ngày càng sa sút.

Thái Kinh nhờ Đồng Quán tiến cử nên lại được dùng làm tướng, đương nhiên rất biết ơn Đồng Quán, lại thêm Đồng Quán được Huy tông ngày càng ân sủng, nên hai người trở thành chí cốt, câu kết với nhau làm điều gian ác. Sau khi được làm tể tướng, ngoài việc đàn áp "đảng Nguyên Hựu" ra Thái Kinh còn vạch kế hoạch tiến quân lên tây bắc. Thời đó, làm tướng đánh trận là việc rất nguy hiểm, nhưng việc thái giám đi làm gián quân thì lại rất dễ dàng, lại có cả công lẫn quyền. Vì

vậy Thái Kinh tích cực tiến cử Đồng Quán đi làm gián quân. Thái Kinh nói rằng một là Quán trung thành vô hạn với nhà vua, hai là trí dũng song toàn, ba là rất quen thuộc tình hình vùng Thiểm Cam. Vì vậy, Huy tông bầu cử Đồng Quán làm gián quân, Vương Hậu làm đại tướng, dẫn mười vạn quân ra trận.

Quân đội vừa hành quân tới gần Hoàng Xuyên, cung đình bỗng bị hỏa hoạn, Huy tông cho là điều không may, không nên ra trận, bèn cho người hỏa tốc đuổi theo, lệnh ngừng tiến để chờ lệnh. Nhưng Đồng Quán hăng hái lập công, không chịu ngừng tiến quân. Ông xem xong lệnh viết tay, nhét luôn vào ủng, người khác hỏi việc gì, Đồng Quán nói dối: "Hoàng thượng lệnh cho chúng ta nhanh chóng tiến quân, sớm giành thắng lợi" Lăn xuất quân đó, Đồng Quán thu hồi được bốn thành trì, coi như lập được công lớn, xua tan được không khí buồn bã sau trận hỏa hoạn trong triều. Vì vậy ông được nâng lên làm Cảnh Phúc điện sứ, Tương Châu quan sát sứ. Quan sát sứ là vinh dự đặc biệt thời đó, làm thái giám mà được kiêm chức đó, mới chỉ có Đồng Quán là người đầu tiên. Ít lâu sau, Đồng Quán lại được thăng làm Vô khang quân tiết độ sứ.

Tổng Huy tông rất hài lòng về sự khéo léo xu phụng của Đồng Quán, nhất là ông ta tài sưu tầm thư họa cho mình thường thức, nên càng biết ơn ông, sự ân sủng với ông càng tăng. Về sau Huy tông còn định giao quyền khai phủ nghị đồng tam ti cho Đồng Quán, Thái Kinh lấy lý do tiên triều chưa có tiền lệ như vậy để phản đối, cự tuyệt không thảo

chiếu chỉ, làm Huy tông đành chịu. Nguyên do là, bây giờ Đồng Quán đã khác trước, ông ta trở nên công thần tự phụ, ngang ngược can rỡ, không coi ai ra gì, đề bạt phế truất quân quan đều theo ý thích chủ quan, không thỉnh thị triều đình. Sự chuyên quyền của ông ta không những gây nên sự phản đối của các đại thần ngay thẳng, mà ngay Thái Kinh cũng cảm thấy quyền lực của mình bị đe dọa, vì vậy khi nhà vua định giao cho ông ta quyền lực lớn hơn, Thái Kinh liền ra tay ngăn lại.

Sự phản đối của Thái Kinh và các đại thần không ngăn được sự tin nhiệm và trọng dụng của Huy tông với Đồng Quán. Năm 1111, Đồng Quán được bổ nhiệm làm kiểm hiệu thái úy, Huy tông cho ông đi sứ Khiết Đan, làm cho các đại thần chính trực phải cực lực phản đối, có người nói: "Sứ giả là tượng trưng cho quốc gia, nay cử một hoạn quan đi làm sứ giả, há chẳng để người ta cười cho, nói Trung Quốc hết người rồi sao?" Huy tông nói: "Người Khiết Đan nghe nói Đồng Quán đánh thắng người Khương nên rất phục, muốn được gặp mặt ông ta, nên nói cử ông ta đi sứ". Cuối cùng Đồng Quán đi và hoàn thành sứ mệnh ngoại giao của mình. Đi sứ trở về, Đồng Quán cho mình đã lập công lớn, có thêm vốn chính trị, càng kiêu ngạo làm bừa, Huy tông thì càng sùng tín, cho ông ta, kiêm tuyên phủ sứ Thiểm Tây, với tư cách thái úy, Hà Đông, Hà Bắc, khai phủ nghị đồng tam ti, ít lâu sau lại phong làm chủ quan khu mật viện, tiết chế Cửu trấn rồi thái phó Tấn quốc công. Với một loạt những chức tước đó, địa vị

của Đồng Quán gần bằng tế tướng, về quyền thế còn hơn tế tướng. Lúc này mọi người bắt đầu gọi ông "tế tướng bà".

Sau khi nắm đại quyền vì hám công danh, Đồng Quán gây chiến mấy lần, nhưng đều thất bại. Đồng Quán lại dă thẳng tay đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân. Năm 1120, Phương Lạp khởi nghĩa ở vùng Giang Triết, do dân chúng không còn chịu nổi sự thống trị tàn bạo đều ầm ầm nổi dậy, quân khởi nghĩa nhanh chóng phát triển tới trăm vạn người, chiếm năm mươi hai huyện của sáu châu, đi tới đâu giết tham quan ô lại, các thành trì nghe tiếng đến là đầu hàng, cả vùng đông nam chấn động. Các đại thần trong triều thấy không cách nào che giấu, đành tâu với Huy tông, cho Đồng Quán đi đàn áp. Đồng Quán trước hết xin Huy tông bãi bỏ lao dịch ở Hoa Trạch Cương để giảm gánh nặng cho dân, sau đó dẫn mười lăm vạn tinh binh vùng Thiểm Tây hỏa tốc đi xuống đông nam. Dưới sự đàn áp tàn khốc của Đồng Quán, cuộc khởi nghĩa nông dân của Phương Lạp bị dập tắt, bản thân Phương Lạp cũng bị bắt và hi sinh.

Trong chiến tranh, Đồng Quán lại luôn luôn thất bại. Sau khi đàn áp xong cuộc khởi nghĩa Phương Lạp, Đồng Quán cho rằng quân đội dũng khí đang mạnh có thể tiến công nước Liêu, vì vậy ông ta gây chiến, dẫn quân đi đánh Liêu. Kết quả là thua trận liên miên, bị người Liêu đánh cho tơi tả. Thực ra, trước đó, ông ta đã nhiều lần bị các dân tộc phương bắc đánh thua trận. Sau khi làm chủ quân khu mật viện không lâu, Đồng Quán đã thúc đại tướng Lưu Pháp đi đánh Tây Hạ.

Lưu Pháp là danh tướng vùng tây bắc, thấy rõ hơn thiệt trong việc này, cho rằng căn cứ vào tình hình lúc này chưa nên xuất quân, nhưng vì mới nhậm chức, muốn tăng cường uy tín chính trị, Đồng Quán ép buộc Lưu Pháp ra trận, bất kể tình hình khách quan, ông ta viết thư cho Lưu Pháp nói: "Năm xưa tướng quân ở kinh thành, từng tự tay mình nhận lệnh của hoàng đế, còn nói nhất định sẽ thắng trận, nay sao lại không muốn ra trận?" Lưu Pháp bị ép, không cách nào đành dẫn binh tiến công. Kết quả vừa xuất kích đã bị mai phục, thất bại nặng nề, bản thân Lưu Pháp cũng mất mạng. Lưu Pháp vừa chết, cả vùng tây bắc bị chấn động, lòng người xao xuyến. Nhưng Đồng Quán giấu sự thực, nói với Huy tông rằng Lưu Pháp thắng trận. Đầy triều văn võ biết Lưu Pháp đã thua trận, nhưng sợ thế lực của Đồng Quán không dám nói sự thật, ai nấy giả vờ không biết, thay nhau chúc mừng Huy tông.

Sự hủ bại của Bắc Tống rồi cũng phải bộc lộ một cách thảm hại trước sức mạnh nam tiến của quân Kim. Nước Kim sau khi diệt Liêu, cất binh nam tiến, chuẩn bị diệt gọn Bắc Tống. Năm 1125, quân Kim đánh xuống phía nam, Thái nguyên là mục tiêu công kích đầu tiên. Với tư cách Quảng Dương quận vương ở Thái nguyên, Đồng Quán nghe nói người Kim tới, không hề nghĩ chuyện chuẩn bị chiến đấu, mà vội sai người sang Kim cầu hòa, người Kim đương nhiên không đồng ý, còn sai sứ giả sang đòi Đồng Quán cắt đất cho họ. Đồng Quán lúc thường thì vênh váo như vậy, nay trước mặt sứ Kim vênh váo, lại lúng búng, nhún nhún chi chi. Khi

quân Kim tiến đến thành, ông ta sợ xanh mặt, muốn bỏ chạy, Thái thú Trương Hiếu Thuần khuyên ông ta: "Người Kim phạm điều tín nghĩa, xâm phạm lãnh thổ của ta. Vương gia phải dẫn binh chống lại mới phải, nay rút bỏ Thái Nguyên, há chẳng là đem cả vùng Hà Đông rút cho người Kim hay sao? Đồng Quán nghe xong, tức giận nói: "Ta là tuyền phủ sứ, không phải là vệ sĩ biên cương. Ông muốn ta ở lại Thái Nguyên, thì cần chủ tướng các ông làm gì?" Trương Hiếu Thuần nghe nói vậy, hết đường đối lại, thò dài nói: "Tôi xưa nay khâm phục uy danh của Đồng thái su, không ngờ ngài nhất như thỏ, lâm trận bỏ chạy, dù ngài có về được tới kinh thành mặt mũi nào đi gặp hoàng thượng?" Đồng Quán sợ chết, chẳng kể gì lời chế nhạo đó.

Không có cách nào chống chọi được với đối phương, lại do đam mê hội họa, Huy tông nhường ngôi cho con là Triệu Hoàn, tức Tống Khâm tông. Khâm tông là người có ý chí, muốn ngự giá thân chinh, đánh lại cuộc xâm lăng của người Kim, còn chưa xuất phát thì thấy Đồng Quán thất thủ chạy về. Khâm tông yêu cầu cùng ông xuất chinh. Đồng Quán cố nhiên không chịu. Để ông ở lại giữ kinh thành, Đồng Quán cũng không chịu, mà muốn chạy trốn về phía nam cùng Huy tông.

Đồng Quán chạy trốn khiến lòng người phản nộ, những việc làm trong lúc chạy trốn là cái ngòi nổ chậm đối với sự diệt vong của hắn.

Để bảo vệ cho sự an toàn của mình, Đồng Quán chiêu mộ hàng vạn tráng sĩ ở vùng tây bắc gọi là thắng tiếp quân, thực chất là hộ vệ cho bản thân hắn. Khi Đồng Quán cùng Huy tông chạy trốn, hai đội bảo vệ của hai người tranh nhau xuống cầu phao. Đồng Quán ra lệnh cho đội hộ vệ của mình bắn tên vào đội bảo vệ của Huy tông, trong chốc lát hơn trăm người bị chết. Việc này làm cho Huy tông phẫn nộ, nhiều triệu thần ngay thẳng đã chửi hắn là đại nghịch bất đạo. Trước áp lực của dư luận. Khâm tông phải giáng hắn xuống làm hữu vệ thượng tướng quân, nhưng nhiều đại thần kiên quyết chống hoạn quan không chịu thôi, yêu cầu phải phạt Đồng Quán, Tống Khâm tông đành phải giáng hắn xuống làm chiêu hóa quân, tiết độ phó sứ, sau lại đày đến Anh Châu. Ít lâu sau, để thuận theo ý dân, thu phục lòng người, Tống Khâm Châu cho công bố mười sáu tội ác lớn của Đồng Quán, hạ lệnh cho ngục sử giết chết hắn trên đường đi đày.

Đúng như người ta nói "Có thể lừa được người quân tử".

Làm hoàng đế, Tống Huy tông đúng không được điểm nào phải đạo, thậm chí còn không tránh khỏi cái tiếng hôn quân, nhưng Triệu Cát lại xứng đáng là một văn nghệ sĩ, không thể không nói ông là bậc quân tử. Nhưng như người xưa nói có thể lừa được người quân tử. Đồng Quán, Thái Kinh nắm được đặc điểm tâm lý của văn nghệ sĩ, đánh vào sở thích của văn nghệ sĩ, rồi lợi dụng quyền lực tối cao của Huy tông làm mưa làm gió, giởn thay!

Trong lịch sử Trung Quốc, muốn được hoàng đế sùng tín có nhiều cách làm, không nói những âm mưu quỷ kế khiến cho nhà vua mê say thanh sắc, chó ngựa, đám đuối vào xa xỉ dâm ô, đó là những mưu mẹo thông thường. Nhưng cách làm tỉ tiện, ác độc của Đồng Quán, Thái Kinh là đánh vào lòng say mê nghệ thuật của Huy tông để được sùng tín thì trong lịch sử cũng là mới lạ! Không phải là họ nhằm nâng cao trình độ nghệ thuật cho Huy tông, càng không phải là để ông trở thành nhà chính trị xuất sắc, mà là biến văn nghệ sĩ Triệu Cát thành bù nhìn, thành đồ chơi, để leo lên chiếc vai quyền lực của hoàng đế Tống Huy tông.

Từ đó suy ra rằng với thiên bẩm nghệ thuật mà chiếm lĩnh vị trí của nhà chính trị thì nguy hiểm lắm!

Người trong giang hồ, thân phận chẳng do mình định đoạt. Tống Huy tông chắc gì thích làm hoàng đế, nhưng không làm không được. Thực ra trong xã hội phong kiến Trung Quốc, vị trí mỗi con người hầu như đã được định sẵn, cưỡng lại cũng vô ích, chỉ bằng chấp nhận vai trò mà lịch sử đã định sẵn, nhiều bị kịch chính vì thế mà nảy sinh. Cho nên, trong một phạm vi tự do nhất định, việc chọn một vị trí cho mình là hết sức quan trọng.

Từ xưa tới nay, Trung Quốc có nhiều chính trị gia mà ít học giả, ít văn nhân, ít nghệ sĩ, càng ít nhà khoa học. Theo cách nhìn của người phương tây, người Trung Quốc hầu như ai cũng là nhà chính trị (trong con mắt người phương tây nhà

chính trị cũng là nhà âm mưu), họ sợ tiếp xúc với người Trung Quốc. Đúng vậy, Trung Quốc xưa nay lắm phong trào chính trị quá. Trong số những người say mê làm chính trị đó, nếu có những ai nhìn kĩ lại mình, thấy cần phải đổi nghề để làm học giả, nhà khoa học, nhà nghệ thuật thì sẽ may mắn cho dân tộc chúng ta biết chừng nào!

62. MƯU KẾ HAY NHẤT

Thành lũy đánh từ ngoài vào thì khó, nhưng phá từ trong ra thì lại dễ.

Thực ra, người xưa đã nhận ra điều này. "Binh pháp Tôn Tử" ra đời từ hai ngàn năm trước đã có chương "Dùng kế ly gián", Tôn Tử đã nhận thức rõ và đánh giá cao về kế ly gián.

Việc trong quân đội, không gì thân bằng dùng kế ly gián, không gì tin cậy bằng kế ly gián, thường không gì hậu bằng ly gián. Không phải người tài trí không dùng được kế ly gián, phi nhân nghĩa không dùng được kế ly gián, không khéo léo không khai thác được thông tin xác thực của kế ly gián. Tài thực! Tài thực! Không chỗ nào không dùng nội gián vậy. Mưu ly gián nếu chưa dùng đã bị lộ, thì kẻ ly gián và người nhận được tin đều sẽ chết.

Xem ra dùng kế ly gián thật không dễ, nhưng một khi thành công thì hiệu quả rất lớn, mưu kế khác không thể nào sánh được, vì thế Tôn tử ở đây đã cảnh báo người dùng kế ly gián, và nhấn mạnh tới trí tuệ, đạo đức người dùng kế ly

gián, vì chỉ có cái diệu kì của việc dùng kế ly gián. Nhận thức của Tôn từ về kế ly gián là khá sâu sắc, ông đánh giá việc dùng kế ly gián rất cao.

Đúng vậy, nhìn chung lịch sử quân sự và chính trị Trung Quốc, tuy có đủ các loại mưu kế, việc dùng kế ly gián vẫn là phổ biến nhất, hiệu quả nhất, có thể nói một cách đúng mức rằng: "Ly gián là mưu kế hay nhất".

Ngay như trong cuốn sách đầy mưu kế là "Tam quốc diễn nghĩa", chỗ nào cũng có mưu, lúc nào cũng có kế, thực là "vô kế bất thành sự" (Nếu không có mưu kế thì việc không thành). Nhưng trong trăm năm ngàn kế đó, kế nào được dùng nhiều nhất? kế nào hiệu quả nhất? Đó là kế phản gián (ly gián). Kế phản gián quả thật lợi hại, có nhẹ thì cũng làm đối phương thua một trận, vừa vừa thì có thể làm mất một chân một tay, còn nếu nặng thì có thể làm đối phương toi mạng, mất nước. Tài dùng kế như Gia Cát Lượng, mà cũng trùng kế phản gián, không còn cách nào khác, đành ngựa mặt lên trời mà than rồi rút quân về.

Ở đây, xin giới thiệu và bình luận về một số kế phản gián tương đối quan trọng trong "Tam quốc diễn nghĩa" như sau:

Những năm cuối Đông Hán, hoạn quan chuyên quyền, triều chính đổ nát, chư hầu, vương công thiên hạ chiếm cứ các nơi, không tuân lệnh triều đình, thiên hạ đại loạn tới nơi. Đại tướng quân ngoại thích (họ ngoại của nhà vua) Hà Tiến muốn trừ bỏ hoạn quan, nhưng thế lực không đủ, bèn nghe

lời Viên Thiệu điều các chư hầu về kinh, cùng trừ hoạn quan. Tào Tháo, và Trần Lâm kiên quyết phản đối, cho rằng điều quân bên ngoài về kinh để sinh ra loạn, nhưng Hà Tiến không nghe, còn sai người mời tây lương thích sử Đồng Trác vào kinh để cùng diệt hoạn quan. Kết quả Hà Tiến bị hoạn quan giết chết, Đồng Trác đem mười vạn quân vào kinh, độc chiếm lấy triều đình. Đồng Trác cậy thế hiếp người, lăng nhục bá quan, coi thường hoàng đế, quyền uy gần như nhà vua, thậm chí có xu thế thay cả vua. Tào Tháo, Viên Thiệu, Vương Doãn và bá quan trong triều quyết tâm trừ Đồng Trác. Tư đồ Vương Doãn đem thất tinh bảo kiếm cho Tào Tháo. Tháo mượn cớ dâng kiếm để hành thích, nhưng việc không thành, bèn chạy về quê, truyền lệnh cho chư hầu bốn phương để cùng trừ Đồng Trác. Nhưng chư hầu chưa đồng lòng hợp sức, kết quả Đồng Trác bắt cóc Hán Hiến đế từ Lạc Dương rồi đi về Trường An.

Tư đồ Vương Doãn lo trừ Đồng Trác đêm ngày không quên, Đồng Trác không những quyền thế ngất trời, lại thêm còn nuôi Lã Bố, dùng mãnh khác thường, vạn người khôn địch, rất khó đối phó. Một hôm, đêm đã khuya, Vương Doãn thấy con gái nuôi của mình là Điều Thuyền đang ngắm trăng thò dài cạnh đình Mẫu Đơn Vương Doãn cho rằng Điều Thuyền có tư tình, giận dữ trách mắng Điều Thuyền. Không ngờ Điều Thuyền quỳ xuống nói:

- Tiểu nữ thấy đại thần gần đây lo nghĩ việc nước mà buồn rầu, chỉ giận mình là nữ nhi yếu đuối, không chia sẻ được nỗi lo của cha.

Vương Doãn nghe vậy, bồng ngẫm ra một kế, cảm thấy vận mệnh nhà Hán thực sự được quyết định bởi một tay Điều Thuyền.

Lã Bố tức Lã Phụng Tiên vốn là con nuôi của thích sù Kinh Châu Đình Nguyên, khi đánh Đổng Trác một mình chém mấy tướng, làm Trác phải thua chạy, Đổng Trác thấy Lã Bố chỉ là rất phu hữu dưng vô mưu, thấy lợi là thay lòng, bèn nhờ người đi thuyết phục Lã Bố hàng mình. Lý Túc đem châu báu đi mua chuộc, sau lại biếu ngựa xích thố nổi tiếng để tỏ lòng Đổng Trác trọng dụng Lã Bố, thêm vào những lời ngon ngọt, cuối cùng đã thuyết phục được Lã Bố. Lã Bố giết Đình Nguyên, xách đầu đến gặp Đổng Trác, bái Đổng Trác làm cha nuôi, từ đó một lòng phụng sự Đổng Trác.

Muốn trừ Đổng Trác thì thượng sách là trừ Lã Bố trước, nhưng nếu làm cho Lã Bố phản lại để trừ Đổng Trác thì thật tuyệt diệu, không còn kế gì hay hơn. Vương Doãn thấy Điều Thuyền không những có sắc đẹp hơn người, mà còn khôn ngoan khéo léo, nếu nàng nguyện giúp ly gián cha con Đổng Trác, Lã Bố thì đại sự chắc thành. Vương Doãn bảo Điều Thuyền vào nhà, nói ý nghĩ của mình, chỉ sợ Điều Thuyền không đồng ý, nào ngờ để đền đáp công ơn nuôi dạy của Vương Doãn, Điều Thuyền nhận lời. Vương Doãn bèn đem các đặc điểm hảo sắc vong nghĩa, hữu dưng vô mưu của cha con Đổng Trác, Lã Bố ra nói hết cho Điều Thuyền nghe, để nàng có thể theo kế hành động.

Trước hết Vương Doãn mời Lã Bố đến nhà, ca ngợi Bố hết lời, tặng Bố một chiếc mũ quý, khi uống rượu, cho Diêu Thuyền ra mời rượu. Lã Bố nhìn thấy Diêu Thuyền, hai mắt như ngây dại. Vương Doãn ngò ý muốn gả Diêu Thuyền cho Lã Bố; Bố mừng quá, về nhà chuẩn bị lễ cưới.

Sau đó, Vương Doãn lại mời Đồng Trác đến nhà uống rượu, rượu đã ngà ngà, Vương Doãn gọi Diêu Thuyền ra múa hầu tiệc. Sắc đẹp của Diêu Thuyền làm cho cả nhà bừng sáng, Đồng Trác chết mê chết mệt. Vương Doãn thấy thời cơ tới, chủ động đề xuất sẽ dâng Diêu Thuyền cho Trác, Đồng Trác cảm ơn rối rít, ngay đêm đó cho xe đến đưa Diêu Thuyền về tướng phủ.

Sau khi biết chuyện, Lã Bố lập tức trách Vương Doãn, Vương Doãn nói:

- Thái sư biết tôi đã hứa gả tiểu nữ cho tướng quân, ông ta bảo hôm nay đúng đêm lương tiêu, đem tiểu nữ về cho tướng quân, tôi làm sao dám không đồng ý.

Lã Bố chẳng biết nói gì thêm, đành trở về nhà, đợi một đêm vẫn không thấy ai đưa Diêu Thuyền tới. Sớm hôm sau, Lã Bố không chịu nổi, chạy thẳng tới phủ tướng quốc. Diêu Thuyền đang chải đầu bên song, nhìn thấy Lã Bố từ xa, vội lấy khăn tay che mặt, vờ như đang khóc. Lã Bố lòng đau như cắt, sợ làm thúc Đồng Trác, đành lui ra. Mấy hôm sau, Lã Bố nghe nói Đồng Trác ốm, bèn vào tướng phủ thăm. Diêu Thuyền ở phía sau giường ló ra nửa người, nhìn Lã Bố, lấy tay

chỉ tìm mình, lại chỉ Đồng Trác, rồi quay mặt đi, lau nước mắt. Lã Bố rất đau khổ, nhìn Điều Thuyền mà tan nát cõi lòng, lúc này Đồng Trác đã thức dậy, tường Lã Bố chòng ghẹo Điều Thuyền, bèn nghiêm giọng quả trách.

Mấy hôm sau, Lã Bố bảo vệ Đồng Trác vào triều nghị sự, sau khi quần thần ra về. Hiến đế gọi riêng Đồng Trác ở lại để mật đàm. Lã Bố thấy có thời cơ, bèn chạy về tường phủ, định gặp Điều Thuyền hỏi đầu đuôi. Điều Thuyền hẹn Lã Bố ra Phụng Nghi đình nói chuyện. Bên Phụng Nghi đình, Điều Thuyền như gặp người thân khóc lóc kể lể, nói mình những tưởng được kết duyên với chàng trai anh hùng, nào ngờ lão sát phu Đồng Trác nổi lòng xấu độc, chiếm đoạt mất. Điều Thuyền vừa khóc vừa kể, kéo dài thời gian để chờ Đồng Trác về. Quả nhiên, Đồng Trác không thấy Lã Bố đợi ở ngoài, vội chạy về. Khi nhìn thấy Lã Bố, Điều Thuyền làm ra vẻ muốn dứt khỏi tay Bố nhảy xuống hồ. Đồng Trác từ xa nhìn thấy vội chạy lại nhặt chiếc kích Lã Bố dựng ở bên, lao mạnh về phía Lã Bố. Bố giơ tay đỡ, kích bị rơi xuống đất.

Điều Thuyền thấy Đồng Trác, liền gào khóc, nói bị Lã Bố chòng ghẹo, muốn nhảy xuống hồ tự vẫn, may có thái su tới cứu, nói xong toan rút kiếm tự tử. Đồng Trác nghe lời Điều Thuyền định giết Lã Bố. Con rể Đồng Trác là Lý Nho cho rằng không nên vì một người đàn bà mà hại một viên đại tướng, Đồng Trác mới thôi giết Lã Bố, đưa Điều Thuyền về thành lũy riêng của mình là Mi Ổ để hưởng lạc.

Từ đó, Lã Bố sinh hai lòng với Đổng Trác.

Khi tiến Đổng Trác, Vương Doãn thấy Lã Bố bèn mời ông Lã Bố về nhà uống rượu. Lã Bố kể ông nghe chuyện ở Phụng Nghi đình, Vương Doãn khích Bố:

- Làm nhục con tôi, cướp vợ của tướng quân, thật là sự nhục nhã của tướng quân! Tôi đã già cả bất lực, nhưng tướng quân là bậc anh hùng cái thế mà cũng chịu nhục này ư? Lã Bố nghe xong, dùng dùng nổi giận, thề sẽ giết Đổng Trác. Vương Doãn thấy Bố đã quyết tâm bèn bàn mưu và liên lạc với các đại thần, sai Lý Túc người tâm phúc của Trác đến Mi Ổ, giả nói là Hiến đế muốn nhường ngôi để lừa Đổng Trác về Trường An. Đổng Trác không nghi ngờ gì trở về, lúc vào triều bị các võ sĩ của Vương Doãn mai phục hai bên xông ra chém giết, Đổng Trác vội hét: "Phụng Tiên con ta đâu, đến mau!" Lã Bố ra khỏi xe, không những không giúp Đổng Trác, còn bồi thêm một kích, kết liễu tính mạng Đổng Trác. Đổng Trác một đời anh hùng, cuối cùng chết bởi kế ly gián của Vương Doãn.

Năm 192, Vương Doãn bày mưu giết được Đổng Trác, bộ tướng của Đổng Trác là Lý Thôi, Quách Dĩ, Trương Kế, Phàn Trù chạy tới Lương Châu, sai người về Trường An dâng biểu, xin tha tội. Nhưng Vương Doãn cố chấp không nghe lời khuyên người khác, dứt khoát không tha, thế là bốn tướng quay ra làm phản, đem binh đánh về Trường An, trả thù cho Đổng Trác. Lý Thôi, Quách Dĩ đánh bại Lã Bố, chiếm

Trường An, giết Vương Doãn, khống chế triều đình nhà Hán. Lý Quách hai người hoành hành làm bậy không kém gì Đồng Trác, triều thần muốn diệt hai người đó, nhưng binh mã các nơi không về giúp, không biết làm thế nào. Một hôm, đại thần Chu Tuấn tâu với Hiến đế, muốn triệu Tào Tháo đang đàn áp Hoàng Côn ở Sơn Đông về để trừ hại, Dương Bưu lại nói:

- Nghe nói vợ Quách Dĩ tính hay ghen, chúng ta dùng kế phản gián, hai thằng giặc sẽ tự tàn sát nhau, sau đó gọi Tào Tháo đem binh về kinh quét trừ gian đảng.

Chiêu để đồng ý kế sách của Dương Bưu.

Ngày hôm sau, vợ Dương Bưu bỗng nhiên đến nhà Quách Dĩ, giả vờ như rất quan tâm nói với vợ Quách:

- Nghe nói Quách tướng quân rất thân mật với Lý Tư mã phu nhân, việc này nếu để Lý Tư mã biết ắt thành họa lớn. Phu nhân đừng để họ đi lại mới được!

Vợ Quách Dĩ nghe xong giật mình, nói:

- Thảo nào ban đêm ông ấy thường không về, hóa ra là cái việc nhục nhã ấy, sau này phải cẩn thận đề phòng.

Và cảm ơn vợ Dương Bưu lắm.

Mấy hôm sau, Quách Dĩ được mời đến nhà Lý Thôi uống rượu. Vợ Quách Dĩ nói:

- Lý Thôi là người tính tình khó hiểu thất thường, hướng hồ hai anh hùng khó đứng chung một chỗ, nhờ ra uống rượu xong đầu độc tướng quân, thiếp sẽ làm sao đây?

Quách Dĩ không nghe, nhưng vợ Quách Dĩ tìm mọi cách ngăn lại. Đến tối, Lý Thôi chờ lâu không thấy Quách Dĩ đến, bèn sai người mang rượu thịt đến nhà Quách Dĩ, vợ Quách Dĩ ngấm rắc một ít thuốc độc vào đó. Quách Dĩ về đòi ăn, vợ Quách Dĩ vội ngăn lại:

- Thúc ăn ngoài mang vào. sao tùy tiện ăn?

Rồi cho người dắt một con chó đến thử. Con chó ăn vào lập tức sủa nhảy điên cuồng, một lúc lăn ra chết. Từ đó Quách Dĩ sinh nghi kị Lý Thôi.

Một lần, hai người ở triều về, Lý Thôi rủ Quách Dĩ đến nhà uống rượu, Quách Dĩ thoái thác không được, đành phải đi, cơm no rượu say, về nhà thấy đau bụng, vợ Quách Dĩ thêm thất cho một hời, khẳng định Lý Thôi đầu độc, cho người đổ bao nước phân vào miệng Quách Dĩ, để ông nôn ra hết rượu thịt, mới an tâm. Lần này, Quách Dĩ tưởng Lý Thôi đầu độc mình thật, bèn ngấm điều binh khiến tướng chuẩn bị đánh Lý Thôi. Lý Thôi nghe biết tin, dùng dùng nổi giận, lệnh cho binh mã tấn công Quách Dĩ. Thế là hai bên đánh nhau, hỗn chiến hơn năm mươi ngày ở ngoài thành Trường An, Lý Thôi bắt cóc Hiến đế, Quách Dĩ, bắt cóc các công khanh trong triều. Kế phản gián thành công, nhưng thành Trường An càng thêm loạn lạc.

Trước trận hỏa thiêu Xích Bích, công tác chuẩn bị quân sự rất phức tạp, trong đó đoạn "Quần anh hội Tưởng Cán trướng kế" là rất sinh động xuất sắc, đặt cơ sở cho Đông Ngô thực

hiện kế hoạch thủy chiến được thuận lợi. Lúc đó Tào Tháo dẫn tám mươi ba vạn quân, xướng lên là một trăm vạn, đánh tới sát bờ Trường Giang. Hàng tướng Kinh Châu là Sái Mạo, Trương Doãn rất giỏi huấn luyện thủy quân, Chu Du xem thủy trại của họ, rất lo, nếu không trừ được hai người này, thủy quân Đông Ngô khó bề chiến thắng.

Tào Tháo lần đầu đến Giang Nam, đã thua quân Ngô một trận, đang buồn phiền, Tưởng Cán nói là bạn học của Chu Du đỗ đốc Đông Ngô, nguyện đem ba tấc lưỡi đi thuyết hàng, Tào Tháo cả mừng bèn cho ông ta đi, Tưởng Cán không mang lễ vật, chỉ dắt theo một tiểu đồng, qua sông xin gặp Chu Du, Chu Du bồng nây một kế, nói: "Thuyết khách của Tào Tháo đến, ta sẽ tương kế tựu kế, các tướng phải hành động theo ánh mắt của ta".

Chu Du gặp Tưởng Cán chủ động tiến công ngay, gọi ông ta là thuyết khách, khiến Tưởng Cán lúng túng phủ nhận nói lảng:

- Lâu không gặp bạn cũ, sang thăm tướng quân, sao lại nghi tôi là thuyết khách?

Chu Du cười rằng:

- Tôi không thông minh lắm, nhưng cũng nhìn thấy được.

Tưởng Cán càng lúng túng không biết nói sao, đành giả vờ xin về. Chu Du vội xin lỗi và giữ Cán ở lại. Thế là Chu Du đã nắm được Tưởng Cán, khiến Cán tiến không được thoái

không xong, nhưng vẫn ra về thân thiết để thực hiện kế sách của mình.

Muốn tỏ ra mình không nghi ngờ Tường Cẩn, Chu Du bèn giả bộ thẳng thắn, gọi văn võ bá quan đến, giới thiệu từng người với Tường Cẩn, mở tiệc chiêu đãi tỏ ý hoan nghênh Cẩn. Chu Du để Tường Cẩn ngồi ghế hàng đầu, nói lớn với mọi người:

- Tường Cẩn là bạn học cũ của ta, tuy từ bờ bắc sang nhưng không phải là thuyết khách của Tào Tháo, các tướng không được nghi ngờ. Trong bữa tiệc hôm nay, chỉ nói chuyện bạn bè, không nói quân sự, ai vi phạm chém đầu!

Nói xong giao kiếm cho Thái Sứ Từ để ông giám sát. Sau đó rượu uống thoải mái và mời mọi người uống, nói rằng lúc thường không hay uống nhưng hôm nay gặp được cố nhân mới vui vẻ uống, sự thoải mái hào phóng của Chu Du khiến Tường Cẩn nơm nớp lo.

Rượu ngà ngà say, Chu Du dắt tay Tường Cẩn đi ra ngoài trường xem hai hàng võ sĩ đứng hai bên, Chu Du nói:

- Quân sĩ của tôi được chứ?

Tường Cẩn nói:

- Mạnh như hổ báo.

Chu Du lại cho Cẩn xem kho lương thảo như núi của mình hỏi:

- Lương thảo tôi nhiều đấy chứ?

Tường Cán vội nói:

- Bình mạnh lương đủ, quả danh bất hu truyền.

Chu Du phơi bày ruột gan ra vậy, khiến Tường Cán không nghi ngờ gì nữa. Sau đó Chu Du cả cười nói:

- Đại trượng phu sống trên đời, gặp được chúa công hiểu mình, lời nghe kể dùng, cùng chung phúc họa. Dù như mồm mép có giỏi như Tô Tần, Trương Nghi cũng không lay động được lòng tôi!

Nói xong lại cười. Lời Chu Du khiến Tường Cán không còn lòng nào làm thuyết khách, và càng không nghi ngờ Chu Du dùng kế.

Hai người quay về uống rượu tiếp. Chu Du cương quyết bắt Tường Cán ngủ chung giường với mình, để nằm nói chuyện cũ. Nhưng vừa đặt mình Chu Du đã ngáy như sấm, còn Tường Cán thì trần trọc khó ngủ. Canh ba, Tường Cán trở dậy, thấy trên bàn chõng một đồng văn kiện, tiện tay lật xem, hóa ra là các thư từ, trong đó có một lá thư ghi "Sái Mạo Trương Doãn cần thư" Tường Cán rút thư ra xem, thì là đồ đốc thủy quân Sái Mạo, Trương Doãn gửi cho Chu Du, hẹn huấn luyện xong thủy quân sẽ lấy đầu Tào Tháo sang gặp Chu Du. Tường Cán xem xong vừa sợ vừa mừng, sợ vì thấy hai người làm phản, mừng vì đã khám phá được bí mật này, có thể lập công lớn. Lúc đó, Chu Du đang nằm mơ, lẩm nhảm

nói: "Tuồng Cán, mấy bữa nữa, tôi sẽ cho ông xem đầu Tào Tháo". Canh tư, ngoài trướng có tiếng gọi Chu Du, Chu Du hỏi: "Ai ngủ trên giường ta thế này?" Người kia đáp "Đô đốc mời Tuồng tiên sinh ngủ chung, đô đốc quên rồi sao?" Chu Du tỏ ý hối hận, lẩm bẩm tự trách mình, không biết đêm có nói chuyện gì không. Người kia khẽ nói với Chu Du: "Giang bắc có người tới". Chu Du vội ngăn lại, gọi Tuồng Cán, Tuồng Cán không dám thưa chỉ trùm chăn vò ngủ. Chu Du thấy Cán ngủ, bèn rón rén trở dậy đi ra ngoài trướng bàn riêng với người đó. Lúc sau, Chu Du trở vào trướng, gọi Tuồng Cán, không thấy thưa, ông lại lên giường, lát sau ngáy như sấm.

Tuồng Cán sợ sáng dậy Chu Du biết, nhằm lúc Chu Du đang ngủ say, lấy trộm thư, gọi tiểu đồng, trốn sang Giang bắc, đưa thư cho Tào Tháo. Tháo xem thư dùng dưng nổi giận, lập tức gọi Sái Mạo, Trương Doãn đến, giả ý hỏi họ tại sao vẫn chưa đánh Ngô, hai người nói: "Thủy quân chưa luyện xong, không thể tùy tiện tấn công" Tào Tháo quát lớn: "Đội các ông huấn luyện xong, đầu ta đã gửi cho Chu Du rồi". Không cho phép phân bua, lập tức lôi hai người ra chém đầu.

Chém xong hai người, Tào Tháo bùng tỉnh ngộ, biết đã bị túng kế của Du, nhưng không chịu nhận sai, chỉ lấp liếm cho qua.

Kế phản gián đó của Chu Du, tuy không thể hiện ngay hiệu quả, nhưng từ đó trừ khử được hai người huấn luyện thủy quân của Tháo, dọn đường cho Bàng Thống thực hiện "liên

hoàn kế" và Hoàng Cái trá hàng, đốt cháy chiến thuyền của Tháo.

Sau trận Xích Bích, Tào Tháo tạm rút về Hứa Đô, đợi thời cơ. Ít lâu sau, Chu Du uất chết vì Gia Cát Lượng. Đông Ngô mất chủ soái, Tào Tháo mừng lắm, bèn muốn đánh Tôn Quyền trước, đánh Lưu Bị sau, nhưng lại sợ đại quân nam chinh, tướng quân chinh tây Mã Đằng thừa cơ lấy Hứa Đô, mưu sĩ Tuân Du dâng kế, nói:

- Thừa tướng giả truyền chiếu chỉ, gọi Mã Đằng về kinh giết đi là xong.

Tào Tháo cho kẻ dó dùng được, sai người đi gọi Mã Đằng. Mã Đằng thấy chiếu thư, biết là giả, nhưng cũng không tiện nói toạc ra, bèn cho con lớn là Mã Siêu ở lại giữ Tây Lương, và nhờ thái thú Tây Lương Hàn Toại thúc phụ chăm nom giúp, tự mình cùng cháu là Mã Đại dẫn binh về Hứa đô. Tới ngoài thành Hứa Đô, Mã Đằng bày mưu trừ Tào Tháo, nhưng không kín tiếng bị Tào Tháo biết, cuối cùng Mã Đằng bại trận và bị giết chết. Mã Đại thua chạy về Tây Lương, báo cho Mã Siêu và Hàn Toại biết.

Mã Siêu và Hàn Toại dẫn binh đi trả thù cho Mã Đằng, Mã Siêu dũng mãnh, đánh phá được Trường An, tiến tới Đồng Quan. Tào Tháo nghe tin cả sợ, tự mình dẫn quân đi cứu Đồng Quan. Tào Tháo thua trận, bị Mã Siêu đuổi riết, phải mấy lần hóa trang mới thoát thân, rất thảm hại. Sau nhiều trận liên tiếp. Tháo được ít thua nhiều, nhờ binh nhiều

tướng lắm, mới tạm trụ được. Sau nhiều lần va chạm, Tháo biết Mã Siêu hữu dụng vô mưu, bèn quyết định dùng kế phản gián để ly gián Mã Siêu và Hàn Toại.

Ít lâu sau, Mã Siêu và Hàn Toại chia quân thành hai ngả để chống Tào Tháo. Tháo biết rằng Mã, Hàn đã chia quân thì kế phản gián sẽ có thể được thực hiện dễ dàng. Tào Tháo tự mình ra khỏi trại đi gặp Hàn Toại, rất lễ độ cùng Hàn Toại nói các chuyện tuổi tác trẻ già, sức khỏe... rồi trở về trại. Mã Siêu biết, quả nhiên sinh nghi Hàn Toại, bèn đến chất vấn, Toại kể lại đúng sự việc, Mã Siêu tuy không nói gì, trong lòng rất nghi hoặc, Tháo cho rằng kế đã thành công, nhưng mưu sĩ Giả Hủ cho rằng mới làm được họ nghi ngờ nhau, còn phải ly gián tiếp. Giả Hủ để cho Tháo viết một lá thư, ở chỗ mấu chốt nhất thì chứa lại để người xem không hiểu, sai người mang đến cho Hàn Toại, Mã Siêu biết tin, xem thư thấy không hiểu nói gì, cho rằng Hàn Toại cố ý xóa chữa, làm Hàn Toại có lý mà khó cãi. Hàn Toại muốn tỏ lòng mình, bèn xuất chiến quyết chém đầu Tào Tháo để chứng minh, Tào Tháo sai Tào Hồng xuất chiến, hai người gặp nhau. Tào Hồng nói: "Thưa tướng mợng Hàn tướng quân lắm theo thư dặn, không nên để nhờ việc". Mã Siêu nghe thấy, nổi nóng vác thương xông tới đâm Hàn Toại, may nhờ các tướng che cản, Hàn Toại mới thoát chết. Hàn Toại thật có nhảy xuống sông Hoàng hà cũng không rửa hết oan, trước sự thúc bách của chủ tướng đành phải viết thư xin hàng Tào Tháo, và định lừa Mã Siêu đến để giết. Mã Siêu biết tin xông vào trại Hàn Toại,

chặt mất một cánh tay Toại, giết mấy viên tướng, nhưng vì không địch được số đông, phải rút ra.

Thế là Mã Siêu bị Tháo và Toại cùng vây đánh, thua chạy. Chiến dịch đánh Tào rầm rộ vậy nay phải kết thúc. Mã Siêu và Mã Đại chạy loanh quanh, rồi an thân tại chỗ Trương Lỗ ở Đông Xuyên.

Năm 213, Lưu Bị muốn lấy Thành Đô làm căn cứ. Nhưng quân sư Bàng Thống vì mắc mưu đại tướng Tây Xuyên là Trương Nhiệm mà bị bắn chết. Lưu Bị đành phải sai người về kinh châu mời Gia Cát Lượng tới. Gia Cát Lượng tới, lấy được Lạc thành, thừa thế lấy luôn Miên Trúc, đang định đánh Thành Đô thì nghe tin. Lưu Chương ở Thành Đô, đã liên kết với Trương Lỗ, Trương Lỗ cho Mã Siêu đem quân đến cứu viện Tây Xuyên, hiện đang đánh gấp cửa ải Hạ Manh. Trương Phi nghe vậy, xin cùng quyết chiến với Mã Siêu. Hai người đánh nhau mấy ngày, thậm chí đốt lửa đánh cả đêm, vẫn không phân thắng phụ. Gia Cát Lượng thấy Mã Siêu võ nghệ cao cường, không muốn cho Trương Phi đánh tiếp, định dùng kế phản gián để thu phục Mã Siêu.

Gia Cát Lượng biết Trương Lỗ có mưu sĩ Dương Tùng, Trương Lỗ rất tin dùng mưu kế của Dương Tùng, nhưng Dương Tùng là người tham của, nên trước hết Gia Cát Lượng sai sứ giả đi hối lộ Dương Tùng, lại viết thư cho Trương Lỗ nói: "Ta tranh giành Tây Xuyên với Lưu Chương là có ý trả thù cho xã tắc, không nên nghe lời ly gián. Thành công xong

bảo đảm cho người làm Hán trung vương". Trương Lỗ nhận được thư rất mừng, lại có Dương Tùng hùn vào, bèn lệnh cho Mã Siêu rút binh. Nhưng Trương Lỗ mấy lần cho sứ giả tới. Mã Siêu đều cho rằng việc chưa thành, không nên rút quân, cự tuyệt lệnh của Trương Lỗ. Dương Tùng thừa cơ nói rằng Mã Siêu có ý làm phản, Trương Lỗ bèn sai Trương Vệ giữ chặt quan ải, đề phòng Mã Siêu gây biến, sau đó Trương Lỗ cho người nêu ra những điều kiện khắc nghiệt, Mã Siêu hết cách đành phải bãi binh, nhưng khi về tới quan ải, Trương Vệ đã nghe lời Dương Tùng, nói Mã Siêu có lòng khác, không cho vào quan. Mã Siêu còn đang tiến thoái lưỡng nan thì thuyết khách của Lưu Bị đến.

Mã Siêu vốn không muốn hàng, nghe thấy thuyết khách của Lưu Bị tới, bèn dặn các đạo thủ, chỉ cần ông ta hét một tiếng, sẽ nhất tề xông ra băm vằm thuyết khách Lý Khôi. Mã Siêu gặp Lý Khôi, phủ đầu luôn:

- Kiếm của ta vừa mài sắc, mi thử nói xem, hể nói không thông, ta sẽ lấy mi để thử kiếm!

Lý Khôi cười nói:

- Họa lớn của tướng quân ở ngay trước mặt, kiếm mới mài e không kịp thử ta mà sẽ thử ngay tướng quân đó!

Mã Siêu giật mình:

- Ta việc gì mà có họa?

Lý Khôi nói:

- Tướng quân trước không cứu được Lưu Chương, mà đuổi quân Kinh Châu đi sau không chống được Dương Tùng để thấy mặt Trương Lỗ, tiến thoái đã hết đường, nếu lại thất bại như năm nào đánh Tào Tháo, chẳng lẽ còn mặt mũi nhìn thiên hạ sao? Lưu Hoàng thúc kính nước hiền trọng kẻ sĩ, có thể thành nghiệp lớn, huống hồ Hoàng thúc từng cùng phụ thân tướng quân làm quan, đánh giặc, tướng quân chỉ theo Hoàng thúc là đúng lý nhất?

Mã Siêu nghe xong, như tỉnh giấc mơ, từ đó thành tâm theo Lưu Bị, sau được phong làm một trong năm "hổ tướng".

Ba nước Ngụy, Thục, Ngô hình thành thế ba chân vạc không lâu, Ngụy chúa Tào Phi ốm chết, con lớn Tào Duệ nối ngôi, phong Tư Mã Ý làm phiêu kỵ đại tướng quân, Tư Mã Ý xin được giữ vùng Ung Lương. Lúc này Gia Cát Lượng đã "an cư bình ngô lộ" tự dẫn binh về nam "bảy lần bắt sống Mạnh Hoạch", làm cho vùng biên cương nhiễu loạn bao năm giờ đã dẹp yên, ông chuẩn bị xuất binh phạt Ngụy. Nhưng Gia Cát Lượng nghe tin Tư Mã Ý làm đại tướng quân, cả kinh mà rằng:

- Tư Mã Ý là người tài giỏi, nếu huấn luyện xong quân Ung Lương, sẽ thành đại họa, nên sớm xuất binh đánh Ngụy.

Tham quân Mã Tắc nói:

- Chúng ta vừa chinh chiến miền nam trở về, người mỏi ngựa mệt, chưa nên xuất chinh. Muốn trừ Tư Mã Ý phải nghĩ cách khác.

Gia Cát Lượng hỏi dùng kế gì, Mã Tắc nói:

- Tư Mã Ý tuy là đại tướng nước Ngụy, Tào Duệ vẫn tin rằng Ý muốn phản, giả làm bố cáo của Tư Mã Ý, Tào Duệ tất nghi mà giết Ý.

Gia Cát Lượng nghe kế Mã Tắc, một mặt cho người bịa đặt tin, một mặt cho người giả mạo dùng danh nghĩa của Tư Mã Ý dán cáo thị, nói Tư Mã Ý muốn lập vua mới, chuẩn bị đầy binh, yêu cầu quân dân các nơi hưởng ứng. Tào Duệ nghe tin đồn, lại thấy cáo thị, rồi nghe lời đám thần tử, định giết Tư Mã Ý. Tào Chân cho rằng Tư Mã Ý được tiên vương ủy thác, không thể làm phản, đề nghị Tào Duệ, đi theo hướng tây, nếu Tư Mã Ý đến đón thì có thể biết thực hư để định đoạt.

Nghe lời Tào Chân, Tào Duệ ra đi. Quả nhiên Tư Mã Ý dẫn mười vạn quân ra đón. Tào Duệ sợ quá, tới khi Tư Mã Ý một mình đi tới trước mặt Tào Duệ, phân giải, mới rõ gian kế của người Thục. Nhưng Tào Duệ vẫn không chịu giao binh quyền cho Ý, giáng ông xuống làm thường dân, cho ông về nghỉ. Dùng kế phản gián thành công, loại trừ được đối thủ, Gia Cát Lượng yên tâm chuẩn bị đánh Ngụy.

Lần thứ nhất Gia Cát Lượng ra khỏi Kỳ Sơn, tình hình rất thuận lợi, dọc đường thế như chẻ tre, hầu như chưa gặp trận nào khó đánh. Tới Thiên Thủy, tưởng rằng phải tay là xong, không ngờ gặp phải Khương Duy trí dũng song toàn, liên tiếp thua trận. Gia Cát Lượng thấy Khương Duy là người tài giỏi hiếm có muốn dùng kế phản gián để thu phục ông.

Gia Cát Lượng dò xét biết Khương Duy là người con có hiếu, có mẹ già đang ở Ký Thành, bèn giả vờ đi đánh Ký Thành, Khương Duy nghe nói, vội xin tướng giữ thành Thiên Thủy là Mã Tôn đi cứu Ký Thành, Mã bèn cho ông ba ngàn người ngựa, Khương Duy vội phóng ngựa đi Ký Thành, tướng Thục Ngụy Diên chỉ vờ đánh mấy hiệp rồi giả chạy. Khương Duy vào thành, thăm hỏi mẹ già, lệnh cho quân sĩ phải giữ chắc thành. Gia Cát Lượng gọi tướng bị bắt của Ngụy là Hạ Hầu Mậu tới, giao ông đi Ký Thành chiêu hàng Khương Duy. Hạ Hầu Mậu trên đường gặp rất nhiều dân chạy nạn, hỏi xem thì họ đều nói Khương Duy đã hàng, Hạ Hầu Mậu vốn không muốn hàng Thục, bèn quay ngựa phóng về Thiên Thủy, chạy tới Mã Tôn, báo Khương Duy đã hàng Thục, còn thêm mắm muối tả lại cho Mã Tôn nghe.

Gia Cát Lượng tăng cường tấn công Ký Thành, một mặt cho người hóa trang giống Khương Duy đến chân thành Thiên Thủy khiêu chiến, và xưng là mình đã được phong thượng tướng quân, mắng Hạ Hầu Mậu không giữ tín nghĩa, một mình chạy trốn. Do đêm tối Mã Tôn và Hạ Hầu Mậu không nhìn rõ thật giả, càng tin là Khương Duy đã đầu hàng. Lúc này quân Khương Duy ở Ký Thành đã hết lương thảo, bèn ra ngoài cướp lương thảo của quân Thục, kết quả trúng kế của Gia Cát Lượng, bị quân mai phục giết. Khương chạy về thành Thiên Thủy, Mã Tôn cho rằng ông đã đầu hàng đương nhiên không mở cửa thành, còn chửi mắng một trận. Khương Duy không còn cách nào khác, lại chạy tiếp, nhưng

lại trúng kế mai phục của Gia Cát Lượng. Cuối cùng chỉ còn một mình một ngựa. Lúc này Gia Cát Lượng mới từ sau núi quay ra, đi xe một bánh, nói lên tấm lòng muốn chiêu hàng Khương Duy. Khương Duy rất cảm động, bèn đầu hàng Gia Cát Lượng. Từ đó Khương Duy một lòng một dạ theo Gia Cát Lượng, Gia Cát Lượng cũng truyền cho Khương Duy những điều đã học được trong đời, sau khi Gia Cát chết, giao lại sự nghiệp thống nhất Trung Quốc cho Khương Duy. Khương Duy chưa thành công, nhưng cũng đã tận trung tận trí tiếp tục sự nghiệp ấy.

Năm 230, Tụ Mã Ý dẫn bốn mươi vạn quân đánh Thục Hán, Gia Cát Lượng lần thứ tư xuất Kỳ Sơn, thảo phạt Tào Ngụy. Đại đô đốc chinh tây của Ngụy là Tào Chân vốn kém tài, phó đô đốc Tư Mã Ý cũng không phải là đối thủ của Gia Cát Lượng. Kết quả, Gia Cát Lượng mưu cướp quân Tào, Tào Chân uất chết, lại bày trận bát quái, đánh đuổi quân Ngụy tới Nam Vĩ Thủy, chuẩn bị đánh lấy Trường An. Quân Ngụy rất lo sợ. Lúc này Cầu An do tài lương thực nhờ việc bị Gia Cát Lượng phạt đồn, bỏ chạy sang hàng Tư Mã Ý, Tư Mã Ý hèn nghĩ ra một kế, sai Cầu An về Thành Đô gieo rắc tin đồn.

Cầu An về Thành Đô, tung tin khắp nơi rằng Gia Cát Lượng cậy công lớn, oán giận hậu chúa, trước sau cũng thoán quyền xưng đế, nhất là gặp bọn hoạn quan trong cung, hẳn càng thêm thất nói như thật. Bọn hoạn quan nghe được vội tâu với hậu chúa Lưu Thiện, hậu chúa bắt tài hôn muội, nghe

nói sợ quá không biết làm sao, hoạn quan bày cho ông ta một cách, đó là cho gọi Gia Cát Lượng về kinh, trước hết bình quyền của ông. Hậu chúa chẳng phân trái phải, đồng ý ngay. .

Gia Cát Lượng nhận được chiếu thư rút quân, đành ngửa mặt lên trời mà than, cho rút quân. Ông dùng phép "giảm quân thêm bếp" (hàng ngày đắp thêm nhiều bếp để quân địch ngỡ là có thêm quân mai phục) để dọa Tư Mã Ý. Ý không dám đuổi theo. Gia Cát Lượng rút về Thành Đô an toàn. Gặp hậu chủ, Gia Cát Lượng hỏi sao rút quân, Hậu chủ trầm ngâm một lát cúi đầu nói:

- Lâu không gặp thừa tướng, rất nhớ nên gọi thừa tướng về.

Gia Cát Lượng nói:

- Đây không phải là ý của bề hạ, nhất định có gian thần tung tin bậy nói xấu thần.

Hậu chủ nín lặng, Gia Cát Lượng nói tiếp:

- Trong có kẻ gian, thần sao đánh giặc được ở bên ngoài.

Hậu Chủ bấy giờ mới nhận sai:

- Trẫm nghe tin đồn của bọn hoạn quan, gọi khanh về, giờ hối đã muộn.

Gia Cát Lượng điều tra mới biết do Cầu An tung tin đồn nhảm, cho người đi bắt thì Cầu An đã chạy sang nước Ngụy.

Gia Cát Lượng trọng đời sáu lần ra Kỳ Sơn, để hoàn thành nghiệp lớn phạt Ngụy, chỉ có lần thứ tư tình thế thuận lợi nhất, thì bị trúng kế phản gián của Ngụy mà đi đứt. Đỗ Phủ

trong bài thơ: "Thục tướng" cảm thán về Gia Cát Lượng như sau:

*Xuất quân chưa thắng thân đã mất
Khiến để anh hùng lệ thấm khăn*

Anh hùng không sợ hổ báo, nhưng chưa chắc không sợ kiến ong bọ chó, kẻ phản gián tuy nhỏ, nhưng tác dụng lớn biết bao.

Khuông Duy không phụ sự yêu quý và tin cậy của Gia Cát Lượng, trải qua bao gian khổ tấn công Trung Nguyên, trong bốn lần tấn công thì hai lần trúng kế phản gián bỏ lỡ những thời cơ hiếm có, thực tiếc thay.

Khuông Duy ra trận, đúng có thể nói là đã đền đáp được ơn tri ngộ của Gia Cát Lượng. Khi hậu chủ đồng ý cho ông đi đánh Ngụy, có tướng lĩnh đã từng nói với ông:

- Tào Ngụy lập nước đã lâu, rất khó đánh, nước ta đất nhỏ, tài lực mỏng, tấn công khó nắm phần thắng, nên giữ lấy biên cương, bảo toàn quân lực là hơn.

Khuông Duy than rằng: "Gia Cát thừa tướng đã thấy tam phân thiên hạ từ sớm mà vẫn sáu lần ra Kỳ Sơn, tiến đánh Trung Nguyên. Ta nhận di mệnh của thừa tướng, chỉ có thể kế tục nghiệp lớn của thừa tướng, tận trung báo quốc, chết sống thành bại đâu có sá gì".

Khuông Duy xuất chinh, gặp ngay tướng Ngụy nổi tiếng là Đặng Ngải, hai bên giao trận, Khuông Duy thua nhiều thắng

ít, nhiều lần phải rút về phòng thủ, nhưng chinh đồn xong lực lượng lại tấn công. Mãi sau nhờ phép bày trận mà thắng. Đặng Ngải thua to suýt mất mạng. Nhưng Khương Duy liên tục vây hãm, Đặng Ngải rất lo, nếu cứ thế này mãi sẽ bị Khương Duy bắt sống, bèn hỏi kế các tướng, Tu Mã Vọng nói:

- Gần đây Hậu chủ nước Thục sùng tín hoạn quan Hoàng Hạo, đêm ngày đắm trong tiểu sắc, không rõ việc đời, nếu dùng kế phản gián, có thể thành công.

Đặng Ngải hỏi các mưu sĩ:

- Ai có thể vào Thục bắt liên lạc với Hoàng Hạo?

Lời hỏi chưa dứt, đã có người xin đi, đó là Đảng Quân người Tương Phong. Đặng Ngải mừng lắm, bèn sai Đảng Quân mang nhiều lễ vật nhanh chóng lên đường đến Thành Đô.

Đảng Quân tới Thành Đô, tung tin khắp nơi là Khương Duy bất mãn với Hậu chủ, trước sau cũng đầu hàng nước Ngụy, và dùng nhiều vàng bạc hối lộ Hoàng Hạo, để hắn tìm cách nói với Hậu chủ. Ít lâu sau, khắp Thành Đô ai cũng nói Khương Duy sắp hàng nước Ngụy, lại thêm Hoàng Hạo thúc bầy, Hậu chủ bèn lệnh cho Khương Duy rút quân về.

Khương Duy bỏ vậy đem quân về Thành Đô, gặp Hậu chủ, tình hình hoàn toàn giống như năm nào Gia Cát Lượng bị gọi về. Khương Duy trách Hậu chủ, Hậu chủ không biết nói sao đành nói:

- Trẫm không nghi ngờ khanh, chỉ muốn khanh tạm lui về Hán Trung, đợi khi nước Ngụy có nội loạn hãy đi phạt Ngụy.

Khuông Duy nghe xong, chỉ đành thờ dài trở ra.

Quả nhiên, nước Ngụy nội loạn. Tư Mã Chiêu nắm đại quyền, vin cớ Ngụy vương Tào Hạo coi thường thần tử, nổi loạn giết Ngụy chủ và một số đại thần, lập Tào Cường làm vua mới. Khuông Duy mừng rỡ, nói:

- Nước Ngụy có nội loạn, lòng người chao đảo, đúng là thời cơ để đánh Ngụy.

Ông đến Thành Đô xin phép Hậu chủ chuẩn bị xuất quân. Trước khi đi, ông nói với hậu chủ:

- Lần này ra quân, thần quyết lập công trở về. Xin bệ hạ gần hiền thần, xa tiểu nhân, để thần khỏi phải lo việc ở nhà.

Lúc đó Hoàng Hạo đang ở bên, Khuông Duy trừng mắt nhìn làm Hạo sợ phải chạy đến nép sau lưng Hậu chủ. Khuông Duy lần này ra quân thuận lợi, đánh cho Đặng Ngải thua liên tiếp, không những hao binh tổn tướng mà suýt nữa thì mất mạng, sau cơ vào phòng thủ trong trại, bị Khuông Duy vây chặt.

Đặng Ngải vất vả giữ được nửa tháng, xem ra khó chống nổi, bèn nhớ tới Đặng Quân lần trước đã thực hiện kế phản gián. Đặng Ngải gọi Đặng Quân tới, cho y mang nhiều tiền của đi hối lộ Hoàng Hạo, Đặng Quân đêm ngày đi tới Thành

Đô, vào gặp Hoàng Hạo. Hoàng Hạo thấy nhiều tiền bạc đã mừng, nói với Đặng Quân:

- Tướng Đặng Ngải của các ông lại bị Khương Duy vây rồi phải không?

Đặng Quân thông thả đáp:

- Bị vây rồi, Đặng tướng quân chuẩn bị rút về Vị Thủy. Nghe nói Khương Duy chỉ trích công công chuyên quyền trong triều, dõng ông ta lấy được Kỳ Sơn, lập công lớn sẽ về chinh đốn triều đình. Lần trước nhờ công công giúp đỡ, Đặng tướng quân lo cho công công nên sai tôi đến báo tin.

Hoàng Hạo nghe xong, sợ cuống lên, không cần phải Đặng Quân tung tin mà ngay chính hắn gặp ai cũng nói là Khương Duy oán giận hậu chủ, sắp hàng Ngụy, có đây ba ngày, tiếng đồn đã lan khắp kinh thành. Lúc đó Hoàng Hạo mới vào báo Hậu chủ, Hậu chủ không nhớ bài học trước, lại nghe theo kiến nghị của Hoàng Hạo, gửi liên tiếp ba đạo chỉ đêm ngày đưa ra Kỳ Sơn, yêu cầu Khương Duy đưa quân về. Khương Duy mãi tới khi nhận được đạo chiến thứ ba mới thờ dài mà lui quân. Quân Đặng Ngải mệt mỏi quá cũng không dám truy kích.

Khương Duy cho quân nghỉ ở Hán Trung, rồi cùng sứ giả về Thành Đô, Hậu chủ liền mười ngày không vào triều, Khương Duy gặp đại phu Khước Chính, Khước đại phu mới nói chuyện Hoàng Hạo phao tin cho ông rõ. Giận quá, Khương Duy xông vào cung, thấy Hậu chủ đang cao hứng

uống rượu, Hoàng Hạo đứng bên rót rượu. Hoàng Hạo thấy Khuông Duy vào sợ quá, vội chạy vào phía sau hòn non bộ. Khuông Duy chất vấn Hậu chủ, Hậu chủ không nói được lí do. Khuông Duy yêu cầu giết Hoàng Hạo, Hậu chủ lại xin tha cho Hạo. Thấy vậy, Khuông Duy chỉ còn thờ dài mà ra khỏi cung. Về sau Khuông Duy nghe theo lời đề nghị của Khuê đại phu đi về đồn Đạp Trung, một là để tích trữ quân lương, hai là để nắm quân quyền, ba là có thể tránh mưu hại. Khuông Duy từ chỗ vây khốn địch mà đến nỗi bị xúc xiểm mà phải đi tránh nạn. Hiệu quả của kế phản gián thật kinh người.

Trong các loại kế sách của "Tam quốc chí", những kế lợi dụng quan hệ giữa người với người, e rằng đầu tiên phải kể là kế phản gián, sau đó là kế trá hàng. Trong mọi thủ mưu kế, dù ở đâu thì kế phản gián vẫn là thượng sách. Đặc điểm đầu tiên của kế phản gián là khó đề phòng, hậu chủ Thục Lưu Thiện là kẻ bất tài hơn mười không phân biệt được phải trái, nhiều lần thua kế phản gián đã đành, mà Tào Tháo người chuyên dùng mưu kế hại người mà vẫn trúng kế phản gián, cho nên kế này dùng với ai cũng được, chỉ cần dùng cho đích đáng. Đặc điểm thứ hai của kế phản gián là hiệu quả lớn, một khi thành công, có thể quyết định sự thắng bại của cả cuộc chiến tranh, thậm chí sự tồn vong của cả quốc gia. Đặc điểm thứ ba của nó là "giá thành hạ", đặc điểm của kế phản gián là lợi dụng tư tưởng hành vi trong quan hệ con người, nói chung không cần nhiều nhân lực, vật lực, nên nếu có thất bại thì tổn thất cũng không đáng kể.

Kế phản gián sao cứ thành công mãi như vậy? Nguyên nhân cơ bản là nó đã lợi dụng một trong những bản tính của con người: "Nghĩ ngờ". Nghĩ ngờ là trạng thái tâm lý mà tình cảm và lý trí lẫn lộn, trong trạng thái tâm lý đó, con người dễ có những phán đoán và quyết định sai lầm ngay cả người thông minh cũng không phải là ngoại lệ. Cho nên, kế sách xây dựng trên tâm lý tầng sâu của con người đó, dù ở đâu, lúc nào nó cũng có thể giành được thành công.

Nhưng, nói bao nhiêu âm mưu kế sách như vậy, nghĩ lại thấy cũng khó hiểu, đạo lý tu thân truyền thống dạy người phải thành thực, mà phương pháp lập nghiệp truyền thống lại dạy người phải mưu trí, vậy thế nào là đúng? Hai điều đó có cùng tồn tại không? hay là xung khắc nhau? Làm một người quân tử thành thực khiêm tốn thì hơn hay là làm nên sự nghiệp lẫy lừng thì hơn? Thực ra, lịch sử và thực tế đều chưa mang lại những câu trả lời xác đáng.

63. ĐẠI GIAN THẦN VÔ CÔNG, VÔ ĐỨC, VÔ TÀI MÀ VẪN THẬU TÓM ĐƯỢC QUYỀN HÀNH

Phải nói rằng trong lịch sử Trung Quốc cổ đại, tầng lớp thống trị rất chuộng nhân tài.

Hãy bắt đầu từ thời Xuân Thu Chiến Quốc, lúc đó các chư hầu tranh bá, ai cũng muốn giữ được nước mình, giỏi hơn người, thậm chí có thể xưng bá chư hầu, đương nhiên nếu lại thôn tính được chư hầu khác thì đã đạt mục đích cuối cùng. Tranh nhau nhiều năm, những chư hầu sáng suốt bỗng tỉnh ngộ, muốn tranh bá, trước hết phải tranh nhân tài. Thế là tình hình tấp nập hẳn lên, người Sở có thể được Tần dùng, người Tề có thể được Tần dùng, trong toàn bộ lịch sử cổ đại Trung Quốc, e rằng không có thời nào có một "thị trường nhân tài" như thời Xuân Thu Chiến quốc. Thị trường nhân tài lúc bấy giờ phải nói là rất tự do, so với thị trường tự do ngày nay còn tự do hơn nhiều, không ai đánh thuế, không ai quản lý, ra nước ngoài không phải thị thực, về nước không phải báo cáo, có thể gọi là "thế giới tự do".

Thời đó những ví dụ về việc thu được một nhân tài mà nước giàu dân mạnh thì nhiều lắm. Yên Chiêu vương xây đài chiêu hiền bằng vàng, mời được Nhạc Nghị từ nước Ngụy đến, nên đánh được hơn bảy mươi thành trì của nước Tề, suýt nữa tiêu diệt nước Tề, báo được thù nước Yên bị Tề làm nhục. Ngũ Tử Tư từ Sở chạy sang Ngô, cuối cùng dẫn quân Ngô về đánh bại nước Sở lớn mạnh, còn khai quật thi thể Sở vương (tức Sở Bình vương ND) báo được thù riêng, làm cho người nước Ngô mạnh hẳn lên. Tề Hoàn công vì bỏ qua thù cũ, đem nước nhà phó thác cho Quản Trọng người Tề từng bắn lên mình, mới hợp nhất được chín chư hầu, giành cả thiên hạ, chiếm vị trí hàng đầu của ngũ bá^(*) thời Xuân Thu. Nhưng thực sự nhờ được nhân tài các chư hầu phục vụ cho mình, phải kể là nước Tần.

Nước Tần vốn là một nước nhỏ ở biên thù, lúc đầu tên hiệu còn chưa có, chỉ vì tăng thêm được mấy trăm quân giúp Chu Bình vương đánh đuổi Tây Nhung, mới được Chu thiên tử coi trọng, bằng lòng cho nước Tần có thể mở mang thêm bờ cõi xung quanh, lúc đó nước Tần mới được biết đến trong chư hầu. Nhưng Tần vẫn còn rất nhỏ, không thể so lực lượng với các nước lớn phía đông như nước Trịnh, nước Tề. Vua Tần nhận thấy rõ ràng, muốn phát triển phải mở cửa với ngoài, thu hút nhân tài bên ngoài.

()*: Ngũ bá: Năm chư hầu mạnh (Tề, Tần, Tấn, Tống, Sở), (ND.).

Tần Mục công có thể nói là người đặt nền móng cho sách lược thu phục nhân tài của Tần. Trong thời gian chấp chính ông chú trọng chiêu nạp nhân tài, dùng năm bộ da cừu lấy được Bách Lý Hề người nước Ngụy, lại mời được Kiến Thúc người nước Tấn, trọng dụng Tây Khất Thuật, Bách Ất Bình, Công Tôn Chi v.v.. làm cho nền chính trị quân sự của nước Tần dần cường thịnh. Những văn nhân võ tướng đó tuy từ nhiều nước chư hầu tới, nhưng đều hết lòng làm việc cho nước Tần, làm cho nước Tần tiến bộ hẳn lên một bậc về chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa.

Sau một thời kỳ gần ba trăm năm, nước Tần vẫn chưa có điều kiện phát triển, tuy mạnh nhưng muốn thống nhất được chư hầu thì khó. Lúc này có một người ở nước Vệ tới tên là Vệ Ưởng (tức Thương Ưởng), Tần Hiếu công thấy ông có tài, bèn tin nhiệm ông cho ông thực hiện biến pháp (cải cách pháp chế), nước Tần quả nhiên bước vào con đường "pháp trị", nhanh chóng cường thịnh. Trong quá trình thống nhất sáu nước, nước Tần thường cảm thấy đánh nước này lại không đối phó được nước khác, đất vừa chiếm được lại phải bỏ, đánh bao nhiêu năm, bao vất vả mà kết quả rất ít. Tần Chiêu vương trọng dụng Phạm Chuy từ nước Ngụy tới làm tướng quốc, Phạm Chuy mới vạch cho Tần vương sách lược "Viễn giao cận công" tức là giao hảo với nước ở xa tiến đánh nước ở gần. Với sách lược đó, Tần chiếm được tấc đất nào thì giữ được tấc đất đó, không bao giờ phải lo mất nữa huống hồ lại được các nước ở xa đồng tình và ủng hộ. Chính sách ngoại

giao đó quả nhiên kiến hiệu, đã đặt nền móng chắc chắn cho Tần Thủy hoàng thống nhất Trung Quốc. Khi Tần Thủy hoàng thống nhất Trung Quốc, lại có một tể tướng nổi tiếng là Lý Tư, ông là học trò giỏi của Tuân Tử, người nước Sở, ông không những giúp Tần Thủy hoàng diệt được nước Sở, nước Tề mà còn có công đề xướng và thực hiện thành công chính sách thiết lập các quận huyện, một chính sách có ý nghĩa lịch sử.

Kể cũng lạ, mỗi bước phát triển trọng đại của lịch sử nước Tần đều do những "người nước ngoài" trực tiếp làm nên.

Kinh nghiệm lịch sử nước Tần rất đáng được chú ý.

Chế độ khoa cử của nhà Đường rất phát đạt, mục đích của nó cũng chỉ là tuyển chọn nhân tài cho tầng lớp thống trị. Một lần, khi Đường Thái tông nhìn thấy các sĩ tử được tuyển dụng lũ lượt vào, ông vui sướng cười ha ha.

- Anh hùng thiên hạ đều vào trong dãy cửa ta vậy!

Ý muốn nói anh hùng thiên hạ đều do ta sử dụng, sự đặc ý của ông đã thể hiện qua lời nói. Đến đời Tống, chế độ khoa cử càng phát triển hơn, số sĩ tử tuyển dụng bình quân mỗi năm nhiều gấp mấy lần triều Đường, thu sạch kẻ học thức trong thiên hạ. Các triều Minh Thanh sau Tống cũng đều vậy. Có lúc nhà vua cũng tự tham gia sát hạch vấn đáp để chọn người tài cho đất nước. Dù thấy việc lựa chọn nhân tài được chú ý thế nào! Nhưng cũng lạ, kẻ thống trị phòng kiến Trung Quốc coi trọng nhân tài nhưng vậy, nhưng trong triều chưa

chắc ai ai cũng đều là người tài. Chư công xiêm áo chễm chệ trên triều, nhiều người thực ra là bất tài. Gian thần Giả Tự Đạo những năm cuối đời nhà Nam Tống là một đại gian thần vô công, vô đức, vô tài mà lại thâu tóm được quyền hành.

Người ta thường nói: "Loạn thế xuất gian thần, gian thần tạo loạn thế" (Thời loạn sinh ra gian thần, gian thần làm loạn thời thế). Những năm cuối đời nhà Nam Tống mâu thuẫn giữa Tống và Kim đã đến mức bùng cháy, không bên này chết thì bên kia mất, nếu triều đình Tống có thể chinh đồn triều chính thì cũng không đến nỗi trước bị người Kim ức hiếp, sau bị người Mông Cổ tiêu diệt. Khốn nỗi hôn quân kế tiếp hôn quân, gian thần lại dọn đường cho gian thần, cuối cùng triều đình Nam Tống ngày càng suy sụp, không có cách nào vươn lên được. Trong thời kỳ này, những anh tài tuấn kiệt nếu không bị giết hại thì cũng bị nạn nơi xa để bảo toàn tính mạng, chỉ còn những bọn gian nịnh thì nhu nhũ nặng xanh bầu kín triều đình.

Giả Tự Đạo, sinh năm 1212 (Tống Ninh tông Gia Định năm thứ năm), người Đài Châu (nay là Ninh Hải, Chiết Giang). Cha y là Giả Thiệp có chút vốn liếng, yêu một người đàn bà đã có chồng họ Hồ ở huyện triều Đường, nửa lừa nửa mua, lấy được bà về làm tì thiếp, bà Hồ Thị đó chính là mẹ đẻ của Giả Tự Đạo. Sau này Giả Thiệp rời chức vụ huyện thừa huyện Vạn ở Tứ Xuyên, về làm Hoài Đông Chế tri sứ. Do được thăng quan, mặt khác vợ Giả Thiệp rất ghen không

chấp nhận Hồ Thị, Giả Thiệp đành phải giữ lấy con là Giả Tự Đạo, bỏ bà Hồ Thị ở lại huyện Vạn. Về sau bà Hồ Thị không nơi nương tựa, đành lấy một người thợ đục đá. Người thợ đá này do lấy bà Hồ Thị, về sau bị Giả Tự Đạo sai người giết chết. Cha của Giả Tự Đạo tuy chức quan không phải cao lắm, nhưng đủ no cơm ấm áo. Tuổi nhỏ của Giả Tự Đạo coi như sống trong cảnh sung túc quý tộc. Không ngờ năm Giả Tự Đạo mười tuổi, Giả Thiệp bỗng ốm chết, thế là cuộc sống gia đình mất chỗ tựa, gia cảnh bỗng trở nên khốn đốn. Giả Tự Đạo tính vốn nông nổi, sau khi cha mất, mẹ đẻ không biết trôi dạt nơi đâu, nên không ai dạy dỗ, y dần dăm với bọn lưu manh vô lại, chơi bời sa đọa, không chịu làm ăn chính đáng. Có lẽ quãng đời lưu manh đó có tác dụng rất lớn giúp cho y sau này tự tìm lấy chỗ đứng trong đời và tự giành giật quyền hành trong triều.

Đời Tống, triều đình có một quy định không thành văn: con cháu của những người quan cao, hoặc có công lớn thường được phong cho một chức quan nhất định, gọi là "Ân âm", tức chút ân huệ cho con cháu. Giả Tự Đạo cũng nhận chút mưa móc của triều đình, được phong làm ti thương Gia Hưng. Tuy đó chỉ là chức quan nhỏ quản lý kho lương thực cấp huyện, nhưng cũng đủ cho y no cơm ấm áo, thoát khỏi cảnh sống lưu manh. Nhưng muốn từ một chức quan nhỏ như vậy, thông qua con đường thông thường để ngai lên chức tể tướng thì chỉ là ảo tưởng ngu ngốc, chỉ có duyên số ngẫu nhiên mới có thể bốc nhanh được vậy. Nhưng có điều cơ may đó quá ít, cả

vuong triều Nam Tống, may ra chỉ có lấy một hai người mà thôi, mà Giả Tự Đạo thì đúng là người may tự có số trời, vận may đã đến với y. Viên quản lý kho vô công, vô đức, vô tài đó từ đây nhẹ bước mây xanh.

Nguyên là, người chị cùng cha khác mẹ của Giả Tự Đạo được tiến vào cung, người con gái họ Giả Thị đó vừa xinh đẹp tuyệt vời, vừa nhanh nhẹn khéo léo, được Lý tông sủng ái, lập làm quý phi. Giả phi thật là người hiền đức, sau khi được vua sủng ái, không lúc nào quên người em, suốt ngày rì rầm bên tai vua, khen người em bà hiền đức như thế nào, tài giỏi như thế nào, Lý tông chẳng cần hỏi phải trái, cất nhắc ngay cậu em vợ.

Tổng Lý tông Triệu Vân là vị hôn quân trong lịch sử Trung Quốc. Ông vốn là người dòng dõi Triệu Tống lưu lạc trong dân, tổ tiên làm quan gì cũng không biết. Ai hay duyên số tìm tới chàng thanh niên lưu lạc này. Tể tướng của Ninh tông là Sứ Di Viễn muốn giữ quyền thế của mình, quyết tâm phế bỏ vị thái tử rất ghét mình, để tránh sau này thái tử lên ngôi, bản thân có thể bị diệt tộc. Thế là Sứ Di Viễn cho người tìm được Triệu Vân trong dân dắt về, đưa chàng thanh niên áo vải nhếch nhác này lên làm cháu của thái hậu, sau đó phế bỏ thái tử, lập Triệu Vân làm thái tử. Sau khi Tống Ninh tông Triệu Khuếch mất, Sứ Di Viễn dựng Triệu Vân lên ngôi, tức Tống Lý tông. Lý tông từ người bình dân áo vải bỗng nhiên lên bậc thiên tử, thiếu sự chuẩn bị tư tưởng, lại thêm thừa tướng Sứ Di Viễn, nắm hết quyền hành, ông vua này chỉ chú ý hưởng lạc,

đâu nghĩ gì đến việc đại sự quốc gia. Vì thế Lý tông trở thành một trong những hôn quân nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

Lý tông trong một số năm đã liên tục đề bạt Giả Tự Đạo, trước hết làm tịch điền lệnh, thái thường thừa, quân khí giám, sau nâng hẳn lên làm đại tống chính thừa. Giả Tự Đạo đã làm được những việc gì? Thói lưu manh năm nào của y được thực sự phát huy cao độ, y tự hạ nơi cò bạc, chơi bởi chốn lầu xanh. Nhất là trên hồ Tây, du thuyền của y lớn nhất, con hát nhiều nhất. Chơi đêm trên hồ, chỗ nào đèn đuốc sáng nhất là chỗ của Giả Tự Đạo. Lúc đó vẫn là tế tướng Sử Di Viên chuyên quyền, Giả Tự Đạo bèn tìm cách chơi thân với bọn nhà họ Sử như Sử Cao Chi, Sử Nham. Khi có người tố cáo. Giả Tự Đạo chơi bởi phóng đảng, ảnh hưởng lễ giáo đạo học, Lý tông liền giao cho tri phủ Lâm An là Sử Nham điều tra hành tung của Giả Tự Đạo. Sử Nham biết chị của Giả Tự Đạo là Lý tông, Giả Tự Đạo lại chơi thân với mình, sao chịu báo cáo sự thực, ông ta nói với Lý tông: "Giả Tự Đạo tuy có hành động không đúng, nhưng chỉ là thói chơi tuổi trẻ không hại gì phong hóa. Nhưng xem tài ông ta, hình như có thể trọng dụng. Lý tông nghe thấu hiểu như vậy, lại an tâm. Lý tông vốn không muốn xử phạt Giả Tự Đạo, bèn điều y về làm tri châu Phong. Tuy không làm quan ở kinh, nhưng phẩm hàm vẫn tương đương, lại có thực quyền, đối với Giả Tự Đạo mà nói, biết đâu lại cũng tốt.

Lý tông đặc biệt sủng ái Giả Tự Đạo, e rằng việc đó có liên quan đến tâm trạng u buồn của Lý tông. Lý tông được Sử Di

Viễn dụng lên, sau khi chấp chính, Lý tông cũng đã từng nghĩ đến việc gây dựng cơ đồ, nhưng Sử Di Viễn chuyên chuyên quyền mấy chục năm, trong triều thì phe đảng của họ Sử đầy đặc, tuy trừ được "tam hung" của gian đảng họ Sử, nhưng chẳng có tác dụng bao nhiêu tới việc xóa bỏ tập đoàn Sử Di Viễn, cho nên nửa đầu thời gian chấp chính của Lý tông chủ yếu là bị tập đoàn Sử Di Viễn khống chế, trong triều thần rất khó tìm thấy một bầy tôi tâm phúc. Vì vậy, Lý tông đối với em trai của sùng phi họ Giả có để ý hơn. Từ năm 1241 đến năm 1257, Giả Từ Đạo từ tri châu Phong châu, lần lượt lên Lương Hoài chế tri đại sứ, kiêm nhiệm Hoài Đông an phủ sứ, Tri Dương châu, sau lên đến tham tri chính sự, Tri Khu mật viện sự. Khi quyền lực của Giả Tự Đạo mạnh dần lên, thì Sử Di Viễn qua đời, con ông ta là Sử Cao Chỉ về nhà thụ tang, phe đảng của Sử mất dần quyền lực, nhưng tiếp đó là bọn Đồng Khánh Thân, Đinh Đại Toàn xu phụng Lý tông để nắm quyền. Những người này, đối ngoại không chống Kim, đối nội không có tài yên nước, chỉ một mực dẫn dắt Lý tông đi vào hưởng lạc, vì thế, trong triều không còn lấy một người chính trực, triều đình chỉ còn là cái khung rỗng. Quân Kim mà đánh tới, Lý tông sẽ không biết lo liệu ra sao.

Tháng 2 năm 1259, kha hân^(*) Mông ca (Mông Cổ) chia quân làm ba cánh tấn công Nam Tống. Trọng trấn biên giới của Nam Tống là Ngạc châu bị vây đã mấy tháng, bọn Đồng

(*) "Kha hân" (hay "khan"); trước là chủ lãnh chúa, chúa tể... người Mông Cổ (ND).

Tổng Thần vẫn giấu kín tin tức, không cho Lý tông biết. Về sau, các đại thần luýnh quýnh chuẩn bị bỏ chạy, Lý tông mới biết người Mông cổ sắp đánh đến. Lý tông không nghĩ chuyện đề kháng, mà lại cho bọn Đồng Tổng Thần, Đinh Đại Toàn chuẩn bị rồi đồ chạy trốn, việc đó làm cho các triều thần chính trực kịch liệt phản đối, trước yêu cầu mạnh mẽ của Văn Thiên Tường cùng một số quan lại khác, Lý tông đành cách chức hai người, để Ngô Tiềm và Giả Tự Đạo chủ trì việc triều chính.

Giả Tự Đạo với cương vị tả thừa tướng kiêm khu mật sứ cầm quân ra trận, đây là bước đầu sự chuyên quyền làm hỏng việc nước. Cách qua trọng để giành được quyền lực là báo sai chiến công.

Giả Tự Đạo đương nhiên không có tài chỉ huy, càng không có dũng khí chiến đấu, trên đường hành quân về Hoàng Châu, từ xa nhìn thấy một cánh quân, tướng quân Mông Cổ đánh tới, Giả Tự Đạo sợ quá vội ôm đầu than: "Phen này chết mất! Phen này chết mất!" Đến khi quân sĩ phát hiện cánh quân trước mặt không phải quân Mông Cổ mà là một đám phiến quân của Nam Tống, Giả Tự Đạo mới đủ lòng tin, chỉ huy quân đội chiếm ưu thế tuyệt đối đánh đuổi được đám phiến quân. Lúc này, cuộc chiến đấu giữ thành Ngọc Châu rất ác liệt, quân dân trong thành chết và bị thương hơn vạn người, quân Mông Cổ của Hốt Tất Liệt cũng bị thương tổn nặng. Nếu kiên trì giữ, người Mông khó có thể tiến về sau. Nhưng tuy có quân dân chống đỡ mạnh mẽ, bọn Giả Tự Đạo

vẫn run sợ, khi nghe Hốt Tất Liệt huênh hoang sẽ đánh Dương Châu, Giả Tự Đạo vội sai sứ giả cầu hòa với người Mông Cổ, tự hứa rất nhiều điều kiện đầu hàng. Nhưng Hốt Tất Liệt từ chối nghị hòa, một mặt tăng cường đánh Ngọc Châu, một mặt chuẩn bị đánh Dương Châu. Điều đó làm Giả Tự Đạo lo sợ muôn bề, chưa nghĩ được cách nào đối phó.

Vừa lúc đó, cánh quân Mông cổ đánh vùng Tú Xuyên, phía tây bị thua to, kha hãn Mông Ca của Mông Cổ khi đánh Hợp Châu, Tú Xuyên bị trúng tên, phát bệnh mà chết, nội bộ quý tộc Mông Cổ nảy sinh tranh giành quyền lực, Vương thất hậu phương tự lập kha hãn. Hốt Tất Liệt muốn giành chức kha hãn chuẩn bị đưa quân về phía bắc. Lúc này nếu Giả Tự Đạo biết thừa cơ truy kích, nhất định giành được thắng lợi. Nhưng Giả Tự Đạo biết rõ quân địch sắp rút, vẫn chủ động đi cầu hòa, Hốt Tất Liệt đang muốn rút, mừng quá vì vô được món bõ, bèn kí hòa ước với Giả Tự Đạo, bắt Giả Tự Đạo mỗi năm phải cống nộp rất nhiều tiền của, mới rút quân về phía bắc.

Quân Mông rút về, triều đình Đinh Nam Tống hôn mê nhu nhược trút được nỗi lo. Tống Lý tông cảm ơn Giả Tự Đạo hết sức. Giả Tự Đạo cũng rất biết đóng trò, khi quân Mông rút, giết được hơn một trăm lính kị lẻ, bố trí một cảnh tượng đại thắng rồi báo tin thắng trận về triều đình, nói đã trải qua gian khổ như thế nào, quân sĩ vất vả ra sao, giết được bao nhiêu giặc v.v..., làm cho triều đình phải tin là thực. Mặt khác y lung lạc triều thần, vừa làm cho họ không biết được sự thực,

vừa dùng họ để phong tỏa tin tức. Thế là, Giả Tự Đạo trở thành người có công lớn với quốc gia, thậm chí trở thành anh hùng dân tộc. Từ ngày quân Mông xuống nam tới nay, chưa có ai đánh lui được quân Mông như Giả Tự Đạo, thế là Giả Tự Đạo trở nên danh tiếng bằng thủ đoạn man trá của mình.

Pháp thuật của Giả Tự Đạo là dối và lừa, bần hòa ước y kí với Hốt Tất Liệt đương nhiên không thể để người khác biết, nhất là phải giấu Lý tông, nếu không mọi việc sẽ bại lộ, y sợ Ngô Tiềm tranh công đối với việc cố thủ Ngạc Châu, sợ Ngô Tiềm lộ trần tất trở giả dối của mình, bèn lấy danh nghĩa là Ngô Tiềm phản đối việc lập Triệu Kỳ làm thái tử, li gián Ngô Tiềm với Lý tông và thái tử, vu cáo rằng trong khi đánh Nguyên ông ta đã phạm sai lầm nên đã thua trận. Lý tông bèn hạ lệnh tước bỏ chức tả thừa tướng của Ngô Tiềm. Trên đường lưu đầy, Giả Tự Đạo bí mật sai người đầu độc ông, cuối cùng đã đẹp được mỗi lo trong lòng.

Lúc này Hốt Tất Liệt sai Hách Kinh đến đòi món tiền mà Giả Tự Đạo đã hứa, Giả Tự Đạo vội nhốt Hách Kinh lại để phong tỏa tin tức. Phương pháp thứ ba mà Giả Tự Đạo dùng để giành được quyền hành là tạo dư luận, tuyên truyền cho mình. Thực ra, chỉ cần tráo một chút thì cách này cũng thường có công hiệu. Khi y dẫn quân đi chi viện Ngạc Châu, tham sống sợ chết, không hề hiểu biết gì về chỉ huy tác chiến, bị Ngô Tiềm sai xuống Hoàng Châu phía hạ lưu của Hoàng Châu, còn dùn dẩy mãi không muốn đến vùng có bóng quân Nguyên. Nhưng một khi nắm quyền, những chuyện đó của y

đều trở thành công trạng, y sai người dưới trướng, thu nhặt những "danh sĩ", viết "Phúc hoa biên", thối phồng công lao "viện Ngạc" của y. Cách làm này có hiệu quả rất lớn ở thời đó, toàn thể triều đình và trăm họ dân chúng đều bị y lừa bịp một thời. Lý tông thậm chí còn tự tay viết chiếu thu ca ngợi y: "Giả Tự đạo lộng lẽ diệt địch, quên cả thân mình, dân ta như được sống lại, vương thất ta như được tái tạo".

Nhân dịp đó, Giả Tự Đạo lại lợi dụng tinh thần chống Đồng Tống Thần, Đình Đạo Toàn của triều đình, diệt hết những hoạn quan chuyên quyền và quyền thần ngoại thích. Trong thời kì chấp chính cuối của Lý tông, có thể nói là Giả Tự Đạo đã thu tóm mọi quyền hành, không ai bì nổi.

Trong thời gian nắm triều chính Giả Tự Đạo cũng sử dụng phương pháp truyền thống để bòn hoạn quan, xu nịnh, mê hoặc hoàng đế, tìm các gái đẹp đàn ngọt, hát hay, dân dụ hoàng đế mặc sức hưởng lạc. Tống Lý tông vốn hôn muội bất tài, không muốn sửa sang chính sự, nay nhờ có cây cột chống trời như Giả Tự Đạo, ngoài thì ngăn được quân Mông Cổ, trong thì lo liệu mọi việc, lại còn khuyến khích cho mình được hưởng lạc, thật chẳng còn gì bằng. Cuối đời Lý tông, Nam tống đã ruồng nát lắm. Sự sách bình luận tình hình thời đó là "như cái vại bời bời bằng giấy nát và hồ hồng, chỉ chọc khẽ là tan?"

Lý tông kể cũng còn là may, ông ta hưởng lạc mấy chục năm rồi xuôi tay mà đi, chưa đến mức là ông vua bị mất nước. Sau Lý tông là Độ tông. Độ Tông nguyên là cháu của Lý Tông, nhưng đã được kế làm con mà nối ngôi, năm đó mới

muội năm tuổi. Sau khi lên ngôi, Độ tông cũng từng tự mình giải quyết công việc triều chính, hạn chế bớt quyền lực của Giả Tự Đạo, tỏ ra giỏi giang, đúng là có làm được một số việc hay, khắp nơi nức lòng, cảm thấy Độ tông đã đem lại niềm hi vọng cho họ. Quyền lực của Giả Tự Đạo bị hạn chế rất nhiều, có người đã dâng thư vạch tội Giả Tự Đạo. Giả Tự Đạo thấy rằng nếu cú đả này tiếp diễn thì bản thân sẽ bị diệt, nên y bắt đầu giở thủ đoạn lấn quyền Độ Tông.

Giả Tự Đạo bày đặt tỉ mỉ một âm mưu lớn.

Trước hết y từ quan về ở ẩn, sau đó cho người thân tín của mình là Lã Văn Đức từ tiền tuyến chống Mông ở Hồ Bắc giả truyền tin về là Hốt Tất Liệt tự dẫn đại quân sắp đánh Hạ Đà, xem thế không ngăn nổi, có thể chẳng chiếm Lâm An, kinh thành của Nam Tống. Độ tông đang muốn cải cách lại triều chính đổ nát, mong xây nền thịnh trị, không ngờ đã bị ngay một đòn phủ đầu này. Ông lập tức triệu tập quần thần, bàn việc đem quân đi chống quân Mông Cổ, Tống Độ tông thật không thể ngờ rằng, đây triều văn võ không một ai có nửa lời nêu cách chống giữ, càng không thể có ai khảng khái nhận nhiệm vụ lên đường. Mà lúc này thì Giả Tự Đạo Đang sống trong cảnh ẩn cư nhàn hạ nơi rừng núi.

Tin báo từ tiền tuyến về, hàng chục vạn kỵ binh Mông Cổ sẽ đánh tới, yêu cầu kinh thành xây lũy phòng chống, tất cả những tin tức ấy làm cho Độ tông phải run sợ, ông không thể không nghĩ tới vị anh hùng Giả Tự Đạo đã từng đánh được quân Mông trong chiến thắng Ngạc Châu. Trong tình thế bất

buộc, ông bất đắc dĩ phải lấy danh nghĩa thái hậu mời Giả Tự Đạo xuống núi. Tả thái hậu viết thư tay, sai người kính cẩn mang đến cho Giả Tự Đạo, thế là Giả Tự Đạo yên lòng. Y còn phải làm bộ làm tịch, dùng dằng chưa chịu đi ngay, yêu cầu phải có lệnh phong chức của Độ tông. Độ tông không còn cách nào khác, đành phải phong y làm tiết độ sứ, tôn y làm thái sư, còn phong y làm bình chương quân quốc đại sự (tức thủ tướng) còn gia phong y làm Ngụy quốc công. Bấy giờ, Giả Tự Đạo mới uể oải xuống núi "lo việc nước".

Giả Tự Đạo thừa biết tin báo động là giả, đương nhiên khảng khái nhận nhiệm vụ lên đường chống giặc, còn làm bộ chẳng từ gian nan, quyết tâm thắng lợi. Ông xin làm lễ "tiết thành" rồi sẽ lập tức xuất chinh, điều đó làm Độ Tông cảm động rơi nước mắt, trăm quan cũng thấy thẹn với trời đất. Nghi thức "tiết thành" của thiên tử là một khi ra đi sẽ không trở lại, trừ phi sứ mệnh được giao đã hoàn thành, nó thể hiện sự tôn nghiêm của hoàng đế. Đến ngày Giả Tự Đạo xuất chinh - thành Lâm An người đông như kiến, vui như thấy hội, y muốn tỏ oai phong, ngang nhiên vin cớ ngày đó không có lợi cho việc ra trận, lệnh cho đội nghi thức "tiết thành" trở về. Việc đó đã làm cho uy phong của Giả Tự Đạo được đề cao, chí khí của Độ tông bị sa sút. Tới khi Giả Tự Đạo luận một lượt ngoài "tiền tuyến" vô sự trở về, Độ tông và triều đình thấy bị một mẻ sợ hệt, mừng rỡ còn chưa kịp, đâu còn nghĩ đến chuyện tin thật hay tin giả.

Giả Tụ Đạo ra trận trở về, Độ tông giao lại đại quyền cho y, Giả Tụ Đạo còn vờ vẫn chối từ, rồi sau khi đã thăm dò và đặt điều kiện, thấy Độ tông và Tạ thái hậu thật lòng, mới ở lại triều đình, lúc này toàn thể văn võ đại thần tranh nhau dâng bók, vì ông ta như Chu công phò tá Thành Vương. Qua lần thử thách đó, Độ tông trẻ tuổi mất hết lòng tin với triều thần, mới hiểu tại sao Lý tông phải ủy thác việc triều đình cho Giả Tụ Đạo. Hóa ra đây triều văn võ, nhưng không một ai dùng được, Giả Tụ đạo tuy xu nịnh, nhưng còn tỏ ra trung dũng hơn người, dám liều thân vì nước. Độ Tông đâu biết sự yếu đuối của quần thần văn võ là thực, còn sự trung dũng hơn người kia của Giả Tụ Đạo là giả, vô hình trung Độ tông đã rơi vào kế gian của Giả Tụ Đạo. Từ đó Độ tông mất đi hào hứng và lòng tin vào việc triều chính, giao đại quyền cho Giả Tụ đạo, thả sức vui chơi hưởng lạc.

Giả Tụ Đạo lại lần nữa "thanh lọc" triều đường. Trong một thời gian ngắn, đưa những người thân tín của mình vào triều, cả những tiểu lại canh cổng y cũng rà soát lại một lượt, như vậy triều đình Nam Tống trên thực tế đã trở thành thiên hạ của họ Giả. Một lần bá quan trong nghị sự trong triều, không biết vì lí do gì, Giả Tụ Đạo bỗng tức giận quở trách bá quan trước mặt Độ tông: "Nếu không phải ta đề bạt các công, làm sao có được cương vị như ngày nay!". Qua đó có thể thấy rằng Giả Tụ Đạo đã công nhiên miệt thị Độ tông, coi quan phủ của hoàng gia như nhà riêng của mình.

Trong thời gian Giả Tự Đạo điều hành, triều chính vô cùng đổ nát, tham ô hối lộ nghiêm trọng, mua quan bán tước công khai. Nhà riêng Giả Tự Đạo đông như chợ, phàm ai muốn được làm quan, đều phải bậm vào Giả Tự Đạo. Để tỏ quyền thế của mình, năm ngày một lần, y mới ngồi thuyền qua hồ Tây vào triều. Phủ tế tướng cũng không cần tới, dứt khoát ngồi làm việc ở nhà, có văn thư gì đều phải sai người mang tới nhà y để y xử lý, phê duyệt. Thực tế nhiều việc Giả Tự Đạo cũng chẳng giải quyết gì, chỉ gọi ý rồi giao người dưới quyền là bọn Ông Ứng Long, Liêu Doanh Trung giải quyết. Thế là, chính trị của triều đình Nam Tống, so với thời Lý tông càng thêm đổ nát.

Sự xa hoa hưởng lạc của Giả Tự Đạo cũng nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, có câu thơ nổi tiếng nói về Giả Tự Đạo:

*Trong triều vắng tế tướng
Ngoài hồ có Bình Chương
(Bình Chương là một tên gọi khác của tế tướng).*

Khi quân Mông Cổ vây hãm Trương Dương, liên tục mấy năm y vẫn cùng một đám ni cô, kĩ nữ, đêm ngày đắm lạc, cảnh đẹp hồ Tây hầu như đã bị một mình Giả Tự Đạo chiếm hết. Bản thân y còn viết một bộ sách chuyên khảo về chơi đế gọi là "kinh đế" y cũng ít nhiều ham thích cổ văn, danh họa và có những thủ đoạn xấu để chiếm đoạt những tác phẩm quý. Đối với các kẻ hầu tì thiếp, y cũng rất tàn bạo, trong một lần đi chơi thuyền, một người tì thiếp của y nhìn thấy một chàng

traí, buột miệng khen: "Đẹp trai quá!" Giả Tự Đạo nổi cơn ghen chặt đầu cô ta, đặt đầu của cô ta trên khay cho mọi ti thiếp khác xem, sự tàn bạo đó còn hơn cả Tấn Linh công chặt đầu người đầu bếp vì nấu món chân gấu chưa chín.

Với những tin tức về người Mông Cổ đánh Trương Dương, sách lược của Giả Tự Đạo vẫn là giấu diếm vừa lừa dối, y không cho phép bất cứ người nào nhắc đến chuyện quân Mông tiến công, nếu có người nhắc đến chuyện đó, y liền lập tức tìm cớ quở trách giáng chức. Một lần, Độ tông lo lắng hỏi y:

- Quân Mông vây Trương Dương đã ba năm, không biết nên làm thế nào?

Giả Tự Đạo cứng rắn trả lời:

- Quân Mông đã bị đánh lui lâu rồi, bệ hạ đừng nên nghe những lời đồn bậy của kẻ khác.

Giả Tự Đạo còn húc Độ tông nói ra ai là người tung tin đó, Độ tông bị quá, đành nói rằng nghe một người cung nữ nói. Giả Tự Đạo chẳng cần biết thực hư, lập tức xử tử người cung nữ đó. Mọi người thấy tình hình như vậy, còn ai dám lảm lời?

Có thể nói rằng Giả Tự Đạo cũng đã gặp được người "tri kỉ". Độ tông không những không xa lánh y mà còn coi y là chỗ dựa duy nhất của mình. Giả Tự Đạo thì lại cố ý làm ra bộ muốn cáo lão về nghỉ, Độ tông mỗi lần thấy Giả Tự Đạo xin nghỉ thì lại lo cuống quýt. Một ngày có khi sai mười mấy sứ giả

đến ngăn y mà Đô tông vẫn chưa an tâm, còn bắt sứ giả nằm ở cửa để ngăn không cho Giả Tự Đạo bỏ việc nước mà đi. Vì sao lại như vậy? Chính là Đô tông muốn Giả Tự đạo ở lại lo liệu mọi việc trong ngoài để ông ta có thể rảnh rang mà vui chơi hưởng lạc. Đô tông sở dĩ có tên thụy là "Độ", có lẽ do ông ta hoang dâm vô độ, tên thụy như vậy có ý khuyên răn chăng? Sự dâm loạn của Đô tông có thể xếp hàng đầu các hoàng đế phong kiến, không những ông ta chiếm luôn sổ cung nữ của tiên đế, còn ra sức tuyển chọn mỹ nữ, bổ sung vào hậu cung. Ông ta không lúc nào xa kể cả khi mới có tang. Một khi lòng dục nổi lên, bất kể trường hợp địa điểm, dù ở nơi triều đình đông người hay trên bãi cỏ bên đường, đều phải được thỏa mãn. Theo quy định của cung đình thời ấy phạm cung nữ nào được hoàng đế "ban may" đêm trước, thì ngày hôm sau phải đến ghi tên "tạ chủ long ân" để tiện theo dõi ngày tháng mang thai, tránh sinh tạp chủng. Nghe nói, mỗi ngày có tới năm ba người đến ghi tên, có ngày nhiều có tới hơn ba chục người. Xem ra các dân quân nổi tiếng như Trần Hậu chủ, Tùy Dạng đế, Kim Hải Lăng vương, vẫn còn kém xa.

Có dâm quân ắt cũng có dâm thần. Sự dâm loạn của Giả Tự Đạo cũng không kém Đô tông. Đô tông chiếm các cung nữ của vua cha, vào đời Tống khi li học đang thịnh, đã là một điều nghịch đạo, nhưng Giả Tự Đạo ngang nhiên mượn cung nữ của Đô tông để cùng chung chăn gối. Cũng là điều không thể cho phép. Đô tông chỉ dâm loạn trong cung, nhưng Giả Tự Đạo thì dâm loạn cả bốn phương không những y không

buông tha cả nî cô, mà hầu như tất cả những cô gái có chút nhan sắc trong vòng mấy chục dặm đều bị y chiếm đoạt hết lượt. Cặp vua tòi Độ tông và Giả Tự Đạo, về mặt này thật đã lập nên kì tích.

Độ tông từ sắc vô độ, mà tự hại mình, mới tuổi tráng niên ba mươi lăm đã ốm chết. Cung đế lên ngôi, mới bốn tuổi, thái hoàng thái hậu là Tạ thị tham dự triều chính. Chưa đầy mấy tháng, quân Mông Cổ vượt Trường Giang, áp tới gần Lâm An. Trước đó Độ tông cũng muốn dâng viện cho Trương Dương, nhưng do Giả Tự Đạo ngăn trở mọi mặt nên chưa thực hiện được. Thành Trương Dương bị vây năm năm, trong thành sĩ tốt đã phải lấy xương người làm củi, lấy tiền giấy làm áo quần, tướng giữ thành Lã Văn Hoán thấy viện binh không tới, đành phải ra ngoài đầu hàng. Quân Mông Cổ dưới sự chỉ huy của Nguyên Thế tổ Hốt Tất Liệt, thế như gió cuốn, hạ tiếp Phàn thành, tiếp tục ép tiến. Khi Độ tông còn, Giả Tự Đạo nắm được tâm lý sợ chết của Độ tông, vỗ hăng hái xin xuất chiến, mà Độ tông thì cứ giữ rịt lại. Giả Tự Đạo làm vậy vừa tránh được nỗi sợ hãi phải ra trận vừa được danh tiếng. Nay Cung đế lên ngôi, quân Nguyên đánh tới, quần thần âm thầm yêu cầu Giả Tự Đạo xuất chinh, y không còn kế nào để thoái thác.

Giả Tự Đạo nhát như cáy, lại tham sống sợ chết, nhưng không thể không cứng đầu mà ứng phó. Y điều động mười ba vạn tinh binh, xuất phát theo đường sông, đến vùng An Huy,

y thực ra không muốn chống lại, mà chỉ mong bám vào người Nguyên xin được nghị hòa. Y gửi lễ vật cho thừa tướng Nguyên là Bá Nhan, xin cắt đất bồi thường, nhưng Bá Nhan chửi y không giữ tín nghĩa, còn bắt giữ sứ giả Hách Đại Kinh, cự tuyệt nghị hòa, dẫn quân xuất chiến. Giả Tụ Đạo hầu như không hề chống lại, cùng mấy người bỏ hạ cuối một chiếc thuyền nhỏ chạy trốn. Quân Nam Tống lập tức rối loạn, lương thảo khí giới đều bị quân Nguyên cướp mất, quân sĩ tử thương trốn chạy không biết bao nhiêu mà kể. Bộ mặt thật của Giả Tụ Đạo đã bị phơi bày.

Nhưng sau khi về triều, Giả Tụ Đạo vẫn tiếp tục giở trò, bám chặt lấy bà thái hoàng thái hậu Tạ thị, làm ra bộ trung thành, xin dõn dõ. Sau trận đại lộ ở Lỗ cang, dư luận thiên hạ rầm lên, không thể che đậy được nữa, lại thêm quân Nguyên đã áp tới Lâm An, cả nước hoang mang, triều thần tới tấp dâng thư vạch bộ mặt thật của Giả Tụ Đạo, yêu cầu giết y để tạ thiên hạ. Trước áp lực mạnh mẽ, Tạ thái hậu buộc phải giáng chức y nhưng vẫn không dẹp được cơn phản nộ, đại thần, thái học sinh cho đến dân thường kiên quyết đòi phải xử tử Giả Tụ Đạo. Tạ thái hậu không còn cách nào, đành phải giáng đầy y ra vùng Quảng Đông xa xôi. Huyện úy Trịnh Hồ Thần từng bị Giả Tụ Đạo bức hại, muốn báo thù, y chủ động xin được áp giải Giả Tụ Đạo đi đây. Trên đường áp giải, Trịnh Hồ Thần nhiều lần nhắc Giả Tụ Đạo nên tự tử, nhưng Giả Tụ Đạo tham uống sợ chết, không tự nguyện chết. Trịnh Hồ Thần tìm mọi cách dày dọa, Giả Tụ Đạo biết không thể

sông nổi, hèn uống băng phiến tự tử. Nào ngờ không chết ngay mà chỉ tháo dạ, Trịnh Hồ Thần tức không chịu được, vào nhà xí túm lấy ngực áo của Giả Tự Đạo, liên tục đập y xuống đất, Giả Tự Đạo cuối cùng đã chết trong nhà xí, kết thúc cuộc đời gian ác của y.

Giả Tự Đạo vô đức, vô công, vô tài, mà thâm tóm quyền hành suốt hai đời vua, thực là một chuyện cực kì quái đản. Kẻ thống trị cổ đại Trung Quốc, rất xem trọng nhân tài, thậm chí cầu hiền như khát, vì sao một kẻ như Giả Tự Đạo lại có thể chuyên quyền được? Thực ra lý lẽ cũng đơn giản, đó là do nền chuyên chế quân chủ phong kiến tạo nên. Trong thể chế đó, kẻ thống trị mộ người tài, là vì mong giữ được thiên hạ, còn những kẻ thống trị không chuộng người tài, thường là do ham muốn hưởng lạc. Đương nhiên, tình hình rất phức tạp, nhưng có một điều trước sau không thay đổi, đó là chỉ có một mình nhà vua đứng ra chọn nhân tài, người được chọn có thể là nhân tài, cũng có thể là kẻ bất tài, thậm chí có thể là kẻ đại ngu. Do đó, trong thể chế quân chủ tập quyền, việc coi trọng nhân tài cố nhiên là việc tốt, nhưng kết quả của nó rất có thể ngược lại với mong muốn, người được chọn rất có thể là kẻ gian ác, người chọn bị rơi vào bẫy gian của họ, bị họ đùa giỡn trong lòng bàn tay mà không biết, những ví dụ như vậy trong lịch sử cổ đại Trung Quốc nhiều lắm.

"Chế độ trách nhiệm" của một người chuyên quyền, thì thực hết sức đáng tin cậy, mà cũng hết sức không đáng tin.

Đáng tin cậy ở chỗ mọi việc đều do nhà vua phụ trách. Không đáng tin ở chỗ, một khi ông ta sai lầm, thì toàn cục sẽ hỏng to, mà cuối cùng nhà vua cũng không gánh nổi trách nhiệm đó. Sự hợp lý và không hợp lý của thể chế quân chủ chuyên chế phong kiến có lẽ chính là ở chỗ đó.

Thế nhưng, bất luận thể chế ra sao, nguyên lý "có tài thì nước mạnh, bất tài thì mất nước" bao giờ cũng vẫn đúng. Ví dụ về nước Tần thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, tới nay vẫn đáng để chúng ta suy ngẫm. Có điều là nên suy nghĩ một chút xem chúng ta kế thừa được đến đâu những truyền thống tốt đẹp về mặt này.

64. VỊ KÌ NHÂN KHAI QUỐC CỦA TRIỀU MINH

Trong lịch sử Trung Quốc có rất nhiều kì nhân. Kì nhân lại thường vào lúc triều cũ suy vi, triều mới lên thay mới thi thố tài ba của mình. Cho nên câu thời loạn sinh anh hùng, thời loạn cũng sinh kì nhân.

Thế nào gọi là kì nhân? Người có thể dọc ngang chốn sa trường, chỉ huy quân lính giết giặc chỉ được coi là anh hùng, chưa phải là kì nhân, người được gọi là kì nhân phải thông việc trước hiểu chuyện sau, biết tướng thế sự, dự báo tương lai, khi xử sự còn phải biết điều hòa quan hệ giữa trời và người, lúc xong việc có thể chung thái bình sống hoặc sạch mình mà lánh xa, tóm lại, kì nhân là loại người mà vừa có thể dọc ngang ở trong đời, lại có thể thoát tục ra ngoài đời.

Kì nhân sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc có thể kể là Khương Tử Nha, thời Vũ vương diệt Trụ. Khương Tử Nha tự biết mình có tài lớn, nhưng thời vận chưa tới, chẳng có cách nào đành phải kiên tâm chờ đợi. Có thể nói ông chưa gặp việc gì may mắn, dù làm cái việc buôn bán nhỏ, ông trời cũng

chẳng cho ông yên. Một lần, ông vay tiền mua ít bột mì lên phố bán, không ngờ một trận gió to thổi bay hết bột, làm ông mất hết sạch cả vốn. Không nản lòng, ông vẫn đợi chờ thời vận đến, ông ngồi câu cá bên dòng Vĩ Thủy, lưỡi câu ông dùng không uốn cong mà thẳng tuột, nên chẳng câu được con cá nào. Vợ ông đem cơm đến, thấy ông dùng lưỡi câu thẳng câu cá, bà nổi giận uốn cong lưỡi câu rồi nhân lúc ông ăn cơm, bà câu được khá nhiều cá. Khương Thái Công thấy vậy, đem tất cả những con cá đó thả xuống nước, nói với vợ:

- Ta là Khương Thái Công câu cá, ai muốn thì cần câu, mọi việc đều tự nhiên mà tới, miễn cưỡng sao được.

Về sau, vợ ông không chịu nổi, đành li hôn với ông, ông vẫn kiên trì chờ đợi. Mãi tới năm ông tám mươi tuổi. Chu Công mới đến bờ sông Vĩ mời ông xuống núi. Chu Công đem ngựa xe tới, đứng chờ tới nửa ngày cạnh ông, cuối cùng Khương Tử Nha đã động lòng vì thái độ đó của Chu Công, nhận xuống núi giúp Vũ vương diệt Trụ.

Nghe nói Khương Tử Nha không những mưu trí hơn người, còn giỏi đạo thuật, vừa biết bày mưu tính kế, vừa có thể bấm độn tính quẻ, thậm chí còn có thể hô gió gọi mưa, rắc đậu thành binh. Trong quá trình Vũ vương diệt Trụ, ông lập công lớn, sau được phong đất Tề. Lúc đó đất Tề là mảnh đất béo bở, quê hương của gạo cá, lại là khu kinh tế phát triển nhất, hưởng lộc đầy như ông thật đứng đầu trăm quan. Khương Tử Nha cũng được tôn làm Thái Công, có thể nói là phúc thọ song toàn.

Trương Lương thời cuối Tần đầu đời Hán, cũng đáng kể là một kì nhân. Ông có bốn điểm khác thường: một là, ông phát tán toàn bộ gia sản, thề trả thù cho nước Hán, tìm tới các sử khách, hành thích Tần Thủy hoàng ở Bắc Lăng sa. Tuy chưa thành công nhưng sự dũng cảm cương nghị của ông không thể không khiến người coi là lạ. Hai là, ông gặp kỳ duyên, học được binh pháp. Nghe nói Trương Lương gặp một ông già, ông già bắt Trương Lương nhặt chiếc giày đã rơi xuống đất xỏ lại cho ông. Trương Lương làm theo, ông già hẹn Trương Lương sớm hôm sau gặp mặt ở một nơi nào đó để dạy cho binh pháp. Trương Lương đi hai lần, lần nào ông già cũng đến trước, ông già cho Trương Lương một cơ hội cuối cùng. Thế là Trương Lương không về nữa, đợi tại đó từ tối cho đến sáng hôm sau, làm ông già hết sức hài lòng. Ông già thấy Trương Lương phẩm đức tốt, tài trí hơn người bèn truyền dạy binh pháp, Trương Lương từ đó trở thành một nhà quân sự xuất sắc. Câu chuyện "Trương Lương xỏ giày" tới nay vẫn còn được kể lại để dạy trẻ em tôn kính người già. Thứ ba là, ông có nhiều kế lạ giúp Lưu Bang nhiều phen thoát khỏi hiểm nguy, thắng được Hạng Võ, trở thành khai quốc công thần của Tây Hán. Bốn là, ông "công thành" thì "thân thoái" không ham danh lợi, tránh được tai họa giết hại công thần của Lưu Bang và Lã Tri, cũng thoát được cảnh nhục khom mình như Tiêu Hà, giữ trong sạch, không màng danh lợi, chuyên nghiên cứu binh pháp, giống như dòng suối trong róc rách, muôn đời chảy mãi.

Gia Cát Lượng cuối đời Đông Hán đương nhiên cũng có thể coi là một kì nhân. Ông tự cày ruộng ở Long Trung, nhưng vẫn không rời kinh sách, nói như lời ông:

*"Giữ được thân mình trong thời loạn,
Cầu chỉ thành đạt với chut hầu?"*

Tới khi Lưu Bị "ba lần đến lều tranh", Gia Cát Lượng thấy ông nhân đức, chân thành, mới quyết định phò ông cùng mưu nghiệp lớn.

Gia Cát Lượng chưa rời khỏi Long Trung đã nhận định rằng thiên hạ sẽ chia ba, vừa rời khỏi Long Trung ông đã kết với Tôn Ngộ ở phía đông, chống Tào Ngụy ở phương bắc, hòa thiêu Xích Bích, chiếm lại Thành Đô, cuối cùng chứng minh được lời dự đoán của ông về thế ba chân vạc. Nhưng điều kì lạ của Gia Cát Lượng không phải chỉ có vậy, so với người khác, ông nhìn thấu thế sự nhưng lại vẫn làm cái việc không thể làm. Ông biết rõ thế lớn thiên hạ, bả chân đứng vững. Ngụy Ngộ không thể lấy được, nhưng vẫn thực hiện di nguyện của Lưu Bị, phò nhà Hán, kế thừa truyền thống Hán, không từ gian lao, sáu lần ra Kỳ Sơn, rồi cuối cùng cút cung tận tụy, tích lao thành bệnh, nện ra máu mà chết.

Lưu Cơ thời cuối Nguyên đầu Minh, cũng là bậc kì nhân, cũng như ba vị trên, làm nên trong lúc thay triều đổi đại. Lưu Cơ thực đã trải ra con đường khai quốc cho triều Minh.

Lưu Cơ là một nhân vật truyền kỳ, truyền thuyết về ông phong phú nhiều màu sắc, nào là biết bấm độn bói toán, biết

gọi gió hô mưa, cứ như quân sư Công Tôn Thắng hảo hán Lương Sơn Bạc trong "Thủy hử vậy". Lại còn có kẻ mạo tên ông để viết những sách về phong thổ địa lí, và "Suy bối đồ" dự đoán mọi phúc họa v.v..., nhiều lắm. Nếu bóc đi những màu sắc thần bí hư ảo, trả lại bộ mặt thật của lịch sử, chúng ta có thể nhìn thấy Lưu Cơ là một nhà học giả, nhà quân sự, nhà chính trị và là một kẻ sĩ thành đạt theo kiểu riêng của mình.

Lưu Cơ, tự Bá Ôn, người Thanh Điền, Chiết Giang, sinh năm 1311 (Nguyên Chí năm thứ 14), trong một gia đình địa chủ chính thống vừa cày ruộng vừa đọc sách. Chiết Giang từ sau đời Tống trở thành nơi văn hóa giáo dục rất phát đạt, sản sinh nhiều người tài, được ca ngợi là "nghìn núi, nghìn sông, nghìn tú tài". Tổ tiên Lưu Cơ vốn người Phong Bái, làm quan triều Tống, sau chuyển về phía Nam theo triều đình Nam Tống, ở lại đất Thanh Điền, Chiết Giang. Từ đời ông của Lưu Cơ, còn làm Thái học thượng xá triều Nam Tống, người học rộng biết nhiều, thông hiểu thiên văn địa lí, tính ngay thẳng nghĩa khí, từng tổ chức khởi nghĩa chống quân Nguyên. Lưu Cơ xuất thân trong một gia tộc có danh vọng như vậy, từ nhỏ đã được thâm nhuần chí lớn dựng xây công danh sự nghiệp, và cũng học được tính cách cương trực, căm ghét cái xấu ác.

Theo ghi chép từ nhỏ Lưu Cơ đã thể hiện học tài hoa xuất chúng, nhất là tài nghe rộng nhớ kĩ của ông khiến mọi người phải giật mình. Gần nhà Lưu Cơ có một hiệu sách, hằng ngày đi học và tan trường, ông đều đi qua. Một hôm, nhìn thấy

quyển sách viết về thiên văn, ông tiện tay cầm xem qua một lượt, ngày hôm sau đến hiệu sách, ông đọc thuộc lòng quyển sách thiên văn đã đọc hôm trước. Chủ hiệu sách rất đỗi khâm phục, bèn muốn tặng ông quyển sách đó, Lưu Cơ nói:

- Sách đã ở trong bụng tôi rồi, quyển sách này với tôi không còn tác dụng nữa!

Thầy giáo rất nể trọng ông. Không những ông đọc qua đã thuộc lòng mà còn dựa vào những kinh văn đã đọc, phát biểu kiến giải của mình, nói lên những điều mới lạ. Thầy dạy ông nói quả quyết rằng ông sẽ thành một người đại tài. Năm 17 tuổi, Lưu Cơ rời nhà trường, tới Thạch Môn đông ở Quát Thương Sơn học lí học. "Nhị Trình" (Túc Trình Di và Trình Hạo đời Tống ND) với Trình Phúc Sơ danh sĩ nổi tiếng bấy giờ. Thời gian này ông đọc thêm nhiều sách, đặc biệt chú ý các trước tác tạp gia ngoài kinh sử, chính thống, các mặt y nông thuật số, thiên văn địa lí, ông đều lĩnh hội sâu sắc. Như vậy, từ khi còn trẻ, Lưu Cơ đã tạo cho mình một bề dày kiến thức rất sâu rộng và chắc chắn, chuẩn bị tốt kiến thức để sau này ông mặc sức đọc ngang trong các lĩnh vực chính trị và quân sự.

Nhưng tuổi trẻ của ông lại rất lao đao vất vả. Năm 1333, ông đỗ tiến sĩ, sau đó về làm huyện thừa ở Cao An, Giang Tây. Lúc đó cục diện chính trị của triều Nguyên rất bất ổn, một mặt thì bọn thống trị ra sức cướp bóc, một mặt thì ngọn lửa khởi nghĩa nông dân bùng lên khắp nơi. Trong tình hình

đó, những sĩ phu hoặc nghe ngóng chờ thời, hoặc dút khoát để theo quân khởi nghĩa, chỉ có số rất ít bán mình cho bọn thống trị triều Nguyên. Lưu Cơ cũng vậy, tuy là một viên quan nhỏ phò tá cho huyện lệnh, nhưng ông không hết lòng lo cho triều Nguyên, mà để ý thu thập phong thổ nhân tình, tìm hiểu thời sự xã hội. Đương nhiên, thân còn làm quan trong triều, ông không thể không chấp hành công sự, làm chút công việc có tính ứng phó bề ngoài, nhưng quyết không nối giáo cho giặc, mà hướng về chính nghĩa với lương tâm của kẻ sĩ. Khi làm huyện thừa ở huyện Cao An, ông từng được giao phúc thẩm một vụ án mạng, người phán định sơ thẩm là một quý tộc Mông Cổ có quyền thế, nhưng nguyên cáo một mực không phục, liên tục chống án, sau khi điều tra, Lưu Cơ cho rằng sơ thẩm có khi kết luận là nguyên cáo cố ý mưu sát. Qua sự cố gắng tranh thủ của Lưu Cơ, oan tình cuối cùng được rõ. Việc này của Lưu Cơ được nhân dân hết sức ca ngợi, nhưng bọn đương quyền không tha cho ông, ít lâu sau Lưu Cơ bị người khác vu cáo phải điều đi nơi khác. Lưu Cơ thực không thể quen được cái thói tham lam, nịnh bợ trong quan trường, ông tức mình từ quan về nhà, năm 1340 ông trở về quê nhà ở Thanh Điền, sống đời ẩn sĩ.

Học vấn và tài năng của Lưu Cơ được nhiều người biết tới, hành tỉnh Chiết Giang lại giao ông làm quan Nho học phó đề cử, Lưu Cơ cảm thấy chức quan này tương đối phù hợp với mình, bèn chấp nhận, ai ngờ vừa tới nhiệm sở, thấy một cảnh quan trường đen tối, ông không thể thay đổi bản tính, bực tức

chỉ trích các hiện tượng không theo phép nước. Tất nhiên là ông lại đắc tội với nhiều người, và nhiều người tố giác ông vượt quá phạm vi chức trách, quản việc người khác. Thế là, lần nữa Lưu Cơ lại bực tức từ quan.

Khoảng trước sau năm 1351 (năm Nguyên Chí thú mười một) anh em Phương Quốc Trân lúc hàng lúc phản, chiếm cứ các lộ Ôn Châu, Đài Châu, Khánh Nguyên, xuất hiện bất ngờ trên biển, rất khó tiêu diệt, nhân dân ven biển chịu đủ tai họa. Quan lại triều Nguyên thấy mình bất tài, lại nghĩ đến nhân tài Lưu Cơ, bèn bổ nhiệm ông làm đô sự phủ nguyên soái Chiết Đông, để ông tìm cách tiêu trừ bọn Phương Quốc Trân. Lưu Cơ đã hai lần từ quan, vốn không muốn trở lại làm việc cùng bọn tham quan ô lại, nhưng lại nghĩ chỉ là việc tiểu phi, nên miễn cưỡng chấp nhận. Nhận nhiệm vụ, Lưu Cơ nêu ngay những kiến giải của mình, ông cho rằng anh em Phương Quốc Trân lúc phản lúc hàng, mục đích chẳng qua là muốn ép buộc triều đình, đòi hưởng quan cao lộc đầy. Lưu Cơ phản đối chính sách chiêu hồi, kiên quyết chủ trương tiêu diệt. Ông phân tích tình hình lúc đó, chủ trương dùng chính sách phân hóa, tức là chỉ nhằm có anh em Phương Quốc Trân, không hỏi tội người khác. Chính sách đó vừa công bố, lòng quân của Phương Quốc Trân lập tức ngã nghiêng. Nguyên là anh em Phương Quốc Trân làm nhiều điều bất nghĩa, các bộ hạ của họ phần lớn là bị bắt buộc, vốn không muốn bán mình cho họ, nay thấy bố cáo như vậy đều muốn rời bỏ Phương Quốc Trân. Phương Quốc Trân hết hoảng, bèn nhờ người biểu rất

nhieu của cải cho Lưu Cơ để ông thay đổi chính sách. Lưu Cơ kiên quyết không chấp nhận. Phương Quốc Trân hết cách, đành phải tìm cách hối lộ bọn quan trên, không ngờ hối lộ thành công, Phương Quốc Trân lần nữa lại được chiếu an. Không những thế Lưu Cơ còn bị khiển trách là tự ý tác oai tác phúc, làm thương tổn danh tiếng về lòng thương dân của triều đình. Lần này Lưu Cơ thật đã nản lòng thoái chí, ông hoàn toàn mất lòng tin vào triều Nguyên. Ông không thể ở lại quan trường nữa, dù chỉ là mượn đó để làm điều có lợi cho dân, ông cũng không làm nữa. Năm 1358, lần thứ ba ông từ chức, lại trở về quê nhà Thanh Điền.

Lần này về ẩn cư, ông đã cống hiến cho nền văn học Trung Quốc một tập ngụ ngôn. Ông mượn hình thức ngụ ngôn để cười giễu, chửi đổng, để tỏ rõ lòng căm giận của mình với cuộc đời bẩn thỉu và những kiên giải thâm thuý của ông về nhân sinh. Ông đặt tên bộ ngụ ngôn đó là "Uất li tử", ngụ ý uất hận bất bình mà xa lánh thế sự.

Lúc này, Lưu Cơ đã bốn mươi tuổi, ông hai mươi tuổi đỗ tiến sĩ, qua hơn hai mươi năm thăng trầm trong quan trường, mấy lần ẩn cư, chẳng lẽ cuộc đời của ông đã kết thúc? Cuối thời nhà Nguyên vàng thau lẫn lộn này, muốn thực hiện chí lớn, con đường duy nhất là phải chống lại triều Nguyên.

Người ta nói: "Cái tài trời sinh của ta ắt có lúc dùng đến", cơ hội cho Lưu Cơ đã tới. Sau khi Quách Tử Hưng chết, thế lực của Chu Nguyên Chương phát triển nhanh chóng. Ông

tiếp thu đề nghị đúng dân của Chu Thành. Xây tuong cao, tích lương nhiều, chặm xưng vương" tránh được những mũi nhọn của quân Mông Cổ, nhanh chóng lớn mạnh. Chu Nguyên Chương hết sức chú ý kỷ luật của quân đội, đã giành được uy tín lớn trong dân, mỗi khi tới đâu, rất coi trọng thăm hỏi các vị nhân sĩ địa phương, thu vào dưới trướng để sử dụng. Sau khi chiếm Xứ Châu, Chu Nguyên Chương thăm hỏi biết Lưu Cơ đang ẩn cư ở quê nhà Thanh Điền, bèn sai sứ đi mời. Lưu Cơ tuy đã sớm nghe danh tiếng Chu Nguyên Chương, nhưng chưa hiểu rõ về ông ta, lại thêm hơn hai mươi năm lận đận quan trường, hầu như không còn muốn xuống núi nữa, do vậy ông đã từ chối lời mời đầu tiên của Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương không nản lòng, lại sai tổng chế Tôn Viêm đi mời. Chu Nguyên Chương chuẩn bị quà biếu, thư tín đầy đủ, lời thư tha thiết cầu hiền như khát, lại thêm Tôn Viêm hết lời ca ngợi Chu Nguyên Chương tài ba lỗi lạc chỉ tựa chim hồng, cuối cùng Lưu Cơ đã cảm động. Ông nói:

- Trước đây, tôi đã từng từ quan, sống nhàn hạ ở hồ Tây, thấy phía tây bắc có vận khí lạ kỳ, tôi từng nói đó là khí của thiên tử, mười năm sau, sẽ xuất hiện tại Kim Lăng. Nay họ Chu sáng nghiệp hưng vượng, lại trọng hiền đãi sĩ, ứng điềm trời thuận lòng người, chắc có thể thành nghiệp lớn.

Thế là, qua bộ tướng của Chu Nguyên Chương là Hồ Đại Hải và ba lần mời của Chu Nguyên Chương, cuối cùng Lưu Cơ đã nhận lời.

Trước khi gặp Chu Nguyên Chương, Lưu Cơ đã có sự phân tích nghiên cứu tỉ mỉ về đại thế của thiên hạ, căn cứ vào tình hình cụ thể của Chu Nguyên Chương, soạn ra mười tám điều kiến nghị. Sau khi gặp Chu Nguyên Chương, ông liền lập tức đề xuất "mười tám vấn đề trước mắt", Chu Nguyên Chương nghe xong phần khởi lăm, cho rằng Lưu Cơ chưa ra làm việc mà đã nhìn thấu thiên hạ, thực là kì tài, lập tức hạ lệnh xây quán lễ hiền, đãi Lưu Cơ làm thượng khách, kết tâm phúc tri kỉ.

Lúc đó đối với Chu Nguyên Chương, đồng có Trương Sĩ Thành, tây có Trần Hữu Lượng. Thế lực hai cánh quân này lớn mạnh hơn quân của Chu Nguyên Chương, vì vậy quân đội của Chu Nguyên Chương tuy khí thế hùng hục, nhưng vẫn nằm trong thế bị đông tây giáp công, làm thế nào để chống lại Trương Sĩ Thành và Trần Hữu Lượng, mối nguy trước mắt của Chu Nguyên Chương? Nếu áp dụng sách lược đúng đắn, Chu Nguyên Chương sẽ có thể tiếp tục phát triển, nếu không sẽ bị hai cánh quân của Trương và Trần ăn gỏi.

Chu Nguyên Chương đem vấn đề này hỏi ý kiến Lưu Cơ, Chu Nguyên Chương nói:

- Tôi vì thiên hạ, đã quấy rầy tiên sinh, mời ngài xuống núi, thật không phải với ngài, mong tiên sinh đừng bỏ tôi! Nếu ngài có điều gì dạy bảo, xin cứ nói thẳng, tôi nhất định khiêm tốn tiếp thu.

Lưu Cơ nói:

- Minh công đã chiếm được Kim Lăng, thật lợi về địa thế, nhưng đông nam có Trương Sĩ Thành, tây bắc có Trần Hữu Lượng, nhiều lần quấy nhiễu xâm lăng Minh công. Xem ra, muốn được thiên hạ, việc cần trước mắt là phải trừ hai người ấy!

Chu Nguyên Chương đang suy nghĩ vấn đề này, thấy rất nan giải, không biết phải làm thế nào, chầu mầy nói với Lưu Cơ:

- Thế lực của hai người này lớn lắm, làm sao có thể tiêu trừ nổi?

Lưu Cơ nói:

- Chống giặc phải phân biệt việc cấp bách và việc có thể trì hoãn, dùng binh phải có trước sau, nay nên đối phó Trần Hữu Lượng trước, thanh toán Trương Sĩ Thành sau.

Chu Nguyên Chương nói:

- Trương Sĩ Thành nhỏ yếu mà Trần Hữu Lượng lớn mạnh, các tướng phần lớn muốn diệt kẻ yếu trước, cất bỏ được cánh quân của Trần Hữu Lượng, trước đánh yếu sau đánh mạnh, đó là lẽ thường trong binh pháp, tiên sinh sao lại bỏ yếu mà đánh mạnh?

Lưu Cơ nói:

- Trong tình thế hiện nay, không thể cầu nệ binh pháp. Trương Sĩ Thành chỉ biết giữ mình, không có chí lớn, chỉ

mong được yên, không muốn to chuyện, như ngài tập trung lực lượng đánh Trần Hữu Lượng, ông ta cũng không dám thừa cơ đánh Kim Lăng, không dám manh động. Còn Trần Hữu Lượng cướp chúa xưng đế, không phút giây nào quên được Kim Lăng, lại chiếm thượng lưu Trường Giang, có thể xuôi dòng về xuôi. Ông ta đã tâm hùng hực, nhưng mong quét sạch thiên hạ, nên ông ta là kẻ địch chủ yếu trước mắt. Nếu ngài tập trung binh lực đối phó với Trương Sĩ Thành, Trần Hữu Lượng sẽ nhảy vào chỗ sơ hở. Minh công liệu còn đường rút hay không? Nếu tiêu diệt trước được Trần Hữu Lượng thì sự tồn vong của Trương Sĩ Thành đã coi như nằm trong bàn tay, còn gì mà sợ? Diệt Trần trước, quét Trương sau, sau đó tây đánh Thiểm Tây, bắc đánh Bắc đô, thiên hạ chẳng định được sao?

Câu chuyện thật chẳng kém gì "Long trung đối" của Gia Cát Lượng, làm Chu Nguyên Chương mờ hồi vĩa ra như tắm. Sau đó Chu Nguyên Chương làm theo sách lược của Lưu Cơ, bình định được thiên hạ, dựng nên triều Minh.

Trong thực tế chiến đấu, Lưu Cơ cũng nhiều lần lập công lớn.

Lưu Cơ tới quân trung của Chu Nguyên Chương chưa đầy hai tháng, Trần Hữu Lượng bắt ép Từ Thọ Huy dẫn quân đánh tới lui, còn liên hợp với Trương Sĩ Thành để đông tây giáp công. Lúc này kẻ địch thế mạnh, Chu Nguyên Chương thế yếu kém nên các tướng chủ trương khác nhau, có người

chủ trương đánh, phần lớn chủ trương chạy, thậm chí chủ trương hàng. Khi mọi người sôi nổi tranh luận, Lưu Cơ đứng lên không nói gì, Chu Nguyên Chương cuối cùng hỏi Lưu Cơ, Lưu Cơ nói chắc như đinh đóng cột.

- Hãy chặt đầu trước những người muốn hàng và chạy, mới có thể thắng lợi. Trần Hữu Lượng bắt ép cả Từ Thợ Huy tới đây, là muốn thị uy với ta, chạy không có chỗ chạy, hàng không đất chôn thân, nên kế của ta nay chỉ là quyết chiến. Trần Hữu Lượng tuy thế lực lớn, nhưng là phường bất nghĩa, sĩ khí kém, từ xa tới đây đã quá mỏi mệt. Mà chúng ta bảo vệ bờ cõi, tướng sĩ đồng lòng hợp sức, lấy khỏe chống kẻ mệt mỏi, nếu bày trận mai phục nhất định thành công. Huống hồ Trần Hữu Lượng thừa kiêu căng, nhưng thiếu mưu kế, đúng là kiêu binh tất bại như lời dạy cổ xưa. Từ đó kết luận, đánh sẽ chắc thắng.

Lời nói của Lưu Cơ đã làm vững niềm tin cho Chu Nguyên Chương và các tướng sĩ, cũng xác định được tình thế phù hợp lúc đó, vạch ra nguyên nhân của thắng lợi.

Trần Hữu Lượng hồi mới tiến quân, do thế lực lớn, đánh thắng được một số trận, sau khi chiếm được Thái Bình, bèn giết Từ Thợ Huy, tự nhận là hoàng đế, đặt quốc hiệu là Hán. Sau đó dần sâu vào đất phòng bị của Chu Nguyên Chương, bị Lưu Cơ vây hãm, phải bỏ tay không tiến lên được, liên tiếp thất bại, cuối cùng rút về Giang Châu. Thành Giang Châu xây bên bờ sông, tường thành phần lớn xây giữa nước. Chu

Nguyên Chương đánh mấy ngày thành vẫn không suy suyển, Trần Hữu Lượng cho rằng thành vững như đồng nên yên tâm ngủ kỹ. Nào ngờ Lưu Cơ đã ngầm đo chiều cao của tường, làm nhiều thang chắc dùng thuyền chở tới sát chân thành, để quân sĩ leo lên thành đánh vào. Trần Hữu Lượng nhùng nhằng thân binh từ trên trời xuống, vội vàng dắt vợ con xuống thuyền chạy về Nam Xương. Sau này, trong trận đại chiến ở hồ Thiên Dương, Lưu Cơ lại dùng kế lạ giúp Chu Nguyên Chương đánh bại được Trần Hữu Lượng, giết chết Trần Hữu Lượng ở hồ Thiên Dương, tiêu diệt hoàn toàn chính quyền đại Hán của Trần Hữu Lượng.

. Về vấn đề thờ Hàn Lâm Nhi làm Tiểu Minh Vương, cách nhìn của Chu Nguyên Chương và Lưu Cơ khác nhau. Chu Nguyên Chương nhận tước phong của Hàn Lâm Nhi là nhằm mục đích để người đời không chú ý, chia mũi nhọn quân Nguyên vào Hàn Lâm Nhi, Trần Hữu Lượng. Ông làm như vậy đích thực là để mình có thời gian phát triển, nhưng theo sự phát triển của tình thế, tiếp tục tôn thờ Hàn Lâm Nhi sẽ không có lợi. Tháng giêng năm 1361, Chu Nguyên Chương làm lễ tại trung thu tỉnh Kim Lăng, bái vọng Tiểu Minh vương, nhưng Lưu Cơ chỉ đứng không chịu bái lạy. Chu Nguyên Chương hỏi lý do, Lưu Cơ nói:

- Hàn Lâm Nhi tuy là con của Hàn Sơn Đồng (thủ lĩnh quân trọng của quân Hồng cân), nhưng bản thân không chịu phần dẫu, chỉ là một kẻ mục đồng, mà anh ta họ Hàn không phải họ Triệu, lại giả nhận là hậu duệ của nhà Tống. Nhà

Tổng mất đã lâu, lòng người không theo, hà tất còn phải giả mượn niên hiệu? Đại trượng phu muốn thành sự nghiệp, phải thoát khỏi vòng khiên chế của người khác. Nếu tiếp tục thờ danh hiệu anh ta, sao tự lập được.

Chu Nguyên Chương ngay lúc đó không tỏ thái độ gì, nhưng ông đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của Lưu Cơ. Về sau vì cứu Hàn Lâm Nhi mà suýt bị Trần Hữu Lượng thừa cơ đánh bại, càng thêm tin lời của Lưu Cơ. Cuối cùng, Chu Nguyên Chương đã dứt khoát giết chết Hàn Lâm Nhi, tự dựng ngọn cờ của mình. Bấy giờ đó là một sách lược chính xác.

Trong việc mở đầu triều Minh, Lưu Cơ có ba công lớn:

Một là, chỉ ra phương hướng chính trị chính xác, tức đã dứt ra khỏi Hàn Lâm Nhi, tự dựng ngọn cờ, thu phục lòng người, chinh phục thiên hạ.

Hai là, định ra được phương châm chiến lược chính xác, tức đánh Trần Hữu Lượng trước, sau diệt Trương Sĩ Thành.

Ba là, góp nhiều mưu kế hay trong các chiến dịch.

Một điều đáng quý nữa là, sau khi khai quốc, ông vẫn kiên trì chủ trương của mình, yêu cầu "lấy nhân trị thiên hạ". Sau khi lên ngôi, thấy đất nước đầy ung nhọt, cảm thấy hoang mang, lúng túng vô cùng, Chu Nguyên Chương bèn thỉnh giáo Lưu Cơ, Lưu Cơ nói:

- Đạo dân sinh ở chỗ khoan dung nhân hậu.

Đối với sự hù bại của quan lại ông ghét cay ghét đắng, đề nghị Chu Nguyên Chương thẳng tay trừng trị. Ông vẫn giữ cho mình tính cách ngay thẳng không chịu theo ai, đối với Lý Thiện Trường người đứng đầu quan văn, ông cũng không về hòa, không kể Lý Thiện Trường cầu xin và uy hiếp, ông vẫn cương quyết với thân phận ngụ sử trung thừa giết chết Lý Lâm, kẻ thân tín của Lý Thiện Trường phạm tội tham ô, gây nên sự chấn động khắp cả nước. Về sau, không chống nổi nhưng mưu hại của Lý Thiện Trường, ông dứt khoát về nhà nhân cư.

Lưu Cơ rất có tài biết người, ông thừa biết Chu Nguyên Chương là người đa nghi. Ngoài thi thư thái, trong thì rối ren, cho nên không dấn thân vào đường công danh, mà sống trong sạch ngoài đời. Một lần, Chu Nguyên Chương muốn thay Lý Thiện Trường để Lưu Cơ làm thừa tướng. Lưu Cơ nói:

- Lý Thiện Trường là cựu thần có công, có thể điều hòa các quan trong triều.

Chu Nguyên Chương thấy lạ hỏi:

- Lý Thiện Trường nhiều lần nói xấu khanh, tại sao khanh lại toàn nói tốt cho ông ta? Ta muốn khanh làm thừa tướng, khanh nghĩ sao?

Lưu cơ nói:

- Đại sự quốc gia, không gì bằng sắp đặt quan tướng, thay tướng như thay cột cung điện, nếu dùng cột nhỏ, không gãy thì sắp, thân chỉ là chiếc cột nhỏ, sao có thể thay vào?

Chu Nguyên Chương lại hỏi:

- Dương Hiến như thế nào?

Lưu Cơ nói:

- Dương Hiến có đủ tài làm tể tướng, nhưng không có đức để làm tể tướng. Thừa tướng phải giữ tấm lòng như mặt nước, không nghiêng lệch. Dương Hiến không làm được vậy.

Chu Nguyên Chương lại hỏi:

- Uông Quảng Dương như thế nào?

Lưu Cơ nói:

- Bụng dạ nông cạn hẹp hòi.

Cuối cùng Chu Nguyên Chương hỏi:

- Hồ Duy Dong thế nào?

Lưu Cơ trả lời:

- Tuyệt đối không thể. Làm thừa tướng như người đánh xe, Hồ Duy Dong không những không điều khiển tốt được xe, còn làm gãy trục lồng vành.

Chu Nguyên Chương vẫn để mấy người này làm thừa tướng. Kết cục ra sao? Dương Hiến do phạm pháp bị giết. Uông Quảng Dương bị ban chết. Hồ Duy Dong mưu phản, vụ án liên lụy đến nhiều, bị giết chết tới ba vạn người, cả Lý Thiện Trường cũng bị liên lụy chịu diệt cả họ!

Lưu Cơ nhìn người thật sáng suốt.

Hồ Duy Dong do bị Lưu Cơ nhận xét xấu về mình trước mặt Chu Nguyên Chương, khi làm lên tể tướng bèn vu khống cho con của Lưu Cơ, còn vu hại Lưu Cơ chiếm đất mộ có vương khí, Lưu Cơ vốn đang sống an nhàn ẩn dật tại quê nhà, đang mãi vui cờ sớm trà trưa, thành thói dễ chịu, bỗng bị gọi lên kinh thành để đối chứng. Tuy cuối cùng, Chu Nguyên Chương vẫn đưa ông về quê nhà, nhưng có u buồn kết bệnh, năm 1375 ông qua đời, hưởng thọ 65 tuổi.

Cứ theo thứ tự, từ người phạm tặc đến anh hùng liệt sĩ, rồi đến chí sĩ người nhân, cho tới thánh hiền tuần kiệt, và kì nhân dật sĩ thì số người cứ giảm dần. Kỳ nhân dật sĩ, thì thật hiếm như lông phượng vẩy rồng, chỉ có thể tự xuất hiện mà thôi, chứ không thể tìm thấy được.

Kỳ nhân đặc biệt ở chỗ không lụy ở thói đời, vào đời có thể dọc ngang trời đất, ra khỏi đời có thể sánh cùng trời đất, không vì khốn khó mà lo, không vì thành đạt mà mừng, không kể khốn khó hay thành đạt, không phải lụy ai cứ ngay thẳng mà làm, nói theo ngôn ngữ ngày nay là hết sức thanh tao. Có điều là, người thời nay, xu nịnh tầm thường đến mấy vẫn giả bộ đạo mạo, mình toàn hơi "đồng" vẫn ra vẻ thân sĩ. Ai chẳng biết, nếu chia "thành phần giai cấp", họ chỉ đứng trong hàng ngũ những người tầm thường, mà những người kém cỏi trong họ muốn mượn men tới bậc kỳ nhân dật sĩ, e rằng phải "tu thêm mười đời" nữa!

Chỉ có kì nhân dật sĩ quá xa vời. Thời nay "quý tộc" hình như là hình tượng hợp thời. Hình như, hệ cứ khoác áo đội mũ vào thì thằng Kèo, thằng Cột, bố cu, mẹ đi... cũng thành quý tộc. Thực ra, kỳ nhân dật sĩ mới là đại biểu cho tinh thần quý tộc truyền thống Trung Quốc, là tinh hoa của khí phách quý tộc chân chính. Còn như các nhà quý tộc tự phong thời nay, đúng là ở bên ngoài thì họ không chỗ nào là không quý tộc, chỉ có tinh thần là không quý tộc mà thôi!

65. THÁI GIÁM ĐẶC VỤ UÔNG TRỰC

Nền thống trị tập quyền phong kiến Trung Quốc hầu như có quy luật: dùng văn trị không kết quả thì dùng võ trị, võ trị không kết quả thì bằng đặc vụ để cai trị. Nếu cai trị bằng đặc vụ mà vẫn không kết quả thì đành bó tay.

Từ đó ta thấy rằng cai trị bằng đặc vụ là biểu hiện tập trung của chính trị thối nát, thống trị bất lực, kém tự tin.

Xã hội phong kiến Trung Quốc thực là xã hội của những kẻ tổ giác bí mật, triều đại nào cũng có những kẻ làm nên nhờ mật báo như vậy, có rất nhiều vụ án oan ức chỉ là do mật báo gây nên. Số người được cất nhắc nhờ mật báo đông hơn hẳn số người thành đạt vì can gián thẳng ngay. Thế giới dưới ánh nắng ban ngày như teo lại, những công việc trong bóng tối lại rất phát đạt, đó cũng là một trong những đặc sắc của xã hội truyền thống Trung Quốc.

Sao lại thế? Đó là do sự tập trung quyền lực vào một người gây nên. Một mình vua chúa chuyên quyền, quyền lực không được công khai, mà quyền lực đã không công khai, ắt phải có

một kênh thông tin bí mật giữa bên trong và bên ngoài. Mật và kẻ cáo mật bên từ đó mà ra.

Thực ra, các đời phong kiến Trung Quốc đều có đặc vụ và cai trị bằng đặc vụ, chỉ khác nhau ở chỗ nhiều hay ít, nặng hay nhẹ, hoặc thể này thể khác mà thôi. Theo sự phát triển của lịch sử, sự cai trị bằng đặc vụ của xã hội Trung Quốc xưa kia cũng dần hoàn thiện, tới triều Minh, đã chín mười lăm. Văn hóa truyền thống Trung Quốc thật là "phong phú rực rỡ".

Sự cai trị bằng đặc vụ của triều Minh đã trải qua lịch trình lâu dài và phức tạp. Nếu muốn tìm nguồn gốc, phải kể từ hoàng đế khai quốc Chu Nguyên Chương.

Chu Nguyên Chương khởi nghiệp từ áo vải, nam chinh bắc chiến mà lên ngôi hoàng đế, thực không dễ dàng chút nào. Từ thời kỳ khai quốc có nhu cầu củng cố chính quyền thì không kể làm gì, đời tu của Chu Nguyên Chương có ảnh hưởng rất lớn đến tính đa nghi của ông ta. Chu Nguyên Chương, lúc đầu theo Quách Tử Hưng, chiến đấu rất dũng cảm, thậm chí còn trở thành con rể của Quách Tử Hưng nữa (con nuôi của Quách là Mã thị được gả cho Chu Nguyên Chương, sau thành hoàng hậu), nhưng Quách Tử Hưng luôn nghi ngờ Chu Nguyên Chương, nhiều lần tước binh quyền của ông, có lần còn suýt mất mạng, nhất là hai người con trai của Quách Tử Hưng, nhiều lần bày đặt để đưa ông vào chỗ chết. Quãng đời nguy hiểm đó của Chu Nguyên Chương đã khiến ông nhận thức đầy đủ được sự phức tạp và hiểm độc của lòng người, sau khi lên ngôi, ông luôn đề phòng người khác.

Dương nhiên, những năm đầu triều Minh, việc cai trị của triều chính còn đang rối rắm, Chu Nguyên Chương muốn cho xã hội nhanh chóng ổn định, một mặt cải cách chế độ quan lại, tập trung quyền lực, một việc thực hiện hình pháp hà khắc, giết người một cách tàn khốc. Một mặt rất quan trọng nữa là, để đề phòng quân thần bí mật mưu phản, ông đặt ra đội quân Cẩm y vệ, do ông trực tiếp quản lý. Ông phái Cẩm y vệ đi khắp nơi, khắp kinh thành, khắp nước, chỗ nào cũng có Cẩm y vệ, không những việc lớn, mà ngay cả những chuyện các đại thần tối hôm đó mời khách như thế nào, ăn món gì, làm thơ gì, kêu ca chuyện gì, tại sao tức mình,... hết thầy thầy, Chu Nguyên Chương đều biết, ngày hôm sau vào triều đối chứng, khiến quần thần phải kinh hoàng. Nhưng dưới sự thống trị chặt chẽ như vậy, thừa tướng Hồ Duy Dong vẫn câu kết trong ngoài để thực hiện mưu phản, suýt nữa thì giết được Chu Nguyên Chương. Sau vụ mưu phản của Hồ Duy dong, hơn ba vạn người bị giết chết. Sau đó lại đến vụ án "Lam Ngọc đảng đại ngục", hơn một vạn năm ngàn người bị giết chết. Hai vụ đó giết chết mấy vạn người, các công thần trong triều hầu như bị quét sạch. Chính quyền họ Chu coi như đã đúng vững.

Sau khi Chu Nguyên Chương chết, cháu ông ta lên nối ngôi, tức Kiến Văn đế, nhưng con của Chu Nguyên Chương là Chu Đệ không phục, dấy binh làm phản, đánh bại Kiến Văn đế, lên ngôi hoàng đế, tức Minh Thành tổ. Trong quá trình chống Kiến Văn đế Chu Đệ được các thái giám ủng hộ, từ đó

Chu Đệ rất tin ở thái giám, tể hoạn quan chuyên quyền triều Minh bắt đầu từ đó.

Quân Cẩm y vệ của Chu Nguyên Chương có bảy mươi sở trực thuộc, có tới năm sáu vạn người, mà các vệ khác thường chỉ có năm sở, số người không quá năm ngàn. Như thế đã đành, một điều quan trọng nữa là Cẩm y vệ có thể không cần phải qua cấp quan lại và thủ tục pháp luật nào, có thể trực tiếp cung cấp tình báo về bất cứ ai cho nhà vua. Đến thời Chu Đệ, ông ta thấy Cẩm y vệ hình như chưa đủ dùng, nhất là cẩm y vệ là ngoại thần, tình hình khó nắm, mà quyền lực ngày càng lớn, nếu không có một cơ cấu hạn chế nó, e rằng không ổn. Thế là ông ta lấy người tù trong đám hoạn quan, tổ chức ra Đông xưởng. Đông xưởng có thể làm chức năng của Cẩm y vệ vừa có thể khống chế giám sát cẩm y vệ, lại có thể sớm tới ở bên mình Chu Đệ, để nắm được tình hình, vì vậy Minh Thành tổ Chu Đệ thấy vững tâm hơn nhiều.

Hai tổ chức đặc vụ đó, đến đời Hiến tông Chu Kiến Thâm càng hoàn chỉnh và phát triển, có thể nói là nền thống trị đặc vụ Trung Quốc đã đạt tới đỉnh cao. Tình hình Chính trị thời kỳ Hiến tông so với thời Thái tổ và Thành tổ thì rối ren hơn nhiều, cha của Hiến tông là Anh tông sau trận thất bại ở Thổ mộc bảo, bị thủ lĩnh Ngõa Thịch bắt làm tù binh, giải về phương bắc đã hơn một năm, Hiến tông Chu Kiến Thâm lúc đó được lập làm thái tử, tiếp đó chú của ông là Chu Kỳ Ngọc lên ngôi, sau đó đón Anh tông về, nhưng chức thái tử của Chu Kiến Thâm bị phế bỏ. Cảnh đế Chu Kỳ Ngọc lập con mình là

Chu Kiến Tế làm thái tử, nhưng ít lâu sau Chu Kiến Tế ốm chết. Khi Chu Kỳ Ngọc ốm nặng, các đại thần tổ chức "đoạt môn chi biến" để Anh tông trở lại làm vua, đòi lại ngôi vua trong tay em. Sau khi Anh tông chết, Chu Kiến Thâm mới được kế vị, tức Hiến tông. Tình hình chính trị ngày càng phức tạp đó làm cho Chu Kiến Thâm cảm thấy rất khó cai trị. Hiến tông chỉ còn cách là kế thừa truyền thống của tổ tiên, đó là phát triển sự thống trị bằng đặc vụ.

Thủ lĩnh đặc vụ, thái giám Uông Trục cũng sinh ra từ đây.

Uông Trục là người Đại Đăng Hiệp (Quế Bình, Quảng Tây ngày nay), dân tộc Dao. Năm Hiến tông đi dẹp loạn phương nam bắt về, Uông Trục vào cung, lúc đầu chuyên hầu hạ ái phi của Hiến tông là Vạn Quý phi. Uông Trục thông minh nhanh nhẹn, biết cách tận tình nhận hối lộ vợ vết của cải cho bà ta tới mức bà Vạn cũng cảm thấy cần phải đền công cho hắn. Thế là Vạn Quý phi ra sức ca ngợi Uông Trục trước mặt Hiến tông. Dần dà, lời nói của Quý phi cũng lọt vào tai Hiến tông, ông ta cho Uông Trục làm thái giám quản lý ngự mã.

Việc Uông Trục trở thành cấm y vệ, cũng là một cơ may ngẫu nhiên. Có một thuật sĩ tên là Lý Tử Long, nói rằng mình có thể hô gió gọi mưa, đuổi quỷ gọi thần, còn biết trước được họa phúc của đời người. Bọn nội quan Bào Thạch, Trịnh Trung rất tin, mới giới thiệu y cho Hiến tông, y được lui tới ở chốn cung cấm, cùng Hiến tông lên núi du ngoạn. Y giờ trở

bị bọm từ đây. Sau đó một thời gian Lý Tử Long câu kết với bọn nội quan định mưu hại Hiến tông. Nhưng sự việc bại lộ, bị cấm y vệ dò biết, cả bọn bị bắt đem chém đầu. Lần âm mưu này tuy không thành công, nhưng gây nên sự chấn động lớn với Hiến tông, ông không thể không tăng cường phòng vệ. Thế là, ông giao cho Uông Trục mặc áo sĩ quan cấm y vệ dẫn lính cấm y vệ đi tuần tra trên phố. Uông Trục nhân cơ hội đó, ra sức bày tỏ lòng trung thành và sự tích cực của mình. Hắn thường cải trang đi dò la tin tức, theo dõi các chuyện ngoài phố trong ngõ cũng như, hành động của từng đối tượng rồi về báo cho Hiến tông. Lúc này Hiến tông luôn cảm thấy không được an toàn, lại không có người tâm phúc để nhờ cậy, thấy Uông Trục như vậy, ông rất vừa ý và tin dùng Uông Trục. Hiến tông nghĩ rằng Cấm y vệ và Đông Xưởng đều do tiền nhân lập nên, nhân viên hai cơ quan này ông chưa nắm chắc, chỉ bằng nay lập một đội quân thân tín để khống chế các xưởng vệ khác. Thế là Hiến tông hạ lệnh thành lập Tây xưởng, người tổng quản Tây xưởng đương nhiên là Uông Trục.

Sau khi nhận chức tổng quản Tây xưởng, Uông Trục lập tức trở nên quan trọng, quyền thế được tăng cường nhanh chóng. Nhưng Uông Trục không phải là kẻ ngu, hắn biết muốn phát triển ảnh hưởng, còn phải biết mua danh vị, và hắn luôn chú ý, chờ thời cơ.

Cuối cùng thời cơ đã đến. Trấn giám Nam Kinh Đàm Lục Bằng là người ngang ngược, lại rất tham lam. Một lần sau khi

vào triều cống lễ, y dùng hàng trăm thuyền của quân đội để chở muối riêng, ngang nhiên theo dòng đi về nam. Muối, thép theo pháp luật nhà Minh không được tự do buôn bán, kẻ chuyên chở riêng sẽ bị tử hình, nhưng Đàm Lục Bằng quyền lớn tính hung bạo, không ai dám động tới. Khi tới huyện Vũ Thành, một viên lại to gan đòi khám xét thuyền muối, Đàm Lục Bằng đâu coi viên lại nhỏ là gì, liền vung tay cho anh ta một đấm rụng luôn hai chiếc răng cửa, còn tiện tay đâm chết luôn một nhân viên ở cạnh anh ta. Uông Trục biết việc này, bèn cho đưa tin rộng rãi, tạo dư luận và lập tức cho bắt Đàm Lục Bằng, kết tội, cho oán muối riêng, đánh quan lại, giết chết người vô tội. Uông Trục tâu với nhà vua, kiên quyết yêu cầu xử tử Đàm Lục Bằng.

Tuy vậy Hiến tông cũng không xử tử Đàm Lục Bằng. Cảm thấy Uông Trục là người chấp pháp chí công, trung thành nhất mực, nên Hiến tông càng tin nhiệm hắn. Dư luận nói chung cũng cho rằng Uông Trục là người ngay thẳng, từ đó danh tiếng Uông Trục ngày càng lớn.

Uông Trục thấy quyền thế của mình đã vững, bèn dùng thủ đoạn đặc vụ để tạo không khí khủng bố, bắt bỏ giết hại ngang nhiên các quan lại triều đình, đối với dân chúng nói chung, càng ra oai lạm quyền. Do Tây xưởng có thể không cần qua trình tự pháp luật nào có thể bắt người, xử trí, chỉ cần tâu với nhà vua là được, Tây xưởng cũng trở thành một cái ổ ma quỷ vô lý, Uông Trục giấu vua, nhiều vụ án không tâu lên, tự ý giải

quyết, nên nhiều việc nhỏ trong dân như mất gà mất chó, mất riu mất móc, cãi cọ đánh lộn cũng thường bị xử nặng thậm chí cực hình, rất nhiều ngoài bị chết oan ở Tây xường. Ngay cả quan lại triều đình cũng bị Uông Trục tùy tiện xử tử như chó gà vậy.

Chẳng hạn chỉ huy sứ Kiến Ninh là Dương Hoa cùng cha là Dương Thái do bị vu cáo, chạy tới kinh đô trốn ở nhà anh rể là Đồng Dữ, Đồng Dữ thay ông xin với Vi Anh, Vi Anh là bá hộ cấm y trong Tây xường, người tâm phúc của Uông Trục, vì vậy, Vi Anh tuy mặt ngoài nhận lời với Đồng Dữ, nhưng muốn lập công, lập tức đi báo Uông Trục. Uông Trục chợt nghe, thấy cơ hội cầu danh đã tới, liền lập tức bắt cha con Dương Thái, dùng cực hình tra tấn, Dương Hoa chịu không nổi, bèn tự vu cho mình là phạm tội nhận hối lộ, đem tiền gửi ở nhà người chú là Dương Sĩ Vi làm chủ sự bộ binh. Uông Trục nắm được khẩu cung đó, cũng chẳng tiếp tục điều tra rõ ràng, lập tức bắt Dương Sĩ Vi. Kết quả, Dương Hoa không chịu nổi nhục hình chết trong ngục, Dương Thái bị xử chém, Dương Sĩ Vi bị giáng chức. Vụ án xử xong, bá quan trong kinh thành đều hoảng hốt, chỉ sợ bị rơi vào kết cục như nhà họ Dương.

Uông Trục coi thường cả các quan nhỏ lẫn các quan lớn nhất, nhị phẩm trong triều. Một lần thượng thư bộ binh Hàng Trung đi ra ngoài, vừa đứng gặp Uông Trục, Hàng Trung cứ đường mình mà đi, không chủ động nhường đường cho Uông

Trực, kết quả làm Uông Trực nổi giận, làm nhục Hạng Trung, còn dọa sẽ tìm cơ hội trừng trị ông. Uông Trực điều võ dương oai thật chẳng khác gì nhà vua, mỗi lần hấn đi ra ngoài, xa giá hộ tòng đầy đường, mọi người đều phải lánh xa, không ai dám động tới.

Trước tình hình như vậy, nhiều đại thần trong triều, như lang trung Vũ Thanh, Nhạc Chương, tham chính Lưu Phúc, hành nhân Trương Kiện Cương đều bị bắt oan tống ngục. Trong triều ai nấy lo sợ không biết tự bảo vệ bằng cách nào, nhiều người ngay thẳng yêu cầu cách chức và trừng trị Uông Trực.

Trong lịch sử, còn có một chuyện khá lý thú, chống gian quan nịnh thần, võ tướng không thấy đứng ra, văn thần cũng ít người ra mặt, mà chỉ có đám văn nhân học giả, với tư cách đại học sĩ đứng ra chống lại. Lần này, lại là một đại học sĩ tên là Thương Lộ dâng thư nói rằng:

Gần đây, mật thám quá nhiều, mệnh lệnh chính trị thúc ép liên tục, hình phạt quá dày quá nặng. Khiến người người lo sợ không yên. Tất cả đều là do hệ hạ giao mọi việc cho Uông Trực định đoạt, mà Uông Trực lại đem các việc giao cho một đám tiểu nhân giải quyết. Nay trong ngoài cung đình đều xáo động không yên, làm sao bảo đảm không xảy ra tai họa bất trắc? Trước đây Tào Khâm làm phân cũng là do gian thần kích động gây nên. Một khi tai họa xảy ra, rất khó một lúc dẹp yên được. Mong hệ hạ hãy thánh tâm quyết đoán, dẹp bỏ Tây xưởng,

cách chức Uông Trục để ông ta giữ được tính mạng, giết Vi Anh để trị đúng tội đúng người, như vậy thần dân sẽ vui lòng thần phục, sẽ ổn thỏa các việc. Nếu không, thiên hạ sẽ rất nguy hiểm, thực là khó lường trước!

Với bản tấu trình thực sự cầu thị mà khẩn thiết thành tâm như vậy, Hiến tông hôn muội xem xong, trước mặt mọi người buông một câu:

- Ta chỉ dùng có một viên thái giám, sao đủ gây loạn thiên hạ!

Không những chỉ có vậy, Hiến tông còn sai người đi chê trách Thương Lộ. Sứ thần Hoài Ân đi gặp Thương Lộ, Thương Lộ đồng dạng chỉ ra ba tội ác của Uông Trục:

Một là, tự ý bắt các quan tam phẩm trở lên trong triều.

Hai là, tự ý bắt các tướng đang bảo vệ biên cương ở Đại Đồng, Tuyên Phủ, gây nên tình hình nguy cấp ở biên giới do quân không tướng.

Ba là, tự ý lũng bắt người ở Nam Kinh, cơ sở quan trọng của nhà vua.

Hoài Ân nghe xong, sợ lẽ luỗi, vội về hội báo với nhà vua.

Vừa đúng lúc đó, thượng thư bộ binh Hạng Trung cũng dẫn chín vị công khanh vào cùng vạch tội Uông Trục, Hiến tông thấy áp lực quá lớn, buộc lòng phải xóa bỏ Tây xưởng vào năm thứ 18 Thành Hóa (1482), đưa Uông Trục trở về làm ngự mã giám.

Đó chỉ là việc làm tạm thời, Hiến tông vẫn rất có cảm tình với Uông Trục, vẫn không quên Tây xưởng. Do vậy, nếu có cơ hội, Tây xưởng vẫn có thể thành lập lại, Uông Trục lại có thể được trọng dụng.

Quả nhiên cơ hội đến. Ngự sử Đãi Tấn, chín năm chưa được thăng quan, rất căm uất, suy nghĩ mãi mới nghĩ ra một kế. Ông ta thấy nhà vua vẫn còn rất sùng tín Uông Trục, muốn tán dương điều đó. Thế là ông ta dâng thư, hết lời khen Uông Trục trung thành với đất nước, không những là khuôn phép cho đời nay, còn làm khuôn phép cho muôn đời sau v.v... Hiến tông nghe xong, thấy hợp ý mình, lập tức lại xuống chiếu lập lại Tây xưởng, và Uông Trục lại nhận chức cũ.

Sau khi nhận chức, Uông Trục càng trắng trợn hơn. Việc đầu tiên của hắn là hải hãm hại Hạng Trung. Hắn chỉ thị cho hiệu úy Đông xưởng vu cáo Hạng Trung, Hiến tông không phân trắng đen, đồng ý cho bắt Hạng Trung, đem ông giao cho tư pháp thẩm vấn. Người chủ quản tư pháp biết đây là chủ ý của Uông Trục, tuy xét hỏi mãi không có chứng cứ gì vẫn kết tội Hạng Trung, kể cả các chín công khanh sáu bộ đã cùng ông tố cáo tội của Uông Trục đều bị liên lụy, tất cả đều bị giáng cấp quan. Đại học sĩ Thương Lộ người vạch tội Uông Trục đầu tiên cũng bị bãi quan. Từ đó về sau, trong triều không còn ai dám đương đầu với Uông Trục nữa.

Uông Trục loại trừ được những người không ủng hộ y. Việc cài những người thân tin của mình vào mọi nơi, chuyển

Vương Việt và Trần Việt được thăng quan thật nực cười, khiến người ta có thể thấy rõ triều chính của Hiến tông thối nát tới chừng nào.

Vương Việt là một kẻ tiểu nhân ti tiện, thấy Uông Trục và Hạng Trung đối lập nhau, y bèn đầu cơ kiếm lợi, ra sức nói xấu Hạng Trung, mỗi lần nói chuyện với Uông Trục về Hạng Trung, y đều tỏ vẻ căm ghét nghiêng răng nghiêng lợi, trong việc vu cáo Hạng Trung y cũng lập nhiều công, vì vậy sau khi Hạng Trung bị mất chức về làm thường dân, Vương Việt do Uông Trục tiến cử được bổ nhiệm làm thượng tu bộ binh.

Năm Thành Hóa thứ 15 (năm 1479), Uông Trục phụng mệnh đi tuần tra vùng biên giới, các quan lại biên phòng sợ y như sợ cọp, không những lễ nghi cung kính, còn đứng bên đường chờ đón. Nhưng Bình bộ thị lang Mã Văn Thăng đang trấn thủ Liên đông không ưa Uông Trục, tỏ ra bức tức, Uông Trục bèn cùng Trần Việt hợp mưu, đem tội quấy nhiễu biên cương của Trần Việt đổ lên đầu Mã Văn Thăng. Vốn là, Trần Việt lạm sát dân vùng biên, gây nên vụ bạo động của dân, Mã Văn Thăng được đưa đến dẹp tình hình mới yên. Do sự gian trá của Uông Trục, Mã Văn Thăng bị giáng chức, Trần Việt mò đoán tâm lý của Uông Trục, biết Uông Trục chưa có chiến công, bèn nghĩ cách cho ông ta lập chiến công, thế là Trần Việt giả báo về triều tình hình báo động biên giới, Hiến tông cho Chu Ninh thống lĩnh quân, Uông Trục làm giám quân, lên biên giới quanh một lượt rồi "Khải hoàn". Kết quả

lần xuất chinh này là: Một - giết một số dân vô tội, cướp bóc tài sản; Hai - Chu Ninh được phong làm bảo quốc công, Trần Việt được thăng làm tả đô ngự sử, Ưông Trục thì được thêm nhiều bổng lộc.

Vương Việt thấy Trần Việt từ một tên tội phạm, mà được thăng quan phát tài nhanh chóng thì cũng rất háo hức, y bèn bắt chước cách làm của Trần Việt, lại giả báo tình hình báo động biên giới. Hiến tông cũng chẳng hỏi rõ đầu đuôi, chỉ biết mù quáng ra lệnh, lại cho Chu Ninh làm thống lĩnh, Vương Việt phò trợ, Ưông Trục giám quân. Sau khi "khải hoàn", mọi người đều được thăng thưởng, Vương Việt được thỏa nguyện, phong làm uy ninh bá.

Vương Việt và Trần Việt trở thành chân tay tâm phúc của Ưông Trục, người đương thời gọi họ là hai lưỡi rìu (Việt có nghĩa là cái rìu cổ), không ai không khiếp sợ.

Nhưng có một tiểu hoạn quan tinh hay bông đùa là A Sầu lại muốn tìm cách vạch trần những hành động phi pháp của Ưông Trục và "hai lưỡi rìu" để Hiến tông cảnh giác. Một hôm A Sầu làm trò trước mặt Hiến tông, đóng giả một anh chàng say rượu trên phố, nói chửi lung tung, Hiến tông nghe xong thấy vui vui. Một tiểu hoạn quan khác đóng vai người đi đường, hét lớn lên rằng:

- Này quan lớn đến rồi đó.

A Sầu bắt chắp, vẫn chửi nói lung tung như trước. Bỗng một người thái giám bước ra, hét lớn:

- Ngự giá tới!

A Sửu vẫn bất chấp. Cuối cùng một tiểu thái giám bước ra hô lớn:

- Uông thái giám tới!

A Sửu lập tức tỏ vẻ hoảng hốt, vội chạy trở về. Tiểu thái giám cố ý giữ anh ta lại, hỏi:

- Hoàng thượng đến anh không sợ, sao anh chỉ sợ Uông thái giám?

A Sửu trả lời:

- Tôi chỉ biết có Uông thái giám, không biết có hoàng thượng. Uông thái giám không dễ dàng động tới!

Hiến tông ngồi xem, nghe nói vậy ông cũng gật đầu tán thưởng.

A Sửu để ý quan sát Hiến tông, thấy ông đã động lòng, bèn diễn tiếp trò. Anh ta giả mang áo mũ như Uông Trục, xách hai chiếc rìu ở tay, người hát đứng bên hỏi:

- Ông cầm rìu đi đâu đấy?

A Sửu đáp:

- Rìu này không phải rìu tầm thường, việc điếm binh, khiển tướng đều do hai chiếc rìu này.

Người hát đứng bên lại hỏi:

- Rìu gì mà ghê gớm thế?

A Sứ cười đáp:

- Chẳng trách người là thằng ngốc, đến Vương Việt, Trần Việt mà cũng không biết!

Hiển tông nghe nói vậy cũng mỉm cười.

Đến lúc này, Hiển tông cũng bắt đầu nghi ngờ Uông Trục. Vừa lúc, ngự sử Từ Dong lại dâng biểu vạch tội ác của Uông Trục:

Uông Trục cùng Vương Việt, Trần Việt kết thành tâm phúc, dùm học nhau, tùy tiện giả thông cáo, tự mình tác oai tác phúc, dẫn đến chiến tranh với tây bắc, kết họa với đông nam, người trong thiên hạ chỉ biết có Tây xướng, không biết có triều đình, chỉ biết sợ Uông Trục, không biết sợ bệ hạ, dần dần phe cánh đủ mạnh, khiến người run sợ. Mong bệ hạ dùng hình phạt đúng mức, trừ bỏ gian đảng đang coi thường phép nước lộng hành này.

Đúng là giàu đồ bìm leo, nội bộ tập đoàn Uông Trục do tranh giành quyền lợi chen ép lẫn nhau, đem các chuyện phi pháp của Uông Trục tâu với Hiển tông. Hiển tông quyết định phải xử trí Tây xướng. Trước hết ông cho giải thể Tây xướng, trục xuất bọn phe đảng tâm phúc của Uông Trục là Vương Việt, Đãi Tấn, vi Vi Anh và Trần Việt trước đó đã do phạm tội bị giết, nên không truy cứu. Nhưng Hiển tông không trừng phạt triệt để Uông Trục, chỉ bãi quan lưu đầy, khiến y còn giữ được tấm thân tàn.

Tây xưởng tuy bị xóa bỏ, Uông Trục cùng bọn bị trục đầy, nhưng Đông xưởng vẫn còn, sự thống trị bằng đặc vụ của triều Minh vẫn tồn tại như trước.

Uông Trục sở dĩ được hai lần đặc thế, trừ những nguyên nhân chung là do hấn khéo xu nịnh, dọa nhà vua tin dùng cận thần ra, còn có một nhân tố quan trọng là Uông Trục có tài dò xét những tin mật. Uông Trục không những đưa tin về những bí mật thông thường của quan dân, mà còn tố cáo được những bí mật của các đại quân, của cấm y vệ và Đông xưởng, điều đó rất phù hợp với truyền thống thống trị từ thời khai quốc của triều Minh, hợp với tâm lý con người, nhất là tâm lý những người yếu đuối cô đơn.

Người báo tin mật muốn tỏ ý trung thành đặc biệt với người khác, người nhận tin mật cũng lập tức cảm thấy được người tôn trọng, cảm thấy có được kẻ bề tôi trung thành, dù cho nội dung tin mật không hoàn toàn đúng hoặc người báo tin mật có dụng tâm gì khác, người được mật báo vẫn cảm thấy có được người thân cận. Nhất là những người đang có tâm trạng cô độc, bất lực, mất lòng tin lại càng như vậy.

Thống trị bằng đặc vụ là một kiểu thống trị bí mật thống trị bí mật là hậu quả tất nhiên của tình trạng chuyên quyền cá nhân, vì vậy, bộ sách "lâm quan học" của quan trường phong kiến, có tới một nửa viết về mấy chữ "báo tin mật".

66. "HOÀNG ĐẾ LẬP ĐỊA" LƯU CẦN

Người Trung Quốc xưa đã sáng tạo ra câu thành ngữ: "Cáo mượn oai hổ".

Người Trung Quốc ngày nay lại sáng tạo được thành ngữ: "quan không bằng quân".

Ý nói, dù anh có làm gì, có dùng phương thức gì cũng mặc, người quân sự vẫn có vai trò quan trọng. Về điểm này, người xưa cũng như người nay có khẳng định không, chưa dám nói, nhưng chắc chắn đều thừa nhận, thực có thể nói kim cổ đồng ngôn vậy!

Anh hãy xem người gác cổng ngày nay, quyền hành của anh ta thật nhỏ mà lại thật to, nếu anh chỉ đi ngoài cổng, tất nhiên anh ta chẳng có quyền gì với anh, quyền hành của anh ta lúc đó nhỏ lắm; nhưng nếu anh bước vào cổng, thì lúc này quyền của anh ta to lắm. Bất kể anh là ai, anh ta đều có quyền gọi anh lại xét hỏi một hồi, thậm chí còn lên lớp anh một trận, cho anh biết thế nào là uy nghiêm và quyền lực. Nếu gặp trường hợp đó, xin khuyên anh một cách, tức là giả

bộ ngậy ngô, cố gắng làm thỏa mãn lòng hư vinh và máu ham quyền lực của anh ta, xóa đi ý nghĩ tẻ chán của anh ta, làm cho anh ta cảm thấy mình là nhân vật quan trọng nhất trên đời này, thì may ra anh có thể nhanh chóng mà vào! Người gác cổng như vậy, người coi cửa nơi đông dẫu càng như vậy. Người ta sống trên đời, ai chẳng phải qua cửa nọ của kia? Vậy thì cũng nên vỗ lòng môn học "vào cửa" này.

Xem ra, tính thời gian của quyền lực là rất mạnh, trong buôn bán, người Trung Quốc muốn sót sót "tiền trao cháo múc", trên quan trường thì người ta nói "có quyền không dùng, quá hạn mất thiêng", để đến lúc lửa tắt bếp lạnh ai còn hỏi hạn tới. Nhất là đối với thực quyền, được ngày nào hay ngày nấy, người khác sẽ bãi phục. Người Trung Quốc xưa nay rất sùng bái thực quyền, nếu không quản lý chặt, vua cũng không coi ra gì. Hoạn quan triều Minh Lưu Cấn, chỉ vì nắm được thực quyền, người đương thời gọi hắn là "hoàng đế lập địa", đại khái có nghĩa là hoàng đế đương nhiệm, hoàng đế điều hành gì đó, mọi người sợ hắn như cọp, còn hoàng đế thực sự thì chẳng ai để ý.

Một khi cả thiên hạ đã nằm trong tay nhà vua thì sẽ xuất hiện nhiều hôn quân, tất tạo ra lắm hôn quân, vì nhà vua thực cũng không thể bảo đảm mình gieo giống rồng mà không nở ra bộ chó, hạt giống anh minh tài trí, không thể nảy ra mầm mống hôn muội hồ đồ. Nhưng không kể đời sau thế nào, người trong thiên hạ vẫn phải để cho ông cười trên đầu mình,

há chẳng oan uổng sao? Vô tông triều Minh là một ví dụ như vậy.

Cha của Vô tông cũng là người sáng suốt nhân từ, nhưng ông chỉ sống tới ba mươi sáu tuổi thì qua đời. Trước khi mất, ông gọi các đại thần nội các Lưu Kiện, Lý Đông Dương, Tạ Thiên đến trước mặt dặn:

- Ta đội ơn dày của hoàng khảo, chọn Trương thị làm hoàng hậu, sinh được con trai là Chu Hậu Chiếu, lập làm hoàng tử (hoàng tử kế vị) tuổi đã mười lăm, chưa lấy vợ. Nay bộ Lễ cứ theo thường lệ thực hiện, nhưng con ta tuổi còn nhỏ, tính dâm dăng, nhờ các khanh phò giúp cho chính đạo, xứng đáng bậc quân vương, trăm chết cũng nhắm mắt!

Thật không ai hiểu con bằng cha, Hiến tông chết, xác còn chưa lạnh, Vô tông vẫn còn chịu tang đã giờ trò dâm lạc.

Vô tông sùng tín tám viên thái giám: Lưu Cẩn, Mã Vĩnh Thành, Cốc Đại Dụng, Ngụy Lâm, Trương Vĩnh, Khâu Tự, Cao Phương, La Tường. Trong đó Lưu Cẩn là người nhiều mưu kế, biết chút ít văn từ, hiểu chút ít về triều trước, nên đứng đầu. Tám người này, dưới thời Vô tông, mặc sức ngang ngược hại nước hại dân, bị người đương đời gọi là "bát hổ", trong đó đứng đầu "bát hổ" là Lưu Cẩn quyền lực quá lớn, bị người đương thời gọi là "hoàng đế lập địa".

Lưu Cẩn, vốn họ Đàm, người Hưng Bình, Thiểm Tây, từ nhỏ đã có tính xấu, hiểm độc vô lại, muốn được giàu sang,

chịu hoạn rồi theo một hoạn quan họ Lưu, đổi họ Lưu để trà trộn vào cung, sau được giao hầu hạ thái tử Chu Hậu Chiêu, vì biết chiều ý được thái tử rất sủng ái, sau khi thái tử kế vị càng được trọng dụng. Võ tông vốn thích chơi bò, Lưu Cẩn đương nhiên hiểu ý Võ tông, ra sức ân cần, dẫn dắt Võ tông vào con đường đam lạc, hết dâng ca kỹ, vũ nữ, chơi chó, chơi gà, lại dẫn Võ tông ra ngoài thành săn bắn, làm cho Võ tông lúc nào cũng mãn nguyện. Thế là, Lưu Cẩn được thăng làm tổng quản cấm vệ quân, nắm quyền chỉ huy đội quân bảo vệ cung đình.

Lưu Cẩn cướp đất của dân, bắt phu dịch xây cung điện cho Võ tông, bằng mọi cách cướp đoạt vợ vét của cải của dân, cung phụng cho Võ tông hưởng lạc, rồi chèn ép lăng nhục các đại thần, làm cho khắp cả nước đều xao động, cục diện chính trị mới có được sự chuyển biến tốt thời Hiến tông nay bắt đầu nhanh chóng xuống dốc. Các nhân sĩ chính trực trong triều bắt đầu dâng thư vạch tội ác của bọn Lưu Cẩn, yêu cầu Võ tông nên gần gũi hiền thần, xa lánh tiểu nhân.

Nhưng Võ tông không đếm xỉa đến những thỉnh cầu trên, đại học sĩ Lưu Kiện, thượng thư bộ binh Lưu Đại Hạ, thượng thư bộ lại Mã Văn Thăng dâng thư không thấy hồi âm, ba người bèn xin từ chức để gây áp lực, không ngờ Võ tông lại chấp nhận ngay. Ít lâu sau, nhiều triều thần lại liên danh dâng thư, vạch tội trạng của Lưu Cẩn, lần này lời phê được truyền trở về, mọi người xem chỉ thấy hai chữ "đã xem". Thượng thư bộ hộ Hàn Văn, lang trung Lý Mộng Dương lại tổ chức các

đại thần liên danh dâng tấu sớ. Bản tấu do Lý Mộng Dương khởi thảo, Lý Mộng Dương là đại tài tử, nhà văn thời đó, một loáng ông đã viết xong, qua Hàn Văn sửa lại, bản tấu nói rất chân thành tha thiết.

Cúi xem triều chĩnh gần đây ngày một sa sút, hiệu lệnh không thích đáng, trong ngoài đều nói bọn thái giám Mã Vĩnh Thành, Cốc Đại Dụng, Trương Vĩnh, La Tường, Ngụy Lâm, Khâu Tự, Lưu Cẩn, Cao Phụng làm điều gian trá, bày trò hát kịch, hết trò này trò khác, rồi dâm ô tục tĩu, không giữ lễ tiết, ngày chơi không đủ, đêm lại chơi thêm, hao tổn tinh thần, hại tới chí đức, bọn tiểu nhân này chỉ biết mê hoặc chúa thượng để mưu lợi riêng, không nghĩ tới quyền mệnh hoàng thiên, nghiệp lớn của tiên tổ đều trên mình bệ hạ, vạn nhất chơi bởi sa sây, dù có nghiền nát bọn họ, cũng lấy gì bù lại hết tội. Trộm xem ngày xưa hoạn quan hại nước, gây họa khôn cùng. Hán có thập thường thị, Đường có sự biến Cam lộ, đều như vậy. Nay bọn Vĩnh Thành tội ác đã rõ ràng, nếu dung túng không trị, sau này sẽ còn trắng trợn hơn, ắt gây họa cho xã tắc. Xin bệ hạ lo phục hồi kỷ cương, từ bỏ yêu thích riêng, trên báo hai cung, dưới dụ trăm quan, trừng trị thẳng tay, tiêu trừ mầm họa loạn, giữ vững phúc lâu dài, như vậy thì nước nhà được may mắn!

Quá nửa đại thần trong triều, quá nửa ký tên vào, dâng lên Võ tông. Võ tông thấy bọn Lưu Cẩn gây nên sự căm phẫn lớn như vậy, không còn cách nào ứng phó nổi, sau khi tan triều, buồn khóc hu hu, lại thêm bọn Vương Nhạc cũng không ưa Lưu Cẩn, giục Võ tông phải nhanh chóng xem xét việc Lưu

Cẩn, Võ tông đành quyết định giáng Lưu Cẩn về Thiên Tân. Nhưng quần thần cho rằng quyết định đó quá nhẹ, nhất trí đề nghị xử tử Lưu Cẩn, Võ tông không cách nào, định hôm sau sẽ đem chém Lưu Cẩn và đồng bọn.

Quyết định chưa ra, Lưu Cẩn sớm đã hay biết, bọn thái giám hoảng sợ, nhưng Lưu Cẩn biết cách ứng phó, hần vội dẫn đám thái giám chạy đến trước mặt Võ tông, dập đầu dõm dõp xuống đất vừa khóc xin, vừa nói:

- Các ngoại thần vạch tội chúng thần, toàn do thái giám Vương Nhạc câu kết gây nên. Vương Nhạc muốn câu kết ngoại thần, áp chế hoàng thượng, nên mới chuyện bé xé ra to. Chẳng qua muốn mượn cớ đó để hạn chế hoàng thượng tiến tới cường chế hoàng thượng. Thử nghĩ, nếu không phải vậy, chơi chớ chơi ngựa, đâu tổn hại tới đại sự quốc gia? Huống hồ, nếu trừ bỏ bọn thần, không biết hoàng thượng còn tin được ai.

Mấy lời đó làm cho Võ tây đầu óc quay cuồng, ông ta vốn thích chơi bời, nếu bị hạn chế thì còn khó chịu hơn là bị giết chết, hơn nữa, ngoài bọn Lưu Cẩn, đúng là không còn ai tâm phúc. Nghĩ tới đây, Võ tông quay ngoắt lại, vung bút xuống chiếu, cho Lưu Cẩn nắm giữ tu lễ giám, Mã Vĩnh Thành nắm giữ Đông xưởng, Cốc Đại Dụng nắm Tây xưởng, ngay đêm đó lệnh bắt bọn Vương Nhạc giải về Nam Kinh.

Các đại thần Lưu Kiện, Lý Đông Dương vốn rất quyết tâm, thề chết diệt bằng được bọn Lưu Cẩn, định nhin ngày hôm

sau, buổi triều sớm Võ tông sẽ ra lệnh chém bọn Lưu Cẩn, ại
ngò trong một đêm, tình thế hoàn toàn thay đổi. Ngày hôm
sau vừa đầu triều, thánh chỉ ban ra, triều thần người người
ngơ ngác. Lưu Kiện, Lý Đông Dương thấy việc đã hết đường
cứu vãn, lập tức xin từ chức. Võ tông chỉ giữ có một mình Lý
Đông Dương, còn cho Lưu Kiện về quê.

Lưu Kiện từ chức về nhà, thật đúng ý của Lưu Cẩn, hần
thừa dịp bố trí phe đảng của mình, thượng thư bộ lại Tiêu
Phượng vào làm việc trong cung, như vậy Lưu Cẩn đã điều
khiển được bộ máy hành chính vĩ đặc vụ. Sau đó, hần còn đề
bạt ồ ạt các quan lại, nuôi thêm thể lực cho mình, một thời
gian dài sau đó, các quan lại quan trọng trong triều, tuyệt đại
đa số đều xuất từ cửa nhà Lưu Cẩn mà ra. Đối với bộ máy đặc
vụ trong quân đội, càng xem trọng hần đề bạt một lúc hơn
1560 sĩ quan, các sĩ quan Cẩm y vệ cũng đều thuộc phe đảng
của Lưu Cẩn.

Lưu Cẩn sớm tối ở bên Võ tông, hần hiểu rõ tính nết của
Võ tông nên đã mầy mò ra được một cách hãm hại trung thần
rất hiệu lực. Võ tông vốn ham chơi, rất ghét những ai đến
quấy rầy lúc ông ta đang mải chơi, vì làm mất hứng của ông
ta. Lưu Cẩn rình vào đúng lúc đó để tâu việc, Võ tông thường
sốt ruột nói:

- Ta tưởng việc gì, đừng đem những việc nhỏ ấy quấy rầy
ta, Khanh liệu mà làm!

Lưu Cần chỉ mong có câu nói đó, rồi tự mình mặc sức ra oai. Thượng thư bộ hình Lâm Hàn cùng một số người khó chịu với sự chuyên quyền của Lưu Cần, từng ủng hộ những người dâng thư vạch tội Lưu Cần. Sau khi Lưu Cần biết, hắn rất căm tức, bèn viết một bản tấu, kể ra những lời của họ, nhằm lúc Võ tông chơi cầu đang hứng nhất để đưa lên. Võ tông chỉ liếc nhìn, rồi sốt ruột nói:

- Ta không thì giờ đâu xem những lời nhảm nhí này, ông đi mà giải quyết.

Lưu Cần mong sao được vậy, lập tức ra khỏi cung, truyền thánh chỉ, gọi những người phản đối ông lại, đánh cho một trận đòn, có người còn bị giáng chức quan.

Theo ghi chép, ngự sử Nam Kinh Tường Khâm và Nam Kinh cấp sự trung Đái Tảo vì vạch tội Lưu Cần mà bị bắt giam vào ngục, phải chịu đòn rồi mất chức về làm dân thường. Ra khỏi ngục mấy ngày, Đái Tảo lại dâng thư vạch tội tiếp, Tường Khâm lại bị bắt bỏ ngục, lại chịu đòn ba mươi gậy, vết thương cũ, mới chồngh chất, Tường Khâm ngắt đi, khi tỉnh lại, viên quan ngục, hỏi ông:

- Còn dám nói láo nữa không?

Tường Khâm nói:

- Một ngày không nói, một ngày không chịu được.

Cấm y vệ lại lời ông ra đánh một trận, ngắt xiù ba ngày sau mới tỉnh, tỉnh lại ông càng nghĩ càng giận, lại xin giấy bút của

ngực lại ngồi viết thư vạch tội Lưu Cẩn. Mỗi viết được mấy nét, trong vách bỗng nghe thấy tiếng kêu thê thảm như ma hú, Tuồng Khâm bất giác dùng bút, thì không nghe thấy tiếng ma hú nữa. Tuồng khâm tiếp tục viết, tiếng hú lại phát ra, mà ánh đèn trên bàn lúc sáng lúc tắt, lập lòe nóng rất sợ. Tuồng Khâm nghĩ một lát, rồi khấn tẩm vách:

- Bản số này dâng vào triều, chắc sẽ có họa chết người, nên các thần linh báo động cho biết trước, nếu không muốn tôi viết số tâu nữa xin hãy xin hú to làm hiệu.

Khấn xong, quả nhiên tiếng hú bỗng mạnh hẳn lên. Tuồng Khâm nghe xong, bất giác sinh chán nản, muốn đem bản số đốt đi cho xong, nhưng lại thay đổi suy nghĩ, ý chí đã quyết bền hét to lên:

- Đã phụng sự quân vương không thể tiếc thân mình, hổ với tiền nhân. Ta không sợ chết số này nhất định gửi được.

Nói xong, tiếng ma hú dùng bật, Tuồng Khâm nhờ người coi ngục dâng tấu thư, kết quả lại bị đánh ba mươi trượng mà mất mạng.

Những đại thần bị Lưu Cẩn hãm hại không biết bao nhiêu mà kể, người chết, người bị cực hình, người bị giáng chức, người bị bãi quan, cũng có người phải mai táng ẩn danh ở chốn tha hương. Lưu Cẩn uy quyền càng lớn, càng gây nhiều oán hận, nghi kỵ cũng càng sâu, hẳn lập Nội xưởng, quyền hành trên cả Cẩm y vệ, Đông xưởng và Tây xưởng, bản thân

trực tiếp nắm lấy Nội xương. Nội xương không những có quyền cao hơn Cẩm y vệ và hai xương (Đông xương và Tây xương) mà còn giám sát chỉ huy các xương vệ khác, và có quyền theo dõi hành tung của bất cứ ai, trừ thiên tử, là cơ quan đặc vụ lớn nhất triều Minh. Hình phạt của Nội xương cũng quái đản tàn khốc hơn hai xương kia. Ví dụ, Nội xương quy định người bên này sông phạm pháp, người bên kia sông cũng chịu liên lụy, hình cụ của Nội xương nghe cũng đã phát sợ, gông gổ nặng một trăm năm mươi cân, phạt đeo gông chẳng kém gì xử lăng trì, tàn ác nhất trên đời. Trong một vài năm, số quan dân bị xử tử có tới mấy nghìn người. Mọi người nói đến nội xương đều biến sắc mặt, Nội xương thật là địa ngục trần gian.

Trước tình hình như vậy, không những Lưu Cẩn ngang ngược mà ngay cả phe đảng của Cẩn cũng uy quyền ngất trời, không ai dám trị. Đô ngự sử Lưu Vũ hối lộ Lưu Cẩn với số tiền nhiều hơn người khác, Cẩn mừng lắm nói:

- Lưu tiên sinh hậu hĩ quá!

Ít lâu sau, Cẩn nâng ông ta lên làm thượng thư bộ binh. Ở cái vị trí béo bở đó, các võ quan hối lộ nhiều, Lưu Vũ đem của hối lộ chia một nửa cho Lưu Cẩn, bản thân còn lại vẫn nhiều lắm. Không lâu, Lưu Cẩn lại thăng Vũ lên làm thượng thư bộ lại, quan tụy lên, nhưng hối lộ ít hơn, lại thêm tâm phúc làm của Lưu Cẩn là Trương Tài áp chế bên trong, cảm thấy hết cả lợi lộc, Lưu Vũ tức giận cắn nhai:

- Bộ binh tốt thế, hà tất chuyển sang bộ lại.

Lưu Cẩn nghe thấy, gọi Lưu Vũ đến uống rượu, giữa tiệc nói với ông ta:

- Nghe nói tiên sinh không thích bộ lại, điều vào nội các được không?

Lưu Vũ cả mừng, nhưng mừng quá nên quên mất phần hậu lễ cho Lưu Cẩn. Hôm sau ông áo mũ chỉnh tề đến bái tạ Lưu Cẩn, không ngờ Lưu Cẩn mỉm cười nhạo:

- Các hạ thật muốn vào nội các ư? Nội các đâu dễ vào như vậy?

Lưu Vũ xấu hổ thiếu đất chui, biết sẽ không bao giờ được Lưu Cẩn ưu ái nữa, đành dâng đơn xin từ quan.

Lưu Vũ về, lại có Trương Tài thay chân. Tài ra sức nhận hối lộ, không tiến hành tuyển chọn mà chỉ bán quan bán tước. Tư phủ Liễu Châu là Lưu Giới được Trương Tài đề bạt lên tới thái thường thiếu khanh. Về sau Lưu Giới lấy một người thiếp ở kinh, rất xinh đẹp, Trương Tài là kẻ háo sắc, nghe nói vậy bèn đến nhà Lưu Giới thăm. Đương nhiên Lưu Giới phải tiếp đãi thịnh tình, rượu ngà ngà say, Trương Tài bỗng đòi xem mặt người thiếp của Lưu Giới, Giới không cưỡng được Tài, đành cho người thiếp ăn mặc đẹp để ra chào. Trương Tài vừa nhìn thấy đã mê mẩn tâm thần, đánh đổ cả rượu thịt. Chờ người thiếp vào nhà một lúc lâu hẵn mới hoàn hồn, bèn hỏi Lưu Giới.

- Phú quý và quan chức của ông do đâu mà có?

Lưu Giới đáp:

- Đều do được đại nhân cất nhắc.

- Ông định báo đáp ta cái gì?

Lưu Giới không do dự:

- Ngoài tấm thân của hạ quan, mọi vật đều của ân công.

Trương tài đứng lên nói:

- Túc hạ đã nói vậy, tôi sao dám không theo.

Rồi dẫn nhỏ bọn tay chân mấy câu. Người của Trương Tài lập tức xông vào nhà trong, bắt người thiếp mới của Lưu Giới đưa lên xe của Trương Tài. Lưu Giới nhìn thấy, xoe mắt cứng họng, Trương Tài thì chấp tay chào Lưu Giới:

- Xin nhận, xin nhận! -

Nói xong chui vào xe, đem người thiếp của Giới về nhà.

Không lâu, Trương Tài chán người thiếp này, lại nghe nói tư phủ Bình Dương là Trương Thú có một người thiếp xinh đẹp, muốn đoạt lấy, nhưng Trương Thú không cho. Trương Tài bèn bắt ông ta bỏ ngục, sau khi thả ra, cho thuyết khách đến nói cho Trương Thú rõ, Thú đành phải ngoan ngoãn nhường.

Sự chuyên quyền vô liêm sỉ của bọn Lưu Cẩn gây nên sự phẫn nộ rất lớn của mọi người, nhưng Lưu Cẩn áp dụng chính

sách dân áp mạnh mẽ, phạm ai xúc phạm, nghiêm trị tức khắc. Một lần, có bản tấu xúc phạm tới danh hiệu của Lưu Cẩn, Lưu Cẩn bèn cho người xét hỏi, làm cho chuông viện đồ ngự sử sợ quá vội dẫn mười ba đạo ngự sử đến nhà Lưu Cẩn tạ tội, Cẩn miễn cho một trận, các quan vội dập đầu đôm đóp. Từ đó về sau, triều thần tấu việc đều phải viết hai bản tấu thu đỏ và trắng, trước tiên dâng cho Cẩn bản đỏ, chờ Cẩn đồng ý mới dâng bản trắng lên triều đình.

Lưu Cẩn thấy các đại thần không phục, bèn viết một đạo thánh chỉ, quở trách chúng thần, phạm những ai bất hòa với hắn, đều kê vào một danh sách, giao bộ lại tra tội. Lưu Cẩn đem thông báo đó dán giữa triều đường, yêu cầu những người có tên trong danh sách phải tới phía nam cầu Kim Thủy, quỳ tại đó nghe tuyên dụ thánh chỉ, để răn đe. Thế là, đa số những quan có tên trong danh sách đều dè dặt từ quan, Lưu Cẩn nhất luật phê chuẩn, phạm những người không chịu từ quan, sau này cũng đều bị vạ giáng chức hoặc bỏ ngục. Triều đình qua lần loại bỏ đó, gần như sạch không.

Năm Chính Đức thứ ba (năm 1508) đã xảy ra một chuyện có một không hai trong lịch sử Trung Quốc. Võ tông tan triều, nhất được một tờ tố giác nặc danh, nội dung là tố giác tội ác của Lưu Cẩn. Võ tông xem xong, chưa kịp hiểu rõ, giao cho Lưu Cẩn. Lưu Cẩn nhìn thấy tức giận điên người, cho rằng đại thần trong triều làm việc này, lập tức giả truyền thánh chỉ, lệnh cho tất cả đại thần trong triều nhất luật đến

quỳ ở Phụng thiện môn. Hàng quỳ thứ nhất là các quan hàn lâm, đều là thân tín của Lưu Cẩn. Lưu Cẩn chỉ vào họ hỏi:

- Các người có vu cáo ta không?

Người đứng đầu quan hàn lâm cúi rạp xuống đất vừa khóc vừa nói:

- Nội quan ưu đãi chúng tôi, chúng tôi cảm ơn lắm lắm. Sao dám vu cáo Lưu công công?

Lưu Cẩn bèn tha cho bọn họ. Hàng thứ hai là các quan ngự sử, họ học cách ngoan ngoãn của hàng trước, nói:

- Dài quan chúng tôi đều hiểu phép luật triều đình, đâu dám vu cáo người tốt!

Lưu Cẩn cười ranh mãnh:

- Các người đều là người tốt, mỗi ta là gian tặc, ai ghét ta hãy đứng ra xem, việc gì phải vụng trộm.

Nói xong đi vào cung.

Lúc này nắng đã gắt, nóng không chịu được, các quan quỳ ở đây đã lâu, những người già yếu say nắng gục xuống, hơn ba trăm quan lại các cấp quỳ ở đó vẫn không dám nhúc nhích. Thái giám Lý Vinh nhìn thấy không chịu nổi, bèn cho tiều thái giám mang đến ít dưa ném cho họ ăn giải khát, còn nói với họ.

- Lưu công công vào trong còn lâu, mọi người có thể đứng lên cho giãn người.

Mọi người vừa đứng lên thay đổi tư thế cho đỡ mỏi và ăn dưa giải khát, thì Lưu Cẩn đến, mọi người thấy, vội ném dưa, rãm rãp quỳ xuống. Thái giám Hoàng Vĩ nhìn thấy không phục, nói mấy câu đỡ cho họ, kết quả Lý Vinh và Hoàng Vĩ hôm sau đều bị mất chức.

Các quan quỳ một ngày rồi đưa vào ngục của Cẩm y vệ, đêm đó có hơn hai trăm người ốm, chết mất ba người. Lý Đông Dương viết thư xin tha cho các quan, Lưu Cẩn cũng điều tra ra rằng thu nặc danh do một quan hoạn viết, mới nể tình tha cho các quan.

Lưu Cẩn làm điều cần rõ ở kinh thành, bọn tâm phúc phe đảng của hắn cũng hoành hành ngang ngược khắp nơi trong nước, làm cho người oán trời giận. Mùa hè năm Chính Đức thứ năm (năm 1510), An Hóa vương nhà Minh tông là Chu Tuấn Phiên bị phe đảng của Lưu Cẩn cưỡng bức, bèn giết người đó rồi dấy binh làm phản, phát hịch kêu gọi diệt Lưu Cẩn. Hiến tông cho đô ngự sử Dương Nhất Thanh, dẫn binh đi dẹp loạn, giao Trương Vĩnh làm giám quan. Trương Vĩnh tuy là một trong "bát hổ", nhưng Lưu Cẩn chuyên quyền cũng làm cho Trương Vĩnh không bằng lòng. Sau khi dẹp loạn, Trương Vĩnh kéo tay Dương Nhất Thanh lại nói:

- Lần dẹp loạn này đều nhờ công đức của ngài, nếu có nội loạn thì ngài tính sao?

Dương Nhất Thanh ngần ngại chưa dám trả lời, Trương Vĩnh viết một chữ "cẩn" trong lòng bàn tay, hai người hiểu ý nhau.

Lưu Cẩn tin lời các thầy tướng, nói mấy đứa cháu của hắn đều có tướng đế vương, Lưu Cẩn bèn chuẩn bị mưu phản. Trương Vĩnh biết những tin tức đó, nhưng không có cách nào nói được với Hiến tông. Khi hội quân về triều, Hiến tông mở tiệc chúc mừng Dương Nhất Thanh, Trương Vĩnh, uống rượu tới đêm khuya, Lưu Cẩn có việc về trước, Trương Vĩnh bèn thừa cơ, tấu lên Hiến tông mười bảy tội của Lưu Cẩn, và ngày giờ mưu phản, Hiến tông không để ý lắm, lơ mơ nói:

- Hôm nay vô sự, ngày mai hãy nói!

Trương Vĩnh nói:

- Chờ đến ngày mai thì không những chúng thần thành tro bụi, mà bệ hạ cũng thành tro bụi.

Hiến tông vẫn chưa để ý, may lúc này có một thái giám chạy vào, báo:

- Bệ hạ, hồng rồi, Lưu Cẩn sắp mưu phản, người ngoài đến quá nửa đã biết, chỉ còn bệ hạ chưa biết mà thôi!

Hiến tông giết mình, sợ quá mà tỉnh rượu, bèn sai Trương Vĩnh đem quân đi bắt Lưu Cẩn.

Trương Vĩnh lập tức đem cấm quân ra cửa Đông Hoa bao vây nhà Lưu Cẩn, giả danh nhà vua có chiếu gấp gọi hắn ta

ra, và ngay lập tức trời lại đem về gặp nhà vua. Hôm sau, Hiến tông vẫn chưa muốn chém đầu Cẩn, chỉ định đưa hắn về ở Phụng Dương. Nhưng khi lục soát tịch thu nhà của Lưu Cẩn, ai cũng thấy cần phải báo kết quả khám xét cho Hiến tông để ông ta hết mê muội. Tịch biên nhà Cẩn có hai mươi bốn vạn thỏi vàng, năm vạn bảy ngàn tám trăm lạng vàng, năm trăm vạn thỏi nguyên bảo, một trăm năm mươi tấm vạn ba ngàn sáu trăm lạng nguyên bảo, đã quý hai học, các châu báu vật lạ không đếm xuể. Như thế đã đành, Cẩn còn cho làm giả một cặp ngọc tỷ, bốn áo lông bào bát tảo, bốn trăm bảy mươi áo trấn, hơn nghìn áo giáp, năm trăm cung nỏ. Chiếc quạt Lưu Cẩn vẫn hay cầm dùng, trong giá quạt có hai con dao găm nhỏ.

Hiến tông nhìn thấy những thứ đó, sợ toát mồ hôi, mới tin rằng Lưu Cẩn quả là mưu phản.

Lưu Cẩn bị xử tử lăng trì, mười lăm người thân trong họ bị giết chết. Bọn tay chân Trương Tài, Tiêu Phương cũng bị chịu cực hình. Tối đây, vị "hoàng đế lập địa" đã thành "hoàng đế nhập địa".

Thời xưa ở đất Giang Nam có một bài hát rất hay, miêu tả tham vọng vô đáy của con người, xin chép ở đây:

Suốt ngày chạy vạy chỉ vì dúi, lo được cái ăn thì lại lo cái mặc.

Lo được lụa là mặc trên người, lại chê của nhà còn thấp quá.

Xây được nhà cao cùng cửa rộng, lại thiếu người vợ đẹp.

Vợ đẹp thiếp xinh lấy được về, bỗng thấy nhà mình chửa có ngựa cưỡi.

Tậu được ngựa đẹp cùng yên vàng, ngựa trước ngựa sau thiếu kẻ hầu.

Trong nhà có hàng chục người hầu, có tiền mà không có thể thời bị người coi thường. Vận may được làm tới quan huyện, trách rằng chức nay còn nhỏ quá.

Làm tới thượng thư quan đã lớn, đêm ngày lại muốn được làm vua.

Ước mơ một ngày làm thiên tử, đánh nam dẹp bắc diệt man di.

Chinh phục bốn biển cùng trăm nước, lại muốn đánh cò cùng thân tiên.

Đánh cò cùng tiên ở Động Tân, sai người làm thang để lên trời.

Thang lên trời chưa kịp làm xong, Diêm vương đã sai quỷ lên giục.

Nếu người này không gặp đại hạn, lên đến trời cao vẫn ché thấp.

Ngọc hoàng có nhường ngôi cho hần, hần ché thiên cung chẳng được đẹp.

Đúng là lòng người không đáy, rắn muốn nuốt voi, theo đuổi quyền thế phú quý lòng tham không đáy, không biết có phải là một nhược điểm của con người không? Đương nhiên, nếu đem bài hát đó xem như sự theo đuổi vô hạn với sự nghiệp, tất nhiên sẽ có ý nghĩa tiến bộ đấy, nhưng hai vấn đề đó lại không ăn nhập với nhau. Cuộc đời của Lưu Cần là một chú giải tuyệt vời cho bài hát nhỏ đó, cái quan trường phong kiến mấy nghìn năm của Trung Quốc cũng có thể làm một chú giải, mà có, mấy ai cũng để tâm đến việc biến địa ngục trần gian áo cơm thiếu thốn này thành thiên đường hạnh phúc như là để tâm đến việc theo đuổi quyền lực?

Quyền tới tay, lệnh sẽ ra. Không thể xem thường tác dụng của quyền lực, cho nên đối với người Trung Quốc xưa nay thì giành quyền, nắm quyền, hành quyền là một trong những tín điều quan trọng của họ. Người không có quyền muốn có quyền, người có quyền muốn giữ quyền, lịch sử phong kiến mấy ngàn năm đã diễn ra bao nhiêu tấn thảm kịch trần gian xoay quanh chữ "quyền". Quyền là gì vậy?

Quyền là binh vậy. Chẳng lẽ quyền binh chính thật là đòn bẩy để thúc đẩy lịch sử tiến lên sao?

67. HOÀNG ĐẾ NHỎ TUỔI MƯƠ TRÍ TUYỆT VỜI

Sinh ra trong thâm cung, lớn lên trong tay đàn bà, hầu như các hoàng đế phong kiến đều có một quãng đời như vậy.

Thoạt nghe thì ta cảm thấy rằng điều kiện sống của họ rất đầy đủ, nhưng họ không thích, tại sao vậy? Nguyên nhân rất đơn giản, là họ mất tự do.

Chúng ta có lẽ chỉ nhìn thấy khía cách xa xỉ dâm dật của vua chúa, nhìn thấy sự hưởng lạc của họ, chúng ta thường không để ý tới đời sống của họ, đó là việc họ phải theo đúng những quy định chặt chẽ. Điều đó, đối với đa số vua chúa phong kiến khi chưa trưởng thành, nhất là khi còn làm thái tử, hoàng đế dự bị, thì thật đúng.

Sinh hoạt của hoàng đế Vạn Lịch Minh Thần tông là một ví dụ. Khi Vạn Lịch còn làm thái tử, thầy dạy giảng kinh ông cho nghe, trẻ tuổi hiếu động, ông vô tình ngồi vắt chéo chân, thầy đọc một câu để trách ông: Vĩ nhân quân giả, khả bất kính hồ ("Người làm vua của thiên hạ có thể bất kính chăng?") trong lúc đang thầy giảng kinh, bỗng có một câu,

như thế, Vạn Lịch ngỡ người ra không hiểu, thầy dạy thấy ông không hiểu lại nhắc lại câu nói trên, tới khi Vạn Lịch bỗng thấy được mình ngồi chưa đúng, vội vàng hạ chân xuống, thầy giáo lại tiếp tục giảng. Sống như vậy, thực chẳng khác gì ở trong tù.

Nói chung, vua chúa phong kiến trước khi kế vị phải qua một thời kỳ kiến tập, tức là làm thái tử. Một nội dung quan trọng trong cuộc đời thái tử là nghe thầy giảng kinh sách, phải khổ học "thánh kinh hiền truyện", cái đó đã đành, còn phải làm như thị hoa hậu, tức thái tử trước mặt triều thần, phải bộc lộ mình, để cho đại thần bình phẩm từ đầu đến chân, nếu có gì chưa phù hợp với yêu cầu của đại thần thì khả năng làm thái tử ít nhiều có bị đe dọa. Vì vậy, cuộc sống của thái tử tuy có phần được trọng vọng nhưng nói chung cũng vất vả, lại đầy lo âu.

Làm vua cũng chẳng được tự do. Mỗi ngày đều lặp lại các nghi thức, thoạt xem có vẻ oai phong, như Lưu Bang nói khi mới định ra nghi thức trong triều: "Ta nay mới biết hết sự cao sang của hoàng đế". Nhưng lâu ngày sẽ thấy nhàm chán, cuộc sống trở nên khô khan vô vị, mà lại vẫn còn phải tiếp tục theo học "tại chức". Khi còn là thái tử thì có đông cung xuất các giảng bài, khi làm vua rồi vẫn phải tiếp tục nghe thầy giảng, mà người ta gọi là "tiệc kinh". Người xưa cũng hay thật, gọi việc nghe bài, giảng bài, thảo luận là "tiệc", chắc có ý dùng món ăn tinh thần thay cho món ăn vật chất, gần giống ngày

nay các nhà trí thức nhân văn, chỉ có liên hoan tinh thần mà không có gì cho chắc bụng.

Với đạo đức học vẫn như vậy dĩ nhiên cuộc đời từ thái tử tới hoàng đế quả không dễ chịu gì. Còn như muốn phát triển cá tính hay sở trường càng khó. Hoàng đế Vạn Lịch định hoạt động "ngoài giờ", nghiên cứu thư pháp, định lập hội thu pháp do mình phụ trách, để tỏ mình không phải chỉ dựa vào ân đức tổ tiên, mà cũng có tài cán riêng. Nhưng không được, đại thần Trương Cư Chính làm ra bộ lo cho dân cho nước, quỳ xuống khóc xin, đề nghị Vạn Lịch hoàng đế đừng làm như vậy, thư pháp chỉ là tài mọn, không nên vì nó mà nhờ việc quốc gia. Hoàng đế Vạn Lịch nghe nói vậy rất khó chịu nhưng cũng chẳng biết làm thế nào.

Hoàng đế Vạn Lịch muốn phế con trưởng lập người con nhỏ ông yêu quý làm thái tử, nhưng các đại thần phản đối, mà lý lẽ rất cứng rắn, không cãi vào đâu được, nên Vạn Lịch không thực hiện được ý định và rất buồn bực.

Thế này không được, thế khác cũng không được, hoàng đế Vạn Lịch cuối cùng đã thấy rõ mình chỉ là bù nhìn không thuộc về mình. Một khi hiểu rõ, ông dùng phương pháp chống đối tiêu cực: lẩn công. Thế là, Vạn Lịch trở thành ông vua dở dờ Minh.

Thực ra, trước Vạn Lịch đã có hoàng đế Chính Đức cũng rất hay, ông theo đuổi việc gì vậy? Nói như ngày nay là làm theo sở thích.

Khi làm thái tử, hoàng đế Chính Đức đã nếm đủ những bực dọc, nhỏ không được chơi, lớn ông chơi bù. Khi lên làm vua, ông "chơi cho đã".

Sau lên ngôi được hai năm, ông cho xây ở ngoài cung một câu lạc bộ, gọi là "báo phòng", trong đó có phòng ngủ, phòng săn, phòng chơi, ông vui chơi ở đó cùng đám hoạn quan, ca kỹ, đạo sĩ, thuật sĩ.

Ông không để ý những chuyện vặt, khi làm tang lễ cho mẹ, nhìn thấy đất lầy bùn, cho quần thần được miễn quỳ lạy, việc đó làm các bậc trung thần phản kháng, nhưng ai chẳng biết, đó là hoàng đế Chính Đức phản kháng cách giáo dục gò bó trước đây với ông.

Năm 1517 Chính Đức năm thứ 17 hoàng tử Tác Ta là Bá Nham Mãnh dẫn năm vạn kỵ binh tiến đánh. Chính Đức nghe thấy rất mừng, vì chuyến này được ra trận, ông lập tức tự mình dẫn quân đi. Tuy quần thần phản đối, ông vẫn một mực ra đi. Quả nhiên thắng trận trở về, nhưng ông cảm thấy chỉ đánh thắng trận vẫn chưa khoái, bèn tự phong mình làm "uy vũ đại tướng quân".

Một năm sau, ông vẫn thích làm tướng, yêu cầu đại học sĩ thảo thánh chỉ lệnh cho "uy vũ đại tướng quân" đi tuần sát biên cương. Đại học sĩ không nghe, dập đầu cầu xin, khóc lóc mà ngăn, nói rằng có chịu tội voi ngựa xéo chết cũng không làm điều bất trung bất nghĩa như vậy. Chính Đức chẳng cần nữa, tự mình dẫn quân đi tuần sát, trên đường còn tự phong

là trấn quốc công, rồi tự phong là thái sư. Lăn ra quân đó không mấy thuận lợi, tới mùa xuân sau trở về không có chiến công nào.

Các bậc trung thần không chịu nổi, những người kháng nghị mới đầu có hàng chục, sau đến hàng trăm, họ quỳ trước ngọ môn, yêu cầu làm rõ "uy vũ đại tướng quân" là người nào, nếu không có, là làm giả thánh chỉ, phải xử tử. Chính Đức vẫn kiên quyết, năm đó lại lấy danh nghĩa "uy vũ đại tướng quân" đi tuần thú các tỉnh, thật "uy vũ".

Cuối cùng tập thể quần thần kháng nghị, Chính Đức thấy họ thật lắm chuyện, khuyên họ về, nhưng vẫn còn một trăm bốn mươi sáu vị đại thần vẫn quỳ ở đó. Chính Đức nổi giận, không chịu đi thì ăn đòn, thế là mỗi người bị đánh ba mươi gậy, có mười một người bị đánh chết.

Dương nhiên, Minh Võ tông Chính Đức hoàng đế không phải là ông vua tốt, ông sùng tín thái giám Lưu Cẩn, để bọn mật vụ hoành hành, lương thần bị giết, triều chính và quốc sự bê bối. Nhưng chúng ta không bình luận chuyện đó, ở đây chúng ta muốn nói về việc cuộc sống mất tự do có ảnh hưởng xấu tới con người như thế nào.

Trong lịch sử Trung Quốc có một ông vua sáng suốt, đó là ông vua thứ hai sau khi triều Mãn Thanh xâm lược Khang Hi. Khi lên ngôi hoàng đế Khang Hi mới hơn bảy tuổi, có thể nói là một ông vua trẻ con. Chúng ta không thể không thừa nhận rằng con người Khang Hi có đặc tính của chính trị gia bẩm

sinh, nhưng cuộc sống tự do, lành mạnh thời niên thiếu của ông đã có ảnh hưởng tốt đẹp với ông, điều đó rất đúng.

Năm Thuận Trị thứ 18 ngày 5 tháng 2 năm 1661, Thuận Trị hoàng đế Phúc Lâm ốm chết. Người con thứ ba của ông là Huyền Hoa kế vị, tức hoàng đế Khang Hi.

Khi lên ngôi Khang Hi, mới có bảy tuổi chín tháng, còn rất nhỏ. Trước khi chết, Thuận Trị cho với bốn vị đại thần đến, phong họ làm cố mệnh đại thần^(*), họ thề với Thuận Trị "cùng trung thành, chung sống chết, phò tá chính vụ", "không nghĩ oán riêng, không nghe xúi bẩy, không hám phú quý phi nghĩa". Nhưng chẳng bao lâu, bốn vị đại thần này đã quên lời thề.

Trước mặt Khang Hi, tình hình khá nghiêm trọng. Ngoài triều đình, người Mãn thống trị chưa đầy hai mươi năm, lòng người chưa quy phục, dân chúng còn nhớ triều Minh, nhất là Bình Tây vương Ngô Tam Quế trấn thủ Vân Nam, Tĩnh Nam vương Cảnh Tinh Trung trấn thủ Phúc Kiến, Bình Nam vương Thượng Khả Hi Tam Phiên trấn thủ Quảng Đông, thế lực đều lớn mạnh, nhiều năm nay đã toan tạo phản. Tại đảo Đài Loan, đời sau của Trịnh Thành công cũng xem thường triều đình, muốn nhòm ngó vùng ven biển đông nam, tìm thời cơ để phản công. Phía bắc có quân Nga luôn quấy nhiễu biên giới, xâm chiếm đất đai, giết người cướp của. Phía tây, Tây

(*) Cố mệnh đại thần: đại thần theo di chúc của nhà vua sắp qua đời (N.D.)

tạng không ổn định, phía tây bắc bộ tộc Chuẩn Cát Nhĩ càng hung hăng, luôn quấy rối phía đông, phía bắc còn thêm các bộ lạc Mông Cổ vẫn nhòm ngó.

Nội bộ triều đình càng đáng lo hơn, trong bốn vị cố mệnh đại thần, Sách Ni do già yếu đã chết, Át Tát Long thì câu kết với Ngao Bái, luôn nghe theo Ngao Bái, còn Tô Khắc Tát Cáp lại luôn đối đầu với Ngao Bái, chẳng bao lâu Tô Khắc Tát Cáp bị Ngao Bái hãm hại tới chết. Thế là trong triều chỉ còn có phe đảng của Ngao Bái. Ngao Bái vốn là "Mãn Châu đệ nhất dũng sĩ", tính cách mạnh mẽ, ngang ngược. Sau khi có quyền lớn trong triều, hắn bắt giết bừa bãi những người chống lại mình, giết chết tuần phủ và tổng đốc của Sơn Đông, Hà Nam. Hắn làm đủ mọi điều ngang ngược trong triều, không coi ai ra gì. Đối với Khang Hi hắn cũng coi như không, nhiều khi tranh cãi, trách móc Khang Hi trước mặt mọi người cho tới khi Khang Hi phải nhượng bộ mới thôi. Khi xử tội Tô Khắc Tát Cáp, Ngao Bái muốn xử lăng trì, Khang Hi cho là Tô vô tội, Ngao Bái to tiếng tranh cãi, Khang Hi vẫn không cho, Ngao Bái dám xắn tay áo định tới đánh Khang Hi, Khang Hi sợ quá phải đồng ý cho xử thắt cổ. Tình hình trong triều tới mức như vậy.

Trước tình hình đáng lo ngại như vậy, Khang Hi muốn mở ra một triều đại thái bình, điều đó đòi hỏi phải có mưu lược và khí phách phi thường.

Khang Hi tuy còn trẻ nhưng đã thể hiện. Ông quyết định phải khừ Ngao Bái, nắm thực quyền, sau đó mới tính chuyện khác.

Cách trừ thủ Ngao Bái của Khang Hi cũng có vẻ trẻ con. Lúc đó, Ngao Bái nắm quân quyền, nếu trực tiếp hạ lệnh bắt, nhất định sẽ xảy ra phản loạn, như vậy không những không bắt được Ngao Bái, mà ngay Khang Hi cũng sẽ nguy hiểm, các đại thần chính trực, cho đến thái hậu cũng chẳng có cách nào. Một lần Ngao Bái cáo bệnh không vào triều, Khang Hi đến thăm ông. Ngao Bái nằm trên giường, vệ sĩ thấy sắc mặt hẳn khác thường, vội lật chăn kiểm tra, phát hiện Ngao Bái giấu một con dao găm sắc bên dưới người, Ngao Bái hết sức lo sợ, vệ sĩ cũng không biết xử lý thế nào, Khang Hi bỗng cất tiếng: "Mang dao bên người là phong tục người Mãn, không có gì lạ". Khang Hi tự nhiên, làm Ngao Bái yên lòng.

Năm 1667, Khang Hi mười bốn tuổi, theo quy định thời đó, ông có thể tự giải quyết chính sự, nhưng có Ngao Bái chuyên quyền, ông không có cách nào để nắm được quyền lực, trừ bỏ Ngao Bái đã là việc làm cấp thiết. Bất công khai không được, vậy làm thế nào? Cuối cùng Khang Hi đã nghĩ ra một kế, và cứ lẳng lặng làm.

Người Mãn thích đấu vật, Khang Hi chọn một số con em thiếu niên quý tộc vào cùng tập vật, luyện được hơn một năm, kỹ thuật rất tiến bộ. Khang Hi thỉnh thoảng cũng tới tập, đương nhiên cũng học được các miếng võ. Trong triều, các

vương công đại thần, hậu phi thái giám đều biết việc này, nhưng cho là tính khí thiếu niên, rất tự nhiên, không nghi ngờ gì về động cơ của ông, chẳng bao lâu, ông nghiêm nhiên trở thành "tiểu đô vật".

Trong thời gian này, Khang Hi vẫn làm theo cách làm truyền thống "muốn lấy của người trước, hãy cho người", luôn thăng thưởng cho Ngao Bái, cha con Ngao Bái được thăng "nhất đẳng công" và "nhị đẳng công", rồi phong hiệu "thái sư" và "thiếu sư". Ngao Bái không những yên trí mà còn buông lỏng cảnh giác.

Khi Khang Hi mười sáu tuổi, mọi việc chuẩn bị đã xong, ông bố trí các tiểu đô vật" trong thư phòng của mình, đợi khi Ngao Bái một mình vào tắm, Khang Hi hô lên một tiếng, các "tiểu đô vật" cùng xông ra, vật Ngao Bái xuống đất, đè chặt, Khang Hi cho trói chặt rồi tống vào ngục. Các "tiểu đô" làm xong việc vẫn chưa biết chuyện gì, tưởng "tiểu hoàng đế" nghịch ngợm, cho bọn họ thử sức với Ngao Bái. Chỉ có vậy mới giữ được bí mật, nếu không, Ngao Bái nhiều tai mắt, sẽ xông vào.

Sau khi bắt được Ngao Bái, Khang Hi lập tức tuyên bố mười ba tội lớn của Ngao Bái, và tổ chức xét xử Ngao Bái, bắt gọn những tên ác ôn trong tập đoàn Ngao Bái. Ít lâu sau, Ngao Bái chết ở trong ngục. Sau đó, Khang Hi xóa oan cho những người bị Ngao Bái bức hại, trả lại ruộng đất bị Ngao Bái chiếm đoạt, hạn chế chế độ nô bộc, cải cách cơ cấu chính

phủ. Khang Hi thật là "Ba năm không hót, khi hót kinh người", những công việc chớp nhoáng của ông làm cho một số đại thần chậm chạp ngỡ ngàng, nhưng họ nhanh chóng nhận ra rằng Khang Hi là một vị quân chủ sáng suốt. Từ đó, Khang Hi tập trung quyền lực, xây dựng uy tín.

Từ năm bảy tuổi đến năm mười sáu tuổi, do Ngao Bái chuyên quyền, tuy Khang Hi có bị áp chế, nhưng trong sinh hoạt ông được tự do. Có lẽ người Mãn mới thống trị, họ chưa có quan niệm lễ giáo nghiêm ngặt như hoàng tộc Hán, cũng không sinh hoạt theo nếp chặt chẽ của người Hán, cho nên tuổi niên thiếu của Khang Hi được phát triển bình thường về thể chất và tâm hồn như những thiếu nhi khác, mà không có những phát triển méo mó về tính cách. Nghe nói, Nurkhachi và nhiều người con của ông chứ nhất bẽ đôi không biết, chỉ có người con thứ tám là Hoàng Thái Cực mới có học. Rõ ràng là, người Mãn trọng võ khinh văn, đến đời Khang Hi, cũng chưa thuần thục lễ giáo, nhưng Khang Hi đã sống ở đất người Hán. Văn hóa Hán đã bắt đầu xâm nhập vào tầng lớp quý tộc Mãn, hơn nữa từ đời Hoàng Thái Cực, người Mãn đã coi trọng văn hóa Hán, vì vậy, Khang Hi từ nhỏ đã tiếp xúc nhiều với điển tịch văn hoá Trung Quốc.

Ở đây cần chỉ ra rằng, bản thân Khang Hi là người thích đọc sách, thích suy nghĩ, việc học tập văn hóa truyền thống Trung Quốc là xuất phát từ nội tâm, là chủ động, không phải như nhiều ông vua bị người lên lớp mà bị động tiếp thu. Do đó, sự nỗ lực học tập của Khang Hi không ảnh hưởng gì đến

sự kiện toàn tính cách của ông, ngược lại nó làm ông thêm hiểu biết, mở rộng tầm nhìn, ông thật là người biết đọc sách biết vận dụng sách. Thậm chí có thể nói, Khang Hi sở dĩ trở thành vị quân chủ sáng suốt, nguyên nhân căn bản là ông biết học hỏi và vận dụng văn hóa truyền thống Trung Quốc.

Sau khi đã trừ khử được Ngao Bái, Khang Hi lại đứng trước một vấn đề hắc búa: tranh chấp về lịch pháp.

Thời vua Thuận Trị, các nhà truyền giáo phương Tây đã tới Trung Quốc, một số giáo sĩ như Tan-giô-ven còn được ưu đãi đặc biệt. Thời kỳ này Tan-giô-ven đã dùng cách tính tiên tiến, tính ra lịch pháp thiên văn, Thuận Trị tặng ông danh hiệu "Thông huyền pháp sư", và cho giữ chức khâm thiên giám giám chính (đài trưởng thiên văn). Cách tính lịch đó là khá chính xác với đương thời, nhưng có một người tên là Dương Quang Tiên theo Ngao Bái, dâng thư lên triều đình Thanh, nói rằng Tan giô ven in ở ngoài bìa "Thời hiến lịch" hàng chữ "theo cách tính của Tây dương", là muốn triều Thanh phải khuất phục phương Tây, là "tuyên truyền tà giáo", nếu bỏ lịch thiên văn từ thời Hoàng đế đến nay, thì phải bỏ hết lễ nghi có từ thời Nghiêu Thuấn. Lý luận của Dương Quang Tiên ngày nay xem lại thì rất hoang đường, không ai để ý tới, nhưng thời đó là lý luận rất lợi hại. Được Ngao Bái ủng hộ, Dương Quang Tiên được làm khâm thiên giám giám chính. Nhiều đại thần trong triều cũng chủ trương bỏ lịch tây, dùng lịch cũ của Trung Quốc. Bộ lễ, bộ hình đều ra quyết

định giết những đại thần chủ trương dùng lịch tây. Nhờ có thái hậu che chở Tan-giô-ven mới thoát chết. Nhưng từ đó, trong triều hình thành hai phái lịch pháp.

Bản thân Khang Hi chưa hề nghiên cứu lịch pháp, không thể quyết định, nhưng ông biết rằng không thể dùng những lễ thời cũ của tổ tiên để áp chế những cái tiên tiến của phương Tây. Sau khi dẹp xong Ngao Bái ông muốn thực sự cầu thị giải quyết vấn đề này. Thế là ông cho truyền giáo sĩ Nam-huê-gien tính so sánh giữa hai lịch pháp, một mặt tự học thêm lịch pháp đại cương. Sau khi nghiên cứu và sử dụng, lịch pháp của Dương Quang Tiên nhiều lần bị sai, vì vậy Khang Hi bỏ lịch cũ, dùng lịch mới, và nói rõ cho các đại thần biết với thái độ thực sự cầu thị. Giải quyết xong chuyện tranh chấp giữa lịch cũ và lịch mới, Khang Hi quả là người có tinh thần học tập nghiêm túc, uy tín của ông càng được nâng cao, quần thần không dám cho ông là trẻ con nữa.

Một việc cũng gay go nữa là, phải bình định "tam phiên"(*), nhất là Ngô Tam Quế, câu kết triều thần, thu nạp tâm phúc, sử dụng bữa bãi tiền của và lương thực của triều đình, chiêu binh mãi mã ở Vân Nam, tích cực chuẩn bị chiến tranh, trước sau sẽ phản lại. Thái độ của Khang Hi rất rõ ràng, phải kiên quyết tiêu trừ, không thể dung tha. Nhưng Khang Hi có suy tính riêng, ông nghĩ, cuộc nổi loạn chậm một ngày là có lợi

(*) Tam phiên: ba phiên trấn, phiên trấn là quan cai trị có quyền hành lớn ở những vùng biên địa (N.D.)

một ngày, và nói về tuổi tác, bản thân mình ngày một trưởng thành, Ngô Tam Quế ngày một già, càng lâu càng có điều kiện chuẩn bị đầy đủ, mà Ngô Tam Quế càng lâu càng mất lòng người.

Năm 1673, (năm Khang Hi thứ 13) Thượng Khả Hi già yếu, giao quyền cho con là Thượng Chi Tín. Tín lên nắm quyền, tàn nhẫn háo sát, chuyên làm điều bất nghĩa. Thượng Khả Hi bị con lấn át, dâng thư xin bãi bỏ phiên trấn, cáo lão về quê, cho con được tập tước. Năm đó, Khang Hi đã mười chín tuổi, nhiều đại thần cho rằng chưa nên bãi bỏ phiên trấn, nhưng Khang Hi cho rằng đây là thời cơ tốt, nên đồng ý.

Lúc này, con của Ngô Tam Quế là Ngô Ứng Hùng đang ở Bắc Kinh, nghe tin này, vội phi báo cho Ngô Tam Quế ở Vân Nam, Ngô Tam Quế lại thông báo cho Cảnh Tinh Trung ở Phúc Kiến, cả hai đều thấy hoảng sợ. Vì họ sợ bãi bỏ phiên trấn nên theo lời khuyên của bộ hạ, Ngô Tam Quế và Cảnh tinh Trung cùng dâng thư xin bãi bỏ phiên trấn, trong có câu: "Ngước trông hoàng đế lòng nhân, cho rút an phiên", thực ra là muốn thăm dò thái độ của triều đình, điều đó, các đại thần triều Thanh thoáng coi đã biết.

Quanh vấn đề có nên bãi bỏ phiên trấn hay không, triều Thanh nổ ra cuộc tranh luận dữ dội. Tuyệt đại đa số đại thần tìm mọi lý do viện lẽ, cho rằng không nên bãi bỏ phiên trấn, nhưng thực chất là sợ bọn Ngô Tam Quế làm phản. Chỉ có thượng thư bộ binh Minh Châu, thượng thư bộ hình Mạc Lạc

và mấy đại thần nữa là chủ trương phải bỏ phiên trấn. Mấy lần thảo luận chưa đi tới nhất trí. Lúc này Khang Hi quyết đoán chỉ ra rằng "Ba phiên trấn nắm trọng quyền khắp mưu đồ lâu, nay bỏ cũng phản, không bỏ cũng phản, chỉ bằng bỏ sớm cho xong, chỉ có điều là một mặt bỏ phiên trấn, một mặt chuẩn bị ứng chiến". Thế là Khang Hi cho sứ giả đi thúc ba phiên trấn rút về.

Sau khi nhận được chiếu chỉ, Ngô Tam Quế tìm cách ứng phó, mặt ngoài tỏ ra cung thuận, cho êm việc với sứ giả triều Thanh, bên trong tăng cường việc chuẩn bị làm phản. Sứ giả triều đình thấy Ngô Tam Quế dây dưa kéo dài thời gian, không muốn rời Vân Nam, bèn chuẩn bị trở về tâu trình. Ngô Tam Quế thấy chẳng còn cách nào khác, giết luôn sứ giả và quan triều phủ Vân Nam Chu Quốc Trị, tháng 11 năm 1673 ngang nhiên nổi loạn.

Ngô Tam Quế tự xưng là "thiên hạ đô chiêu thảo bình mã đại nguyên soái", Thượng Chi Tin, Cảnh Tinh Trung cũng nổi dậy theo. Tình hình rối loạn như Khang Hi đã dự kiến ban đầu, lúc mới đầu khi thế sẽ rất hăng, đánh chiếm Hồ Nam, các quan văn võ của Tứ Xuyên, Quảng Tây hưởng ứng theo, nửa Trung Quốc bùng lên ngọn lửa phiến loạn, làm một số quan lại triều Thanh sợ mất vía, có người chủ trương chịu khuất phục Ngô Tam Quế, thậm chí cắt đất phía nam Trường Giang cho phiến quân, còn có người yêu cầu giết những nười trước đây chủ trương bãi bỏ phiên trấn. Trước tình hình đó, Khang Hi đã quả đoán quyết định, hạ lệnh giết chết Ngô Ứng

Hùng con Ngô Tam Quế và Ngô Thế Lâm cháu Ngô Tam Quế đang làm con tin ở Bắc Kinh. Việc đó làm các quan trong triều biết rằng, triều đình đã không có đường rút, chỉ có tử chiến với phiên quân Ngô Tam Quế mà thôi, từ đó trong triều thống nhất tư tưởng, kiên định lòng tin. Mà phiên quân của bọn Ngô Tam Quế cũng thấy rằng không còn cách nào đe dọa triều đình, mà phải đánh đến cùng, nhưng đại bộ phận tướng lĩnh cũng vì đó mà bắt đầu hoang mang.

Khang Hi không hoảng sợ với loạn "tam phiên", mà đầu tiên ông phải xác định sách lược đúng. Ông cho rằng, loạn tam phiên do Ngô Tam Quế cầm đầu, còn lại chỉ là theo đuôi, nếu đánh bại được Ngô Tam Quế thì các bọn phiên loạn khác sẽ dễ đánh bại và thu phục. Thế là Khang Hi điều binh khiển tướng, trọng điểm tấn công là Ngô Tam Quế, còn với các đám phiên loạn khác, ông tiếp tục thuyết phục. Cách làm đó của Khang Hi có hiệu quả, trong một thời gian ngắn, Ngô Tam Quế bị phân hóa tan rã, bị vây khốn ở Hồ Nam.

Năm 1678, Khang Hi thu hồi được nhiều thành trì của Hồ Nam, Ngô Tam Quế biết tình hình bất lợi, mong sớm làm được hoàng đế, xé bỏ mặt nạ "phục Minh", ngày 23 tháng 3 làm lễ tế trời ở Hoành Sơn, tự xưng hoàng đế, đổi là Nguyên Chiêu Vũ, đổi Hoành Châu thành phủ Định Thiên. Tháng 8 năm đó, Ngô Tam Quế ốm chết. Sau khi Ngô Tam Quế chết, cháu nội là Ngô Thế Phiên nối ngôi, rút về Vân Nam, về sau bị mất thành Côn Dương, uống thuốc độc tự tử. Ngô Thế Phiên bị chém đầu đem về Kinh, Ngô Tam Quế bị đào mồ

đập gãy xương. Cảnh Tĩnh Trung, Thượng Khả Tin cũng đều bị giết, Xuyên, Thiển đều bình định yên. Tới năm 1681, cuộc nổi loạn "tam phiên" làm rối loạn hơn mười tỉnh mới hoàn toàn bị dẹp.

Trong khi dẹp loạn, sự anh hùng tài trí của Khang Hi biểu hiện qua ba mặt, một là kiên quyết dẹp loạn, bình tĩnh trước vụ loạn; hai là phương châm chính xác, đánh Ngô Tam Quế trước rồi phân hóa thu phục bọn còn lại; ba là điều binh khiển tướng, chỉ huy đúng đắn. Sau cuộc dẹp loạn này, ông vua niên thiếu đã hai mươi tám tuổi, đã trở thành nhà chính trị chững chạc.

Khang Hi chết năm sáu tám tuổi. Trong bốn mươi năm còn lại, ông đã lập nên công trạng bất hủ.

Trong việc thống nhất Trung Quốc, thu hồi Đài Loan, ông cũng có những đóng góp kiệt xuất. Trịnh Thành công lấy lại được Đài Loan từ trong tay người Hà Lan, định lập nó thành căn cứ hải ngoại chống triều Thanh, nhưng năm ba mươi chín tuổi, chỉ chưa thành đã chết. Sau đó con cháu họ Trịnh cùng các bộ tướng đấu tranh với nhau, Đài Loan không phát triển lên được. Năm 1683, Khang Hi sai Thi Lang đánh sang Đài Loan, kịp thời chế định chính sách, để Thi Lang hòa bình giải quyết vấn đề Đài Loan. Nhờ sự chỉ đạo chính xác của Khang Hi, các bộ tướng của Trịnh đều ra hàng. Khang Hi cho đặt một phủ, ba huyện ở Đài Loan, đưa Trịnh Thành công về táng ở Nam Kinh.

Đối với bộ lạc Chuẩn Cát Nhĩ quấy nhiễu ở vùng Tây Bắc, Khang Hi đích thân đi chinh phạt mấy lần, qua nhiều phần đất gian khổ mới dẹp yên được vùng đại tây bắc Trung Quốc.

Trong chiến tranh vệ quốc chống Sa hoàng, quyết sách của Khang Hi cũng rất chính xác, ông đã chỉ huy đại quân, đánh đuổi quân Sa hoàng, ký hiệp ước Trung Nga. Hiệp ước đó đã phân chia ranh giới Trung Nga giành được phần đất lớn cho Trung Quốc.

Ngoài ra, về mặt khoa học, Khang Hi cũng có những đóng góp nhất định. Khi còn trẻ, ông đã học thiên văn lịch pháp, sau lại đề xướng học toán học, lập "Toán học quán", bồi dưỡng nhiều nhân tài toán học. Về mặt y học, ông dùng quyền lực để thúc đẩy việc dùng phương pháp miễn dịch bằng chủng đậu cổ truyền Trung Quốc. Về địa lý học, ông còn bỏ công sức vẽ bản đồ Trung Quốc, về nông học, ông cũng có thể tự mình gây được giống cây mới.

Về bất cứ mặt nào, Khang Hi cũng là một ông vua ưu tú của lịch sử Trung Quốc, không những sau khi trưởng thành ông đã có nhiều cống hiến đột xuất, mà ngay từ thời niên thiếu, chuyện loại bỏ Ngao Bái, giải quyết tranh chấp lịch sử mới, dẹp loạn "tam phiên", cũng đủ chứng tỏ ông là nhân vật phi thường.

Công tâm mà nói, từ đó mấy chục năm cận đại, trong lịch sử Trung Quốc, triều Thanh không phải là triều đại xấu, it ra cũng hơn hẳn triều Minh, mấy nhà vua đầu của triều Thanh

đúng là giỏi giang, nhất là Khang Hi đại đế, trong lịch sử Trung Quốc, e rằng khó tìm được một ông vua như vậy. Tại sao lại như vậy? Nguyên nhân khác chưa nói vội, có lẽ nó liên quan đến chuyện người Mãn vào làm chủ Trung Nguyên, hết sức lo lắng về khả năng cai trị của mình, vì lo lắng như vậy, họ phải chăm lo hơn nhiều so với các triều đại trước.

Hoặc là một dân tộc mới nổi dậy có sức sống mạnh hơn? Cũng giống như Khang Hi được sống tự do nên dễ dàng làm nên hơn so với các hoàng đế đời trước bị quản chế bởi sự giáo dục ngặt nghèo? Những điều đó khó nói. Trong lịch sử Trung Quốc, có hai lần dân tộc thiểu số vào chiếm Trung Nguyên, một là dân tộc Mông Cổ vào thiết lập triều Nguyên, hai là dân tộc Mãn lập nên triều Thanh, nhưng ở mức độ nông sâu khác nhau đều hòa đồng với văn hóa dân tộc Hán, họ chiếm lĩnh Trung Nguyên, thấm nhuần nền văn hóa đó, nhưng rồi cũng lại suy đồi trong nền văn hóa đó, vậy nên giải thích như thế nào? Ở đây, ví như vừa có một ma lực khiến người không cưỡng nổi, lại giống như chiếc lưới khiến người không thoát ra được. Đời nọ tiếp đời kia, chúng ta sẽ đi trong cái vòng luẩn quẩn đó!

68. HOÀNG THÁI HẬU KẾT HÔN VỚI ĐẠI THẦN ĐỀ CÙNG CỔ QUYỀN LỰC

Đời xưa Trung Quốc có truyền thống "hòa thân" (kết thông gia để hòa hảo). Nói đến "hòa thân", chuyện hơi dài. Trung Quốc có lời chúc cổ cho các cặp xưa vợ chồng mới cưới là "đẹp duyên Tấn Tần", chính cái "đẹp duyên Tấn Tần" đó là sản vật của "hòa thân"

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, các chư hầu tranh giành, đánh nhau liên miên. Dù có uống máu ăn thề hay cách gì đi nữa, cũng không hoàn toàn tránh được chuyện binh đao. Trong lúc bị kếp, người thông minh nghĩ ra cách, đem con gái hoặc chị em gái của vua nước nọ gả cho vua nước kia, hai nước thông gia, thân tình với nhau, chắc hết đánh nhau. Nhất là đối với đời sau, vua nước này gọi vua nước kia là ông ngoại, hay là ông nội, càng không thể đánh nhau. Thế là, giữa thời hỗn chiến Xuân Thu, hai nước Tấn và Tần kề nhau thông gia với nhau, gả con gái, chị em gái cho nhau, không bên nào có dã tâm hại nhau, mãi mãi "đẹp duyên Tấn Tần".

Những điều đáng mỉa mai là trong thời Xuân Thu hai nước Tấn, Tần lại đánh nhau dữ dội nhất. Kể cũng vui thật, hoàng hậu suốt ngày theo sau lưng vua khóc lóc, hoặc xin tha cho em, hoặc xin cứu cho anh, mối thâm tình đã tan vỡ, không còn hòa hợp gì nữa. Nếu suy từ thực tế của cái duyên Tấn Tần này, thì lời chúc đôi trai gái hòa hợp kia khác gì lời nguyện rủa!

Các chư hầu kết thông gia vẫn không bảo đảm, vậy nhà vua và đại thần thông gia với nhau có bảo đảm không? chưa chắc. Khi nhất thống thiên hạ, nhà vua thường có nhiều con gái, nhưng chỉ có một vua, nên thường là vua gả con gái cho các đại thần, và hoàng đế dùng con gái mình để nắm lấy đại thần. Nhưng hoàng đế vẫn không tin đại thần, mà đại thần vẫn phản lại vua. Nếu không lịch sử Trung Quốc đã không có bấy nhiêu đại thần bị giết, và không biết bao nhiêu đại thần làm phản. Những quan hệ thâm tình đã vun đắp cũng không kiềm chế nổi tham vọng về quyền lực.

Lại có kiểu "hòa thân" ngược lại. Tề Hi công thời Xuân Thu có người con gái tên là Văn Khương, Văn Khương xinh đẹp, lại thông kinh sử, người anh khác mẹ của nàng là Chu Nhi yêu nàng, hai người có tư tình với nhau. Về sau Văn Khương được gả cho Lỗ Hoàn công, Chu Nhi nổi nghiệp vua, tức Tề Tương công. Mười lăm năm sau, Lỗ Hoàn công dẫn Văn Khương về thăm nước Tề. Tề Tương công mừng lắm, lập tức bỏ mặc việc nước, để chiêu đãi Văn Khương. Tề Tương

công sắp xếp chỗ nghỉ cho Lỗ Hoàn công xong, dẫn Văn Khuông vào cung, nghỉ lại một đêm, hôm sau mãi khi mặt trời đã lên cao, mới ra gặp Lỗ Hoàn công. Lỗ Hoàn công thăm dò biết Văn Khuông qua đêm với anh là Tề Tương công, bèn trách mắng Văn Khuông. Văn Khuông giở thói chanh chua cãi nhau ầm ĩ với Lỗ Hoàn công. Lỗ Hoàn công vì đang ở Tề, không tiện làm to chuyện, đành chuẩn bị từ biệt Tề Tương công để về nước.

Có người báo cho Tề Tương công biết chuyện cãi nhau của Văn Khuông và Lỗ Hoàn công, Tề Tương công bèn mời Lỗ Hoàn công đi chơi ở Ngưu Sơn, thiết tiệc cho Lỗ Hoàn công say. Tề Tương công cho đại lực sĩ công tử Bành Sinh ôm Hoàn công lên xe, trên đường về, Bành Sinh bóp chết Hoàn công rồi nói dối rằng ông uống nhiều rượu quá, trúng gió chết.

Chuyện bê bối của Tề Tương công và Văn Khuông lập tức lan truyền khắp hai nước Tề, Lỗ. Văn Khuông không còn mặt mũi nào về gặp con, nhưng cũng không thể ở li nước Tề, bèn từng bước rời nước Tề, tới biên giới Tề thì dừng lại. Bà nghĩ bụng, chỗ này nước Tề không quản tới, nước Lỗ cũng quản đến, ta sẽ ở lại đây. Con trai bà ở nhà kế vị, tức Lỗ Trang công, cảm thấy rất khó xử. Không trả thù, thì bà là kẻ giết cha, nếu trả thù thì bà là mẹ đẻ. Thế là Lỗ Trang công sai người tới biên giới làm một căn nhà, để bà Văn Khuông ở lại đó.

Dương nhiên, chúng ta không một mực phủ định chính sách "hòa thân", trong lịch sử Trung Quốc, Chiêu Quân sang Hồ, Văn Thành công chúa gả sang Tây Tạng, đều đã có đóng góp xuất sắc cho sự giữ gìn tình đoàn kết giữa các dân tộc, thúc đẩy giao lưu văn hóa dân tộc. Điều đáng nói ở đây là hàm nghĩa văn hóa của phương thức "hòa thân", không thể đánh giá giản đơn ở góc độ chính trị.

Chính sách "hòa thân", vừa có thể thông qua qua hệ hôn nhân tạo nên quan hệ huyết thống, lại gia tăng được sự liên hệ về tình cảm, mà thực ra nó còn có cả mối quan hệ thể chấp về vật chất, nhiều trường hợp, "hòa thân" là phương pháp điều kỳ tạo ra những "con tin", những "con tin" được tạo ra bằng quan hệ huyết thống, quan hệ giữa các nước, giữa các dân tộc và giữa vua tôi từ đó mà được cải thiện ít nhiều.

Vì vậy, chính sách "hòa thân" được coi trọng, vua chúa phong kiến càng như vậy, thậm chí còn coi trọng tới mức, khi chẳng còn cách nào để "hòa thân" nữa, thì hoàng thái hậu cũng hạ mình lấy chồng, tự đi "hòa thân". Trong lịch sử Trung Quốc, đó cũng là một chuyện kỳ lạ.

Năm 1643 (Tông Đức thứ 8 đời Thanh), Hoàng Thái Cực, ông vua lập nước tãi ba dũng mảnh của triều Thanh, ốm nặng. Từ ngày ông dựng lên triều Thanh tới nay, có thể nói là đã làm rạng rỡ thêm sự nghiệp của Nurkhachi, đối nội cải cách chính trị, đối ngoại mở mang bờ cõi, làm cho Mãn Thanh trở nên phồn vinh thịnh vượng, nhưng tới tuổi năm

mười hai, ông bị ốm liệt giường. Ông biết rằng cơ nghiệp của Mãn Thanh chưa phải đã là vững. Triều Minh vẫn còn lớn mạnh, nội bộ Mãn Thanh tuy thái tử đã được lập, nhưng chu vương vẫn còn tranh giành quyền lợi, lẩn át nhau. Vì vậy Hoàng Thái Cực rất coi trọng việc sắp xếp hậu sự.

Mẹ của thái tử, bà Cát Đặc thị, người thuộc bộ tộc Khoa Nhĩ tâm Mông Cổ, cô bà là chính cung hoàng hậu của Hoàng Thái Cực, tức Hiếu Đoan hoàng hậu. Bà Cát Đặc thị được tôn làm hoàng thái hậu sau khi con bà lên ngôi vua, tức là hoàng hậu của Hoàng Thái Cực, trước đó sử thường gọi bà là Trang phi. Bà Trang phi xinh đẹp, giỏi giang, Hoàng Thái Cực được bà giúp đỡ nhiều việc, nên trong việc thu xếp hậu sự, bà vẫn là chỗ dựa. Hoàng Thái Cực gọi bà đến, cầm tay bà, hốt hển nói:

- Ta năm nay năm mươi hai tuổi, cũng chẳng là chết yếu, chỉ buồn là chưa thống nhất được Trung Nguyên, không được cùng ái phi chung hưởng thiên hạ. Sau khi ta chết, Phúc Lâm sẽ kế vị, nhưng hắn còn nhỏ tuổi chưa tự giải quyết được chính sự, phải nhờ các thân vương nhiếp chính.

Thế rồi, ông gọi các hoàng thân tới bên giường.

Hoàng Thái Cực gọi Tê Nhĩ Cáp Lang và Đa Nhĩ Cổn tới, nói với hai người:

- Bệnh ta nay đã gần đất xa trời, sắp phải chia tay với hai vương, điều ta lo là hoàng thái tử Phúc Lâm mới sáu tuổi,

chưa giải quyết được việc triều chính, nay mai lên ngôi, phải nhờ hai vương nghĩ đến huyết tộc thân tình phó tá Phúc Lâm.

Tề Nhĩ Cáp Lang và Đa Nhĩ Cổn nghe xong, quỳ lạy thề với trời rằng:

- Nếu phản thánh dụ, hoàng thiên không dung.

Hoàng Thái Cực lại chỉ Tề Nhĩ Cáp Lang nói:

- Hai mẹ con Phúc Lâm cũng nhờ vào hai vương, hai vương chớ nuốt lời.

Thế là Hoàng Thái Cực đã ủy thác mọi việc cho Tề Nhĩ Cáp Lang và Đa Nhĩ Cổn.

Ngày 20 tháng 9 năm 1643, Hoàng Thái Cực mất tại cung Thanh Ninh ở Thẩm Dương. Tuy Hoàng Thái Cực trước khi mất đã bố trí mọi việc, song quanh chuyện kế vị vẫn có chút sóng gió. Bối Lặc phái Thiệu trang muốn dựng con trưởng của Hoàng Thái Cực là Hào Cách lên làm vua, A Đạt Lễ cùng chú lại muốn tôn Đa Nhĩ Cổn lên làm vua, nhất là Đa Nhĩ Cổn, nắm binh quyền, dũng mãnh thiện chiến, có uy tín trong quân đội, tính tình cương nghị dứt khoát, nên nhiều người ủng hộ ông. Nhưng Đa Nhĩ Cổn nghĩ rằng, nếu mình lên làm vua sẽ sinh nội loạn, nhất là phe Hào Cảnh sẽ khó trị, do đó ông ta vẫn quyết định lập Phúc Lâm lên làm vua.

Kỳ thực, dụng tâm dụng Phúc Lâm lên làm vua của Đa Nhĩ Cổn mọi người đều nhìn rõ. Phúc Lâm mới sáu tuổi, sau khi kế vị, tất nhiên Đa Nhĩ Cổn sẽ nhiếp chính, Đa Nhĩ Cổn sẽ

từng bước loại trừ những phần tử chống lại mình, rồi khi thời cơ thích hợp sẽ lên ngôi hoàng đế, nên một số hoàng thân không chịu hợp tác với Đa Nhĩ Cổn.

Trước tình hình đó, Đa Nhĩ Cổn phải áp dụng một số biện pháp nhằm ổn định nhân tâm. Thế là ông buộc tội A Đạt Lễ, người đã ủng hộ lập mình lên làm vua, là mưu phản, rồi giết đi, để chứng tỏ mình không muốn thoán vị. Hành vi đó của ông ta trên mức độ nào đó có tác dụng thu phục lòng dân, cục thế đã ổn định.

Phúc Lâm lên ngôi, tức Thuận Trị hoàng đế, mẹ già và mẹ đẻ Cát Đặc thị đều được tôn làm hoàng thái hậu. Đa Nhĩ Cổn nhiếp chính được tôn làm hoàng phụ.

Bà Trang Phi hiểu rất rõ rằng mẹ góa con cô chấp chính, không có người tận tâm phò trợ, sẽ không giữ được, nên bà để ý lôi kéo Đa Nhĩ Cổn. Thuận Trị lên ngôi không lâu, Đa Nhĩ Cổn tố cáo và xử A Đạt Lễ tội chết, việc đó làm Trang phi rất cảm động, từ đó càng tin ở Đa Nhĩ Cổn.

Đa Nhĩ Cổn cũng rất "chịu khó", phạm việc lớn nhỏ đều bẩm với Trang phi, Trang phi cũng cho Đa Nhĩ Cổn được tự do ra vào cung cho tiện công việc, không cần phải tâu trình, cũng không ngại bị nghi kỵ. Thế là Đa Nhĩ Cổn tự do ra vào cung cấm, có khi ngủ lại trong cung.

Đa Nhĩ Cổn, nghe nói rất đẹp trai, nhiều tài, nhưng lại hiếu sắc. Trang phi lại vẫn còn đang xuân, lâu ngày sẽ có

những sơ suất, trong cung vì thế, có nhiều điều tiếng ngay cả đại thần Tề Nhĩ Cáp Lang cũng có lời bàn tán. Sau khi Đa Nhĩ Cỗn biết, ông ta nói với Trang phi, để bà ra chỉ lệnh cử Tề Nhĩ Cáp Lang đi đánh Sơn Hải quan cho xa.

Trang phi là người rất thông minh, những chuyện không đúng đắn giữa bà và Đa Nhĩ Cỗn, là do Cỗn ép bà hay bà tự nguyện, hay là do cả hai, khó mà nói rõ. Mà thực ra, ngay cả ngày nay cũng khó nói được rõ ràng về những chuyện như thế. Nhưng có điều rất rõ là Đa Nhĩ Cỗn thì háo sắc mà Trang phi thì trẻ đẹp, lại thông minh tài giỏi. Những chuyện ham muốn của Đa Nhĩ Cỗn là có thể lắm. Sự háo sắc tới mức trơ tráo của Cỗn còn có thể chứng minh bằng một chuyện khác.

Một lần, tại chỗ Trang phi, Đa Nhĩ Cỗn gặp một người đàn bà xinh đẹp không kém gì Trang phi, Cỗn ham muốn lắm. Về nhà hỏi ra mới biết đó là phúc tấn^(*) của Tiêu vương Hào Cách con trưởng của Hoàng Thái Cực. Từ đó, Đa Nhĩ Cỗn đâm mê người đàn bà ấy, về sau, Cỗn làm cho Hào Cách chết ở trong ngục, đem phúc tấn của Hào Cách về làm phi. Nhưng chẳng bao lâu lại mê hai cô công chúa của Triều Tiên, bỏ rơi luôn bà phúc tấn, mặc cho bà muốn làm gì thì làm. Từ chuyện này mà suy ra, việc Đa Nhĩ Cỗn tấn công Trang phi là có thể lắm.

Tình hình như vậy, thái độ Trang phi ra sao? Với sự thông minh của mình, bà ta biết những chuyện không đúng đắn của

(*) Phúc tấn: tên gọi vợ cả của quý tộc Mãn Thanh (N.D.)

bà ta và Cồn sẽ ảnh hưởng đến thân phận và danh tiếng bà ta như thế nào. Nhưng nếu bà ta khuốc từ Đa Nhĩ Cồn, sợ vấn đề còn lớn hơn. Trang phi rất biết Đa Nhĩ Cồn là người tài, tính hiếu sắc là thiếu sót lớn nhất của Cồn, nếu biết mềm dẻo, có thể dễ lời kéo Cồn, dùng ông ta để khống chế quyền lực, ngôi vua của Thuận Trị và ngôi thái hậu của mình mới ngồi được vững và dần được củng cố. Có lẽ Trang Phi nghĩ như vậy, mới "hoà thân" với Đa Nhĩ Cồn.

Dương nhiên Trang phi còn xuân, Đa Nhĩ Cồn thì đầy nhiệt huyết nhưng không chỉ vì thế mà xảy ra chuyện quan hệ, đó chỉ là nguyên nhân thứ yếu, hoặc căn bản không phải là nguyên nhân. Trong lịch sử Trung Quốc, nữ hoàng Võ Tắc Thiên và con gái bà công chúa Thái Bình và nhiều hoàng hậu công chúa khác từng đã có nhiều thủ đoạn, nhưng cơ bản không có chuyện lằng nhằng về tình cảm, nguyên nhân căn bản là quyền lực của họ đã ổn định, không cần phải dùng "mỹ nhân kế" để củng cố địa vị thống trị. Thậm chí họ còn tránh xa quyền thần, để đám quyền thần không biết được cuộc sống riêng cũng như các bí mật khác của họ để nắm lấy đó mà đá kích lại.

Từ đó có thể thấy được nguyên nhân cơ bản của quan hệ giữa Trang phi và Đa Nhĩ Cồn là do nhu cầu bảo vệ quyền lực.

Đa Nhĩ Cồn về sau lập được nhiều chiến công hiển hách, nhất là đã chiêu hàng được tổng binh Ngô Tam Quế ở Sơn

Hải Quan triều Minh, và đánh bại được quân của Lý Tự Thành.

Quân khởi nghĩa nông dân Lý Tự Thành đánh được Bắc Kinh, tịch thu gia sản của tổng binh Ngô Tam Quế, cướp đi ái thiếp của ông là Trần Viên Viên. Ngô Tam Quế biết giận lắm, cự tuyệt đầu hàng Lý Tự Thành. Nhà thơ lớn Ngô Mai Thôn viết trong "Viên Viên Khúc" rằng:

*Cả nhà xương trắng thành tro bụi.
Một phận hồng nhan cũng chẳng còn.
Sáu quân xô trắng cùng thương khóc.
Khí uất xung quan xót hồng nhan.*

Ngô Tam Quế chạy tới Đa Nhĩ Cốc, cắt tóc xin thề theo quân Mãn Thanh. Lúc này quân Lý Tự Thành cũng tới Sơn Hải Quan đang lập trận giữa một bên là núi một bên là biển, đề chuẩn bị quyết chiến với Ngô Tam Quế, Đa Nhĩ Cốc để Ngô Tam Quế ra trận trước, còn mình đứng ngựa đứng xem. Ngô Tam Quế tự mình xông trận, đánh nhau với quân của Lý Tự Thành được hơn chục hiệp thì bị bao vây chặt. Đúng lúc đó một trận cuồng phong ập tới, Đa Nhĩ Cốc thấy Ngô Tam Quế sắp thua, bên thúc hàng vạn thiết kỵ từ hai bên xông ra. Lý Tự Thành hoảng sợ, vì ông ta không ngờ là quân Mãn Thanh tham chiến, vội vã xuống đài chỉ huy, cho lệnh rút lui. Quân Lý Tự Thành thua to, được Ngô Tam Quế dẫn đường, quân Mãn Thanh chính thức chiếm lĩnh Trung Quốc định đô

ở Bắc Kinh. Thuận trị là hoàng đế đầu tiên sau khi người Mãn Thanh chiếm Trung Quốc.

Sau khi xâm lược Trung Quốc, thế lực Đa Nhĩ Cổn càng lớn. Trong cuộc chiến đấu với quân khởi nghĩa Lý Tự Thành và tiêu diệt các lực lượng còn lại của triều Minh, Đa Nhĩ Cổn đã tỏ rõ tài chỉ huy của mình, điều binh khiển tướng, lần lượt hạ các thành trì của nhà Minh, quân đội tiến dần xuống miền nam. Lúc này con trưởng của Hoàng Thái Cực là Hào Cách đã chết ở trong ngục. Đa Nhĩ Cổn bèn sớm tối quần quật với phúc tấn của Hào Cách. Phúc tấn của Hào Cách là cháu dâu của Đa Nhĩ Cổn, nhưng ông ta hết sức "giải phóng tư tưởng", chẳng kiêng tránh gì, một thời gian bị dư luận làm âm ỉ.

Lúc này, mấy người con có quyền lực của Nurkhachi đều đã chết bệnh hoặc chết trận, hoàng thái hậu Hiếu Đoan cũng băng hà. Lúc thường, Trang phi và Hiếu Đoan thái hậu đều là hoàng thái hậu, nhưng vẫn có trên dưới, một người là cả, một người là thú, nên muốn chuyên quyền cũng còn phải e né. Cũng may là Hiếu Đoan ít hỏi việc triều chính, nên Trang phi cũng an tâm. Bà Hiếu Đoan chết. Trang phi còn khiêng nề, mạnh dạn xử lý việc triều đình. Lúc này tình hình Đa Nhĩ Cổn cũng có thay đổi.

Nguyên vợ của Đa Nhĩ Cổn thấy ông ta bậy bạ cả với cháu dâu, thường hay làm âm ỉ với ông ta nhưng Đa Nhĩ Cổn chúng nào tạt nẩy, không hề cãi hỏi, bà nguyên phi giận lắm, lâu dần thành sinh bệnh rồi ốm chết.

Đa Nhĩ Cỗn lo xong việc tang, trắng trợn lấy luôn phúc tấn của Hào Cách làm vợ chính thức.

Trang phi biết rằng nếu cứ để tự nhiên, quan hệ giữa Đa Nhĩ Cỗn và mình sẽ khó giữ, đành phải dứt khoát, cho tiểu thái giám mời Đa Nhĩ Cỗn đến, cùng ông ta bàn tính nửa ngày, khi về Đa Nhĩ Cỗn tìm ngay Phạm Văn Trinh và các Đại thần lão thành có học vấn để bàn việc, họ nói nhỏ với nhau nửa ngày, chỉ thấy Đa Nhĩ Cỗn ngượng đỏ mặt, Phạm Văn Trinh thì chau mày, nhưng cuối cùng thì Phạm Văn Trinh cũng nghĩ ra được một kế giúp Đa Nhĩ Cỗn, Đa Nhĩ Cỗn mừng rỡ, nhờ họ lo liệu.

Phạm Văn Trinh cùng bọn viết một tờ tấu, đây có lẽ là tờ tấu kỳ quặc nhất trong lịch sử Trung Quốc, nội dung chính là để nhà vua gả chồng cho mẹ, đại khái như sau: Hoàng phụ (Đa Nhĩ Cỗn) vừa goá vợ, mà hoàng thái hậu thì góa bụa, cung thu tịch mịch, không hợp với cách hiếu trị thiên hạ của hoàng thượng. Theo kiến giải của ngu thần chúng tôi, nên để hoàng phụ và hoàng mẫu cùng ở một cung, để tỏ lòng hiếu kính của hoàng thượng.

Tờ tấu có một không hai này được đưa ra nội các thảo luận, mọi người đều biết thế lực Đa Nhĩ Cỗn rất lớn, hoàng thái hậu lại đồng ý, ai dám phản đối, thế là mọi người hòa theo.

Mùa đông năm 1649, Thuận Trị lên mười tuổi, ban một thánh chỉ gả chồng cho mẹ như sau:

"Ta từ ấu thơ đã lên ngôi hoàng đế, võ an Trung nguyên và các vùng nam bắc. Trong cung có hoàng thái hậu dạy dỗ, ra ngoài có hoàng phụ nhiếp chính phò giúp, mới kể thừa được sự nghiệp người xưa, không bị mất mát giữa chừng. Nay hoàng phụ và hoàng thái hậu đều sống đơn độc, buồn tẻ kém vui, hoàng phụ lại vừa mất vợ, ta cảm thấy vô cùng có lỗi. Các vương và đại thần đã nhất trí, nhiệt liệt tung hô, cho rằng hoàng phụ hoàng mẫu không nên sống riêng, mà nên sống chung, ta cũng tiện bái thăm. Ta suy đi tính lại, thấy rất hợp ý. Nay định ngày... tháng... năm..., sẽ cử hành hôn lễ cho hoàng phụ và hoàng mẫu, kính mời hoàng thúc, hoàng mẫu về ở chung với nhau. Mong bộ lễ gắng sức mình, không phụ lòng hiếu đạo trị thiên hạ của ta.

Nay chiếu".

Trong ngoài triều đình tập nập mấy ngày, hôm hôn lễ toàn thể đại thần đều đến bái mừng, rất náo nhiệt, như một tráng cử đầu tiên của người Mãn Thanh sau khi vào Trung Quốc.

Sau khi Trang phi và Đa Nhĩ Cổn kết hôn, họ cũng rất gần gũi, nhưng Đa Nhĩ Cổn vẫn không quên được cô cháu dâu, thỉnh thoảng lên lút qua lại, khi bị Trang phi vặn hỏi, Đa Nhĩ Cổn không dám giấu. Lại thay, Trang Phi nghiêm nhiên cho Đa Nhĩ Cổn đem phúc tấn của Hào Cách về làm phúc tấn thứ. Sự hiền đức của Trang phi, khiến mọi người cảm động.

Về sau Đa Nhĩ Cổn lại sủng ái hai công chúa Triều Tiên, thường ra ngoài đó sẵn, cho hai công chúa Triều tiên đi cùng,

rất lâu mới trở về cung. Bà phúc tấn thứ bị bỏ rơi thường la rầy Đa Nhĩ Cổn, nhưng ông ta vẫn quen thói có mới nới cũ, lo bà đi. Còn với Trang phi, Đa Nhĩ Cổn tìm cách lấp liếm, lệnh cho các thái giám, nữ tỳ không được cho Trang phi biết chuyện.

Chẳng bao lâu, Đa Nhĩ Cổn do chơi bời quá độ, một lần đi săn bị nôn ra máu, ít lâu thì chết.

Sau khi Đa Nhĩ Cổn chết, những đại thần lúc thường oán Đa Nhĩ Cổn, bây giờ mới thừa dịp đả kích ông ta. Mọi đầu Trang phi còn bao che cho Cổn, sau các đại thần biết vua Thuận Trị cũng có điều oán Cổn, bèn mạnh dạn tố cáo, nói chuyện Cổn sủng ái công chúa Triều Tiên cho Trang phi nghe. Trang phi giận lắm, giờ mới vỡ lẽ Đa Nhĩ Cổn hay đi săn là vì như vậy. Bà giận nói: "Nếu thế thì ông ta chết quá muộn"

Đến lúc này, nhiều đại thần mới tố cáo tội trạng của Đa Nhĩ Cổn: nhận hối lộ, bức tử Hào Cách, dụ dỗ cháu dâu, tự chế ngự phục, tự tăng trữ châu báu của vua vv... Thuận Trị hạ chiếu diệt trừ phe đảng của Đa Nhĩ Cổn, tước lại những phong tặng cho gia đình Cổn trước đây.

Thuận Trị đã nhờ sự chở che của mẹ, mà ngồi vững trên ngôi vua, và trưởng thành như vậy. Tuổi thiếu niên của Thuận Trị cũng trôi qua trong sự lo sợ nơm nớp đối với thế lực của ông chú như vậy. Dù người Mãn Thanh coi việc em chồng lấy

chị dâu cũng chẳng có gì quan trọng, nhưng Thuận Trị vẫn cảm thấy bị xỉ nhục. Những hành vi sau này của ông và việc ông kết liễu cuộc đời của mình ở tuổi hai lăm (có người nói là ông đi tu) không liên quan gì đến những gì ông trải qua trong thời niên thiếu.

Để duy trì sự ổn định của triều đình và sự vững chắc của ngôi hoàng đế của Thuận Trị, cách làm của Trang phi cũng không phải là không có tác dụng. Bà nắm được đặc điểm của Đa Nhĩ Cổn, điều khiển được Cổn từ đầu đến cuối. Cuối cùng Cổn chết do chơi hời quá độ, cách nhìn của Trang phi với Cổn là rất đúng. Dùng cách như vậy để khống chế con người như vậy là phải lắm. Sau khi Đa Nhĩ Cổn chết, Thuận Trị đã trưởng thành, quyền lực không bị nằm trong tay đại thần nào, tập đoàn thống trị Mãn Thanh được vững vàng. Đa Nhĩ Cổn trước sau không thoán quyền, là một nhân quan trọng để nhà Thanh thống nhất Trung Quốc.

Xưa nay "hòa thân", đều là gả con gái cho đối phương, nhưng ở đây Trang phi không có con gái, mà nếu có con gái thì cũng chẳng có lợi gì, Trang phi đành tự gán thân mình. Từ địa vị tôn kính hoàng thái hậu gửi mình cho đại thần, nổi uẩn khúc đó biết bình luận sao đây?

Hoàng thái hậu lấy Đa Nhĩ Cổn, sử nhà Thanh không chép, nhưng sự thực là như vậy, không thể nói tránh. Theo phong tục Mãn Thanh, chuyện đó chẳng lạ, nên không cần nói tránh. Điều chúng ta cần nhìn ra là để bảo vệ quyền lực

của mình, người Trung Quốc xưa kia có nhiều phương sách quá, những phương sách ấy, kỳ diệu quá, phong phú quá. Đằng sau những biện pháp đó, có ẩn tàng hay chẳng một khía cạnh của quan niệm truyền thống Trung Quốc: quyền lực cao hơn tất cả?

MỤC LỤC

	Trang
<i>Phần thứ ba: Vận trí</i>	
35. Không đánh mà thắng	8
36. Thất bại vì bạn với lang sói	22
37. Tài ứng phó linh hoạt khi gặp nạn	35
38. Nhà chính trị tài ba vì mưu sâu mà bị tuần táng	52
39. Trung thần làm cừu non thế mạng	72
40. Ông vua sáng suốt mà cuối đời lú lẫn	89
41. Văn nhân xưa nay vốn kiên cường	105
42. Ngụy Trung, vị lương thần khéo trung	126
43. Vị Thái Bình tế tướng trung nghĩa tận tụy	150
44. Danh nhân muôn thuở không biết dùng mưu	171
45. Mã Hoàng hậu giỏi phò tá	193
46. Tế tướng khai quốc không giữ thủy chung	214
47. Anh hùng dân tộc bị từng xẻo	232
48. Biết trọng người sẽ có được kẻ sĩ dám xả thân	255
49. Ứng biến linh hoạt	273
50. Trăm thủ biết, biết người là trên hết	288
51. Dự báo chính trị thấu đáo	308

Phần thứ tư: Bày mưu

52. Chẳng kể Nam Bắc Tây Đông quý hồ làm quan là được	333
53. Tấn Văn công lùi để tiến mà nên nghiệp bá	349
54. Kế mỹ nhân hay nhất từ xưa đến nay	366
55. Kế phản gián hay nhất từ xưa đến nay	385
56. Bê bối cung đình và âm mưu thoán quyền	402
57. Một đời danh thần giỏi lo việc nước vụng lo việc nhà	417
58. Gieo giống rồng nở bọ chó	439
59. Tàn cục của "Tuống quân hồng hách"	462
60. Một âm mưu tạo nên một ông vua sáng suốt	480
61. "Tể tướng" Đồng Quán	504
62. Mưu kế hay nhất	519
63. Đại gian thần vô công, vô đức, vô tài mà vẫn thâu tóm được quyền hành	547
64. Vị kì nhân khai quốc của triều Minh	570
65. Thái giám đặc vụ Uông Trục	590
66. "Hoàng đế lập địa" Lưu Cần	606
67. Hoàng đế nhỏ tuổi mưu trí tuyệt vời	625
68. Hoàng thái hậu kết hôn với đại thần để củng cố quyền lực	643

Quyền trí Trung Hoa

Tập II

Chịu trách nhiệm xuất bản
QUANG HUY

Biên tập:	XẮP HI
Sửa bản in:	XẮP HI
Vẽ bìa:	VĂN SÁNG

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Xí nghiệp in 15, cơ sở 2
Phạm Ngũ Lão Hà Nội. Giấy đăng ký xuất bản số 654/CXB
01/VHTT cấp ngày 30/9/1997. In xong và nộp lưu chiểu tháng
10/1997.

QUYỀN TRÍ TRUNG HÒA